

ẤN QUANG PHÁP SƯ
VĂN SAO TỤC BIÊN
QUYỂN II

Hán văn: Đại sư Ấn Quang
Chuyển ngữ: Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa
Giảo chánh: Minh Tiến & Huệ Trang

MỤC LỤC QUYỂN II

125. Thư trả lời cư sĩ Kim Ích Bình (hai lá thư)	5
126. Thư trả lời ba vị cư sĩ Tổng Lục Trạm, Trữ Liên Tịnh và Trương Tử Tịnh	7
127. Thư trả lời Phật học xã Thiếu Niên thuộc Phật học hội Vô Tích	8
128. Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường (bốn lá thư)	10
129. Thư trả lời tiên sinh Phí Phạm Cửu	13
130. Thư trả lời cư sĩ Huệ Đạo (tức Dương Hán Công)	13
131. Thư trả lời cư sĩ Ông Trí Kỳ (vốn tên là Triệu Kỳ - hai lá thư)	14
132. Thư trả lời cư sĩ Huệ Long	15
133. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Phi Kham	16
134. Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Đạo	17
135. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Xương (vốn có tên là Tự Xương - ba lá thư)	18
136. Thư trả lời cư sĩ X...	22
137. Thư trả lời cư sĩ Trương Giác Minh (hai lá thư)	25
138. Thư gởi hai vợ chồng ông X... (hai lá thư)	28
139. Thư gởi nữ sĩ Ngô Huệ Đức	32
140. Thư trả lời đại sư Tế Thiện	33
141. Thư trả lời Trần Huệ Cung và Tôn Huệ Giáp	35
142. Trả lời thư cư sĩ niệm Phật	35
143. Thư gởi nữ sĩ Hoàng Châu Phước Thuận	56
144. Thư gởi nữ sĩ Chu Phước Uyên	57
145. Thư gởi cư sĩ Chu Pháp Lợi (ba lá thư)	57
146. Thư trả lời cư sĩ Tăng Di Chi	61
147. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương	62
148. Thư trả lời cư sĩ Lưu Huệ Dân (năm lá thư)	64
149. Thư trả lời đại sư Thiện Giác	66
150. Thư trả lời cư sĩ Tổng Huệ Trạm	69
151. Thư trả lời cư sĩ Tào Bội Linh	70
152. Thư gởi hòa thượng Quảng Huệ	71
153. Thư gởi cư sĩ Hồ Tử Hốt	84
154. Thư trả lời cư sĩ Dương Vĩ Chương	85
155. Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh	86
156. Thư trả lời thầy Tu Tịnh	90
Phụ lục: Nhất Thừa Quyết Nghi Luận Thuyết của thiền sư Triệt Ngộ	92
II. TỰ'	94
1. Lời tựa cho sách Văn Hồi Thế Đạo Nhân Tâm Cùng Trị Cả Gốc Lăn Ngon	94
2. Lời tựa tái bản Tịnh Độ Ngũ Kinh	98
3. Lời tựa trình bày duyên khởi của việc in kèm phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm vào sau Tịnh Độ Ngũ Kinh	100
4. Lời tựa tái bản lưu thông sách Tâm Kinh Thiêm Túc	102
5. Lời tựa lưu thông kinh Địa Tạng in theo lối thạch bản	103
6. Lời tựa cho sách Phạm Võng Kinh Bồ-tát Giới Tập Chứng	105
7. Lời tựa cho sách Phổ Môn Phẩm Giảng Nghĩa	110
8. Lời tựa cho ấn bản kinh Đại Phật Đảnh Thủ-lăng-nghiêm được viết theo lối chữ khải để tặng đại chúng đọc tụng	112

9. Lời tựa cho bộ Tịnh Độ Tập Yếu	115
10. Lời tựa sách Niệm Phật Tam-muội Bảo Vương Luận Sớ	117
11. Lời tựa cho bộ Di-đà Thánh Điển	119
12. Lời tựa sách Tịnh Độ Tập Yếu	121
13. Lời tựa cho bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ	123
14. Lời tựa sách Cảm Ứng Thiên Trực Giảng	125
15. Lời tựa sách Sức Chung Tân Lương	127
16. Lời tựa bộ Tân Biên Quán Âm Linh Cảm Lục	129
17. Lời tựa cho Địa Tạng Bồ-tát Bồn Tích Linh Cảm Lục	131
18. Lời tựa sách Quán Âm Cảm Ứng Khóa	132
19. Lời tựa cho bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục	133
20. Lời tựa cho sách Trùng Đỉnh Tây Phương Công Cứ	135
21. Lời tựa cho bộ Phổ Đà Lạc Già Tân Chí	136
22. Lời tựa cho bản tu chỉnh Thanh Lương Sơn Chí	139
23. Lời tựa bản tu chỉnh Nga Mi Sơn Chí	142
24. Lời tựa tu chỉnh Cửu Hoa Sơn Chí	151
25. Lời tựa cho cuốn Nhật Tụng Kinh Chú Tuyền Lục	157
26. Lời tựa sách Tịnh Độ Thiên	158
27. Lời tựa cho bản in gộp chung hai sách Tịnh Độ Vấn Biện và Công Quả Cách	160
28. Lời tựa cho bộ Giác Hậu Biên	161
29. Lời tựa sách Học Phật Thiển Thuyết	163
30. Lời tựa lưu thông cho bản in gộp chung hai sách Phật Tổ Tâm Đăng và Thiền Tịnh Song Úc	165
31. Lời tựa cho tác phẩm Chánh Học Khải Mông Tam Tự Tụng Tề Chú	167
32. Lời tựa cho tác phẩm Chánh Học Khải Mông Tam Tự Tụng Du Chú	170
33. Lời tựa cho bộ Tấn Liên Tông Sơ Tổ Lô Sơn Huệ Viễn Pháp Sư Văn Sao	173
34. Lời tựa bộ Vệ Sinh Tập	176
35. Lời tựa cho bộ Chánh Tín Lục của cư sĩ La Lưỡng Phong	178
36. Lời tựa nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của sách Khuyến Thế Bạch Thoại Văn	180
37. Lời tựa tái bản hai thiên sách Đạt Sanh và Phước Ấu	181
38. Lời tựa cho sách tường trình hoạt động cứu trợ lũ lụt của hội Cứu Trợ Từ Thiện tỉnh Giang Tô	184
39. Lời tựa cho sách Con Đường Đạt Đến Quang Minh	187
40. Lời tựa cho bộ Dương Tiêu Sơn Tiên Sinh Ngôn Hạnh Lục	188
41. Lời tựa tái bản bộ Hoàn Cầu Danh Nhân Đức Dục Bảo Giám	191
42. Lời tựa cho sách Phật Học Cứu Kiếp Biên	193
43. Lời tựa cho bộ Vụ Bản Tùng Đàm	198
44. Lời tựa duyên khởi cho Phật Giáo Tây Phương Liên Hoa Hội ở Côn Sơn	200
45. Lời tựa cho Bồi Độ Trai Văn Tập	201
46. Lời tựa cho bản in gộp chung Phóng Sanh Sát Sanh Hiện Báo Lục và các bài văn khuyến kiêng giết phóng sanh	203
47. Lời tựa cho bộ Viên Anh Pháp Vựng	205
48. Lời tựa cho viện mồ côi của hội Phật giáo Thượng Hải	206
49. Bài tụng và lời tựa nêu bày ý nghĩa ẩn kín nhân dịp khánh thành công trình xây dựng thêm nhà cửa cho viện mồ côi của hội Phật giáo thành phố Thượng Hải	207
50. Lời tựa cho bộ Đạo Đức Tùng Thư	209

51. Lời tựa nêu duyên khởi in cuốn Khuê Phạm theo lối thạch bản	211
52. Lời tựa trình bày duyên khởi của liên xã Tịnh Niệm tại trấn Hợp Hưng, thành phố Phụ Ninh	213
53. Lời tựa cho sách Niệm Phật Khẩn Từ	215
54. Lời tựa cho tác phẩm Kỷ Văn Đạt Công Bút Ký Trích Yếu (Trích yếu bút ký của ông Kỷ Quân)	217
55. Lời tựa lưu thông sách Lịch Triều Danh Họa Quán Âm Thánh Tượng Kha La Bản Ấn	219
56. Lời tựa cho bộ Phóng Sanh Trung Tín Lục của chùa Pháp Vân	222
57. Lời tựa cho bài Ca Tụng Kinh Vô Lượng Thọ	224
58. Lời tựa cho bài ký “Địa Tạng Bồ-tát cứu mẹ trong kiếp xưa”	225
59. Lời tựa cho nghi thức niệm tụng của đạo tràng chuyên tu Tịnh độ Linh Nham Sơn Tự	227
60. Lời tựa cho cuốn Vạn Niên Bạ của Linh Nham Sơn Tự	228
61. Lời tựa cho Linh Nham Khai Thị Pháp Ngữ	230
62. Lời tựa cho Đại tạng kinh bản Tích Sa đời Tống được in theo lối ảnh ấn	234
63. Đề từ và lời tựa cho bộ Gia Ngôn Lục	238
64. Lời tựa cho cuốn Thích Môn Pháp Giới Lục	242

QUYỂN II

125. Thư trả lời cư sĩ Kim Ích Bình (hai lá thư)

1. Muốn quy y Phật pháp, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, cần phải nên gắng sức trọn hết đạo luân thường. Nếu chẳng thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, vậy thì căn bản đã khiếm khuyết, chẳng tương ứng với Phật, làm sao có thể được Phật rủ lòng từ tiếp dẫn hồng mang nghiệp vãng sanh? Vì vậy phải nên hiếu với cha mẹ, kính bậc tôn trưởng, đối với anh em trai, chị em gái, vợ chồng, chủ tớ mỗi mỗi đều phải trọn hết chức trách bốn phận của chính mình. Đối với những điều đã được đề cao đều trọn hết chức trách bốn phận thì chính là hiền nhân, thiện nhân trong thế gian. Người hiền thiện niệm Phật sẽ dễ cảm được Phật. Muốn liễu sanh tử, chẳng thể không chú ý đến luân thường.

Lại phải nên dựa theo những gì kinh điển Tịnh độ đã dạy để sanh lòng tin, phát nguyện, chuyên tâm niệm Phật, quyết định sanh về Tây Phương ngay trong đời này, trọn chẳng khởi tâm cầu phước báo trời người trong đời sau. Phật xem hết thấy chúng sanh như con một, hãy nên kiêng giết, ăn chay, yêu tiếc sanh mạng loài vật, dùng điều này để tự hành, lại còn dạy người. Phạm trong gia đình, cha mẹ, anh em trai, chị em gái, thê thiếp, con cái, ngoài là xóm giềng, làng nước, thân thích, bằng hữu đều nên nói cho họ biết về lợi ích niệm Phật: Đời này tiêu trừ tai chướng, tăng trưởng phước thọ, mạng chung sẽ được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Gần đây thế đạo loạn đến tột cùng, phạm những ai tin Phật, niệm Phật thường gặp dữ hóa lành. Họa hoạn hiện thời có tránh cũng không thể tránh được, có ngừa cũng không thể ngừa. Nếu có thể chí thành niệm Phật thì sẽ âm thầm chẳng gặp phải tai họa. Có lợi ích to lớn như vậy, nữ nào chẳng cho cha mẹ, anh em v.v. của ta và hàng xóm, láng giềng v.v. biết đến ư? Nhưng muốn cảm hóa người khác thì chính mình phải thật hành mới được. Nếu chính mình tuy niệm Phật, nhưng đối với chuyện giữ vẹn luân thường, tận hết bốn phận, suy nghĩ, xử sự phần nhiều chẳng đến nơi đến chốn, sẽ khó thể cảm thông.

Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Thành, tông là chủ, thành là chân thật, nếu đối với mỗi chuyện ông đều có thể lấy chân thành làm chủ thì lâu ngày chầy tháng

ai nấy đều nhìn theo bắt chước nhau làm lành, đấy gọi là “*thành chi sở chí, kim thạch vị khai*” (lòng thành đến cùng cực, sắt đá cũng cảm động), huống gì là người đồng loại ư? Hãy nên thường xem Di-đà Kinh Bạch Thoại Giải¹, Gia Ngôn Lục, Cảm Ứng Thiên Trục Giảng. Từ nhỏ đã dạy cho con cái thường đọc Cảm Ứng Thiên, bài văn này mỗi ngày đọc dăm ba lượt, tối thiểu phải đọc một lần. Đọc suốt cả một đời này, lại đọc sách Trục Giảng, hành theo đó sẽ tự có thể dự vào bậc chánh nhân quân tử.

Quang già rồi, chẳng nên thường gửi thư đến nữa. Muốn xem những sách nào, hãy thỉnh từ Hoàng Hóa Xã, đừng thuận tiện gửi thư cho tôi. Ông chịu hành theo Gia Ngôn Lục, Văn Sao v.v. thì cần gì một hai bức thư nữa? Mùa đông năm ngoái đã in ba toa thuốc cai thuốc phiện, cực linh nghiệm, còn toa thuốc trị bệnh sốt rét chẳng tốn một phân tiền mà không ai chẳng trị được lành, nay gửi kèm ba trang theo thư, xin hãy bảo với hết thầy mọi người ngõ hầu con quý gây bệnh sốt rét chẳng làm khó người ta nữa thì lợi ích lớn lao thay!

2. Đã biết hổ thẹn sám hối, có sao vẫn hành động y như cũ, ác chẳng thấy giảm, thiện chẳng thấy tăng vậy? Không có chi khác cả, vì tâm chẳng chí thành vậy! Nếu tâm lấy chí thành làm chủ, lẽ nào biết rồi mà vẫn có phạm? Biết mà tâm vẫn có phạm là vì tâm thật ra chẳng có lòng thành khẩn, quyết định đổi lối hướng thiện mà ra. Chính ông đã muốn làm hiền nhân, thiện nhân thì tự có thể xa lìa tập khí ác. Kẻ chẳng thể xa lìa là vì tâm chẳng quyết định, nếu hời hợt, chơi vui, chần chừ, khinh mạn sẽ khó tránh khỏi quay về đường cũ.

Từ rày đừng gửi thư đến nữa, ông chẳng chịu chân thật khắc phục, trừ khử lòng riêng tư của chính mình, dù tôi khai thị, rốt cuộc có ích lợi chi đâu? Nếu ông chịu sốt sắng tự suy xét tội lỗi của chính mình, cần chi tôi phải nói nhiều? Nội hai chữ Tông Thành đã bao quát sạch cả rồi! Con người nếu tâm không hư ngụy, chắc chắn chẳng đến nỗi không chịu sửa lỗi hướng lành. Ví như ta thật sự biết kẻ nào muốn hại ta, dù hắn có lắm lời ngon lẽ ngọt dụ dỗ, chắc chắn chẳng để hắn gạt rồi giao phó tánh mạng của ta. Chịu bị lừa chính là kẻ chẳng biết tốt xấu. Đã có kẻ dối đầu lớn lao liên quan đến tánh mạng, sao còn chịu để cho hắn lừa? Đấy gọi là “cầu người

¹ A-di-đà Kinh Bạch Thoại Giải Thích là tác phẩm của ông Hoàng Hàm Chi (tự Khánh Lan, pháp danh Trí Hải), nhằm chú thích những chữ khó trong kinh và dùng lối văn bạch thoại “diễn tả” ý nghĩa của những câu kinh vốn được viết bằng cổ văn để người ít thông hiểu cổ văn vẫn có thể hiểu được ý nghĩa của kinh văn. Cụ Hoàng Trí Hải viết rất nhiều cuốn Bạch Thoại Giải Thích cho các kinh Tịnh độ.

khác nói ra phương cách mầu nhiệm để bảo vệ thân mạng cho ông” nào có ích gì đâu? Vì thế chẳng muốn nhiều lượt nói dông dài với ông.

126. Thư trả lời ba vị cư sĩ Tổng Lục Trạm, Trữ Liên Tịnh và Trương Tử Tịnh

(Năm Dân Quốc 17 - 1928)

Đời loạn tốt bậc chẳng kham nói nổi! Xét đến nguồn cội, nguyên nhân gần là trong vòng 110 năm gần đây, hết thấy những kẻ đọc sách làm quan chỉ biết tập luyện cử nghiệp², cầu công danh, chẳng biết đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục gia đình. Nếu luận đến cái nhân xa thì quả thật là do họ Trình, họ Chu đả phá, bài xích nhân quả báo ứng và sanh tử luân hồi mà ra. Do trợn chẳng được gia đình khéo dạy, lại chẳng biết con người vì sao làm người, lại quen nghe nói “chết là diệt mất, trợn chẳng có đời trước, đời sau”, nên vừa gặp gió Âu thổi tới, cảm thấy thuyết “phế bỏ lòng hiếu, phế trừ luân thường, không hổ thẹn” ấy tự tại vô ngại lắm, bèn nhất trí tiến hành. Tạo ra căn bản gây lầm lạc cho con người không thể không quy tội về các vị bên Lý học. Quang nói lời này đích xác tốt bậc, biện định tốt cùng, chứ chẳng phải nói bừa đâu!

Phương kế lúc này là phải sốt sắng đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi và giáo dục trong gia đình, nhưng giáo dục trong gia đình lại càng cần phải chú trọng đến nhân quả báo ứng. Hai pháp này duy trì lẫn nhau thì mới có thể làm cho con cháu sau này chẳng đến nỗi mấy chốc sống như loài thú. Nếu không, dù có giáo dục cũng khó thể giữ cho chúng nó chẳng bị xoay chuyển bởi thói tà. Nói đến các phương pháp tu trì niệm Phật thì trong Văn Sao đã có nêu đủ. Nếu nói rõ sẽ rất tốn bút mực, dù trong thư này có giảng cặn kẽ thì cũng vẫn là những điều như trong Văn Sao đã nói.

Nay tôi gởi cho các ông Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Gia Ngôn Lục, Di-đà Bạch Thoại Giải, Quán Âm Bồ Tát Tích Tụng, Cảm Ứng Thiên Trục Giảng, Thọ Khang Bảo

² Cử nghiệp là lối học chỉ nhằm mục đích thi đậu ra làm quan, chú trọng luyện tập văn chương sao cho phù hợp với yêu cầu làm bài thi như văn sách, chiếu, biểu, thơ, phú v.v., chứ không chú trọng hiểu ý nghĩa giáo dục của thánh hiền để tu dưỡng bản thân.

Giám, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, Khuê Phạm³ v.v. mỗi thứ một phần. Nếu tôi có nhiều sách sẽ kết duyên, nhưng vì Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư đã gởi đi hết, còn chưa in ra sách mới. Gia Ngôn Lục một vạn cuốn đã gởi đi hết rồi, hai ba vạn cuốn đều chưa in thành sách, chẳng thể gởi nhiều. Do trong Gia Ngôn Lục đã chia thành từng đề tài khác biệt, nên đọc khá đỡ tốn tâm lực. Mong dùng đây để tự hành, dùng đây để dạy người thì chắc chắn sẽ đích thân được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử.

Nếu muốn tu trì tịnh nghiệp, phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phần, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, ăn chay, bảo vệ, quý tiếc sanh mạng loài vật, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Trong là cha mẹ, anh em trai, chị em gái, ngoài là thân thích, bằng hữu, xóm giềng, làng nước đều dùng điều này để kính khuyên. Bất luận họ có tin nhận hay không, chớ nên chẳng làm cho họ được một phen nghe biết.

Các ông đã muốn quy y thì nay đặt pháp danh cho mỗi người các ông: Tống Lục Trạm pháp danh là Huệ Trạm, Trữ Liên Tịnh pháp danh Huệ Tịnh, Trương Tử Tịnh pháp danh là Huệ Trừng. Nếu có thể đoạn trừ vọng tưởng, nhất tâm chánh niệm thì gọi là trạm (trong lặng), là tịnh, là trừng (lắng trong), đầy đều là những đức sẵn có trong tâm, chứ không phải từ bên ngoài mà có. Nếu tâm niệm trần lao thì những đức *trạm, tịnh, trừng* sẵn có sẽ bị vọng tưởng khuấy động, biến thành những tướng đục ngầu, bẩn thỉu, ô uế. Đầu tháng 3 năm sau Quang sẽ lại sang Thượng Hải để hoàn tất chuyện in sách. Sau mùa thu năm tới sẽ rời khỏi Phổ Đà, đi khắp Đông, Tây, Nam, Bắc để trốn nỗi cực nhọc thù tiếp thư từ. Ngàn phần xin đừng tới Phổ Đà, chỉ đọc kỹ Văn Sao, Gia Ngôn Lục còn hơn đích thân đến gặp mặt Quang nhiều lắm!

127. Thư trả lời Phật học xã Thiếu Niên thuộc Phật học hội Vô Tích

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Hôm qua nhận được thư và phương án nghiên cứu của quý xã, khôn ngăn hồ thẹn. Quang là một ông tăng tầm thường, chẳng có mảy may tri thức gì, chỉ biết học đòi ngu phụ ngu phụ lẽ bái, trì tụng để cầu mang nghiệp vắng sanh, sao có thể làm vị

³ Khuê Phạm là một tác phẩm do Lã Khôn biên soạn dưới thời Vạn Lịch nhà Minh, có nội dung hướng dẫn giáo dục phụ nữ bồi dưỡng đức hạnh, nêu gương hiền hiếu, giúp chồng dạy con, trọn hết bốn phần.

thầy chỉ đạo cho quý xã được? Còn về chương trình đơn giản, duyên khởi đã gọi lần trước, quả thật không biết đến chuyện ấy, chắc là do người trong chùa thầy Quang cự tuyệt hết thầy, hơn nữa cũng chẳng phải là chuyện khẩn yếu nên đã giao cho Bính Đình Đồng Tử⁴ thu nhận rồi cũng không chùng. Quang tuổi đã bảy mươi, tâm như trẻ nít vô tri, chỉ đợi kỳ hạn chết; ngoại trừ niệm Phật ra, không làm chi khác, hướng là dám nhận lãnh chức vị cao cả trong quý xã để điều trần ý nghĩa, tông chỉ kinh sách nghiên cứu hòng mọi người nương theo tu trì ư?

Tuy nhiên quý xã đã tưởng lầm gọi thư tới, tôi cũng chẳng thể không thừa trình sự hiểu biết của chính mình. Thiếu niên học Phật thì phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận (tức là thật hành hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ v.v.), dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tin sâu nhân quả và luân hồi, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều này để tự hành, lại dạy cho người khác. Hễ hành rồi mà vẫn còn thừa sức, sẽ nghiên cứu hết thầy kinh luận Đại thừa và những trước thuật của các bậc cổ đức Nho - Thích xưa nay. Lại phải hiểu biết, nắm được cương tông, dùng điều đó để hoằng dương sự giáo hóa của đức Phật, tiếp nối đạo của Phật, tổ, thánh hiền. Đây gọi là “do thực hành nên học rộng, do học rộng nên hiểu được điều cốt lõi”. Như thế thì chắc chắn sẽ được dự vào bậc thánh hiền trong đời này, lâm chung liền sanh vào cõi Cực Lạc.

Nếu chẳng chú trọng tận lực thực hành, chỉ mong biết nhiều thấy lắm, ắt sẽ đến nổi kiêu căng khinh thường mọi thứ, bài bác nhân quả. Người như thế thiên tư quả thật đủ để kế thừa người trước, mở đường cho người sau học theo, nhưng do bước đầu tiên chưa từng kiểm điểm thân tâm của chính mình, từ đây càng đi càng xa, sai chỉ hào ly, lạc đi ngàn dặm, rốt cuộc thành kẻ phá hoại đạo của Phật, tổ, thánh hiền. Đây chính là chuyện đáng thương xót nhất của những kẻ thông minh xưa nay. Chuyện này trong trăm người hết tám chín mươi kẻ mắc phải, khiến cho người khác phải đau lòng tuân lệ. Quang học vắn quẩn quanh, nhưng nếu chẳng đem sự từng trải bảy mươi năm dâng lên quý xã, một mai chết đi sẽ giống như sóng uông chết phí. Dùng một mảnh giấy này giải tỏ tấm lòng thành, may ra có thể giúp cho quý xã trong chuyện “kế thừa người xưa, mở mang đường lối cho người sau”. Cũng nhờ vào công mọn này, Quang được sanh về Tây Phương thì cũng là được thành tựu bởi

⁴ Theo Dịch Học, hai can Bính Đình trong Thiên Can thuộc về hành Hỏa. Do vậy, người ta thường gọi thân lửa là thân Bính Đình hay Bính Đình Đồng Tử.

quý xã, cảm kích biết dường nào? Trân trọng trao lại lời phó thác, nếu gởi thư đến nữa, quyết chẳng trả lời.

128. Thư trả lời cư sĩ Viên Đức Thường (bốn lá thư)

(Năm Dân Quốc 22 - 1933 và năm Dân Quốc 27 - 1938. Ông này vốn tên là Lê Đình)

1. Trước kia, ông do mê muối tạo nghiệp, may là xưa đã có thiện căn, nên do nhân duyên ác bèn được vào trong Phật pháp. Đây là sự may mắn không gì lớn bằng. Nay hãy nên tận lực làm chuyện lành, từ tâm địa thấu hiểu, chẳng để cho những ác niệm trước kia nẩy sanh nữa. Hãy nên giữ cho cái tâm niệm Phật và tâm tự lợi lợi tha chẳng hề bị gián đoạn thì sống sẽ là bậc thánh bậc hiền, mất đi trở về Cực Lạc Phật quốc. Đã đọc Văn Sao, hãy nên hành theo Văn Sao, cần gì cứ phải hành cho giống với người khác?

Còn như Đồng Thiện xã, đàn cầu cơ, tuy cũng mang tiếng là tu thiện, nhưng người học Phật chớ nên dính vào. Vì sao vậy? Sợ sẽ bị hiểu lầm, tưởng những gì do bọn chúng nói là Phật pháp chân truyền. Ví như mua đồ vật, chớ nên cứ dựa suông theo quảng cáo, cho đó là đúng, phải xét kỹ hàng hóa coi xem thật giả ra sao. Quang già rồi, tinh thần, mục lực, công phu đều chẳng đủ, lại còn bị chuyện tu chính ba bộ Sơn Chí của Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa bức bách khôn cùng, hãy nên đọc Văn Sao, đừng đến đất Tô, hễ tới chắc chắn sẽ phải than thở “gặp mặt chẳng bằng nghe tên vậy!”

2. Cơm Đại Bi chớ nên chặt nước. Nếu không quen nấu cơm ráo không chặt nước, hãy nên lấy nước cơm ấy để luộc rau, hoặc dùng làm nước uống. Phàm những ai nấu cơm chặt nước thì phải dùng nhiều nước, tốn nhiều củi. Chặt cốt của gạo đều nằm trong nước cơm, lại ngược ngạo vất đi, chỉ giữ lại xác gạo, bỏ đi chất bổ. Vừa tốn phước, vừa phí tiền, mà sức bồi dưỡng con người cũng ít. Đối với bệnh của mẹ và người em họ thứ hai của ông, đều nên dùng tâm đại Bồ-đề để cung cấp cho họ cơm rau Đại Bi suốt một tháng. Nếu bệnh họ thật sự lành sẽ gieo được đại thiện căn. Người em họ thứ hai của ông nếu hồi tâm chuyển niệm sẽ có thái độ khác hẳn.

Con người ai nấy đều có thiên lương, nhưng khởi tâm động niệm, cư xử hoàn toàn chẳng thuận theo đạo lý. Ông ta vẫn chê người khác chẳng tuân theo đạo lý, còn ông ta thì có đạo lý. Chỉ nội một niệm này đã là chỗ thiên lương phát hiện đấy!

Đáng tiếc là không ai chỉ điểm, lại chẳng phản tỉnh tự trách nên trở thành hạng cuồng ngu. Nếu chịu hồi tâm tự vấn, ắt sẽ hổ thẹn muốn chết, cảm thấy trong trời đất không có chỗ nào cho ta dung thân. Từ đây hằng ngày biết là sai trái, hằng ngày sửa lỗi, sẽ thành bậc thánh bậc hiền. Nếu lành được thân bệnh thì tâm bệnh sẽ dần dần lành. Hằng ngày ông hãy nên hồi hướng cho ông ta, cầu tam bảo gia bị. Lại nương vào từ lực của đức Quán Âm và diệu nghĩa của thần chú, ăn cơm Đại Bi suốt một tháng ắt sẽ có hiệu nghiệm dị kỳ. Nếu bệnh của mẹ và bệnh của người em họ của ông được lành, sẽ làm rạng rỡ tổ tông nhiều lắm. So với những kẻ được lên chức, được một tước quan, nhưng chẳng thể vì nước vì dân thì khác hẳn một trời một vực.

Tuy chẳng quen nấu cơm ráo không chất nước, nhưng lưu tâm làm thử sẽ tự biết cách. Đây cũng là tiếc phước, sống hợp dinh dưỡng nhiều lắm. Tại chùa Pháp Vũ ở Phổ Đà, vào năm Quang Tự mười mấy, một vị sư phạm đầu⁵ dù nấu cơm cho một hai trăm người ăn vẫn nấu cơm không chất nước. Trong mấy năm, vị ấy đã tiết kiệm củi lửa, mỗi ngày chỉ cần một hai gánh củi, lại nấu được nhiều cơm, cơm còn bồi bổ con người. Vị phạm đầu kế tiếp thường hay chất cả mấy thùng nước cơm, nước gần đầy thùng bèn đổ xuống cống ngầm. Nhà kho, khách đường, chấp sự đều chẳng hỏi đến. Đủ biết vị phạm đầu ấy mỗi năm đã phí phạm củi lửa, nước cơm của thường trụ, tội ấy lớn lắm! Mong hãy đem nghĩa này nói với hết thầy mọi người, đây cũng là chuyện quý tiếc củi lửa, ngũ cốc lớn lao vậy.

3. Mẹ ông ăn cơm Đại Bi đã có hiệu nghiệm, nhưng chưa đủ để lành bệnh thì hãy ăn thêm một tháng nữa, chuyện này hoàn toàn chẳng khó thực hiện. Nếu gạo ít thì chẳng ngại gì gọi ít, hễ thuận tiện lại gọi tiếp. Còn thái độ của người em thứ hai của ông đã trở thành lương thiện, quả thật là do lòng thành của ông cảm được tam bảo gia bị. Cổ nhân đã nói: *“Chí thành nhi bất động giả, vị chi hữu dã. Bất thành vị hữu năng động giả”* (Chí thành mà chẳng cảm động được thì là chuyện chưa hề có. Chẳng chí thành thì chưa hề có chuyện cảm động được). Ngày hôm nay vị đương gia mới trở về, đã đưa thư cho thầy ấy coi, ngày hôm sau nữa sẽ niệm Phật cho ông. Người già 70 tuổi mắc bệnh nơi chân đã lâu, chẳng thể gấp gáp mong cho lành ngay

⁵ Phạm đầu là một vị chức vị thuộc về thập vụ trong tông lâm, dưới quyền quản trị của vị điển tọa. Vị phạm đầu chuyên lo cơm cháo cho tăng chúng, cũng như chịu trách nhiệm đảm bảo cơm nước, củi lửa đầy đủ, nồi niêu sạch sẽ, bát đĩa tinh sạch.

được. Nếu ăn thêm một tháng nữa chắc có thể khỏi bệnh hoàn toàn. Dầu cho chẳng lành, cũng chớ nên nói “lòng thành chẳng có cảm ứng gì, Phật pháp chẳng linh!”

Đối với người em thứ hai của ông, càng phải nên dùng lòng thành để cảm, ngõ hầu tổ tông có được đưa con cháu tốt lành, vinh diệu chi bằng? Lời lẽ trong báo ở Vô Tích quá sức phô trương sáo rỗng, người quy y gần một vạn, há nên nói là mấy chục vạn? Dầu thật sự là mấy chục vạn cũng nên nói là mấy vạn thôi, để khỏi mắc họa bị tiểu nhân nghi kỵ. Cổ nhân có sự hàm dưỡng “tuy có mà như không, có thật mà như dối”, sao nhà báo lại quên tuốt, ngược ngạo phô phang thanh thế trông rỗng vậy? Từ rày đừng nên làm như thế nữa! Quang còn chưa lên đến huyện (huyện Cáp Dương, tỉnh Thiểm Tây) làm sao nhập học ở trường huyện cho được?

Vào trường học ở huyện hay không, nói chung chẳng khác gì nhau. Nhưng một đẳng thật, một đẳng giả, chỉ khiến cho người ta hổ thẹn không nơi lánh mình, có ích chi chẳng? Quang làm người trong cõi thế không lâu nữa đâu, một mai chết đi, muôn vàn chớ nên truyền bày điều ấy khiến cho người khác nghi ngờ, cười chê. Đối với cha mẹ, sư trưởng, Quang chẳng ghi chép một chữ, vì sợ bị hãm trong vực xoáy tiếng tăm hư vọng của con người hiện thời, chuốc lấy tiếng dị nghị của người khác. Chỉ mong chẳng nhục lây cha mẹ, coi đó là chuyện rạng danh cha mẹ. Huống chi người học Phật há có nên giống như trẻ nít ngoài đường ngoài chợ cầu xin khắp những người có danh vị tán tụng mới coi đó là hiếu hạnh ư?

4. Soạn bài kệ Hồi Hướng hay lắm, kẻ đứng bên ngoài ắt sẽ chê là viễn vông, nhưng thật ra nó tương ứng với tâm của bậc Đại sĩ, dễ được cảm thông. Ấy là vì người ta dùng sự hung ác, ta dùng lòng từ thiện, như nước diệt lửa, nhưng mặt trời làm tan băng. Nếu dùng tình kiến của chúng sanh để cầu đảo sẽ trái nghịch tâm của Đại sĩ, dầu có cảm thông nhưng nhỏ nhoi thôi! Bài kệ như sau: “*Nguyện thử tụng trì thắng công đức, tức mong Đại sĩ thù gia bị. Tiêu trừ tự tha tức hiện nghiệp. Tăng trưởng ngã nhân thắng thiện căn. Vĩnh kiếp hằng tôn Đại sĩ tâm, biến giới thường hành Đại sĩ sự. Tận vị lai tế tác nhiều ích, phổ linh hữu tình vô họa hại!*” (Nguyện do công đức trì tụng thù thắng này liền được Đại sĩ rủ lòng gia bị, tiêu trừ nghiệp trong hiện tại hay đời trước của ta và người, tăng trưởng thiện căn thù thắng cho ta và người. Bao kiếp luôn giữ tâm Đại sĩ, khắp mọi cõi thường làm chuyện của bậc Đại sĩ, đến cùng tận đời vị lai tạo sự lợi ích, khiến cho khắp mọi hữu tình chẳng bị họa hại.)

129. Thư trả lời tiên sinh Phí Phạm Cửu

Mấy hôm trước, thư ông được chuyển từ núi đến, biết tâm ông mộ đạo tha thiết, tu trì cẩn thận, khôn ngoan mừng rỡ, hâm mộ, nhưng do bận bịu công chuyện nơi đất Hổ (Thượng Hải), chưa thể trả lời ngay! Ngày hôm qua do có việc sang đất Hàng tạm được thông dong, liền viết đại khái. “Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu thập thiện nghiệp” là chánh nhân tịnh nghiệp của ba đời chư Phật. Ông đã hiếu thảo với cha mẹ, tiết kiệm, chất phác, ắt chẳng đến nỗi nhận tiền tài phi nghĩa, hạnh ấy tâm ấy khá hợp với Phật. Nếu lại còn dùng tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương ắt sẽ được như nguyện. Đã làm con người ta, làm cha người khác, hãy nên suy nghĩ ngọn nguồn rốt ráo tới đường lối khiến cho cha mẹ ta, con cái ta rốt ráo được an ổn, há chẳng tận lực khuyên lơn cha mẹ và con cái ta cùng tu tịnh nghiệp hay sao? Đây là luận theo phía người thân, nhưng hết thấy chúng sanh đều là Phật tử, ta đã biết rồi, nữ nào chẳng làm cho anh em trai, chị em gái, thân thích, xóm giềng, hết thấy những người tiếp xúc ai nấy đều được biết ư? Ông muốn quy y để mong vãng sanh, há chẳng phát ra hoàng thệ để hành sẵn cái đạo tùy phận tùy lực độ người hay sao?

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Mậu, nghĩa là dùng đại trí tuệ để hành đạo tự lợi lợi người. Cái đạo tự lợi lợi người vừa nói đó chính là bảo hết thấy mọi người đôn đốc luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ lòng ham muốn của chính mình để khôi phục cái lễ, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Trong Văn Sao đã nói nhiều lần, nay lại nói nữa, vì sợ có thể là chẳng chú ý, đến nỗi lầm lỡ bỏ qua. Do vậy chẳng ngại gì lại nói nữa. Hơn nữa, thế đạo hiện thời rối loạn, bày ra những chuyện chưa từng có, xét đến cội nguồn, nói chung là do trong gia đình không khéo dạy và chẳng giảng nhân quả báo ứng mà ra. Thiên hạ chẳng yên, thất phu thất phụ cùng có trách nhiệm! Chú trọng giáo dục trong gia đình và nhân quả báo ứng thì hiền tài tự nhiên sẽ khởi lên đông đảo, thiên hạ sẽ dần dần thái bình. Mong ông đối với hết thấy mọi người đều dùng lời lẽ này khẩn thiết bảo ban, đây cũng chính là đại sự “sống trong cõi trần học đạo (cư trần học đạo), tuy mình chưa đắc độ liền có thể độ được người” quan trọng nhất. Mong hãy sáng suốt xét soi thì may mắn lắm, những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không ghi chi tiết.

130. Thư trả lời cư sĩ Huệ Đạo (tức Dương Hán Công)

Thư ông đã nhận đủ cả, những chỗ ông trải qua đều được người tốt lành chiếu cố, chính là do tam bảo gia bị mà ra. Những đạo lý được nói ở cuối thư rất hay. Bí quyết “dùng sự khiêm tốn để thực hiện thành ý” nếu luận trên hạng thượng căn thì được, còn đối với hết thảy những người thượng, trung, hạ căn mà luận, hãy nên dùng trí tri, cách vật mới là lời luận định khế lý khế cơ tột cùng. Trí tri và cách vật theo kiểu họ Trình, họ Chu đã nói muôn vàn chẳng thể nương theo được, cần phải biết: Trí tri và cách vật chính là căn bản để mong thành thánh thành hiền, bởi tri kiến đã thiên lệch sẽ chẳng thể thành ý được. Tri kiến bị thiên lệch là do trong tâm có nhân dục (lòng ham muốn của con người) riêng tư, lệch lạc. Trừ khử được lòng nhân dục riêng tư, lệch lạc ấy thì tri kiến sẽ tự chánh. Tri kiến đã chánh thì ý sẽ thành, tâm sẽ chánh, tu được thân. Học vấn thật sự chẳng cần phải tỏ lộ nơi huyền diệu, chỉ cần làm cho hết thảy mọi người biết phải thực hiện nơi đâu, họ sẽ vui vẻ thuận theo (phần sau lược đi).

131. Thư trả lời cư sĩ Ông Trí Kỳ (vốn tên là Triệu Kỳ - hai lá thư)

1. Đã nhận được thư đủ cả. Chất độc của họ Âu, họ Hàn còn nhỏ, chất độc của họ Chu, họ Trình mới lớn, vì những nhà Lý học sau thời Trình - Chu, không một ai chẳng xem trộm kinh Phật, nhưng không một ai chẳng cực lực báng bỏ Phật pháp đến nỗi biến thành mối đại loạn này, đều là vì cái nhìn hạn cuộc nơi môn hộ của các vị tiên sinh ấy mà ra. Quang già rồi, chẳng thể viết khai thị cận kề được, nay gởi cho ông hai gói sách, nếu chịu lắng lòng đọc kỹ, sẽ không có mối nghi nào chẳng cởi gỡ được, có nguyện gì đều đạt được.

Điểm quan trọng trong việc học Phật là quý ở chỗ trọn hết luân lý, học Phật như thế sẽ là đệ tử thật sự của đức Phật. Nếu chẳng trọn hết luân lý thì chính là tội nhân trong Phật giáo. Đức Phật gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, thiện pháp thế gian đều chẳng bỏ sót chi, chỉ không chấp thuận cho con người luyện đan vận khí. Ngoại đạo trong thế gian ăn trộm kinh Phật để tự tạo kinh điển, ngược ngao báng bỏ Phật pháp, cho là pháp của chúng mới chính là pháp được truyền bởi Lục tổ, từ đây các hòa thượng đều chẳng có pháp nữa, pháp trở về tay người tại gia bọn chúng. Dối đời lừa dân, không chi hơn thế! Những điều khác đã được nói tường tận trong mỗi kinh sách, ở đây không viết cận kề. Ý nghĩa của pháp danh là Trí Kỳ được viết riêng trong tờ giấy khác. Từ rày chỉ nên dựa theo kinh để tu trì, đừng gởi thư đến nữa, vì tôi không có sức đề thù tiếp vậy.

2. Thư và bài viết tường thuật hành trạng đều nhận được đủ cả, nay đặt pháp danh cho Tịnh Nhân là Trí Nghi, nghĩa là trước đã niệm Phật, nay vãng sanh thấy đều hợp thời nghi. Bài tường thuật hành trạng nếu không phải là nói thêm thắt, Quang một mực chẳng ưa khen ngợi xằng bậy người khác, huống chi là đệ tử càng chẳng nên khen ngợi. Nay soạn một bài tụng đề ca ngợi sự lợi ích cao siêu, thù thắng của pháp môn Tịnh độ⁶ ngõ hầu người thấy nghe cùng sanh tịnh tín, cùng tu tịnh nghiệp, cùng sanh Tịnh độ. Dùng công đức này bồi đắp thêm cho Trí Nghi, ngõ hầu bà ta được cao thăng thượng phẩm, mau chứng Vô sanh, xin hãy sáng suốt suy xét. Cõi đời lại thường hay đem hình ảnh của người đã mất, cạy danh nhân viết bài ca tụng rồi in ra tặng cho người khác, người ta hoặc xem qua một lần hoặc chẳng đọc kỹ liền quăng vào trong đồng giấy vụn, người mất bị khinh lờn như thế, chẳng có ích gì cho ai! Chi bằng đem gởi cho bán nguyệt san Phật Học Thượng Hải để hết thấy mọi người đều được xem thì chẳng tốt hơn ư? Mong hãy châm chước lượng định rồi thực hiện.

132. Thư trả lời cư sĩ Huệ Long

(Năm Dân Quốc 21 - 1932)

Đã nhận được thư đầy đủ. Chuyện lánh nạn sang đất khác là hành vi của đại phú ông, tôi chỉ là một hòa thượng nghèo khó, làm sao có thể hể dự tính liền tránh né được ngay? Nếu như chiến tranh thật sự lan đến đất Tô, cũng không phải là nhất định không tránh né, tránh né cũng dễ thôi! Sao lại coi chuyện này quá trọng đại như thế? Nếu có thể đình chiến thì nhà in sách sẽ hoạt động, còn làm chuyện lớn được. Nếu lìa bỏ đất Tô đi xa, các sự hoạn nạn sẽ ứng vào ngay. Con em của kẻ phú quý phần nhiều chẳng làm chuyện gì, một mai gặp họa loạn ắt sẽ đến nỗi không sao tự lập được. Nay hãy hoàn toàn đừng sai bảo đầy tớ, hãy đích thân nhắc chân động tay, một là tập làm lưng cực nhọc cho huyết mạch điều hòa, hai là do ít nhàn rỗi sẽ tiêu được các vọng niệm, đây thật sự là biện pháp căn bản để yêu thương con cái, còn gì tốt lành hơn?

Đạo Nho bị suy, nguyên do là vì bọn Lý học bài xích, đả phá nhân quả ba đời và lục đạo luân hồi, khiến cho thiện chẳng có gì để khuyến khích, ác không có gì để trừng phạt, những hiện tượng diễn ra trước mắt quả thật là do học thuyết của bọn Lý

⁶ Xin xem bài Ca tụng pháp môn Tịnh độ thù thắng trong phần Tán Tụng của Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tục Biên, quyển 3.

học đã dẫn dắt ra. Muốn chấn hưng Nho tông thì phải tận lực chăm chú hành từ, hiếu, hòa thuận, cung kính (thiên hạ loạn lạc đều là do những kẻ làm cha mẹ chẳng biết dạy dỗ con cái mà ra. Vì thế một chữ “từ” cả cõi đời chẳng biết được ý nghĩa thật sự. Nếu thật sự biết thì cả cõi đời sẽ tự thái bình).

Lệnh nghiêm chẳng sanh lòng tin cũng là vì bị học thuyết Lý học sai khiến, nhưng trong những năm gần đây, chiến tranh xảy ra tại đất Hồ (Thượng Hải), sự tích của những người do niệm Phật mà được những thứ cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn rất nhiều, sao không uyển chuyển kể lẽ tường tận khiến cho cụ sẽ do đó mà nẩy sanh lòng tin? Nếu cụ đã biết rõ chuyện này mà vẫn chẳng sanh lòng tin thì chỉ nên hướng về Phật sám hối túc nghiệp thay cho cụ, lại đem công đức niệm Phật của chính mình đều hồi hướng cho cụ, chắc sẽ có ngày sanh lòng tin phát nguyện. Nếu có thể sanh lòng tin tu trì tịnh nghiệp để được vãng sanh Tịnh độ thì có thể gọi là “thờ cha mẹ đại hiếu”. Cả nhà đều ăn chay, cố nhiên chẳng cần phải lo riêng đồ mặn, chỉ cần nấu đồ chay sao cho có mùi vị dễ ăn thì cũng không phải là không được. Nếu giết chúng sanh hòng thỏa thích miệng bụng của cha mẹ sẽ khiến cho cha mẹ thật sự phải hứng chịu quả báo giết hại trong đời sau. Lòng hiếu ấy, nếu hoàn toàn là vì chẳng biết đến Phật pháp thì còn chấp nhận được! Nhưng đã chẳng có ý sống đơn giản, chất phác thì cần gì tâm phải tự bất an như vậy? Nếu lũ con cái vẫn ăn mặn như cũ, chứ không phải là cả nhà đều ăn chay hết thì cũng chẳng nên buộc một mình cụ già phải ăn chay; nhưng cũng chớ nên mặc sức ăn để khỏi chồng chất sát nghiệp cho cha mẹ ta vậy.

133. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Phỉ Kham

(Năm Dân Quốc 26 - 1937)

Thời cuộc nguy hiểm vạn phần, trước hết hãy nên làm cho Trần Trọng Mỹ chú trọng ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Trong thời kỳ này, chỉ nên sốt sắng tu trì, chớ nên nghiên cứu tràn lan, bởi “sống chết, còn mất” đã ở ngay trước mắt! Nếu chỉ nghiên cứu tràn lan, về mặt gieo thiện căn thì có, nhưng nơi liễu sanh tử thì không. Ngoài niệm Phật ra, hãy niệm kèm thêm thánh hiệu Quán Âm để cầu ngừng chiến, khỏi nạn. Ất cần phải có lòng thành như cứu đầu cháy thì mới có cảm ứng được. Dầu vận nước chẳng thể xoay chuyển được ngay, nhưng chính mình chắc chắn được tam bảo gia bị, gặp nguy hiểm vẫn bình yên.

Ngoài những sách đã nêu [trong danh mục xin thỉnh sách của ông], còn thêm Văn Sao, Túc Tai Hội Khai Thị, Chân An Bút Ký, Khuyến Niệm Quán Âm Văn, chắc là Trương Công Quán đã sớm gởi rồi. Nay phụ thêm mấy trương, mong hãy nói với những người tri giao: Tuy Tô Châu bị ném bom nhiều lần, có người khuyên Quang đi chỗ khác, nhưng Quang nghĩ sống chết có mạng, so với chuyện bị kinh sợ trên đường đi, sao bằng ở yên bất động, bị trúng bom chết yên vui? Vì thế nhất loạt dùng lý do này để từ khước, hằng ngày chỉ niệm Phật, niệm Quán Âm, niệm chú Đại Bi để làm căn cứ hộ quốc, hộ dân, bảo vệ chính mình. Nếu như định nghiệp khó thể trốn tránh, bị trúng bom chết sẽ liên vãng sanh, đây cũng là điều mong mỏi vậy! Chỉ chán nghe lời khuyên bỏ sang nơi khác, bởi đây là đã khổ còn chồng thêm khổ.

134. Thư trả lời cư sĩ Ngô Hy Đạo

Con người sống trong thế gian điều quan trọng nhất là thân cận thầy lành bạn tốt. Có thầy lành bạn tốt thì sẽ có thể trở về chánh đạo. Nếu không, bạn bè nhậu nhẹt tụ họp, hằng ngày xen lộn với phường hạ lưu, bệnh tật cũng do đó thường chẳng lành được. Pháp môn Tịnh độ không gì lớn lao ra ngoài được, nhưng kẻ thiếu hiểu biết thường coi nhẹ. Ông đã trì danh, nhưng tâm chưa quy nhất là vì nghiệp chướng sâu đậm vậy. Lúc niệm phải giữ tấm lòng kính sợ, niệm khởi từ nơi tâm, tiếng phát ra từ miệng, âm thanh lọt vào tai, phải sao cho nghe từng câu rõ ràng, từ sáng đến tối lúc nào không phải dùng tâm để làm việc thì thường niệm. Niệm lớn tiếng, nhỏ tiếng, niệm thầm trong tâm đều phải nghe, bởi tâm vừa khởi niệm liền có tướng của tiếng. Tai của chính mình nghe tiếng trong tâm của chính mình là chuyện hết sức rõ ràng. Sáng tối lập một công khóa, hoặc tụng một biến kinh Di-đà, ba biến chú Vãng Sanh, rồi niệm kệ Tán Phật, niệm Phật, hoặc một ngàn hay tám trăm câu, hay năm trăm câu, tùy theo mỗi người mà lập ra công phu. Nếu quá bận thì dùng cách sáng tối thập niệm.

Ngoại trừ lúc thực hiện công khóa sáng tối ra, đi đứng nằm ngồi đều phải niệm. Chỉ cầu tâm quy nhất, chẳng nhất định phải cầu tướng lành. Vì nếu tâm đã quy nhất sẽ khác với lúc tâm phập phều, tán loạn. Nếu chẳng chú trọng tâm quy nhất, thường mong thấy được tướng lành, rất có thể ma sự khởi lên, chẳng thể không biết. Chỉ thành khẩn thiết lắng nghe, chắc chắn chẳng đến nỗi ma sự dậy lên. “Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối” chính là cách niệm Phật mau nhiệm nhất. Phải thường xem Tịnh Độ Ngũ Kinh, cần phải cung kính, chớ nên khinh nhờn. Đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh

sẽ biết đại nguyên của đức Di-đà, sự trang nghiêm của cõi Tịnh độ, và sự thích hợp trọn khắp của pháp môn.

Những kẻ nói pháp môn Tịnh độ là Tiểu thừa, là pháp tu của ngu phu ngu phụ, thì biết là họ trong đời trước chưa từng gieo thiện căn Tịnh độ, nên mới nói nhăng nói càn như vậy. Trước hết hãy nên đọc Gia Ngôn Lục, rồi xem Văn Sao, rồi xem Tịnh Độ Thập Yếu, sẽ biết rõ đại nghĩa Tịnh độ. Nhưng cần phải tự lợi lợi tha, nên khuyên cha mẹ, anh em trai, chị em gái, con cái, thân thích, bằng hữu, xóm giềng, làng nước đều cùng ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Ông tu trì được như thế thì bảo đảm thân thể ngày càng khỏe mạnh, tâm thần ngày càng định, chuyện tiền đồ đều thuận lợi. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, nay gởi cho ông hai gói kinh sách đủ loại, đây chính là vô lượng vô biên thầy lành bạn tốt, từ rày chẳng nên gởi thư đến nữa, cũng đừng giới thiệu người khác quy y, vì không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp. Thời cuộc hiện thời nguy hiểm muôn vàn, nếu chẳng dùng niệm Phật để dự phòng, lỡ như chiến sự phát sanh, lấy gì để nương cậy? Chiến sự hiện thời có trốn cũng không được, đề phòng cũng không được. Nếu siêng năng niệm Phật sẽ có thể gặp dữ hóa lành, mong hãy sáng suốt soi xét, pháp danh quy y gởi kèm theo thư.

135. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Xương (vốn có tên là Tự Xương - ba lá thư)

1. Lệnh nghiêm lâm chung thần thức sáng suốt, niệm Phật qua đời, chắc là sanh về Tây Phương; nhưng bất luận đã sanh về hay chưa, phận làm con cố nhiên nên thường lễ bái, trì tụng để mong cụ chưa được sanh sẽ sanh, đã vãng sanh sẽ tăng cao phẩm vị. Hơn nữa, sự lễ tụng này không chỉ hữu ích riêng cho người đã khuất, mà thật ra có lợi lớn lao cho người còn sống. Do dùng cái tâm hiếu kính với cha mẹ để lễ tụng, so với những kẻ chuyên vì chính mình lễ tụng, công đức lớn hơn, bởi tâm hiếu chính là tâm Bồ-đề vậy. Cha ông đời trước đã có vun bồi rất nhiều, nên đời này ưa làm lành, chuộng điều nghĩa, tin sâu Phật pháp, tu trì tịnh nghiệp. Trong một đời cụ bị lắm bệnh ngặt nghèo, ấy là do nghiệp đời trước; vì chuộng làm lành, tin Phật nên chuyển báo nặng đời sau thành báo nhẹ trong đời này để giải quyết cho xong. Ông đã muốn kế thừa chí cha, lại muốn cha mẹ ông đều cùng được cao đẳng phẩm sen, tâm ấy tốt lành lắm, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Xương, nghĩa là dùng trí tuệ để thừa kế chí cha, ắt sẽ quyết chí xướng minh pháp môn Tịnh độ và khiến cho con cháu được hưng thịnh.

Phàm là người quy y Phật pháp, đối với luân thường đạo lý đều phải tích cực phi thường để trọn hết tình nghĩa và bổn phận, có vậy mới đáng gọi là đệ tử thật sự của Phật. Nếu luân thường bị khiếm khuyết, sẽ khó thể cảm hóa những người cùng hàng. Nay cha mẹ ông đã không còn, vậy thì càng phải chú trọng đến bổn phận đối với anh em trai, chị em gái, thê thiếp, con cái. Đời bây giờ đã loạn đến cùng cực, cội nguồn là do những kẻ làm cha mẹ trong cõi đời chẳng biết cách dạy con, chẳng biết dùng đạo đức nhân nghĩa, nhân quả báo ứng để dạy con cái, chỉ nuông chiều, nuôi dưỡng thói kiêu ngạo, đem mưu mẹo mách khéo dạy con. Vì thế kẻ có thiên tư quen thói cuồng vọng, đưa không có thiên tư quen nét ương bướng, ngu độn, đến nỗi có chuyện vượt lễ, trái phận thường thấy xảy ra. Nếu người làm cha mẹ ai nấy trọn hết đạo dạy con thì thế đạo đâu đến nỗi như thế này!

Trước kia nếu không dạy dỗ con cái đàng hoàng thì vẫn chưa khản yếu lắm, bắt quá chúng nó không hiểu thuận, không ra giống gì mà thôi. Hiện thời nếu không dạy con cho đàng hoàng, mỗi họa quả thật chẳng thể nào tưởng tượng được. Hãy nên đem lời này nói với hết thầy mọi người. Về chuyện đọc sách, do chính ông đã mang chức vụ, chẳng được rảnh rỗi nhiều, chỉ nên bắt đầu xem trước các sách Văn Sao, Gia Ngôn Lục, rồi đến Tịnh Độ Tam Kinh, Vãng Sanh Luận Chú, Triệt Ngộ Ngũ Lục, Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Tịnh Độ Chỉ Quy Tập⁷, Long Thư Tịnh Độ Văn, hãy nên đọc kỹ! Những thứ khác như Thiền tông hoặc bên Giáo như Thiên Thai tông, Hiền Thủ tông, Từ Ân tông và Mật tông hãy nên gác lại vì không dư thời gian để xem đến. Tu tịnh nghiệp mà trước hết chẳng nghiên cứu pháp môn Tịnh độ cho rõ ràng thì giống như muốn về nhà nhưng chẳng biết đường lối,

⁷ Tịnh Độ Chỉ Quy Tập do ngài Đại Hựu ở chùa Bắc Thiên thuộc Ngô Quận soạn. Nội dung được chia thành mười môn, nêu rõ sự thù thắng của Tịnh độ, nhân duyên, quả đức, thệ nguyện của Phật Di-đà, các giáo nghĩa trọng yếu của Tịnh độ như tướng quang minh, thọ mạng, bốn cõi Tịnh độ, phương tiện thắng diệu, cũng như biện định sự khó dễ, lục tức thành Phật, nhất tâm tam quán, cách thức tu hành, những chứng nghiệm vãng sanh, cũng như nêu rất nhiều kinh luận, điển tịch dẫn chứng pháp môn Tịnh độ là “ngàn kinh muôn luận chỉ quy”. Nội dung rất phong phú và hữu ích cho những ai muốn chuyên tâm nghiên cứu giáo nghĩa Tịnh độ.

Ngài Đại Hựu (1334-1407), sống vào đời Minh, là cao tăng thuộc tông Thiên Thai, quê ở Ngô Huyện, tỉnh Giang Tô. Ngài còn có hiệu là Cừ Am, xuất gia năm 20 tuổi, thông thạo giáo nghĩa Hoa Nghiêm, Thiên Thai. Tuy vậy ngài chuyên tu niệm Phật tam-muội, từng giữ chức *Tăng lục ty* trong niên hiệu Hồng Vũ. Sư từng vâng chiếu biên tập kinh điển, trước tác khá nhiều bản chú giải như Bát-nhã Yếu Nghĩa, Di-đà Kinh Lược Giải, Kim Cang Kinh Lược Giải v.v..

những gì biết được tuy vẫn có thể dùng để trở về nhà được, nhưng quanh co, xa xôi lắm, thật giống như một trời một vực. Xin hãy sáng suốt suy xét!

2. Thư của ông và của các vị Vương, Lý, Uông, Chu đều nhận đủ cả, pháp danh của ba người ấy được viết trong tờ giấy khác, mong hãy chuyển giao. Tuy đại nguyện của ông Vương rất cao đẹp, nhưng trong lúc thời cuộc nguy hiểm này, chẳng biết quyết chí cầu sanh Tây Phương, vẫn muốn đợi sau khi xuất gia sẽ tụng kinh chú bao nhiêu đó để thỏa đại nguyện. Lại mong tuổi thọ bằng với lời nguyện: Nếu nguyện chưa xong, tuổi thọ cũng chưa chấm dứt. Đúng là kẻ si nói chuyện mộng! Ông ta đọc sách Tịnh độ hoàn toàn chẳng nương theo ý sách, tự lập chương trình. Nếu chẳng kịp thời tùy phận tùy lực tu trì, chẳng những sở nguyện đều trở thành bánh vẽ hết, mà còn có thể mắc bệnh rối loạn thần kinh. Bệnh ấy rất dễ bị, nhưng rất khó lành. Quang già rồi, một mực lòng dạ thẳng băng, ăn nói thẳng tuột, trọn chẳng dám thuận theo ý người khác để vui dạ người ta. Vì thế nói huých toẹt ra để ông ta khỏi bị mắc bệnh.

Hai ông Uông và Lý chất trực, không giả dối, khá tốt đẹp hơn. Nay với mỗi người trong ba vị ấy đều gởi cho một bộ Văn Sao, một cuốn Gia Ngôn Lục và những tập sách nhỏ, tổng cộng là hai gói, xin hãy chia ra đưa tặng. Ông Chu Thái Nhiên trong thư chỉ viết “hợp thập” (chấp mười ngón tay), tôi chẳng dám chấp nhận cho ông ta quy y, trân trọng trả lại bốn đồng tiền hương kính cho ông ta. Tuy Quang chẳng thể hoàng dương Phật pháp, quyết chẳng dám tự mình khinh mạn Phật pháp, cũng như chẳng để cho người khác khinh mạn Phật pháp! Hãy nói với ba người ấy, từ rày đừng gởi thư đến nữa, gởi đến nhất quyết không trả lời, do mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ vậy.

3. Thư ông và thư của Chu Thái Nhiên đã nhận được cả rồi. Phải biết: Trong Phật pháp có trụ trì thế gian pháp và có duy luận lý tánh pháp, trụ trì thế gian pháp là nếu người khác chẳng hết sức chí thành, sẽ chẳng vì kẻ đó thuyết pháp. Nay thế đạo suy vi, chẳng thể hoàn toàn hành đúng như vậy. Vì thế đối với những thư hỏi pháp, mặc lòng người ta viết như thế nào, Quang cũng đều trả lời. Nếu quá ngạo mạn, vẫn chỉ bày, trách móc lỗi ấy để khỏi phụ lòng kẻ đó gởi thư đến. Chỉ có kẻ xin quy y, nếu chẳng dùng những chữ tỏ ý tự nhún mình, chắc chắn chẳng dám chấp thuận. Vì chấp thuận như vậy tức là tự khinh Phật pháp, mà cũng khiến cho kẻ ấy khinh thường Phật pháp. Có thể là vì kẻ ấy chẳng biết lễ nghi, hoặc là do ngã mạn tự đại. Người tự đại

thì làm sao dám nói với họ? Kẻ chẳng biết lễ nghi thì ắt sẽ làm cho họ biết, chứ không phải mong được người khác cung kính, ấy chính là chẳng khinh pháp và khinh người vậy. Nếu chẳng duy trì như thế, Phật pháp sẽ chẳng thể lưu truyền.

“Duy luận lý tánh pháp” (pháp chỉ xét trên mặt tánh, trên lý, không luận trên hình tướng, trên mặt sự) thì phạm tăng chẳng thể làm được, chỉ có đại Bồ-tát và người không có trách nhiệm duy trì pháp đạo làm như vậy sẽ có lợi ích sâu xa. Phạm phu làm theo sẽ phá hoại chánh pháp của Như Lai, tai hại chẳng cạn. Như trong kinh Pháp Hoa, Thường Bất Khinh Bồ-tát hề thấy tứ chúng đều lễ bái, thưa: “Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật!” Tứ chúng có kẻ dùng roi gậy, ngói, đá đánh ném, bèn chạy ra xa đứng, rồi làm lễ, tán thán rằng: “Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật!” Sợ ông chẳng biết nghĩa này rồi làm lạc sanh ra nghi ngờ, bàn bạc, nên mới nói đại lược. Nếu là phạm phu tăng, trọn chẳng thể nương theo cách hành động ấy. Bậc đại Bồ-tát trụ trì pháp đạo cũng phải y theo cách hành động của phạm tăng. Như sư Tế Điền chính là bậc cao nhân vượt ngoài khuôn khổ, nhưng vẫn hành động trong chừng mực⁸, ngài Tế Điền chẳng giữ thanh quy nhằm hiển lộ đại thần thông. Nếu giữ thanh quy cẩn thận mà hiển lộ thần thông thì chẳng thể sống trong thế gian được. Chỉ có mượn cách điên điên khùng khùng làm cho người ta tin tưởng, nghi ngờ lẫn lộn, hòng ngấm giáo hóa khiến cho người ta biết Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn hầu sanh tâm chánh tín. Những kẻ vô tri không biết xấu hổ trong cõi đời học đòi theo đó, sao chẳng học “ăn thứ chết vào, ói ra thứ sống”? Sao chẳng học “uống rượu say ngủ vùi mấy ngày, nhưng trăm ngàn cội gỗ to từ dưới giếng trời lên”, và “uống rượu say bết nhè, ói ra vàng để thếp vàng tượng Phật trong cả điện”? Thứ chuyện chẳng thể nghĩ bàn ấy chỉ có hạng người ấy thực hiện thì không trở ngại chi, chứ nếu người giữ thanh quy cẩn thận mà làm, chắc chắn sẽ phải qua đời ngay! Nếu không, ai nấy đều đến tìm vị ấy, chẳng thể làm hết thấy mọi chuyện được. Hãy chuyển thư cho cư sĩ Chu và đem những lời này đưa cho ông ta xem, Quang mục lực chẳng đủ, chẳng thể viết nhiều. Pháp môn Tịnh độ và pháp tắc tu trì đã có các sách Văn Sao, Gia Ngôn Lục v.v. nhắc đến rồi, nên cũng không nói tường tận trong thư này.

⁸ Nguyên văn “thằng xu xích bộ”. Đây là một thành ngữ hàm nghĩa cử chỉ, hành động tuân theo mực thước, khuôn khổ. Thằng tức là dây làm mực, xích là thước đo, tức hai dụng cụ chánh yếu của thợ mộc. “Thằng xu xích bộ” hiểu theo nghĩa đen là noi theo dấu dây mực, bước theo thước đã vạch.

136. Thư trả lời cư sĩ X...

Đọc thư gửi đến, biết ông thông minh nhưng chưa triệt để! Vì thế mới coi nhân quả của Nho - Phật giống như cách thưởng phạt trong phép vua trong thế gian, tợ hồ có lý, nhưng thật ra vô lý. Sự thưởng phạt trong thế gian ước theo tình người mà định, còn nhân quả chính là do tâm thức chiêu cảm. Nho và Thích không hai đạo! Ông cho rằng đạo Nho có những điều chưa nêu tỏ tức là đạo Nho chỉ dừng lại ở đó, đây cũng là một chứng cứ cho thấy ông thông minh nhưng chưa triệt để. Phàm nhân quả thiện hay ác đều do tự tâm chiêu cảm, người đời không biết, đức Phật giảng cặn kẽ, ông cho là đức Phật bày đặt ra, há có phải là thông minh thật sự hay chăng?

Quả báo xảy đến có khi là tức khắc, ngay trong đời này, có khi là trong đời kế tiếp, đời sau, và nhiều đời, nhiều kiếp. Ông hiềm quả báo xa xôi, muốn quả báo xảy đến cho nhanh, là đã trở thành tà kiến rồi. Phải biết, quả báo siêu phàm nhập thánh liễu sanh thoát tử cho đến thành Phật đều phải là nhiều kiếp. Tuy nói: “*Phóng hạ đồ đao, lập địa thành Phật*” (buông dao đồ tể xuống, thành Phật ngay nơi đó), nhưng thật sự chứng Phật quả cũng phải mất nhiều kiếp. Đừng cho rằng “hễ ngộ được Phật tánh liền thật sự chứng được Phật quả”. Nếu nói như ông, trong cõi đời không một ai có thể liễu sanh thoát tử, hướng chỉ là thành Phật ư? Nếu ông biết điều này, sẽ chẳng đến nổi trách Phật tàn ác, sẽ cảm được lòng từ bi của đức Phật, đau lòng tuôn lệ bảo với những kẻ cùng hàng.

Ông hiềm rằng chẳng được quả báo nhanh chóng, nhưng chẳng biết đến cái lợi lớn lao của việc không nhanh chóng, chính là loài trùng mùa hạ chẳng biết có băng, con phù du⁹ chẳng thấy được ngày hôm sau, chẳng đáng thương ư? Quả báo chậm hay mau đều do nghiệp thức của chính mình cảm nên, há nên đùn đẩy cho đức Phật? Do ông thông minh nên trong ý ông vẫn mắc lỗi “có biết nhưng vẫn có phạm”. Đủ thấy, chuyện “giảm bớt lỗi” đâu là thánh nhân vẫn phải nỗ lực. Do vậy, Không tử tuổi đã bảy mươi vẫn muốn trời cho sống thêm năm hay mười năm nữa để học Dịch hòng tránh được lỗi lớn. Nhà Nho thấy biết nông cạn, cho là thánh nhân quá khiêm

⁹ Phù du (đôi khi còn được gọi là “con vờ”) là tên gọi chung của hơn hai trăm loài côn trùng nhỏ thuộc họ Ephemeroptera, chuồn chuồn cũng thuộc họ này, nhưng tuổi thọ không quá ngắn ngủi như những con phù du. Đa phần những con phù du khá giống chuồn chuồn, nhưng nhỏ hơn. Loài ấu trùng của chúng (naiad) sống trong những vũng nước ngọt cả năm trời, đến khi lột xác bay lên thành phù du chỉ sống được vài giờ. Có loài như chuồn chuồn thì sống được vài ngày.

tôn, chẳng biết thánh đạo sâu xa, chẳng phải là “hễ ngộ liền có thể thấu hiểu tốt cùng được”.

Những chuyện khác khoan nói tới, chỉ lấy Viên giáo đề luận, thì Sơ tín đoạn kiến hoặc, Thất tín đoạn tư hoặc, Bát tín, Cửu tín, Thập tín phá trần sa hoặc, khuất phục vô minh. Thập tín hậu tâm¹⁰ lại phá một phần vô minh liền chứng Sơ trụ, trở thành Pháp thân đại sĩ. Từ Sơ trụ cho đến Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, trải qua 41 địa vị vẫn chưa đạt đến địa vị “hết sạch vô minh”. Đẳng giác lại phá một phần vô minh, tức là “chân cùng, hoặc tận”, thành Phật quả viên mãn Bồ-đề. Sự xa xôi của thiện báo và ác báo cũng gần ngang nhau, hướng hồ tu nhân chứng quả cho đến lúc thành Phật ư? Nếu mọi chuyện đều xong ngay trong một chốc thì sẽ trở thành hăm sâu đoạn diệt “không nhân không quả”.

Chẳng thấy đạo trời vận hành hay sao? Tiết Hạ chí, nhất âm sanh bèn nắng gắt; tiết Đông chí, nhất dương sanh bèn lạnh buốt¹¹. Lập xuân có khi trước Tết, có khi sau Tết¹², mỗi mỗi đều chẳng thể cùng xong hết trong một lúc được, nên mới thành năm tháng. Nếu cùng một lúc xong hết thì chẳng trở thành vận hành, mà thành đoạn diệt. Đối với việc thưởng phạt tội phước, trong cõi âm quả thật có người chủ trì, nhưng chẳng phức tạp như trong dương gian, bởi án tử, sổ sách đều tự hiện, tự tiêu, và cũng không có người ghi chép, khóa sổ. Vì thế cõi âm không sai lầm. Có chuyện người tên X... ở tỉnh kia bị bắt vì làm với người cùng tên X... ở tỉnh này; ấy chính là mượn chuyện người không đáng chết này để tỏ rõ thật sự có những chuyện địa ngục, hình phạt trong cõi âm v.v. ngõ hầu người đời sanh lòng tin. Do vậy thường có chuyện bậc sĩ phu chánh trực trong thế gian tạm thời xử đoán chuyện của vua Diêm-la, người bình thường trong thế gian làm sai nha cho cõi âm, do bắt lộn người nên bị đánh đòn, cách chức, đều là “*nhân cùng thố đại*” (do nhờ vào hoàn cảnh ép

¹⁰ Thập tín hậu tâm: Sau khi đã chứng nhập viên mãn mười địa vị thuộc Thập tín.

¹¹ Hạ chí là một trong 24 tiết khí của âm lịch. Nhằm ngày đó, ngày dài nhất, đêm ngắn nhất tại Bắc bán cầu. Ngày này được coi như ngày mở đầu cho mùa hạ. Hạ chí thường rơi vào ngày 21 hoặc 22 tháng 6 dương lịch. Theo cách giải thích trong Dịch Học, chí là cực điểm, nhất âm khởi đầu từ mùa hạ (“Hạ chí, nhất âm sanh; Đông chí, nhất dương sanh”), hàm nghĩa: “Đến lúc này, khí dương đã đạt đến cực điểm, bắt đầu suy vi, nên khí âm lấn lên, âm trưởng, dương hao vậy!” Tương tự, Đông chí bắt đầu vào ngày 21, 22 tháng 12, tượng trưng cho khí âm đã đến cực điểm, bắt đầu suy vi, âm hao, dương trưởng.

¹² Tiết Lập xuân dao động từ mùng 3 đến mùng 5 tháng 2 dương lịch, ngày Tết thường rơi vào từ cuối tháng Giêng cho đến cuối tháng 2 Tây, tùy theo cách tính năm nhuận.

ngặt để thực hiện sự giáo hóa vậy - “thổ đại” là thực hiện đại sự tu tề trị bình), bởi lẽ mắt chẳng thấy sẽ không tin, lại còn mượn có báng Phật, cho nên đặc biệt hiện ra chuyện ấy để tỏ bày đại sự hòng mở rộng tầm mắt.

Chuyện như vậy rất nhiều, nêu lên một chuyện để hòng biết trọn. Trong Kiến Văn Lục của đại sư Ngẫu Ích có chép chuyện một sinh viên¹³ ở Hồ Bắc nắm quyền xử lý dưới tay Ngũ Điện Diêm-la Vương¹⁴. Một đêm đến cũi âm, thấy một cuốn sổ chép vợ mình giết trộm gà hàng xóm, kể cả lông thì nặng 1 cân 12 lượng, nhân đó bèn xé một góc trang sổ để đánh dấu. Tỉnh dậy, ông ta hỏi vợ sao lại giết trộm gà hàng xóm, bà vợ chẳng thừa nhận, ông ta nói: “Bà vẫn cứ lừa dối tôi, sổ sách trong cũi âm đã chép bà giết trộm gà hàng xóm, kể cả lông thì nặng 1 cân 12 lượng.” Bà vợ kể: “Phơi thóc gạo trong sân, gà hàng xóm đến ăn, dùng đồ vật quăng nó, nó chết lẫn quay, còn chưa động đến!” Bảo đem gà cân lên, quả thật nặng 1 cân 12 lượng. Ông sai vợ đem gà và một số tiền bằng giá một con gà đem trả, thừa rõ đầu đuôi với người ta, xin đừng quở trách. Đêm ấy, ông ta lại vào cũi âm xem sổ, góc trang sổ bị xé vẫn còn đó, nhưng không thấy một chữ nào cả. Ông cho rằng hình phạt trong cũi âm là do đức Phật đặt chuyện, có thể nói là đã cô phụ ơn Phật quá lắm!

Ông viết chữ nhỏ xiu, mắt Quang quá mờ, lược nêu những điều quan trọng để giải lòng nghi của ông. Nếu ông biết điều này sẽ nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Hãy nên biết rằng, lợi ích do ông đạt được bắt đầu từ nơi con cái của ông, hưởng gì lợi ích sau khi sanh về Tây cho đến khi viên mãn Phật quả mới thôi. Nếu chẳng tự lượng, từ đây nghiên cứu các tông Tánh, Tướng, Thiên, Mật, chẳng chú

¹³ Vào thời Minh - Thanh, sinh viên chính là người đỗ cuộc thi khảo hạch tại phủ huyện, tức tương ứng với danh hiệu tú tài trong các đời trước.

¹⁴ Diêm-la vương (Yama-rāja) chính là vị chủ tể cũi âm. Theo luận Du-già Sư Địa, Diêm-la vương do những vị Bồ-tát hóa hiện để giáo huấn tội nhân. Theo kinh Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân, kinh Đại Phương Quảng Thập Luân, Địa Tạng Bồ-tát cũng hóa hiện thân Diêm vương để độ chúng sanh. Người Trung Quốc tin rằng: Diêm vương giữ sổ sanh tử, người chết sẽ đến trước mặt Diêm vương để bị xét xử tội lỗi. Có mười vị Diêm vương cai quản địa ngục, tức Tàn Quang vương, Sở Giang vương, Tống Đế vương, Ngũ Quan vương, Diêm-la vương, Biện Thành vương, Thái Sơn vương, Đô Thị vương, Bình Đẳng vương và Chuyển Luân vương. Phật môn Trung Hoa cho rằng Đệ Ngũ Điện Diêm-la Vương chính là hóa thân của Địa Tạng Bồ-tát. Theo đó, người chết đến ngày thứ 35 sẽ đến Ngũ Điện thuộc địa ngục Khiếu Hoán. Khi vong hồn những kẻ tích cóp tài sản, tham lam, bạc ác đến trước Ngũ Điện Diêm-la Vương, sẽ được đưa lên Nghiệt Kính Đài (Vọng Hương Đài) cho thấy rõ tình hình của người thân còn sống đang phung phí, phá tán tài sản của người đã mất.

trọng niệm Phật thì có thể trở thành một bậc thông gia nửa vời, nhưng liễu sanh thoát tử sẽ thành chuyện năm nào năm nao! Quang già rồi, mục lực chẳng đủ, từ rày đừng gởi thư đến nữa, dù có cây thầy Diệu hỏi giùm cũng chẳng trả lời. Vì sao vậy? Do ông chẳng phải là người hể nêu ra một điều bèn hiểu rõ ba điều, dù có dạy từng điều một thì một vẫn là một, nên chẳng thể viên thông được.

137. Thư trả lời cư sĩ Trương Giác Minh (hai lá thư)

(Ngày 30 Tết năm Mậu Dần, đính kèm nguyên thư)

“Sur tôn từ bi soi xét, con chẳng được nghe lời giáo huấn từ bi đã hơn một năm rồi, nỗi niềm mong ngóng ngày càng chất chứa. Tháng 10 mùa đông năm ngoái đệ tử ty loạn tại núi Mạc Can, được đại thiện sĩ che chở, bình an không bệnh tật. Trên núi hoàn cảnh thanh tịnh, niệm Phật rất đắc lực. Bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào, nhắm mắt, mở mắt đều có thể tưởng thấy từ dung của Tam Thánh. Tháng trước do thổ phỉ rình rập nên chẳng thể không xuống núi sang đất Hàng, ở tạm nhà người bạn. Muốn trở về nhà thì giao thông tắc nghẽn. Muốn đến đất Thân (Thượng Hải) thì tiền tiêu dùng chẳng đủ. Lăn quẩn trong ngõ rẽ, không biết theo ngõ nào. Mùa đông năm ngoái, ông Dượng cũng lên núi, tháng 3 mùa xuân năm nay đã sang đất Thân, ở nhà con rể, mọi chuyện bình yên tốt đẹp, rất yên dạ. Đệ tử ở đây, tuy cũng xếp đặt tịnh thất, khóa tụng sáng tối, nhưng do hoàn cảnh trần tục, con cái nặng nề, lúc niệm Phật chẳng khỏi có tạp niệm.

Chỉ có mấy chuyện đáng kể, có người bạn trong cảnh hoạn nạn là ông Hà, vốn là sinh viên du học ở ngoại quốc, sùng tín khoa học vạn năng. Năm ngoái do bị bệnh mù mắt, khoa học chẳng thể trị được. Đệ tử khuyên ông ta nên tin Phật niệm Phật và dùng bài thuốc rửa mắt của sư tôn đã ấn tống để điều trị, đã thấy được một tia ánh nắng. Vì thế gần đây ông ta yêu cầu đệ tử mỗi ngày giảng giải kinh A-di-đà. Lại có một con hồng tước do ông Hà nuôi, nó nói được, cười được. Dạy nó niệm Phật thì thoát đầu mười phần rất chán ngán, nó không nói “*không biết*” thì cũng nói “*cái gì*”. Thấy đệ tử lễ Phật nó liền cười điên cuồng không ngừng. Đệ tử vẫn nhẫn nại, mỗi ngày dạy nó bốn chữ chân ngôn, nay đã chịu niệm rồi. Có lúc nó niệm “A-di-đà Phật” bốn chữ, có khi niệm “A-di-đà Phật A-di-đà” bảy chữ, nhưng không chịu niệm nhiều.

Thêm nữa, đệ tử có hai đứa tớ gái cùng lên núi ty nạn, đều bị bệnh nặng. Đệ tử và con cái đích thân chăm sóc thuốc men, chăm nom ăn uống. Sau khi chúng nó lành bệnh đều cảm ngộ, ăn chay trường, tin Phật, niệm Phật. Mai này sau khi giao thông

được khôi phục, tính đưa chúng nó đến quy y thọ giới, chẳng biết có được hay không? Khi đệ tử ở núi Mạc Can, từng cậy người gởi thư đến chùa Báo Quốc xin bài thuốc trị bệnh khí thống¹⁵. Về sau mới biết sư tôn hiện thời chẳng đọc thư từ đến đi, nên họ đưa trả lại. Hiện đệ tử đang bị khí thống, đã được chữa lành bởi bài thuốc này. Do vậy kính dâng 15 đồng để làm chuyện liên quan đến Phật pháp, kính dâng 14 đồng hương kính, một đồng để giúp cho việc in bài thuốc khí thống, cầu mong thầy hãy rộng lòng thu nhận.”

* * *

1. Hôm qua nhận được thư biết cả nhà ông ty nạn trên núi Mạc Can, đều yên vui vô sự, khôn ngăn mừng rỡ an ủi. Tai kiếp này do đồng phận ác nghiệp của mọi người chiêu cảm. Ai có lòng tin niệm thánh hiệu Phật đều được gặp dữ hóa lành, ấy là vì biệt nghiệp của cá nhân do được Phật gia bị nên từ nặng chuyển thành nhẹ. Đang trong lúc đại kiếp phá tan hoang trời đất từ xưa đến nay chưa từng có này, kẻ nào chẳng sanh tín tâm, chẳng chịu niệm Phật cầu Phật rủ lòng gia bị thì kẻ ấy đáng xót thương thay. Ông Hà tinh tường khoa học, biết khoa học vạn năng, nhưng chẳng biết các nước tàn sát lẫn nhau chính là hiệu quả của sự vạn năng ấy. Đến khi do bị bệnh không thấy được ánh sáng, vạn năng vô hiệu, mới do một pháp niệm Phật trước kia trọn chẳng thèm chú ý đến và cách rửa mắt đã được truyền thụ mà lại được thấy ánh mặt trời. Do đầy sanh lòng chánh tín, xin ông giảng kinh Di-đà, sẽ do nhân duyên này tu rỗng tịnh nghiệp, để mong cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Gần là liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, xa là dần dần tấn tu, cho đến viên mãn Bồ-đề, thành vô thượng đạo.

Hết thầy chúng sanh từ vô thủy đến nay, đủ mọi tịnh nhân, đủ mọi ác nhân, gặp phải ác tri thức thì ác nhân phát hiện, nhẹ là hủy báng, nặng là diệt pháp. Gặp được thiện tri thức thì tịnh nhân phát hiện, thoát đầu là tin nhận, đến cuối cùng là vãng sanh. Ông Trịnh Tuấn ở Bình Lương, tỉnh Cam Túc, tự là Triết Hầu, đỗ cử nhân đời Thanh trước kia, trúng phải chất độc của Âu, Hàn, Chu, Trình rất sâu, trước khi tròn 60 tuổi, thù nghịch Phật pháp. Năm 60 tuổi đọc Văn Sao của Quang, mới thẹn cho sự sai lầm trước kia, liền ăn chay trường, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, gởi thư xin quy y. Về sau (năm Dân Quốc 24 - 1935), cùng với em trai đích thân đến đất Tô

¹⁵ Khí thống là một chứng bệnh thuộc về tiêu hóa, hơi sanh ra trong bao tử hay ruột quá nhiều khiến người bệnh cảm thấy đau nhói trong ngực, bụng.

và triều bái Phổ Đà, tính thỉnh mấy vị tăng niệm Phật đến khai hóa ở quê mình. Người phương Nam không ai muốn đi, ông đến chùa Ngọa Long ở Thiểm Tây thỉnh được mấy vị niệm Phật quanh năm.

Người đã như thế thì vật cũng như thế, con hồng tước khuyên nó niệm Phật, nói “không biết”, nói “cái gì”, thấy ông niệm Phật liền cười điên cuồng. Đây chính là ác tập khí hủy báng Phật pháp. Đến khi hằng ngày dạy nó thì nó chịu niệm. Nếu có người thường niệm Phật, hằng ngày thường niệm Phật theo nó, biết đâu nó sẽ giống như con nhòng đời Tống, đứng niệm Phật qua đời. Đem chôn, hoa sen mọc trên mộ. Đào lên xem thấy gốc hoa sen mọc từ chót lưỡi chim. Hai đứa tớ gái của ông bệnh nặng, ông chăm sóc thuốc men, chữa trị. Ông cùng con cái chăm nom miếng ăn thức uống, lành bệnh, do cảm động chúng bèn ăn chay trường, đây gọi là “dùng đức khuất phục người” vậy. Cổ nhân nói: *“Dĩ ngôn giáo giả tụng, dĩ thân giáo giả tụng. Quân tử cư hương, dĩ thân suất vật, linh đức phục nhân, tương quán nhi thiện”* (Dùng lời lẽ để dạy thì bị tranh cãi, dùng thân để dạy thì người khác thuận theo. Quân tử sống trong làng, dùng thân để làm gương lôi kéo mọi người, dùng đức khiến người khác khâm phục rồi nhìn theo bắt chước làm lành) chính là nghĩa này vậy.

Tiếc rằng người tin Phật trong cõi đời thì ít, kẻ báng Phật lại nhiều, cho nên rất nhiều kẻ đời trước có thiện căn nhưng chẳng thể phát khởi tịnh tâm đời trước, gọi ân Phật sâu xa, để được là kẻ phàm phu triền phược đầy dẫy mà ngay trong đời này nương vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh để dần dần đạt đến viên thành Phật đạo. Quang già rồi, ngày mai tròn 79 tuổi, sáng chiều sẽ mất, từ rày không có chuyện gì quan trọng đừng gởi thư đến, bởi chẳng có mục lực, tinh thần thù tiếp!

2. Trước sau hai lá thư đã nhận đủ. Con người ông Hà có hào khí sâu đậm, nhưng chưa từng nghe pháp của thánh nhân Nho - Thích tu thân trị tâm, nên gặp phải cảnh ngộ ấy. Tình cảnh đó khá giống với tình cảnh của ông Du Tịnh Ý¹⁶, nhưng họ Du

¹⁶ Du Tịnh Ý tên thật là Du Đô, tự Lương Thần, sống vào thời Gia Tĩnh nhà Minh, học rộng tài cao, đỗ tú tài năm 18 tuổi. Đến tuổi trưởng thành, ông ta cùng mấy người bạn học lập ra Văn Xương xã, tận lực thực hiện những thiện sự được dạy trong bài Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân. Thế nhưng thi cử lận đận, mãi không đậu được cử nhân, tiến sĩ, sanh được năm đứa con trai, bốn đứa chết yểu, đứa con thứ ba năm 8 tuổi chạy chơi trong làng, bị lạc mất. Sanh năm đứa con gái, chỉ còn sống được một. Vợ khóc con đến nổi mù cả hai mắt. Mỗi đêm cuối năm, cảnh nhà nghèo túng, quanh quẽ thê lương, ông than thở mình không có tội lỗi chi lớn, than là bị trời phạt

vẫn chưa biết sâu xa về pháp môn Tịnh độ. Sao bằng chịu nghĩ “đã chết đi sống lại”, đem hào khí trước đây sửa đổi thành khiêm nhường, tự kiểm chế, thì sự thành tựu sau này còn cao siêu hơn ông Du. Ông ta do thoát đầu thấy tăng phần nhiều hủ bại, nên chẳng chịu quy y. Nay Quang cũng là ông tăng hủ bại, mà vẫn muốn quy y, quả thật chẳng biết tăng là người như thế nào?

So với hạng tăng ăn thịt uống rượu, Quang còn có chút điểm tốt. Các vị đại Bồ-tát như Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền v.v. và những Quyền vị Bồ-tát chưa chứng pháp thân, đã đoạn hoặc nghiệp trong tam giới và Nhị thừa thánh nhân đã chứng quả Duyên giác, chứng quả A-la-hán đều thuộc về tăng. Như Quang đây, kém xa các vị tăng A-la-hán khác nào sự cách biệt vời vợi giữa trời với đất, huống gì là sánh với các Quyền vị Bồ-tát chưa chứng pháp thân! Huống hồ lại đem sánh với các vị tăng như Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền ư? Ông ta chỉ biết các ông tăng uống rượu ăn thịt trong nhân gian thì ngay cả những vị tăng giữ thanh quy cẩn thận (do chẳng chú ý nên cũng sanh ý tưởng kém hèn không kham nổi này) trong nhân gian cũng chưa được thấy nghe, huống gì là các vị tăng đại thánh nhân khác.

Quang là ông tăng hèn kém đến cùng cực mà ông ta vẫn muốn quy y thì suy ra đương nhiên cũng sẽ quy y với các bậc thánh tăng khác. Do vậy nói: Kết quả thù thắng hơn ông Du, do biết được pháp môn Tịnh độ, được liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này để dần dần tấn tu viên thành Phật đạo. Đối với bệnh phổi của vợ ông ta hãy nên kiên thành niệm thánh hiệu Quán Âm sẽ tự lành. Mất lắm khi tỏ, lắm khi mờ, gốc bệnh là vì gấp gáp, bộp chộp. Nếu có hàm dưỡng, lại kiên thành niệm Phật và niệm Quán Âm thì một khi lành bệnh sẽ vĩnh viễn lành bệnh. Xin hãy nói với ông ta!

138. Thư gửi hai vợ chồng ông X... (hai lá thư)

bèn viết sớ tâu lên Táo thần, cầu chuyển lên Thiên Đình. Làm như vậy mấy năm, không thấy cảm ứng gì. Đến năm 47 tuổi, tối Giao Thừa, vợ chồng và con gái đang ngồi trong nhà, thấy một ông lão đến xưng là họ Trương, đến hỏi chuyện, an ủi. Họ Du nhân đó kể lễ nỗi niềm, ông Trương bèn căn kẽ chỉ ra những khuyết điểm của họ Du: “Tuy làm lành, phóng sanh, nhưng chuộng hư danh, không thực chất, chỉ làm qua loa cho xong chuyện, cốt làm cho nhiều mà thôi, ăn nói bóng bẩy nhưng khác bạc, gây thương tổn tình cảm người khác v.v.”, rồi chỉ dạy cách ăn ở sao cho trọn vẹn tình nghĩa. Giảng giải xong, ông lão đi ra sau bếp, họ Du chạy theo thì ông lão đã biến mất, do vậy mới biết là Táo quân hiện thân chỉ điểm. Câu chuyện này được ghi lại thành Du Tịnh Ý Công Ngộ Táo Thần Ký.

(Đính kèm lá thư thứ hai của bà ta)

1. Nhận được thư khôn ngoan than thở cảm khái. Có sao bà mù quáng đem đặt, nói Nhiên Đăng Cổ Phật¹⁷ giảng sanh trong nhà bà, chưa đầy năm đã chết non? Chư Phật sanh tử đã xong, quyết chẳng có lẽ nào thị hiện giảng sanh rồi lại chết yếu! Nếu vì độ chúng sanh, đức Phật bèn thừa nguyện thị hiện giảng sanh, quả thật có chuyện ấy, nhưng đã thị hiện giảng sanh, cũng chắc chắn chẳng nói ta là vị Phật nào đó, đến khi độ sanh xong xuôi, sắp thị hiện Niết-bàn mới tỏ rõ gốc tích. Chắc chắn không có chuyện thị hiện giảng sanh, rồi chẳng làm Phật sự lớn lao đã chết yếu ngay. Thanh văn Sơ quả đã đoạn kiến hoặc, vẫn còn tư hoặc chưa đoạn nên phải bảy lần sanh lên trời, bảy lần sanh vào nhân gian mới đoạn được tư hoặc, chứng Tứ quả. Nhị quả thì một lần sanh lên trời, một lần sanh trở lại trong nhân gian rồi chứng Tứ quả. (Bậc Sơ quả, Nhị quả sanh trong nhân gian tuổi thọ đều dài ngắn bất định, hoặc mấy tháng, mấy năm, mấy chục năm, chính là theo nghiệp thọ sanh vậy). Tam quả do đã đoạn sạch tư hoặc trong Dục giới, vẫn phải ở trong trời Ngũ Bất Hoàn của Sắc giới trải qua nhiều kiếp mới có thể đoạn sạch tư hoặc, chứng Tứ quả. Tứ quả đoạn sạch kiến hoặc và tư hoặc, trọn chẳng còn sanh duyên trong tam giới. Nếu phát hoằng thệ nguyện thị hiện giảng sanh thì có thể giảng sanh trong tam giới, kẻ theo nghiệp thọ sanh chẳng thể sánh bằng những vị này.

Bà là phàm phu nghiệp lực bịa chuyện đồn đại này, vu báng cổ Phật, muốn được những kẻ mù mắt trong thế gian cho rằng bà là cha mẹ của Phật. Nếu nói với kẻ thông hiểu Phật pháp, nhất định họ sẽ quở bà là dùng lời lẽ tà quái lừa dối mọi người. Dẫu cho người trong cuộc không rành rang hỏi đến, há cũng chẳng sợ thiên lôi giết bà hay sao? Bà còn đến các nơi tìm người họa thơ của bà. Nếu chẳng phải là ngoại đạo không phân biệt được tà hay chánh và là kẻ si chẳng biết thơm hay thối, ai chịu chấp nhận lời nói ấy của bà là đúng? Bà hãy nên thống thiết sửa đổi lỗi trước, phàm

¹⁷ Nhiên Đăng Phật (Dīpamkara): Đôi khi còn được dịch âm là Đề-hòa-kiệt-la, hoặc Đề-hoàn-kiệt. Danh hiệu đức Phật này còn được dịch nghĩa thành Phổ Quang Phật, Định Quang Phật. Ngài là vị Phật trong quá khứ từng thọ ký cho đức Phật Thích-ca. Theo kinh Tu Hành Bản Khởi, quyền thượng, thánh vương nước Đề-hòa-vệ (Dīpavatī) tên là Đăng Thanh, lúc lâm chung truyền ngôi cho thái tử Định Quang. Thái tử biết cõi đời vô thường bèn truyền ngôi cho em trai rồi xuất gia làm sa-môn, sau thành Phật quả. Lúc ấy có đứa hầu trai của một vị Phạm Chí gặp được đức Phật Nhiên Đăng đang đi du hóa, bèn mua hoa cúng Phật, Phật thọ ký cho đứa hầu trai sẽ thành Phật trong tương lai, hiệu là Thích-ca Mâu-ni Phật.

đã gửi thư cho những ai đều hãy nên gửi thư cho họ bày tỏ thẳng thắn cái tội ấy, buồn đau cầu sám hối, ngõ hầu chẳng đến nỗi đem phàm phạm thánh, vĩnh viễn đọa vào địa ngục A-tỳ, chịu các nỗi khổ cùng cực, vĩnh viễn không có ngày ra. Nếu chẳng coi lời Quang là đúng thì bà là quyến thuộc của ma, chứ không phải là đệ tử của tôi! Sao bà lại khổ sở mù quáng bịa chuyện, bị người sáng mắt thóa mạ, bị thiên địa quỷ thần tru diệt vậy? Do mong mỗi bà biết lỗi liền sửa đổi, hối lỗi; nếu không, khi khổ báo xảy đến, có hối cũng chẳng kịp, vì thế tôi không thể trọn hết bốn phần, nói thẳng, quở trách gay gắt. Nếu bà chẳng nghe, chẳng liên can gì đến tôi nữa!

* * *

“Kính vâng lời dạy từ bi, được nhận lời quở trách nghiêm khắc, cung kính đọc đi đọc lại, cảm kích lẫn hổ thẹn chen lẫn. Đứa con yêu quý bị chết yểu, tâm chua xót muôn phần, nghiệp chướng sâu nặng, làm thơ nói động đến cổ Phật, khơi ra tội lỗi thật nhiều! Kiềm thành sám hối, thống thiết sửa đổi lỗi trước. Phạm phụ tục tử bầm tánh ngu độn, lỗ mãng, hoàn toàn cậy vào ân sư khai thị, sáng tối suy nghĩ cặn kẽ, tiền trình nguy hiểm, thật đáng sợ quá! Do nghĩ đến điều này, kính dâng thư bày tỏ, cảm tạ, cúi mong ân sư rủ lòng xót thương như biển rộng. Nghiệp căn đã gieo từ trước, pháp duyên thiếu sót đã lâu, độc lòng cầu xin thầy thương ban pháp hồi (sự dạy dỗ về mặt pháp), ngõ hầu trong chôn lười trần âm u, được nhờ đuốc tuệ soi sáng thông suốt; trong biển khổ mịt mù, được nhờ thuyền từ phổ độ.”

2. Hôm trước nhận được thư biết bà đã nhận lỗi, xót xa xin sám hối, vốn muốn trả lời ngay, nhưng không rảnh rỗi, nên chần chừ đến nay. Con người sống trong thế gian, phải giữ bốn phần. Y phục, đồ vật, danh xưng đều chẳng nên quá tôn quý, chớ vì muốn đẹp mặt mà xưng hô bừa bãi. Ví như thứ dân xưng bừa là đế vương, tội ắt diệt tộc, chẳng đáng sợ ư? Bà đem đứa con chưa đầy năm bị chết yểu, xưng bừa là Nhiên Đăng Cổ Phật thị hiện, muốn được cái mỹ danh là cha mẹ của Phật, chẳng biết cái tội khinh nhờn, miệt thị cổ Phật cho đến hết đời vị lai cũng chẳng có ngày thoát khỏi địa ngục A-tỳ.

Nếu Quang không nói toạc ra, bà vẫn cứ muốn đem bài thơ đã soạn gửi cho khắp mọi người trong nước, ngõ hầu kẻ vô tri cũng bắt chước dẫm theo vết chân của bà, thì những kẻ gian tà “ngư ông đắc lợi” đều coi đứa con chết yểu là cổ Phật thị hiện. Thoạt đầu chỉ mong được kẻ vô tri khen ngợi, kể đến là dựng tháp, xây miếu, tom góp của cải để làm giàu. Kế đến là những kẻ gian tà cùng nhau tụ tập, bèn lập giáo

môn, lừa dối gạt gẫm kẻ ngu tặc. Lâu ngày dấu vết xấu xa lộ ra khiến cho mọi người cùng chịu phép nước trừng phạt, nhưng trong số những kẻ gian tà đương thời, có những kẻ ẩn nấp giấu mình chưa bị tru diệt, lâu ngày lại dấy lên, giống như bọn Bạch Liên giáo¹⁸ cứ lây nhây không ngừng, là mối hại cho thế gian. Kể từ sau đó, bọn giáo đồ chỉ đổi danh xưng, chẳng đổi bản chất. Lũ ngoại đạo ấy đều chuộng bí mật, dấu là cha con, chồng vợ vẫn đều chẳng bảo cho biết. Do điều bí mật ấy có kết trong tâm kẻ ngu nên bất cứ vị thiện tri thức nào khai thị, chỉ dạy, họ đều chẳng chịu tin theo, như con chó coi phẩn là thơm, không ăn không được! Thường nói với người khác: Thầy ta là vị Phật nọ, vị tổ sư kia xuất thế, ta là vị Phật nọ, vị tổ sư kia xuất thế, mù quáng bịa chuyện để mong được danh văn lợi dưỡng, chẳng tính đến chuyện Phật

¹⁸ Bạch Liên giáo là một tà phái mạo danh Phật giáo trong lịch sử Trung Hoa. Vào năm Thiệu Hưng thứ ba (1133) đời Tống Cao Tông, Từ Chiêu Từ Nguyên (tức Mao Tử Nguyên) hâm mộ di phong của Sơ tổ Huệ Viễn Tịnh độ tông bèn xướng suất dân chúng kết xã niệm Phật, tự xưng là Bạch Liên tông. Nhưng rồi bị môn nhân là Tiểu Mao Xà Lê bóp méo giáo nghĩa, pha trộn các giáo thuyết của Minh giáo (Bái Hỏa giáo, tức Ma-ni giáo, thường bị gọi miệt thị là Ma giáo) và Di-lặc giáo (thoạt đầu đây là một đoàn thể sùng bái Di-lặc Bồ-tát, nguyện vãng sanh Đâu-suất, nhưng rồi bị các phần tử có dã tâm lợi dụng, tạo thành một thứ hội kín nhằm tạo phản). Họ có tổ chức khá quy mô, dự trữ vũ khí, chiêu mộ vũ sĩ. Vào thời Nguyên, giáo phái này tuyên bố Minh Vương xuất thế, Di-lặc Phật hạ sanh, rất có thể lực tại Hà Nam, Giang Hoài, và các nơi khác thuộc lưu vực Trường Giang. Năm Chí Đại nguyên niên (1308), do bị Nguyên Vũ Tông hạ chiếu truy nã, Bạch Liên giáo rút vào hoạt động bí mật. Đến năm Chí Chánh 11 (1351), dưới danh xưng Hồng Cân Quân (quân khăn hồng), Bạch Liên giáo dấy loạn nhiều nơi. Ngay cả Chu Nguyên Chương cũng phải dựa dẫm vào thế lực của Bạch Liên giáo, nhất là phe Hàn Sơn Đồng, để khởi nghĩa chống Mông Cổ. Do vậy, sau khi đánh đuổi xong quân Mông, Minh Thái Tổ (Chu Nguyên Chương) bèn lập kế hoạch truy diệt Bạch Liên giáo, quy định “thủ lãnh bị xử giảo, tín đồ bị đánh một trăm trượng, đầy đi ba ngàn dặm”. Tuy thế, Bạch Liên giáo vẫn tồn tại trong vòng bí mật, đội lốt dưới các tên khác như Niết-bàn giáo, Hồng Dương giáo, Hồng Phong giáo, Lão Tử giáo, La Tổ giáo, Nam-mô giáo, Tịnh Không giáo, Ngộ Minh giáo, Đại Oai Vô Vi giáo, Thiên Lý giáo, Nhất Quán giáo, Hồng Thương Hội... Đến đời Thanh, Bạch Liên giáo vẫn còn tồn tại và chia thành nhiều phái nhỏ như Lão Quan Trai, Bát Quái giáo, Đại Thừa giáo, Cửu Tiên Hội, Đại Đạo Hội, Tiểu Đạo Hội, Thiên Môn Hội, Vô Cực Hội, Kim Đan Đạo, Khoái Đạo, Phiến Tử Hội, Thiên Hoàng Hội, Báo Đức Môn, Vô Cực Lão Mẫu Hội, Thập Tổ Môn, Kim Đan Hội, Tọa Công Hội, Hiền Thánh giáo... Họ lại đề xướng phản Thanh phục Minh, nhằm lôi cuốn những người chống đối Thanh triều. Hai đợt bạo loạn lớn nhất của Bạch Liên giáo là vào năm Càn Long 39 (1774) và cuộc biến loạn tôn giáo vùng Xuyên Sở (sử gọi là Xuyên Sở giáo loạn) thời Gia Khánh. Theo Lao Nãi Huyền, tác giả cuốn Nghĩa Hòa Quyền Giáo Môn Nguyên Lưu Khảo, đến cuối đời Thanh, Nghĩa Hòa Đoàn (Quyền Phi) chính là hậu thân của Bạch Liên giáo, nhưng thuyết này bị nhiều học giả nghi ngờ, phản bác.

pháp bị hoại loạn, khiến cho chúng sanh bị nghi ngờ, làm lạc, sống chịu phép nước, chết đọa ác đạo từ kiếp này sang kiếp khác, không có lúc thoát ra. Mỗi tề ấy lưu truyền chẳng thể kể xiết được!

Hành vi của bà nếu chẳng thống thiết sửa đổi ắt sẽ giống như bọn chúng, chẳng đáng sợ ư? Hãy nên in một tờ thư sửa lỗi sám hối, phàm trước kia đã gửi bài thơ đó cho những ai, nay đều gửi tờ thư ấy ngõ hầu họ biết tường tận. Cái huy hiệu có ba chữ *Niết-bàn thất* hãy đốt đi, những chuyện đã làm lạc tính làm trước kia thấy đều dẹp hết. Dựa theo những điều đã nói trong Một Bức Thư Gửi Khắp, sanh tín, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu thật sự chịu thật tâm bày tỏ sám hối, chắc chắn sẽ được nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận phước tăng, cạy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, lợi ích ấy há diễn tả được chăng? Quang đã vì bà có thể nói là tội bức không gì hơn được nữa, tôi đã trọn hết trách nhiệm, bổn phận của tôi. Nếu bà đọc kỹ nghĩ sâu, ắt sẽ lâm vào tình cảnh lệ ư đầm đìa không thể cầm được!

139. Thư gửi nữ sĩ Ngô Huệ Đức

(Đính kèm lá thư của Tông Xước gửi đến - năm Dân Quốc 28 - 1939)

“Sư tôn từ bi soi xét! Nữ sĩ Ngô Huệ Đức ở bến Á Sa Hán (Sungai Asahan) thuộc đảo Tô Môn Đáp Lạp (Sumatra) tại Nam Dương (Indonesia) trước kia gặp chuyện khốn khó, tai ách, phát tâm thờ Phật đã được tám năm. Trước kia đệ tử là một trong năm người đầu tiên phát tâm thờ Phật tại thành phố Miên Lan (Medan), vốn nằm trong thuộc địa Tô Môn Đáp Lạp của Hà Lan. Mẹ bà ta là cụ Ngô Trần Thị, người huyện Đồng An, tỉnh Phước Kiến, đồng thời được nghe pháp, không lâu sau cũng phát tâm thờ Phật, pháp danh là Hiền Hạnh. Mười năm gần đây, từ thành phố Dân Lễ (Kota Binjai) ở Tô Đảo (đảo Sumatra) chuyển sang sống ở Tân Gia Ba (Singapore) là thuộc địa của Anh, qua đời vào ngày mùng 3 tháng 11 năm nay. Những nét chánh trong cuộc đời cụ đã được con gái cụ là Huệ Đức ghi chép tường tận, xin sao lại trong tờ giấy khác, đính kèm. Nữ sĩ Huệ Đức thường từ Á Sa Hán đến tỉnh Tân Gia Ba thăm viếng song thân. Mỗi lần lui tới đều đến chỗ ở của đệ tử tại đảo Tân Lang (Penang) để hàn huyên.

Trước kia đệ tử đã về nước, lên núi triều bái, đến chùa Báo Quốc ở thành Tô Châu lễ bái, thân cận sư tôn và có lần cùng với mấy vị cư sĩ nam nữ từ Vô Tích đến Tô Châu khẩu kiến, được nghe lời dạy, tán thán đạo tràng tịnh nghiệp Linh Nham,

được trọng vọng ở vùng Đông Nam. Có người phát tâm làm lễ cầu siêu cho tiên linh, được tăng chúng chùa Linh Nham rủ lòng từ thành tựu pháp sự cầu siêu, được thọ ân lớn lao khó thể nghĩ bàn! Sau khi trở về Nam, cũng đã từng tán dương, kể lể với mấy vị tịnh lữ¹⁹. Nữ sĩ Huệ Đức vốn hướng lòng về thầy đã lâu. Lần này, sau khi mẹ bà ta qua đời, tuy do thân hữu kiêu bào đất Mân (Phước Kiến) chủ trương đã cử hành pháp sự cầu siêu tại chùa Long Sơn thuộc Tân Gia Ba là chỗ trụ của tăng chúng quê ở đất Mân, Huệ Đức đã bao lần hướng về cha và quyến thuộc xưng tụng chùa Linh Nham là đạo tràng hy hữu. Nếu có thể thỉnh cầu chùa làm pháp sự siêu độ thì có phước lớn lao chẳng thể sánh ví được. Đã được người nhà đồng ý, bà ta liền đến chỗ đệ tử, giao cho 200 đồng tiền của nước nhà, dặn trình đầy đủ mọi lễ với sư tôn, cầu xin rủ lòng từ phương tiện, chuyển đạt lời thỉnh hòng thành toàn chuyện này, khôn ngăn ghi khắc cảm kích đến cùng cực. Đệ tử Tông Xước kính cẩn khấu đầu!”

* * *

Nhận được thư của nữ sĩ Tông Xước giới thiệu bà xin cầu siêu cho mẹ, biết mẹ con bà đã sớm được gội ân Phật giáo hóa, tin sâu Tịnh độ. Mẹ bà yêu tiếc đồ vật, biến những thứ bị người ta bỏ đi thành những món được người ta quý trọng, tâm nhạy bén, bàn tay khéo léo ấy cũng do nhiều đời vun bồi thành. Đến khi lâm chung, bà lại có thể bảo cả nhà trợ niệm và thỉnh tịnh lữ trợ niệm, nên cụ buông xuống được hết thảy, chỉ nghĩ đến Phật, qua đời rồi đỉnh đầu vẫn còn nóng bừng, vẻ mặt tươi nhuận, có thể là tướng lành chứng tỏ cụ đã vãng sanh. Nay bà lại xin Linh Nham cầu siêu thì phẩm sen chắc sẽ tăng cao. Có thể nói là bà là người đã báo được ân mẹ. So với những kẻ bày vẽ mù quáng, coi giết hại mạng sống loài vật, tụ họp bạn bè tiệc tùng là sang, chẳng biết đấy chính là hành vi của những kẻ đại bất hiếu “cha mẹ đã té xuống giếng còn bị quăng đá” thì khác biệt như một trời một vực vậy!

140. Thư trả lời đại sư Tế Thiện

Nhận được thư hôm trước, do chữ nhỏ, mắt lòa, trời lại âm u, nên chẳng trả lời ngay được. Hôm nay trời quang mây tạnh, bèn dùng kiếng lão lẫn kiếng lúp hỗ trợ để đọc và trả lời đại lược. Những tướng trong mấy năm qua như thầy đã kể thật nguy hiểm quá. May là chưa gặp được đại thiện tri thức có cùng chí hướng, nên biết đấy là cuồng vọng, chẳng đến nỗi do hoảng pháp lại biến thành nghiệp diệt pháp. Nếu

¹⁹ Tịnh lữ: Bạn thanh tịnh, tức bạn cùng tu Tịnh độ.

không, nguy hiểm lắm thay! Đối với pháp tắc tu Tịnh đã nói thì điều vốn là lời thành thật của chư tổ, cố nhiên không có gì chẳng thích đáng. Nhưng người căn tánh viên đốn thọ pháp không pháp nào chẳng viên.

Kinh Vô Lượng Thọ, Quán kinh, kinh A-di-đà tuy sai khác về mặt văn tự, nhưng ý nghĩa dung thông lẫn nhau. Đức Phật vì chúng sanh trong chín pháp giới nói ra, chúng ta há nên chẳng tự lượng, cứ chuyên chú theo cái nhìn của bậc tối thắng ư? Thân trọng sáu hay tám thước, đức Phật đã từng giảng qua cho chúng ta. Đức Phật đã vì kẻ hạ phẩm trước khi đọa địa ngục mà rộng mở pháp trì danh, đây chính là Quán kinh vẫn coi trì danh là hạnh thiết yếu nhất. Kinh Vô Lượng Thọ nói cạn kẽ thế nguyện của Phật và những tướng thanh tịnh, đây chính là bí quyết quan trọng cho người tu tập dựa theo kinh Tiểu Bản (kinh A-di-đà). Do hai kinh này sẽ biết văn tự của kinh Tiểu Bản chỉ là toát yếu. Do vậy biết rằng: Tuy y theo Tiểu Bản, chớ nên nghĩ hai kinh kia không khẩn yếu rồi coi thường!

Đối với sự tu trì, nếu thật sự chí thành thì một lần chiêm ngưỡng, một lay, một lượt xưng danh đều tiêu diệt được vô lượng tội, tăng vô lượng phước, chứ không phải là nhất định phải tu theo một cách nào mới được. Tâm địa thanh tịnh, thánh cảnh hiện tiền, nhưng đây vẫn là những gì ta sẵn có. Há nên như đứa con nghèo nhất được vàng bèn mừng vui quá mức như điên như cuồng? Đã có tình trạng ấy, hoàn toàn là tính cách của phàm tình. Nếu chẳng suy xét phản tỉnh, khó khỏi bị ma dựa. Xưa kia đại sư Trí Giả tụng kinh Pháp Hoa, đến chỗ *“thị danh chân tịnh tấn, thị danh chân pháp cúng dường Như Lai”* (đấy gọi là chân tịnh tấn, đấy gọi là chân pháp cúng dường Như Lai) hoát nhiên đại ngộ, lặng lẽ nhập định, đích thân thấy một hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan. Nếu có tướng trạng mừng rỡ điên cuồng không kiềm chế được thì làm sao nhập định cho được? Suy nghĩ điều này sẽ biết: Thánh cảnh hiện bèn mừng rỡ như điên thì đều là phàm tình, rất trái nghịch thánh trí. Nếu chẳng tự lượng, cũng nguy hiểm lắm thay! Một pháp Tịnh độ chính là pháp môn tông trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thầy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, lắm kẻ muốn làm bậc cao nhân đệ nhất xưa nay bèn coi thường, hủy báng pháp này. Chúng ta nên lấy chư Phật, chư tổ làm thầy, chớ nên lấy những hạng cao nhân ấy làm căn cứ, sẽ được nương Phật từ lực vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này. Nếu không, liễu sanh thoát tử sẽ là chuyện lâu xa lắm!

141. Thư trả lời Trần Huệ Cung và Tôn Huệ Giáp

Nhận được thư khôn ngoan mừng rỡ an ủi, Quang do 58 năm trải đời, biết một pháp Tịnh độ là pháp môn tông trì để mười phương ba đời hết thầy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Những pháp môn khác tuy cao sâu huyền diệu, nhưng phàm phu sát đất ai có thể đích thân chứng được ngay trong đời này để được lợi ích thật sự? Chỉ có tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương là có thể cậy vào Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Đã vãng sanh Tây Phương bèn siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Kẻ thấp nhất đã bằng với Tứ quả A-la-hán trong Tiểu thừa và bậc Bồ-tát thuộc địa vị Thất tín trong Viên giáo. Do vậy biết pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt trong các pháp môn do đức Phật đã nói ra trong cả một đời ngài, chớ nên dùng sự tu chứng của hết thầy các pháp môn để so sánh, bàn định pháp này.

Hiện thời có rất nhiều kẻ đại thông minh, coi Tịnh độ là Tiểu thừa, chẳng những chính mình không tu trì, mà còn lăm cách chê bai bài bác, phá hoại sự tu trì của người khác. Chẳng biết pháp này chính là pháp để phàm lẫn thánh cùng tu, kẻ phàm phu do nghiệp lực sắp đọa địa ngục mà niệm được danh hiệu Phật liền có thể lập tức vãng sanh, bậc Đăng giác Bồ-tát sắp thành Phật đạo vẫn phải dùng công đức của mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc để mong viên mãn Phật quả. Pháp môn Tịnh độ lớn lao thay!

Đáng thương thay, những kẻ đại thông minh chẳng những không tu trì lại còn chê bai bài bác. May mắn thay, ngu phu ngu phụ tín nguyện trì danh được cùng với Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh hải chúng làm bạn lữ. Những kẻ đại thông minh kia đâu có tức phước chẳng bị đọa tam đồ ngay lập tức, nhưng mong được kẻ vai sát cánh với ngu phu ngu phụ vẫn chẳng được. Huống hồ đã báng pháp này, khó khỏi bị đọa lạc! Những kẻ ấy mắc bệnh ham cao chuộng xa, thật sự chẳng biết cội nguồn của sự cao xa, nếu họ thấy chư vị trong Hoa Tạng hải chúng nhất trí tiến hành, dùng mười đại nguyện vương cầu sanh Tây Phương sẽ hồ thẹn muốn chết, đâu dám coi pháp môn này là Tiểu thừa chẳng đáng để tu trì ư?

142. Trả lời thư cư sĩ niệm Phật

(Tức là cư sĩ X... ở Vĩnh Gia được nhắc đến trong Văn Sao Chánh Biên, những lá thư này được viết bắt đầu từ năm Dân Quốc 16 - 1927 đến năm Dân Quốc 26 - 1937 - sao lục đầy đủ)

Hôm qua nhận được thư, khôn ngăn cảm khái, than thở. Đã biết căn bệnh, lại biết thuốc chữa, chẳng chịu uống ngay, lại còn hỏi han thuốc men, há chẳng phải là vô sự sanh sự? Còn như niệm Phật cũng được, niệm Quán Âm cũng được, cần gì phải lăm phen so đo thừa thãi như vậy? Do nỗi khổ trong mặt kiếp nặng nề, đức Quán Âm lòng bi sâu xa, nên Quang thường khuyên người khác niệm kèm thêm danh hiệu ngài để mong mau được ngài từ bi che chở. Niệm Phật cũng chẳng phải là không được cảm thông, mà niệm Phật cũng không phải là chẳng thể niệm kèm danh hiệu Quán Âm. Chuyên niệm hay kiêm niệm đều được, đức Phật cũng từng dạy con người niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát. Vì thế biết là hoàn toàn chẳng trở ngại gì. Nếu niệm Di-đà cầu sanh Tây Phương, lại niệm Dược Sư cầu sanh Đông phương thì không được; còn Di-đà và Quán Âm là cùng một sự, nhưng đức Quán Âm bi sâu nguyện nặng nên thường kiêm niệm để mong mau được cảm thông. Tất cả những thứ nghị luận thừa thãi đều là chẳng cần thiết! Cổ nhân nói: “*Tuân kỳ sở vãn, hành kỳ sở tri*” (Tuân theo điều đã nghe, hành điều đã biết). Hai câu ấy chính là khuôn phép để tu trì chân thật vậy!

Quán Âm chính là cổ Phật quá khứ, làm bậc phù tá đức Di-đà. Niệm Quán Âm cầu sanh Tây Phương vẫn có thể được như nguyện, có gì là không được. So sánh những công đức niệm Quán Âm, Địa Tạng, Di-đà v.v. chính là nhằm khiến cho người ta phát tâm quyết định niệm Phật, chẳng có ý niệm đòi dòi mà thôi. Nếu chấp chết cứng vào lời ấy, chẳng hiểu được ý, sẽ trở thành oan uổng cho đức Phật. Hiện thời mọi người đều đang trong cảnh hoạn nạn, hãy nên nói với hết thảy mọi người “để giải trừ hoạn nạn chỉ có một cách là sửa lỗi hướng thiện, đôn đốc luân thường, chí thành khẩn thiết, xưng niệm danh hiệu Quán Âm”, ấy là diệu pháp độc nhất vô nhị. Bất luận các sự nguy hiểm như nước lửa, đao binh v.v. và bệnh tật do oán nghiệp, thuốc men chẳng thể trị được, nếu chịu tuân theo những điều vừa nói trên đây, chắc chắn sẽ gặp dữ hóa lành, gặp nguy thành an, và oán nghiệp tiêu diệt, không uống thuốc mà lành bệnh. Nhìn vào thời cuộc hiện tại, nguy hiểm muôn phần, nếu chiến sự xảy ra, cả nước không một chỗ nào yên vui cả. Dầu là chỗ chưa bị chiến tranh lan đến thì cái họa thổ phỉ so với chiến tranh còn khốc liệt hơn nữa. Hãy nên bảo hết thảy già trẻ trai gái đồng niệm “*Nam-mô A-di-đà Phật*” và “*Nam-mô Quán Thế Âm*”

Bồ-tát”, ngoại trừ cách này ra thì không có cách tốt lành nào khác. Đối với tai nạn nhỏ thì sẽ gặp dữ hóa lành. Dầu cho mọi người đều cùng chết sạch, người niệm Phật sẽ nương theo Phật lực, hoặc sanh về Tây Phương, hoặc sanh vào đường lành. Chớ nên nói “đã không thể nào tránh khỏi cái chết thì niệm Phật vô ích”. Chẳng biết: Con người được thọ sanh làm người đều do nhân duyên tội phước đã gây trong đời trước tạo thành cái gốc để quyết định sanh vào nhà phú quý hay bần tiện. Người niệm Phật có tín nguyện sẽ được vãng sanh, dầu không có tín nguyện cũng chẳng đến nỗi đọa vào ác đạo, há có nên chẳng niệm để tự mình làm, làm người ư?

Mọi chuyện phải khéo suy nghĩ, chớ nên mặc tình làm bừa. Ngay như hành vi bố thí thường là chuyện lành, nhưng đối với kẻ chẳng biết hổ thẹn lại biến thành chướng ngại, cố nhiên hãy từ chối, không chấp nhận. Nếu kẻ như vậy đến xin, chỉ cho một chút, hấn sẽ tự chẳng đến nữa, cũng chẳng đến nỗi nổi nóng phát cáu, chỉ có cách mặc kệ hấn là hay nhất. Gia Ngôn (lời dạy trong gia đình) của ông Nhiếp Vân Đài khá hay, muốn giúp cho tác phẩm ấy được lưu truyền, có lẽ hãy nên giúp tiền cho ông ấy để tùy ông ta làm sao cho đôi bên đều không bị ngăn ngại.

Mua con vật đem phóng sanh cũng giống như bố thí: Đều cần phải khéo lập cách, đừng định kỳ hạn nhất định, đừng bắt buộc ở một nơi cố định, đừng bàn bạc phải thả một loài vật nhất định, hãy tùy duyên mua rồi đem phóng sanh thì sẽ được lợi ích thật sự. Nếu lập kỳ hạn nhất định, chọn nơi nhất định, thả một loài vật nhất định, sẽ thúc đẩy người khác săn bắt nhiều loại đó. Mua trâu, dê, lợn đều phải có khoản tiền cỏ, tiền thức ăn quanh năm, đây là một khoản tiền lớn. Nhưng mỗi lần có người thả, nếu họ chẳng đóng khoản tiền ấy thì người lo liệu phải mua giùm. Có lẽ nên đem tiền giao cho người trông nom để họ tùy ý, hoặc mua sinh vật, hoặc mua cỏ, thức ăn cho thích hợp. Bài văn khuyên người khác phóng sanh của sư Thọ rất hay, nhưng nên chú trọng khuyên người ta kiêng giết, ăn chay, che chở yêu tiếc sanh mạng loài vật thì chẳng tốn tiền tài, chẳng tạo thành chuyện đánh bắt nhiều, công đức ấy rất lớn.

Trước tượng Tây Phương Tam Thánh không cần phải đắp tượng Phật Thích-ca. Phàm những thứ đeo giắt trên thân như chú Lăng-nghiêm v.v. khi nằm nghỉ, lúc đại tiểu tiện nên cởi ra. Chỉ khi gặp cảnh nguy hiểm cùng cực là có thể không cần tháo ra. Nếu lúc bình thường không nguy hiểm vẫn không bỏ ra, sẽ thành cái tội khinh nhờn không thể kể xiết được. Nếu trong phòng có kinh tượng thì hãy nên hết sức

kính trọng! Hàn Sơn và Thập Đắc²⁰ là do Văn-thù và Phổ Hiền hiện ra, vì thế phải thường giữ lòng kiêng sợ, chẳng dám phóng túng mới nên.

Đồ chay nơi những quán cơm không sạch sẽ, người ăn chay nên vĩnh viễn đoạn trừ những thứ ăn uống giao tế ấy. Nếu người ta mời, bèn viện cớ chẳng thanh khiết để từ chối, vừa khỏi bị người ta mời vừa chẳng bị phí tiền oan uống mời lại người ta. Người ta dùng cái lễ vô lý để mời, không đi đâu có sao.

Dạy trẻ nhỏ nên dạy cận kề làm người phải tự lập chí hướng, đừng nên quở trách nghiêm khắc. Bởi lẽ những học thuyết hiện thời thường đả phá quy củ cũ, nếu quở trách nghiêm ngặt thì con cái sẽ có thể bị kẻ vô tri dụ dỗ mê hoặc, sẽ từ ân biến thành oán. Tuổi nó đã mười lăm, nếu có thể đem lẽ lợi hại nói với nó, ắt sẽ chẳng đến nỗi nó không cảm động mây may nào. Làm như thế mà chẳng cảm động tức là giống như gỗ đá vô tri; nếu nghiêm khắc, đâm ra càng biến thành phản đối. Những kẻ giết cha tự khoe công để được khen thưởng đều là do từng bị trói buộc, muốn phát tiết nỗi hận một phen, chẳng biết sẽ vĩnh viễn bị hãm trong súc sanh, địa ngục chẳng thể thoát ra.

Hãy nên đọc toàn bộ Tứ Thư. Kinh Thư văn lẫn lý rất hay, cũng nên đọc toàn bộ. Đại đạo nơi kinh Dịch có thể để thông thả. Muốn thành học vấn càng phải dốc sức vào nguyên lý “từ hiện tượng biết được pháp tắc”. Phần Đại Tượng²¹ thuộc 64 quẻ của kinh Dịch có thể gom thành một thiên, khắc thành bài minh đặt bên chỗ ngồi, nội dung bài minh ấy cực rõ ràng rộng lớn, cực thân thiết. Chẳng biết tri kiến lãnh hội của những kẻ phê kinh như thế nào? Kinh Thi có thể để từ từ, bởi nếu không phải là người có tư cách đại thông minh sẽ chẳng thể khéo hiểu được ý nghĩa. Lễ

²⁰ Thời ấy người Trung Hoa thường hay tạo hình tượng Hàn Sơn và Thập Đắc gọi là Hòa Hợp Nhị Thánh trưng bày trong nhà hay trong tiệm như một loại bùa cầu may, nên ở đây tỏ dạy không được khinh nhờn tượng hai vị này.

²¹ Trong kinh Dịch, phần giải thích ý nghĩa của 64 quẻ được gọi là Tượng Truyện. Tượng Truyện được chia thành hai phần: Đại Tượng giải thích ý nghĩa tổng quát của mỗi quẻ, Tiểu Tượng giải thích mỗi hào trong một quẻ.

Ký²² và Tả Truyện²³ nên chọn đọc những phần có ích cho thân tâm và quan hệ lớn lao đến sự giáo hóa trong cõi đời.

Trẻ nhỏ thích ăn cắp đồ vật của người khác thì hãy nên hằng ngày bảo nó: “Con người chẳng thể làm chuyện gì khiến lòng áy náy, nếu làm chuyện khiến lòng phải áy náy, dầu cho người khác từ đầu đến cuối chẳng hay biết, nhưng trong tâm chính mình luôn ôm nỗi thẹn thùng. Huống chi thiên địa quỷ thần, Phật Bồ-tát, không một vị nào chẳng biết ư? Sao con chẳng biết tự gắng sức, làm chuyện hạ lưu như vậy? Từ rày nếu vẫn còn ăn trộm đồ của người ta, chắc chắn ta sẽ dẫn con đến trước người ta rập đầu thú tội, trả lại đồ cho người ta. Ngay cả vật chẳng đáng một đồng cũng phải làm như vậy! Lại còn yêu cầu người ta nếu có chuyện con lấy trộm đồ thì phải tận lực đánh đòn, đe nẹt, chớ nên vì thể diện của ta mà chẳng chịu nói, đến nỗi con ngày càng cảm thấy ăn trộm đồ vật chẳng quan trọng, khản yếu chi, thường mong tưởng ăn trộm.

Con hãy suy nghĩ xem: Ví như con người làm việc gì, nếu có ai khen người đó giỏi, hẳn sẽ vui vẻ; chê hẳn dở, hẳn không vui. Sao con lại làm ra sự thể khiến cho người ta phải thóa mạ, khinh bỉ? Nếu ta giấu giếm, che chở cho con, tức là ta dạy con làm giặc. Sau này chắc chắn con hoàn toàn chẳng thể thành người được. Vì vậy ta bảo với con, từ rày trở đi, nếu con ăn trộm đồ của ta, ta nhất định phải đánh con! Nếu ăn trộm đồ của người khác, ta nhất định đem con tới chỗ người ấy rập đầu thú tội và đem đồ vật trả lại cho người ta. Chẳng những con mất mặt mà thật ra ta còn khó chịu hơn con nữa! Do mong con thành người, bất đắc dĩ ta phải kiềm chế con

²² Lễ Ký là một bộ kinh điển trọng yếu của Nho giáo, Khổng tử tự nhận mình chỉ biên tập, chỉnh lý chứ không phải là tác giả. Vào thời Tần Thủy Hoàng, bộ sách này chịu chung số phận bị hủy diệt với những kinh điển khác. Đến thời Hán, dựa theo 130 thiên do Lưu Hưong thu thập được, Đới Đức liền rút gọn lại thành 85 thiên, và tác phẩm này được gọi là Đại Đới Lễ Ký. Về sau, Đới Thánh lại rút gọn bộ Đại Đới Lễ Ký thành 46 thiên, thêm vào các chương Nguyệt Lệnh, Minh Đường Vị và Nhạc Ký, thành 49 thiên. Bộ này chính là Lễ Ký được lưu truyền đến hiện thời. Nội dung Lễ Ký rất phong phú bao gồm các quy chế, điển chương, lễ nghi cũng như những quan điểm đạo đức, phạm trù triết học. Hai chương nổi tiếng nhất là Đại Học và Trung Dung được tách riêng ra, xếp vào Tứ Thư. Khái niệm “thế giới đại đồng” cũng phát xuất từ Lễ Ký.

²³ Tả Truyện, gọi đủ là Xuân Thu Tả Thị Truyện, hoặc Tả Thị Xuân Thu, là một bộ biên niên sử nước Lỗ thời Xuân Thu Chiến Quốc, do sử quan nước Lỗ là Tả Khâu Minh biên soạn. Nội dung ghi chép những sự kiện lịch sử của nước Lỗ trải qua 12 đời vua từ Lỗ Ẩn Công (722-712 trước Công Nguyên) cho đến Lỗ Ai Công (494-468 trước Công Nguyên). Nho gia xếp bộ sách này vào mười ba kinh (Thập Tam Kinh) bắt buộc phải học của Nho sĩ.

như vậy. Con biết lỗi phải sửa đi, gắng sức học cho giỏi để ai nấy đều kính trọng con; do vậy sẽ kính trọng tổ tông, cha mẹ con. Nếu con vẫn không chịu sửa đổi thì cũng giống như con hằng ngày tự chửi bới tổ tông, cha mẹ vậy. Sấm sẽ đánh con! Đây là chỗ ta đại từ đại bi yêu thương con, nếu con biết tốt xấu như vậy thì may ra có hiệu quả.”

Đối với chuyện của đứa con gái lớn, chỉ nên khuyên nó sát sắng niệm Phật, những điều khác chẳng đáng bận tâm đến. “*Thiên định giả thắng nhân, nhân định giả thắng thiên*”, thật ra khổ vui, hên xui mà người đời gặp phải quá nửa là do người ấy đã tạo, có mấy ai một bề giữ nguyên số mạng? Nói chung, người làm ác cuộc đời chẳng thể tốt đẹp đúng như số mạng thì nhiều, người tu thiện biến đổi số mạng xấu hèn thành tốt đẹp thì ít. Hai loại người này đều là “nhân định thắng thiên”. Người đời mỗi khi có ý niệm thiện liền có thể chuyển họa thành phúc, chuyển dữ thành lành, hướng gì suốt đời ăn chay, niệm hồng danh vạn đức của Như Lai mà chẳng thể xoay chuyển tạo hóa ư? Chỉ cần dạy họ thường giữ lòng kính sợ, phát tâm Bồ-đề thì những điều ấy còn có thể làm phương tiện dẫn đường để siêu phàm nhập thánh, hướng hồ những chuyện phúc nhỏ nhất khác mà chẳng thể đạt được ư? Phúc và họa dựa dẫm lẫn nhau, muốn thuận được phúc chẳng mắc họa thì cũng chỉ do chính mình nỗ lực tu trì. Hôn sự của con gái ông, người nhà đã không bằng lòng, hãy nên châm chước, và hỏi con gái ông có ý kiến quyết định hay không? Nếu con gái ông có ý kiến quyết định thì chẳng trở ngại gì. Còn như con gái ông không có ý kiến quyết định, sau này có thể vì chán ghét nghèo cùng, ghét bị trói buộc, lại bị những kẻ ghét nghèo chê bai, oán thán, chắc sẽ chẳng tốt lành gì. Chẳng thể không tính sẵn điều này. Trước hết hãy nên hỏi con gái ông rồi hỏi Phật để quyết định.

Người thế gian tính toán cho con cái phần nhiều đều mưu tính trên gia tài, chứ không tính trên nhân phẩm. Con em nhà giàu chẳng được mấy năm liền bị đói lạnh chết đi, nào có hạn lượng? Kẻ nghèo trắng tay nhẩn nhụi, thành gia lập nghiệp được cả nước tôn sùng, há lại có hạn lượng ư? (Đây là nói theo giới thương nghiệp, bọn quân phiệt không tính vào đây). Do ông đã nhắc đến, nên chẳng thể không bảo cùng ông biện pháp thận trọng. Con gái ông gặp được người thuộc gia đình tốt đẹp như vậy thật là may mắn lớn lao. Gặp năm tháng chẳng vừa ý là tại trời, nhưng tu trì là tại ta, mạng tự ta lập. Nếu có thể thường giữ lòng kính sợ, nhất tâm niệm Phật và niệm Quán Âm thì không nghiệp nào chẳng tiêu, không phúc nào chẳng đưa tới, đây chính là ý nghĩa lớn lao “nhân định thắng thiên” vậy. Nếu cô ta lười nhác, biếng

trẻ, trong tâm không đặt nặng chuyện năm tháng không vừa ý, sẽ thành ra “thiên định thắng nhân”. Xin hãy đem ý nghĩa “lập mạng tu thân” lớn lao này nói với cô ta, ắt cô ta sẽ rửa lòng gột ý, dè dặt, chăm chú tu trì, siêu phàm nhập thánh hãy còn dư, huống hồ khuyết điểm năm tháng nhỏ nhặt ư?

Cô con gái thứ hai nếu chưa hứa gả cho ai, hãy nên chọn một gia đình tin Phật để cho cô ta được xuất giá sớm hồng nhẹ trách nhiệm, khỏi phải lo lắng. Hãy nên bảo cô ta: Hiện thời lòng người chẳng được như xưa, người ta càng phú quý càng nguy hiểm, chớ nên không hiểu việc, cứ muốn chọn gia đình giàu có để mong hưởng phú quý dài lâu. Tuy nhà người ta nghèo, chỉ cốt sao giữ bốn phận là được rồi; nếu thời cuộc biến động, cũng chẳng đến nỗi quá thê thảm. Nếu là nhà phú quý, rất có thể cả thân lẫn mạng đều chẳng giữ được. Ai nấy đều có điều ưa thích, kẻ chuộng danh suông ắt sẽ chẳng chú trọng lợi ích thật sự.

Bà nội kế của ông tuy có mấy chục năm tu trì nhưng vẫn là một kẻ phàm tục, đối với việc vãng sanh sợ rằng càng khó khăn hơn nữa. Nhưng cũng có thể coi điều này như một mũi kim đâm vào đỉnh đầu người niệm Phật: Cần phải buông xuống hoàn toàn sự ham chuộng thể diện tốt đẹp thì mới là người thật sự niệm Phật. Quang cũng chẳng phải là bậc thánh nhân có đủ thần thông, chỉ có thể chí thành hồi hướng cho cụ, chẳng thể làm cho cụ quyết định được vãng sanh. Bà nội kế của ông hành trì đã quy về thuần nhất, nhưng trong lúc ấy nói đến sự lợi ích cầu sanh Tây Phương thì cụ vẫn hơi hàm hồ, càng khó vãng sanh. Do có chút phước tu hành, chắc chắn đời sau bị phước làm mê, sẽ rộng tạo ác nghiệp. Đã tạo ác nghiệp, chắc chắn bị đọa mãi trong tam đồ ác đạo. Biết sự lợi hại này rồi, hãy chớ si tâm vọng tưởng, luyện tiếc trần cảnh thế gian, chẳng nguyện vãng sanh. Cụ thành tựu được sự vãng sanh sẽ có lợi ích rất lớn cho ông và quyền thuộc.

Cư sĩ Chí Liên đã ngoài 70 tuổi, tháng ngày không còn mấy, hãy nên khuyên cụ chuyên tâm dốc chí cầu được vãng sanh, muôn phần chẳng được có chút ý niệm cầu phước báo trời người trong đời sau, ngõ hầu cụ quyết định được vãng sanh. Thêm nữa, lúc cụ lâm chung càng phải khéo giúp đỡ, giữ gìn, đừng để vì không khéo lo liệu mà cụ bị phá hoại tịnh niệm, sự mất mát sẽ chẳng nhỏ nhoi đâu. Thành tựu một người vãng sanh Tây Phương chính là thành tựu một chúng sanh thành Phật. Vốn có thể vãng sanh, nhưng vì chẳng khéo lo liệu, đến nỗi do bị đau đớn, tâm sân nổi lên, hoặc vì đau thương mà dấy tâm yêu mến. Tâm sân hay tâm ái vừa khởi lên thì tịnh

niệm liền bị vẩn đục, dao động, chuyện mong cầu vãng sanh kể như khởi tính nữa. Từ công đức thành tựu một người vãng sanh mà nghĩ đến lỗi phá hoại sự vãng sanh của người khác, thật đáng sợ hãi lớn lao thay! Mạng sống của con người trong thế gian chớp mắt đã qua, một hơi thở ra không hít vào được nữa, chẳng biết lại đi về đâu. Nếu chẳng biết chắc chắn một pháp Tịnh độ, thật đáng sợ hãi đến cùng cực!

Ông Tào Tung Kiều kể: Khi cha ông ta đi học, một bạn học là con nhà phú ông, hết sức đàn độn. Thầy giáo dạy cho hắn, hắn còn chưa hiểu, cha ông Tào vừa nghe liền thuộc được ngay. Gã con phú ông ấy chết sớm, về sau thấy hắn đến nhà ông Tào, rồi chợt chẳng thấy nữa; Tào Tung Kiều bèn sanh được một gái, nay đã 31 tuổi, cực thông minh, học hành hoàn toàn chẳng phải tốn công. Thoạt đầu là con trai phú ông, đời sau làm cháu nội gái của người bạn học. Con người luân hồi, thật đáng sợ thay! Đây chỉ là thay đổi hình tướng nam nữ, chứ kẻ biến đổi toàn thể thì trong mười người đã hết tám, chín. Buồn thay!

Tu hành chẳng si ngốc²⁴, quyết khó thể thành tựu! Nhất tâm niệm Phật chính là chánh niệm chân như lớn lao. Khi chuyện chẳng ngờ trước xảy đến, dầu là chuyện chẳng thể thoái thác được, hãy nên bình tâm hòa khí, suy xét cẩn thận, đáy chính là “xét lời nói, xem vẻ mặt” hết sức kỹ càng. Tâm gấp rút chính là chướng ngại lớn cho người tu hành, buông được cái tâm này xuống thì đương thể sẽ thanh lương. Trong lúc cõi đời rối loạn này, tuổi ông đã gần 50 rồi, nếu chẳng chịu chết lòng niệm Phật, do đọc sách có chỗ không biết bèn muốn học Giáo. Suy tính kiểu ấy, nếu đem hỏi vị pháp sư khác thì chắc vị ấy sẽ bảo là rất tốt; nếu đem hỏi Quang thì Quang sẽ bảo đáy chính là suy tính chẳng tuân giữ bốn phận. Kẻ ngu một chữ không biết kia còn được vãng sanh Tây Phương, nhưng bậc đại thông gia thông Tông thông Giáo sâu xa vẫn không được hưởng lợi ích ấy. Sao ông lại xem đó là điều tiếc nuối? Những cảnh tượng ông đã thấy trong mộng rất tốt, hãy nên nỗ lực, lâu dần sẽ tự được không chướng ngại. Loại hiện tượng ấy cố nhiên chẳng dễ dàng đạt được, nhưng chớ nên vạch đất tự giới hạn không tiến nữa, nếu không do những chuyện ấy mà kiên cường khoe khoang, ắt sẽ có lợi ích thật sự.

²⁴ Ở đây không có nghĩa là người ngu si, đàn độn mới tu hành được, mà có nghĩa là hành nhân phải hiểu mình là phàm phu độn căn, không tự kiêu, ngạo nghễ, không cậy mình thông minh, mà thật thà, chất phác tu hành, không mong ngóng trở thành bậc thông gia diễn giảng Phật pháp hoạt bát hồng phô tài thể trí biện thông, đến nỗi không có sự tu tập thật hạnh.

Niệm Phật tu trì giống như uống thuốc, nếu hiểu rõ giáo lý, giống như biết căn kẽ nguồn gốc căn bệnh, được tánh, mạch lý, rồi sẽ uống thuốc thì có thể gọi là “tự lợi lợi tha”, không chỉ tốt lành bằng. Nếu không được như thế, trước hết chỉ chịu uống thuốc a-già-đà²⁵ đã được đức Phật thay ta bào chế sẵn thì bệnh cũng được lành. Cũng có thể đem thuốc này cho hết thầy mọi người uống để được lành bệnh. Chỉ mong sao lành bệnh, không cần phải buồn lòng vì chẳng biết nguồn gốc căn bệnh, được tánh, mạch lý. Đoạn trừ niệm dâm, niệm sân thật chẳng dễ dàng gì. Nếu chẳng có sở chứng, quyết chẳng thể rút ráo thanh tịnh. Như 12 câu trong sách Cảm Ứng Thiên, “*kiến nhân chi đắc, như kỳ chi đắc*” (thấy người khác đạt được điều gì, giống như chính mình đạt được) v.v., nếu có thể đối với mỗi chuyện đều có thể xét soi tự tâm, dầu tâm chưa thể thuần ngay thì vẫn có thể thường được như vậy. Nhan tử (Nhan Uyên) ba tháng chẳng trái nghịch điều nhân, nhưng vẫn hơi bị gián đoạn, chưa thể hoàn toàn hòa lẫn thành một khối với lòng nhân được. Mong thành thánh thành hiền là do con người tự gắng sức. Nếu phóng túng thì sẽ chẳng thể nào diễn tả được, giống như những kẻ “vì nước vì dân” hiện thời vậy. Chẳng đáng buồn ư?

Người tu hành tâm chớ nên lệch lạc, nếu lệch lạc chắc sẽ mắc bệnh. Thân thể yếu đuối hãy nên lắng lòng chánh niệm để tâm thần chẳng rong ruổi theo bên ngoài, tâm tự quy nhất thì thân cũng dần dần được yên ổn, khỏe mạnh. Nếu muốn được vắng sanh mà tâm này kết chặt chẳng cởi gỡ được, chắc sẽ dấy lên ma sự. Mặc cho nghiệp đến đi, chính mình tự trấn định. Nếu muốn được thành tựu ngay, sẽ như dưa chưa chín đã hái trước, há còn dùng được nữa hay chẳng? Ông bạn X... nọ thần kinh suy nhược, một là do tham sắc, hai là do quá mức vọng tưởng muốn làm chuyện sức mình không thể làm được mà ra. Nếu cởi gỡ được hai điều này, bệnh sẽ tự lành. Nếu không, sau này bị mất trí phát cuồng cũng chẳng biết chừng!

Căn bệnh của Huệ Tịnh càng sâu nặng hơn, đáng than hết sức! Người xưa nói: “*Ninh khả thiên sanh bất ngộ, vật giao nhất thời trước ma*” (Thà cho ngàn đời chẳng ngộ, chẳng để ma dựa một lúc). Người thông minh tự kiêu, đa phần phạm phải căn bệnh này. Do trước đó tự tâm đã chứa sẵn chí khí phô trương, sai trái, hung hăng này, ma bèn thừa cơ xen vào. Nếu chẳng nông nổi, bộp chộp, tự kiêu, ma sẽ lánh xa.

²⁵ A-già-đà (agada), còn phiên là a-yết-đà hoặc a-kiệt-đà, có nghĩa là mạnh khỏe, trường sanh bất tử, không bệnh, trừ khử khắp mọi thứ. Đây là một loại thuốc theo huyền thoại Ấn Độ có tác dụng trị tất cả mọi bệnh, giá trị vô lượng.

Ông ta còn biết cầu Quán Âm, cầu cứu Quang. Đức Quán Âm đại từ đại bi, ông ta sẽ được ngài từ bi che chở, Quang là nghiệp lực phàm phu chỉ có thể khẩn nguyện, hồi hướng cho ông ta, đâu có thể như bậc thánh nhân thần thông chữa cho ông ta lành bệnh từ xa được? Nay tính kế cho ông ta, đem 50 đồng ông ta đã cúng gởi sang Linh Nham Sơn Tự để họ lập một bài vị Trường Sanh Liên Vị²⁶ cho ông ta (sinh tử đều vô ngại, Trường Sanh Lộc Vị chỉ thích hợp cho người sống), thờ trong niệm Phật đường. Lại vì ông ta trì chú Đại Bi hai ngày, mong cậy vào Phật lực, Pháp lực, chúng tăng lực, ắt sẽ được lành bệnh.

Linh Nham cách thành Tô Châu hơn 20 dặm, là một đạo tràng cổ; 20 năm trước đã giao về tay hòa thượng Chân Đạt, gần đây đổi thành đạo tràng thập phương, 30 vị sống ở đó chuyên tâm tu tập, niệm Phật suốt năm. Cũng không có chuyện khách thập phương lui tới cúng bái, cũng chẳng làm Phật sự, cũng không truyền giới, công khóa rất nghiêm mật, cả tỉnh Giang Tô không có đạo tràng nào như vậy. Huê lợi mỗi năm chẳng quá một ngàn đồng, lập chương trình: Nếu chi dụng cho 20 người sống ở đó không đủ, hòa thượng Chân Đạt sẽ bù thêm. Hai năm gần đây, do có người đả Phật thất, nên số người cũng đông hơn, nhưng vẫn vừa đủ chi dụng. Phật thất vừa nói đó mỗi lần cử hành đều viết thư thông báo, nhưng số người trong vùng đến dự mười phần chưa được một. Chùa Linh Nham chỉ niệm Phật, ngay cả Diệm Khẩu cũng không thực hiện.

Đu đủ trừ được phong thấp. Nếu muốn cho ấm, chẳng ngại gì mua đu đủ tươi, rồi tạo cách giữ cho nóng bằng cách buộc trên đùi, loại tươi có tác dụng mạnh nhất. Quang do sợ lạnh, nên dùng loại đu đủ khô cắt thành miếng. Cháu ngoại gái của ông thiếu sữa hãy nên dùng sữa bò. Con dâu trưởng của ông Vương Ấu Nông mất, cháu nội là Tích Quan chưa đầy năm, liền cho bú bằng sữa bò, chưa hề phải mướn nữ

²⁶ Trường Sanh Liên Vị, hơi khác với Trường Sanh Lộc Vị, là một bài vị màu vàng, ghi tên những người còn sống hay đã chết trong một khung hình hoa sen, thường được bày trong niệm Phật đường ở phía sau bàn Quán Âm (nếu có thêm bàn thờ riêng Quán Âm ngoài bàn thờ chính thờ tượng Tam Thánh), hoặc gắn lên vách tường bên trái bàn thờ chánh (đối với người còn sống), hoặc thờ sau bàn Địa Tạng (nếu người ấy đã mất) nhằm đem công đức niệm Phật hồi hướng cho những người ấy để còn sống sẽ được tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng phước tuệ, nhất tâm tu trì, khi lâm chung sẽ nhờ phước lực niệm Phật của mọi người và sức tu trì của chính mình được vãng sanh Cực Lạc. Trường Sanh Lộc Vị thường có màu đỏ và không có hình hoa sen, chỉ ghi tên người sống. Mục đích của cả hai loại bài vị này là dùng công đức niệm Phật huân tập tâm thức, hồi hướng, gieo thiện duyên cho người được ghi danh.

mẫu. Phàm mọi chuyện nên định lượng lợi hại, được mất từ trên căn bản, hãy cân nhắc nặng nhẹ để chọn cách thực hiện.

Bệnh lác²⁷ thật khó trị nhất, dễ truyền nhiễm nhất. Thuốc cao thương nhĩ²⁸ hiện thời quả thật trừ khử được họa hại, tăng phúc lợi lớn nhất cho xã hội. Tuy chẳng thể tránh khỏi tổn thương đến sanh mạng loài trùng, nhưng thuốc ấy có lợi ích lớn lao. Huống chi Quang còn bảo kẻ chế thuốc cao và người uống đều niệm Quán Âm nữa ư? Nếu theo như ý ông, cứ dẫn lời ông Đào Ân Cư (viết sai là Quân) để rồi kiêng kỵ, sẽ làm hại người bị bệnh lác, mặc cho người ấy cứ mắc bệnh mãi để rồi thường truyền nhiễm ư? Mong hãy dứt khoát bỏ đi ý nghĩ ấy!

Nói đến căn bệnh của người bạn tên X... nọ, chẳng biết ông ta có cho [những lời Quang nhận định] như vậy là đúng hay không? Lúc này đúng nhằm lúc thời cuộc từ ngàn xưa chưa hề có, nhưng ngay trong lúc này, ông ta vẫn cứ buồn vì đã 50 tuổi mà chưa có con, chẳng biết đoạn nghiệp chủng ấy để mai sau chẳng đến nỗi rộng tạo ác nghiệp, di hại cho xã hội, con cháu, điểm nhục tổ tông, cha mẹ thì may mắn chi hơn?

Về sách Nhân Phổ, trước kia ông Minh Đạo chỉ đem đến một cuốn Nhân Phổ Loại Ký²⁹, nói ông Đậu Tồn Ngã muốn ấn hành lưu thông, xin tôi khuyên, điểm câu

²⁷ Nguyên văn là *đại ma phong* (bệnh cùi). Theo mạch văn ở đây, có lẽ là một loại bệnh gây lở loét ngoài da, chứ bệnh cùi đến nay vẫn chưa có thuốc trị, và không phải là căn bệnh ai cũng bị lây. Hơn nữa, trong phần dược tách của lá thương nhĩ không thấy nói chữa được bệnh cùi. Do vậy chúng tôi tạm dịch là “bệnh lác”.

²⁸ Thương nhĩ (tên khoa học là *xanthi sibiricum*), còn được gọi là quyền nhĩ, tước nhĩ, địa quỳ, dương phụ lai, đạo nhân đầu, tiến hiền thái, dã gia v.v., là một loại thảo mộc thuộc họ cúc, thường mọc hoang, trổ hoa vào khoảng giữa hạ sang thu, có trái hình trứng, khắp thân cây mọc đầy gai rất cứng. Loại thực vật này có chất độc, đôi khi có thể gây ra tử vong. Theo Đông y, thương nhĩ tánh ôn, vị cay và đắng, có tác dụng đi vào kinh Phế, thường dùng để chữa phong thấp, đau đầu do cảm mạo, trừ các chứng ghê lở, ngứa ngáy, mụn nhọt, ù tai... Tuy thế, liều lượng sử dụng phải hết sức cẩn thận. Trong khoảng 1960-1962, tại Trung Quốc đã có 30.119 trường hợp bị ngộ độc, trong số đó có 405 người chết vì dùng thương nhĩ.

²⁹ Nhân Phổ và Nhân Phổ Loại Ký là hai cuốn sách do Lưu Tông Châu soạn vào đời Minh. Nhân Phổ gồm những phương châm nói về quan điểm làm người, nêu rõ lỗi lầm và phương cách sửa đổi lỗi lầm theo quan điểm Nho gia. Bộ Nhân Phổ Loại Ký tập hợp những giáo huấn của thánh hiền bên Nho học, chia thành từng loại với mục đích giáo huấn hàng sơ học theo quan điểm của Tống Nho. Cả hai bộ này đều được đưa vào Tứ Khố Toàn Thư.

văn³⁰ cho dễ đọc. Đến cuối tháng, Minh Đạo và Tồn Ngã đến cầm theo hai bộ sách trọn vẹn, một bộ in theo lối chữ to, một bộ in thạch bản chữ nhỏ. Như vậy là Nhân Phổ Chánh Biên một quyển, chỉ gồm hơn một trang, và Nhân Phổ Tục Biên quyển một và quyển hai, tổng cộng là 18, 19 trang³¹. Lời tựa mở đầu sách ấy đúng là đả phá bài xích nhân quả báo ứng đến tột cùng. Văn tự của họ Hàn, họ Âu dẫu nhiều đến đâu đi nữa cũng chẳng quyết liệt bằng bài tựa gần được 400 chữ này! Độc tánh của bài tựa ấy ắt sẽ khiến cho kẻ khác giết cha hại mẹ chẳng hề do dự, run sợ mấy may nào, xui khiến cho con người trong cả đời đều biến thành cầm thú hết mới thôi.

Cung cách giảng về chánh tâm thành ý của những tiên sinh bên Lý học như thế chính là đả phá, bài xích cội nguồn của chánh tâm thành ý chẳng tiếc sức chút nào. Họ chỉ muốn làm cho con người tận nghĩa tận phận, nhưng chẳng biết: Đã phá bỏ nhân quả thì thiện không có gì để khuyến, ác không có gì để trừng phạt, phóng túng không kiêng dè, không điều ác nào chẳng làm, chẳng đáng buồn ư? Chết độc khiến cho đất nước thoi thóp, dân không lẽ sống hiện thời đều là do những vị tiên sinh Lý học này đã hạ độc từ trước, đến nay mới bắt đầu phát tác mạnh mẽ. Do vậy tôi bèn bảo ông Tồn Ngã: “Muôn vàn chớ nên lưu thông sách này, chỗ tốt của nó thì các thiện thư đều có, còn chỗ sai lầm của nó đúng là móc bỏ chánh nhãn của người đời sau trong thiên hạ. Vì thế hãy nên bỏ đi ý định ấn hành. Những sách chú thích Công Quá Cách cũng chẳng phải là sách thích hợp căn cơ, vì con người hiện thời phần nhiều chán nghe những chuyện nhân quả, luân thường, chỉ có người chân tâm tu trì mới chịu đọc mà thôi. Sách Lịch Sử Thống Kỷ bất luận là người tin Phật hay báng Phật đều chịu xem, bởi đó là những chuyện được chép trong sách sử. Dẫu kẻ coi nhân quả là hư vọng, phô phang trống rỗng, ưa tỏ vẻ là bậc đại thông gia trước mặt người khác, nếu đọc sách này, chẳng khỏi bị cảm hóa! So với hết thảy các thiện thư thì sách này là thiết yếu nhất để đạt được lợi ích thật sự.” Tiếc cho con người chẳng để ý. Nếu để ý, kẻ ngu liền thành trí, kẻ cuồng bèn thành thánh vậy.

³⁰ Trước kia, người Trung Hoa viết văn không chấm câu, nên có những tác phẩm khi tái bản phải nhờ người học rộng cân nhắc kỹ lưỡng rồi mới chấm câu để người đọc khỏi tự chấm câu bừa bãi, hiểu sai ý tác giả.

³¹ Ở đây chúng tôi dịch theo đúng nguyên văn, nhưng vẫn sợ rằng nguyên bản chép lầm, vì cả một bộ sách được chia thành ba quyển mà tổng cộng chỉ gồm 20, 21 trang (Chánh Biên gồm hai trang, Tục Biên 2 quyển gồm 18, 19 trang) thì quá ít! Với số lượng trang quá ít như thế, không ai chia thành ba quyển làm gì. Chúng tôi đoán có lẽ là 189 trang, nhưng vẫn tôn trọng nguyên bản nên không dám sửa theo ý kiến riêng, chỉ xin ghi lại như một điều tồn nghi.

Họ Trầm tâm cực thành khẩn, nhưng lời lẽ phần nhiều thiên chấp, tri thức cũng khó người giống như Ngọc Phong, trước đây tôi đã nói với ông Úy Như như thế. Còn như lưu thông hay không, cứ mặc cho người ta làm, không đả phá mà cũng chẳng tán thành, tôi cũng chẳng dính vào hai chuyện ấy. Ông Hứa Chỉ Tịnh lại còn sửa chữa, bổ sung đại lược sách Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ, những điều được ông ta thêm vào tuy đại lược nhưng có tầm quan hệ lớn lao, nói chung thêm vào hơn một vạn chữ. Cư sĩ Lý Kỳ Khanh tính bỏ ra hai ngàn đồng để khắc in một bản, phỏng chừng phải mất hai năm mới in thành sách hoàn chỉnh. Thượng Hải lại cho tái bản, hiện đã giao cho Quốc Quang Thư Cục đúc bản kẽm mới, sẽ giao cho nhà in trong khoảng tháng 8, chắc có thể in thành sách trong năm nay. Hiện thời pháp diệt, Nho và Thích đều như nhau, không có loại sách này thì chẳng có gì để uốn nắn lòng người cho ngay thẳng, duy trì thế đạo được. Vì thế Quang vẫn còn phải lo toan đôi chút. Đối với việc giáo chánh, đối chiếu v.v., ở Giang Tây có một vị tăng tên là Đức Sâm tánh khá tử mỉ, chịu khó, hiện đang trụ tại chùa Báo Quốc, giáo chánh kỹ càng.

Muốn tụng chương Quán Âm Viên Thông³², hãy nên niệm trọn bài văn tiếp theo đó. Tuy phần kinh văn ấy chẳng chuyên nói về phép viên thông của đức Quán Âm, nhưng văn lẫn nghĩa thấu lý tột cùng, viên diệu không gì bằng được. Nếu lược bỏ đi không đọc cũng chẳng có tội lỗi gì, nhưng đầu đuôi không được toàn vẹn, trở thành cái bệnh chọn lựa. Nên tụng cho đến hết phần sau bài kệ chọn lựa pháp viên thông của ngài Văn-thù, tức là phần kinh văn trường hàng từ “*lúc bấy giờ, A-nan và các đại chúng...*” cho đến “*vô lượng chúng sanh đều phát tâm Vô đẳng đẳng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*”, tụng như vậy thì một đại sự nhân duyên viên thông của đức Quán Âm mới được trình bày trọn vẹn; hoặc chuyên niệm phẩm Phổ Môn cũng được. Nếu tụng phép viên thông của ngài Quán Âm thì phải tụng đúng như sách Quán Thế Âm Bồ Tát Tích Cảm Ứng Tụng đã sao lục. Trước kia ông Hứa Chỉ Tịnh cũng đem phần kinh văn trường hàng sau bài kệ ấy trích lược đôi chỗ, Quang cho sao lục toàn bộ để đại sự ấy hoàn toàn không bị khiếm khuyết thì mới nên.

Kinh Kim Cang được rất nhiều người chú giải, muốn tìm một bản gọn ghẽ, thoáng đạt, dễ đọc thì hãy nên thỉnh bản chú giải của Tông Lặc³³ để xem. Ý nghĩa

³² Quán Âm Viên Thông Chương tức là đoạn kinh Lăng-nghiêm nói về pháp tu Viên Thông “phản văn tự tánh” (xoay trở lại nghe nơi tánh) của ngài Quán Âm.

³³ Tông Lặc (1318-1391) là một vị tăng thuộc tông Lâm Tế, sống vào đầu đời Minh, người Thái Châu (nay là huyện Lâm Hải, tỉnh Chiết Giang), có hiệu là Toàn Thát. Năm 8 tuổi, sư đã đến xin

kinh văn của phẩm Tịnh Hạnh³⁴ pháp nào cũng viên thông, chớ nên chấp chết cứng vào từng chữ từng câu. Những đoạn như “*được thức ăn ngon, trọn thỏa ý nguyện, tâm không còn mong muốn*” đều bao gồm ý nghĩa đoạn hoặc chứng chân trong ấy, nếu chỉ hiểu là chuyện ăn uống thì hoàn toàn trái nghịch ý nghĩa của kinh mất rồi. Còn như bài kệ “*Sở tác giai biện, cụ chư Phật pháp*” (việc làm đã xong, đầy đủ Phật pháp), há chẳng bao gồm ý nghĩa vắng sanh Cực Lạc trong ấy hay sao? Vì thế đương nhiên phải tụng đúng theo kinh. Nếu như ông nói, người niệm Phật đối với mỗi bài kệ trong phẩm Tịnh Hạnh đều nên sửa đổi, làm như vậy sẽ trở thành làm chuyện sai quấy, trái nghịch kinh mất rồi. Quang chưa rảnh rồi để giải thích Triệt Ngô Ngũ Lục.

Nhất sanh bổ xứ là danh xưng chung để gọi những vị phá vô minh, chứng pháp tánh, há có nên giải thích là số lần sanh vào trong nhân gian? Các vị Bồ-tát ấy chứng vô sanh sâu xa, trong khoảng một niệm cũng có thể thị hiện sanh trong khắp các cõi. Tuy bao lượt thị hiện giáng sanh, nhưng thật sự chẳng có tướng sanh nào để đạt được cả, do vậy gọi là vô sanh. Nếu chỉ hiểu “chẳng sanh” là vô sanh thì có khác gì hành tướng “khôi thân mẫn trí”³⁵ của Tiểu thừa đâu? [Các vị Nhất sanh bổ xứ] biến dịch

học với ngài Tiểu Ấn tại chùa Tịnh Từ ở Hàng Châu, 14 tuổi được xuống tóc, 20 tuổi thọ cụ túc. Do sở học tinh thâm, sư cùng với sư Như Phi soạn Lăng-già Kinh Chú Giải, Bát-nhã Tâm Kinh Chú Giải và Kim Cang Bát-nhã Kinh Chú Giải. Sư còn soạn ra Tán Phật Nhạc Chương. Năm Hồng Vũ thứ 10 (1377), sư qua Tây Vực cầu pháp, thỉnh được các kinh Trang Nghiêm Bảo Vương và kinh Văn-thù v.v.. Khi về nước, sư từng giữ chức Hữu Thiện Thế quản nhiệm Tăng lục ty, tức cơ quan quản lý tăng sĩ cả nước thời ấy. Do triều thần ghen ghét, sư bèn lui về ẩn cư tại am Viên Thông cho đến khi mất. Bản chú giải được tổ Ấn Quang nhắc đến ở đây chính là Kim Cang Bát-nhã Kinh Chú Giải.

³⁴ Phẩm Tịnh Hạnh là phẩm thứ bảy trong bản Bát Thập Hoa Nghiêm do ngài Thật-xoa-nan-đa dịch vào đời Đường. Trong phẩm này, Trí Thủ Bồ-tát hỏi Văn-thù Bồ-tát về phương pháp giữ cho thân - ngữ - ý đều thanh tịnh, thù thắng, không bị hủy hoại, không bị thoái chuyển, cũng như đắc các môn giải thoát tam-muội niêm tịnh trí lực, tức trụ niệm trí lực v.v.. Nhân đó, Văn-thù Bồ-tát liền dạy phương pháp quán niệm trong mỗi hành động, chẳng hạn như: “Bồ-tát ở tại gia, nên nguyện chúng sanh, biết tánh của nhà là không, thoát khỏi bức bách, hiểu thuận cha mẹ, nên nguyện chúng sanh, khéo thờ đức Phật, bảo vệ, nuôi nấng hết thảy. Vợ con tỵ tập, nên nguyện chúng sanh, oán thân bình đẳng, vĩnh viễn lìa khỏi tham đắm...” Thậm chí trong những hành động nhỏ nhất như xĩa răng, súc miệng, tắm rửa, đi vệ sinh, đều luôn quán tưởng. Những bài kệ trong Tỳ-ni Nhật Dụng đều trích từ phẩm Tịnh Hạnh. Ba câu tự quy y trong kinh Nhật Tụng cũng trích từ phẩm Tịnh Hạnh này. Câu “được thức ăn ngon, trọn thỏa ý nguyện, tâm không còn mong muốn” được tổ Ấn Quang nhắc đến ở đây chính là một phép quán niệm trích từ phẩm Tịnh Hạnh.

³⁵ “Khôi thân mẫn trí” (nói phổ biến hơn là “khôi thân diệt trí”) là một từ ngữ diễn tả cảnh giới tịch diệt vắng lặng của thánh nhân Nhị thừa, thân không còn bị ngũ dục lay chuyển, vắng lặng,

sanh tử³⁶, chứ không thật sự sanh tử. Vì tuy đã liễu sanh tử nhưng vẫn còn vô minh hoặc chưa thể nhanh chóng đoạn sạch được, nên phải nhiều lần đoạn hoặc, nhiều lượt chứng chân. Ước theo ý nghĩa sở đoạn nên gọi là *tử*, ước theo ý nghĩa sở chứng nên gọi là *sanh*. “Địa vị Bồ xứ Phật” và “đạt đến địa vị Bồ xứ” ý nghĩa chẳng hai.

Ông cho rằng “thành Phật chính là đạt đến địa vị Bồ xứ”, nhưng mỗi vị Phật thành Phật có cơ duyên riêng, há nên chấp chết cứng? Chỉ cần phá vô minh, chứng pháp tánh thì hoặc là thành Phật ngay, hoặc phải trải qua nhiều kiếp dài lâu mới thành Phật, đều tùy thuộc cơ duyên của mỗi vị như thế nào mà thôi. “*Chúng sanh sanh giả, giai thị A-bệ-bạt-trí*” (Chúng sanh vãng sanh cõi Cực Lạc đều là A-bệ-bạt-trí), A-bệ-bạt-trí và Nhất sanh bồ xứ cũng đều thuộc trong số ấy, nhưng để chỉ rõ những vị thuộc vào địa vị sâu xa số lượng rất nhiều nên kinh Di-đà lại nói: “*Kỳ trung đa hữu Nhất sanh bồ xứ*” (trong số ấy có nhiều vị Nhất sanh bồ xứ). Đừng luận định các vị thượng thiện nhân cõi Cực Lạc bằng cách chấp chết cứng vào giáo lý. Há nên dùng câu nói trên đây để kết thúc phần nói về tam bất thoái? Địa vị bất thoái thứ ba là Niệm bất thoái, chính là những vị từ Sơ trụ cho đến Đẳng giác trong Viên giáo, chớ nên giới hạn, đặt tam bất thoái nằm ngoài số những vị Nhất sanh bồ xứ. Hãy nên nghiền ngẫm kỹ chữ “giai” (đều) và chữ “kỳ trung” sẽ chẳng tự làm lẫn tách rời [tam bất thoái khỏi Nhất sanh bồ xứ].

Kinh A-di-đà nói giản lược, nhưng công phu, công đức của mỗi người vãng sanh đều sai khác vô lượng vô biên, phẩm vị vãng sanh cũng khác nhau vô lượng vô biên. Nói “chín phẩm” bất quá là nêu sơ lược đại cương mà thôi. Nếu đạt đến nhất tâm bất loạn thì giống với [những người vãng sanh thuộc địa vị] thượng phẩm thượng sanh

không còn phiền não, dục vọng, giống như tro nguội, trí không còn vọng tưởng lăng xăng, chìm lặng trong cảnh tịch định. Gọi là “mẫn trí” hay “diệt trí” vì trí của các vị thánh nhân Tiểu thừa vắng lặng, nhưng không có công năng “quán chiếu, thấu hiểu mọi cảnh nhưng không chấp trước vào cảnh” như các vị đại Bồ-tát, tức là “tịch nhưng không chiếu”.

³⁶ Biến dịch sanh tử, còn gọi là “vô vi sanh tử”, là sự sanh tử của hàng A-la-hán, Bích-chi Phật cho đến Đại lực Bồ-tát. Do dùng nghiệp phân biệt vô lậu làm nhân, dùng vô minh trụ địa làm nhân để chiêu cảm báo thân thù thắng, vi tế, màu nhiệm. Do dùng đại nguyện đại bi vô lậu để chuyển biến cái thân sanh tử có hạn lượng (phần đoạn sanh tử) thành cái thân vi diệu thù thắng, thân ấy do nguyện lực cảm thành nên gọi là biến dịch (thay đổi). Do thân này vì nguyện lực cảm thành nên diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn, vì thế còn gọi là “bất tư nghị thân”. Do nguyện lực cảm thành nên khi thế nguyện đã mãn, hoặc cơ duyên hóa độ đã hết bèn xả thân, chứ không phải vì nghiệp lực quyết định thọ mạng; vì thế, gọi là “biến dịch”, tức thay đổi theo hoàn cảnh và căn cơ của người được hóa độ.

như trong Quán kinh đã nói. Người chưa đạt nhất tâm và kẻ ác nghiệp nặng nề sắp bị đọa địa ngục cố nhiên giống hết như những vị vãng sanh thuộc các phẩm trung và hạ trong Quán kinh, chứ không phải là kinh này chuyên tiếp dẫn người nhất tâm bất loạn, những kẻ khác đều chẳng phải là căn cơ được nhiếp thọ bởi kinh này. Hiểu như vậy thì cố nhiên ba kinh là một kinh. Nếu không, chính là chấp văn trái ý, lỗi chẳng phải nhỏ! Tịnh độ hoàn hảo có người viên chứng, có kẻ chưa thể viên chứng ngay. Dù chưa thể viên chứng nhưng đã liễu sanh tử, không còn có chuyện luân hồi sanh tử nữa, vẫn ngay trong một đời này được dự vào hàng Bồ xứ, được thành Bồ-đề. So với những kẻ cậy vào tự lực nhưng chưa viên chứng thì khác nào một trời một vực, do vậy cũng có thể gọi là “viên chứng”.

Ông cho rằng: “Nếu sanh vào cõi ấy, chứng Phương tiện, Thật báo, Tịch quang có nhanh hay chậm sai khác, vì thế không một ai hễ sanh bèn chứng ngay.” Đọc phần kinh văn trong Quán kinh dạy về chín phẩm vãng sanh ắt biết liền. Đối với những điều khác được nêu bày trong phần kinh văn tiếp theo đó, ông hiểu quá sai ý nghĩa. “*Đoạn sạch kiến - tư, ra khỏi Đồng cư, vào cõi Phương tiện, đoạn sạch trần sa và phá một phần vô minh bèn ra khỏi Phương tiện, vào Thật báo. Đoạn sạch vô minh, ra khỏi Thật báo, chứng cõi Tịch quang.*” Đây chính là ước theo sở chứng sâu hay cạn, ước theo điều đã đạt được là thô hay diệu mà nói; đọc kỹ phần luận về bốn cõi tịnh độ trong Di-đà Yếu Giải sẽ tự biết. Hơn nữa, trong Văn Sao từng nói Thật báo và Tịch quang vốn là một cõi. Ước theo lý tánh bèn gọi là Tịch quang, ước theo quả báo gọi là Thật báo. Cõi Tịch quang không có tướng, cõi Thật báo có đủ các tướng thù thắng trang nghiêm với số lượng nhiều như số vi trần trong một cõi Phật. Phá một phần vô minh bèn phần chứng Thật báo, mà cũng chứng một phần Tịch quang. Vô minh phá sạch bèn rốt ráo Thật báo, rốt ráo Tịch quang. Để dễ hiểu, những người giảng giải quy kết *phần chứng* vào Thật báo, quy kết *cứu cánh* (rốt ráo) vào Tịch quang. Cần biết rằng, Thật báo và Tịch quang đều có phần chứng, đều có cứu cánh. Ông muốn tỏ rõ lý viên mãn của Tịnh độ, nhưng đối với ý nghĩa “viên chứng bốn cõi Tịnh độ” lại nêu lên ý nghĩa “viên xuất cõi này” (thoát khỏi trọn vẹn cõi này - tức cõi Phàm thánh đồng cư) thì đâm ra ăn nói sai quấy mất rồi. Đoạn hết kiến tư xong là ra khỏi Đồng cư; đoạn trần sa, phá vô minh xong, chẳng còn phải đèo bồng Đồng cư nữa³⁷, hướng hồ là đã đoạn sạch vô minh, cần chi phải thoát khỏi hai cõi

³⁷ Do người đã đoạn trần sa xong bèn chứng cõi Phương tiện, đã đạt đến cảnh giới ấy, sẽ không còn thấy có cảnh giới Đồng cư (sách Di-đà Yếu Giải gọi là “thoát khỏi Đồng cư”), tức là không

Đồng cư, Phương tiện nữa ư? Chẳng biết: Do phàm phu được dự vào Bồ xứ nên tại Đồng cư đã thấy trọn vẹn cả ba cõi trên. Đây là đã chứng nhập địa vị sâu, há còn nói là “thoát khỏi Đồng cư, Phương Tiện v.v.” nữa ư?

“Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc” là bốn câu khó lãnh hội nhất. Lời chú giải của mỗi tác giả đều dựa trên cái thấy của chính mình. Theo ngu kiến của Quang, bản thể của sắc chẳng thể đạt được, há không còn có thực tế để đạt được hay sao? Hai câu sau nhằm giải thích thêm về ý nghĩa của hai câu trước đó. Thật sự thì ngay cả không lẫn sắc đều chẳng thể đạt được, *thọ tướng hành thức* cũng giống như thế, đây chính là “chiếu kiến ngũ uẩn giai không”. Ngũ uẩn đều chẳng thể đạt được, ấy chính là thật tướng của chân không. Vì thế gọi là “chư pháp không tướng” (tướng không của các pháp). Do “chư pháp không tướng” này bèn chẳng có sanh, diệt, cấu, tịnh, tăng, giảm và ngũ âm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, tứ đế, thập nhị nhân duyên, lục độ, trí tuệ cùng với Niết-bàn (Niết-bàn là thật tế của chữ đắc). Chỉ vì trong thật tướng, chẳng có các pháp thánh phàm v.v. ấy nên có thể tu nhân chứng quả từ phàm đến thánh. Ví như nhà trống thì người mới ở trong ấy được. Nếu chẳng trống, vậy làm sao con người ở được? Do không nên mới có thể chân tu thật chứng. Nếu chẳng không, sẽ chẳng có tác dụng này. Chớ nên hiểu lầm! Hiểu lầm sẽ phá hoại chánh pháp của chư Phật, coi lý là sự, đây gọi là “tà kiến”, chẳng gọi là “biết pháp”, hãy nên suy nghĩ cặn kẽ. Thuyết này của Quang có chỗ chẳng phù hợp ý kiến của cổ đức, nhưng ý nghĩa tổng quát chẳng đến nỗi vô cùng trái nghịch kinh Phật, cũng có thể xem như một thứ kiến giải “thấy ngọn, thấy rễ”³⁸ vậy.

còn phân biệt nhân - ngã, thánh - phàm, nên gọi là “thoát khỏi Đồng cư”, vì thế tổ mới nói “chẳng cần phải đèo bè Đồng cư nữa” (vì không chấp vào cảnh Đồng cư nữa). Cư sĩ niệm Phật lại tưởng lầm bốn cõi tách biệt nhau, có cảnh giới để lần lượt vượt thoát, nên mới lập luận rằng những vị đã đoạn trần sa sẽ thoát khỏi cõi Đồng cư trọn vẹn. Do người đã vãng sanh, liền dự vào địa vị Bất thoái nên thấy được cả ba cõi trên, tức là lãnh ngộ, phần chứng được cảnh giới thù thắng của ba cõi trên, nhưng chưa hoàn toàn thụ dụng được, mới chỉ ngộ, nhưng chưa chứng, nên gọi là “thấy”, chứ chưa gọi là “nhập”.

³⁸ Đây là một thành ngữ dựa theo câu nói “*trắc kiến thành phong, hoành kiến thành lân, túng giai bất tận Lô Sơn chân cảnh*” (nhìn phía bên thấy đỉnh, nhìn ngang thấy thành răng, vẫn chẳng thể trọn hết cảnh Lô Sơn thật sự). “Thấy đỉnh, thấy răng” hàm nghĩa là do nhìn từ những góc độ khác nhau, sẽ hiểu vấn đề khác nhau, nhưng vẫn không xa bản chất của sự vật.

Trong thư trả lời cư sĩ Hương Nghiêm, đại sư Triệt Ngộ có viết bốn câu: “*Tâm ngoại vô Phật, Phật ngoại vô tâm, toàn tâm tức Phật, toàn Phật tức tâm*” (ngoài tâm không có Phật, Phật chẳng ở ngoài tâm, toàn tâm chính là Phật, toàn Phật chính là tâm). Phía trên lại có câu “hãy nên tin sâu, hiểu chắc chắn ngay vào đó”, đây chính là nói về lý. Ông bỏ không sao lục câu “hãy nên tin sâu hiểu chắc chắn ngay vào đó”, nên mới suy lường loạn xạ công phu “đã thành thực” hay “chưa thành thực”. Bốn câu trước nói về lý, bốn câu sau nói về công phu ấy: hoặc là công phu trong một niệm hoặc niệm niệm tương ứng với hiện tiền. “Tương ứng với hiện tiền” là nói đến ý nghĩa của “tin sâu, hiểu chắc chắn vào ý nghĩa của bốn câu ngoài tâm không có Phật”. Người tu hành tâm mong mỏi, hy vọng quá thiết tha, ắt sẽ gặp ma sự. Đoạn trước của bức thư ấy nhằm dạy khắp các hành nhân về một quy tắc chung để hết thấy kẻ tu trì thật sự vâng giữ như khuôn phép, ngộ hầu chẳng đến nỗi cầu lợi ích lớn lao, lại đâm ra bị tổn hại lớn lao.

Đối với lớp hậu sinh trong hiện thời, khi chúng nó vừa hiểu chuyện đời liền dạy chúng nó về đạo giữ tinh, hộ thân. Nếu chúng nó biết tốt xấu sẽ chẳng đến nỗi tự xem thủ tâm là vui, để rồi mắc các nỗi họa như bị mất tánh mạng, hoặc trở thành tàn phế, hoặc vĩnh viễn truyền lại nỗi giống yếu ớt v.v.. Với đũa chưa hiểu chuyện đời, chớ nên nói. Còn đũa đã hiểu chuyện đời nếu chẳng nói thì trong mười đũa hết chín đũa phạm phải tật này, đáng sợ vô cùng! Mạnh Vũ Bá hỏi về đạo hiểu, Không tử dạy: “*Phụ mẫu duy kỳ tật nhi ưu*” (Cha mẹ chỉ lo về tật ấy). Những tật khác đều không quan hệ lắm. Chơi bời bừa bãi, thủ tâm, tham ân ái, quả thật là chuyện khẩn yếu, quan trọng nhất. Vì thế Không tử mới nói đến điều này, nhưng người chú giải chẳng chịu nói rõ chỗ tai hại nhất, khiến cho lời của Không tử cũng chẳng có hiệu quả thật sự, đáng than thay!

Hiện thời Phật giáo bị tai ách đến cùng cực, đúng là tới mức không làm sao được nữa. Những vị đại hòa thượng mơ màng chỉ biết tham danh lợi, ham quyền thuộc, chẳng nói đến chuyện chân tu thực hành, chỉ mong thu nhận đồ đệ tràn lan, truyền giới tràn lan, cho tăng chúng cư ngụ tràn lan thật đông, mong nhờ vào đó để phô trương thanh thế đạo khí của chính mình, đến nỗi có hiện tượng như ngày nay. Em trai ông có gởi thư đến kể về hiện tượng Lạc Thanh. Ở vùng ông cũng nguy ngập hết sức, nếu chẳng quan tâm đến thì dường như thiếu sót trách nhiệm hộ pháp. Nếu quan tâm thì đúng là chẳng có biện pháp gì! Vì thế hãy nên xét kỹ tình thế, làm được thì làm, nếu không làm được mà vẫn cứ làm thì cũng vô ích. Kẻ đáng ngại nhất thì một

là người hoàng pháp, hai là kẻ trà trộn để kiếm cơm đã uơu sẵn thành mối họa này. Cho đến khi tai họa ụp xuống vẫn chẳng biết hối cải, chỉ biết cầu người khác, chẳng biết cầu Phật và cầu nơi chính mình, cũng đáng buồn thay! Do vậy Quang giữ chặt chủ nghĩa “chẳng lập đồ chúng” vì quá chán ngán những hành vi ấy, chẳng muốn giúp họ tạo sóng gió để rồi cùng đi đến chỗ bại hoại.

Nghe nói ở Nam Kinh đã có tăng sĩ cưới vợ, ở Bắc Kinh đã tiến hành cướp đoạt tài sản. Những kẻ đoạt tài sản vẫn không cảm người khác tu trì. Sở dĩ như vậy là vì họ muốn mượn danh nghĩa khuếch trương giáo dục để mong lèn đầy túi riêng. Chẳng hiểu nhân quả, chẳng biết đạo làm người, chỉ lăm lăm cậy mạnh nuốt yếu, đã thế tăng không có thật đức, nên mới thành ra ác quả này, buồn thay! Hiện thời quân đội thường đóng quân trong nhà người ta, hướng chi là chùa miếu. Ông và vị tăng đầu-đà đều chẳng biết sự thể hiện tại, cứ cầu cạnh người khác, đâm ra chuốc lấy sự hủ nhục, phỉ báng. Chỉ có cực lực tu trì, cầu tam bảo gia bị là thượng sách. Bốn mươi, năm mươi năm trước đây, viện Đại Bi ở Thiên Tân hoàn toàn lọt vào giữa trại lính, hồ tiên³⁹ quấy phá, sĩ quan trong trại lính chẳng thể ở được, thỉnh lão Hòa Thượng của viện Đại Bi đến liên lặng yên vô sự. Sĩ quan rất tôn trọng, những chuyện quét dọn hằng ngày trong viện Đại Bi đều do các binh lính thuộc doanh trại làm. Buổi tối tăng chúng ra ngoài phóng Diệm Khâu, trở về kêu cửa, họ liền mở cửa trại. Lại có vị đáp thuyền, thuyền cập bến trong đêm cũng không bị ngăn cấm. Thị trấn Mộc Độc (thuộc tỉnh Giang Tô) có đến một ngàn lính đều đóng trong nhà dân. Nghe nói binh lính gần đây vẫn còn hiền lành, chẳng ngang ngược tàn bạo.

Trong lúc này, một là dùng tu trì để cầu tam bảo gia bị, hai là dùng tu trì khiến cho quan lẫn lính đều kính trọng. Hạ viện chùa Linh Nham ở ngoài cửa Tây thành Tô Châu cũng có bốn mươi, năm mươi tên lính ở, chúng còn hiền lành, chẳng nấu đồ mặn trong chùa, đây cũng là chuyện rất khó có vậy. Mong ông hãy nói với vị tăng đầu-đà, từ rày chỉ nên cầu tam bảo, đừng cầu cạnh người khác, cầu cạnh người khác chẳng những vô ích, ngược lại còn bị mang tiếng nhục là bản thân thiếu đạo đức. Kẻ quấy rối thần sẽ gặp tai ương, chắc điều ấy cũng khiến cho cái tâm của kẻ tàn bạo bị nguội lạnh, cũng có thể dùng điều này để hướng dẫn sự “dứt ác, bỏ bạo” vậy. Thân thích của ông khoe khoang giàu có, chẳng mấy chốc sẽ tan cửa nát nhà. Đang trong đời loạn này, vẫn chẳng biết nấu mình, đúng là nằm yên trên đồng củi chất cao, phía

³⁹ Hồ tiên: hồ ly tinh

dưới đã đốt lửa, vẫn cứ làm tường đang nhón nhơ, cứ muốn được trường thọ, an lạc, buồn thay!

Hiện thời các xứ đói kém, há nên biếu tặng ngân nhĩ? Một hộp ngân nhĩ⁴⁰ ấy bằng tiền ăn trong một tháng của mấy gia đình, chúng ta ăn xong rồi cuộc có ích chi đâu? Danh tiếng của học đường Lô Sơn, Quang đã nghe ông Vương Ấu Nông nói đến từ lâu, cho rằng đây là do một bậc đại thông gia thành lập. Nhưng trong thời thế này muốn thành tựu nhân tài thật sự mà mỗi chuyện học sinh đều phải tự làm thì thời gian học hành sẽ ít, thời gian làm lụng lại nhiều; đối với kẻ thượng căn thì được, đối với kẻ trung hạ không khỏi khó thể thành tựu. Đang trong thời thế này, học sinh chẳng làm văn, mà muốn học thành tài xong, sẽ tự biết khế lý, thích nghi, sợ rằng kẻ bình thường chẳng thể mong chi thành công được. Lại nghe Tích Quan⁴¹ kể nhiều lần nhà trường sai học sinh xuống núi gánh vải (vải do nữ sinh dệt, gói xuống tiệm nhuộm ở dưới núi nhuộm cho đẹp, rồi đem về cắt quần áo), đi về hơn trăm dặm, chẳng cho tiền chi dụng. Lời này dường như chẳng thật, nhưng qua điều này cũng có thể thấy được tình trạng chẳng thông cảm cho nỗi vất vả khi học sinh đi ra ngoài. Tích Quan từng đưa một học sinh bị bệnh trở về Nam Kinh, mà Tích Quan cũng đang bệnh rất nặng. Do vậy Thứ Bân⁴² giữ lại chẳng cho quay về trường nữa. Dầu có đến trường cũng chỉ học thành lão nông, lão ngư phủ, còn chuyện đọc sách làm văn muốn đào luyện cho thích hợp lại càng là điều khó nhất trong những điều khó.

Vị hiệu trưởng ấy vì muốn uốn nắn thói tệ đương thời, nhưng chấp nệ quy cách thời cổ, chẳng biết xử sự linh động để trí óc, thân thể và quốc gia đều được lợi ích. Nhưng các trường học khác thường dạy học sinh học theo nhân cách bại hoại, còn trong nhà trường này chỉ có mỗi một việc ấy (tức vừa học vừa làm) là còn đáng an ủi. Cổ nhân vừa cày vừa học, người hiện thời lìa nhà theo thầy, há nên dùng cách vừa học vừa cày để vun quén nhân tài hay chăng? Những chuyện nấu cơm, trồng rau, dẫn củi, hãy nên để cho những kẻ hầu làm, còn những chuyện khác học sinh tự làm

⁴⁰ Ngân nhĩ (*tremella fuciformis* berk) là một loại nấm màu trắng bạc, hơi trong, có độ nhót. Nấm mọc thành hình nhiều cánh trông tựa tựa như hoa cúc. Mỗi tai nấm to từ 3 đến 15cm, thường mọc trên gỗ mục vào cuối thu. Dân gian Trung Quốc coi ngân nhĩ là một thứ hết sức bổ dưỡng, có tác dụng kéo dài tuổi thọ, cường thân kiện thể, trường sinh bất lão, nên rất mắc tiền. Thật ra đây cũng chỉ là ngoa truyền, chứ theo dược điển nó chỉ có tác dụng chống bệnh thũng, nhuận gan, ích khí, an thần, dễ tiêu.

⁴¹ Tích Quan là cháu nội của Vương Ấu Nông.

⁴² Thứ Bân là con trai cả của Vương Ấu Nông, cha của Tích Quan.

thì chẳng phí thời gian mà cũng chẳng mệt nhọc quá mức, miễn sao chẳng sanh kiêu căng phóng dật là được rồi. Tiếc cho vị hiệu trưởng ấy chưa thấy được điều đó, đến nỗi một phen mang tâm sự tốt lành, hóa ra chẳng có thành tựu gì. Đây cũng là một tình trạng đáng thương xót nhất trong đời mạt.

Trong thư gửi lại lần trước, ông nói ngày tháng dương lịch khác với âm lịch, nên theo loại nào? Chưa chắc âm lịch đã hoàn toàn biến mất. Dầu hoàn toàn biến mất nhưng trong dương lịch còn có ghi ngày Sóc, Vọng⁴³ của âm lịch thì vẫn có thể suy ra biết ngày tháng được. Nếu hoàn toàn chẳng biết thì chỉ dùng cái tâm tiết dục, căn cứ theo dương lịch mà thực hành⁴⁴, cũng vẫn được lợi ích do bảo vệ thân thể; bất quá ngày tốt xấu, can chi của mỗi ngày chẳng thể dễ gì biết được. Trong thư trước tôi quên mất không nhắc đến chuyện này.

Ông gửi thư cho thầy Đức Sâm, cho biết sau một năm rưỡi nữa sẽ giao việc nhà cho vợ, sang đất Tô chuyên tâm tu trì tịnh nghiệp, Quang tuyệt đối chẳng cho như vậy là đúng. Nếu vợ ông là người hiểu rõ lý, khéo chăm sóc gia đình, dạy con thì có nhiên chẳng có gì là không được. Nhưng bà ta là hạng người chẳng hiểu biết gì, ông lại đem hai đứa con chưa được nuôi dạy nên người giao cho bà ta trông nom, tức là ông đã đẩy hai đứa con vào phùng hạ lưu rồi đây, thiếu sót thiên chức của người làm cha quá lớn! Đối với hai đứa con, ông thiếu lòng từ; đối với tổ tiên, cha mẹ, ông bất hiếu; đối với Phật pháp ông trái nghịch tam quy, ngũ giới. Lục độ vạn hạnh trong Phật pháp và luân thường xử thế cũng thuộc trong ấy. Ông ở nhà có thể dẫn chúng nó trở về đường chánh, làm người trong làng lấy ông làm chuẩn mực. Tuy ông chẳng thi thố lớn lao gì, vẫn có thể là bậc khuôn mẫu cho cả làng. Có lẽ những vị pháp sư khác sẽ ra sức tán thành cách ông làm như thế, chứ Quang chẳng phải là loại nhân vật ấy, ông chớ có hiểu lầm.

Nếu ông quyết định chẳng nghe theo lời tôi, tôi cũng không có cách gì buộc ông phải nghe theo, nhưng chắc chắn chẳng chấp nhận cho ông sống trong chùa Báo Quốc. Có lẽ tôi có thể làm được chuyện này. Nếu không phải như vậy, tôi trở về đất Thiểm (Thiểm Tây) cũng chẳng ngại gì, chứ không nhất định phải sống tại chùa Báo

⁴³ Sóc: mùng 1, Vọng: ngày Rằm.

⁴⁴ Đây là phương tiện tiết dục được nói trong sách Thọ Khang Bảo Giám. Theo đó, mỗi tháng có những ngày kỵ, vợ chồng không được ăn nằm trong những ngày ấy để khỏi bị đoản mạng, tổn phước, sanh ra con cái si ngốc. Những ngày ấy nhằm thánh đàn của các vị Phật, Bồ-tát, thánh nhân trong tam giáo, hoặc lục trai, thập trai.

Quốc cho hết kiếp thừa này. Mỗi người đều có thiên chức, Quang chẳng trụ tại chỗ nào khác mà an trụ tại Báo Quốc cũng là thiên chức vậy. Nếu Quang là kẻ vọng động, vô tri, ắt sẽ sanh lòng kinh sợ lớn lao, khó thể nào an trụ được, người hiểu lý ắt sẽ miệt thị Quang và khinh mạn Phật pháp. Tuy tôi không có sức ngăn kẻ ác, tôi vẫn còn có sức giữ yên người lành. Tôi đi hay ở có quan hệ lớn với người ở Tô Châu, ông đi hay ở sẽ có quan hệ lớn đối với hai đứa con. Tôi vốn chẳng muốn nói lời này, vì lo ông đánh mất thiên chức của người cha nên mới nói đến chuyện hoàn toàn chẳng liên quan đến thiên chức của tôi.

Niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chẳng lay Phật, lại lay Ngọc Đế, thật là điên đảo quá! Phật cao siêu hơn Ngọc Đế, nào phải chỉ khác biệt như trời với vực. Người kém hiểu biết thường cảm thấy Ngọc Đế cao quý cùng cực khôn sánh, đây là căn bệnh chung của phường ngu phu ngu phụ chẳng hiểu Phật pháp. Con người có thể tự kiểm chế mình, thường giữ lòng kiêng sợ, và nghĩ mình chẳng bằng người sẽ chẳng khởi lên ý niệm tranh chấp với người khác. Vì thế Phóng Ông⁴⁵ do giữ tâm lòng kiểm chế, kiêng sợ và nghĩ mình chẳng bằng người nên thành bậc thánh triết vậy.

143. Thư gửi nữ sĩ Hoàng Châu Phước Thuần

Thời cuộc chẳng yên, cha bà trở lại, liền nhanh chóng đưa bà về nhà. Chớ học theo kẻ si cho là cha bà chẳng có lòng yêu thương bà. Phải biết, đây là lòng yêu thương bà thật sự, hơn nữa là do tôi dạy ông ta làm như thế, bà phải khéo hiểu ý tôi! Bà là một phụ nữ, do muốn học theo một trường phái văn chương nào đó, bèn muốn bái một đại văn gia làm thầy ư? Tôi dạy bà một cách giản tiện nhất: Mỗi ngày bà chí thành niệm Phật và niệm Quán Thế Âm, cầu Phật Bồ-tát gia bị cho bà nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng. Nếu được như thế thì vừa đọc sách của cổ nhân liền

⁴⁵ Lục Du (1125-1210), tự Vụ Quán, hiệu Phóng Ông, là một thi nhân trứ danh đời Tống. Sống vào thời Nam Tống đang bị quân Kim xâm lăng, ông mang tâm lòng ái quốc nồng nàn, tuy rất giỏi văn chương, vẫn chú trọng học binh thư. Trong khóa thi do Lễ Bộ tổ chức, do đạt điểm cao hơn cháu Tần Cối, lại do viết bài thi nhắc đến mối nhục đất nước yếu hèn, chủ trương làm cho dân giàu nước mạnh, giảm thuế, phát triển thương nghiệp, ông bị Tần Cối đánh hỏng. Khi Tần Cối chết, ông mới được triều đình vời ra làm quan. Do theo phái chủ chiến, ông bị phái chủ hòa trong triều đình ghép tội “cầu kết bè lũ, khuấy động thị phi, hòa theo Trương Tuấn dụng binh” nên bị miễn chức, rồi lại phục chức. Đường hoạn lộ của ông chìm nổi tùy theo phe chủ chiến hay chủ hòa thắng thế. Cho đến tận khi chết, ông vẫn đau đáu ôm ước vọng khôi phục đất nước, đuổi sạch quân Kim ra khỏi bờ cõi.

hiểu đạo lý, hiểu cách viết văn, do vậy chẳng cần phải bái sư học văn nữa. Hết thầy kinh, hết thầy sách đều là văn chương, nếu tâm địa mở mang thì lo chi chẳng biết cách viết văn. Tâm địa chẳng mở mang, dù có học cũng chẳng có thành tựu lớn lao. Bà chí thành thì chẳng những thông thạo văn chương mà còn có thể sanh con, vì sao vậy? Nữ nhân xem có con là điều vinh hạnh. Tuy chồng bà ăn ở có tình có nghĩa, không để ý đến chuyện có con hay không, rốt cuộc vẫn chẳng bằng có con hòng thỏa mãn ý nguyện cưới vợ. Phẩm Phở Môn nói: *“Nhược hữu nữ nhân, thiết dục cầu nam, lễ bái, cúng dường Quán Thế Âm Bồ-tát, tiện sanh phước đức trí tuệ chi nam”* (Nếu có người nữ, ví như muốn cầu con trai, lễ bái, cúng dường Quán Thế Âm Bồ-tát bèn sanh con trai phước đức, trí tuệ). Không bao lâu nữa tôi sẽ chết, do bà vừa là đồ đệ vừa là đồ tôn của tôi, nên tính toán cho bà tôi đều tính trên đại thể. Bà phải khéo hiểu ý tôi, tự nhiên bà sẽ dùng được cả đời vẫn chẳng hết.

144. Thư gửi nữ sĩ Chu Phước Uyên

Con người sống trong thế gian, cha mẹ, thọ mạng, tướng mạo, học vấn, chồng vợ, con cái đều do nghiệp đã tạo trong đời trước chiêu cảm. Nếu có đại công đức, đời này sẽ hơn gấp bội so với đời trước. Nếu có tội lỗi lớn, sẽ kém hơn đời trước bội phần. Do vậy phải sốt sắng tu trì để bù đắp nghiệp trước. Bà muốn có một người chồng tốt có học vấn, có tài năng, có phong thái đạo đức thì sợ rằng đời trước bà chưa vun bồi được phước ấy nên tấm lòng si đại của bà chưa thể thỏa mãn được đâu. Kinh Lăng-nghiêm nói kể niệm Quán Thế Âm Bồ-tát thì cầu vợ được vợ, cầu con được con. Cầu vợ nơi Bồ-tát nghĩa là cầu Bồ-tát gia bị để được vợ hiền, có trí tuệ, phước đức, bà cầu chồng cũng vậy thôi. Dốc hết sức niệm Quán Thế Âm Bồ-tát sẽ được mãn nguyện. Nếu không, dù lấy được người chồng tốt, có thể ông ta lại đoản mạng, lắm bệnh, gặp họa hoạn v.v.. Huống chi chưa chắc đã lấy được người chồng tốt đó ư? Bà chớ nên cậy xinh đẹp rồi khởi tâm kiêu ngạo, chẳng dứt được cái tâm ấy sẽ khó thể được phước. Bà nghe kỹ lời tôi sẽ được thọ dụng vượt xa hơn phước đã vun bồi trong đời trước nhiều lần lắm!

145. Thư gửi cư sĩ Chu Pháp Lợi (ba lá thư)

1. Xem thư ông, những gì ông nói đều chỉ là do bày trò đùa bỡn, hoàn toàn chẳng phải do từng trải thật hành mà có. Thời cuộc hiện tại không tốt, thương nghiệp suy kém, do chẳng thể kiếm tiền nhiều, ông bèn chẳng muốn buôn bán, lại muốn theo

đuổi nghề Nho, nhưng trong thương trường bản thủ, bừa bãi, chẳng nên dẫn mình vào sóng gió để bị chìm đắm. Nho và thương nghiệp xét chung giống như nhau. Con buôn keo bản, bừa bãi, người ta dễ biết, chứ nhà Nho xấu xa, bừa bãi, vẫn được người khác ngưỡng mộ, nếu ông không có tri kiến lỗi lạc ắt sẽ bị hãm vào chỗ nước xoáy ấy. Ông chỉ học được thói ăn nói lớn lối, chẳng biết “đạo Nghiêu - Thuấn là hiếu để mà thôi!” Đạo của quân tử nằm trong vòng con cái, bầy tôi, em, bè bạn.

Thấu hiểu cùng tận lý của sự vật trong thiên hạ thì tuy là bậc thánh nhân vẫn chưa chắc đã làm được. Nhưng trừ khử được món vật tư dục trong tâm của chính mình thì sự lý của mọi sự vật trong thiên hạ sẽ đều thấu hiểu cùng tận (Tư dục trong tâm, nêu lên những thứ nặng nề nhất thì chính là tham, sân, si, tài, sắc, của cải, thanh danh, quyền thế, địa vị, hễ có điều gì ham muốn đều là tư dục cả. Ngay như bọn Lý học nói lý trái lẽ là vì tư dục quá lớn vậy. Lúc này đất nước lâm tai nạn, nhân dân thống khổ đều là vì bọn Lý học phá nhân quả rồi thai nghén thành hình, chẳng thể không biết). Thánh nhân dạy người phương pháp “cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” chính là dạy con người tu dưỡng từ gần đến xa, từ thân đến sơ, sao cho tư dục trong lòng người bị trừ khử thì lương tri sẵn có sẽ tự phát hiện. Từ đây ý thành, tâm chánh, thân tu, gia tề, nước trị, thiên hạ bình. Há có phải thấu hiểu cùng tận lý của mọi sự vật trong thiên hạ rồi mới có thể thành ý chánh tâm ư? Nếu nói như vậy thì kẻ chẳng đọc trọn khắp hết thấy các sách thế gian và xuất thế gian, chẳng đi khắp các nước sẽ chẳng có hy vọng “thành ý, chánh tâm” hay sao?

Phải biết, trừ khử tư dục để thấu tỏ lương tri hòng thành ý chánh tâm thì người tuy chẳng biết một chữ vẫn có thể làm được. Nếu do thấu hiểu cùng tận lý của mọi sự vật trong thiên hạ để cầu đạt đến tốt cùng, dù có là thánh nhân vẫn chẳng thể làm được. Ông chẳng biết họ Chu (tức Chu Hy) hiểu sai chữ “vật” và chữ “cách” nên báng Phật, phá nhân quả, luân hồi; lại còn ăn trộm cách tham cứu của Thiền tông để tự khoe tài, vì thế nói “một mai bùng nổ liền thông suốt”. Nếu ông nghĩ giải thích chữ “cách vật” theo kiểu của họ Chu là đúng thì đâu ông “cách” suốt cả đời vẫn chẳng đạt đến chỗ cùng tận, nói gì đến chuyện “bùng nổ, thông suốt”! Lời bàn luận dài dòng lần này quan hệ rất lớn, do vậy tôi khuyên ông cũng nên đưa cho cha ông đọc thư này. Còn chuyện ông theo đuổi nghề buôn bán hay nghề Nho, ông hãy tự suy xét. Nếu đọc đến phần nói về căn bệnh của ông trong đoạn thư trước chẳng sanh lòng cảm kích, trái lại sanh ra phiền não thì ông làm thương nhân cũng sẽ là nguy

thương, làm nhà Nho cũng là ngụ ý Nho. Theo đuổi việc dạy dỗ người khác mà là khỏi luân thường, nhân quả thì cũng chỉ rớt vào tình cảnh thật sự là “tự làm, làm người” mà thôi. Sợ ông còn mơ màng chẳng thấy được điều này nên phải nói sẵn. Nếu không tin tưởng, chẳng ngại gì giữ lại thư này để sau này làm gương nhằm biện định thành hay bại do tuân theo hay chống trái.

Quốc Học Chuyên Tu Quán ở Vô Tích do quan Hàn lâm đời Thanh trước kia là Đường Văn Trị sáng lập. Ông này hai mắt không thấy đường. Bộ Thập Tam Kinh Độc Bản do ông ta chú giải, ông Thi Tĩnh Chi bỏ ra mấy vạn đồng khắc ván, in được 200 bộ, cây Quang viết lời tựa; nhân đó Quang xin gởi cho một bộ. Một bộ gồm hơn 80 cuốn, không gấn dây đánh dấu, không in phần thư căn⁴⁶, hơn 80 cuốn sách ấy làm sao có thể kiểm nghiệm cho được? Do vậy biết họ chỉ tuân theo lối cổ, chẳng biết làm lợi cho người khác. Quang bận bịu lắm việc, chẳng thể nào đọc hết được. Giở xem đại lược, thấy ông ta chỉ ra những thiên Thuần Điện, Thái Giáp, Hàm Hữu Nhất Đức, Thuyết Mạng v.v. trong kinh Thư đều là ngụ ý tạo; đối với thiên Hàm Hữu Nhất Đức đều lấy những “sách” đã dẫn trên đây để làm chứng, chẳng nghĩ kẻ ngụ ý tạo có thể dẫn những đoạn kinh văn thuộc phần sau thiên Hàm Hữu Nhất Đức. Há những người viết ra những sách⁴⁷ ấy chẳng được trích dẫn phần trước của thiên Hàm Hữu

⁴⁶ Dây đánh dấu (thư thêm - bookmark): Cái thẻ để cài vào sách nhằm đánh dấu phần đã đọc, hoặc sợi dây dẹt để đánh dấu phần sách đã đọc đều gọi là “thư thêm”.

Thư căn: Vì không tìm được từ tương ứng để diễn tả chữ này, chúng tôi đành để nguyên không dịch. Trong cách in sách chữ Hán, mỗi trang thường chứa một khoản trống bên trái trang sách (tức phần “giáp lai”) để ghi tên sách, số trang, số quyển cho tiện; nói cách khác, nó tương ứng với phần header hay footer trong Microsoft Word.

⁴⁷ Kinh Thư, gọi đầy đủ là Thượng Thư, là một trong năm kinh của Nho gia. Theo Hán Thư, thiên Văn Nghệ Chí, sách này do Khổng tử chỉnh lý, biên tập, gồm một trăm thiên. Đến thời Tần Thủy Hoàng đốt sách chôn học trò, quan Bác sĩ Phục Sanh (có thuyết nói là Phục Thắc) lén đem giấu trong vách, khi Lưu Bang lật đổ nhà Tần, lập ra nhà Hán, Phục Sanh tìm lại thấy sách đã bị hư mất mấy chục thiên, chỉ còn sót lại 29 thiên. Sau đấy triều đình nhà Hán sai Tiều Thố đến nghe Phục Sanh giảng sách, ghi chép lại thành bộ Thượng Thư hiện thời (mệnh danh là Kim Văn Thượng Thư để phân biệt với Cổ Thượng Thư do những người khác sưu tập được, chẳng hạn như bản của Khổng An Quốc - cháu đời thứ 11 của Khổng tử). Nội dung của sách Thượng Thư được chia thành bốn phần chánh, mỗi phần gọi là Thư (sách), tức Ngụ Thư, Hạ Thư, Thương Thư và Chu Thư, chép các điển chế từ thời Nghiêu Thuấn đến đời Tần Mục Công thời Xuân Thu. Thuần Điện, Thái Giáp, Hàm Hữu Nhất Đức, Thuyết Mạng đều là những thiên sách trong Thượng Thư. Đôi khi người ta cũng gọi mỗi thiên của Thượng Thư là sách (điển hay thư). Ông Đường Văn Trị cho những thiên vừa được nói trên đây đều là ngụ ý tạo vì thiên Hàm Hữu Nhất Đức trích dẫn những câu trong những thiên trước. Tổ Ân Quang chỉ ra chỗ mâu thuẫn, khiến cường trong lập luận này: Kẻ ngụ ý tạo có thể dẫn cả những phần nằm trước Hàm Hữu Nhất Đức hay sau thiên đó, đâu có gì

Nhất Đức ư? Do vậy Quang sợ quá, sau này gặp ông Thi Tĩnh Chi cho biết: Ông Đường muốn làm bậc cao nhân đệ nhất từ ngàn xưa tới nay, bèn làm ra vẻ lập dị hòng lưu danh cho đời sau, đến nỗi mắt của chính mình không thấy được ánh sáng mặt trời nữa, chẳng đáng buồn ư?

2. Hôm trước đã nhận được thư của ông đủ cả. Ông đã lấy vợ, phải thường mang ý niệm làm vui lòng cha mẹ. Vợ chồng kính trọng lẫn nhau, chớ nên vì hiềm khích nhỏ nhặt mà đến nỗi vợ chồng chẳng hòa thuận khiến cho cha mẹ đau lòng. Sách Trung Dung nói: *“Thê tử hảo hợp, như cổ sắt cầm, huynh đệ ký hấp, hòa lạc thả đằm. Nghi nhĩ thất gia, lạc nhĩ thê noa”* (Vợ con vui vẻ hòa hợp như khảy đàn sắt, đàn cầm⁴⁸. Anh em hòa thuận, vừa yên vừa vui. Cửa nhà yên ổn, vợ con vui vầy). Không tử nói “phụ mẫu kỳ thuận hỷ hồ” chính là nói vợ chồng, anh em hòa thuận thì lòng cha mẹ vui sướng vậy. Nay làm phận con, không lâu sau lại sẽ làm cha kẻ khác, nếu chẳng thực hành đạo khiến cho cha mẹ vui sướng, ắt sẽ sanh con ngỗ nghịch, bất hiếu. Ví như nước nhỏ giọt ở mái hiên, từng giọt từng giọt, giống hết như nhau. Quang già rồi, chẳng thể thường răn dạy ông, ông chịu nỗ lực trọn hết đạo làm con ắt sẽ có thể dự vào bậc thánh bậc hiền, tương lai vãng sanh Tây Phương, đấy chính là pháp lợi ông sẽ đạt được. Vợ ông có pháp danh là Pháp Ích, chịu hành theo pháp sẽ đạt được lợi ích chân thật.

Bệnh cùi⁴⁹ là căn bệnh chẳng dễ gì trị được, năm ngoái do ông Bàn Tánh Tôn đi phát chẩn, tìm ra được cách trị, nay gởi cho ông phương thuốc ấy (tức là bài thuốc trị bệnh cùi ở sau cuốn Sơ Cơ Tiên Đạo (hướng dẫn cho người sơ cơ)), mong hãy

buộc họ chỉ được quyền trích dẫn những phần nằm trước mà thôi. Hơn nữa khi viết sách, có ai cầm tác giả không được trích dẫn những sách khác hoặc những điều đã được nói trong những chương trước.

⁴⁸ Sắt là một loại đàn cổ thường đặt nằm ngang khi diễn tấu, hình dáng tương tự như đàn tranh, thân đàn làm bằng gỗ tử, nhưng có hai mươi lăm dây, mỗi dây có một trục đỡ (con sáo, hoặc con nhận) có thể di chuyển được nhằm điều chỉnh độ căng của dây đàn. Loại đàn này thịnh hành cho đến cuối đời Đường thì hầu như rất hiếm thấy sử dụng. Cầm tức là cổ cầm (còn gọi là dao cầm, hoặc thất huyền cầm), là một loại đàn hơi giống như đàn sắt, nhưng chỉ có bảy dây, thân bằng gỗ ngô đồng, âm thanh trầm ấm, lan xa, chứ không lạnh lốt, réo rắt như đàn sắt. Hai loại đàn này thường được dùng để hòa tấu chung với nhau, nên thường dùng để ví cho tình chồng vợ.

⁴⁹ Nguyên văn “ma phong”: Chúng tôi vẫn băn khoăn không biết đây có phải thật sự là bệnh cùi hay không, hay chỉ là một loại bệnh lở loét ngoài da. Vì cho đến tận giờ, vẫn chưa nghe thấy Trung Quốc đã tìm ra được thuốc trị bệnh cùi. Xin ghi lại như một điều tồn nghi.

lưu hành rộng khắp. Nếu quý địa cũng có căn bệnh này thì chẳng ngại gì đề xướng loại ngao cao⁵⁰ này cho mọi người.

3. Ở ngân hàng, trong hết thấy mọi lúc, ông phải chú tâm cẩn thận, đừng học thói ăn nói lớn lối, chẳng tích cực dốc lòng vào mọi chuyện nhỏ nhất. Phải biết thái độ ấy là thái độ của kẻ bại hoại, bởi chưa làm chuyện lớn đã coi thường chuyện nhỏ, tưởng mình tài năng lớn lao, có gì phải ràng buộc bởi chuyện này? Phải biết đây là mào mống của phường hạ lưu dối mình lừa người. Phàm người làm việc lớn, quyết chẳng chịu khinh thường chuyện nhỏ. Phàm ai khinh thường chuyện nhỏ, chắc chắn chẳng thể đảm nhiệm chuyện lớn. Vì sao biết vậy? Do quân tử hành xử đúng với địa vị. Ông thuộc địa vị làm chuyện nhỏ, nhưng chẳng chịu trọn hết chức trách và bổn phận, cho rằng ta cần gì phải dụng tâm nơi chuyện này, vậy khi được làm chuyện lớn thì kiêu căng, phóng túng, buông lung sẽ dấy lên, ấy là vì cội rễ chưa lập, do đâu mà cành nhánh tươi tốt, tỏa rộng cho được?

Ví như một người có chút tài mọn, cũng có đôi chút tu trì, trong tâm bèn cảm thấy ta rất cao minh, tu trì đủ lắm. Do đó cái tâm ngạo nghễ, ngã mạn sẽ chiêu khởi những oán gia đối đầu từng bị ta hãm hại trong đời trước nhập vào thân tâm hiện thời, đến nỗi tài chẳng thành gì, tu chẳng ra chi! Nếu kẻ ấy khiêm cung hiếu thuận, do sức tu trì ấy sẽ tiêu diệt được tức nghiệp, tăng trưởng thiện căn, mai sau lâm chung sẽ vãng sanh Tây Phương, được lợi ích thật sự là siêu phàm nhập thánh. So với những kẻ tự làm lạc ngao nghễ, lợi hại nào phải chỉ khác biệt như trời với vực. Chuyện này đương nhiên ông phải biết, ngõ hầu dùng điều này làm hướng dẫn cho tương lai của ông vậy.

146. Thư trả lời cư sĩ Tăng Di Chi

Đọc những gì ông Diêu Hà Sanh kể về mọi chuyện trong lúc cha ông ta là Tiết Khanh lâm chung, biết đó là vì lúc bình thường quả thật cụ ấy chưa nhất quyết muốn vãng sanh. Nếu nhất quyết muốn vãng sanh, há lẽ nào bảo người nhà niệm Quán Âm để cầu lành bệnh, đợi khi tắt thở rồi mới niệm Phật ư? Người niệm Phật bị bệnh liền nghĩ là sắp chết, nhất tâm niệm Phật. Nếu tuổi thọ chưa hết, sẽ đâm ra chóng lành.

⁵⁰ Ngao cao: Đây là một cách chế thuốc cao trong y học cổ truyền Trung Quốc, dùng nước hoặc rượu làm dung môi (chất hòa tan) để ngâm dược liệu vào, đun nóng từ từ cho chất thuốc ngấm ra, rồi cô đặc lại. Một cách khác là ép dược liệu lấy nước, rồi cô đặc.

Nếu chỉ mong lành bệnh tức là sợ chết, có cái tâm sợ chết sẽ khó cảm được Phật. May là Tiết Khanh lâm chung có người trợ niệm, Hà Sanh chẳng tiếc nuôi vì chưa kiệt lực trợ niệm, lại ngược ngạo buồn tiếc rằng thuốc thang chưa tinh tường đến tột cùng, đúng là vô vị đến cùng cực. Cha sắp chết, há còn cần phải mời thầy thuốc khám bệnh (do chẩn trị càng thêm mù quáng), há có nên sau đó lại nói những lời lẽ tệ hại vô vị ấy hay chăng?

Dựa theo tình hình lúc Tiết Khanh lâm chung, phần nhiều là do sức người khác trợ niệm. Người trợ niệm nên hướng dẫn quyền thuộc cả nhà đều cùng niệm Phật. Cư sĩ Trương há nên sợ phiền rồi chẳng hỏi đến con cái ông cụ? Những chuyện này cũng đều là vì chẳng biết sự thể của việc trợ niệm, sau này phải chú ý, phải cực lực khuyên cả nhà hãy chuyên tâm niệm Phật. Nhờ sức trợ niệm nên Tiết Khanh lâm chung có tướng lành; thiêu xong, xương trắng sạch, lại có miếng xương đỏ như hoa sen. Ấy đều là do nhân duyên Phật pháp và thiện hạnh cảm thành. Còn như nói xương Quán Âm đều là màu hoa sen đỏ, lời lẽ ấy phát xuất từ sách vở do ngoại đạo ngụy tạo, chẳng đáng tin cậy (Quán Âm chính là vị cổ Phật trong quá khứ, ai thấy màu xương của ngài như thế nào, quả thật kinh Phật chẳng hề nói đến).

Hà Sanh nói “do phạm lỗi kê toa thuốc không khéo, và sau này cha nhiều lần bị bệnh trầm kha, không thể tiêu tan được mỗi tiếc hận ấy v.v. ”, đều là nói nhảm nhí! Sao không suất lãnh người nhà ông ta bỏ ngủ quên ăn chí tâm niệm Phật để nếu như cha chưa được vãng sanh bèn vãng sanh ngay, nếu đã vãng sanh sẽ tăng cao phẩm sen? Quang mục lực, tinh thần đều chẳng đủ, nhưng do thấy những điều sai lầm của cha con Hà Sanh và cư sĩ Trương, không thể không chỉ ra từng điều một, ngõ hầu sau này ai nấy đều được vãng sanh Tây Phương.

147. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Phương

(Ngày 18 tháng 10 năm Dân Quốc 28 - 1939)

Nhận được thư khôn ngăn cảm thán, may là bưu phiếu bị sai; nếu không, các ông sẽ tưởng chuyện sai lầm là trợ niệm đắc lực (khoảng giữa hạ sang thu năm nay, ôn dịch xảy ra dữ dội tại huyện Độc Sơn, Quý Châu, có hai đệ tử nhiễm bệnh dịch qua đời). Trần Tông Từ sau con thổ tả nằm trên giường niệm Phật, nhẹ nhàng qua đời, hoàn toàn không có hiện tượng rên rỉ khổ sở. Do tâm chính mình chẳng điên đảo, mọi người trợ niệm, ắt được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Tông Tịnh sau

con thỏ tả, thần thức rất thanh tịnh, vẫn muốn được lành bệnh bèn niệm Quán Âm. Đây cũng là sự sai lầm do ít đọc những sách Tịnh độ và Văn Sao. Hễ có bệnh liền nghĩ sắp vãng sanh, niệm Phật cầu vãng sanh, nếu tuổi thọ trong cõi đời chưa hết chắc sẽ mau được lành. Nếu tuổi thọ trong cõi đời đã hết, chẳng đến nỗi vì cầu lành bệnh mà chẳng thể cảm ứng đạo giao cùng Phật. May là ông ta tự biết chẳng thể vãng hồi được nữa, bèn ngồi xếp bằng niệm Phật, dặn dò người nhà. Câu đầu tiên bèn nói: “Ta chết rồi đừng động đến di thể”, ấy là vì muốn ngồi qua đời để làm gương cho những người cùng chí hướng. Tiếp đó dặn đừng sát sanh, chẳng dùng đồ mặn để cúng bái v.v., và bảo báo cho ông biết để chuyển tin cho Quang, rồi nhất tâm niệm Phật và dặn người nhà trợ niệm.

Tông Khiết hoàn toàn chẳng biết sự quan trọng của việc trợ niệm: “Không động đến thân thể thì tâm chẳng vì bị động mà không thể quy nhất. Hoặc nếu do thân không có sức, lại do bị dời động sanh đau đớn, tâm sân hận sẽ khởi lên.” Tông Khiết làm lạc đặt thân thể của Tông Tịnh nằm xuống, ngay lập tức Tông Tịnh sân tâm bùng lên, cho nên sắc mặt đỏ bừng. May là mọi người tưởng làm đã đến lúc vãng sanh bèn lớn tiếng niệm Phật, ông ta còn có thể mấp máy môi niệm theo, vẫn chưa đến nỗi hồng chuyện. Đến khi tắt hơi rồi, một chân còn chưa duỗi ra là vì Tông Tịnh muốn nhòem dậy nhưng lực bất tòng tâm. Do vậy Tông Khiết nói: “Cụ co được một chân, bèn nhòem dậy muốn ngồi, nhưng không còn sức nữa, bèn nằm thẳng đờ qua đời!” Nếu không bị Tông Khiết mù quáng quấy rối, cảnh tượng lúc Tông Tịnh mất sẽ là chuyện lạ được đồn đại cả một vùng. Nhưng tắt hơi rồi, vẫn còn có những chuyện như co chân, nhòem dậy v.v. cũng là rất không bình thường, chắc là ông ta cũng được vãng sanh.

Hiện thời gởi sách đến nơi xa rất khó khăn, trước đây tôi vốn muốn gởi sách, cho người hỏi bưu cục, họ nói “không thể gởi được”. Đợi đến lúc gởi được sẽ gởi cho những sách thiết yếu. Công phu của Tông Tịnh đủ để chứng tỏ ông ta vượt trội bọn ta, trải qua một phen bị phá hoại như vậy, sau khi tắt hơi vẫn còn hiện tượng co chân, nhòem dậy, cũng là chuyện trong trăm ngàn vạn người hiếm có được một hai kẻ. Dù biết rằng, người trợ niệm phải theo chương trình. Tuy Tông Khiết chẳng biết chương trình, há có nên chẳng y theo lời ông ta dặn dò “mất rồi không động đến thân thể” ư? Vẫn cứ tưởng mình trợ đạo, chẳng biết mình đã phá hoại. Nhưng người sở đắc sâu xa thì vẫn chẳng đến nỗi chẳng được hưởng lợi ích vãng sanh vậy!

Hơn mười năm trước, Trịnh Huệ Hồng ở huyện thành Bảo Sơn tỉnh Vân Nam gửi thư xin quy y, rồi khuyên cha mẹ niệm Phật. Năm Dân Quốc 22 (1933), Huệ Hồng mất. Bà mẹ tình thương con quá đậm bèn uống thuốc độc, ngồi xếp bằng, chấp tay niệm Phật qua đời, vẻ mặt tươi nhuận, so ra còn đẹp đẽ hơn lúc sống. Người trong cả một vùng nghe chuyện, từ đấy niệm Phật quá nửa. Cha Huệ Hồng tên là Bá Thuần, pháp danh Đức Thuần, là kẻ sĩ học rộng nhưng chẳng muốn ra làm quan, trước đây đã nghiên cứu kinh Dịch mấy năm, rồi nghiên cứu kinh điển của thuật luyện đan, sau đó nghiên cứu Thiền tông. Huệ Hồng buôn bán ở bên ngoài, gửi cho cha rất nhiều sách Tịnh độ khuyên tu tịnh nghiệp, ông ta bèn chuyên tu tịnh nghiệp, đồng thời làm người hướng dẫn cho cả vùng, nhưng người tin theo rất ít. Do bà vợ ông ta uống thuốc độc, ngồi xếp bằng, chấp tay niệm Phật qua đời, kẻ không tin đều sanh lòng tin. Người phụ nữ đó chưa từng học hành, uống thuốc độc xong có thể hiện tướng chẳng thể nghĩ bàn ấy, đủ biết được lợi ích của pháp môn này là rất khó có, hy hữu vậy!

Do loại tiền năm cắc⁵¹ (số tiền gửi bằng mỗi tờ 5 cắc tính gộp lại là 22 đồng), là loại chẳng thể dùng được, ông bèn gửi bù, đây cũng là do sự mất mát nhỏ nhoi mà được sự lợi ích lớn lao, sao lại nói là “sự mất mát nhỏ nhoi”? Ông hoàn toàn chẳng biết Quang là người như thế nào, trong lòng cứ áy náy vì bưu phiếu 22 đồng vô dụng, mong Quang gửi trả lại để điều đình với bưu cục đổi cho bưu phiếu khác. Chẳng biết Quang suốt đời chẳng dùng tiền sai quấy! Hễ có tiền, nếu không dùng để in sách, tặng sách, cũng dùng tiền đó để cứu trợ tai nạn, giúp kẻ ngặt nghèo, chẳng thu đồ đệ, chẳng làm trụ trì chùa miếu, chẳng để lại gì hòng kỷ niệm sau khi mất, trừ quần áo bản thân đang mặc ra, đều dùng làm chuyện công ích; 22 đồng dầu vô dụng cũng giống như đem cho nhà nước. Ông làm cách đó chính là dùng thói trẻ nít đầu đường xó chợ để xét Quang vậy. Nhưng nếu chẳng do chuyện này, chưa chắc đã đặc biệt nói đến chuyện của Tông Từ, Tông Tịnh. Do những chuyện này, mong mọi người niệm Phật đều được nhờ sức trợ niệm vãng sanh, đây là lợi ích không chỉ lớn lao hơn được!

148. Thư trả lời cư sĩ Lưu Huệ Dân (năm lá thư)

⁵¹ Thời ấy, chính quyền Dân Quốc đột nhiên đổi loại tiền năm cắc thành một đồng, tăng lệ phí tem thư từ hai cắc lên bốn cắc. Điều này khiến cho những đồng năm cắc cũng như bưu phiếu năm cắc đang lưu hành không dùng được nữa.

(Ông này pháp danh là Đức Huệ. [Những lá thư này được viết trong khoảng thời gian] từ năm Dân Quốc 21 - 1932 đến năm Dân Quốc 28 -1939. Tập hợp những sao lục trích yếu)

1. Dùng “chấp mười ngón tay” để xin quy y, há cỏi đời có lẽ ấy hay chăng? Kẻ muốn học nghề cạo đầu, chữa chân, khi bái sư cũng phải ba lần quỳ, chín lần dập đầu, hướng chi quy y tam bảo, muốn nhờ đó để siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử u? Khinh mạn như thế, sao dám chấp nhận để tự khinh ư? Vì thế đem nguyên thư gửi lại, mong hãy kiểm vị mình sư khác!

2. Người học Phật ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, tự hành dạy người cùng tu tịnh nghiệp. Lúc niệm Phật cần phải thâm nhiếp tai lắng nghe, từng chữ từng câu chẳng để luống qua, lâu ngày chầy tháng, thân tâm sẽ quy nhất. Một pháp lắng nghe đúng là pháp quan trọng trong pháp môn niệm Phật, bất luận là ai đều có lợi chứ không có điều tệ, công đức rất sâu. Chẳng như những pháp quán tưởng v.v. người biết pháp sẽ được lợi ích, kẻ chẳng biết pháp phần nhiều bị tổn hại. Vì thế chẳng thể dạy kẻ chẳng hiểu giáo lý, chẳng thông tánh thể tu tập những pháp quán tưởng v.v.. Ông muốn quy y, bèn đặt pháp danh là Đức Huệ. Dùng pháp tín nguyện niệm Phật để tự lợi mình lợi người, công đức chẳng thể nghĩ bàn!

3. Hôm trước nhận được khoản tiền 10 đồng do ông gửi, nay đã đem 100 đồng để phụ giúp hành động tốt lành của một đệ tử thuộc thành phố này, 10 đồng của ông cũng nằm trong số đó. Quang hẳn có tiền bèn dùng ngay, hoặc là dùng để in kinh sách, hoặc để cứu trợ tai nạn, ngõ hầu những ai gọi biếu Quang đều được quy công vào thật tế. Cho đến lúc chết, Quang chỉ mang theo y phục tùy thân mà thôi, để khỏi bị sau khi chết đi, kẻ được hưởng tài vật rửa sả là con quỷ tham lam.

4. Bệnh của con gái lệnh hữu đã lành, cũng là do lòng thành của bà nội cảm nên. Phàm uống nước đã được gia trì bằng chú Đại Bi, kẻ chí thành sẽ thấy linh nghiệm, kẻ chẳng chí thành khó thấy được hiệu quả. Sách do lệnh sư soạn đã được tiên sinh Đinh Trọng Hựu⁵² khen thì được rồi. Quang mắt đã gần lòa, ngay khi viết thư này

⁵² Trọng Hựu chính là tên tự của ông Đinh Phước Bảo, tác giả bộ Phật Học Đại Từ Điển.

phải dùng cả kính lão lẫn kính lúp, miễn cưỡng gò gẫm. Cái thói sáo rỗng chưa thấy cuốn sách ấy mà đã viết lời bàn luận, khen ngợi, Quang tuyệt đối chẳng có gan viết. Nay mục lực ngày càng suy, trí nhớ ngày càng kém, sách đã không thể đọc được thì lời tựa cũng chẳng thể nào viết được. Hai thứ sách đề nghị, yêu cầu viết lời tựa, lời bình đều gửi lại bằng thư bảo đảm, từ rày đừng gửi thư đến nữa, cũng đừng giới thiệu người khác đến quy y do không đủ sức để thù tiếp.

5. Ông là người đề xướng thì phải nên ăn chay trường để làm gương. Điện Quán Âm nên đợi thái bình rồi hãy xây cất để khỏi bị kẻ khác nghĩ ông có tiền rồi nảy sanh ý xấu. Mẹ ông đã ngoài sáu mươi, hãy nên nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, chớ có tâm cầu phước báo trời người đời sau. Tâm hễ có một niệm cầu phước báo trời người đời sau sẽ chẳng thể vãng sanh Tây Phương được. Bốn pháp danh viết trong tờ giấy khác, gửi kèm theo thư. Tiền hương kính không cần phải gửi thêm, hiện thời Quang chẳng có chuyện gì cần dùng đến tiền, chỉ mong mọi người ai nấy ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, ngoài ra chẳng mong cầu chi hết. Pháp sư Đức Sâm hiện đang ở chùa Thái Bình tại Thượng Hải đợi giáo chánh các sách. Hiện tại bưu điện chẳng thể gửi các bưu kiện theo đúng thời hạn được, sợ bị lạc mất. Vì thế thầy ấy ở luôn tại đất Thân (Thượng Hải) để giáo chánh cho ổn thỏa. Hoằng Hóa Xã do giao thông hiện thời chẳng tiện, chuyện gì cũng gian nan, phạm vi bị thu hẹp lại, ba người tại gia đều từ biệt ra đi. Do thầy Đức Sâm vẫn còn ở đất Thân, Quang phải một vị tạm thời thay thế lo liệu. Phương pháp “chiếu theo giá vốn, và nhận tiền xong mới giao sách” do vấn đề thời cuộc, sách gửi bị lạc mất giữa đường, nên không đủ sức và có sách để gửi tiếp tục được. Không phải chúng tôi khắc nghiệt mà do thời thế xui khiến cho chẳng thể không làm như vậy được.

149. Thư trả lời đại sư Thiện Giác

(Tháng 2 năm Dân Quốc 29 - 1940, đính kèm thư gửi đến)

“Lão pháp sư Ân công từ bi soi xét, ngưỡng mộ bậc Thái Sơn, Bắc Đẩu đã lâu, hận chưa thể đích thân hầu hạ. Đệ tử từ khi xuất gia đến nay đối với pháp môn Tịnh độ sanh lòng tín nguyện sâu xa, hành trì theo pháp này kể ra cũng đã lâu rồi. Gần đây do đọc cuốn Nghiên Cứu So Sánh Giữa Khoa Học Và Phật Pháp, thấy trong tác

phẩm ấy nữ sĩ Lã Bích Thành gửi thư cho cư sĩ Vương Quý Đồng⁵³, nói: Trong 48 nguyện có câu “chỉ trừ ngũ nghịch”, nhưng kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật lại chấp nhận cho kẻ ngũ nghịch được vãng sanh, cho là hai kinh mâu thuẫn lẫn nhau, lòng tin bèn lui sụt, ông Vương Quý Đồng trả lời chẳng thật tường tận. Đệ tử chường nặng si nhiều, đối với điều này cũng sanh nghi hoặc sâu đậm, lại sợ người khác cũng sanh mối nghi này, vì thế riêng dâng thư này, rập mình khăn cầu thầy từ bi thương xót, khai thị tường tận để đệ tử và hết thầy chúng sanh trong hiện tại, vị lai đều được trừ nghi sanh tín, cảm tạ khôn cùng. Thêm nữa, trong 48 nguyện, phía sau câu “chỉ trừ ngũ nghịch” còn có bốn chữ “phỉ báng chánh pháp”, còn Quán kinh không có, chẳng biết có phải là do bốn chữ này nên hai kinh chẳng mâu thuẫn lẫn nhau hay không?”

* * *

Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, lợi ích khác biệt với những pháp môn thông thường rất lớn. Xưa nay có nhiều người cứ dựa theo những pháp môn phổ thông để luận định pháp môn Tịnh độ, do vậy tự làm làm người, vẫn tự cho là mình đã hoằng pháp lợi sanh, nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Điều làm lẫn trước nhất là do chẳng suy xét sự lớn nhỏ, khó dễ giữa Phật lực và tự lực.

⁵³ Vương Quý Đồng (1875-1948) tự Tiểu Từ, là một cư sĩ kiêm khoa học gia, nguyên quán tại Vu Hồ, tỉnh An Huy, nhưng sống tại Tô Châu, được dạy dỗ theo truyền thống Nho học, tốt nghiệp trường Đồng Văn Quán ở Bắc Kinh. Năm Quang Tự 28 (1903), ông hợp tác với Thái Nguyên Bồi và Uông Doãn Tông sáng lập tạp chí Nga Sự Cảnh Văn nhằm nêu rõ dã tâm xâm chiếm Trung Hoa của đế quốc Nga La Tư khi ấy. Cuối thời Quang Tự, ông Quý Đồng sang châu Âu du học, tốt nghiệp về ngành điện cơ tại Anh, từng học việc tại Đức, tham gia sáng chế máy biến áp đổi dòng điện xoay chiều thành một chiều, viết luận văn về đề tài tính toán thiết kế mạng lưới phân bố điện bằng tiếng Anh rất được giới khoa học châu Âu khen ngợi. Đầu thời Dân Quốc, ông về nước, làm việc trong viện khoa học Trung Quốc, từng dạy học tại đại học Bắc Kinh, là đồng sự của những người nổi danh thời ấy như Hồ Thích, Cổ Hồng Minh v.v.. Sau đó ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng trong giới khoa học gia. Từ thời trẻ, ông Vương cho hết thầy tôn giáo đều là mê tín, mãi cho đến khoảng 30 tuổi, do nghe cư sĩ Dương Nhân Sơn giảng thuyết Phật pháp, mới chú tâm nghiên cứu Phật pháp, rồi đặc biệt ham thích Duy Thức và Nhân Minh Học. Đến tuổi trung niên, ông chuyên tâm khán thoại đầu của nhà Thiền, lập Phật đường trong nhà, mỗi ngày tọa thiền hết một cây hương. Ông cũng từng viết lời tựa cho các sách Duy Thức Nghiên Cứu của Chu Thúc Ca, Phật Pháp Đích Khoa Học Quan (Phật Pháp dưới cái nhìn khoa học) của Uông Trí Biểu và nhiều bài nghiên cứu về Phật pháp, chủ trương dùng những danh từ khoa học để diễn giảng Phật pháp, hòng chứng tỏ Phật pháp là một thứ siêu khoa học. Trước tác nổi tiếng nhất của ông chính là cuốn Nghiên Cứu So Sánh Giữa Khoa Học Và Phật Pháp.

Đối với pháp môn cây vào Phật lực lại ương ngạnh muốn viện dẫn pháp môn cây vào tự lực để biện luận nên mới bị làm lạc như vậy. Nếu biết Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể dùng sức tu trì của kẻ phạm phu đầy đầy triền phược để bình luận thì hết thấy những tâm nghi hoặc, chẳng tin đều tiêu tan hết.

Những câu “*nãi chí thập niệm, hàm giai nhiếp thọ, duy trừ ngũ nghịch, phỉ báng chánh pháp*” (cho đến mười niệm đều được nhiếp thọ, chỉ trừ kẻ ngũ nghịch, phỉ báng chánh pháp) trong kinh Vô Lượng Thọ là luận theo lúc bình thường, chứ không luận trên lúc lâm chung. Do kẻ ấy đã có tội ngũ nghịch cực nặng, lại kèm thêm tà kiến sâu nặng, phỉ báng chánh pháp, cho rằng pháp “siêu phạm nhập thánh, liễu sanh thoát tử và niệm Phật vãng sanh” do đức Phật đã nói đều là căn cứ để dụ dỗ, gạt gẫm ngu phu ngu phụ vâng thờ giáo pháp của ngài, chứ thật ra chẳng hề có chuyện ấy; do có tội chướng cực nặng ấy, dầu có thiện căn một niệm hay mười niệm, nhưng vì không có tâm hổ thẹn cùng cực, tin tưởng cùng cực nên chẳng thể vãng sanh được. Chương Hạ Hạ Phẩm trong Quán kinh nói về những kẻ lúc sắp lâm chung, tướng địa ngục A-tỳ hiện, tuy Quán kinh chẳng nói kẻ ấy phỉ báng chánh pháp, nhưng đã là kẻ ngũ nghịch thập ác, đầy đủ mọi điều bất thiện, ắt không thể nào chẳng phỉ báng chánh pháp. Nếu hoàn toàn không phỉ báng chánh pháp, sao lại có thể giết A-la-hán, phá hòa hợp tăng, làm thân Phật chảy máu được?

Thường có kẻ giải thích rằng trong trường hợp này (tức những kẻ được nói trong Quán kinh) thì không báng chánh pháp, trong trường hợp kia (tức những kẻ được nói trong kinh Vô Lượng Thọ) là báng chánh pháp, thoát nghe qua cũng rất có lý, nhưng đã không báng pháp thì sao lại có thể làm ba sự đại nghịch ấy cho được? Do vậy biết rằng, 48 nguyện là luận theo lúc bình thường, còn chương Hạ Hạ Phẩm của Quán kinh luận theo lúc đã thấy tướng khổ cùng cực của địa ngục, kẻ ấy hoảng sợ không thể nào diễn tả được, vừa nghe danh hiệu Phật bèn xót xa cầu xin được cứu giúp, trọn chẳng có ý niệm nào khác, chỉ có ý niệm cầu Phật cứu độ, hộ niệm. Tuy là vừa nghe liền niệm, nhưng đã “toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm”, cho nên tuy chỉ mười niệm hoặc chỉ một niệm, vẫn được Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Bốn mươi tám nguyện là luận theo lúc bình thường, chương Hạ Hạ Phẩm của Quán kinh nói về lúc lâm chung. Do thời gian, sự

việc khác biệt nên có sự nhiếp thọ hay không nhiếp thọ sai khác. Cho đó là mâu thuẫn, tức là trở thành gã si ngốc⁵⁴ vậy!

150. Thư trả lời cư sĩ Tổng Huệ Trạm

(Năm Dân Quốc 27 - 1938. Hoàng Hóa Xã tăng giá sách ba phần, đây là so sánh giá sách của năm 27 với năm 26 mà nói. Đến mùa thu năm Dân Quốc 28 - 1939 trở đi, lại tăng giá gấp đôi, nhưng vẫn chưa tái bản sách được)

Quang thật bội phục tâm nguyện của ông, nhưng Quang chẳng nghĩ cách hành động của ông là đúng. Trong lúc đại kiếp này, chỉ chú trọng khuyên người niệm Phật và niệm Quán Âm, cần gì phải có cho nhiều thứ sách khiến cho người đọc hoang mang, không biết quay về đâu! Huống chi chiến sự vẫn ngày càng thêm dữ dội, há có bảo đảm được sau này không có chuyện gì phải trốn tránh nữa hay chẳng? Chuyện của Hoàng Hóa Xã là vì nhân dân hiện thời khôn khổ gian nan, những người giúp đỡ tiền in trước kia hoặc phải lánh đi xa, hoặc đã nghèo cùng, Quang vừa già vừa lòa mắt, chẳng hỏi đến được, Hoàng Hóa Xã do thầy Đức Sâm đảm nhiệm. Quang bảo thu hẹp phạm vi hoạt động lại, chỉ tuân theo biện pháp lưu thông theo giá vốn. Hiện thời giấy mắc thêm gấp ba, hễ thư gửi suông liền không trả lời, thư có kèm theo tiền thỉnh sách bèn chiếu theo khoản tiền ấy giao sách, ắt chẳng đến nỗi khó nghĩ cho đôi bên. Ông chỉ biết đến biện pháp làm ra vẻ kẻ cả, ắt sẽ tốn tiền nhiều, nhưng thu được hiệu quả ít ỏi. Nếu chuyên đề xướng niệm Phật thì hãy chuẩn bị đại lược các kinh sách Tịnh độ để cực lực đề xướng sẽ ít tốn kém mà hiệu quả lại lớn.

Hơn nữa, đề xướng cần phải có nơi chốn, tu trì vẫn nên ai tu trong nhà này, cốt sao chẳng lỡ việc mà cũng chẳng tốn sức, đấy mới thật là một biện pháp hữu ích nhất. Bộ Văn Sao của Quang kể từ năm Dân Quốc 15 (1926), Trung Hoa Thư Cục ấn hành hoàn chỉnh bộ Tăng Quảng Văn Sao xong, bất luận bản nháp nào cũng đều không giữ lại, nhưng vì thầy Minh Đạo tự lén sai người sao chép lại rất nhiều, rồi sau đó đương gia chùa Linh Nham là thầy Diệu Chân sai người chép lại cho rõ ràng, cho sắp chữ, Quang mới biết, bèn giáo duyệt từng bài một. Sắp chữ xong, riêng phần

⁵⁴ Nguyên văn “tạc tử mao tử hán”, là một thành ngữ của Thiểm Tây để chỉ kẻ si ngốc, khăng khăng cố chấp, không hiểu biết gì. Có thuyết giải thích từ ngữ này xuất phát từ câu chuyện có một gã khờ thấy một con thỏ chạy đâm vào gốc cây bị chết, bèn khoét lỗ nơi thân ấy, cứ đứng đợi mãi để chờ xem có con thỏ nào đại đột đâm đầu vào ấy chết hay không. Xin ghi lại lời giải thích này như một điều tồn nghi.

thư tín cũng dày tới một cuốn, những bài văn khác như tự, ký v.v. cũng được một cuốn dày. Hai cuốn sách lần này, số trang bằng khoảng ba phần năm bộ Văn Sao bốn cuốn đã in lần trước. Cách sắp xếp căn cứ theo y như bộ Văn Sao đã in lần trước. Ông không cần phải băn khoăn, nếu là những lá thư bình thường, phần nhiều sẽ đâm ra chuốc lấy sự chán ghét của người khác; nếu là lá thư thật sự hữu ích, có thể sao ra gởi sang chùa Thái Bình ở đường Bắc Thành Đô, Thượng Hải, giao cho pháp sư Đức Sâm. Sau này thỉnh kinh sách cũng nên tiếp xúc với thầy ấy.

Ông nên buông bỏ biện pháp lớn lao, chỉ nên tu trì thiết thực, lấy thân làm gương, sốt sắng đề xướng, dùng lòng chí thành cảm người, người ta sẽ vui vẻ thuận theo. Quan giám ngục Cử Huyện là Lý Bình Nam đề xướng chưa đầy hai ba năm, người quy y tại Cử Huyện đã hơn một trăm người, đều là những nam tử trong giới sĩ, nông, công, thương, hay chánh trị gia. Ông muốn Quang đại diện đề xướng quyên góp, ông chẳng biết Quang chưa hề mở miệng kêu gọi chuyện ấy. Hễ có ai tặng tiền cho Quang, liền dùng tiền ấy làm công đức: hoặc tặng kinh sách, hoặc cứu trợ tai nạn hay giúp kẻ nghèo khó. Nếu có kẻ chuộng thể diện đưa sổ vàng quyên góp bảo Quang đứng ra quyên mộ, Quang cũng gởi trả lại sổ vàng, chỉ tùy sức tôi giúp được bao nhiêu thì giúp, cũng chẳng viết tên vào sổ vàng ấy, lại còn nói rõ nguyên do: Khi Quang xuất gia liền phát nguyện chẳng làm chủ nhân chùa miếu, chẳng thế độ đồ đệ, chẳng mộ duyên. Nay đã 78 tuổi rồi, luôn giữ được như vậy. Sau hai ngày nữa là tròn 79 tuổi rồi, trong sáng tôi sẽ chết, có gì lại trái nghịch lòng ngay thực ban đầu? Đại họa lần này xưa nay chưa hề nghe đến, quả thật là do họ Chu, họ Trình bài xích nhân quả uơng thành. Pháp thế gian hay xuất thế gian đều dùng nhân quả để duy trì, họ bảo “thật ra chẳng hề có chuyện ấy”, nên khiến cho những kẻ tâm tàn độc nhất càng thêm rất độc. Thật vậy, quân tử chẳng thốt ra những lời nói chơi!

151. Thư trả lời cư sĩ Tào Bội Linh

“Vợ chồng cư sĩ Bội Linh sanh liên tiếp năm đứa con gái. Sau khi quy y Phật pháp, tận lực làm chuyện lành, ăn chay niệm Phật và cực lực đề xướng khuyến hóa, tự lợi lợi người. Đến năm Dân Quốc 25 - 1936, ông cùng với các vị cư sĩ như Viên Lệ Đình v.v. sáng lập Phật giáo Tịnh nghiệp xã Vô Tích, hướng dẫn nhiều cách, chẳng tiếc sức thừa. Mùa đông năm ấy sanh được một trai. Đến mùa thu năm Dân Quốc 28 (1939) lại sanh được Đức Trùng. Do cảm kích ân Phật bèn đem một trăm đồng cúng dường cụ Ân Quang. Lúc ấy nhằm đúng lúc cư sĩ Đậu Tồn Ngô vì hai

đứa trẻ nghèo cậy Sâm thỉnh lão nhân (tổ Ân Quang) viết thư cho cư sĩ Hoàng Hàm Chi giới thiệu chúng được vào học miễn phí tại trung học Tam Dục. Lão nhân bèn bảo đem một trăm đồng ấy giao cho cư sĩ Hoàng, thay vì đóng góp để cứu chẩn, liền dùng món tiền ấy làm điều kiện giới thiệu cho hai đứa trẻ nghèo, cũng như để khỏi nhờ người khác nói giúp. Cư sĩ Hoàng cũng nghĩ đến lòng từ bi của lão nhân mà lo liệu. Cư sĩ Bội Linh cảm kích trước hành động này của lão nhân, hành động ấy chẳng chỉ hữu ích riêng cho pháp môn, vì nếu ai nấy đều dụng tâm như vậy, hiền tài của đất nước sẽ đầy lên đông đảo là chuyện chính mắt sẽ thấy. Ông ta bèn đem thư này gởi cho Sâm, bảo đưa vào sách và lược thuật nguyên do đầu đuôi.” - Đức Sâm kính ghi

* * *

Trước kia ông nhiều lần sanh con gái, nay đã nhiều lượt sanh con trai. Có thể thấy là Phật, trời gia bị người làm lành, khiến cho mọi việc như ý. Pháp danh của lệnh lang là Phước Vĩnh, nữ danh là Đức Trùng. Chẳng biết Phước Vĩnh có nặng hơn chị và anh hay không. Nặng hơn thì đặt pháp danh là Đức Trùng. Phật, trời gia bị ông, ông hãy nên tích cực dạy dỗ để nó trở thành chánh khí. Trong thế gian chẳng biết bao nhiêu đứa con có thiên tư tốt đẹp đều bị những kẻ làm cha mẹ không biết dạy dỗ nuôi thành phường bại hoại, khiến chúng vĩnh viễn đọa trong địa ngục A-tỳ. Đây là một đại bất hạnh cho nước ta. Ông hãy nên biến lòng yêu thương thành khéo dạy thì phước thọ đều được dài lâu để làm bằng chứng cho thấy tổ tông và ông đã tích đức. Một trăm đồng ông gởi biếu Quang sẽ dùng làm tiền phòng hồ⁵⁵ để giới thiệu hai đứa trẻ nghèo được nhập học. Nếu chẳng thể xin nhập học miễn phí được thì sẽ dùng món tiền ấy để đóng học phí, tôi sẽ làm công đức khác, chắc là ông chẳng đến nỗi thất vọng. Trong thời cuộc lúc này chớ nên bày tiệc đãi khách và dùng rượu thịt, hãy nên nghĩ đến nỗi đói lạnh của những kẻ đói cơm, thiếu áo, dùng tiền hữu dụng để làm chuyện tôn phước. Những kẻ si trong thế gian phần nhiều như thế đó, mong rằng ông chẳng đến nỗi như vậy! Thà bị coi như thốt lời bậy bạ, nhưng chẳng thể không nói. Nếu vẫn thuận theo thói tục mà làm thì sai lầm quá rồi!

152. Thư gởi hòa thượng Quảng Huệ

⁵⁵ Nguyên văn “lộng dẫn” (quà biếu). Do tiếp đó có câu “nếu chẳng thể miễn phí được” nên chúng tôi dịch theo ngữ cảnh là “tiền phòng hồ”.

(Tháng Giêng năm Dân Quốc 29 - 1940)

Bốn năm năm qua, chưa được gặp gỡ, khôn ngăn nghĩ nhớ. Mùa thu năm ngoái, thầy giám viện là Pháp Độ đến núi, cho biết thầy ấy tính qua Nam Dương, Tân Gia Ba, xin Quang viết một bức thư cho một hai người quen biết, để người Nam Dương không sanh nghi ngờ. Sau khi chiến sự nổ ra vào năm Dân Quốc 26 (1937), Quang trọn chẳng biết đến tình hình trên núi, được thầy Pháp Độ tận mặt tường thuật, khôn ngăn hoan hỷ. Nhân đó giao cho thầy Pháp Độ 300 đồng, nhờ thầy Pháp Độ bẩm lại với tọa hạ, không biết thầy Pháp Độ đã thưa lại hay chưa? Ngũ Đài là đạo tràng ứng hóa của ngài Văn-thù, xưa kia bậc cao nhân ở lại đây nhiều khôn kể xiết. Từ cuối đời Thanh trở đi, quốc gia chẳng rảnh rỗi để đề xướng, đến nỗi mang tiếng là đạo tràng mà chỉ còn chùa miếu, muốn tìm một vị tăng giữ giới thanh tịnh cũng khó tìm được.

Từ năm Quang Tự 33 (1907), hai vị Hằng Tu và Thừa Tham phát tâm Bồ-đề, dựng thảo am Quảng Tế ở ngọn Bắc Đài, Quang nghe tiếng, tâm cực khâm phục, nhưng chưa thể tận mặt gặp gỡ chuyện trò. Hai vị ấy mất đi, thượng nhân⁵⁶ Quả Định kế tục chí hướng trụ trì, từng gặp gỡ bốn năm lần, nhưng chưa chuyện trò cặn kẽ. Đến năm Dân Quốc 24 (1935), tọa hạ và cư sĩ Hồ đến Tô Châu thăm viếng, lúc ấy nhằm đúng khi mưa sa gió táp, mắt còn chưa định, đúng là cứu vãn sự mất mát còn không xuể, sao có thể bàn đến chuyện gì khác được⁵⁷! May là đại sĩ Văn-thù gia bị khiến được trở thành cơ nghiệp vĩnh viễn, kiên cố, các cư sĩ nghe vậy đều tính toán phương châm hoằng pháp cho tương lai. Thầy Pháp Độ đem chương trình do ông Nhiếp Vân Đài tu chỉnh, trong ấy có điều khoản gây quỹ chi dụng cho tăng chúng muôn năm, Quang đọc xong khôn ngăn vui vẻ an ủi, bởi muốn chuyển pháp luân

⁵⁶ Tại Trung Hoa, thượng nhân (purusarsabha) là danh xưng nhằm tôn xưng bậc cao tăng trí lẫn đức đều trọn vẹn, đầy đủ tư cách làm thầy của chư tăng lẫn mọi người. Sách Thích Thi Yếu Lâm, quyển thượng, giảng: “Trong có trí đức, ngoài có hạnh thù thắng, cao trội mọi người thì gọi là thượng nhân.” Theo phẩm Kiên Cố Tâm trong quyển 17 kinh Đại Phẩm Bát-nhã, tiêu chuẩn thượng nhân lại cao hơn nữa: “Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát có thể nhất tâm hành Vô thượng chánh đẳng chánh giác, hộ trì tâm chẳng tán loạn, thì gọi là thượng nhân.” Tại Nhật Bản, Tịnh Độ Chân Tông cho rằng danh hiệu thượng nhân kém hơn thánh nhân, nên họ gọi sáng tổ Pháp Nhiên và sơ tổ Thân Loan của Tịnh Độ Chân Tông là thánh nhân, chư tổ kế thừa là thượng nhân. Vào thời xưa, triều đình Nhật Bản còn coi đây là một tước vị dành riêng để phong tặng cho những vị sư.

⁵⁷ Trong năm ấy, theo đề nghị của Thái Sát Thủ, tỉnh trưởng Giang Tô là Vương Tiên San ban hành quyết định trưng thu, sung công chùa miếu để biến thành trường học.

phải nhờ vào thực luân. Nếu không có thực luân, nhờ vào đâu để tu đạo cho được? Vì thế đây là chuyện cấp bách.

Hiện thời Phật pháp tại các tỉnh thuộc vùng Giang - Chiết tuy suy, do thiên tai, nhân họa liên tục giáng xuống, hàng cư sĩ tại gia đua nhau đề xướng niệm Phật. Tuy dường như xâm phạm đến tài lợi nhờ làm Phật sự của tăng chúng, thật ra đây là phen giầu cho Phật pháp chẳng nhỏ nhoi đâu. Vào đầu đời Quang Tự, các báo ở Thượng Hải hằng ngày đăng tải những chuyện xấu của tăng sĩ. Tuy cũng có chuyện là sự thật, nhưng quá nửa là bịa đặt, dựng chuyện. Từ thời Dân Quốc đến nay, những tổ chức tu trì của cư sĩ đâu đâu cũng có, các tòa báo chẳng dám hằng ngày đăng tải những lời đồn đại bịa đặt để vu báng, miệt thị Phật pháp nữa. Phật pháp trong thời gần đây, luận trên phía cư sĩ thì tự hào hưng thịnh lớn lao, nhìn về phía tăng chúng trọn chẳng có tướng hưng thịnh. Vì sao vậy? Cư sĩ phần nhiều lấy niệm Phật làm chánh, tăng chúng thì những kẻ phải ứng phó kinh sám hằng ngày chỉ coi chuyện niệm kinh bái sám cho người ta là chuyện chánh, gác bỏ chuyện tu trì ra ngoài, những vị có chánh niệm thì quy về Tông môn. Chuyện tham thiền chẳng phải là chuyện hành nhân căn cơ nhỏ nhoi có thể làm được, dẫu đạt đến địa vị đại triệt đại ngộ nhưng chưa thể đoạn hết sạch phiền não thì vẫn y như cũ, chẳng thể thoát khỏi sanh tử.

Đừng nói chi con người hiện thời, ngay như Ngũ Tổ Giới đời Tống (Ngũ Tổ là tên chùa, thiền sư Sư Giới trụ tại chùa Ngũ Tổ nên gọi là Ngũ Tổ Giới), Thảo Đường Thanh, Chân Như Triết, sở ngộ của họ tiếng rền cả nước, nhưng Ngũ Tổ Giới thân sau thành Tô Đông Pha. Tô Đông Pha thông minh tuyệt đỉnh trong cõi đời, chẳng câu nệ tiểu tiết, vẫn thường ra vào chốn ăn chơi, nhà thổ. Đủ biết sở ngộ của Ngũ Tổ Giới tuy cao, nhưng vẫn chưa chứng được đạo Sơ quả, bởi Sơ quả đã đắc giới tương ứng với đạo, tùy ý chẳng phạm giới (tùy ý là tự nhiên) nghĩa là kẻ chưa chứng Sơ quả thường phải giác chiếu mới có thể chẳng phạm, còn Sơ quả thì tự nhiên chẳng đến nỗi phạm giới, như khi họ cày ruộng, hễ họ cày chỗ nào, trùng bộ rời khỏi chỗ đó bốn tác, đạo lực khiến cho tự nhiên được như vậy. Nếu không xuất gia, họ cũng cưới vợ, nhưng dù có dùng oai lực đe dọa tánh mạng để uy hiếp họ, buộc họ làm chuyện tà dâm, họ thà mất mạng chứ trọn chẳng thuận theo. Đông Pha đã từng ra vào nhà thổ, cho thấy Ngũ Tổ Giới còn chưa đắc đạo lực của bậc Sơ quả, nói gì đến chuyện liễu sanh tử nữa ư!

Hậu thân của Chân Như Triết sanh vào chỗ đại phú quý, một đời chịu nhiều ưu khổ, đã biết ông ta sanh vào nhà phú quý, lại chẳng chỉ rõ ông ta là ai, há chẳng phải là Tống Khâm Tông⁵⁸ ư? Bị quân Kim lấn hiếp, Huy Tông “thiện vị” (truyền ngôi - chữ thiện 禪 đọc như chữ thiện 繕, có nghĩa là truyền) cho thái tử (tức Khâm Tông), từ đầu đến cuối chỉ được hai năm, cả hai vua Huy Tông và Khâm Tông bị quân Kim bắt đi, đều phải hướng về triều đình nhà Kim xưng thần (bây tôi), chết tại thành Ngũ Quốc. Do chỗ sở ngộ, Chân Như Triết sanh vào nơi đại phú quý là hoàng cung, nhưng sự phú quý ấy cũng chỉ là hư danh, cả đời chịu nhiều ưu khổ vẫn là sự thật. Là hoàng đế một nước lớn, bị người Kim bắt làm bầy tôi nhà Kim, đáng thương muôn phần!

Hậu thân của Thảo Đường Thanh là Tăng Lượng, 50 tuổi làm tể tướng, được phong là Lỗ Quốc Công, nhưng đối với Phật pháp hết sức lợt lạt, chưa được thông suốt như Đông Pha. Hải Ấn Tín⁵⁹ cũng là một vị đại lão trong Tông môn đời Tống, thường được gia đình Phòng ngự Chu cúng dường (Phòng ngự là tên một chức quan

⁵⁸ Tống Khâm Tông (1100-1156), tên thật là Triệu Hằng, là con trai của Triệu Cát (Tống Huy Tông). Huy Tông chỉ ham mê thư pháp, tranh vẽ, thi phú, và tu hành theo pháp luyện đan trường sanh bất tử của Đạo giáo, tự xưng là Đạo Quân Hoàng Đế, việc triều chánh phó mặc cho gian thần Thái Kinh, Đồng Quán lộng hành. Khi chánh sự nát bét, quân Kim hai lượt uy hiếp Đông Kinh (Khai Phong), để trốn tránh trách nhiệm, Huy Tông bèn nhường ngôi cho con, trở thành Thái Thượng Hoàng. Khâm Tông lên ngôi, đổi niên hiệu là Tĩnh Khang, bèn lập tức biếm truất Thái Kinh, trọng dụng Lý Cương làm tể tướng. Tuy vậy, Khâm Tông là con người hồ đồ, vô tài, nghe lời gian thần sàm tấu, chẳng bao lâu sau liền cách chức Lý Cương, cầu hòa với quân Kim. Năm 1127, nhằm đúng năm Tĩnh Khang thứ hai, quân Kim đại phá Đông Kinh, bắt giải cha con Huy Tông và Khâm Tông về đất Kim. Sự gọi sự kiện này là Tĩnh Khang Chi Biến, hoặc Tĩnh Khang Chi Nhục. Ngay trong năm ấy, Kim Thái Tông hạ lệnh giáng Huy Tông và Khâm Tông làm thường dân. Đến năm Tĩnh Khang thứ ba (1128), bị giải về Thượng Kinh của đất Kim, hai vua bị buộc mặc thường phục, đến trước miếu Kim Thái Tổ quỳ lạy, cử hành lễ Khiên Dương (lễ dất dề, một hình thức rất sỉ nhục, vì những con dê để tế vốn chỉ do bọn tiểu thái giám dắt đến chỗ tế), rồi sang điện Càn Nguyên bái lạy Kim Thái Tông, xưng thần. Huy Tông được phong là Hôn Đức Công, Khâm Tông được phong là Trùng Hôn Hầu. Đến tháng 10, hai vua bị đày đi Hàn Châu (nay là huyện Lê Thọ thuộc tỉnh Cát Lâm), rồi đến tháng 7 năm Thiên Hội thứ tám (1130) bị đưa sang giam lỏng ở thành Ngũ Quốc (nay là huyện Y Lan tỉnh Hắc Long Giang) cho đến khi chết.

⁵⁹ Theo Tông Môn Vũ Khố, Hải Ấn Siêu Tín là một vị tăng đời Tống, nổi pháp ngài Lang Nha Huệ Giác, trụ trì chùa Định Huệ ở Tô Châu. Hành trạng của vị này không được biết đến nhiều, ngoại trừ câu chuyện được nhắc đến trên đây, cũng như một vài câu Thiền ngữ được ghi lại trong bộ Thiền Tông Tụng Cổ Liên Châu Tập (sách số 1295, quyển 65, Tục tạng kinh) và Thiền Lâm Loại Tụ.

võ). Một ngày nọ, nhà họ Chu thấy lão nhân Tín vào nhà, liền sanh được một gái, sai người sang chùa Hải Ấn hỏi thăm thì sư viên tịch đúng vào lúc đứa con gái được sanh ra. Chuyện này cả thành Hàng Châu đều biết. Đến ngày đầy tháng, thiền sư Viên Chiếu Bồn⁶⁰ đến nhà Phòng ngự Chu, bảo ẵm đứa bé gái ra. Đứa bé gái vừa thấy Viên Chiếu liền cười, Viên Chiếu gọi: “Trưởng lão Tín, làm mất rồi!” Đứa bé gái liền khóc thét lên rồi chết. Tuy là đã chết, vẫn phải thọ sanh, nhưng chẳng biết lại sanh về nơi đâu. Tần Cối⁶¹ đời trước là một vị tăng ở núi Nhạn Đăng, do sự tu trì đời trước trở thành tể tướng triều Tống, bị người Kim hời lộ, mọi chuyện đều mưu tính cho quân Kim, giết Nhạc Phi là người đã khiến cho quân Kim sợ hãi. Phàm những ai không đồng mưu với gã thì hoặc là biếm trích (giáng chức đày đi xa), hoặc là tru lục. Rốt cuộc chết đi vĩnh viễn đọa trong địa ngục, nhưng mỗi hận của trăm họ không cách nào tiêu được, vì thế người ta dùng bột mì làm thành hai miếng (tượng trưng cho Tần Cối và vợ) cùng chiên lên ăn, đặt tên là “du tạc cối”⁶² (Tần Cối chiên dầu). Lại đúc tượng sắt quỳ trước mộ Nhạc Phi, phàm những ai đến lễ Nhạc Phi đều

⁶⁰ Viên Chiếu Tông Bồn (1020-1099), quê ở huyện Vô Tích, Thường Châu (nay là huyện Vô Tích, tỉnh Giang Tô), có pháp tự là Vô Triết, năm 19 tuổi xin xuất gia với ngài Đạo Thăng chùa Vĩnh An ở Tô Châu, khổ tu mười năm mới được thầy cho chánh thức xuống tóc, thọ giới cụ túc. Sau đó sư đến học với Thiên Y Hoài Nhượng, được khai ngộ. Về sau sư trụ tại chùa Tịnh Từ, được tăng tục vùng Tô Châu thỉnh hoàng pháp tại hai chùa Vạn Thọ và Long Hoa, cả ngàn người nghênh tiếp sư về chùa giảng pháp. Năm Nguyên Phong thứ năm (1082), sư được Tống Thần Tông vời vào điện Diên Hòa hỏi đạo. Tống Triết Tông phong tặng sư danh hiệu thiền sư Viên Chiếu. Nguyên Hựu nguyên niên (1086), sư viện có già lão, xin quy ẩn, những người theo đưa tiễn nghe sư giáo huấn lệ tuôn như suối. Về già, sư bế môn tại chùa Linh Quang chuyên tu thiền và tịnh nghiệp. Sư thích diễn giảng Hoa Nghiêm, được người đương thời khen là đã thấu đạt sâu xa chỗ huyền áo của kinh Hoa Nghiêm. Sư còn để lại những trước tác như Quy Nguyên Trục Chi (2 quyển), Huệ Biện Lục (1 quyển) v.v..

⁶¹ Tần Cối (1094-1155), tự Hội Chi, quê ở Giang Ninh (nay là thành phố Nam Kinh), đậu tiến sĩ năm Chánh Hòa thứ năm (1115) đời Tống Huy Tông. Do cưới cháu ngoại của tể tướng Vương Khuê, nên hoạn lộ thăng tiến rất nhanh. Khi Tống Huy Tông và Khâm Tông bị quân Kim bắt về Bắc, Tần Cối cũng bị bắt theo. Sau khi được thả trở về Nam, Tống Cao Tông rất tin cậy Tần Cối. Do đó y ngoi dân lên, từ Tham tri chánh sự, thăng chức rất nhanh, trở thành tể tướng. Tống Cao Tông sợ phe chủ chiến là Nhạc Phi và Hàn Thế Trung đánh thắng quân Kim sẽ đem hai vua Huy Tông và Khâm Tông về Nam, nên Cao Tông làm nơ cho Tần Cối dùng đủ mọi cách triệt hạ, hãm hại Nhạc Phi. Tần Cối trong một ngày phát ra 12 đạo kim bài, buộc Nhạc Phi phải triệt thoái về triều chịu tội. Vụ hãm hại này nổi tiếng với câu nói “*mạc tu hữu*” (không cần có) khi có một số quan lại can đảm chất vấn Tần Cối: “Nhạc Phi đã phạm tội gì?” Điều đáng nhục cười là khi Tần Cối chết, Tống Cao Tông phong cho tên bán nước cầu vinh ấy thụy hiệu là Trung Hiến.

⁶² Nguyên thủy từ ngữ này là “du tạc cối” (Tần Cối chiên dầu, âm Quảng Đông là *dầu chá quấy*), nhưng do vùng Quảng Đông đọc chữ quỳ cùng âm với chữ cối nên dần dần bị viết trại thành du điều quỳ (âm Quảng Đông là *dầu cháo quấy*), rồi thành du xao quỳ.

cầm thước gỗ đập [tượng vợ chồng Tần Cối] toi tả, lại đá lên đầu, lên thân tượng cho voi hận. Sau này có kẻ mang họ Tần làm Tuần phủ tỉnh Chiết Giang, nói tượng người sắt ở trước mộ Nhạc Phi bị người ta đá vào khiến mộ Nhạc Phi bị ô uế, sai quăng xuống Tây Hồ để mộ Nhạc Phi thường được thanh tịnh. Từ đó nước Tây Hồ hôi thối, chẳng thể dùng để nấu ăn hay uống được, thường thấy trong hồ lênh bênh mấy xác chết, đến khi toan vớt lại chìm xuống. Do đẩy quan bèn ra cáo thị, sai dùng nhiều thuyền bè vây quanh để vớt, thì ra đó là tượng Tần Cối, vợ hắn và tướng Ngột Truật⁶³ nhà Kim đúc bằng sắt. Biết tội chướng của chúng sâu nặng, bèn ra lệnh đem đặt trước mộ để bị người ta đánh, đá. Năm Dân Quốc thứ mười (1921), Quang đến viếng mộ Nhạc Phi, tượng của bọn Tần Cối vẫn bị đá y như cũ, hôi thối không sao chịu đựng được nổi.

Ôi, đạo đức như Ngũ Tử Giới, Thảo Đường Thanh, Chân Như Triết mà còn chẳng thể liễu sanh thoát tử, nhưng làm bậc văn học lỗi lạc, làm tể tướng đã kém xa đời trước. Đến như cụ Triết làm hoàng đế, phải xưng thần với triều đình giặc, đáng thương đến cùng cực! Kết quả của Tần Cối khiến cho tâm can người khác phải nguội lạnh, đau đớn. Do công phu thiền định nhiều năm, đời sau làm tể tướng, vừa bị người Kim hỏi lộ liền mê hoặc, trở thành gã si ngốc chẳng biết thối, tốt xấu, trung gian, đến nỗi tượng hắn bị đánh đập, đá lên, thân bị chiên lên ăn, trăm ngàn năm qua vẫn chẳng thay đổi. Người tham thiền dùng tông để tự hùng, chẳng chịu vào Phật lực để liễu sanh tử, nếu vừa nghĩ đến kết quả này há chẳng nói ngược lại: “Chạy vào tự lực và chạy vào Phật lực sai khác quá xa, sao bằng chuyên tu tịnh nghiệp để mong được liễu thoát ngay trong đời này há chẳng tốt hơn ư?” Bậc tông tượng đại danh vòi vọi đời Tống thân sau còn phải kém hơn đời trước, chẳng biết thân đời sau nữa hành trạng sẽ lại ra sao?

⁶³ Ngột Truật (?-1148) họ Hoàn Nhan. Do lấy theo tên họ người Hán là Vương Tông Bất, nên đời khi sử còn gọi là Hoàn Nhan Tông Bất, dân gian thường gọi là Kim Ngột Truật. Ngột Truật là con thứ tư của Kim Thái Tổ (Hoàn Nhan A Cốt Đả). Ngột Truật rất giỏi dùng quân nên được phong chức Đô nguyên soái, lãnh Hành Đài Thượng Thư Sự, chủ trì xâm lăng tiêu diệt nhà Nam Tống. Ngột Truật từng đại bại thế thảm dưới tay Nhạc Phi và Hàn Thế Trung. Năm 1130, Nhạc Phi đại phá quân Ngột Truật tại núi Ngưu Đầu khiến cho Ngột Truật phải tháo chạy, lui về giữ Khai Phong, tính bỏ luôn cuộc Nam xâm, phải chấp nhận ký hòa ước với Nam Tống. Do mua chuộc được Tần Cối, bày mưu cho Tần Cối hãm hại Nhạc Phi và Hàn Thế Trung, Ngột Truật đã dễ dàng đập tan sự kháng cự của Nam Tống, biến Nam Tống thành chư hầu nhược tiểu của nước Kim. Bởi vậy, Ngột Truật bị người Hoa căm ghét không thua gì Tần Cối.

Quang tức nghiệp sâu nặng, sanh ra mới sáu tháng liền bị bệnh mắt, suốt 180 ngày chưa hề mở mắt được. Ngoài trừ lúc ăn, ngủ, cứ khóc suốt đêm ngày, người già cho rằng chẳng thể thấy mặt trời được, nhưng nhờ thiện căn đời trước, may còn thấy được ánh mặt trời, thật may mắn muôn phần! Đến tuổi đi học, lại trúng phải chất độc báng Phật của Chu - Trình, may là chẳng có học vấn như Chu - Trình. Nếu không, đã sớm đọa vào trong địa ngục A-tỳ ngay trong khi còn sống rồi! Do vậy bệnh tật triền miên, sống uổng mấy năm. Do nghĩ đến Phật pháp truyền sang phương Đông đã được bao nhiêu vua thánh tôi hiền hộ trì lưu thông, lời lẽ của Chu - Trình chẳng đáng làm căn cứ. Do vậy bèn xuất gia làm tăng chuyên tu tịnh nghiệp. Tiên sư dạy tham cứu, liền thưa: “Đệ tử không có được thiện căn ấy, nguyện chuyên niệm Phật để mong mang nghiệp vãng sanh.” Sáu mươi năm qua, sống ơ hờ phí uổng, nay đã tám mươi, tâm còn chưa tương ứng với Phật. Nếu chuyên cấy vào tự lực thì sự tự làm ấy chẳng thể tưởng tượng được đâu! Nhưng do sáu mươi năm trải đời, lại xét kỹ thiện căn của mình lẫn người, kẻ cấy vào Phật lực còn chẳng dễ gì chứng ngay được tam-muội; người cấy vào tự lực ai cao siêu hơn được Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, Chân Như Triết?

Từ thời Dân Quốc đến nay, đường lối cũ bị thay đổi rất lớn: Phê bỏ kinh điển, gạt bỏ luân thường, bỏ lòng hiếu cho khỏi hổ thẹn, thực hành chuyện biến con người thành loài thú, cả nước như cuồng, tàn sát lẫn nhau, hằng ngày theo đuổi chiến tranh. Kẻ có tri thức sợ nhân đạo gần như đứt mất, cho nên ai nấy lập phương cách cứu vãn, nêu tỏ nhân quả ba đời, xiển dương luân hồi lực đạo, làm cho khắp già trẻ nam nữ đều cùng niệm vạn đức hồng danh. Trong số ấy tuy không thiếu kẻ hòa theo sự náo nhiệt, nhưng quả thật có những ngu phu ngu phụ đạt được đại cảm ứng. Nay nêu lên hai trường hợp để tỏ rõ dấu tích chẳng thể nghĩ bàn vậy.

Một là ông Trịnh Huệ Hồng (đây chính là pháp danh quy y, tục danh không nhớ) ở thành Bảo Sơn tỉnh Vân Nam, buôn bán phát đạt. Năm Dân Quốc 11 (1922), gởi thư xin quy y, do vậy bèn đem những sách đã in gởi cho. Ông ta liền khuyên cha mẹ ăn chay niệm Phật. Cha ông ta (tên là Bá Thuần) là một vị ẩn sĩ học rộng, thoát đầu chuyên nghiên cứu kinh Dịch mấy năm, tiếp đó nghiên cứu kinh sách của thuật luyện đan. Do con là Huệ Hồng khuyên cha học Phật, cụ bèn nghiên cứu Thiên tông, sau đây chuyên tu tịnh nghiệp, cùng với vợ xin quy y. Bá Thuần pháp danh là Đức Thuần, bà vợ pháp danh là Đức Ý. Năm Dân Quốc 22 (1933), Huệ Hồng từ đất Xuyên (Tứ Xuyên) trở về Điền (Vân Nam), đi ngang Tô Châu, ở lại chùa Báo Quốc mấy ngày.

Mùa xuân năm sau, Huệ Hồng chết. Bà mẹ lòng quá yêu thương con, liền uống thuốc độc, ngồi kiết già, chấp tay niệm Phật qua đời. Mất rồi sắc mặt tươi sáng vui vẻ, phàm những ai thấy nghe không ai chẳng tán thán. Bảo Sơn là chốn biên địa của tỉnh Vân Nam, trọn chẳng biết đến Phật. Bá Thuần tuy học rộng, vốn sẵn đức hạnh, đề xướng Tịnh độ, người có trí tuệ ít có kẻ tin theo. Vợ cụ uống thuốc độc, ngồi kiết già, niệm Phật qua đời, người cả một vùng mười phần hết tám chín đều tin lời Bá Thuần niệm Phật cầu sanh Tây Phương.

Như vị thiện tri thức lâm chung, ngồi kết già, chấp tay niệm Phật đã là chẳng tầm thường, huống chi một bà lão không có học vấn gì, uống thuốc độc lại được như thế, nếu chẳng phải là Phật lực gia bị, há được như thế ư? Do vậy biết Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh tâm lực chẳng thể nghĩ bàn! Chúng sanh tuy sẵn có tâm lực chẳng thể nghĩ bàn, nhưng chẳng được Phật lực, pháp lực gia trì thì vẫn chẳng thể thọ dụng được. Do được Phật lực, pháp lực gia trì khiến cho tâm lực của chúng sanh hoàn toàn hiển hiện. Vì thế chất độc chẳng đầu độc được, hiện tướng lạ lùng đặc biệt, nhằm hướng dẫn cả một vùng. Với tư cách ngu phụ, bà ta còn có thể hiện được tướng lạ lùng đặc biệt như thế thì vị tỷ-kheo tu mi tượng phu đường đường cũng sẽ có thể tự phân chân, quyết chí dốc sức tu tập.

Trường hợp thứ hai là Lục Tử Khanh (pháp danh là Đức Siêu) ở Quạt Cảng, Như Cao, tỉnh Giang Tô, là một nông phu chỉ hơi thông chữ nghĩa, vợ chồng con cái đều quy y. Con gái ông ta xuất gia, nhưng vẫn ở nhà. Con ông ta xuất gia, chưa được bao lâu đã chết. Quần áo xuất gia, phí tổn thọ giới và tiền tống táng đều do ông ta lo liệu. Ông ta tính bán sạch hết điền sản để làm công đức hồng khôi phải bận tâm. Ruộng đã bán rồi, anh ông ta biết, liền bắt chuộc lại. Người anh thấy em không con trai bèn cho con trai mình làm người thừa kế, mưu tính đoạt gia sản với khí thế thật dữ dội. Bất đắc dĩ, ông ta phải tìm trưởng làng thưa trình chuyện ấy. Ruộng đã bán đi với giá quá hời, trưởng làng không chịu cho chuộc lại. Người ấy tiền thoái lương nan, ra khỏi nhà trưởng làng bèn nhảy xuống sông tự tử. Xác ông ta đứng thẳng trong nước, ngoảnh mặt về Tây chấp tay. Người nhà biết tin, ra vớt xác về. Nhân đây gởi thư cho đương gia chùa Linh Nham, xin lập một bài vị trong niệm Phật đường, nên mới biết chuyện ấy. Đây là chuyện xảy ra vào mùng 8 tháng Chạp năm ngoái. Trong đời, người đứng mất cũng không nhiều, Đức Siêu gieo mình xuống sông lại đứng thẳng trong sông, so với người đứng thẳng trên đất bằng thật là lạ lùng đặc biệt! Nếu không

phải là toàn thân đã buông xuống hết, quyết mong vãng sanh, há có thể làm được như vậy ư?

Ôi, sở ngộ của Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh, Chân Như Triết tiếng tăm chấn động cả nước, chết đi làm tể tướng, làm hoàng đế, đạo lực đã thụt lùi, hướng chi là liễu sanh tử ư? Hai người trên đây dùng tư cách ngu phu ngu phụ, lâm chung chết ngang, so với vị thiện tri thức đắc đạo chẳng thua kém tí nào. Đủ biết tự lực chẳng đủ để trông cậy, Phật lực khó thể nghĩ bàn! Những người làm tăng trong cõi đời gần đây, đều coi tham thiền là vô thượng thừa, niệm Phật là cách tu trì của bọn ngu phu ngu phụ. Nay nói: Thuở xưa bậc tham thiền đại ngộ đã chứng thì thần thông đạo lực của các ngài, cố nhiên phạm tình chẳng thể suy lường được. Những vị đại ngộ nhưng chưa chứng như Ngũ Tổ Giới v.v. có đạt được cảnh tượng như hai người ấy (tức mẹ ông Trịnh Huệ Hồng và Lục Tử Khanh) hay không? Một đằng chuyên cậy vào tự lực, một đằng kiêm nhờ Phật lực. Do vậy bậc thượng trí chẳng bằng được kẻ hạ ngu, khéo quá hóa vụng. Vì thế kinh Đại Tập dạy: *“Mạt pháp ức ức nhân tu hành, hãn nhất đắc đạo. Duy y niệm Phật, đắc độ sanh tử”* (Đời mạt pháp ức ức người tu hành, hiếm một ai đắc đạo. Chỉ có nương vào niệm Phật để vượt thoát sanh tử). Bởi đó từ thời Nguyên - Minh trở đi, phạm là bậc tri thức nhà Thiền phần nhiều đều đề xướng niệm Phật, như Trung Phong Bồn, Sở Thạch Kỳ v.v.. Ngài Liên Trì sau khi ngộ đạo bèn chủ trương Tịnh độ, ngài Triệt Ngộ ngộ đạo rồi bèn bỏ tham cứu, chuyên niệm Phật. Do xét đến căn cơ đương thời không thể nào làm khác được. Như mùa hạ mặc áo mỏng, mùa đông mặc áo cừ, khát uống, đói ăn, chẳng thể chấp chết cứng một pháp. Hành theo pháp thích đáng sẽ được lợi lớn, không chút điều tẻ nhỏ.

Hơn nữa, pháp Tịnh độ lợi khắp mọi căn cơ, quả thật là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt một đời đức Như Lai, lợi ích vượt trội những giáo lý thông thường trong cả một đời giáo hóa của đức Phật. Câu nói của cổ đức: “Do dùng sự giác ngộ nơi quả vị để làm cái tâm trong khi tu nhân nên nhân bao trùm biển quả, quả thấu tận nguồn nhân”, có thể nói là khéo hình dung nhất, không còn gì hay tuyệt hơn được nữa. Hướng chi Tứ tổ Liên tông là đại sư Pháp Chiếu đích thân gặp đức Văn-thù dạy niệm Phật. Há có nên chẳng ngửa tuân theo thánh ý chuyên chú niệm Phật, vẫn cứ muôn cậy vào tự lực, vứt bỏ Phật lực, chỉ mong chống đỡ môn đình cho lớn lao, chẳng tính đến chuyện có được lợi ích hay không? Hâm mộ hư danh, khinh rẻ lợi ích thật sự, sao lại mất trí điên cuồng quá mức như thế vậy?

Theo tập ba của Cao Tăng Truyện, trong truyện của đại sư Pháp Chiếu có nói: Vào năm Đại Lịch thứ hai (767), sư trụ tại chùa Vân Phong ở Hành Châu, nhiều lần thấy thánh cảnh hiện trong bát cháo, chẳng biết là danh sơn nào. Có vị tăng đã từng đến Ngũ Đài, bảo đây ắt phải là Ngũ Đài. Về sau sư bèn đi triều bái. Năm Đại Lịch thứ năm (770), sư đến huyện Ngũ Đài, nhìn thấy phía xa có ánh sáng trắng, lần theo ánh sáng đi tìm, đến Đại Thánh Trúc Lâm Tự. Sư vào chùa, đến giảng đường thì thấy đức Văn-thù ở phía Tây, đức Phổ Hiền ở phía Đông, ngồi trên tòa sư tử, thuyết pháp thâm diệu. Sư lễ hai vị thánh, thưa hỏi: “Phàm phu đời mạt, thời gian cách thánh đã xa, tri thức ngày càng kém cỏi, cầu chứng thật sâu, Phật tánh không do đâu hiển hiện được. Phật pháp mệnh mông, chưa rõ tu hành pháp môn nào là thiết yếu nhất? Kính mong Đại Thánh đoạn trừ lưới nghi cho con.” Đức Văn-thù bảo: “Nay ông niệm Phật là hợp thời nhất, các môn tu hành không gì hơn được niệm Phật, cúng dường tam bảo, phước tuệ song tu. Hai môn này nhanh chóng, quan trọng nhất. Vì sao vậy? Trong đời quá khứ, ta do quán Phật, do niệm Phật, do cúng dường nên nay đắc nhất thiết chủng trí. Do vậy biết niệm Phật là vua trong các pháp. Ông hãy nên thường niệm Pháp Vương vô thượng chớ để dừng nghỉ.” Sư lại hỏi: “Nên niệm ra sao?” Ngài Văn-thù nói: “Phía Tây thế giới này có A-di-đà Phật, đức Phật ấy nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn. Ông hãy nên niệm liên tục đừng để gián đoạn, sau khi mạng chung chắc chắn vãng sanh, vĩnh viễn không thoái chuyển.” Nói lời ấy xong, khi đó hai vị Đại Thánh đều duỗi cánh tay sắc vàng xoa đầu sư thọ ký: “Do ông niệm Phật chẳng bao lâu sau sẽ chứng Vô thượng chánh đẳng Bồ-đề. Nếu hàng thiện nam, thiện nữ nguyện mau chóng thành Phật thì không gì hơn niệm Phật, sẽ mau chóng chứng Vô thượng Bồ-đề.” Nói xong, khi ấy hai vị Đại Thánh cùng nhau nói già-đa (kê). Sư nghe xong, hoan hỷ hơn hờ, lưới nghi đều trừ. Đây là đại sư Pháp Chiếu đích thân đến Trúc Lâm Thánh Tự được hai vị Đại Thánh khai thị.

Trong Thanh Lương Chí bản cũ, chuyện này bị một thiên tăng vô tri sửa đổi lời khai thị, biến thành thiên ngữ, thật đáng thống hận! Bộ Sơn Chí được tu chỉnh gần đây đã sao chép theo đúng truyện đại sư Pháp Chiếu trong tập ba của bộ Cao Tăng Truyện. Tôi chẳng dẫn Thanh Lương Chí vì sợ người ta không biết, cứ đọc theo bộ Sơn Chí cũ sẽ đâm ra nghi báng. Làm mù con mắt chánh pháp, đoạn thiện căn của người khác, tội chẳng gì lớn hơn được! Phần trước và phần sau đoạn trích dẫn này đều lược đi, sao lục chỗ khai thị chẳng sót một chữ nào, chỉ có với chữ “chiếu” là vì thuận theo cách nói bèn viết là chữ sư cho rõ. Ngũ Đài chính là đạo tràng ứng hóa

của ngài Văn-thù. Văn-thù chính là thầy của bảy đức Phật, tự nói: “Ta trong quá khứ do quán Phật, do niệm Phật nên nay đắc nhất thiết chủng trí.” Do vậy hết thấy các pháp bát-nhã ba-la-mật, thiền định rất sâu, thậm chí chư Phật đều sanh từ niệm Phật. Quá khứ chư Phật còn sanh từ niệm Phật, huống chi chúng sanh đòi mật pháp nghiệp nặng phước nhẹ, chương sâu tuệ cạn, miệt thị niệm Phật chẳng chịu tu hành, ý muốn siêu thoát, vào thẳng địa vị Như Lai, chẳng biết rằng dù có muốn nói gót hót bụi của Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh vẫn còn chưa được nữa ư?

Thiền tông bắt nguồn từ đời Lương, pháp ngữ nhằm dạy người đích thân thấy tự tánh của họ tuy cao siêu huyền diệu, nhưng mỗi câu còn ý nghĩa. Sau thời Lục tổ, hai vị tổ Nam Nhạc, Thanh Nguyên liền dùng cơ phong chuyển ngữ, chỉ sợ người ta tưởng hiểu nghĩa là ngộ, chẳng thể thật chứng, nên dùng pháp này hòng dứt bật cái tệ tưởng lầm là đã ngộ đạo. Nhưng công phu tham cứu ấy chẳng dễ gì đạt được, có nhiều kẻ mấy chục năm vẫn chưa thể nào thấu hiểu triệt để được. Ngài Triệu Châu 80 tuổi còn tham khẩu⁶⁴ khắp Bắc Nam, nên có câu nói: “*Triệu Châu bát thập do hành cước, chỉ vị tâm đầu vị tiêu nhiên*” (Triệu Châu tám chục còn hành cước, chỉ bởi trong lòng chưa rõ ràng). Đủ biết là bậc hành nhân đại căn còn phải siêng nhọc như thế, huống gì kẻ căn tánh hèn kém ư?

Đến đời Tống, đạo Thiền vẫn hưng thịnh lớn lao, kẻ thật chứng đã ít ỏi hẳn đi. Ngay như Ngũ Tổ Giới vẫn chẳng phải là kẻ tầm thường, sư thuộc pháp hệ của ngài Vân Môn Yển⁶⁵, là pháp tổ của quốc sư Đại Giác Liên đời Tống, môn đình cao ngất như long môn⁶⁶, kẻ học thường dõng nhìn vách đá chót vót mà chùn bước, thuở đương thời danh vọng hiển hách chi bằng. Nhưng một thứ kiến hoặc còn chưa đoạn được, nói gì đến liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh nữa ư? Thân sau của Giới công là Tô Đông Pha, tăng tục đều biết. Lúc họ Tô giữ đất Hàng vẫn chẳng cự tuyệt kỹ nữ lui tới, đủ biết vẫn là phàm phu đầy dẫy triền phược, ngay cả Sơ quả Tu-đà-hoàn

⁶⁴ Tham khẩu: Đến tham học với các bậc tôn túc đã ngộ đạo.

⁶⁵ Vân Môn Văn Yển (864-949) là sơ tổ tông Vân Môn, quê ở huyện Gia Hưng, tỉnh Chiết Giang. Sư mang chí hướng xuất gia từ nhỏ, xin thế độ với ngài Chí Trùng tại chùa Không Vương ở Gia Hưng. Không lâu sau, được thọ cụ túc, học rộng khắp các kinh điển, đặc biệt nghiên cứu tinh tường luật Tứ Phần. Sau đó sang Mục Châu tham học với ngài Đạo Minh, thấu hiểu thiền chỉ. Rồi sư tham học với Tuyết Phong Nghĩa Tồn, được ấn khả. Năm Càn Hóa nguyên niên (911), đến Tào Khê lễ tháp Lục tổ, tham học với ngài Linh Thọ Như Mẫn, được nói pháp vị này. Do sư trụ tại chùa Quang Thái núi Vân Môn nên tông phong của ngài được gọi là Vân Môn.

⁶⁶ Long Môn còn gọi là Vũ Môn, là nơi theo truyền thuyết con cá chép nào vượt ngược sông, nhảy qua được ba bậc của thác Vũ Môn sẽ biến thành rồng.

vẫn chưa hề chứng được. Người bây giờ ai có được đạo lực như Ngũ Tổ Giới mà vẫn muốn cậy vào tự lực để liễu sanh tử, lại còn đề cao Thiền tông, miệt thị Tịnh độ, là do có gì vậy?

Một là do ít đọc kinh điển và kinh Hoa Nghiêm, hoặc từng đọc qua nhưng hoàn toàn chẳng chú ý. Hai là do chẳng biết tông chỉ của Thiền tông, bất luận hỏi đến Phật, hỏi đến pháp, dù hỏi đến tất cả những thứ gì trong thế gian, khi đáp đều chỉ về bốn phần, chứ tuyệt đối chẳng luận trên Phật, trên pháp và trên mặt sự để đáp. Đó gọi là “hỏi tại nơi đáp, đáp tại nơi hỏi”, nếu hiểu là nói về mặt sự thì hoàn toàn hiểu lầm mất rồi, nhưng người đời nay nghiệp sâu tuệ cạn, thường đem những lời trực chỉ bốn phần giải nghĩa theo mặt văn tự. Như ngài Triệu Châu nói: “Lão tăng niệm Phật một tiếng, súc miệng ba bữa” và “một chữ Phật, ta chẳng thích nghe”, ai nấy đều lầm tưởng là lời nói thật, bèn coi niệm Phật là không ra gì, rồi miệt thị. Chẳng biết sau câu “một chữ Phật ta chẳng thích nghe” của ngài Triệu Châu, có kẻ hỏi: “Hòa thượng có còn vì người khác hay không?” Triệu Châu nói “Phật, Phật” đó ư? Có kẻ hỏi: “Hòa thượng được đại vương cúng dường như thế (cha con vua nước Triệu và Yên Vương đều cung kính cúng dường), báo đáp như thế nào?” Triệu Châu nói “niệm Phật” đó ư? Lại có ông tăng hỏi: “Mười phương chư Phật còn có thầy hay không?” Triệu Châu nói “có!” Hỏi: “Thế nào là thầy của chư Phật?” Triệu Châu nói “A-di-đà Phật, A-di-đà Phật” đó ư? Phàm “niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày” và “một chữ Phật ta chẳng thích nghe” và “dùng Phật Phật để vì người khác”, “dùng niệm Phật để báo ân”, “lấy A-di-đà Phật làm thầy của mười phương chư Phật” đều là chuyện ngữ chỉ về bốn phần.

Nếu hiểu hai câu trước là lời thật bèn thật hành theo (tức “niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày” và “một chữ Phật ta chẳng thích nghe”), ắt sẽ đến nỗi báng Phật, báng pháp, báng tăng, vĩnh viễn đọa trong ác đạo. Nếu coi ba câu sau (“dùng Phật Phật để vì người khác”, “dùng niệm Phật để báo ân”, “lấy A-di-đà Phật làm thầy của mười phương chư Phật”) là lời thật rồi thật hành, ắt sẽ được nghiệp tận tình không, đời này chứng thánh, vãng sanh thượng phẩm, dần dần đạt đến thành Phật. Hai cách nói này các sách Thiền đều cùng sao lục. Hai câu nói trước ấy, hết thầy mọi người đều thường đề xướng; ba câu nói sau, mấy chục năm qua tôi chưa hề thấy có một ai nhắc đến một câu nào! Những câu nói trước và sau đều quy về bốn phần. Đối với ba câu sau, dầu chẳng hiểu ý của ngài Triệu Châu, đem so với chuyện hiểu được ý ngài Triệu Châu thì lợi ích vẫn lớn hơn. Bởi lẽ không hiểu được ý của tổ Triệu Châu,

nhưng vẫn là tuân theo lời Phật dạy chân thật phát xuất từ kim khẩu của đức Như Lai. Đối với hai câu trước, dẫu có hiểu ý của ngài Triệu Châu cũng chẳng qua là khai ngộ mà thôi, còn cách liễu sanh thoát tử xa lắm. Cớ sao đối với lời nói của cùng một người, nếu không hiểu, coi hai câu trước là lời đúng thật thì họa hại khôn lường, nhưng ai nấy đều đề xướng; còn ba câu sau nếu không hiểu, coi là lời nói đúng thật lại lợi ích vô cùng, nhưng cả cội đời chẳng ai thêm nghe?

Ấy là vì thuở ban đầu chưa hề gặp được thiện tri thức thật sự, do bản thân chẳng ra sức nghiên cứu, vừa nghe lời bài bác tưởng như hy hữu, lạ lùng, trong tâm bèn vui sướng, thường xuyên đề xướng. Chẳng biết đây là lời nói thẳng chóng nhằm dạy người khác đích thân thấy được bản lai của cở nhân, cứ hiểu thành lời báng pháp dè bủ, chê bỏ niệm Phật. Trong đời mặt loại người như vậy nhiều lắm! Trừ kẻ biết tự lượng, có hàm dưỡng, quyết chẳng chịu coi cách suy lường mặt chữ là tham cứu pháp thiên thì chẳng mắc phải bệnh ấy. Nếu không, ắt sẽ là kẻ tưởng “ngộ” (誤: hiểu lầm) là “ngộ” (悟: ngộ đạo), vẫn cứ noi theo lẽ lối ấy mà tu hành, chẳng nghĩ đến sửa đổi chi cả!

Huống chi cư sĩ các nơi, tâm hộ trì chùa Quảng Tế hết sức sôi nổi. Nếu vẫn dùng cái danh tham thiền để tự đề cao thì còn được, chứ nếu do cậy vào tự lực mà chẳng thể được đại lợi ích thì làm sao báo đáp nhiệt tâm của các cư sĩ đây? Lại làm sao có thể thúc đẩy mạnh mẽ đạo niệm của các cư sĩ đây? Quang then mình hủ bại, không có tài đức, nhưng do kinh nghiệm xuất gia từng trải sáu chục năm, vốn chẳng dám đối trước hết thầy mọi người mà nói, nhưng vì thượng nhân Quả Định và hòa thượng đều để mắt xanh đoái tưởng, lại thêm vì tuổi đã tám mươi, sống buổi sáng chẳng đảm bảo được buổi tối, nếu chẳng đem điều Quang hiểu biết dâng lên thường trụ chùa Bích Sơn thì thật chịu lỗi đến cùng cực.

Pháp môn niệm Phật chính là chỗ quy túc của các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật, là đường tắt thành Phật của trời người, thánh phàm. Hết thầy các pháp môn không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này, hết thầy các pháp môn không pháp nào chẳng trở về pháp này. Kẻ tri kiến nhỏ nhoi cho niệm Phật là pháp môn của ngu phu ngu phụ; nào biết trong hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài sau khi chứng được Thập tín hậu tâm, vâng lời ngài Văn-thù dạy đã đi tham học với khắp các thiện tri thức, hề nghe dạy liền chứng. Cuối cùng đến chỗ Phổ Hiền Bồ-tát, được ngài gia bị, khai thị, sở chứng ngang với Phổ Hiền và chư Phật. Đức Phổ Hiền bèn vì Thiện Tài xưng tán

công đức thù thắng, mầu nhiệm của Như Lai, dạy Thiện Tài phát mười đại nguyện vương, dùng công đức này hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc để mong viên mãn Phật quả, và khuyên tấn trọn hết các Bồ-tát trong Hoa Tạng thế giới hải nhất trí tiến hành cầu sanh Tây Phương. Hoa Tạng hải chúng không một ai là phàm phu, Nhị thừa hay Quyền vị Bồ-tát chưa phá vô minh, vị nào chứng ngộ thấp nhất đã là bậc Sơ trụ trong Viên giáo. Vị ấy đã có thể hiện thân làm Phật trong thế giới không có Phật, và tùy theo mỗi loài hiện đủ mọi thân để độ thoát chúng sanh. Sau đó từ Nhị trụ cho đến Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, mỗi địa vị càng thù thắng hơn. Các vị Bồ-tát ấy đều dùng mười đại nguyện vương cầu sanh Tây Phương, những kẻ kia (tức kẻ phỉ báng niệm Phật) là hạng người nào mà dám chống đối các ngài ấy?

Do vậy biết pháp môn niệm Phật quả thật là pháp môn tổng trì để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thành thủy thành chung. Vì thế pháp này được chín giới hướng về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói. Do pháp này dùng quả địa giác làm nhân địa tâm, nên liền được “nhân trùn biển quả, quả tột nguồn nhân”. Cúi xin hòa thượng thương xót lòng ngu thành của Quang, quán sát thời cơ, bỏ tham thiền để niệm Phật, tuân theo thánh huấn của các vị Văn-thù, Phổ Hiền, noi theo dấu thom của các vị Triệt Ngộ, Liên Trì, ngõ hầu người theo học đều được lợi ích liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, khiến những vị cư sĩ hộ pháp đều được dự vào hội thượng thiện nhân ở Liên Trì, bi tâm của ba đời chư Phật được xoa dịu lớn lao nơi cõi Tịch quang, chư tổ của năm tông đều mỉm cười rạng rỡ nơi chân tế. Ngũ Đài vọi vọi, đã có bậc hoằng dương đạo thành thủy thành chung, Phật tử đông đảo sẽ đều tu đạo “tâm làm, tâm là”. Chẳng biết hòa thượng có chịu rủ lòng nghe theo hay không? Nếu nói: “Ai có chí nấy, sao lại cưỡng bức, ông giữ pháp của ông, tôi hành đạo của tôi”, Quang cũng chỉ tự thẹn cuồng vọng, chẳng dám khinh nhờn nữa! Mong hãy đem thư này trả về Linh Nham để đốt trước tượng Văn-thù Bồ-tát trong đại điện hòng tỏ lộ tấm lòng khẳng khăng ngu thành của Quang đối với Ngũ Đài mà thôi!

153. Thư gửi cư sĩ Hồ Tử Hốt

(Năm Dân Quốc 29 - 1940)

Từ khi gặp gỡ đến nay, trước sau đã bảy năm, thế giới tang thương, khôn ngăn cảm thán! Thư của các hạ, mùa thu năm ngoái do thầy Pháp Độ đến núi, mới được

chiêm ngưỡng, do những năm trước thầy Pháp Độ đến đất Hồ (Thượng Hải) liền đi ngay. Mùa thu năm ngoái thầy Pháp Độ đến đây, hỏi thăm các hạ và thường trụ Bích Sơn, may là không mắc tai nạn lớn lao, khôn ngăn mừng rỡ an ủi. Quang nghĩ đạo tràng Bích Sơn sẽ khôi phục được quang cảnh cũ, pháp môn tu hành nên tùy thời nghỉ, đã đại lược tỏ ý của Quang với thầy Pháp Độ. Lại bỏ ra 300 đồng để làm khoản chi tiêu trước. Tiếp đó, nghĩ Quang là loại tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, dù nói có ai chịu nghe theo, bèn thôi, không bàn đến nữa!

Nửa sau tháng Chạp, pháp sư Đức Sâm gửi thư về hỏi: “Sao vẫn chưa dâng thư lên hòa thượng Quảng Huệ?” Quang bảo: “Vì phận hèn lời nhẹ, ắt khó được nghe theo, vì thế không bàn đến nữa!” Thầy Đức Sâm bảo: “Chúng ta làm việc chỉ mong trọn hết lòng thành của chính mình, có sao lại sợ người khác chẳng thấy nghe, để rồi rớt cuộc đạo tràng của đức Văn-thù không được một phen nghị luận như thế này ư?” Do vậy tôi bèn quên mình hèn kém thô lậu, miễn cưỡng viết hơn mười trang, trình bày đại lược chuyện “áo mỏng, áo cừu, ăn uống cần phải thích nghi, sự tu trì thời mật pháp cũng phải giống như vậy”. Vẫn mong các hạ thương cho lòng ngu thành của Quang, ở trước mặt hòa thượng nhiều cách khen ngợi, nói vun vào, may ra chẳng đến nỗi Quang bị sa chân chuốc nhục, hoàn toàn chẳng có ích gì!

154. Thư trả lời cư sĩ Dương Vĩ Chương

Hôm nay đặt pháp danh, dùng Một Lá Thư Gửi Khấp để khai thị. Gửi thư xong, đọc lại thư ông, biết ông chưa biết tông chỉ Tịnh độ. Hãy nên y theo những gì đã nói trong Một Lá Thư Gửi Khấp mà sanh lòng tin thật sự, phát nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết, niệm danh hiệu Phật. Dùng cách niệm quán tâm, hãy nên dùng cách niệm nhiếp tâm. Trong kinh Lăng-nghiêm, Đại Thế Chí Bồ-tát nói “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất”. Khi niệm Phật trong tâm (ý căn) phải niệm cho rõ ràng rành rẽ, nơi miệng (thiệt căn) phải niệm cho rõ ràng rành rẽ, nơi tai (nhĩ căn) phải nghe cho rõ ràng rành rẽ. Ba căn ý, thiệt, nhĩ mỗi mỗi đều nhiếp thủ Phật hiệu thì mắt cũng chẳng ngó Đông, dòm Tây, mũi cũng chẳng ngửi những thứ khí vị khác, thân cũng chẳng lười trễ, biếng nhác, đó gọi là “nhiếp trọn sáu căn”. Nhiếp trọn sáu căn để niệm tuy chẳng thể hoàn toàn không có vọng niệm, nhưng so với kẻ chẳng nhiếp sáu căn để niệm thì trong tâm thanh tịnh hơn nhiều lắm, vì thế gọi là tịnh niệm.

Nếu thường giữ được tịnh niệm cho liên tục chẳng bị gián đoạn, tâm sẽ tự được quy về một chỗ. Ở mức cạn là đắc nhất tâm, mức sâu là đắc tam-muội. Tam-ma-địa cũng là tên gọi khác của tam-muội, ở đây (Trung Hoa) dịch là chánh định, hay còn dịch là chánh thọ. Chánh định nghĩa là tâm an trụ nơi Phật hiệu, chẳng còn rong ruổi theo bên ngoài nữa. Chánh thọ ngụ ý những gì được nạp thọ (thu nhận) trong tâm chỉ là cảnh duyên công đức của Phật hiệu, hết thấy cảnh duyên đều chẳng thể được. Có thể thật sự nhiếp cả sáu căn để niệm, chắc chắn nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng. Chẳng cần phải quán tâm mà tâm tự thanh tịnh sáng tỏ, sao lại đến nỗi mắc bệnh tâm hỏa bốc lên nữa ư? Do ông là phàm phu nghiệp lực cực nặng, lầm lạc dùng pháp quán tâm nên mới đến nỗi như thế. Pháp quán tâm chính là pháp tu quán bên Giáo, chẳng thích hợp lắm với người niệm Phật. Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mới là vô thượng diệu pháp thích hợp khắp hết thấy căn cơ thượng, trung, hạ, cả phàm lẫn thánh.

Nên biết “nhiếp trọn” chú trọng tại nghe. Dẫu niệm thầm trong tâm cũng vẫn phải nghe, bởi lẽ trong tâm khởi niệm liền có tướng của tiếng. Tai chính mình nghe tiếng trong tâm của chính mình, vẫn rành rẽ rõ ràng. Nếu có thể nghe được từng câu từng chữ rõ ràng thì sáu căn đều quy về một, so với tu những pháp quán khác là ổn thỏa thích đáng nhất, ít tốn sức nhất, khế lý khế cơ nhất. Đã phát tâm niệm Phật, ắt cần phải kiêng giết, ăn chay, đoạn cả hút sách lẫn uống rượu. Thanh tâm quả dục (tâm lòng trong sạch, ít ham muốn), cưới vợ chủ yếu để sanh con. Người đời thường coi chuyện ân ái như chuyện ăn cơm, uống trà thường ngày trong nhà mà mong tưởng sanh được đứa con tốt đẹp sẽ là chuyện khó nhất trong các sự khó. Ông đã lầm lẫn, khiến cho tánh mạng nguy ngập mấy lần, hãy nên đoạn dục một hai năm để sanh được con. Đợi cho thiên quý (kinh nguyệt) của vợ sạch rồi, lại cần chọn ngày tháng tốt đẹp để ăn nằm, ắt nhất định thọ thai. Từ đây vĩnh viễn đoạn dục. Đứa con sanh ra chắc chắn hiền thiện, khỏe mạnh. Lại cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, trong là gia đình, ngoài là những người cùng hàng, đều nên dùng điều này để kính khuyên thì sẽ là Phật tử thật sự vậy. Nếu không, vẫn là kẻ tội nhân nơi danh giáo, hướng hồ còn muốn liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh mà được hay sao?

155. Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh

Năm Dân Quốc 16 (1927), tôi vốn muốn nhận lời thỉnh của đệ tử ở Hương Cảng, nên trong tháng 7 năm Dân Quốc 17 (1928) liền rời Phở Đà. Năm sau, do ông Hứa Chi Tịnh vừa hoàn tất bản thảo bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thông Kỳ, nên phải lo liệu giáo duyệt cho đến khoảng cuối thu đầu đông. Trong tháng 3 năm sau cho sắp chữ theo kiểu Tam Hiệu Tự, được một bộ gồm bốn cuốn. Do học sinh thích đọc chữ nhỏ, ông Nhiếp Vân Đài lại cho in theo lối Tứ Hiệu Tự thành một bộ hai cuốn. Trong tháng 3, cho sắp chữ hai bộ sách này. Pháp sư Đức Sâm chịu trách nhiệm giáo chánh lần đầu, Quang chịu trách nhiệm giáo chánh lần thứ hai. Hết đêm tới ngày, khá cực nhọc. Lo xong việc, một đệ tử mời đến nhà ông ta ăn cơm, do chẳng quen ngồi xe hơi, toát mồ hôi bị trúng gió. Ra về, bảo họ gọi xe kéo, họ không chịu, bèn bảo lái chậm một chút, đang chảy mồ hôi mà lại ra gió, bị bệnh hơn mười ngày.

Năm sau, Thái Bình Chân lão (tức hòa thượng Chân Đạt chùa Thái Bình) khuyên đừng về Nam, sợ đường biển sóng gió rất có thể bị bệnh. Năm Dân Quốc 19 (1930) đến Tô Châu, bế quan tại chùa Báo Quốc. Mùng 10 tháng 10 năm Dân Quốc 26 (1937) ty nạn sang Linh Nham. Hiện nay đã 80 tuổi rồi, buổi sáng chẳng bảo đảm được buổi tối. Ở quý địa, người có lòng tin khá đông, hãy nên bảo họ quy y với chư tăng nơi ấy, chớ nên thay mặt Quang thu nhận. Vì sao vậy? Lòng người biến đổi, trong khoảnh khắc khác hẳn. Quang là kẻ sắp chết, há có nên giữ quy củ này, để về sau nếu có kẻ chẳng giữ như pháp, Quang bỗng dưng mắc phải họa hại ấy! Gần đây Quang thường thấy kẻ vốn là người cực tốt liền biến thành kẻ cực xấu, ngay khi Quang vẫn còn sống mà còn như thế, vậy khi Quang chết rồi thì ai có thể lại biến họ thành người tốt cho được? Chuyện này Quang tuyệt đối chẳng chấp nhận.

Cư sĩ diễn giảng, chỉ nên chuyên chú nơi một pháp Tịnh độ, chớ nên giảng tràn lan. Giảng tràn lan là chuyện của pháp sư giảng kinh, cư sĩ há nên khơi ra đầu mối ấy! Do pháp môn niệm Phật thích hợp khắp ba căn, bởi mọi người chẳng biết pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, hãy vì họ nói tín - nguyện - hạnh, khiến cho kẻ có trí tuệ nhưng không hiểu biết ai nấy đều chú trọng pháp này. Há nên chỉ mong khuếch trương môn đình, chẳng xét đến có khế cơ hành nhân hay không. Thiền sư Đạo Xước đời Đường cả đời giảng ba kinh Tịnh độ gần 200 lượt, vị này vẫn là người thân cận hòa thượng Thiện Đạo. Sư thọ ngoài tám mươi, tính trên những khóa giảng thì mỗi năm sư giảng ba bốn lượt. Hiện thời trong Phật thất đang đề xướng giảng các kinh thuộc những tông khác, nếu đại chúng trong pháp hội đối với Tịnh tông đều hiểu biết sâu xa thì còn được, chỉ sợ kẻ thông suốt chưa được

dăm ba người trong trăm kẻ, người không thông suốt mười phần hết tám chín. Những vị pháp sư giảng kinh tràn lan kia còn có rất nhiều vị chẳng coi niệm Phật là đúng. Nay chẳng chú trọng pháp môn cây vào Phật lực để liễu sanh thoát tử ngay trong đời này, nếu giảng Bát-nhã cho kẻ chẳng hiểu Tịnh tông tức là dạy họ chuyên tâm dốc chí nơi phương diện khai ngộ, đâm ra làm cho đại pháp “muốn cho phàm phu sát đất được liễu sanh thoát tử” phát xuất từ lòng đại từ bi của đức Di-đà bị coi rẻ.

Người xin nghe giảng đã không hay biết, sao người nhận lời giảng không nói rõ nguyên do cho họ? Nếu họ không nghe, hãy nói: “Tôi không phải là người giảng kinh, xin hãy mời vị chuyên chú trọng giảng kinh đến giảng.” Cư sĩ lâm tại thị trấn Đường Ấp thuộc thành phố Nam Thông (tỉnh Giang Tô) rất tích cực, năm ngoái một thành viên của Cư sĩ lâm rất thông minh, giảng kinh Địa Tạng một lần, từ đấy những kẻ chẳng biết “pháp môn niệm Phật là pháp môn để phàm phu cây vào Phật lực hồng liễu sanh tử trong đời này” quá nửa đều chẳng niệm Phật, chuyên chú trọng nghe kinh. Lâm trưởng thỉnh Quang nói với người giảng kinh. Do vậy bèn dạy vị ấy: “Phật pháp như biển cả, một giọt có đủ vị của muôn sông. Phật pháp như lưới kết bằng những hạt châu của Thiên Đế, mỗi hạt châu có đủ ánh sáng của ngàn hạt châu. Luận về phía bậc đại thông gia thì lời thô lỗ té đều là nhất chân. Luận về phía kẻ chưa về đến nhà, hãy nên chỉ đường về nhà cho đỡ tốn sức. Huống chi bậc đã chứng Đăng giác muốn viên mãn Phật quả vẫn phải niệm Phật cầu sanh Tây Phương; kẻ sắp đọa A-tỳ, mười niệm thành công, có thể cao dự hải hội. Như thuốc a-già-đà trị chung vạn bệnh, như ánh nắng xuân vừa chiếu đến thì trăm loài cây cỏ sum suê. Lợi ích mâu nhiệm ấy ngoại trừ đức Phật ra chẳng ai có thể biết được! Sao chẳng từ những chỗ ấy phát khởi lòng tín nguyện cho bọn họ, ngõ hầu ai nấy đều được vãng sanh. So với những kẻ giải thích từng chữ từng câu để tạo thành thiện căn đắc độ trong tương lai, khác biệt như thể một trời một vực. Hãy theo quy củ thường lệ, đừng tạo ra hai đường lối hành trì trong cùng một lâm!”

Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, nếu nhóm họp mọi người niệm Phật nhưng chẳng đem nguyên do và phương pháp, lợi ích do tu trì pháp môn này diễn thuyết cho đại chúng thì vì chẳng biết tông chỉ, sẽ chỉ được phước báo trời người, cô phụ ơn Phật rất sâu. Tăng hay tục đều diễn giảng được, chứ không riêng gì cư sĩ. Đây là luận trên phương tiện diễn thuyết, chớ nên lấy lẽ lời giảng kinh làm chuẩn mực. Nếu thỉnh người chuyên giảng một thất, lần đầu nên đánh lễ hòa thượng hoặc lâm trưởng, xã trưởng và thành viên trong Cư sĩ lâm, lạy khắp mọi

người một lạy. Sau đấy đối trước pháp tòa, lễ Phật ba lạy, rồi lên tòa giảng. Hoặc giảng trích lược kinh văn, hoặc giảng chung chung về pháp tắc niệm Phật và tâm hạnh suy nghĩ, xử sự phải hợp với Phật. Giảng xong, nói đại lược lời tạ lỗi, xin chư vị rộng lượng dung thứ, liền xuống tòa, lễ Phật ba lạy là xong. Phía trên pháp tòa nên thờ tượng Phật. Hiện thời mọi thứ quá mắc mớ, chỉ nên đốt một cây hương, chẳng cần phải thắp nến, đốt đàn hương⁶⁷. Lên tòa rồi, chẳng cho người khác lễ bái để khỏi lâm vào tình cảnh khó xử cho cả đôi bên. Nếu ngẫu nhiên được thỉnh giảng một lần, liền lễ Phật ba lạy, lên tòa diễn thuyết, giảng xong, xuống tòa lễ Phật ba lạy là được rồi. Mở đầu buổi giảng chẳng cần phải niệm kinh, xướng kệ, đấy là phong cách của kẻ diễn thuyết. Nếu cứ theo đúng như lễ lối giảng pháp sẽ trở thành tiếm phạm! (Hiện thời đang là mạt pháp, tại gia cư sĩ nghiên cứu diễn thuyết cùng đồng đạo, cố nhiên không có gì là chẳng được. Nếu cứ chiếu theo nghi thức giảng kinh, đấy chính là chuyện của pháp sư xuất gia, cư sĩ làm theo đó chính là “tiếm việt”.) Đúng diễn thuyết cũng không thích hợp, rất mất ý nghĩa kính trọng pháp (trên đây là lời đáp cho điều thứ nhất).

Phật gia hộ cho kẻ nào đáng nên gia hộ, nếu là kẻ chẳng nên gia hộ mà cứ gia hộ ắt kẻ ấy sẽ bị tổn hại⁶⁸. Nay chẳng luận trên sự việc là giả hay thật, chỉ luận về chuyện “do sự gia hộ sẽ bị tổn hại hay hữu ích”. Phàm là người có sự hàm dưỡng sâu xa, hể tâm quang vừa phát ra, nhất định càng thêm khiêm tốn tự nấu mình, nhất định sẽ từ ngay nơi sự hiểu được lý. Người như thế được gia hộ sẽ hữu ích. Nếu là kẻ thiếu hàm dưỡng, chẳng chú trọng sự tu, chuyên chú trọng nghiên cứu lý tánh, sẽ trở thành

⁶⁷ Đàn hương (sandalwood), tức chiên-đàn, là một loại thuộc gỗ thơm, còn có tên là bạch đàn, vốn phát xuất từ Ấn Độ. Gỗ có sắc vàng, có mùi thơm ngát, dịu dàng nên thường được dùng để chế hương. Các loại đàn hương của Trung Quốc đôi khi chế bằng giáng đàn hương, tức là một loài cây khác thuộc họ đậu, sớ gỗ hơi hồng, có mùi thơm nhẹ hơn.

⁶⁸ Sự gia hộ được nói đến ở đây bắt nguồn từ nghi vấn được nhắc đến trong luận Giáo Quán Toát Yếu: “Hàng sơ tâm thuộc Viên giáo và Biệt giáo có được Phật gia hộ để thấy được lý tánh hay không?” Theo luận ấy, hàng sơ cơ Bồ-tát trong hội Hoa Nghiêm, nếu chỉ dựa trên tự lực sẽ chẳng thấy được lý tánh, do Phật lực gia hộ nên mới thấy được tánh, mới hiểu được những giáo nghĩa được giảng trong pháp hội Hoa Nghiêm. Tổ nhấn mạnh người tham cứu tự tánh sẽ được Phật lực gia hộ hay không tùy theo sự hàm dưỡng của người ấy, nhắc lại ý kiến chính của luận Giáo Quán Toát Yếu là Phật chỉ gia hộ cho những ai do thấy được tánh rồi sẽ càng thêm khiêm nhượng, tấn tu, do tấn tu sẽ ngày càng tăng tấn, do tâm càng thêm thanh tịnh nên càng dễ cảm được Phật gia hộ. Tổ dùng những ý này để đả phá kiến chấp của ông Chương Duyên Tịnh cho rằng niệm Phật phải kèm thêm tham cứu cái tâm để được tăng thêm phần gia hộ của Phật lực, chứ không lo thật hành “tịnh niệm tiếp nối” hòng giữ cho cái tâm được thanh tịnh thì tự nhiên cảm được Phật gia hộ.

kẻ cuồng huệ tự cao tự đại, tuy tự hào có ích nhưng thật ra đối với hậu học và pháp đạo ắt tổn hại lớn lao. Vì thế hãy được gia hộ bền lâu thì sẽ lại được gia hộ. Nếu sau này vẫn cứ thường như thế thì hãy một phen được gia hộ bền được gia hộ mãi mãi. Nếu khi ấy đúng là như thế, sau đây lại y như cũ thì để phòng ngừa hậu hoạn⁶⁹, hãy bỏ sự tham cứu đi sẽ càng thêm ích lợi. Chỉ sợ ông chưa có sự hàm dưỡng thuần túy thâm trầm, có lẽ sau này sẽ coi niệm Phật chẳng cao siêu màu nhiệm bằng tham cứu cái tâm. Vì thế hãy bỏ ngay sự tham cứu đi thì còn có thể giữ nguyên được thiện căn vãng sanh của mình lần người. Bởi vậy chẳng nên thêm [sự tham cứu vào pháp niệm Phật] (từ trên đến đây là lời đáp cho điều thứ hai). Hiểu rõ lý tánh để liễu sanh tử, phải là địa vị Thất tín trong Viên giáo mới làm được, đủ biết rằng chẳng chú trọng niệm Phật sẽ bị mất mát lớn lao không gì có thể ví dụ được.

156. Thư trả lời thầy Tu Tịnh

Hết thầy pháp môn đều cậy vào tự lực để liễu sanh tử; pháp môn niệm Phật cậy vào Phật lực để liễu sanh tử. Cậy vào tự lực để liễu sanh tử chẳng phải là chuyện có thể thực hiện xong trong một hai đời, bậc chứng Sơ quả còn phải bảy lần sanh trong cõi trời và nhân gian, mới chứng Tứ quả. Tứ quả là liễu sanh tử! Người chưa chứng Sơ quả thăng trầm bất định. Kẻ đời này tu hành rất khá, đời sau tạo nghiệp lớn lao, trong trăm kẻ có đến hơn chín mươi người. Bậc chứng Sơ quả, dầu dùng oai lực bức bách họ tạo nghiệp, họ thà chịu xả mạng, chẳng chịu tạo những ác nghiệp giết, trộm, dâm v.v.. Nếu không xuất gia, cũng sẽ cưới vợ. Nếu buộc họ tà dâm, họ thà chết chẳng làm! Vị ấy tuy chưa liễu sanh tử, quyết định chẳng bị đọa xuống, còn kẻ chưa chứng Sơ quả thì không chắc. Dầu một đời, hai đời chẳng tạo nghiệp, chắc chắn khó thể vĩnh viễn không tạo nghiệp. Vì thế biết, cậy vào tự lực đoạn hoặc chứng chân khó khăn như lên trời vậy!

Người niệm Phật ắt phải sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha, quyết định cầu Phật gia hộ trong đời hiện tại, đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Lúc bình thường niệm Phật, phải thành khẩn như làm đám tang cho cha mẹ, phải tích cực như cứu đầu cháy; lại phải đem pháp môn này tùy phần

⁶⁹ Ý nói: Trong lúc tham cứu, được Phật lực gia hộ nên thấy được tánh (tức ngộ, nhưng chưa chứng), nhưng rồi không chịu khiêm nhượng, tấn tu, vẫn giữ nguyên tập khí cũ, sẽ dễ bị ma chướng, nên chẳng thà không tham cứu, cứ chăm chú giữ cho tịnh niệm tiếp nối mà niệm Phật sẽ được lợi lạc hơn.

tùy sức nói với hết thầy mọi người; lại còn đối với mọi chuyện đều phải trọn hết bổn phận của chính mình để được mãn nguyện.

Muốn xem kinh, trước hết hãy nên đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh. Muốn đọc những sách nông cạn, gần gũi thì hãy đọc Ấn Quang Văn Sao, Ấn Quang Gia Ngôn Lục. Lại muốn đọc những sách thiết yếu, hết sức thâm diệu, vừa dễ lãnh hội thì hãy nên đọc Tịnh Độ Thập Yếu. Muốn biết sự tích vãng sanh xưa nay, hãy đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Hiện thời chẳng thể gửi sách, hãy nên mượn xem từ chỗ của cư sĩ Tạ Huệ Lâm ở số 32 phố Đông Châu của Bắc thành phố Thành Đô, các kinh sách ấy ông ta đều có, nhưng không thể tặng cho người khác. Hơn mười năm trước đây, Quang gửi mấy chục gói kinh sách các thứ cho Phật học xã Trùng Khánh, chắc họ hãy còn. Hãy hỏi các ông Vương Hiểu Tây, Thư Thứ Phạm, Vương Thích Quân v.v. thuộc Phật học xã, có lẽ họ sẽ có sách để tặng cho ông; nếu không thì mượn xem. Ở chỗ ông Tưởng Đặc Sanh tại ngõ Tam Nguyên Cung ở huyện Tam Đài chắc cũng còn, nếu còn sẽ gửi cho ông. Gửi sách cho Tứ Xuyên, chỉ có Phật học xã Trùng Khánh là được gửi nhiều nhất, kể đó là ông Tưởng Đặc Sanh. Ở chỗ ông Tạ Huệ Lâm bắt quá chỉ có thể cho ông mượn đọc, chứ chẳng thể tặng cho người khác được.

Pháp môn niệm Phật thực hiện dễ thành công cao, dùng sức ít được hiệu quả nhanh chóng, đi đứng nằm ngồi, trong hết thầy mọi lúc, hết thầy chỗ đều có thể niệm. Nếu áo mũ tề chỉnh, tay và mặt sạch sẽ, niệm ra tiếng hoặc niệm thầm đều được. Nếu ngủ nghỉ và áo mũ chẳng chỉnh tề, còn chưa rửa ráy, súc miệng, hay đến chỗ bất tịnh, hoặc lúc đại tiểu tiện, đều phải niệm thầm, đừng niệm ra tiếng. Dù ngủ cũng chẳng nên lơ là, hãy nên mặc quần áo, trong tâm thường giữ lòng kính sợ, chớ nên phóng túng.

Muốn thâm nhiếp vọng niệm thì điều thiết yếu bậc nhất là phải giữ lòng cung kính, thường nghĩ như thân đang đối trước đức Phật, chẳng dám dấy lên những thứ suy tưởng khác. Điều thiết yếu thứ hai là từng câu từng chữ trong tâm phải niệm cho rõ ràng rành rẽ, nơi miệng niệm cho rõ ràng rành rẽ thì vọng tưởng sẽ dần dần tiêu diệt. Dẫu niệm thầm cũng phải nghe, bởi tâm vừa dấy niệm liền có tiếng. Tai chính mình nghe tiếng trong tâm của chính mình, đương nhiên rõ ràng rành rẽ.

Trong kinh Lăng-nghiêm, Đại Thế Chí Bồ-tát nói: “Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc tam-ma-địa, đây là bậc nhất”, chú trọng ở nơi nghe. Sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý; tâm là ý căn, miệng là thiệt căn, nghe chính là nhĩ căn. Tâm

niệm, miệng niệm, tai nghe. Hễ ba căn này được nhiếp rồi thì mắt cũng chẳng thể ngó Đông ngóng Tây, mũi cũng chẳng thể ngửi khí vị khác, thân cũng chẳng dám buông lung, giải đãi, vì thế gọi là “nhiếp trọn sáu căn”. Nhiếp trọn sáu căn để niệm sẽ tự không có vọng niệm ô tạp, nên gọi là “tịnh niệm”. Tịnh niệm ắt phải thường thường tiếp nối chẳng đoạn, vì thế gọi là “tịnh niệm tiếp nối”. Nếu tịnh niệm tiếp nối, lâu ngày chảy thảng sẽ đắc niệm Phật tam-muội. Cách “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối” này là diệu pháp bậc nhất để đắc tam-muội, vì thế nói “đắc tam-ma-địa, đây là bậc nhất”. Tam-ma-địa chính là tên khác của tam-muội. Niệm như thế, chắc chắn sẽ có ngày được “tịnh niệm thường tồn tại, vọng niệm hoàn toàn không còn”.

Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, đã từng cự tuyệt hết thầy thư từ. Thương lòng thành của ông nên giảng cho ông về cách nhiếp tâm và biện pháp thỉnh kinh sách, nhưng kinh sách đã lâu sợ rằng chẳng còn nữa, dầu mượn chẳng được cũng có lợi ích. Nếu mượn được, hãy hành theo đó thì vãng sanh sẽ là điều chắc chắn đạt được.

Phụ lục: Nhất Thừa Quyết Nghi Luận Thuyết của thiền sư Triệt Ngộ

Muốn chẳng chuốc lấy nghiệp Vô Giá, đừng báng chánh pháp luân của Như Lai. Đây là lời ứa lệ, đau buốt ruột gan thốt từ lòng đại từ bi của cổ đức. Bởi lẽ đức Thích-ca Như Lai ta vì chúng sanh mà tu chứng pháp này trong vô ương số kiếp, hành hết thầy pháp khó hành, bỏ quốc thành, vợ con yêu thương, đầu mắt, tủy não, chẳng biết mấy ngàn vạn ức. Đến khi thành đạo, vẫn dùng bình đẳng đại bi, thuận theo nghĩa lý tất đàn⁷⁰ để phô diễn. Vì thế, phàm mỗi câu mỗi chữ đều là đuốc báu

⁷⁰ Tất đàn (siddhānta), dịch nghĩa là tác thành tựu, tông, lý v.v., nghĩa là sự giáo hóa của đức Phật có thể chia thành bốn loại tổng quát, tức “thế giới, mỗi chuyện đều vì người khác, đối trị và đệ nhất nghĩa”. Theo Pháp Hoa Kinh Huyền Nghĩa quyển một, chữ tất đàn là hợp dịch của tiếng Phạn và tiếng Hán, *tất* là trọn khắp, *đàn* là đàn-na (dāna), tức bố thí. Đại Trí Độ Luận quyển một, giải thích chi tiết hơn về *tứ tất đàn* như sau:

1. Thế giới tất đàn: Tùy thuận pháp thế gian, nói ý nghĩa nhân duyên hòa hợp. Nói cách khác là dùng những tư tưởng, ngôn ngữ của thế gian để thuyết minh chân lý duyên khởi.
2. Các các vi nhân tất đàn (gọi tắt là nhân tất đàn): Ứng theo căn cơ, năng lực sai biệt của từng chúng sanh mà nói ra những pháp thực tiễn để chúng sanh sanh khởi thiện căn. Vì thế, tất đàn này còn gọi là sanh thiện tất đàn.

trong đêm dài vô minh, là thuyền từ trong biển khổ sanh tử. Phàm là hữu tình không ai chẳng được lợi ích. Nhưng các ông vẫn nhìn theo lẽ thông thường, mặc sức chê trách, chướng chánh pháp minh, làm mù con mắt của người học trong đời tương lai, gây nghi lầm cho chúng sanh, thật chẳng phải là chuyện nhỏ nhoi đâu! Bảo là vô tội, há có lẽ ấy hay chẳng? Nay đem lý Nhất thừa xẻo gọn mọi mối nghi, đại pháp quang minh cắt thật nhanh ngay, quét cho hết sạch mây mê, Phật nhật lại sáng tỏ rạng ngời, quả thật là đại kim thang⁷¹ cho pháp môn vậy. Ngay trong lúc này, đối với thiên nhân, pháp chấp, nếu các ông đã thông, đã quên, sẽ tự sanh được lòng tùy hỷ sâu xa. Nếu như chưa quên, chưa thông, nhất định sẽ mau chóng đạt được lợi ích thù thắng. Vì thế biết: Soạn bài luận này, chẳng những chỉ hữu ích cho pháp môn, mà thật ra còn hữu ích cho các ông. Chẳng những chỉ có ích cho các ông mà còn hữu ích sâu xa cho những người học đời sau trong thiên hạ. Xin hãy lưu thông để rộng hành pháp thí!

3. Đối trị tất đàn: Ứng theo từng phiền não, từng chứng bệnh tham - sân - si của chúng sanh mà nói pháp đối trị. Do tất đàn này có tác dụng diệt trừ hết thảy phiền não ác nghiệp, nên còn gọi là đoạn ác tất đàn.

4. Đệ nhất nghĩa tất đàn: Phá trừ hết thảy luận nghị, ngôn ngữ, trực tiếp thuyết minh lý thật tướng đệ nhất nghĩa đế, khiến cho chúng sanh thật sự khế nhập giáo pháp. Do vậy, tất đàn này còn gọi là nhập lý tất đàn.

⁷¹ Kim thang là nói gọn của “kim thành thang trì”, tức thành dày vững như sắt, hào sâu thăm thẳm như ao nước sôi, không dễ gì vượt qua được.

II. TỰ

1. Lời tựa cho sách Văn Hời Thế Đạo Nhân Tâm Cùng Trị Cả Góc Lấn Ngọn

(Mùa đông năm Kỷ Mão (1939) thời Dân Quốc, khi ấy đã 79 tuổi)

Lý thế gian lẫn xuất thế gian chẳng ngoài hai chữ “tâm tánh”, sự thế gian và xuất thế gian chẳng ngoài hai chữ “nhân quả”. Lý tâm tánh nhỏ nhiệm, đầu là thánh nhân vẫn có điều không biết; sự nhân quả rành rành, dù ngu phu cũng có thể hiểu đại khái. Thánh nhân muốn cho thiên hạ vĩnh viễn thái bình, nhân dân thường yên vui, bèn đặc biệt soạn ra sách Đại Học để dạy pháp ấy. Vừa mở đầu sách, liền nói: “*Đại Học chi đạo, tại minh minh đức*” (đạo Đại Học nhằm làm sáng tỏ đức sáng). Minh đức chính là điều ai nấy đều sẵn có, nhưng do thiếu công phu khắc chế ý niệm, tự phản tỉnh, suy xét nên minh đức bị tư dục huyễn vọng che lấp chẳng thể hiển hiện để thụ dụng được. Cách để làm sáng tỏ minh đức là “khắc chế ý niệm”. Thứ tự của công phu khắc chế ý niệm là “tu thân, chánh tâm, thành ý, trí tri, cách vật”. “Vật” là gì? Chính là tư dục huyễn vọng được sanh bởi cảnh, chẳng hợp thiên lý, chẳng thuận nhân tình, chứ không phải là vật ở bên ngoài.

Do những tư dục này kết chặt trong tâm nên tất cả tri kiến đều xuôi theo tư dục, trở thành lệch lạc, tà vạy. Như kẻ tham danh tham lợi chỉ biết có lợi, chẳng biết đến hại, kiệt lực lo toan, rất có thể đến nỗi thân bại danh liệt. Kẻ yêu vợ thương con chỉ biết đến những điều tốt của vợ con, chẳng biết đến những thói xấu của họ, nuôi thành mầm họa, sẽ có thể đến nỗi bị tan nhà nát cửa. Đấy đều là do tư dục tham và ái sai khiến. Nếu trừ khử hết sạch những thứ tư dục chẳng hợp tình hợp lý ấy thì vợ con đúng hay sai sẽ tự biết, đối với đường lối để đạt được danh lợi sẽ chẳng cần phải đút lót hay mong cầu sai trái nữa.

Trước hết phải hiểu chữ vật này là tư dục huyễn vọng chẳng hợp tình hợp lý thì trừ khử nó sẽ là chuyện dễ dàng. Nếu không, suốt đời dốc sức cũng chẳng làm gì được nó! Dầu đọc trọn hết sách vở thế gian cũng chỉ trở thành một loài dây leo sống bám vào cội cây lớn, trở thành một gã theo sóng đuổi sóng. Cái họa của món vật tư dục lớn lắm thay! Nếu biết “vật” ấy là oán gia sanh tử của chúng ta, quyết chẳng để cho nó được tạm tồn tại trong tâm ta thì chánh tri vốn sẵn có trong cái tâm này sẽ tự hiển hiện. Chánh tri đã hiển hiện thì “ý thành, tâm chánh, thân tu” sẽ được hướng dẫn xuôi dòng với khí thế như chẻ tre, chẳng mong cầu mà tự nhiên được như thế.

Con người ai cũng đều có thể là Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật, vì hết thấy mọi người ai nấy đều sẵn có minh đức, hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh. Những kẻ chẳng thể là Nghiêu - Thuấn, chẳng thể làm Phật đều do bị tư dục bít chặt, chẳng mạnh mẽ đổ công sức khắc chế ý niệm đến nỗi bị tư dục xoay chuyển, luân hồi sáu nẻo từ kiếp này sang kiếp khác, trọn chẳng có lúc thoát ra, chẳng đáng buồn sao? Những kẻ chuyên dạy “cách vật trí tri” mà chẳng dùng nhân quả để phụ giúp cho sự hướng dẫn, chắc sẽ khó thể phát khởi đại tâm mạnh mẽ, dốc chí tu trì được.

Tôi thường nói: “Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để Phật độ thoát chúng sanh.” Luận theo Phật pháp, từ địa vị phàm phu cho đến Phật quả, tất cả các pháp đều chẳng ra ngoài nhân quả. Luận theo thế gian, lẽ đâu riêng một pháp nào lại chẳng như thế? Vì thế Khổng tử khen ngợi Chu Dịch⁷², thoát đầu liền nói: “*Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương*” (nhà tích thiện sự vui mừng có thừa, nhà chất chứa điều bất thiện tai ương có thừa). “Tích thiện, tích bất thiện” là nhân, “dư khánh, dư ương” là quả. Hơn nữa, đã có dư khánh, dư ương, lẽ đâu chẳng có bồn khánh, bồn ương? Bồn khánh, bồn ương chính là quả báo sẽ đạt được trong đời kế tiếp hoặc trong những đời sau nữa của người tích lũy điều thiện hay điều bất thiện, những quả báo ấy sẽ lớn lao hơn dư khánh, dư ương mà con cháu được hưởng cả trăm ngàn vạn lần. Phàm phu chẳng thấy được, há nên cho là không có ư? Ví như trong đêm tối om chẳng thấy được hết thấy mọi vật, nhưng chẳng được nói hết thấy mọi vật đều bị tiêu diệt. Cơ Tử⁷³ trình

⁷² Chu Dịch tức kinh Dịch. Người Trung Hoa tin kinh Dịch đã có từ đời Hạ, Chu Văn Vương chỉ chỉnh lý, biên soạn, hoàn thiện; do đó kinh Dịch được lưu hành hiện thời thường gọi là Chu Dịch để phân biệt với Liên Sơn Dịch của nhà Hạ và Quy Tàng Dịch của nhà Thương.

⁷³ Cơ Tử chính là chú của vua Trụ, giữ chức Thái sư, được phong ở đất Cơ, nên gọi là Cơ Tử. Do thấy Trụ Vương sử dụng bữa bằng ngà, mâm vàng, chén ngọc, xa xỉ quá mức, nên hết lời can gián, bị Trụ Vương giam vào ngục. Khi Chu Vũ Vương diệt nhà Thương, Cơ Tử được thả, những lời nghị luận của ông về đạo trị nước với Chu Vũ Vương được ghi trong thiên Hồng Phạm của sách Thượng Thư (kinh Thư). Hồng Phạm có nghĩa là khuôn mẫu lớn lao, thiên Ngũ Hành Chí trong sách Hán Thư giảng: “Vua Vũ trị hồng thủy (lụt lớn), được ban Lạc Thư, trong ấy trình bày pháp này, tức là Hồng Phạm vậy.” Trong thiên sách Hồng Phạm, Cơ Tử báo Chu Vũ Vương do vua Vũ trị thủy có công, Thượng Đế bèn ban cho Hồng Phạm Cửu Trù (chín mối đại pháp). Ngoài những quan điểm về ngũ hành, thiên sách này còn trình bày những đại pháp trị dân hết sức độc đáo như chánh trực, cang khắc (chế ngự dân chúng bằng biện pháp cứng rắn), nhu khắc (cai trị dân bằng biện pháp mềm dẻo).

bày Hồng Phạm, trong phần cuối cùng mới nói: “*Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực*” (Thuận theo sẽ được năm điều phước, trái nghịch sẽ bị sáu điều khổ khó). Ngũ phước lục cực là nói đến cái nhân trong đời trước trở thành cái quả trong đời này. “Hưởng” (嚮) là thuận theo, “dụng” (用) là “dĩ” (以) (thì, là), là đắc (得) (được). Trong ngũ phước, một là “thọ”, hai là “phú” (giàu có), ba là “khang ninh” (mạnh khỏe, yên ổn), điều thứ năm là “khảo chung mạng” (hết tuổi thọ mới chết), đó chính là quả cảm thành bởi tu đạo, tu đức trong đời trước; điều thứ tư là “du hảo đức” (thường có đức tốt) chính là thói quen tu đạo tu đức từ đời trước. “Cực” (極) có nghĩa là tai ách tột cùng. Nên hiểu nghĩa chữ oai (威) là vi (違)⁷⁴, tức trái nghịch; ý nói những gì đã làm trong đời trước trái nghịch với đạo đức thì đến đời này sẽ bị: một là xui xẻo chết ngang và đoản thọ (xui xẻo và đoản thọ gộp thành điều thứ nhất); hai là thân bệnh tật chẳng được mạnh khỏe; ba là tâm lo lắng không yên; bốn là nghèo cùng, chi dùng chẳng đủ; năm là diện mạo xấu xa; sáu là thân yếu ớt, không có năng lực.

Nhà Nho mờ mịt nơi nhân trước quả sau, nên chuyện gì cũng đều quy về sự cai trị của vua, gần như diệt thiên lý, vu báng sự cai trị của nhà vua. Trẻ nhỏ sanh vào nhà phú quý bèn hưởng phước, sanh vào nhà nghèo cùng sẽ chịu khổ, há có phải là do nhà vua cai trị có phân biệt khiến nó phải sanh như vậy hay chăng? Vì thế kinh dạy: “*Dục tri tiền thế nhân, kim sanh thọ giả thị; dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị*” (Muốn biết cái nhân đời trước thì những gì phải chịu trong đời này chính là nó đấy; muốn biết quả trong đời sau thì những gì đã làm trong đời này chính là nó đấy). Hồng Phạm do vua Đại Vũ soạn ra, Cơ Tử trần thuật nội dung sách ấy với Vũ Vương. Lời nói về ngũ phước lục cực ở cuối thiên sách ấy đã giảng rõ nghĩa “nhân quả ba đời” cực kỳ xác đáng, thiết thực.

Tổng Nho cho rằng: “Phật nói nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi chính là chỗ dựa để lừa bịp ngu phu, ngu phụ tuân phụng giáo pháp của ngài, chứ thật ra chẳng hề có chuyện ấy.” Họ phán quyết: “Con người sau khi chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán. Dù có chém chặt xay giã, lấy chi để thực hiện? Thần hồn đã phiêu tán rồi, còn ai để thọ sanh?” Họ quyết đoán “chắc chắn không có nhân quả”, vậy thì trong Xuân Thu Truyện, Sử Ký, Hán Thư thường chép những kẻ bị giết oan quấy phá, kẻ chịu ân báo đức, đủ mọi sự tích, chắc là tiền hiền đã tạo sẵn căn cứ cho

⁷⁴ Do hai chữ này thời cổ đọc âm gần giống nhau nên thường dùng lẫn cho nhau theo lối *giả tá*.

Phật giáo lừa phỉnh người khác đó chẳng? Đã không có nhân quả, không có đời sau thì Nghiêu hay Kiệt đều chết sạch cả rồi, ai chịu khăng khăng tu trì để cầu hư danh sau khi chết nữa đây? Bởi lẽ cái ta thật sự đã không có, vậy hư danh có ích chi đâu? Do vậy, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để trừng phạt. Lại còn riêng xướng cao giọng dạy người “làm lành thì phải là không làm gì cả, hễ có làm gì để làm lành tức là ác”. Thứ tà thuyết này gây lầm lạc, nguy hiểm cho quốc gia, xã hội chẳng cần đâu!

Kẻ vô tri khâm phục Chu - Trình cao minh, trọn chẳng có một niệm muốn làm lành. Người có trí đâu xé tâm can bởi Tống Nho hoàn toàn phế bỏ đạo “khuyên dụ dần dần làm lành” của thánh nhân mà cứ mong con người có tư cách thánh nhân. Nhưng thánh nhân cũng chẳng phải là hạng “chẳng làm gì mới là làm lành”. Khổng tử đến năm 70 tuổi vẫn muốn trời cho sống thêm dăm mười năm nữa để học Dịch hòng tránh khỏi lỗi lớn. Một bộ kinh Dịch không điều gì chẳng nhằm dạy con người về đạo “hướng lành tránh dữ, lo lắng dè dặt khắc chế ý niệm để tu trì”. Nếu đúng như họ (tức những nhà Tống Nho) nói thì Phục Hy, Văn Vương, Chu công, Khổng tử đều trở thành những kẻ tội lỗi đứng đầu, là cội gốc họa hại lầm lạc dạy người khác làm ác cả, có lẽ ấy hay chẳng?

Tình người như nước, nhân quả như đê. Tống Nho cực lực bài bác nhân quả, cho đây là chỗ dựa dẫm để Như Lai gạt gẫm người ta tuân phụng giáo pháp của ngài, nhưng lẽ nào nhân quả được nói trong kinh điển đạo Nho chẳng phải là thật có ư? Họ muốn bác Phật để bảo vệ Nho, rốt cuộc trở thành phế kinh, phế trừ luân thường, thực hành biến con người thành loài thú. Vỡ tuồng xấu xa ấy đều do những kẻ cao giọng đề xướng ấy diễn xuất, khiến cho đạo làm người hầu như diệt mất. Ông Phí Trí Nghiễm xưa kia từng lạm phải chất độc của Trình - Chu rất sâu, đến lúc tuổi già, do sự lịch duyệt sâu xa, nhân đời loạn mà biết được cái gốc họa, bởi vậy bèn quy y tam bảo, đọc khắp các sách vở, đối với sự tích nhân quả ba đời và lục đạo luân hồi đều sao chép sơ lược đại khái, ngõ hầu người đọc bỏ được tà kiến đoạn diệt, tuân theo quy củ lớn lao của đạo Nho và Thích. Nếu con người ai nấy đều hành theo thì cõi đời sẽ trở lại thuở Đường Ngu, con người giữ vẹn lễ giáo, biến nghị lực tàn sát lẫn nhau trở thành sự nghiệp lớn lao duy trì lẫn nhau. Do vậy bèn đặt tên cho sách này là Tập Sách Văn Hồi Thế Đạo Nhân Tâm Cùng Trị Cả Gốc Lẫn Ngọn.

Do thầy thuốc trị bệnh, bệnh cấp bách bèn trị nơi đặng ngọn (triệu chứng), bệnh tình hòa hoãn bèn trị nơi đặng gốc (căn nguyên). Như người cổ họng sưng phồng, hai đường đại tiểu tiện chẳng thông, nếu trước hết chẳng dùng thuốc để tiêu sưng phù thũng và khai thông đại tiểu tiện thì người ấy sẽ chết ngay, dầu có cách trị tận gốc cũng trọn chẳng có chỗ nào để áp dụng được. Vì thế phải trị đặng ngọn trước. Với những chứng bệnh thuộc đặng ngọn khác, chỉ cần điều hòa tạng phủ cho tốt lành thì những chứng đặng ngọn không trị cũng sẽ tự mất. Sự lý “cách vật, trí tri, thận độc (cẩn thận, dè dặt), khắc chế ý niệm, nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi” từ địa vị phàm phu cho đến khi thành thánh, thành Phật đều chẳng thể lìa được! Không tử lo âu vì “đức chẳng tu, học chẳng giảng, nghe điều nghĩa chẳng thể noi theo, điều không tốt chẳng thể sửa đổi”; đức Như Lai giảng tứ đế, thập nhị nhân duyên, lục độ vạn hạnh, mỗi mỗi đều là nhân quả. Nếu không có nhân quả thì con người có khác gì cầm thú, há nên nói xằng ư?

2. Lời tựa tái bản Tịnh Độ Ngũ Kinh

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Pháp môn Tịnh độ lớn lao không gì ra ngoài được, thích hợp khắp ba căn, gồm thâm lợi căn lẫn độn căn. Chúng sanh trong chín giới bỏ pháp này thì trên chẳng thể viên thành Phật đạo, mười phương chư Phật rời khỏi pháp này thì dưới chẳng thể độ khắp quần sanh. Hết thấy pháp môn, không một pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này. Hết thấy hạnh môn, không môn nào chẳng trở về pháp giới này. Nếu luận theo chỗ thấy của bậc căn cơ Đại thừa thì pháp môn này quả thật bắt nguồn từ kinh Hoa Nghiêm, vì Thiện Tài tham học với khắp các tri thức, cuối cùng ở dưới tòa của đức Phổ Hiền nhờ oai thần của ngài gia bị, sở chứng bằng với đức Phổ Hiền và bằng với chư Phật, trở thành bậc Đẳng giác Bồ-tát. Ngài Phổ Hiền bèn đem mười đại nguyện vương khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng, tức là hàng Pháp thân đại sĩ thuộc 41 địa vị đều hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc để mong viên mãn Phật quả, đây chính là pháp quy tông kết đánh của kinh Hoa Nghiêm vậy. Kinh Hoa Nghiêm dạy rõ pháp thành Phật trong một đời, nhưng quy tông⁷⁵ nơi cầu sanh Tịnh độ. Do đó biết rằng: Một pháp Tịnh độ chính là vô thượng đại pháp

⁷⁵ Tông là điều được đề cao bởi một bộ kinh, “quy tông” là giáo pháp tối hậu của một bộ kinh. Nói cách khác, “quy tông” là pháp chánh yếu của một bộ kinh, những điều khác được nói trong bộ kinh ấy chỉ nhằm dẫn dắt về pháp chánh yếu ấy.

thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh vậy. Đây chính là chỗ thấy của bậc căn cơ Đại thừa, hàng Nhị thừa còn chưa được thấy nghe, huống là phàm phu đầy dẫy triền phược ư?

Cho đến hội Phương Đẳng⁷⁶, đức Phật đặc biệt chuyên nói ba kinh Tịnh độ để hết thấy dù phàm hay thánh đều cùng chăm chú tu trì ngõ hầu được thoát khỏi cõi ngũ trược đây, vượt lên cõi sen chín phẩm kia ngay trong đời này. Tại núi Linh Thử⁷⁷ thuộc nước Ma-kiệt-đề, đức Phật nói ra nhân địa lúc ban đầu của A-di-đà Phật: Bỏ nước xuất gia, phát ra 48 nguyện. Lại trải kiếp dài lâu, tu hành theo đúng lời nguyện, cho đến khi phước tuệ viên mãn, được thành Phật đạo, cảm được thể giới trang nghiêm màu nhiệm chẳng thể diễn tả được, mười phương chư Phật đều cùng tán thán. Mười phương Bồ-tát và hàng Nhị thừa hồi tiểu hướng đại lần phàm phu trọn đủ hoặc nghiệp đều được vãng sanh, đều được bình đẳng nhiếp thọ. Đây là kinh Vô Lượng Thọ.

Trong vương cung nước Ma-kiệt-đề, nói ra ba phước tịnh nghiệp, mười sáu phép quán màu nhiệm để hết thấy chúng sanh đều biết nghĩa lý “tâm này làm Phật, tâm này là Phật, biến Chánh biến tri⁷⁸ của chư Phật đều từ tâm tướng sanh; tâm này là

⁷⁶ Phương Đẳng (Vaipulya), đôi khi còn dịch âm là Tỳ-phật-lược, Tỳ phú la, Bát-phật-lục, Bội-phì-la, Vi-đầu-ly, hoặc dịch nghĩa là Phương Quảng, Quảng Đại, Quảng Giải, Vô Tỷ v.v., là một trong 12 thể loại trong cách phân chia hệ thống kinh Phật. Những danh từ này đều nhằm diễn tả ý nghĩa “những kinh này nội dung sâu rộng thăm thẳm”. Theo cách phán giáo của tông Thiên Thai, thời Phương Đẳng bao gồm những kinh được nói sau thời Bát-nhã và A-hàm, không những văn từ rộng sâu, giáo nghĩa rộng lớn, mà huyền nghĩa còn trùng trùng, nhằm dẫn dắt thính chúng từ chân không đi vào diệu hữu, thấy được cảnh giới vô thượng bất khả tư nghị của chư Pháp thân Bồ-tát và chư Phật.

⁷⁷ Linh Thử (Grdhra-kūta) dịch âm là Kỳ-xà-quật, thường gọi tắt là Linh Sơn, Thử Nhạc, hoặc Thử Phong, nằm về phía Đông Bắc kinh đô Vương Xá của nước Magadha. Do núi có hình giống đầu chim thử (kền kền), trong núi lại có nhiều giống chim ấy nên thành tên. Tại tinh xá nơi núi này, Phật đã giảng rất nhiều bộ kinh Đại thừa.

⁷⁸ Có hai cách hiểu chữ chánh biến tri:

1. Chánh Biến Tri (samyak-sambuddha), còn được dịch âm là Tam-miệu Tam-phật-đà, hoặc dịch nghĩa là Chánh Biến Giác, Chánh Chân Đạo, Chánh Đẳng Giác, Chánh Đẳng Chánh Giác, hoặc Chánh Đẳng Giác Giả, là một trong mười hiệu của đức Phật. Danh hiệu này hàm nghĩa vị giác ngộ hiểu biết chân chánh trọn khắp hết thấy các pháp.

2. Danh từ Tam-miệu tam-bồ-đề (Samyaksambodhi) cũng được phiên dịch là Chánh biến tri hay Chánh biến tri đạo, chỉ cho sự chứng ngộ do hiểu biết chân chánh trọn khắp bản thể của hết thấy các pháp.

Dựa theo mạch văn ở đây, chữ Chánh biến tri phải hiểu theo nghĩa thứ hai.

chúng sanh, tâm này làm chúng sanh, biến nghiệp phiền não của chúng sanh từ tâm tướng sanh” đã được nêu rõ ràng. Nếu có thể hiểu sâu xa nghĩa này, ai chịu bị luân hồi oan uổng? Cuối kinh nói rõ cái nhân của chín phẩm vãng sanh ngõ hầu ai nấy đều tu thượng phẩm. Đây là kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật.

Tại nước Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc, nói diệu quả của y báo và chánh báo cõi Tịnh độ để thính chúng sanh lòng tin, khuyên những người nghe hãy nên phát nguyện cầu được vãng sanh. Lại dạy các hành giả lập hạnh chấp trì danh hiệu. Ba điều tín - nguyện - hạnh là cương tông của pháp môn Tịnh độ, đầy đủ ba pháp này thì hoặc là suốt đời chấp trì đã đắc nhất tâm, hoặc khi lâm chung mới được nghe, chỉ xưng danh mười niệm đều được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Đây là kinh A-di-đà.

Ba kinh này là những kinh chuyên giảng về Tịnh độ, nhưng A-di-đà Kinh thâm nhiếp căn cơ phổ biến nhất. Vì thế, các tông Thiền, Giáo, Luật đều cùng vãng dùng làm kinh nhật tụng. Các kinh Đại thừa nói kèm về Tịnh độ nhiều không đếm xuể, nhưng chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông trong kinh Lăng-nghiêm quả thật là khai thị màu nhiệm nhất về pháp niệm Phật. Nếu chúng sanh có thể nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mà niệm, há có ai chẳng thể trong hiện tại hay tương lai nhất định thấy Phật, gần là chứng viên thông, xa là thành Phật đạo ư? Vì thế đem chương này xếp vào sau ba kinh, nối theo sau phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện để thành một đại duyên khởi cho pháp môn Tịnh độ, khiến cho những người đọc sẽ biết pháp này tỏ bày thông suốt rộng lớn bản hoài của đức Phật, so với các pháp cạy vào tự lực để đoạn hoặc chứng chân hòng liễu sanh tử thì sự khó dễ khác xa một trời một vực. Do vậy chín giới cùng hướng về, mười phương chung khen ngợi, ngàn kinh đều xiển dương, vạn luận đều tuyên thuyết. Bản khắc Tịnh Độ Tứ Kinh ở Kim Lăng đã bị mờ nét, người tu tịnh nghiệp khổ vì không có bản rõ ràng nhất để đọc. Vì thế cho đức bản kèm, ghép chương Thế Chí Niệm Phật Viên Thông vào sau ba kinh Tịnh độ và phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, gọi là Tịnh Độ Ngũ Kinh. Nếu luận trên duyên khởi của pháp môn nên để kinh Vô Lượng Thọ đứng đầu, nhưng nay để thuận tiện cho việc đọc tụng nên đặt kinh A-di-đà lên đầu, mong người đọc lượng thứ.

3. Lời tựa trình bày duyên khởi của việc in kèm phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm vào sau Tịnh Độ Ngũ Kinh

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Bộ kinh Hoa Nghiêm màu nhiệm sự lý viên dung, lý là do sự mà hiển, sự là do lý mà thành, lý lẫn sự đều đạt đến tột cùng, viên chứng Pháp thân Tỳ-lô. Vì thế đức Như Lai khi mới thành Chánh giác bèn cùng các Pháp thân đại sĩ thuộc 41 địa vị Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác nói ra các pháp nhân quả của những pháp môn do đức Như Lai tự chứng. Nhân quả chính là sự, pháp do đức Như Lai tự chứng chính là nhất chân pháp giới, là chân như Phật tánh tịch chiếu viên dung, bất sanh bất diệt, chẳng phải có, chẳng phải không. Phật tánh ấy nơi phàm chẳng giảm, tại thánh chẳng tăng. Đức Phật do đã chứng rốt ráo nên thường hưởng pháp lạc thường - lạc - ngã - tịnh; chúng sanh do triệt để mê nên luôn chịu nỗi khổ sanh tử luân hồi hư vọng. Ví như tấm gương báu tròn lớn bị bụi đóng cả kiếp, dầu có ánh sáng chiếu trời soi đất vẫn chẳng có cách nào tỏ lộ để thụ dụng được. Vì thế phải nhờ đến các vị Bồ-tát hỏi đáp với nhau để nói ra những pháp môn Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác. Lại dùng mười đại nguyện vương hướng dẫn về Cực Lạc hồng viên mãn Phật quả. Đây là Như Lai đem nhân quả do ngài tự chứng dạy cho khắp hết chúng sanh, khiến cho ai nấy đều đích thân chứng được khuôn phép lớn lao. Những người thuộc Tín vị (tức những người thuộc địa vị Thập tín) thì dùng phẩm Tịnh Hạnh làm nhân địa tâm (cái tâm trong lúc tu nhân) để trên là hợp với hoằng thệ đại nguyện về quả giác. Dù có vượt lên những bậc cao sâu hơn như Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, nhưng trong mỗi địa vị vẫn phải dùng 141 nguyện này⁷⁹ để làm căn cứ tấn tu.

Do vậy biết rằng phẩm kinh này giữ một vai trò quan trọng rất lớn, nó chẳng những là cơ sở đầu tiên để nhập cảnh giới Phật, mà thật sự còn đáng gọi là cội gốc lớn lao để thành Phật. Chúng sanh đời mạt căn cơ kém mỏng, nếu có thể tâm tâm niệm niệm thường tụng kinh văn này, thường phát những nguyện này thì tam nghiệp sẽ mau được thanh tịnh, niệm niệm trên khế hợp tâm Phật, lâm chung lên thẳng thượng phẩm, công đức của phẩm này cùng công đức thọ trì phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện soi rọi lẫn nhau, chẳng hề kém sút. Vì thế, pháp sư Tịnh Thường đầu đời Tống hâm mộ phong thái của Lô Sơn Viễn Công (tổ Huệ Viễn), đề xướng pháp môn Tịnh độ, trích máu chép phẩm này. Lại dùng chữ Tịnh Hạnh để đặt tên cho liên xã.

⁷⁹ Tức 141 điều nguyện trong phẩm Tịnh Hạnh.

Liên tông được chấn hưng, nguyên do là vì dốc sức sâu xa nơi lời lẽ hành vi thường ngày đều hợp với giác đạo vô thượng của Như Lai vậy!

Một đệ tử là Dương Huệ Đạo tính muốn in gộp chung phẩm Tịnh Hạnh và phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên để lưu thông, Quang nói: “Muốn cho kẻ sơ cơ lắng lòng niệm Phật, hãy nên dùng Tịnh Độ Ngũ Kinh để dẫn đường, chẳng nên chỉ chọn một mình phẩm Hạnh Nguyên trong Ngũ Kinh, hãy nên làm sao cho họ được đọc trọn khắp năm kinh, lại còn dùng phẩm Tịnh Hạnh để nhắc nhở trong hết thảy thời, hết thảy chỗ thì họ sẽ tự hớn hở nơi đạo vậy!” Than ôi, đời bây giờ là đời gì vậy? Chính là lúc vứt bỏ cương thường luân lý, chuyên đề cao mưu mẹo dối trá, tàn sát lẫn nhau. Nếu chẳng lấy tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để hướng dẫn thì sợ rằng đời sau làm người đối với những tên gọi “cương thường luân lý” do thánh nhân đời trước đã lập còn chẳng thể được nghe. Vì thế, phàm là người có đủ chánh tri kiến, chánh tín tâm đều lấy sự tu trì tịnh nghiệp làm chí hướng sự nghiệp. Do vậy ở đây tôi riêng thuật duyên khởi ghép phẩm này vào sau kinh văn để người đọc sau này không nghi ngờ vậy!

4. Lời tựa tái bản lưu thông sách Tâm Kinh Thiêm Túc

(Năm Dân Quốc 19 - 1930)

Tâm Kinh dạy rõ về Bồ-đề, Niết-bàn được chứng bởi ba đời chư Phật và hết thảy chúng sanh sẵn có chân như Phật tánh. Kinh này là đạo trọng yếu để độ sanh của mười phương Như Lai, là khuôn mẫu tốt lành cho cả hàng trăm hành nhân thành Phật. Văn giản dị, nghĩa phong phú, từ ngữ ngắn gọn nhưng lý uyên thâm, khiến cho khắp mọi thượng trung hạ căn hể khởi công tu tập đều cùng được vào thẳng địa vị của Như Lai, trong các kinh thật là bậc nhất! Tuy chỉ gồm 260 chữ, nhưng nghĩa lý sâu thẳm của 600 quyển kinh Đại Bát-nhã đều được bao trùm sạch sành sanh.

Ấy là vì đức Như Lai trí tuệ tự tại vô ngại, tùy theo đương cơ nghe pháp mà nói rộng hay nói đại lược cho phù hợp. Nói rộng thì tuy trọn hết biển mực cũng chẳng thể viết trọn hết được, nói đại lược thì kiếm một chữ cũng không ra, khiến cho người nghe ai nấy đều được lợi ích thật sự. Chúng sanh đời mạt căn cơ kém hèn thường trì kinh này, y theo đó tu tập, sẽ tự được ngũ uẩn rỗng không, chứng thật tướng các pháp, lìa điên đảo, đạt được Niết-bàn rốt ráo. Vì thế, trong số các danh nhân thời cổ

thường có những vị tụng đến mấy trăm vạn biến, bởi kinh này là pháp môn tổng trì của các pháp.

Con trai thứ của cư sĩ Hạ Huệ Hoa là Thúc Quỷ bẩm tánh thông minh mẫn tiệp, nhiệt tâm làm chuyện công ích, luôn ôm ấp chí hướng “chẳng làm lương tướng ắt làm lương y”, làm hội trưởng Hội Sinh viên trường thuốc Hiệp Hòa tại Bắc Bình (Bắc Kinh). Năm Dân Quốc 15 (1926), tuổi tròn hai mươi bảy, bị bệnh rất nặng, khi sắp chết, hỏi cha rằng: “Nên giải nói ý nghĩa bất sanh bất diệt của Tâm Kinh như thế nào?” Cư sĩ dạy: “Đây chính là nói về bản thể của cái tâm bọn ta, giống như thái hư không, không tướng, không hình, chẳng phải không, chẳng phải có, tại phàm chẳng giảm, nơi thánh chẳng tăng, ở trong sanh tử chẳng nhơ, chứng Niết-bàn chẳng sạch, tướng sanh còn chẳng có, làm sao có tướng diệt cho được? Ngộ được lý ấy, mới xứng danh là Phật tử. Tuy nhiên, nói thì dễ dàng làm sao! Con hãy nên nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, đợi đến khi hoa nở thấy Phật chứng Vô sanh nhẫn thì mới phân chứng được tâm thể bất sanh bất diệt này. Từ đây tấn tu mãi cho đến khi ba hoặc đều hết sạch, hai thứ tử (biến dịch và phần đoạn) đều vĩnh viễn mất, viên mãn Bồ-đề, trở về chỗ không có gì để đạt được nữa thì mới là rốt ráo chứng được tâm thể bất sanh bất diệt ấy. Chớ nên nghĩ ‘nghe tên là đích thân chứng’, chẳng cầu vãng sanh, để đến nỗi trầm luân cả kiếp dài lâu, không cách nào thoát khỏi được!”

Không lâu sau, người con liền mất, lúc sống đối với Phật pháp anh ta hoàn toàn chưa từng bận tâm, lâm chung lại hỏi đến chuyện này, chẳng phải là có túc căn hay sao? Được cư sĩ khai thị, nếu không vãng sanh cũng có thể trở thành duyên nhập đạo cho đời sau, so với những kẻ cho đến hết đời chẳng được nghe đến, khác biệt hết như một trời một vực.

Nhân đó cư sĩ muốn lưu thông bản chú giải Tâm Kinh rõ ràng, rộng rãi, cặn kẽ nhất ngõ hầu hàng sơ cơ đều có thể lãnh hội được; cư sĩ Phạm Cổ Nông khuyên nên in cuốn Tâm Kinh Thiêm Túc của pháp sư Hoằng Tín đời Minh, lại còn đích thân giáo chánh câu chữ. Do vậy bèn cho in ra chừng đó quyển để tặng các tịnh lữ hồng kết pháp duyên để siêu tiến, giữ lại hai bản in để tái bản mãi mãi. Mong những ai thấy nghe, thọ trì đều dùng *quán trí* rất sâu soi thấy ngũ uẩn đều không, đích thân chứng được tâm thể bất sanh bất diệt này để vượt qua hết thảy khổ ách.

5. Lời tựa lưu thông kinh Địa Tạng in theo lối thạch bản

(Năm Dân Quốc 17 - 1928)

Tâm chúng sanh và tâm Phật không hai. Kẻ chẳng thể làm Phật, thường làm chúng sanh là vì chính họ chẳng có tuệ lực, chẳng thể giác ngộ, lại không có thiện tri thức chỉ dạy. Do vậy, diêu tâm sẵn có Phật tánh trở thành căn bản để khởi hoặc tạo nghiệp đến nỗi luân hồi cả kiếp dài lâu, trọn chẳng có thuở thoát ra, chẳng đáng buồn ư? Vì thế lúc mới thành Chánh giác, đức Thế Tôn ta bèn lên cung trời Đao-lợi thuyết pháp cho mẹ, vì muốn cho hết thấy chúng sanh đều cùng mong báo ơn cha mẹ, nên đặc biệt dạy rõ Địa Tạng Bồ-tát trong những kiếp xưa do cứu mẹ đã rộng phát thệ nguyện Bồ-đề để làm thuyền bè cho chúng sanh trong tương lai được thoát biển khổ.

Toàn bộ kinh văn của kinh Địa Tạng Bồn Nguyên dạy cặn kẽ cả sự lẫn lý, văn từ rõ ràng thoảng đạt, nêu tỏ trọn vẹn những nghĩa lý “tâm này làm Phật, tâm này là Phật; tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh” và “tâm có thể tạo nghiệp thì tâm có thể chuyển nghiệp, tâm chẳng chuyển được nghiệp thì nghiệp sẽ trói buộc tâm” v.v.. Hai câu chuyện đức Địa Tạng trong kiếp xưa cứu mẹ càng nêu thật sát sao, rõ ràng ý nghĩa này; thật có thể gọi là “người dẫn đường nơi lối hiểm, đuốc tuệ nơi đường tối, kho báu cho kẻ nghèo thiếu, gạo thóc cho năm đói kém”, khiến cho hết thấy chúng sanh mê muội mau được giác ngộ, hết thấy những đứa con hiếu thuận có được sự thừa⁸⁰. Lợi ích của kinh không thể nào tuyên nói được! Tây Thiên, Đông Độ, những người đọc kinh này bèn khởi chí chẳng thể nào đếm xuể.

Hòa thượng Chân Đát muốn báo ân vãng cực⁸¹, tính mời người viết chữ đẹp cung kính chép kinh này để in theo lối thạch bản thí tặng, gặp đúng lúc cư sĩ Trí Chuẩn Lỗ Chỉ Nam đem bản kinh Kim Cang do chính ông ta tự viết xin hòa thượng giáo chánh. Sư thấy cư sĩ vì muốn báo ân cha mẹ liền đích thân cung kính chép kinh Kim Cang để thường trì tụng, ắt cũng sẽ vui sướng chép kinh này, nên bèn khấn khoản nhờ chép, liền được cư sĩ nhận lời. Hòa thượng sai Quang viết lời tựa phôi bày trọn

⁸⁰ Sư thừa: Quan hệ truyền thừa giữa thầy và trò.

⁸¹ Ân vãng cực: Đại ân của cha mẹ. Chữ này xuất phát từ bài thơ Lục Nga trong thiên Tiểu Nhã kinh Thi: “*Phụ hệ sanh ngã, mẫu hệ súc ngã, phủ ngã, súc ngã, trưởng ngã, dục ngã, cố ngã, phúc ngã, xuất nhập phục ngã, dục báo chi đức, hạo thiên vãng cực*” (Cha sanh ra ta, mẹ nuôi nấng ta, vỗ về nuôi nấng, nuôi dạy lớn khôn, chăm nom che chở, ra vào uốn nắn, muốn báo đức ấy, lòng lộng trời cao, khôn bề sánh ví). Chín chữ “sanh, súc, phủ, súc, trưởng, dục, cố, phúc, phục” thường được gọi là “cù lao cử tự” (chín chữ cù lao).

vận sự lợi ích của kinh, hồng phát khởi tấm lòng hiếu thảo của những kẻ làm con trong thế gian, mong họ sẽ tùy thời, tùy việc trọn hết đạo hiếu. Nghĩ đến ân sâu cù lao⁸², ắt sẽ thực hiện cho đến khi cha mẹ ta được rốt ráo an ổn nơi bảo sở mới thôi. Do vậy dùng tâm chí thành, niệm thánh hiệu Phật, kèm thêm kính cẩn giữ vận luân thường, trọn hết thiên chức của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, dùng công đức này để giúp cho cha mẹ ta, mong cho cha mẹ còn sống sẽ được nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, phước thọ tăng cao, trí tuệ khơi mở, đã khuất bóng thì thân hồn siêu thăng cõi tịnh, nghiệp trả lại trần lao, chứng Vô sanh nhẫn, ở vào địa vị Bất thoái, ngõ hầu hơi trọn được tấm lòng riêng của quạ⁸³, chẳng làm đáng sanh thành phải thẹn. Lại còn phải biết, hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai, hãy nên dùng tâm đại Bồ-đề tùy thuận cơ nghi vì họ tuyên nói và cứu giúp hồng khế hợp tâm Phật, phù hợp cái nguyện của chính mình, quạt gió từ dập tắt ác nghiệp, sẽ thấy lễ nghĩa, nhân nhượng được hưng khởi, can qua dứt bật mãi mãi, phong tục tốt đẹp, thiên hạ hòa bình.

6. Lời tựa cho sách Phạm Võng Kinh Bồ-tát Giới Tập Chứng

(Năm Dân Quốc 17 - 1928)

Kinh Phạm Võng là đại pháp đề đức Như Lai nung luyện hết thảy dù thánh hay phàm, ngõ hầu họ sẽ rốt ráo đoạn trừ ba hoặc, đích thân chứng được ba đức, khôi phục Phật tánh sẵn có, thành Phật quả vô thượng. Ấy là vì đối với chân như diệu tánh thì chúng sanh và Phật cùng một thể, nơi phàm chẳng giảm, tại thánh chẳng tăng, nhưng từ vô thủy đến nay cứ mê chẳng ngộ, như vàng còn trong quặng chẳng thụ dụng được. Đức Như Lai thương xót hết thảy chúng sanh mê mất minh châu trong chéo áo, uổng công rong ruổi hướng ra ngoài tìm tòi. Do vậy khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm đến nỗi luân hồi lục đạo trọn chẳng có thở ra. Dù có người đoạn được những hoặc trong tam giới, thoát lìa sanh tử, nhưng vẫn còn cách địa vị Phật

⁸² Cù lao: Ân cha mẹ, đây cũng là chữ xuất phát từ phần đầu bài thơ Lục Nga trong kinh Thi: “*Lục lục giả nga, phi nga y hao, ai ai phụ mẫu, sanh ngã cù lao. Lục lục giả nga, phi nga y úy, ai ai phụ mẫu, sanh ngã cù lao*” (Cỏ nga sum suê, không phải cỏ nga, cũng là cỏ hao, xót thay cha mẹ, sanh ta nhọc nhằn; cỏ nga sum suê, chẳng phải cỏ nga, cũng là cỏ úy; xót thay cha mẹ, sanh ta nhọc nhằn).

⁸³ Đây là một điển tích dựa theo câu chuyện trong sách Vật Do Như Thử. Theo đó, con quạ thấy mẹ nó đã già yếu không kiếm ăn nổi bèn tha mồi mớm cho quạ mẹ. “Trọn tấm lòng riêng của quạ” tức là trọn hết tấm lòng hiếu thảo vậy.

quá xa. Bởi thế khi mới thành Chánh giác, Phật liền lập tức vì hết thấy thánh phàm giảng đại pháp này, trước hết làm cho họ liễu ngộ tự tâm vốn là tâm Phật, nên mới nói: “Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, các ông là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành.”

Tin được như thế, chắc chắn sẽ chẳng đến nỗi đề cao thánh cảnh nhưng tự cam phận phàm ngu, trên là cô phụ sự giáo hóa của Phật, dưới là phụ bạc tánh linh của chính mình. Cho nên mới nói: “Thường tin tưởng như thế thì giới phẩm đã đầy đủ!” Rồi đối với những lời ăn tiếng nói, hành vi thường ngày, khởi tâm từ bi, tâm hiếu thuận, dẹp lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ cái ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng làm những điều thiện, sao cho luôn đúng chừng mực, không phải hổ thẹn chút nào, nơi ba nghiệp vĩnh viễn trọn chẳng có tí vết thì hai thứ đại thể đại dụng “tự lập lập người, tự lợi lợi tha” đều đầy đủ. Giữ tám lòng thanh khiết xông tận trời thăm, khác nào hư không mênh mông chứa khắp muôn hình tượng trọn chẳng chướng ngại gì. Xử sự chánh đại quang minh như mặt trời chói lợi chiếu khắp muôn phương, nhưng trọn chẳng hề chọn lựa. Do vậy, tứ nhiếp cùng được thực hiện, tứ hoằng⁸⁴ phổ độ, đáng gọi là “*tiên dĩ dục câu khiên, hậu linh nhập Phật trí*” (trước hết dùng dục⁸⁵ để lôi kéo, sau làm cho nhập trí Phật), hư không đâu có tận, nguyện tôi vẫn vô cùng.

Làm được như thế, nào còn có cái tâm ta người, đúng sai, tự tư tự lợi chi nữa, huống là có chuyện phá trai phạm giới và tổn người lợi mình, lật đổ tàn hại lẫn nhau nữa ư? Do vậy biết, kinh này đều thuộc về đại pháp xuất thế, nhưng quả thật là mưu lược tốt lành để giữ yên cõi đời. Vì thế hết thấy quốc vương đại thần và tứ chúng xuất gia, bốn chúng tại gia cùng các quý thần đều nên thọ trì! Nếu có thể thọ trì sẽ như nước rửa sạch đồ đựng, liền khôi phục sự sạch sẽ sẵn có; như hương xông áo, sẽ mau chóng thêm thơm ngát hơn. Trong lúc kiếp trước này muốn vẫn hồi mà bỏ pháp này thì làm sao yên được?

⁸⁴ Tứ hoằng chính là tứ hoằng thệ nguyện: Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

⁸⁵ Dục ở đây là lòng ham muốn, ý nói chư Phật, Bồ-tát dùng lợi để dẫn dụ con người do lòng ham lợi sẽ thực hành Phật pháp, rồi dần dần dẫn họ nhập đạo, thể ngộ Phật trí. Chẳng hạn, các kinh Đại thừa thường nói rất nhiều đến những phước báo hiện tiền do trì tụng, thọ trì kinh, chú, lễ bái, cúng dường, tùy hỷ v.v..

Hành giả Diệu Lãng xưa đã có linh căn, dốc lòng tu tịnh nghiệp, thường đọc kinh này, ngưỡng mộ khôn xiết, phát nguyện lưu thông để lợi khắp hết thảy. Lại thường đối với những ý nghĩa trì giới trọng yếu đã được khai thị trong các kinh Tiểu thừa, Đại thừa và các truyện ký mà chính mình đã đọc đều trích lục, ghi vào đằng sau chánh kinh để làm pháp răn dạy cho mình lẫn người cùng tu trì, ngõ hầu người đọc biết được lợi ích do trì giới: Gần là ba nghiệp thanh tịnh, tam học (giới định tuệ) viên minh, xa là sạch hết ba hoặc, ba đức trọn bày. Họa hoạn do phạm giới thì gần là ba nghiệp ô trược, vĩnh viễn đọa trong tam đồ; xa là ba chương⁸⁶ thường hiện diện, chẳng thoát được tam giới. Phật do chính ta làm, địa ngục do chính ta tạo, như đến trước gương báu, tốt xấu hiện rành rành, ai lại chịu tự chuốc lấy mối lo, bỏ lợi ích để nhận lấy họa hoạn cơ chứ?

Người chị dâu của Diệu Lãng là Phương Tĩnh, vâng theo di mạng của bà mẹ chồng đã quá cố, nguyện bỏ ra tịnh tài để giúp in một vạn cuốn hồng thành tựu chí nguyện này, ngõ hầu kính tặng các Phật tử tại gia và xuất gia. Do công đức này, mong cửa nhà bình yên may mắn, quyến thuộc yên ổn mạnh khỏe, đời này được hưởng ngũ phước như Cơ Tử đã luận, con cháu được hưởng trăm điều tốt lành như trong bài huấn dụ của Y Doãn⁸⁷. Lại cầu thời thế hòa bình, mùa màng sung túc, dân

⁸⁶ Ba chương: Tam chương (trīṇyāvaranāni) có nhiều cách giải thích. Phổ biến nhất là cách giảng dựa theo kinh Đại Bát Niết-bàn, kinh Phật Danh (quyển 1), luận Phát Trí, luận Thành Thật, luận Đại Trí Độ, luận Tỳ-bà-sa và luận Câu-xá. Theo những kinh luận ấy, tam chương là phiền não chương (kleśāvarana), nghiệp chương (karmāvarana) và dị thực chương (vipākāvarana). Phiền não chương là ba thứ phiền não tham sân si sẵn có trong tánh thức. Nghiệp chương chính là nghiệp ngũ vô gián hoặc những nghiệp bất thiện do thân khẩu ý gây nên. Dị thực chương còn gọi báo chương hoặc quả báo chương, tức là quả báo của nghiệp chương và phiền não chương. Theo kinh Du-già Đại Thừa Đại Giáo Vương, quyển 5, thì tam chương lại là ngã mạn trọng chương, tật đố trọng chương (ganh ghét) và tham dục trọng chương (theo cách giải thích này thì ba chương ấy chỉ tương ứng với phiền não chương mà thôi). Còn rất nhiều cách giải thích khác, nhưng sợ quá rườm rà nên không dẫn vào đây.

⁸⁷ Nguyên văn “Y Huấn”, đây chính là tên của một thiên sách trong sách Thượng Thư, ghi lại nội dung bài giáo huấn của Y Doãn. Trong năm Thái Giáp nguyên niên, trong lễ tế tiên vương vào tháng Chạp, Y Doãn đã ban lời giáo huấn này cho vua cùng bá quan. Trong bài giáo huấn ấy có nhắc đến trăm điều tốt lành do thuận theo đạo trời nên thường được văn học nhắc đến với từ ngữ “Y Huấn chi bách tường”. Y Doãn (1648-1549 trước Công Nguyên) tên thật là Chí, Doãn có nghĩa là Hữu Tể Tướng; do kính trọng nên không gọi tên mà gọi bằng chức vụ. Y Doãn vốn là nô lệ bồi giá của Sân thị (khi xưa, cô dâu về nhà chồng thường mang theo nô lệ, những nô lệ ấy được gọi là “nô lệ bồi giá”), giữ nhiệm vụ nấu ăn. Khi Sân thị được gả cho vua Thành Thang (Thương Thang), Y Doãn nhận cơ hội dâng cơm cho Thương Thang liền phân tích tình thế thiên hạ, rất được Thương

giàu vật mạnh, lễ nghĩa, nhân nhượng hưng khởi, can qua vĩnh viễn chấm dứt, pháp vận thông suốt, thiên hạ thái bình. Do vậy bèn tụng rằng:

Đức Thế Tôn ta,
Là vua các pháp,
Khiến khắp chín giới,
Cùng chứng chân thường,
Các pháp nói ra,
Đều tùy cơ nghi,
Chỉ giới pháp này,
Phàm thánh cùng nương,
Đẳng giác Bồ-tát,
Quần manh sáu đường,
Không có một ai,
Chẳng nên hành trì!
Do tâm chúng sanh,
Chẳng khác tâm Phật,
Do bởi hoặc nghiệp,
Trở thành khác xa,
Về tướng tuy khác,
Nhưng tánh vốn đồng,
Nên nói kinh này,
Hòng chứng Đại Hùng⁸⁸,
Đã biết chúng sanh,

Thang tán thưởng, bèn xóa bỏ thân phận nô lệ cho Y Doãn, phong cho ông ta làm Tể tướng. Năm 1600 trước Công Nguyên, với sự phù tá của Y Doãn, Thương Thang diệt nhà Hạ, thành lập nhà Thương. Y Doãn tận lực chinh đốn chính thể, hiểu căn kẽ dân tình nên nhà Thương lúc ấy rất cường thịnh. Khi Thành Thang mất, con là Thái Giáp kế vị, vốn là kẻ bất tài hôn ám, nên trong giỗ đầu của tiên vương, Y Doãn đã nêu lên bài huấn dụ này để nhắc nhở đương kim hoàng thượng. Do Y Doãn dùng đủ mọi biện pháp cứng rắn lẫn mềm dẻo uốn nắn nhà vua, Thái Giáp nổi giận, đày Y Doãn sang đất Đổng ba năm (có sách chép là bảy năm). Về sau Thái Giáp hối hận, rước về, và tuân theo lời chỉ dạy của Y Doãn, bèn trở thành một bậc minh quân.

⁸⁸ Đại Hùng (Mahā-vīra), có nghĩa là vĩ đại, anh hùng, là một trong những đức hiệu của đức Phật. Do đức Phật có đại trí lực, hàng phục ma chướng không ngăn ngại, run sợ nên được tôn xưng là Đại Hùng.

Đều có Phật tánh,
Phật là đã thành,
Ta thật sẽ chứng,
Ví như cùng tử⁸⁹,
Được kho báu xưa,
Được, vốn chẳng được,
Hoan hỷ vô lượng,
Đã ngộ Phật tánh,
Phải hành Phật hạnh,
Nghiêm tịnh tỳ-ni⁹⁰,
Cẩn thận bóng áo⁹¹,
Phát tâm từ bi,
Và tâm hiếu thuận,
Tự lợi, lợi tha,
Cùng thoát vòng khổ,
Người được như thế,
Là chân Phật tử,
Những gì Phật dạy,
Ta sẽ giống thế,
Phải biết kinh này:
Khuôn lành đức Phật,
Tận lực tu theo,
Liên chứng Vô dư⁹²,
Nguyện người thấy nghe,
Cùng chăm thọ trì,
Tiêu trừ hoặc nghiệp,
Viên mãn Bồ-đề.

⁸⁹ Cùng tử: Đứa con nghèo đói.

⁹⁰ Tỳ-ni (vinaya): Giới luật.

⁹¹ Trích từ thành ngữ “thận độc khâm ảnh”: Ý nói dè dặt, cẩn thận, dầu chỉ có một mình vẫn cẩn thận, nghiêm cẩn, chẳng làm chuyện gì dễ thẹn với ngay cả bóng vạt áo của chính mình.

⁹² Vô dư ở đây là Vô dư Niết-bàn (Nirupadhiśesa-Nirvāṇa). Đôi khi còn được dịch là Vô dư y Niết-bàn. Có nghĩa là đoạn sạch phiền não, diệt hết những dị thực khổ quả do ngũ uẩn tạo thành, chứng Niết-bàn rốt ráo không còn vướng mắc vào đâu nữa.

7. Lời tựa cho sách Phổ Môn Phẩm Giảng Nghĩa

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Quán Thế Âm Bồ-tát trong vô lượng kiếp trước đã sớm thành Chánh giác, hiệu là Chánh Pháp Minh⁹³, nhưng do thế nguyện rộng sâu, từ bi rộng lớn, chẳng lìa cõi Tịch quang, hiện hình trong chín giới, tùy loại hiện thân, tâm thanh cứu khổ. Nên dùng thân nào để độ được liền hiện thân ấy để thuyết pháp, nguyện cho hết thấy chúng sanh trong hết thấy thế giới đều được lìa khỏi nỗi khổ huyễn vọng trong hiện tại, hưởng pháp lạc chân thường, nhưng ngài lại thương xót thế giới Sa-bà nhất. Do vậy trong hội Pháp Hoa, Thích-ca Thế Tôn muốn cho chúng sanh cõi Sa-bà luôn được che chở, bèn đặc biệt nêu lời hỏi của Vô Tận Ý Bồ-tát⁹⁴ mà trình bày rõ ràng thế nguyện từ bi, công đức, oai thần của đức Quán Âm để hết thấy chúng sanh trong chín giới đều được nương tựa.

Cho đến khi Phật pháp được truyền sang xứ này, đến đời Tấn, pháp sư La-thập riêng dịch kinh Pháp Hoa, mọi người mới biết đức Quán Âm dù bốn địa hay tích môn đều khó nghĩ lường. Trong hội Lăng-nghiêm, đức Quán Âm tự thuật pháp viên thông; trong hội Hoa Nghiêm, đức Quán Âm chỉ dạy Thiện Tài, đều phù hợp khít khao với ý chỉ Pháp Hoa. Do vậy biết: Đại sĩ vô tâm, lấy tâm chúng sanh làm tâm của chính mình, cho nên hể cảm liền ứng, trọn chẳng sai chạy. Vào cuối đời Tấn,

⁹³ Theo kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà-la-ni, trong quá khứ vô lượng kiếp, đức Quán Thế Âm đã thành Phật hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai, nhưng do nguyện lực độ sanh nên luôn thị hiện thân phận Bồ-tát hồng phù tá hết thấy Như Lai độ sanh.

⁹⁴ Vô Tận Ý Bồ-tát (Aksayamatir Bodhisattvah), còn được phiên âm là A-sai-mạt Bồ-tát, hoặc dịch nghĩa là Vô Tận Huệ, Vô Lượng Ý, còn có tên là Vô Tận Kim Cang, hay Định Huệ Kim Cang, là một trong mười sáu vị đại Bồ-tát của Hiền kiếp. Do Bồ-tát quán hết thấy nhân duyên quả báo đều vô tận bèn phát tâm cầu chứng công đức vô tận của chư Phật nên được danh xưng này. Theo hội A-sai-mạt trong kinh Đại Tập, Bồ-tát hiện đang trụ trong cõi nước Bất Thuần của đức Phổ Hiền Như Lai ở phương Đông.

Thư Cừ Mông Tôn⁹⁵ nhà Bắc Lương bị bệnh, ngài Đàm-vô-sấm⁹⁶ dạy tụng phẩm Phổ Môn, Mông Tôn liền được lành bệnh. Do vậy phẩm này được lưu truyền riêng. Đời Tùy - Trần, đại sư Trí Giả chú giải kinh Pháp Hoa, đặc biệt giải thích cặn kẽ phẩm này. Đủ thấy tâm của Phật, Bồ-tát, tổ sư chỉ mong cho hết thảy chúng sanh là hết thảy khổ, được hưởng hết thảy vui.

Pháp sư Đế Nhân tận lực hoằng dương tông Thiên Thai, kiêm tu Tịnh độ. Mùa hạ này sư hoằng giới (diễn giảng về giới luật) tại Cáp Nhĩ Tân (Harbin), trở về đi ngang qua Đại Liên, các cư sĩ Phan Đồi Phù, Thi Tĩnh Chi v.v. thỉnh sư giảng diễn kinh này. Lại sợ tiếng địa phương Nam - Bắc không thông, nhân đấy bèn đem những nghĩa đã giảng trước đó, in ra 500 bản, tặng cho mọi thính giả để họ đều được tận mắt thấy lời dạy; nhưng do thời gian vội vã, chẳng tránh khỏi sai sót. Cư sĩ Phan Đồi

⁹⁵ Thư Cừ Mông Tôn (368-433) là người sáng lập triều đại Bắc Lương vào thời Nam Bắc Triều cuối đời Tấn, thuộc sắc dân Hung Nô. Thoạt đầu Mông Tôn ủng hộ Lữ Quang ly khai nhà Diêu Tần, lập ra nhà Hậu Lương; sau đó lại chống Lữ Quang, chiếm lãnh miền Cô Tạng, tự xưng là Tây Vương. Về sau, Mông Tôn diệt nhà Hậu Lương, không chế đường giao thông Tây Vực, trở thành vua một nước hùng mạnh. Thư Cừ Mông Tôn rất tôn sùng Phật giáo, từng thỉnh ngài Đàm-vô-sấm dịch kinh Phương Đẳng, Niết-bàn v.v.. Em họ Mông Tôn là Thư Cừ Kinh Thanh (?-464) là một cư sĩ học rộng, từng sang Vu Điền học tiếng Phạn, thông thạo Phạn Văn. Chính Kinh Thanh đã đích thân thỉnh ngài Đàm-vô-sấm đến đất Lương và chính ông ta đã dịch các bộ kinh Thiên Yếu Bí Mật Trị Bệnh, kinh Bát Quan Trai Giới, kinh Quán Di-lặc Bồ-tát Thượng Sanh Đâu-suất v.v..

⁹⁶ Đàm-vô-sấm (385-433), tên Phạn ngữ là Dharma-raksa, đôi khi còn phiên là Đàm-ma-la-thức, Đàm-ma-sám, Đàm-mô-sám, Đàm-la-vô-sấm, dịch nghĩa là Pháp Phong. Ngài xuất thân từ dòng Bà-la-môn tại Trung Ấn Độ, thoạt đầu tu học Tiểu thừa. Sau gặp được thiền sư Bạch Đầu truyền thụ kinh Đại Niết-bàn bèn phát tâm học Đại thừa. Năm 20 tuổi sư đã thông thạo các kinh Đại thừa, kiêm hiểu Mật chú nên được gọi là Đại Chú Sư. Sau sư mang kinh Đại Bát Niết-bàn, kinh Bồ-tát Giới, Bồ-tát Giới Bồn v.v. sang Kế Tân, đến nước Quy Tư. Do thấy hai xứ này sùng trọng Tiểu thừa, bèn sang Đôn Hoàng. Năm Huyền Thi nguyên niên (412) nhà Bắc Lương, Hà Tây Vương Thư Cừ Mông Tôn sai Thư Cừ Kinh Thanh cùng thỉnh sư đến Cô Tạng để sư học tiếng Hán trong vòng ba năm, rồi bắt đầu phiên dịch kinh Đại Bát Niết-bàn, hai vị Huệ Tung và Đạo Lăng giữ nhiệm vụ bút thọ. Do kinh Niết-bàn sư mang theo chưa trọn vẹn, sư bèn trở về Vu Điền, tìm được một phần cuối kinh ấy, mang về Cô Tạng tiếp tục dịch. Nhận lời thỉnh của Huệ Tung và Đạo Lăng, sư chủ trì công việc phiên dịch các kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập, kinh Kim Quang Minh, kinh Bi Hoa, kinh Bồ-tát Địa Trì, Bồ-tát Giới Bồn... Do Thái Võ Đế nhà Bắc Ngụy nghe tin sư thông thạo phương thuật, bèn sai sứ sang thỉnh, Thư Cừ Mông Tôn sợ sư sẽ sang đất Ngụy, liền giả vờ sai sứ sang Tây Vực tìm kiếm phần sau kinh Niết-bàn (phần này về sau được ngài Nhã-na Bạt-đà-la dịch tiếp vào đời Đường), rồi ngầm sai thích khách giết chết sư giữa đường. Bản kinh Đại Bát Niết-bàn của sư được gọi là Bắc Bản Niết-bàn để phân biệt với bản dịch kinh Nê Hoàn của ngài Pháp Hiền dịch (thường gọi là kinh Nam Bản Niết-bàn).

Phù muốn bài giảng ấy được lưu truyền rộng rãi trong cõi đời, do vậy bèn gởi cho tôi một bản và cậy viết lời tựa.

Trộm nghĩ kinh tạng Pháp Hoa sâu thẳm u viễn, không ai có thể thấu đạt được, chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu triệt rốt ráo, Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, làm sao có thể nêu tỏ đến mức tột bậc cho được? Đành lược thuật bốn - tích⁹⁷ của đức Quán Âm và lai lịch lưu thông, chú thích kinh này cho xong trách nhiệm. Nguyên khắp các đồng nhân thường niệm thánh hiệu Quán Âm. Nếu đạt đến mức “niệm cực tinh vong”, tâm lẫn cảnh cùng vắng lặng thì hằng sa công đức, vô lượng diệu nghĩa sẽ tự hiện hiện trọn vẹn trong một niệm. Do vậy chẳng cần phải trình bày rườm rà chi nữa!

8. Lời tựa cho ấn bản kinh Đại Phật Đảnh Thủ-lăng-nghiêm được viết theo lời chữ khải để tặng đại chúng đọc tụng

Như Lai tạng diệu chân như tánh chúng sanh và Phật cùng sẵn đủ, trọn chẳng hề tăng giảm. Phật do rốt ráo chúng nên an trụ Tịch quang, thụ hưởng pháp lạc thường - lạc - ngã - tịnh. Chúng sanh do triệt để mê nên khởi hoặc tạo nghiệp, chịu nỗi khổ sanh tử luân hồi huyễn vọng. Tuy là tịnh nhiễm bất đồng, khổ vui sai khác, nhưng tánh chân như mâu nhiệm sẵn có vẫn tự chẳng tăng chẳng giảm. Chúng sanh chỉ có tánh đức, trọn chẳng có tu đức, nên chẳng thể thụ dụng được, ngược ngạo nương theo sức công đức của diệu tánh ấy để tạo ra cái nhân sanh tử, chịu quả luân hồi. Do nhân duyên ấy cảm Phật dậy lòng từ bi, thị hiện sanh trong thế gian, tùy cơ thuyết pháp, khiến cho ai nấy đều theo đường về nhà, biết lấy hạt châu trong ché áo, ngõ hầu chẳng đến nỗi cô quạnh lênh đênh, không nơi nương tựa.

Kinh Đại Phật Đảnh Thủ-lăng-nghiêm chính là nhân bí mật để viên mãn Bồ-đề của ba đời chư Phật, là diệu hạnh để tiến về giác đạo của hết thầy Bồ-tát, cho nên gọi là Thủ-lăng-nghiêm (Śūraṅgama). Tiếng Phạn là Thủ-lăng-nghiêm, tiếng Hán là Nhất thiết sự cứu cánh kiên cố (hết thầy sự rốt ráo cứng chắc). Nhất thiết sự là gì? Chính là hai pháp tâm và cảnh; nói rộng ra là ngũ ấm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát

⁹⁷ Bốn tích: Bốn thường được hiểu là chánh nhân, chánh vị của chư Phật, Bồ-tát. Tích là phương tiện quyền biến thị hiện. Chẳng hạn, đức Quán Thế Âm Bồ-tát là Phật (như vậy về mặt bốn ngài là một vị Phật, đã thành Phật từ vô lượng kiếp), nhưng vì lòng từ bi thị hiện thân Bồ-tát (đấy là tích). Hoặc có thể hiểu ngài là một vị Bồ-tát (bổn), nhưng lại hiện vô số ứng thân nhằm hóa độ mọi loài chúng sanh (đấy là tích).

giới, thất đại. Nhất thiết sự (hết thấy mọi sự) này đều là toàn thể đại dụng của Như Lai tạng diệu chân như tánh, vốn tự cứng chắc, trọn chẳng có các tướng sanh, diệt, sạch, nhơ, tăng, giảm, nhưng chúng sanh mê chân đuổi theo vọng, trái giác hợp trần, dù tâm hay cảnh đều thành huyễn vọng, đều là sanh diệt, đều chẳng cứng chắc.

Vì thế, do ngài A-nan thưa hỏi phương tiện ban đầu để mười phương Như Lai thành tựu Bồ-đề, xa-ma-tha, tam-ma⁹⁸, thiền-na màu nhiệm, Như Lai liền gạn hỏi cái tâm, chỉ rõ cái thấy, lần lượt giảng về ngũ âm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, thất đại để hiển thị “mỗi mỗi đều là Như Lai tạng, thuận theo tâm chúng sanh, thuận theo nghiệp mà tỏ lộ” khiến cho họ khai ngộ. Kế đó, 25 vị thánh nhân, mỗi vị chứng một pháp viên thông riêng biệt trong 25 pháp, [mỗi vị tường thuật pháp viên thông do chính mình đã chứng] nhằm chứng thực lời giảng ấy. Kinh này nhằm thích ứng với năng lực đa văn của A-nan và căn cơ “tánh nghe nhạy bén nhất” của cội Sa-bà. Do vậy đức Văn-thù chọn lựa pháp viên thông bèn chỉ chọn pháp viên thông của Quán Âm.

Pháp môn Tịnh độ niệm Phật thích hợp trọn khắp căn cơ của hết thấy chúng sanh trong mười phương ba đời, do vậy được kể sau pháp viên thông của ngài Di-lặc, trước pháp viên thông của đức Quán Âm, nhằm ngầm nêu ý nghĩa thích hợp khắp mọi căn cơ. Nếu không, sẽ kể pháp này sau pháp của ngài Hư Không Tạng⁹⁹, trước pháp của ngài Di-lặc. Luận sát sao về những pháp môn thông thường thì phải đoạn sạch phiền hoặc mới có thể liễu sanh thoát tử, chỉ có bậc thượng thượng lợi căn nhất mới có thể giải quyết xong ngay trong đời này. Nếu chẳng phải là loại căn tánh ấy

⁹⁸ Xa-ma-tha (śamatha) có nghĩa là chỉ (ngưng dứt), tịch tĩnh, hay năng diệt, là một trong bảy tên của thiền định. Do chú trọng đến tác dụng lắng đọng tâm không bị ngoại cảnh lay động khiến tâm được tịch tĩnh, nên gọi là chỉ, hàm nghĩa ngưng dứt mọi tán loạn.

Tam-ma là gọi tắt của tam-ma-địa (samādhi), hay còn được phiên âm là tam-muội hay tam-ma-đề. Dịch nghĩa là đẳng trì, chánh định, định ý v.v., tức là xa lìa hết thấy lao chao, hôn trầm, chuyên tâm nơi một cảnh.

⁹⁹ Hư Không Tạng (Ākāśa-garbha) có nghĩa là phước trí hai tạng đều vô lượng, rộng lớn như hư không, không có ngăn mé. Ngài lưu xuất vô lượng pháp bảo, thí khắp cho người cầu muốn, lợi lạc chúng sanh. Ngài được đặc biệt tôn sùng trong Mật giáo và Thiên Đài tông Nhật Bản. Đông Mật Chân Ngôn Tông Cao Dã Sơn phái của Nhật Bản còn lưu truyền câu chuyện tổ sư Không Hải nhờ trì chú của Hư Không Tạng Bồ-tát mà trí tuệ mở mang, sang Trung Hoa học Mật với ngài Huệ Quả, lãnh hội được tinh nghĩa của Mật giáo chỉ trong vài ba năm, trở thành Sơ tổ Mật tông Nhật Bản. Trong kinh Đại Tập có hai pháp hội chuyên giảng về Hư Không Tạng Bồ-tát. Trong kinh Lăng-nghiêm, Bồ-tát dạy về pháp viên thông quán không đại.

thì hoặc hai, ba, bốn, năm đời, hoặc hai, ba, bốn, năm kiếp, hoặc thậm chí từ trần sa kiếp này sang trần sa kiếp khác vẫn luân hồi trong lục đạo, kẻ như vậy nhiều lắm! Bối cấy vào sức giới định tuệ của chính mình để đoạn sạch hoặc nghiệp phiền não tham sân si cho nên khó khăn. Huống chi đang nhằm thời mạt pháp, căn cơ con người hèn kém, thọ mạng ngắn chùn, tri thức hiếm hoi, tà ma ngoại đạo tung hoành, hễ chánh kiến hơi thiếu liền bị đọa vào lưới ma ư? Chỉ có pháp môn Tịnh độ đặc biệt “cây vào thệ nguyện từ bi của đức Di-đà và sức tín nguyện ức niệm của chính mình”, đến lúc lâm chung được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương là thỏa đáng. Nếu là hạng thượng thượng căn sẽ mau chứng Vô sanh, dầu là kẻ hạ hạ căn vẫn được dự vào dòng thánh. Lợi ích ấy làm sao diễn tả được? Nghĩa này là nghĩa quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, đừng vì Quang là kẻ kém cỏi mà cho là sai lầm, bịa đặt!

Nếu chúng ta có thể đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha như con nhớ mẹ, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối đề niệm, thì hai tầng công phu “xoay cái niệm đề niệm nơi tự tánh” của đức Thế Chí và “xoay cái nghe đề nghe nơi tự tánh” của đức Quán Âm sẽ hòa lẫn trong một tâm đề niệm hồng danh vạn đức của Như Lai. Lâu ngày chầy tháng, cái tâm nghiệp thức chúng sanh sẽ trở thành Như Lai bí mật tạng, đây gọi là “dùng quả địa giác làm nhân địa tâm, cho nên nhân trùm biển quả, quả tốt nguồn nhân”. Người có duyên gặp được, mong chớ coi rẻ. Đây là đường vào cửa Niết-bàn của vi trần đức Phật, huống gì chúng ta là người đời mạt pháp há dám chẳng noi theo? Cuối cùng, kinh chỉ bày nghiêm ngặt bốn thứ giới luật để bồi đắp nền tảng ấy, nói cạn kể công đức của thần chú Lăng-nghiêm ngũ hồi hành nhân được nương tựa, bảo vệ.

Kinh giảng cạn kể nhân quả của mười pháp giới, mỗi mỗi đều là theo nghiệp hiện ra. Chỉ rõ cảnh ngũ ấm ma hồng người nghe biết kẻ công hạnh sâu vẫn còn có chuyện bị ma dựa tạo tội đọa địa ngục, huống hồ kẻ sơ tâm ư? Xem kinh thoát đầu là bảy chỗ gạn tâm, mười phen tỏ rõ cái thấy, lần lượt giảng đến *ám, nhập, xứ, giới, đại*, tầng tầng khai thị khiến cho vị căn tánh nhạy bén nhất là A-nan viên ngộ tạng tánh (tức là cái được nhà Thiền gọi là đích thân thấy được “bản lai diện mục trước khi được cha mẹ sanh ra”), vậy thì đại triệt đại ngộ quả thật chẳng dễ dàng gì! Phần sau kinh nói về hành giả đã có sức thiền định sâu rồi, đã phá được hai ấm là sắc và thọ, vẫn bị ma mê hoặc, đánh mất chánh kiến, tạo các ác nghiệp, sống vương phép vua, chết đọa địa ngục. Do vậy biết: Muốn liễu sanh tử chỉ cấy vào tự lực thì nguy hiểm, khó khăn chẳng thể nào sánh ví được! Nguyện những người cùng hàng hãy nương

theo pháp “nhớ Phật niệm Phật” của đức Thế Chí và lời dạy mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc của đức Phổ Hiền để cùng với các vị Bồ-tát trong Hoa Tạng Thế Giới Hải nhất trí tiến hành cầu sanh Tây Phương, đây mới thật là kế sách vẹn toàn vậy!

Cư sĩ Trí Mậu Hứa Văn Thanh chép kinh Lăng-nghiêm theo lối chữ khải đề tặng những liên hữu trong Giác xã đọc tụng; hai vị cư sĩ Cù Trí Hồng, Diệp Thánh Phương mua giấy. Chép xong, xin Quang viết lời tựa. Do Quang thấy Giác xã là đạo tràng niệm Phật, theo đúng lý thì phải nêu tỏ ý nghĩa thắng diệu của pháp môn Tịnh độ, ngõ hầu những kẻ ham cao chuộng xa chẳng đến nỗi chuyên trọng tự lực, vứt bỏ Phật lực, rốt cuộc trở thành kết quả “cầu thăng hóa đọa, biến khéo thành vụng”. Vì vậy lời lẽ tựa hồ bàn luận tràn lan, viển vông, hủ bại. Dẫu có ai vì điều này mà quở trách, cũng chỉ thừa A-di-đà Phật, A-di-đà Phật mà thôi!

9. Lời tựa cho bộ Tịnh Độ Thập Yếu

(Năm Dân Quốc 19 - 1930)

Hết thấy các pháp môn do đức Như Lai đã nói trong suốt cả một đời tuy là Đại, Tiểu, Đốn, Tạm bất đồng, Quyền, Thật, Thiên, Viên sai khác, nhưng không pháp nào chẳng nhằm khiến cho hết thấy chúng sanh đều theo đường về nhà, khôi phục tâm tánh mà thôi! Nhưng những pháp ấy đều cần tự lực tu trì để đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử, hoàn toàn không được một sức nào khác nhiếp trì hòng chắc chắn được siêu phàm nhập thánh, thành tựu sở nguyện ngay trong đời này. Chỉ có pháp môn Tịnh độ cậy vào sức thế nguyện, nhiếp thọ của Phật và lòng thành tín nguyện niệm Phật của chính mình, bất luận đã chứng ngộ hay không; thậm chí kẻ chưa đoạn mảy may phiền hoặc nào vẫn đều có thể cậy vào Phật từ lực liền được vãng sanh Tây Phương ngay trong đời này. Đã được vãng sanh, nếu là người đã chứng ngộ liền lên thẳng thượng phẩm, kẻ chưa đoạn hoặc vẫn dự vào dòng thánh.

Do vậy biết pháp môn Tịnh độ rộng lớn không có gì ra ngoài được, như trời che khắp, đường đất chở đều, thống nhiếp các căn cơ trọn chẳng sót vật nào. Thật có thể nói là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thích hợp khắp ba căn, thâm trọn lợi căn và độn căn. Trên là bậc Đẳng giác Bồ-tát chẳng thể vượt ra ngoài được, dưới là phàm phu nghịch ác vẫn có thể dự vào trong đó. Thỏa thích bản hoài xuất

thế của đức Như Lai, mở ra con đường chánh để chúng sanh trở về nguồn. Vì thế pháp này được chín giới cùng quay về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói.

Huống chi đang nhằm thời mạt pháp, căn cơ con người kém hèn, bỏ pháp này tu pháp khác thì chẳng những hàng phàm phu bọn bề phiến não chẳng có cách nào thoát ly sanh tử, mà ngay cả bậc thánh nhân Thập địa cũng khó viên mãn Bồ-đề! Vì vậy Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Viễn công, Trí Giả, Thanh Lương, Vĩnh Minh đều phát tâm Kim Cang hoằng truyền, tán dương, ngõ hầu lục đạo, tam thừa đều được vượt ngang ra khỏi tam giới, khôi phục lại tâm tánh vốn có. Trước thuật tại Thiên Trúc và Chấn Đán (Trung Hoa) để tuyên giảng pháp môn này nhiều khó thể kể xiết. Đại sư Ngẫu Ích chọn lấy chín tác phẩm khế hợp thời cơ nhất và bộ Di-đà Yếu Giải do chính mình trước tác, gộp thành một bộ sách đặt tên là Tịnh Độ Thập Yếu, muốn cho người học nhờ xem những tác phẩm này sẽ hiểu trọn vẹn chỗ trọng yếu trong sự độ sanh của đức Như Lai và nguyên do pháp này thống nhiếp khắp hết thảy các pháp.

Đại sư mất rồi, môn nhân là Thành Thời muốn tác phẩm này được lưu truyền trọn khắp pháp giới, nhưng sợ văn từ dài dòng, số lượng quyển quá lớn, chi phí lớn lao, khó thể lưu truyền rộng khắp được, bèn tóm lược câu chữ, đối với mỗi tác phẩm chỉ trình bày đại lược những ý chánh quan trọng, thêm vào những điều bình luận, quả thật hết sức lao tâm khổ tứ! Tiếc rằng sự ý mình trí có thể chiếu soi trọn vẹn, đọc đến đâu, trích lược đến đây, chẳng bỏ công tra duyệt lại, cứ cho khắc in ngay, đến nỗi lời văn nhiều chỗ mù mờ, lại thêm giọng điệu sai lầm, lời lẽ chẳng đạt ý vậy.

Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), cư sĩ Từ Úy Như đến thăm Quang; do ông ta lo liệu việc khắc in Tạng kinh, tôi bèn cậy ông ta sưu tập, khắc in bản gốc của bộ Tịnh Độ Thập Yếu. Sau đây ông ta bèn khắc in hai tác phẩm là Di-đà Yếu Giải và luận Tây Phương Hiếp. Nay đã có được nguyên bản đầy đủ, cư sĩ Lý Viên Tịnh tính tái bản theo đúng như hình thức sách Tịnh Độ Thập Yếu đã được in trước kia: Phàm mỗi một lời bình luận do sư Thành Thời đã viết đều chiếu theo đó sao lục, chỉ bổ sung những chỗ sư Thành Thời khiếm khuyết, hòng chẳng diệt mất sự cực trí của sư Thành Thời, soạn thành bốn quyển. Do những chỗ trích lược khác nhau bao nhiêu đó chỗ, cho nên phải sắp xếp lại thứ tự từng quyển. Trước kia Tây Trai Thi, Niệm Phật Trục Chi thứ tự trước sau bị đảo lộn, nay sắp xếp lại cho thích đáng; cuối mỗi

quyển đều kèm theo những bài văn quan trọng và những đoạn trích từ Triệt Ngô Ngũ Lục. Lại còn đem Vãng Sanh Luận Chú và Liên Hoa Thế Giới Thi gộp thành một quyển để làm phụ bản, tổng cộng là năm quyển, thấy đều phù hợp với lời văn, ý nghĩa và tông chỉ của sách Thập Yếu, hoàn toàn chẳng khác biệt. Giống như những hạt châu nơi cái lưới của Thiên Đế soi bóng lẫn nhau, khiến cho những người đọc biết sâu xa pháp môn Tịnh độ chính là chỗ quy túc của hết thảy các pháp. Hết thảy các pháp, không pháp nào chẳng lưu lộ từ pháp giới này, chẳng trở về pháp giới này.

10. Lời tựa sách Niệm Phật Tam-muội Bảo Vương Luận Sớ

(Năm Dân Quốc 19 - 1930)

Pháp sư Triệu¹⁰⁰ nói: “Trong trời đất, giữa vũ trụ, có một vật báu giấu kín trong núi hình.” Lời này nói về kẻ chưa ngộ chưa chứng, chứ thật ra vật báu ấy bao quát thái hư, cùng tốt theo chiều dọc, tròn khắp theo chiều ngang, hằng cổ hằng kim, luôn luôn hiển lộ. Đây chính là như câu nói: “*Thời thời thị thời nhân, thời nhân tự bất thức*” (Luôn luôn chỉ dạy cho người, mà người vẫn cứ chẳng hề biết cho), chẳng đáng buồn sao? Chỉ có mình đức Thích-ca Thế Tôn ta đích thân thụ dụng được, những chúng sanh khác trải kiếp này sang kiếp khác dựa vào sức oai thần của vật báu ấy để khởi hoặc tạo nghiệp, luân hồi sáu nẻo, tròn chẳng có thuở ra. Ví như kẻ mù đích thân lên núi báu, chẳng những không thụ dụng được, trái lại còn bị thương!

Do vậy, đức Thế Tôn tùy thuận cơ nghi mà khai thị, khiến cho bọn họ ai nấy đều theo đường trở về nhà, nơi sáu căn, sáu trần, sáu thức, bảy đại, tùy theo từng hoàn cảnh mà quán sát kỹ càng mong họ đích thân thấy được vật báu ấy. Nhưng bậc có

¹⁰⁰ Pháp sư Triệu chính là ngài Tăng Triệu (384-414), môn nhân nổi tiếng nhất của đại sư Cưu-ma-la-thập. Sư là con nhà nghèo, phải chép sách thuê để kiếm sống. Do vậy, thông hiểu kinh sử rất sâu. Thoạt đầu, sư hâm mộ thuyết Lão Trang, sau do đọc kinh Duy-ma-cật bèn cảm ngộ, đi xuất gia. Ngài thông hiểu kinh Phương Đẳng, thanh danh lẫy lừng miền Bắc Trung Hoa. Nghe pháp sư Cưu-ma-la-thập đến đất Lương, bèn xin theo học, được ngài Cưu-ma-la-thập khen là bậc kỳ tài. Đến khi Diêu Tần diệt nhà Lương, sư bèn theo ngài La-thập sang Trường An. Tuân sắc lệnh của Diêu Hưng, Tăng Triệu cùng với Tăng Duệ lo phù tá ngài La-thập phiên dịch kinh điển. Do vậy giải ngộ càng sâu, được tôn xưng là bậc Giải Không Đệ Nhất. Năm Hoàng Thi thứ sáu (404), khi ngài La-thập dịch xong bộ Đại Phẩm Bát-nhã, sư soạn cuốn luận Bát-nhã Vô Tri trình lên, được hai vị La-thập và Huệ Viễn nồng nhiệt tán thán. Sau đó sư còn soạn luận Phá Không, luận Vật Bất Thiên, luận Niết-bàn Vô Danh, Chú Duy-ma-cật Kinh v.v.. Tiếc là sư mất rất sớm, chỉ thọ được 31 tuổi. Những bài luận của sư được thu thập thành cuốn Triệu Luận.

đủ trí chiếu bát-nhã liền lập tức rỗng không các uẩn, hết sạch mọi khổ ách, tuy có nhiều vị làm được như vậy, nhưng đây chẳng phải là điều bọn chúng sanh độn căn đòi mạt mà hồng mong mỗi được. Bởi vậy, đức Phật mở ra một pháp môn đặc biệt ngộ hầu thượng trung hạ căn đều đạt được lợi ích thật sự ngay trong đời này, dạy họ dùng lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha chuyên niệm thánh hiệu A-di-đà Phật, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, lâu ngày chầy tháng, chính cái tâm nghiệp thức chúng sanh này sẽ trở thành Như Lai bí mật tạng, tức là do báu tam-muội chứng được báu thật tướng, mới biết vật báu này trọn khắp pháp giới, lại đem vật báu này thí khắp hết thảy.

Do vậy, từ khi đức Phật mở ra pháp môn này, hết thảy Bồ-tát, tổ sư, thiện tri thức thảy đều tuân hành pháp này do pháp này trọn đủ tự lực và tha lực, so với những pháp chuyên cậy vào tự lực thì khó dễ khác nào một trời một vực. Pháp sư Phi Tích đời Đường trụ tích¹⁰¹ tại chùa Thảo Đường núi Tử Các trong rừng Chung Nam, hoằng dương giáo hóa rộng lớn pháp môn Tịnh độ, đặc biệt soạn ra bộ luận Niệm Phật Tam-muội Bảo Vương để hết thảy tứ chúng niệm trọn vẹn ba đời Phật, nhưng chuyên chú nơi Tây Phương A-di-đà Phật. Do nếu chẳng niệm chư Phật vị lai sẽ chẳng thể phát tâm đại Bồ-đề, chiết phục tràng ngao mạn, trong hết thảy cảnh vẫn còn có tình kiến phàm thánh, làm sao lìa trọn vẹn bốn tướng, triệt chứng nhất chân cho được? Nếu thấy hết thảy chúng sanh đều là Phật thì tâm sẽ tự chẳng còn có tình kiến phàm thánh để được nữa, nên mới rút ráo đoạn trừ phiền não, rút ráo viên chứng tự tâm. Nếu chẳng niệm trọn vẹn chư Phật trong quá khứ và hiện tại thì có lẽ cái tâm niệm A-di-đà Phật sẽ bị câu nệ, hạn cuộc, chẳng thể viên mãn, trọn khắp. Vì thế, dạy người niệm Phật “dầu niệm một đức Phật nhưng niệm trọn ba đời chư Phật; tuy niệm trọn hết ba đời chư Phật nhưng ắt phải chuyên dốc sức nơi A-di-đà Phật, ngộ hầu cái tâm niệm Phật theo chiều ngang trọn khắp mười phương, theo chiều dọc tốt cùng ba đời”. Đây chính là cái tâm niệm Phật này và tâm của mười phương ba đời chư Phật không lúc nào chẳng khế hợp nhau.

Bộ luận này ý nghĩa sâu rộng, nếu chẳng chú thích chắc có lẽ người đọc sẽ gặp tạn mạt mà bỏ lỡ, cũng như chưa chắc đã khỏi hiểu lầm lý sự. May mà lão pháp sư Đế Nhàn thuộc tông Thiên Thai chẳng tiếc tinh lực, riêng soạn số giải để dù văn hay

¹⁰¹ Trụ tích: Còn gọi là “quải tích”. Khi một vị pháp sư trụ ở tại nơi đâu thì gọi là trụ tích tại nơi đó. Tích ở đây là tích trượng.

nghĩa đều được sáng tỏ. Lợi ích ấy há diễn tả được ư? Cư sĩ Chí Tịnh tu tịnh nghiệp đã lâu, tâm lợi người tha thiết, phát tâm in năm ngàn bộ để tặng cho các vị tăng tục tu Tịnh độ, xin tôi trình bày đại ý của bộ luận, ngõ hầu người đọc ngay từ đầu đã thấy được chỗ chỉ quy của bộ luận. Do vậy chẳng nài thô lậu, trình bày đại lược những điều ẩn chứa, để người đọc biết pháp môn Tịnh độ là pháp môn vừa cạn vừa sâu, vừa là quyền vừa là thật. Hết thấy pháp môn, hà sa diệu nghĩa, không pháp nào chẳng từ pháp giới này lưu lộ, không pháp nào chẳng trở về pháp giới này, do pháp này chính là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Nếu thấy lời này chẳng thích đáng, xin hãy chất vấn Phổ Hiền Bồ-tát là vị đã khuyên phát mười đại nguyện vương, hướng dẫn về Cực Lạc!

11. Lời tựa cho bộ Di-đà Thánh Điển

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Một pháp niệm Phật chính là tổng trì lời Phật dạy, nhưng có người chuyên niệm tự Phật, có người chuyên niệm tha Phật, hoặc niệm tự Phật lẫn tha Phật bất đồng. Kẻ chuyên niệm tự Phật là như tham cứu sâu xa đến cùng tận thật tướng trong các kinh để mong ngộ chứng, dùng trí chiếu bát-nhã để thấu hiểu trọn vẹn đương thể của hết thấy các pháp ngũ âm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, thất đại v.v. toàn là không, đích thân thấy được tánh chân như màu nhiệm vốn sẵn có, hoặc như Thiền tông khán những câu thoại đầu như “người niệm Phật là ai?” v.v. để mong đích thân thấy được “bản lai diện mục trước khi được cha mẹ sanh ra”. Trong bốn loại niệm Phật, cách này được gọi là thật tướng niệm Phật.

Chuyên niệm tha Phật thì có ba cách niệm:

1. Một là quán tướng, nghĩa là dựa theo kinh Thập Lục Quán để quán, hoặc chuyên quán tướng bạch hào¹⁰², hoặc chỉ quán thân Phật một tượng sáu, hay thân tám thước, hoặc quán pháp thân rộng lớn và quán trọn vẹn mười sáu phép quán.

¹⁰² Tướng bạch hào (ūrṇa-laksana): Đôi khi còn dịch là hào tướng, hào mi, tướng bạch mao, tướng mi gian bạch hào, tướng bạch hào trang nghiêm, tướng mi gian bạch hào nhuần bạch đầu-la-miên v.v., là một trong 32 tướng của đức Như Lai. Đây chính là một sợi lông trắng trong ngần, sáng ngời như ngọc lưu ly, thường tỏa quang minh, nằm giữa hai chân mày, cuộn tròn lại, quấn quanh theo chiều bên phải, nếu kéo dài ra sẽ dài đến một tấc (tấc là đơn vị đo lường thời cổ, có chiều dài bằng khoảng cách giữa hai cánh tay giang thẳng ra hai bên). Theo kinh Vô Thượng Y, quyền

2. Hai là quán tượng, tức là đối trước hình tượng Phật, tướng tướng hảo, quang minh của Phật v.v..

3. Ba là trì danh, tức là nhất tâm xưng niệm thánh hiệu A-di-đà Phật.

Ba cách niệm Phật này tuy cách thức khác nhau, nhưng đều cần phải có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì mới cảm ứng đạo giao cùng đức Phật được, mới có thể chắc chắn trong đời này lìa khỏi cõi Sa-bà này, sanh sang cõi Cực Lạc kia.

Trong bốn thứ niệm Phật này, chỉ có thật tướng niệm Phật là dễ lý sâu xa nhất, nhưng chẳng dễ gì tu được! Do cây vào giới định tuệ và sức tham cứu, quán chiếu, soi xét của chính mình, chứ không có tha lực nào khác phụ trợ, nếu chẳng phải là hạng túc căn chín muồi thì ngộ còn chưa dễ gì đạt được, huống là thật chứng! Chỉ có trì danh niệm Phật, thực hiện dễ dàng nhất, thành công nhanh nhất. Nếu có thể nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm liên tục ắt sẽ đích thân chứng được niệm Phật tam-muội ngay trong đời này, lâm chung chắc chắn vắng sanh thượng phẩm. Dẫu căn cơ hèn kém, chưa chứng được tam-muội, chỉ dùng lòng tin chân thành trì danh hiệu Phật như con nhớ mẹ, luôn luôn chẳng gián đoạn, đến khi lâm chung cảm ứng đạo giao, nương theo Phật từ lực mang nghiệp vắng sanh. Chúng sanh đời mạt chỉ có pháp này để nhờ cậy. Nếu không, chỉ gieo được cái nhân cho đời sau, khó được lợi ích thật sự.

Nếu có thể chí tâm trì niệm, niệm đến khi “toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm, không niệm mà niệm, niệm mà không niệm, tâm lẫn Phật cùng tỏ rạng, lại cùng mất hẳn” thì diệu lý thật tướng sẽ hiện rõ rành rành, y báo chánh báo cõi Tây Phương triệt để hiện trọn vẹn. Tuy trì danh nhưng đạt thật tướng sâu xa, chẳng quán tưởng mà đích thân thấy được Tây Phương. Pháp trì danh nhiếp thọ căn cơ phổ biến nhất, được lợi ích sâu xa nhất, lợi lạc nhất cho kẻ độn căn trong đời mạt pháp, thỏa thích lớn lao bản hoài xuất thế của Như Lai. Vì thế từ xưa hàng tri thức phân nhiều đều chuyên chú nơi một môn trì danh. Đây là nói đại lược về cách niệm tha Phật vậy.

hạ, tướng này do lúc tu nhân Phật thường tán thán mỗi khi thấy có chúng sanh nào tu tập giới - định - tuệ. Theo kinh Quán Phật Tam-muội Hải thì quang minh tỏa ra từ tướng bạch hào có công năng trừ được tội lỗi trong trăm ức na-do-tha hằng sa kiếp sanh tử, nên là tướng thù thắng nhất trong vô lượng tướng của đức Phật.

Còn như niệm tự Phật lẫn tha Phật thường được gọi là Thiền Tịnh song tu, có người chuyên khấn câu “người niệm Phật là ai?” để mong mình tâm kiến tánh, chẳng chú trọng tín nguyện cầu sanh. Tuy tự hồ Thiền Tịnh song tu, nhưng thật ra là “có Thiền, chẳng có Tịnh”. Đã không có tín nguyện thì sẽ không có cách nào cậy vào Phật lực để mang nghiệp vãng sanh được. Nếu chưa đạt đến địa vị nghiệp tận tình không, vẫn chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử. Do vậy biết, Thiền Tịnh song tu chỉ hạng người có đầy đủ tín nguyện sâu xa mới có thể được lợi ích. Nếu không, đương nhiên chẳng bằng chuyên dốc sức nơi một môn trì danh hiệu Phật. Pháp môn Tịnh độ thật là pháp môn đặc biệt khế lý khế cơ trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai. Vì thế vãng thánh tiền hiền ai nấy đều hướng về, ngàn kinh muôn luận đâu đâu cũng chỉ bảo hướng về.

Ông X... ở Đông Doanh (Nhật Bản), trích lục những nghĩa lý xiển dương pháp niệm Phật từ các kinh luận, soạn thành bộ Di-đà Thuyết Lâm, nội dung phân thành mười môn, diễn giảng thông suốt nhất hạnh¹⁰³, đáng là một bộ sách trợ giúp cho việc tu tịnh nghiệp. Cư sĩ Phạm Cổ Nông đích thân giáo chánh, tra cứu, đổi tên thành A-di-đà Phật Thánh Điển nhằm tỏ rõ ý nghĩa tôn sùng; nhưng những phần trích lục hoàn toàn chẳng nêu rõ nguồn gốc, đợi khi nào có thời gian rảnh rỗi, cư sĩ sẽ dựa theo kinh mà phân định tường tận để hết thảy mọi người biết một pháp niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là đạo để hết thảy thượng thánh hạ phàm cùng tu, ngõ hầu chẳng đến nỗi phạm những lỗi như sanh lòng tự phụ “ta là bậc thượng căn”, chẳng chịu tu trì; hoặc tự hạ thấp “ta là hạ căn chẳng thể tu trì được”. Thợ sắp chữ gần xong, cây Quang viết lời tựa, bèn ước theo những điều mình biết để giải bày. Nên biết rằng, một pháp niệm Phật chính là pháp môn tổng trì thành tựu thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Nếu chẳng tin tưởng được, xin hãy chất vấn Phổ Hiền Bồ-tát!

12. Lời tựa sách Tịnh Độ Tập Yếu

(Năm Dân Quốc 17 - 1928)

Thuốc không quý hèn, thuốc nào trị được bệnh thì thuốc ấy là thuốc hay; pháp chẳng cạn sâu, pháp nào hợp căn cơ sẽ là pháp mau nhiệm. Đang thời mạt pháp, căn

¹⁰³ Nhất hạnh: Có nghĩa là chuyên chú nơi một sự, là một từ ngữ đặc biệt chỉ hạnh niệm Phật. Do vậy, niệm Phật tam-muội còn gọi là nhất hạnh tam-muội.

cơ con người kém hèn, nếu chẳng nương vào hoàng thế nguyện lực của đức Như Lai, ai có thể đoạn phiền hoặc để thoát sanh tử, thấy được bản tánh, chứng vô sanh? Ví như bệnh đã lâm vào tạng phủ, tuy bệnh tình hòa hoãn vẫn không thể làm gì được, nhưng nếu chịu uống thuốc a-già-đà trị chung vạn bệnh này, thì chuyện “đoạn phiền hoặc để thoát sanh tử, thấy được bản tánh, chứng Vô sanh” vừa nói trên đây ai nấy đều đích thân chứng được, hoàn toàn chẳng khó khăn gì. Vì sao vậy? Do người ấy dùng lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, lâm chung chắc chắn sẽ được Phật tiếp dẫn, liền được vãng sanh. Đã được vãng sanh, thân cận Phật Di-đà dài lâu, theo gót hải chúng, còn có thể viên mãn Bồ-đề, triệt chứng Niết-bàn rốt ráo, huống là những chuyện “đoạn phiền hoặc để thoát sanh tử, thấy được bản tánh, chứng Vô sanh” vừa mới nói đó ư? Do vậy biết rằng, trong thời tiết¹⁰⁴ này chỉ có một pháp này thích hợp căn cơ nhất, nếu bỏ pháp môn cây vào Phật lực này để tu những pháp môn tự lực khác, đừng nói hạng trung hạ căn không cách chi mong mỏi, dầu là thượng căn chắc chắn cũng khó lòng thành tựu ngay trong một đời được, phần nhiều chỉ gieo nhân cho đời sau, khó được lợi ích thật sự. Vì thế, hàng tri thức xưa nay cực lực hoằng dương pháp này để mong trên báo ơn Phật, dưới độ những người cùng hàng.

Các ông Phan Huệ Thuần và Thiệu Huệ Viên ở Lưu Dương (thuộc tỉnh Hồ Nam) dốc lòng tin tưởng Phật pháp, xem xét thời tiết, căn cơ, do vậy bèn tập hợp những ý nghĩa trọng yếu đề xướng Tịnh độ xưa nay, tạo thành một cuốn sách, chia làm ba thiên. Thiên đầu là tập hợp sao lục, biên tập những lời dạy từ tướng lược rộng dài của đức Phật, hơi tóm gọn một chút, để làm bậc thang nhập môn đầu tiên cho hàng sơ cơ. Thiên giữa gồm những phần trích lục những lời khai thị thiết yếu nhất, viên đốn nhất trích từ sách Long Thư Tịnh Độ Văn, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ-tát, và ngữ lục của các đại sư Thiệt Đạo, Vĩnh Minh, Ưu Đàm, Thiên Như¹⁰⁵, Liên Trì, Hám

¹⁰⁴ Xin đừng hiểu lầm chữ “thời tiết” ở đây là weather, mà có nghĩa là thời thế, đúng dịp, đúng lúc nhân duyên chín muồi, các duyên hội đủ, như trong thành ngữ “nhân duyên thời tiết” thường được dùng trong kinh sách.

¹⁰⁵ Thiên Như Duy Tắc (không rõ năm sanh -1354), là một vị cao tăng thuộc tông Lâm Tế sống vào thời Nguyên, xuống tóc từ nhỏ tại Hòa Sơn, về sau qua Thiên Mục, đắc pháp với ngài Trung Phong Minh Bồn, được nối pháp của ngài Trung Phong. Sư cực lực hoằng dương Thiên tông nhưng chuyên tu tịnh nghiệp, được vua ban danh hiệu Phật Tâm Phổ Tế Văn Huệ Đại Biện Thiên Sư. Sư chú thích kinh Lăng-nghiêm đồng thời tổng hợp chín tác phẩm chú giải đã có từ thời Đường và Tống, tạo thành bộ Lăng-nghiêm Kinh Hội Giải 20 quyển, lại soạn bộ Lăng-nghiêm Kinh Viên Thông Sớ 10 quyển. Để xiển minh giáo nghĩa Tịnh độ, sư soạn bộ Tịnh Độ Hoặc Văn nhằm phá

Sơn, Ngẫu Ích, Triệt Lưu, Tĩnh Am, Triệt Ngộ, và gần đây nhất là cư sĩ Bành Nhị Lâm, ngõ hầu người đọc từ cạn tiến đến sâu, lãnh ngộ đại lược chỉ thú của pháp môn Tịnh độ. Thiên cuối cùng tập hợp những ghi chép về nghi thức niệm Phật, những kinh chú Tịnh độ trong khóa tụng hằng ngày và các bài văn hồi hướng để dùng làm nghi thức cho khóa tụng sáng tối. Cuối cùng là phần phụ lục về nhân duyên ứng hóa của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ-tát và Đa-đa-ha Bồ-tát để nêu bật pháp môn Tịnh độ khế hợp thời cơ sâu xa. Họ tính ấn hành lưu thông để biếu những ai có cùng chí hướng trong khắp cõi xem đọc, do vậy bèn đặt tựa đề là Tịnh Độ Tập Yếu, và lược thuật nguyên do của pháp môn Tịnh độ ngõ hầu người đọc lẫn người nghe đều cùng sanh chánh tín, cùng tu tịnh nghiệp, để có thể cùng sanh về Tịnh độ, cùng chứng Vô sanh, để rồi cùng thành Chánh giác.

13. Lời tựa cho bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thông Kỳ

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Lịch sử tường thuật những chuyện thanh bình hay loạn lạc, hiền hay ngu xưa nay, *cảm ứng* là những chứng nghiệm về sự được mất, tốt xấu xưa nay. Lịch sử nhiều quá, ai có thể đọc trọn khắp từng chuyện cho được! Vì thế đặc biệt chọn lấy những sự tích cảm ứng rõ ràng nhất ghi lại hết để công hiến cho những người cùng hàng, hòng làm tấm gương “cách vật, trí tri, thành tâm, chánh ý, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, ngõ hầu tâm hợp với đạo, tâm hợp với Phật, thiên hạ sẽ thái bình, nhân dân sẽ yên vui. Phải biết, nói đến cảm ứng chính là nói đến nhân quả vậy, tu nhân như thế nào sẽ được quả như thế ấy, như trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu. Nếu muốn tránh khỏi quả ác, ắt phải tu nhân lành; nếu tạo nhân ác, quyết khó thể được quả thiện. Tôi thường nói: “Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh.”

Nếu không có nhân quả, thiện sẽ không có gì để khuyến, ác không có gì để phạt, há còn bàn đến chuyện “làm sáng tỏ minh đức để đạt đến chí thiện, đoạn phiền hoặc, chứng Bồ-đề” nữa ư? Do những ai biết có nhân quả ắt sẽ hướng lành lánh dữ, sửa lỗi hướng thiện, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ lòng ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, ngõ hầu được dự vào bậc thánh, mong lên được

trừ những nghi vấn về Tịnh độ, sách tán người học tu tập tịnh nghiệp. Ngoài ra sư còn để lại những tác phẩm như Ngũ Lục, Thập Phương Giới Đồ Thuyết v.v..

cõi Cực Lạc. Bậc thượng bèn yên vui mà làm, bậc trung bèn vì lợi mà làm, bậc hạ bèn miễn cưỡng làm, đều cùng trừ khử được vật dục để tỏ lộ lương tri, thoát đường mê, lên bờ giác. Do vậy biết thánh hiền, Phật Bồ-tát tham dự, giúp đỡ cho đạo sanh thành, dưỡng dục, xét từ cội nguồn đến kết thúc chẳng ngoài hai chữ “nhân quả”, đây là căn cứ lớn lao khiến cho thiên hạ xưa nay thanh bình hay loạn lạc, vững vàng hay nguy ngập và để được yên thân, giác ngộ cõi đời, siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử. Nếu muốn vẫn hồi thế đạo lòng người mà bỏ đi việc đề xướng nhân quả báo ứng thì dẫu cho người ấy học thức, đạo đức, thần thông, trí tuệ ngang bằng thánh hiền, Phật Bồ-tát vẫn chẳng làm gì được, huống là những kẻ kém cỏi hơn ư?

Người đời thường tưởng nhân quả diệt mất không dấu vết, thường hay coi thường, chẳng chịu suy xét sâu xa. Đối với những thứ nhân quả rõ ràng dễ thấy, có thể có những thứ nhân quả khác xen lẫn vào khiến cho khó thấy được sự báo ứng; phàm phu mắt thịt chẳng biết nguyên do, bèn bảo “thiện ác đều rỗng không, chẳng có nhân quả”. Do vậy cấy vào thiên kiến của chính mình cho là đích xác không lầm lẫn, coi lời của thánh hiền, Phật Bồ-tát đều là hoang đường, vô căn cứ, chẳng đáng noi theo. Từ đây phô phang tà kiến của chính mình, làm lạc khoe khoang là bậc thông gia, lập ra những nghị luận tự làm làm người. Do một đồn thành nhiều, biến đổi tận gốc càng thêm tệ hại, đến nỗi ào ạt biến thành những thảm kịch “phế kinh điển, phế luân thường, bỏ lòng hiếu, mặc kệ lòng hổ thẹn, tranh thành, đoạt đất, tàn sát lẫn nhau” mỗi mỗi đều diễn ra, đến nỗi thiên tai nhân họa giáng xuống hằng ngày, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Xét đến cội nguồn, nói chung là do chẳng biết nhân quả báo ứng mà ra!

Năm Dân Quốc 13 (1924), vùng Giang - Chiết đánh nhau, cư sĩ Ngụy Mai Tôn tản cư sang Thượng Hải, nghĩ cách muốn dứt sát kiếp để chấm dứt họa loạn cho tương lai. Tôi khuyên ông ta nên đọc khắp 24 bộ sử, chọn lấy những chuyện nhân quả báo ứng rõ ràng nhất, chép thành một bộ sách để làm gương răn mình cho các giới trong thiên hạ đời sau. Ông Mai Tôn rất hoan hỷ, từng nhiều lần thương lượng biện pháp, nhưng vì tuổi già, tinh thần chẳng đủ, lại không có sức thỉnh người khác chịu nhọc nhằn thay cho chính mình nên đành buồn bã bỏ dở giữa chừng. May sao tháng 9 năm Dân Quốc thứ 16 (1927), cư sĩ Nhiếp Vân Đài thỉnh được cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh biên tập, vâng lệnh của thái phu nhân cung cấp chi dụng. Đến tháng 8 năm nay hoàn thành bản thảo, gặp đúng dịp ông Nhiếp Vân Đài dưỡng bệnh tại Lô Sơn, tôi bèn vượt quyền tiếm phận, lo toan những chuyện trình bày, ấn hành v.v.. Do thỏa

lòng mong mỏi của tôi, ông Nhiếp Vân Đài bèn vui vẻ giao định và gom góp tiền bạc để khắc in rộng rãi. Lần đầu in hai vạn bộ, nay lại dùng loại giấy in báo, in một bản với kiểu chữ Tứ Hiệu Tự¹⁰⁶ để mong cho giới thanh niên học sinh đều mua đọc được. Hai loại sách này mỗi thứ đều cho đánh máy thành ba bản, tận hết sức chắc cũng in được mấy chục vạn bộ, khiến cho người đời đều biết nhân quả báo ứng rõ ràng chẳng sai. Do vậy sẽ giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, ngõ hầu thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui sẽ trở thành sự thật, chứ không phải chỉ là niềm hy vọng suông.

14. Lời tựa sách Cẩm Ứng Thiên Trục Giảng

(Năm Dân Quốc 17 - 1928)

Con người tánh vốn lành, do đời cảnh chạm duyên nhưng chẳng ra sức kiểm điểm xem xét, cho nên khởi lên các chấp trước tốt xấu, đủ mọi thứ tình kiến khiến bản tánh bị mai một, đều luôn là như thế. Do vậy, những vị thánh nhân thời cổ vị nào cũng để lại ngôn giáo, mong cho con người hành theo để trở lại thuần thiện như thuở ban đầu. Những lời dạy ấy tuy nhiều, nhưng chẳng ngoài “cách vật trí tri, làm sáng tỏ minh đức, ở yên nơi sự tốt lành tốt cùng” mà thôi.

Trong chữ “cách vật” vừa nói đó, “cách” (格) giống như “cách đấu” (格鬪: trừ khử, chiến đấu), giống như một người chống lại muôn người; “vật” (物) là phiền não, vọng tưởng, mà cũng là cái được gọi là “nhân dục” (lòng ham muốn của con người) trong cõi đời. Chiến đấu với lòng nhân dục vọng tưởng phiền não, ắt một phen phải đầy đủ ý chí chẳng khiếm nhược thì mới có hiệu quả thật sự. Nếu không, tâm bị chuyển theo vật, làm sao trừ khử vật cho được? “Trí” (致) có nghĩa là thúc đẩy, mở rộng đến cùng cực. “Tri” (知) chính là lương tri “yêu thương cha mẹ, kính trọng anh” sẵn có của chúng ta, chứ không phải do dạy dỗ, do học hành rồi mới có. Nhưng thường nhân trong xử sự thường ngày, nếu chẳng phản tỉnh, soi xét, kiểm điểm thì từ đây sẽ bị vật chuyển, chắc là lương tri “yêu thương cha mẹ, kính trọng anh” ấy cũng bị mất đi, còn mong chi thúc đẩy lương tri ấy đến cùng cực để đối phó khắp vạn sự, hàm dưỡng tự tâm nữa ư? Do vậy, thánh nhân muốn con người làm sáng tỏ minh đức, ở yên nơi chỗ tốt lành tốt cùng, bèn dạy con người chỗ thực hiện

¹⁰⁶ Một kiểu chữ cỡ lớn vừa phải, tương đương với font chữ size 24 trong Microsoft Word.

đầu tiên chính là trước hết phải khởi sự từ cách vật trí tri. Công phu vừa nói ấy màu nhiệm không chi hơn được!

Nhưng muốn cho thường nhân y theo đó tu trì, phải có khuôn phép đã hoàn chỉnh thì mới dễ được lợi ích. Ngũ Kinh, Tứ Thư đều là những khuôn phép đã hoàn chỉnh, nhưng do lời lẽ mênh mông, lại còn rải rác trong các sách, chẳng được tập hợp lại chia theo từng loại, hơi khó để bắt chước theo. Kẻ chưa đọc nhiều sách càng chẳng thể nhờ vào đâu để vâng theo những khuôn mẫu ấy. Thái Thượng Cảm Ứng Thiên tóm tắt những lý lẽ tốt cùng “thuận theo chánh đạo thì tốt lành, trái nghịch thì xấu, phước thiện họa dâm”, thốt ra lời nghị luận rung trời rúng đất, mắt nhìn vào, tâm kinh hãi: “Thế nào là thiện? Thế nào là ác? Kẻ làm lành sẽ đắc thiện báo nào? Kẻ làm ác sẽ mắc ác báo nào?” đều thấy rõ cội nguồn sáng tỏ như xem ngọn lửa; nhưng kẻ ngu chẳng chịu làm lành, cứ mặc tình làm ác! Ấy là vì cái tâm tự tư lợi xui khiến như thế. Nay biết, kẻ tự tư lợi dâm ra sẽ đánh mất lợi ích lớn lao, mắc họa ương lớn lao, há dám chẳng gắng sức lương thiện để mong họa diệt, phước nhóm ư? Do vậy bèn nói rằng, sách này tạo lợi ích cho con người cũng sâu xa lắm. Vì thế, bậc đại Nho thời cổ phần nhiều đều ngâm tu tập theo sách này.

Đời Thanh, ông Bành Ngưng Chỉ ở Trường Châu phụng hành sách này từ bé, đến lúc vinh hiển đậu kỳ thi đình, đạt đến địa vị thượng thư rồi mà vẫn hằng ngày đọc sách này, lại còn đem tặng người khác, ghi tựa đề là Nguyên Tể Tắt Độc Thư (sách phải đọc của trạng nguyên, tể tướng). Lại còn giải thích rằng: “Chẳng có nghĩa là đọc sách này liền có thể làm trạng nguyên, tể tướng, mà nghĩa là trạng nguyên, tể tướng nhất quyết không thể không đọc sách này!” Sự nêu tỏ ý nghĩa ấy có thể nói là thấu triệt đến tột bậc! Nhưng “người nhân thấy là nhân, kẻ trí thấy là trí”, đều tùy theo tánh chất của từng người. Sách này luận đến tột cùng thì chỉ có thể thành tiên. Nếu dùng tâm đại Bồ-đề để thực hành sẽ có thể siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, đoạn tam hoặc, chứng pháp thân, viên mãn phước tuệ, thành tựu Phật đạo; huống hồ cứ khẳng khẳng nơi những quả báo nhỏ nhoi trong cõi trời người như thành tiên ư?

Sách này được chú giải rất nhiều, chỉ có bản Tiên Chú của Nguyên Hòa Huệ Đông¹⁰⁷ đời Thanh tinh xác, sâu xa, rộng rãi, thông suốt nhất, tiếc rằng nếu chẳng

¹⁰⁷ Huệ Đông (1697-1758), tự Định Vũ, hiệu Tùng Nhai, là một nhà kinh học gia (chuyên gia nghiên cứu kinh truyện) đời Thanh, người huyện Nguyên Hòa (nay là Ngô Huyện, Tô Châu), tỉnh

phải là hạng học rộng sẽ không thể đọc nổi. Kể đến là bộ Vựng Biên quả thật là bản hay nhất để người nhả, kẻ tục đều cùng xem được, nhưng đàn bà, trẻ nít không thông thạo chữ nghĩa lắm thì vẫn khó thể lãnh hội được. Chỉ có mỗi một cuốn Trục Giảng là có thể lợi ích trọn khắp, lời văn tuy nông cạn, dễ hiểu, nhưng từ ngữ thật hay đẹp, giản dị nhưng không thô thiển, dễ cảm động con người nhất. Cư sĩ Hương Đào bỏ ra một ngàn đồng ấn hành để lưu thông rộng khắp. Cũng có những người cùng chí hướng đều giúp sức, nguyện cho cuốn sách này được phổ biến trọn khắp vũ trụ, ngõ hầu người người tu thập thiện, nhà nhà tôn sùng hiếu đễ. Biết họa phước chỉ do con người tự chuốc lấy, thiện hay ác đều có báo ứng thì có ai còn chịu làm ác để chuốc họa nữa đây? Phong tục ấy vừa được lưu hành thì điều thiện sẽ có thiện báo: lễ nghĩa, nhân nhượng sẽ hưng thịnh, can qua vĩnh viễn chấm dứt, nhân dân yên vui, thiên hạ thái bình. Nguyện những ai có tài lực hay trí lực hoặc in rộng rãi sách này để lưu truyền, hoặc thuyết pháp để giảng diễn khiến cho những kẻ chưa đánh mất bản tánh sẽ càng thêm thuần chân, kẻ đã mất bản tánh sẽ mau khôi phục cái tánh ban đầu. Hành vi ấy có công đức há thể diễn tả được ư?

15. Lời tựa sách Sức Chung Tân Lương

(Năm Dân Quốc 19 - 1930)

Con người cùng một cái tâm này, tâm cùng một lý này, chúng sanh và Phật chẳng hai, phạm thánh như một. Do Phật rốt ráo ngộ được tâm này nên triệt chúng Niết-bàn, chúng sanh do rốt ráo mê cái tâm này nên luân hồi sanh tử dài lâu. Nghĩ lại từ vô thủy đến nay, bọn chúng sanh ta và đức Thích-ca Thế Tôn cùng là phạm phu, cùng chịu nỗi khổ sanh tử dữ dội. Đức Thế Tôn do tự phát khởi hùng tâm, trọn đủ sức đại hùng mãnh, tu ròng giới định tuệ, nên đoạn trọn vẹn tam hoặc, hai thứ tử (biến dịch và phân đoạn) vĩnh viễn mất, an trụ trong tam đức bí tạng, phổ độ quần sanh thuộc chín giới. Luận về thời kiếp, dù có dùng hết số vi trần trong một cõi nước cũng chẳng thể tính toán được, luận về pháp môn thì cạn hết biển mực vẫn khó chép được.

Giang Tô, nên thường được gọi là Nguyên Hòa Huệ Đổng. Ông nội Huệ Đổng là một nhà nghiên cứu kinh Dịch rất nổi tiếng thời ấy, cha Huệ Đổng cũng là một nhà nghiên cứu cổ thư rất nổi tiếng. Ông chống đối cách giải thích kinh điển theo quan điểm Tống Nho, chủ trương để hiểu cổ thư phải đọc thẳng vào kinh điển, đừng dựa dẫm theo cách giải thích xuyên tạc, thiên kiến của Tống Nho.

Trong thời kiếp ấy, ban sự pháp hóa này, bọn chúng sanh ta há chẳng nghe pháp tu hành, muốn chứng được tâm này trong một đời hay sao? Chỉ vì phiền hoặc sâu dày, không sức nào đoạn trừ được, hễ thọ sanh lần nữa lại bị mê mất. Cũng như do chưa gặp được pháp cây vào Phật từ lực để vãng sanh ngay trong đời này, hoặc do tu pháp này nhưng tự lực mỏng yếu, không người giúp đỡ, hoặc tuy tự lực sung túc nhưng lâm chung bị quyền thuộc lăm cách phá hoại. Do đầy trải cả kiếp dài lâu, luân hồi sanh tử. Dẫu được Phật giáo hóa, vẫn y như cũ uổng mang cái tâm chẳng khác gì tâm Phật, nhưng chẳng thể chứng được quả chân thường giống như đức Phật. Trên đã cô phụ sự giáo hóa của Phật, dưới phụ bạc tánh linh của chính mình. Mỗi phen nghĩ đến, ngũ tạng¹⁰⁸ như lửa đốt.

Nay may được nghe đức Như Lai vì thương xót chúng sanh thuở mạt kiếp không có sức đoạn hoặc, đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh độ để hết thảy dù thánh hay phàm đều cùng trong đời này vãng sanh Tây Phương: kẻ đã đoạn hoặc sẽ cao đăng Bồ xứ, kẻ vẫn còn đầy dẫy phiền não cũng dự vào dòng thánh. Thật là một pháp môn đặc biệt trong suốt cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, thích hợp khắp ba căn, lợi căn lẫn độn căn đều thâm tóm. Trên là bậc Đẳng giác Bồ-tát còn chẳng thể vượt ra ngoài pháp môn này được, dưới là phàm phu ngũ nghịch thập ác cũng có thể dự vào trong số ấy. Vì thế pháp môn này được mười phương cùng khen ngợi, chín giới cùng tuân hành. Huống hồ bọn phàm phu chúng ta bỏ đi pháp này thì lấy đâu để nhờ cậy?

Gần đây đời đã loạn đến cùng cực, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Người có chánh tri kiến đều biết thế giới này là nơi không yên ổn, thế giới Tây Phương Cực Lạc chính là quê nhà ta sẵn có. Do vậy tính kế trở về nhà, cùng tu tịnh nghiệp. Lại sợ khi lâm chung tự lực mỏng yếu, không ai phụ trợ, và bị quyền thuộc vô tri phá hoại chánh niệm đến nỗi vẫn lưu lại trong thế giới này, chẳng được vãng sanh. Do vậy mọi người đề xướng chuyện trợ niệm hồng phụ trợ kẻ lâm chung. Như các hội Phật học ở Thiệu Hưng, Dư Diêu, Vân Nam, Thượng Hải hoặc soạn định chương trình, hoặc xiển dương sự lợi hại, đều nhằm mong sao người mạng chung chắc chắn được sanh về Tây Phương mới thôi. Tâm ấy, chuyện ấy thật đáng khâm phục!

¹⁰⁸ Nguyên văn “ngũ nội”, tức là một danh xưng khác của ngũ tạng, tức tim, gan, lá lách, phổi, thận.

Cư sĩ Lý Viên Tịnh vẫn sợ những chương trình ấy quá giản lược, rất có thể người ta chẳng lưu ý, bèn tuyển chọn những điểm hay nhất của chương trình các nơi và các ngôn luận, lại còn chọn lọc những bài văn nêu rõ lẽ lợi hại lúc lâm chung của xưa nay và những câu chuyện vãng sanh do được trợ niệm gần đây, biên soạn thành bốn thiên. Thiên đầu tiên là Súc Chung Chương Trình (chương trình trợ niệm cho kẻ lâm chung), thiên thứ hai là Súc Chung Ngôn Luận (những bàn luận về việc trợ niệm cho kẻ lâm chung), thiên thứ ba là Dự Tri Lợi Hại (biết sẵn những điều lợi hại), thiên thứ tư là Súc Chung Thật Hiệu (hiệu quả thật sự do trợ niệm lúc lâm chung), đặt tên cho cả tập sách là Súc Chung Tân Lương (những hướng dẫn về việc trợ niệm khi lâm chung), và xin Quang viết lời tựa.

Quang đã ở vào tuổi bảy mươi, học chẳng thành được gì, trộm sợ một hơi thở ra không hít vào được sẽ lại bị luân hồi trong sáu nẻo thì khổ chẳng thể nào tưởng tượng được. Do vậy bèn giấu tung tích, ẩn dật lâu dài, chuyên tu tịnh nghiệp, ngộ hầu chẳng đến nỗi thường luôn khuyên người khác mà ngược lại chính mình chẳng có phần, khiến cho kẻ vô tri do đấy sẽ báng pháp rồi đọa ác đạo. Trước lúc bế quan, nhận được thư của ông ta, lòng khôn ngăn cảm động, bèn nêu đại lược đại ý của pháp môn Tịnh độ và lợi ích của sự trợ niệm, mong sao những người học Phật trong cõi đời ai nấy đều chú ý, ngộ hầu thỏa thích lớn lao bản hoài phổ độ chúng sanh của đức Như Lai cũng như nhằm để làm chín muồi cái nhân thù thắng đã được vun bồi từ nhiều kiếp.

16. Lời tựa bộ Tân Biên Quán Âm Linh Cảm Lục

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Quán Thế Âm Bồ-tát thế nguyện rộng sâu, từ bi rộng lớn, vì thế phân thân trong các cõi nhiều như số vi trần, tùy loại hiện hình, tầm thanh cứu khổ độ thoát chúng sanh, nhưng đối với thế giới Sa-bà, ngài lại càng nghĩ thương xót trọn khắp, tha thiết cứu vớt chẳng sót. Huống chi trong những năm gần đây, nhân dân hằng ngày gặp cảnh hoạn nạn, dù muốn trốn tránh quả thật cũng không có chỗ nào để lánh mình được, mà cũng chẳng có cách nào trốn lánh được, bởi thế đạo nhân tâm gần đây đã bại hoại đến cùng cực. Ngay như đại ân sanh thành, nuôi dạy của cha mẹ, vẫn cứ công khai đề xướng bỏ đi lòng hiếu và coi giết hại cha mẹ là chuyện đại nghĩa diệt thân. Người dân sống trong cõi đời này chẳng đáng thương ư? Do vậy, phàm những ai có chánh tri kiến không ai chẳng nghiên cứu Phật học, tu trì tịnh nghiệp để cầu

thoát lìa đời ác ngũ trước này, mau được dự vào Liên Trì hải hội, ngõ hầu vĩnh viễn lìa mọi sự khổ, chỉ hưởng các sự vui.

Trong thời thế này, Quán Thế Âm Bồ-tát đặc biệt dậy lên lòng đại từ vô duyên, vận lòng đại bi đồng thể, trong đủ mọi khổ nạn, rủ lòng nghĩ nhớ, bảo vệ che chở. Xung hồng danh của ngài gặp dữ sẽ hóa lành, gặp nạn lại trở thành điều may mắn, làm sao kể xiết? Những sự tích Bồ-tát cảm ứng đã được ghi chép thấy rải rác khắp các sách. Những sách chuyên ghi chép thì có bộ Quán Âm Từ Lâm Tập của ngài Hoàng Tán, Quán Âm Trì Nghiệm Ký của ông Chu Khắc Phục¹⁰⁹, Quán Âm Linh Cảm Lục của ông Vu Tịch Âm, Quán Âm Bốn Tích Tụng của ông Hứa Chỉ Tịnh, Quán Âm Linh Nghiệm Ký của ông Nhiếp Vân Đài, đều là những sách do được thấy nghe rồi bèn ghi lại.

Cư sĩ Lý Viên Tịnh lại tổng hợp từ tất cả các sách nói trên soạn thành một tác phẩm, đặt tên là Tân Biên Quán Âm Linh Cảm Lục, có thể gọi là tập hợp tất cả những chuyện linh cảm của đức Quán Âm, là chỗ y cứ cho hết thảy những người tín phụng, trì niệm. Tuy nhiên cần phải biết vì sao đức Quán Âm có thể linh cảm như thế? Ấy là vì ngài xoay được tánh nghe để nghe nơi tự tánh và chiếu soi ngũ uẩn đều không. Đọc bộ sách này rồi, có thể chí thành khẩn thiết niệm hồng danh của Đại sĩ Quán Âm, niệm đến khi niệm cực tình vong thì bản thể của hết thảy phiền não ác nghiệp đều là không, ngó lại hết thảy cảnh duyên sướng khổ đều là chẳng thể được. Trong cái “chẳng thể được” ấy, chẳng ngại gì hưng lòng từ, vận lòng bi, tùy cơ tiếp dẫn, lấy tâm của đức Quán Âm làm tâm mình, lấy sự nghiệp của đức Quán Âm làm sự nghiệp của mình, làm cho khắp hết thảy chúng sanh đang chịu khổ cùng được gọi

¹⁰⁹ Quán Âm Từ Lâm Tập được ngài Hoàng Tán biên soạn vào năm Khang Hy thứ bảy (1668), được đưa vào tập 149 của Vạn tục tạng, gồm ba quyển. Quyển Thượng trích lục những kinh điển trọng yếu về bốn địa của ngài Quán Âm như Bi Hoa, Quán Thế Âm Đại Thế Chí Thọ Ký, Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương, Thỉnh Quán Thế Âm Bồ-tát Tiêu Phục Độc Hại Đà-la-ni v.v.. Quyển trung và hạ chép 154 câu chuyện cảm ứng ở Ấn Độ và Trung Hoa từ đời Tấn đến đầu đời Thanh.

Quán Âm Kinh Trì Nghiệm Ký gồm hai quyển do Chu Khắc Phục soạn vào năm Thuận Trị 16 (1659), còn có tên là Quán Thế Âm Kinh Chú Trì Nghiệm Ký, được xếp vào tập 134 của Vạn tục tạng. Nội dung bao gồm 118 câu chuyện cảm ứng do trì chú Đại Bi, xưng danh hiệu ngài hay tụng trì phẩm Phổ Môn v.v.. Cuối sách lại còn chép các bài kinh như Quán Thế Âm Đại Bi Tâm Đà-la-ni (do ngài Bất Không dịch), kinh Bạch Y Đại Bi Ngũ Ấn Tâm Đà-la-ni, Lễ Quán Âm Văn và một chương sách giải trừ những điều ngoa truyền về đức Quán Âm.

ân trách của đức Quán Thế Âm, để rồi trong đời vị lai sẽ cùng hành đạo Quán Thế Âm xoay vần cứu độ vậy.

17. Lời tựa cho Địa Tạng Bồ-tát Bổn Tích Linh Cảm Lục

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Địa Tạng Bồ-tát thệ nguyện rộng sâu, tuy đã chứng cùng tột pháp tánh từ lâu, nhưng vẫn chẳng trụ Tịch quang, chẳng chứng Phật quả, do lòng đại từ bi tùy loại hiện thân độ thoát hữu tình trọn khắp các cõi nước nhiều như số vi trần. Ngài lại còn thường ở trong chốn u minh nhằm cứu bạt chúng sanh tội khổ cực nặng trong địa ngục. Do Bồ-tát xưa kia từng phát đại nguyện: “*Chúng sanh độ tận phương chứng Bồ-đề, địa ngục vị không thệ bất thành Phật*” (Chúng sanh độ hết mới chứng Bồ-đề, địa ngục chưa trống không thệ chẳng thành Phật). Ấy là vì tâm tánh của chúng sanh và tâm tánh của Phật chẳng hai, do mê muội nên đối với chân thường làm sanh mê hoặc, khởi tham sân si, tạo giết trộm dâm đến nỗi luân hồi lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra. Lúc sanh vào trời người thì ít, khi đọa tam đồ lại nhiều. Bồ-tát riêng rủ lòng từ mẫn, nhiều cách cứu vớt, mong sao chúng sanh sẽ bỏ vọng về với chân, trừ mê được ngộ, để khôi phục lại chân như Phật tánh sẵn có mới thôi. Ví như bảo châu ma-ni¹¹⁰ vô giá, rớt trong nhà xí, kẻ ngu coi như đồ dơ, chẳng thêm mến tiếc. Người trí biết là bảo châu vô giá, vào nhà xí nhặt lấy, gột trừ phân dơ, dùng nước thơm gột rửa, treo trên tràng cao, tỏa sáng chiếu trời soi đất, mưa ra khắp đủ mọi thứ báu. Tâm tánh của chúng sanh cũng giống như vậy, tuy còn mê muội tạo nghiệp, đọa lạc trong ác đạo, nhưng chân như Phật tánh sẵn có vẫn trạm tịch thường hằng, bất sanh bất diệt, trọn chẳng có tướng biến đổi, tổn thất. Vì thế, bất luận kẻ nghiệp nặng tội sâu đến đâu, tâm Bồ-tát trọn chẳng có một niệm vứt bỏ, đối với chúng sanh khổ sở nhất càng riêng rủ lòng thương xót hơn, gấp gáp muốn độ thoát hơn.

¹¹⁰ Ma-ni (mani) gọi đủ là chân-đà-ma-ni (cintāmani), còn được phiên âm là chân-đà-mạt-ni, dịch nghĩa là bảo châu như ý, châu như ý, hoặc ma-ni như ý, bảo vô giá, đều có nghĩa là một viên ngọc quý có thể thỏa mãn mọi ước vọng. Kinh luận chép có nhiều loại ma-ni, chẳng hạn như luận Đại Tỳ-bà-sa nói có 102 loại ma-ni như ma-ni Quang Minh, ma-ni Thanh Thủy, ma-ni Phương Đăng, ma-ni Nguyệt Tràng, ma-ni Diệu Tạng, ma-ni Đại Đăng v.v.. Kinh Đại Phương Đăng Đại Tập nêu tên của 47 loại ma-ni như ma-ni Tỳ-lăng-già, ma-ni Phạm Thiên Quang Tràng v.v.. Pháp tướng Thiên Thủ Thiên Nhãn của đức Quán Âm cũng cầm hai viên ma-ni: ma-ni Nhật Tinh và ma-ni Nguyệt Tinh.

Cư sĩ Lý Viên Tịnh cảm lòng từ bi của Bồ-tát, tiếc cho chúng sanh mê muội, do vậy bèn dùng thể văn bạch thoại, biên soạn trình bày những chuyện thuộc về mặt bốn lần mặt tích của Bồ-tát. Lại sao lục 18 chương sự tích cảm ứng của ngài từ Tục tạng của Nhật Bản, cho ấn hành lưu thông, mong sao hết thảy hữu tình đều biết Bồ-tát từ vô lượng kiếp đến nay khởi lòng từ, vận lòng bi, ngõ hầu hết thảy chúng sanh được thoát khỏi sanh tử, chứng được Phật tánh vốn có. Từ đây chúng sanh đều quy mạng, cung kính, cúng dường, xưng niệm hồng danh để được nương cậy, được thoát khỏi cõi ngũ trược này, sanh sang cõi sen chín phẩm kia, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, lấy tâm Bồ-tát làm tâm của chính mình, lấy sự nghiệp của Bồ-tát làm sự nghiệp của chính mình, ngõ hầu chẳng cô phụ sự giáo hóa của đức Phật, chẳng phụ bạc tánh linh của chính mình mà thôi. Do vậy tôi bèn viết duyên khởi để thừa với những bậc thông sáng mai sau vậy.

18. Lời tựa sách Quán Âm Cảm Ứng Khóa

Tâm Quán Thế Âm Bồ-tát nghĩ thương chúng sanh, chẳng thể dùng ngôn ngữ để hình dung được. Dầu lấy trời đất, cha mẹ, vẫn chưa đủ để sánh ví chút phần! Làm cho kẻ thiện căn chưa gieo, chưa chín muồi, chưa độ thoát, liền gieo, liền chín muồi, liền độ thoát. Nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp. Ví như mặt trời rạng rỡ giữa ban ngày, muôn vật đều được chiếu tỏ. Xuân về trên lãnh thổ vua Vũ, trăm loài thảo mộc đều được sanh thành. Có cảm liền thông, không chuyện mưu cầu gì chẳng ứng. Ấy là vì Bồ-tát vô tâm, lấy tâm chúng sanh làm tâm của chính ngài, nên hễ khắp pháp giới cảm, liền ứng khắp pháp giới, đều đáp ứng tâm niệm của họ trọn chẳng sai biệt. Quán Âm Cảm Ứng Khóa¹¹¹ là phương tiện mầu nhiệm lớn lao thuận theo thói đời để bói tốt xấu ngõ hầu cùng gieo thiện căn. Phàm những người xem bói đều phải xưng niệm danh hiệu Bồ-tát. Như trẻ nhỏ bị bệnh chẳng chịu uống thuốc, bèn bôi thuốc lên vú, thì trẻ nhỏ không uống thuốc mà vẫn uống thuốc¹¹². Danh hiệu của Bồ-tát như *huơng phản hôn*, nếu được thấy nghe, tức nghiệp tự tiêu, tức thiện (sự lành trong đời trước) sẽ tự sanh, dần dần cho đến trên là noi theo chí hướng, sự nghiệp của đức Quán Âm, rốt ráo tự lợi lợi tha nơi vô ký. Sách này do cư sĩ Từ Tích Dư và phu nhân tìm được cổ bản thuộc đời Minh trước kia, đem in thạch

¹¹¹ Quán Âm Cảm Ứng Khóa là tên gọi khác của Quán Âm Linh Thiêm, tức Xăm Quán Âm.

¹¹² Đây là một ví dụ được nói trong kinh Niết-bàn nhằm diễn tả phương tiện độ sanh thiện xảo của hàng đại Bồ-tát.

ấn một ngàn quyền để kết tịnh duyên. Tôi bèn lược thuật ý nghĩa Bồ-tát hành lòng từ như vậy đó.

19. Lời tựa cho bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Pháp môn Tịnh độ rộng lớn như pháp giới, rớt ráo như hư không. Hết thấy các pháp môn không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp giới này, hết thấy các hạnh môn không môn nào chẳng trở về pháp giới này. Người thiên tư thông minh thường vì tưởng lầm pháp này sự giản dị, lý tâm thường nên chẳng bỏ công xét kỹ, chẳng những chính mình không tu tập, lại còn thốt lời bàn luận, ngăn trở, phá hoại, bài xích người khác tu trì, nhằm tỏ vẻ chính mình cao minh. Điều này đúng là “*biến quán lực hợp nhi bất kiến lai mao*” (thấy trọn vũ trụ nhưng chẳng thấy được sợi lông nơi khoe mắt), biết trọn các pháp nhưng chẳng biết chính mình thế trí biện thông, tự coi mình Tông - Giáo đều thông, đức Phật gọi kẻ ấy là kẻ đáng thương xót! Họ chẳng nghĩ chỗ quy tông của kinh Hoa Nghiêm là cầu sanh Tịnh độ, Văn-thù, Phổ Hiền thấy đều phát nguyện vãng sanh. Những vị ấy là người như thế nào, chuyện ấy là chuyện như thế nào? Dầu bọn ta có hiểu được chút giáo nghĩa, nhưng phiền hoặc chưa đoạn, sanh tử chưa giải quyết xong, hễ trải qua một phen biến đổi sanh sang kiếp sau, há có thể chẳng mê mất được ư? Chén bát chưa nung, gặp mưa liền rã. Nguyên do đức Như Lai đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh độ này là nhằm làm cho thượng thánh hạ phàm đều cùng thoát được sanh tử ngay trong đời này. Huống chi hai vị Đại sĩ kia thành Phật đã lâu, thị hiện thuộc địa vị Đẳng giác, lấy thân làm gương cho kẻ khác phát nguyện cầu sanh, ta là hạng người nào mà dám chống đối các vị ấy?

Nghĩ kỹ như thế, chắc chắn sẽ nhanh nhẩu thay đổi, tuân theo giáo huấn phổ độ thánh phàm của đức Như Lai, noi theo Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Viễn công, Trí Giả, Thiện Đạo, Vĩnh Minh v.v. các vị đại Bồ-tát, tổ sư mà nhất trí tiến hành, dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc, ngõ hầu viên mãn Phật quả, làm bậc đại trượng phu rớt ráo. Ai chịu cam lòng nhường đại lợi ích này cho người khác, rồi tự mình ở yên trong nhà lửa tam giới, thường bị thiêu đốt vậy thay? Từ khi đại pháp được truyền sang phương Đông, người đích thân chứng được tam-muội, đắc đạo, vãng sanh trong hiện đời và kẻ đầy dẫy phiền hoặc cạy vào Phật từ lực được mang nghiệp vãng sanh kẻ sao cho xiết?

Trong thời Càn Long đời Thanh, cư sĩ Bành Tế Thanh sai cháu trai là Hy Túc tập hợp, sao lục những câu chuyện vãng sanh Tịnh độ, đầu tiên thuật chuyện Phật Di-đà nhằm chỉ rõ đáng giáo chủ lập ra pháp môn này. Kế đến là Quán Âm, Thế Chí, Văn-thù, Phổ Hiền v.v. nhằm tỏ rõ thánh chúng xiển dương pháp môn này. Tiếp đó là tỳ-kheo tăng ni, vua chúa, quan lại, thường dân, nữ nhân, các loài vật vãng sanh, nhằm kể ra tứ chúng vãng sanh Tịnh độ, tổng cộng hơn 500 người, đặt tên là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Đây chính là bộ Sơ Biên. Trong số ấy dù thánh hay phàm, dù trí hay ngu, đều cùng vào trong biển đại thệ nguyện của đức Như Lai, rồi dần dần chứng được sự vui sướng trong cõi Thường tịch quang. Nhìn từ chỗ này thì biết pháp môn Tịnh độ dường như biển cả dung nạp khắp mọi dòng chảy, cũng giống như thái hư bao hàm khắp vạn tượng, chúng sanh trọn khắp pháp giới không một ai chẳng được nhiếp vào đây. Các pháp trong khắp cả pháp giới đều do pháp môn này mà đắc thật tế, bởi nó là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, là đạo tổng trì trọng yếu của ba đời chư Phật.

Đến cuối niên hiệu Đạo Quang, cư sĩ Liên Quy Hồ Đĩnh tập hợp hành trạng của những vị vãng sanh sau thời Càn Long được hơn một trăm mấy chục người, soạn thành sách đặt tên là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục Tục Biên. Vào đời Hàm Phong - Đồng Trị, giặc giã tràn lan, người đề xướng ít ỏi, gần như quanh quẽ. Gần đây thế đạo nhân tâm ngày càng đi xuống, phàm những ai có con mắt thông suốt, mang lòng cứu đời, không ai chẳng đề xướng nhân quả báo ứng và pháp tín nguyện niệm Phật. Người có chánh tri kiến, không ai chẳng thuận theo chiều gió. Vì thế trong mấy chục năm qua lại tập hợp được chuyện vãng sanh của hơn 200 người nữa, đặt tên là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục Tam Biên. Bản thảo này do thầy Đức Sâm biên tập, nay đã sắp chữ xong. Vì thế tôi thuật duyên khởi.

Khi xưa không có thuyền máy, xe lửa, bu rục, tòa báo, tuy từng địa phương ở sát cạnh nhau nhưng thường chẳng hay biết, cho nên thời cổ pháp đạo hưng thịnh lớn lao, nhưng số người vãng sanh được ghi chép lại trong một ngàn mấy trăm năm chỉ được mấy trăm người mà thôi! Một là vì thiếu ghi chép, hai là vì sách vở xưa thất lạc. Nếu mọi chuyện đều tiện lợi như ngày nay, dầu cả mấy chục vạn vẫn là chưa nhiều. Người đọc chớ nên đem xưa để luận nay, nghĩ chưa chắc đã đều là chuyện thật; mà cũng đừng dùng nay luận xưa, cho là pháp khi xưa chẳng hưng thịnh lớn lao. Hãy thử nghĩ ngài Thiện Đạo ở Trường An, ngài Thiệu Khang tại Tân Định, tiếng niệm Phật vang khắp nẻo đường, những người vãng sanh đương nhiên chẳng

phải chỉ có trăm ngàn vạn ức. Nay thì xa cách ngàn dặm, sáng vừa gởi đi, tối đã đến, lại thêm bưu điện, báo chí, vì thế tuy ngoài ngàn dặm thấy đều biết được liền. Nhưng vẫn còn nhiều người vãng sanh chưa được ghi chép, nếu mỗi chuyện đều chép, quả thật còn nhiều hơn thế nữa! Nguyên người trong khắp cõi đời, ai nấy đều lấy giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vãng giữ các điều lành làm nền tảng, lấy “thật vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương” để tu trì, thì sống sẽ là bầu bạn của thánh hiền, thác sẽ vào cõi nước của Như Lai, lợi ích ấy nếu chẳng phải là Phật sẽ không thể nào biết được. Nguyên khắp những ai thấy nghe đều gắng công!

20. Lời tựa cho sách Trùng Đỉnh Tây Phương Công Cứ

(Năm Dân Quốc 19 - 1930)

Sách Tây Phương Công Cứ lưu truyền trong cõi đời đã lâu, tuyển chọn sao lục những ngôn luận hoặc tỉ mỉ hoặc giản lược khác nhau, có bản xếp kinh Di-đà, chú Vãng Sanh vào đầu sách, cũng có bản chẳng chép. Nhưng bên trong có in hình Tam Thánh, đài sen chín phẩm, trên đài sen có những vòng tròn để người niệm Phật chấm vào đáy hòng ghi nhớ số câu đã niệm thì các bản in đều giống nhau. Đa số các bản in, với mỗi đài sen thuộc chín phẩm đều vẽ một tượng Phật. Tiếp đó chọn lọc những khai thị thiết yếu xưa nay và những sự tích rõ ràng, ngõ hầu người đọc sanh lòng tín nguyện quyết định, chắc chắn nhờ vào đó để vãng sanh. Dụng ý sâu đậm, chu đáo làm sao, nhưng do niệm xong, hoặc do người niệm đã khuất, bèn đốt đi, thật cảm thấy mắc lỗi hủy hoại kinh tượng. Một cuốn sách tốt đẹp lợi người rốt cuộc bị phó cho ngọn lửa, chẳng những uổng phí một món vật quý báu, lại còn chẳng thể lợi lạc rộng khắp. Nếu giữ lại để truyền cho đời sau thì do khuyển chằm đen đúa, lem luốc, khó gọi hứng thú cho người đọc được. Suy đi nghĩ lại, thật khó thể nào thích hợp!

Bạn tôi là Dật Nhân sắp xếp nội dung sách lại theo một thứ tự khác: Đầu tiên là kinh, chú, nghi thức niệm Phật. Kế đến liệt kê các khai thị rõ ràng, rộng rãi, giản dị, gần gũi từ xưa đến nay, rồi lại chú trọng đến cách thức trợ niệm khi lâm chung, ngõ hầu chẳng đến nỗi công lao niệm Phật sắp thành công lại bị quyền thuộc vô tri phá hoại. Tiếp đó là những giải thích đại lược về tam quy, ngũ giới, thập thiện, tứ đế, tứ liệu giản và một trăm bài ca tụng Phật hiệu để cho người sơ phát tâm biết đại lược ý nghĩa. Tu chỉnh thành một bản hòng giữ lại đọc vĩnh viễn. Cách thức dùng chín phẩm đài sen để ghi nhớ số câu đã niệm được in riêng thành một quyển, kèm theo

cuốn chánh để giúp hành giả nhớ số rồi thiêu đi trong tương lai. Cách này rất hay, bền cho ấn hành để biếu tặng rộng rãi, mong sao hết thấy những người cùng hàng đều được vãng sanh.

Phải biết lợi ích của pháp môn Tịnh độ nếu chẳng phải là Phật sẽ không thể biết được! Do vậy trong hội Hoa Nghiêm, những vị Bồ-tát sau khi đã chứng Đẳng giác vẫn dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh. Trong Quán kinh, kẻ ngu nghịch thập ác lúc sắp đọa A-tỳ, niệm chưa đủ mười tiếng liền dục vào chín phẩm, quả thật có thể nói là mười phương ba đời hết thấy Như Lai, trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, không vị nào chẳng bắt đầu bằng pháp này và đến cuối cùng quy kết về pháp này. Nguyên khắp những người cùng hàng ai nấy đều sanh chánh tín.

21. Lời tựa cho bộ Phổ Đà Lạc Già Tân Chí

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Hết thấy các pháp thế gian, xuất thế gian đều do thời tiết nhân duyên mà phát khởi, vì thế cổ đức nói: “*Thời tiết nhược chí, kỳ lý tự chương*” (Nếu đến thời tiết, lý sẽ tự được tỏ rõ), thật là đúng lắm! Quang vì tâm thường kém cỏi, trăm chuyện chẳng làm được một chuyện nào, ăn bám chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà 32 năm. Trước kia đọc Phổ Đà Chí thấy những điều được ghi chép đều là chuyện đạo tràng hưng suy và những chuyện tâm thường giống như vậy, còn đối với sự lý bổn tích trong các kiếp xưa của Đại sĩ Quán Âm và nhân duyên cảm ứng nơi phương này thấy đều thiếu sót sơ sài, khôn ngăn người ta phải thở dài!

Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), ba vị cư sĩ Vương Thái Thân, Chu Hiếu Hoài, Trần Tích Châu tới núi thăm viếng. Ông Vương và ông Chu nói: “Phổ Đà là thánh địa đạo tràng của Đại sĩ Quán Âm, trong nước lẫn ngoài nước đều kính ngưỡng, có sao đẹp bỏ giảng tòa đã lâu, nữ đề cho pháp đạo tịch mịch vậy? Xin thầy hãy phát tâm giảng kinh, chúng con sẽ lo liệu chi dụng đầy đủ.” Quang viện có kém cỏi cực lực chối từ. Ông Tích Châu liền nói: “Bộ Sơn Chí chưa được tu chỉnh đã lâu, bản in đã mờ mịt rồi, nếu thầy chịu sửa chữa, con sẽ cho khắc in.” Quang nói:

- Chuyện ấy nào phải dễ dàng! Nếu theo như lệ cũ thì bậc văn nhân mới có thể làm được. Nếu đem sự tu chứng về mặt bổn lẫn mặt tích của Đại sĩ trong những kiếp xưa và sự tích cảm ứng nơi phương này mỗi mỗi đều lược thuật những nét chánh

yếu khiến cho người đọc đều biết ân Đại sĩ trọn khắp các cõi nước số lượng nhiều như cát, lòng từ cứu vớt không ngần mé, từ đây phát khởi chánh tín, thân lẫn tâm đều quy y thì gần là được hưởng phước trong cõi trời người, xa là chứng quả Bồ-đề. Nếu không đọc trọn khắp Đại tạng, tham khảo trọn khắp các sách sẽ không thể làm được. Nếu chẳng tỏ rõ các sự lý cảm ứng về mặt bốn lần mặt tích của Đại sĩ sẽ trở thành bỏ chủ trọng khách, bỏ gốc lấy ngọn, có khác gì những sơn kinh thủy chí¹¹³ tầm thường đâu? Làm sao có thể tỏ rõ Phổ Đà chính là đạo tràng ứng hóa của Đại sĩ, lại làm sao có thể tỏ rõ Đại sĩ chính là cha mẹ đại từ bi của chúng sanh trong pháp giới, có nhân duyên sâu đậm nhất đối với chúng sanh cõi Sa-bà? Nhưng Quang do túc nghiệp, đến nỗi tâm không hiểu biết, mắt gần như lòa, vẫn cần phải sám hối một hai năm, đợi khi nghiệp tiêu trí rạng, chướng hết, mắt sáng, sẽ chẳng tiếc thân mạng, gắng sức thành tựu. Nếu như nghiệp nặng, chẳng thể cảm ứng, trừ khử được nghiệp chướng, thì sẽ qua Giang Tây cầu cư sĩ Lê Đoan Phủ thay tôi lo liệu công việc này. Vị ấy học thông suốt cả Nho lẫn Thích, văn chương hơn người, ắt sẽ có thể nêu tỏ tấm lòng, sự tích từ bi của Đại sĩ được.

Năm sau, cư sĩ Từ Úy Như đem Văn Sao ấn hành, khiến cho những người không suy xét tường tận, tưởng lầm Quang là tri thức, từ đây thư từ qua lại, hằng ngày chẳng rảnh rỗi. Giữa xuân năm Dân Quốc thứ tám (1919), ông Đoan Phủ quy Tây, cái tâm đã phát trước kia rốt cuộc trở thành lời nói suông. Mùa xuân năm Dân Quốc 11 (1922), Tri sự¹¹⁴ huyện Định Hải là ông Đào Tại Đông lên núi, nói: “Sơn Chí lưu thông sẽ khiến cho người ta do tin tưởng, đổi dữ hướng lành, bỏ vọng về với chân, quả thật là nhiệm vụ trọng yếu căn bản để văn hồi thể đạo nhân tâm, hãy nên gấp rút sửa chữa, tu chỉnh.” Do ông Đào tâm hộ pháp tha thiết, lòng cứu thế ân cần, Quang liền cậy chủ nhân hai chùa Phổ Tế, Pháp Vũ khẩn khoản thỉnh ông Đào đích thân đảm nhiệm chuyện ấy. Ông Đào do việc công chẳng rảnh rỗi, bèn ủy thác một vị hương thân trong vùng là ông Vương Nhã Tam đảm nhiệm. Hết thấy sự việc cần thiết thì bên ngoài có ông Đào, trong núi có hòa thượng Khai Như đã về hưu¹¹⁵ chăm chú lo liệu. Do không rảnh rỗi nên Quang trọn chẳng hề hỏi đến. Năm sau ông

¹¹³ Sơn kinh thủy chí: những sách ghi chép về đặc điểm, lịch sử sông, núi.

¹¹⁴ Vào đầu thời Dân Quốc, chánh quyền đổi chức vụ Tri châu, Tri huyện thành Tri sự, nhưng chức trách vẫn là người đứng đầu ngành hành chánh một huyện.

¹¹⁵ Nguyên văn là “thoái cư”, tức là đã từng làm trụ trì, rồi nài có tuổi già xin thôi, không làm trụ trì nữa.

Đào được thăng chức lên huyện Hàng, nhưng vẫn thư từ qua lại, bàn soạn lo liệu mọi sự. Nếu chẳng phải là do đời trước đã nhận sự phó chúc của Đại sĩ, há có thể được như thế chăng?

Thoạt đầu vừa bàn bạc về chuyện tu chỉnh Sơn Chí xong, chưa đầy một tháng thì cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh ở Bành Trạch tỉnh Giang Tây đến thăm, vừa gặp mặt đã trở thành bạn thiết. Quang thuật lại nỗi niềm trước kia, rồi đem chuyện soạn Đại Sĩ Tụng gởi gắm, ông ta liền nhận lời. Nếu không phải là Đại sĩ thâm rủ lòng gia hộ, há có dịp gặp gỡ như vậy hay chăng? Ông Hứa bèn tra duyệt, sưu tập trong khắp kinh tạng và các sách vở, mất cả hai năm mới hoàn thành bản thảo, soạn ra lời văn ca tụng gần đến hai vạn chữ, lại còn chú thích ý nghĩa liền ngay sau đó để người đọc đều biết rõ nguyên do. Lại còn trích lục các kinh để làm chứng có rõ ràng. Lời văn ca tụng gồm ba quyển, kinh văn trích dẫn để làm chứng gồm một quyển, tổng cộng hơn 370 trang, gởi tới Phổ Đà vào đầu hạ. Ý nghĩa bài tụng đã được trình bày trong lời tựa của ông Hứa, ở đây không nhắc lại nữa.

Thoạt đầu Quang muốn đặt cuốn này vào đầu bộ Sơn Chí, nay vì số quyển quá nhiều, bèn cho lưu hành riêng ngõ hầu được lưu truyền rộng khắp trong thiên hạ đời sau. Nếu in chung với Sơn Chí sẽ khó thể lưu hành rộng rãi được! (Về sau ông Đào thấy tụng văn cao trỗi, tuyệt diệu, bảo phải đặt vào đầu bộ Sơn Chí, bèn lược bớt lời chú thích và các dẫn chứng từ kinh điển, chỉ sao lục chánh văn, gộp chung thành một quyển, đặt tên là Bồn Tích Môn, tức quyển thứ nhất của bộ Sơn Chí). Nhưng Đại sĩ từ vô lượng kiếp đến nay, phân thân trong các cõi nước số nhiều như vi trần, cảm ứng dù bồn hay tích nếu không phải là đức Phật sẽ chẳng thể biết được. Mấy quyển tụng ấy bất quá là một hạt bụi trong đại địa, là một giọt nước trong biển cả, để kẻ chẳng biết đến lòng đại từ bi sâu xa của Đại sĩ sẽ tạm biết đại khái. Từ đây sẽ then thùng xấu hổ, hào khí bùng bùng nói:

- Cái tâm của chúng ta và tâm Đại sĩ không hai, không khác, nhưng Đại sĩ viên thành Phật đạo đã trải kiếp lâu xa, lại do Bi tâm vô tận chẳng lìa cõi Tịch quang, hiện hình trong chín giới, hiện khắp các sắc thân độ thoát chúng sanh. Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay luân hồi sáu nẻo, những kẻ được nhờ ơn Bồ-tát đích thân dẹp khổ ban vui, chẳng biết là bao nhiêu? Mãi cho đến ngày nay, ta vẫn còn là phàm phu, trên đã phụ bạc ân sâu Đại sĩ cứu vớt, dưới ruồng rẫy Phật tánh sẵn có của chính

mình. Lặng im suy nghĩ, há chẳng thẹn đến chết ư? Ngài đã là trượng phu, ta cũng thế, chẳng nên tự khinh rồi lùi bước, thua sút.

Do vậy chuyển phạm tình để dỗi theo dấu thánh, đánh đổ lòng ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, dứt lòng tà, giữ lòng thành, sốt sắng làm các điều lành thế gian, kiêm tu tịnh nghiệp. Lâu ngày chầy tháng sẽ cùng được biến đổi. Bậc thượng sẽ liền có thể đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử ngay trong đời này; bậc hạ đến khi lâm chung, sẽ nương vào Phật từ lực, vãng sanh Tây Phương. Được như thế thì ai nấy đều giữ vẹn lễ nghĩa, ai nấy biết nhân quả, tự nhiên can qua vĩnh viễn dứt, nhân họa vĩnh viễn diệt, mưa nắng đúng thời, quyền thuộc trời thường giáng xuống. Nhiệm vụ căn bản trọng yếu để văn hồi thế đạo nhân tâm như ông Đào đã nói có phải là đây hay chẳng? Nguyên cho người thấy, kẻ nghe đều cùng phát tâm ngưỡng mộ Đại sĩ, gắng sức tu tập, may mắn vô cùng! Tán rằng:

*Quán Âm thệ nguyện diêu nan tư,
Phổ cảm ứng cơ bất thất thời,
Cứu khổ tầm thanh từ hấp thiết,
Hiện thân thuyết pháp nguyệt ấn trì,
Trần sát quốc trung hàm sự tế,
Sa-bà giới nội cánh thù từ,
Thâm ân cùng kiếp mạc năng tán,
Ký mãn quần manh phổ hộ trì.*

(Quán Âm thệ nguyện diêu khôn lường,
Cảm ứng tùy cơ há trễ tràng,
Cứu khổ tầm thanh: từ hút sát¹¹⁶,
Hiện thân thuyết pháp: nước in trăng,
Cứu vớt muôn sự trần sát cõi.
Sa-bà càng nặng tấm lòng từ,
Ân sâu hết kiếp khen sao trọn,
Che chở quần manh khắp xót thương.)

22. Lời tựa cho bản tu chỉnh Thanh Lương Sơn Chí

¹¹⁶ Từ hút sát: nam châm hút sắt.

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Văn-thù Bồ-tát đạo chứng nhất chân, đức vượt trời Thập địa, nhập bí tạng tam đức, thường trụ trong Tịch quang, nhưng do lòng cứu khổ ân cần, niệm độ sanh thiết tha, nên chẳng lìa cõi Tịch quang, hiện thân trong các cõi nhiều như số vi trần, đủ mọi phương tiện độ thoát chúng sanh. Ngài là thầy của bảy đức Phật, là mẹ của các Bồ-tát, đây vẫn là những sự thuộc về tích môn. Luận về bản địa, nếu chẳng phải là đức Phật sẽ không thể biết được. Dù trọn hết các cõi nhiều như số vi trần trong một cõi nước, không cõi nào ngài chẳng trụ, nhưng phạm phu chướng nặng không cách nào biết được diệu dụng, chiêm ngưỡng pháp phạm (khuôn mẫu về đạo pháp). Vì thế chẳng thể không vì kẻ sơ cơ bày ra một cuộc đất ứng hóa để họ có chỗ hướng về hòng gieo thiện căn xuất thế. Do vậy từ xưa đến nay, ngài cùng với một vạn Bồ-tát thường trụ tại núi báu Thanh Lương, diễn thuyết đạo nhất thật, đồng thời thị hiện đủ mọi thứ biến hóa thần dị chẳng thể nghĩ bàn, khiến cho kẻ thiện căn chín muồi liền chứng chân thường, kẻ chưa chín muồi do đó sẽ được tăng trưởng.

Phải biết, Bồ-tát chẳng đầy niệm mà tùy cơ thị hiện thuyết pháp, trọn chẳng khác biệt gì! Như vàng trắng giữa trời, in bóng trong các chỗ có nước. Chẳng những sông to rạch lớn mỗi nơi đều hiện một vàng trắng, ngay cả một chước¹¹⁷, một giọt cũng đều hiện một vàng trắng. Vàng trắng trong sông rạch, một người nhìn vào chỉ thấy một vàng trắng; trăm ngàn vạn người ở trăm ngàn vạn nơi nhìn vào, ai nấy cũng đều thấy một vàng trắng. Nếu con người đi qua phía Đông, trắng cũng theo sang Đông; nếu ai đi sang Tây, trắng cũng theo sang Tây; nếu con người đứng yên, trắng cũng bất động. Sắc pháp trong thế gian còn hay khéo như thế, huống là bậc Bồ-tát triệt ngộ duy tâm, viên chứng tự tánh, vận lòng bi đồng thể, khởi lòng từ vô duyên ư? Sợ những kẻ câu nệ hẹp hòi thấy tất cả những chuyện thần diệu trong Sơn Chí sẽ ôm lòng ngờ vực, cho nên mới bày tỏ căn cội. Hiểu được điều này thì đọc khắp kinh điển Đại thừa sẽ chẳng đến nỗi kinh nghi, sợ hãi, chẳng uổng công đọc bộ Sơn Chí này để làm phương tiện dẫn đường. Bộ Sơn Chí cũ được pháp sư Trần Trùng¹¹⁸ tu

¹¹⁷ Chước: Là một đơn vị đo lường thời cổ rất bé, bằng một phần trăm của một thăng. Do thăng thay đổi tùy theo thời đại nên ta có thể tạm hiểu chước chừng bằng 10ml.

¹¹⁸ Trần Trùng (1547-1617) là một vị danh tăng thuộc tông Hoa Nghiêm, pháp tự Không Ấn, thông minh từ nhỏ. Năm 15 tuổi xin xuất gia với Dẫn Công chùa Quảng Ứng ở Tây Sơn, chỉ ba năm sau được bốn sư hứa khả cho thọ cụ túc, chuyên học Tánh Tướng tông và kinh Hoa Nghiêm hơn 10 năm. Sau sư tham yết ngài Tiểu Nham được ấn khả thiền chỉ. Năm Vạn Lịch thứ 10 (1582), sư

chỉnh vào thời Vạn Lịch nhà Minh nói chung rất hay, nhưng trong ấy có những lỗi chưa khảo cứu tường tận. Lúc ấy các vị Hám Sơn, Tử Bách, Diệu Phong đều là bạn thiết, chẳng những có quan hệ lớn lao với núi này, mà thật ra còn có quan hệ lớn lao với Phật pháp, thế đạo, nhưng trong Sơn Chí đều chẳng thuật truyền các ngài. Dưới thời Khang Hy đời Thanh, lại có người tu chỉnh, trọn chẳng tham khảo rộng khắp, đối với những phần văn tự quan hệ lớn lao lại mặc tình cắt xén, do vậy chẳng được lưu truyền. Nay y theo bộ Sơn Chí đời Minh, khảo cứu, hiệu đính, bổ túc, tu chỉnh đại lược mà thôi! Mùa xuân năm ngoái, một đệ tử là Lý Viên Tịnh nói:

- Văn-thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Địa Tạng, bốn đại Bồ-tát quả thật là chỗ nương cậy cho hết thảy chúng sanh. Thầy ở tại Phổ Đà từng thỉnh cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh soạn Quán Âm Bồ Tát Tích Tụng, nêu rõ ân sâu đức nặng của ngài Quán Âm thật là chu đáo! Thầy lại còn sửa chữa bản Phổ Đà Chí do ông Vương Nhã Tam đã tu chỉnh, sao chẳng đem Sơn Chí của Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa tu chỉnh đúng theo lệ ấy? Huống chi Thanh Lương Chí không thỉnh ở đâu được, nhưng thể tài còn khá, chứ Nga Mi Chí thì chỉ chú trọng đến thể núi, vẫn chẳng chú trọng nêu tỏ đạo của ngài Phổ Hiền. Cửu Hoa Chí càng đau lòng đáng than hơn nữa! Đang trong lúc thế đạo, lòng người suy yếu đến cùng cực này, cố nhiên càng phải khẳng khái sửa chữa cho lưu thông hòng làm căn cứ văn hồi vậy.

Do vậy bèn quên mình hèn tẻ, gắng sức theo đuổi, bèn thỉnh ông Hứa Chỉ Tịnh trình bày những nét chánh, còn việc tu chỉnh, sửa chữa do Quang đảm nhiệm. Việc giáo chánh, đối chiếu do thầy Đức Sâm lo. Nay đã hoàn thành bản thảo, dầu chưa thể nêu tỏ lớn lao, nhưng cũng bổ túc không ít. Đối với những chuyện gần đây, do thân chẳng ở nơi ấy, lại tuổi đã “sáng không bảo đảm được chiều”, cũng chẳng dám cậy người hỏi dò. Sợ chưa tập hợp được đầy đủ tài liệu mà người đã mất, đến nỗi trở

cùng ngài Hám Sơn Đức Thanh lập hội Vô Già tại Ngũ Đài, rồi ngồi nhìn vách suốt 3 năm tại lan-nhã Tử Hà mà đại ngộ. Năm Vạn Lịch 24 (1596), sư tu chỉnh Thanh Lương Chí, rồi cùng bạn là Tuyết Phong sáng lập Sư Tử Quật tại Ngũ Đài, dựng Vạn Phật Lưu Ly Tháp, giảng kinh Hoa Nghiêm, thính chúng rất đông, được thái hậu Từ Thánh ban tặng Đại tạng kinh. Tuân sắc chỉ của thái hậu, sư giảng bộ Lăng-nghiêm Chánh Quán do chính mình soạn tại chùa Thiên Phật ở Bắc Kinh, rồi giảng các kinh khác ở chùa Từ Ân. Ngoài các bộ sách kể trên, sư còn để lại Kim Cang Kinh Chánh Nhãn, Bát-nhã Chiếu Chân Luận, cũng như những bài giảng về Nhân Minh, Khởi Tín Luận, Nhiếp Luận, Vĩnh Gia Tập Chư Giải v.v.. Khi sư mất, chính ngài Hám Sơn viết lời minh đề trên tháp và còn chép bài minh ấy vào bộ Mộng Du Tập.

thành chuyện nói suông. Vì thế để lại những chuyện gần đây cho bậc thông suốt đời sau tu chỉnh!

Nhớ năm Quang Tự 13 (1887) khi trước, tại núi Hồng Loa, xin nghỉ phép đi triều bái Ngũ Đài (tức tên khác của Thanh Lương), muốn thỉnh Thanh Lương Sơn Chí, tới xưởng lưu ly ở kinh đô, hỏi khắp các tiệm bán sách cũ thì chỉ tìm được một bộ, do vậy bèn mua về. Nay cho ấn hành lưu thông để người đời sau dễ tìm được hầu cỏi gỡ mối tiếc nuối của chính mình thì may mắn nào hơn! Ngũ Đài tuy là đạo tràng của Văn-thù Bồ-tát, nhưng chưa hề thấy khi niệm danh hiệu Bồ-tát bèn cất lên lời tán tụng. Mùa hạ năm nay, một vị sư ở Hoa Nghiêm Lãnh là Tĩnh Thê xin tôi viết một bài tán để nghĩ thức niệm tụng được đầy đủ, bèn ghép thành tám câu gởi cho thầy ấy. Tán rằng:

Văn-thù Bồ-tát đức nan lượng,

Cửu thành Long Chung Thượng pháp vương,

(Long Chung Thượng Phật chính là danh hiệu khi ngài Văn-thù thành Phật trong một đời thuộc quá khứ. Long Chung Thượng Tôn Vương trong kinh Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội lại là một đức Phật khác, chẳng thể lầm lẫn dùng làm dẫn chứng được!)

Nhân mãn chúng sanh mê tự tánh,

Đặc phụ Thích-ca chấn huyền cương,

Vì thất Phật sư thể mặc trắc,

Tác Bồ-tát mẫu dụng vô phương,

Thường trụ Tịch quang ứng chúng cảm,

Vạn xuyên nhất nguyệt ảnh hàm chương.

(Văn-thù Bồ-tát đức khôn lường,

Quá khứ thành Phật Long Chung Thượng,

Do thương chúng sanh mê tự tánh,

Riêng giúp Thích-ca mở đạo huyền,

Thầy bày vị Phật thể khôn thấu,

Mẹ chư Bồ-tát dụng khôn ngần,

Thường trụ Tịch quang ứng mọi cảm,

Muôn sông trăng hiện bóng muôn gương.)

23. Lời tựa bản tu chỉnh Nga Mi Sơn Chí

(Năm Dân Quốc 23 - 1934)

Phổ Hiền Bồ-tát đạo chứng nhất chân, đức viên mãn lưỡng túc¹¹⁹, trụ cõi Tịnh quang, nhưng hưng khởi lòng từ, vận dụng lòng bi, phù tá đáng Thiện Thệ dùng quả để tu nhân. Trọn đủ toàn thể của đức Giá-na¹²⁰, thị hiện thuộc địa vị Bồ xứ, kết quy đại nghĩa Hoa Nghiêm chỉ về Tây Phương. Tuy trọn hết mười phương pháp giới, nhưng không nơi nào chẳng trụ trong chân cảnh. Hòn núi Đại Quang Minh này thật ra là đạo tràng ứng hóa vậy. Xét đến ý nghĩa đặt tên thì chính là vì Phật quang hiện trong ban ngày, thánh đấng xuất hiện trong đêm, xưa nay vẫn thường chẳng hề ẩn diệt cho đến tận đời vị lai hòng khơi gợi quần sanh. Do vậy núi báu Nga Mi¹²¹ này còn gọi là Đại Quang Minh. Một tên đặt theo hình thể của núi, tên kia đặt theo thánh tích, cố nhiên chẳng có nhân duyên gì khác, nhưng những kẻ không biết đến đức tướng của Bồ-tát cứ muốn dựa vào lời kinh để làm bằng chứng rất thuyết phục, bèn làm lạc dẫn câu kinh trong phẩm Bồ-tát Trụ Xứ của kinh Hoa Nghiêm: “Phương Tây Nam có chỗ tên là núi Quang Minh, từ xưa đến nay các vị Bồ-tát trụ ở trong đó, hiện đang có vị Bồ-tát tên là Hiền Thắng và các vị Bồ-tát quyền thuộc ba ngàn người cùng thường trụ trong ấy để diễn thuyết pháp.”

Đức Như Lai ở bên Thiên Trúc, thành Đẳng chánh giác tại nước Ma-kiệt-đề, giảng kinh Hoa Nghiêm lần lượt tại bảy chỗ, tổng cộng chín hội. Hội đầu tiên được nói tại Bồ-đề tràng. Hội thứ hai, hội thứ bảy, hội thứ tám đều giảng trong điện Phổ Quang Minh. Điện này cũng nằm trong Bồ-đề tràng. Phẩm Bồ-tát Trụ Xứ là một phẩm được giảng trong hội thứ bảy. Trước hết, nói đến bốn phương Đông, Nam, Tây, Bắc, rồi đến bốn phương bàng Đông Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Tây Bắc. Thứ tự của các phương vị rạch ròi chẳng loạn. Những kẻ ấy thấy có ba chữ “núi Quang

¹¹⁹ Trí tuệ lẫn phước đức đều trọn vẹn.

¹²⁰ Xá-na, tức Tỳ-lô-giá-na (Vairocana), Pháp thân Phật.

¹²¹ Núi Nga Mi thuộc huyện Nga Mi tỉnh Tứ Xuyên, còn có những tên gọi khác là núi Quang Minh, hay Hư Linh Đồng Thiên. Đây là một nhánh của rừng Dân Sơn. Thế núi chập chùng, trông xa như một cái cầu vòng, quanh co đến hơn tám trăm cây số. Cao nhất là ba ngọn chính: Đại Nga, Trung Nga và Tiểu Nga. Từ chân núi lên đến đỉnh có hơn 70 ngôi chùa, đạo tràng Thánh Thọ Vạn Niên Tự được coi là đạo tràng trung tâm. Chùa này được khởi công xây từ đời Tấn do Bồ Ông thấy Phổ Hiền Bồ-tát hiện hiện, bèn dựng Bạch Thủy Phổ Hiền Tự. Chùa này được đổi tên thành Vạn Niên Tự vào đời Vạn Lịch nhà Minh, trong chùa có đức tượng Phật bằng đồng, được coi là văn vật trân quý của Phật giáo Trung Hoa. Những chùa rất nổi tiếng khác tại đây là Phúc Hổ Tự, Báo Quốc Tự, Thanh Âm Các, Tiên Phong Tự, Kim Đảnh Tự, Quang Tướng Tự v.v..

Minh” liền tưởng ngọn núi ở phía Tây Nam [được nói trong kinh Hoa Nghiêm] ấy chính là Nga Mi của nước Chấn Đán (Trung Hoa), vì Nga Mi nằm ở phía Tây Nam Trung Quốc. Đối với câu kinh “nay có Bồ-tát tên là Hiền Thắng”, bèn làm lạc chú thích rằng “tức là Phổ Hiền”. Đức Phổ Hiền còn có tên là Biến Cát, chưa hề thấy ngài còn có tên là Hiền Thắng. Viện dẫn kinh nhưng trái nghịch kinh sâu xa, ấy là muốn làm cho người khác sanh lòng tin lại ngược ngạo khiến cho người ta dấy lòng nghi.

Chẳng biết, dầu vận dụng trí tuệ của Như Lai hết cả kiếp cũng chẳng thể nói hết đức tướng của ngài Phổ Hiền! Trong 81 quyển của bộ kinh Hoa Nghiêm, thần thông, trí tuệ, đức tướng, đạo đức, công nghiệp của Phổ Hiền Bồ-tát được phô diễn rõ ràng đến hơn 10 quyển. Nếu bỏ công nghiên cứu một chút, há chịu dẫn giải sai lầm! Giống như chỗ Luân Vương ngụ chính là vương đô (kinh thành), chỗ được quang minh chiếu đến sẽ trọn chẳng tối tăm. Do vậy trong bộ Sơn Chí hiện tại, đặc biệt lập ra một môn gọi là Bồ-tát Thánh Tích. Trong môn ấy, chia thành sáu chương:

1. Một là Thích Danh, tức phần giải thích đại lược ý nghĩa danh hiệu Phổ Hiền.
2. Hai là Tu Chứng: Trích lục hai kinh Bi Hoa và Lăng-nghiêm để chỉ rõ nhân địa và công phu tu chứng của Bồ-tát. Theo kinh Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới¹²² thì Bồ-tát thành Phật đã lâu, bốn địa của ngài nếu chẳng phải là Phật sẽ không thể biết được.
3. Ba là Đức Tướng: Trích dẫn đại lược những đoạn kinh Hoa Nghiêm xưng tán Bồ-tát thần thông đạo lực chẳng thể nghĩ bàn.

¹²² Kinh Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới do ngài Thật-xoa-nan-đà (652-710) dịch vào đời Đường, còn có tên là kinh Đại Phương Quảng Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới, hoặc gọi tắt là kinh Bất Tư Nghị Cảnh Giới. Theo kinh chép, khi đức Phật vừa thành Chánh giác dưới cây Bồ-đề tại nước Ma-kiệt-đề thì Phổ Hiền Bồ-tát, Quán Tự Tại Bồ-tát, Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Ma-ha Ba-xà-ba-đề, Thích Phạm Hộ Thế, thiên long bát bộ v.v. các vị thánh giả cùng nhóm đến, đức Phật muốn cho đại chúng hiểu rõ sức oai thần thiên định bí mật cực sâu của chư Phật liền nhập Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới Tam-muội. Khi ấy trong mỗi tướng của 32 tướng đều hiện ra vô lượng cõi Phật trong mười phương, trong mỗi tướng hảo của 80 tướng hảo lại hiện ra đủ mọi phương tiện tu hành của đức Như Lai khi còn tu hạnh Bồ-tát. Vì thế Đức Tạng Bồ-tát bèn hỏi Phổ Hiền Bồ-tát về danh nghĩa, cách chứng nhập cũng như phước đức, nhân duyên của tam-muội này. Phổ Hiền Bồ-tát bèn giảng cặn kẽ từng điều một. Kinh này chính là bản dịch khác của pháp hội Hoa Nghiêm được giảng tại giảng đường Phổ Quang Minh.

4. Bốn là Pháp Yếu: Nêu đại lược những pháp trọng yếu do Bồ-tát đã nói, nhưng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên dùng mười đại nguyện vương hướng dẫn về Cực Lạc, khuyên Thiện Tài và khắp Hoa Tạng hải chúng nhất trí tiến hành hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc ngõ hầu viên mãn Phật quả, đây chính là chỗ quy túc của kinh Hoa Nghiêm. Do vậy biết một quyển kinh này rộng mở pháp môn Tịnh độ, quả thật là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, thích hợp khắp ba căn, phạm lẫn thánh đều cùng nhiếp thọ, hành nhân đời mạt đều nên y chỉ. Vì thế sao lục toàn văn để mong mọi người cùng chứng Liên Bang.

5. Năm là Lợi Hành: Trích lục kinh Pháp Hoa, kinh Quán Phổ Hiền Hành Pháp¹²³ để nêu đại lược những chuyện Bồ-tát bảo vệ, che chở hành nhân.

6. Sáu là Ứng Hóa: Chỉ rõ Bồ-tát chúng trọn cùng pháp giới, tùy loại hiện thân trong mười phương pháp giới, nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp. Vì vậy mười phương pháp giới chỗ nào cũng đều có thể là đạo tràng của Bồ-tát, nhưng ngài muốn cho chúng sanh có chỗ để gieo lòng thành nên mới đặc biệt thị hiện ứng hóa ở núi Nga Mi. Phải biết rằng, Bồ-tát ứng hóa gồm có *phổ* và *chuyên*, phổ là đại chúng đều được đích thân trông thấy, chuyên là chỉ có chính mình tự hiểu rõ trong tâm. Ví như hiện tướng trên chót mây, mọi người đều cùng thấy; [Bồ-tát hiện] tướng đứng với viên quang trùm thân, dầu có rất nhiều người cùng đứng sát bên nhau nhưng mỗi người mỗi thấy thân Bồ-tát hiện cho chính mình, chẳng thấy thân hiện cho người khác. Đối với hai điều này, đủ biết Bồ-tát thần thông ứng hiện không ngăn mé; phạm phu, Nhị thừa chẳng thể suy lường được! Đã có những nghĩa chẳng thể nghĩ bàn như thế, cần gì cứ phải lầm lạc dẫn kinh văn để tự vu báng, trở thành trò cười cho người khác ư?

¹²³ Kinh Quán Phổ Hiền Bồ-tát Hành Pháp do ngài Đàm-ma-mật-đa (Dharmamitra) dịch vào đời Lưu Tống, còn có tên là kinh Xuất Thâm Công Đức, thường được gọi tắt là kinh Phổ Hiền Quán. Theo kinh chép, sau khi đức Phật nói kinh Pháp Hoa, đã giảng kinh này tại tinh xá Đại Lâm trong nước Tỳ-xá-ly, rồi tuyên cáo ba tháng nữa Phật sẽ nhập Niết-bàn. Các vị đệ tử như A-nan liền thưa hỏi Phật nhập diệt rồi thì nên tu hành như thế nào cũng như các pháp nghĩa Đại thừa quan trọng, đức Phật bèn dạy phương pháp quán tưởng đức tướng của ngài Phổ Hiền, cách sám hối để diệt tội nơi lục căn và công đức do sám hối. Kinh này được tông Thiên Thai coi là phần kết thúc của kinh Pháp Hoa, do vậy cùng với Vô Lượng Nghĩa và kinh Pháp Hoa hợp thành Pháp Hoa Tam Bộ.

Những điều được chép trong bộ Sơn Chí cũ sai lạc rất nhiều. Như với truyện Thiên Tuế Bảo Chương¹²⁴ trong quyển hai, nơi phần *Nêu tỏ ý nghĩa các kinh* đã nói: Trước năm Quý Hợi (63) thuộc niên hiệu Vĩnh Bình đời Hán, Thiên Tuế Bảo Chương đã trụ tại núi này, Bồ Công thấy dấu chân nai giống như hoa sen, liền theo đường tắt đến hỏi chuyện ngài Bảo Chương. Ngài Bảo Chương dạy Bồ Công qua Lạc Dương hỏi đạo với hai vị sư Ma-đăng và Pháp Lan. Năm Giáp Tý, Bồ Công qua Lạc Dương, yết kiến hai vị sư. Người biên soạn Sơn Chí chẳng biết Giáp Tý (64) chính là năm thứ bảy đời Hán Minh Đế (58-75), năm ấy vua mới sai Thái Âm, Tàn Cảnh, Vương Tuân v.v. sang Tây Vực tìm kiếm Phật pháp. Đến năm Đinh Mão (67), tức năm thứ mười đời Hán Minh Đế, hai vị sư mới theo những người ấy đến Lạc Dương. Theo truyện Bảo Chương trong Truyền Đăng Lục, ngài Bảo Chương đến Trung Quốc vào năm Kiến An hai mươi bốn (219) đời Hiến Đế (196-220) nhà Đông Hán. Vào thời Ngụy - Tấn, sư vào đất Thục lễ đức Phổ Hiền, ở lại chùa Đại Từ. Trong bản Sơn Chí cũ, truyện này chỉ bỏ đi một câu “Đông Hán, Hiến Đế...”, sao chẳng lấy điều này để chứng tỏ sự sai ngoa trong phần trên? Cả hai cảnh ấy đều còn mà vẫn chẳng thể nói ai đúng, ai sai được ư?

Đại sư Trí Giả cả đời chẳng đến Tây Thục, mà bản Sơn Chí cũ cũng lập truyện. Lại còn nói đại sư với tôn giả Mậu Chân, Tôn Chân Nhân, đấu cờ vây trên bàn cờ khắc trên tảng đá dưới chân ngọn Hô Ứng. Lại còn dựng am Hô Ứng để ở, đều dùng tiếng hô, tiếng đáp trong khi đấu cờ vây để đặt tên cho ngọn núi và am! Kể đặt ra thuyết này chẳng những không biết gì về ngài Trí Giả, mà còn hoàn toàn chẳng thông Phật pháp. Ngài Trí Giả cả đời đem thân phụng sự pháp, làm gương mẫu cho hàng hậu học, làm sao có thể hằng ngày cùng với ông tăng, đạo sĩ nhàn tản thường làm chuyện phạm giới cấm nhà Phật, vui chơi đánh mất chí hướng cho được?

¹²⁴ Ngài Bảo Chương (?-657) là người Trung Ấn Độ, được cõng đến xưng tụng là hòa thượng Bảo Chương Thiên Tuế (vị hòa thượng tay báu ngàn tuổi). Theo truyền thuyết, lúc ngài sanh ra tay trái nắm chặt mãi đến 7 tuổi mới mở ra, nên có tên là Bảo Chương. Ngài đến Trung Hoa vào thời Ngụy - Tấn, vào đất Thục (Tứ Xuyên) tham lễ Phổ Hiền. Sư thường nhịn ăn, hằng ngày tụng kinh Bát-nhã đến hơn một ngàn quyển. Một bữa, đột nhiên bảo đại chúng: “Ta nguyện trụ thế một ngàn năm, nay đã 626 năm rồi!” Vì thế, có danh xưng là Thiên Tuế. Sư từng tham phòng Ngũ Đài, Lô Sơn v.v.. Không lâu sau gặp Đạt-ma sang Trung Hoa bèn đến hỏi đạo, được khai ngộ. Từ năm Trinh Quán 15 (641), sư ở lại chùa Bảo Nghiêm tại Bồ Giang, chơi thân với thiền sư Lăng, thường sai một con chó trắng đưa thư, sư Lăng sai con vượn xanh đưa thư đáp lời. Sư thị tịch năm Hiến Khánh thứ hai.

Ngài Huyền Trang sanh vào năm Giáp Tý, tức năm Nhân Thọ thứ tư (604) đời Tùy Văn Đế. Anh ngài là pháp sư Tiệp cho ngài đi xuất gia, sống tại chùa Tịnh Độ ở Lạc Dương. Năm 15 tuổi, do nhà Tùy sụp đổ, bèn đến Trường An, khi ấy nhà Đường mới thành lập, vẫn còn nhiều chuyện chưa thể giải quyết xong, chưa rảnh rỗi để hoằng pháp được. Ngài cùng với anh qua Thành Đô cầu học, chẳng bao lâu, tiếng tăm lan xa. Năm Vũ Đức thứ năm (622), thọ giới cụ túc ở Thành Đô. Sư tính lên kinh đô để mong nghe được những điều chưa từng nghe. Bị anh giữ lại, sư bèn lên ra đi, theo đường Tam Hiệp đến Hán Dương, tới Tương Châu, theo đuổi chuyện cầu học, hoằng pháp. Sau đó đến Trường An, muốn theo gót các vị Pháp Hiền, Trí Nghiêm, bèn kết bạn, dâng sớ xin qua Tây Vực để cầu những kinh chưa có tại Trung Hoa. Thuở ấy cõi đời mới thái bình, Trung Hoa và ngoại quốc còn chưa qua lại, nên vua xuống chiếu không chuẩn tầu. Mọi người đều ngã lòng, riêng sư chẳng khuất phục, vào tháng 8 năm Trinh Quán thứ ba (629) bèn lên ra đi, suốt cả 17 năm mới trở về Trung Quốc. Đến Vu Điền¹²⁵, sư liền sai người dâng biểu lên Đường Thái Tông. Thái Tông ưu ái xuống chiếu đáp lời, lại còn hạ lệnh cho các quan chức có trách nhiệm dọc theo đường đi đều phải hộ vệ, đưa đón. Sư nghe vua muốn hỏi tội

¹²⁵ Vu Điền (Kustana, Khotan), còn có tên là Hòa Điền, là một vương quốc cổ thuộc Tây Vực, thuộc vùng trung Tarim, nằm trong miền Tây xứ Tân Cương ngày nay, có quan hệ rất lớn đối với Phật giáo Đại thừa. Kustana có nghĩa là Địa Nhũ (sữa đất). Trung Hoa đã biết đến xứ này từ thời Tây Hán. Đời Hán Minh Đế, năm Vĩnh Bình 16 (73), Ban Siêu từng đem quân tấn công Vu Điền, vua Vu Điền chấp nhận trở thành chư hầu nhà Hán. Theo Đại Đường Tây Vực Ký quyển 20, xứ này quá nửa là lũng cát, nhưng khí hậu ôn hòa, có nhiều bảo ngọc, sản vật phong phú, dân chúng hòa hoãn, sùng mộ Phật pháp. Từ Ấn Độ vào Trung Hoa, phần lớn phải đi qua xứ này nên tại đây giữ được rất nhiều kinh Phật. Vào năm Thái Khang thứ bảy (286) đời Tây Tấn, ngài Kỳ-đa-mật-tê là người Vu Điền đã dịch Quang Tán Bát-nhã tại đây. Ngài Chi Pháp Lãm cũng tìm được bộ Lục Thập Hoa Nghiêm tại xứ này. Cũng tại Vu Điền, vào thời Bắc Lương, ngài Đàm-vô-sám cầu được kinh Đại Bát Niết-bàn, Thư Cừ Kinh Thanh tìm được Thiền Pháp Yếu Giải, Thiền Tông Bí Yếu Trị Bệnh Kinh; vào thời Tiêu Tề, ngài Pháp Hiền tìm được Quán Thế Âm Sám Hối Trừ Tội Chú Kinh. Vào thời Lương (548), ngài Cầu-na-bạt-đa người xứ Vu Điền mang kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã từ Vu Điền đến Trung Hoa. Đến đời Đường, ngài Thật-xoa-nan-đa là người xứ Vu Điền đã mang Bát Thập Hoa Nghiêm sang Đông Thổ. Đến thế kỷ thứ 9, vương triều Karakhanids (sử Tàu gọi là Mặc Hãn vương triều) tấn công, chiếm đóng Vu Điền, buộc dân chúng cải theo đạo Hồi, đạo Phật dần dần suy vong, ngôn ngữ bị cải biến theo giọng của các sắc dân Đột Quyết (Turkic). Sau khi vương triều Mặc Hãn bị diệt vong, Vu Điền lần lượt rơi vào ách thống trị của Tây Liêu, Mông Cổ, rồi bị Càn Long nhà Thanh diệt quốc, biến Vu Điền thành một châu huyện của Trung Hoa (năm 1759). Đến đời Quang Tự, Vu Điền bị đổi tên thành huyện Hòa Điền, trực thuộc Khang Châu.

xứ Liêu Tân, sợ trùng trùng sẽ chẳng gặp được nhà vua bèn lên đường đi suốt ngày đêm. Từ Lưu Sa đến Sa Châu, đều do đường Cam Túc mà đến, vua sắc các quan chức có trách nhiệm phải chuẩn bị nghi trượng nghênh tiếp. Đột nhiên sư đã đến Tây Tào của kinh thành, vị quan chịu trách nhiệm nơi đó không biết xoay trở ra sao. (Do căn cứ theo hành trình mà chuẩn bị nghi trượng, nhưng vì sư đi suốt ngày đêm nên mới đón hụt). Từ đây hằng ngày sư lo phiên dịch. Sự nghiệp chưa hoàn tất đã tịch, lẽ nào có chuyện ngài còn trở sang Tây Vực, đến động Cửu Lão núi Nga Mi, gặp đức Thánh nói kệ, truyền dạy kinh ư? Chỉ vì đời đã xa, người đã khuất, qua bao lượt biên dâu, sách vở thất lạc, thiếu chứng cứ đến nỗi đem chuyện sai lầm truyền tụng sai lầm, không cách nào khảo cứu để sửa cho đúng được, nên mới thành ra như thế!

Vào cuối đời Minh, ông Hồ Thế An¹²⁶ thích đi chơi núi, tuy tin Phật nhưng chẳng lãng lờn nghiên cứu. Vì vậy thu thập rộng rãi những sáng tác nghệ thuật, biên tập thành bộ sách Dịch Nga Lại, thật ra Dịch Nga Lại chính là công trình sưu tập văn học¹²⁷ cho bộ Sơn Chí của Trương Hồ Thần đời Thanh. Hồ Thần tự cho là bộ Dịch Nga Lại đã thu thập hết những trước tác chẳng sót một chữ nào, nhưng những gì ông ta sao lục chẳng ngoài mô tả những ngọn núi chót vót, vách núi đẹp tốt vời, tình huống gió mây biến chuyển, chùa chiền hưng thịnh hay suy sụp mà thôi! Còn đối với nguyên do đức Phổ Hiền khởi lòng từ, vận lòng bi và tại sao tứ chúng cạn lòng thành tận lòng kính thì vẫn chưa thể hình dung được chút nào; huống hồ là quang cảnh rạng ngời nơi bốn địa của Bồ-tát, tâm tứ chúng khế hợp biển giác thì làm sao có thể hình dung cho được?

¹²⁶ Hồ Thế An (không rõ năm sinh-1663), tự là Xử Tĩnh, biệt hiệu Cúc Đàm, người huyện Khai Tĩnh, Tứ Xuyên, đỗ tiến sĩ năm đầu Sùng Trinh (1628) đời Minh, đến thời Thuận Trị làm quan đến chức Vũ anh điện Đại học sĩ, kiêm Binh bộ Thượng thư, tước Thái Tử Thái Bảo và Thái Tử Thái Phó. Ông thích du sơn ngoạn thủy, trước tác rất nhiều tác phẩm ca ngợi cảnh núi sông xinh đẹp, nổi tiếng nhất là bộ Tú Nham Tập (11 quyển). Những tác phẩm nổi tiếng khác là Đại Dịch Tắc Thông, Hễ Thiếp Tổng Văn, Dị Ngu Đồ Tấn Tiên, Dị Ngu Đồ Tấn Bồ v.v.. Những tác phẩm này đều được đưa vào bộ Tứ Khố Toàn Thư.

¹²⁷ Nguyên văn là “quyền dư”: Quyền Dư là tên một bài thơ trong phần Tàn Phong (dân ca đất Tàn) thuộc thiên Quốc Phong trong kinh Thi. Về sau Quyền Dư được dùng như một từ ngữ chỉ công việc thu thập những sáng tác dân gian. Hiện thời, đa phần tăng nhân ở Nga Mi vẫn tin bộ Nga Mi Sơn Chí được biên soạn dựa trên bộ Dịch Nga Lại do Hồ Thế An (tuy tác giả thật sự của bộ Dịch Nga Lại là Trương Hồ Thần) biên tập vào thời Vạn Lịch nhà Minh.

Thêm nữa, núi này xưa kia có quán, miếu của Đạo giáo. Từ khi đại pháp hưng thịnh, họ lần lượt trở về với lễ chân. Quả sáng diệt yêu quái, chói ngời dựng chùa nơi ngọn núi Trung Ương. Bọn khoác áo lông (đạo sĩ) cảm đức, lũ đội mũ vàng trở thành tăng sĩ mặc áo thâm. Từ đây nhất trí tiến hành, quy y tam bảo, Đạo giáo mất tăm mất tích đã hơn một ngàn năm. Đối với những chuyện về đức Phổ Hiền và bậc cao tăng thuở trước đã có kinh truyện để khảo chứng mà bộ Sơn Chí cũ vẫn còn ghi chép lảm điều sai ngoa, hướng hồ là những sự thực về Đạo giáo vốn bị tuyệt tích đã lâu, há lại chẳng thể sai ngoa được ư? Hoàng Đế¹²⁸ đến núi Không Động, hỏi đạo với Quảng Thành Tử¹²⁹, như đã chép trong thiên Tại Hựu sách Trang Tử thì làm sao lại có thể đến núi Nga Mi hỏi đạo nơi Thiên Hoàng chân nhân cho được?

¹²⁸ Hoàng Đế là một vị thánh quân thời cổ theo huyền sử Trung Hoa. Vua họ Công Tôn (có thuyết nói là họ Cơ), tên là Hiên Viên, hiệu là Hiên Viên Thi, hoặc Hữu Hùng Thi, là con của Thiếu Điền, họ Công Tôn, đóng đô tại gò Hiên Viên thuộc Trịnh Châu (nay thuộc tỉnh Hà Nam). Mẹ Hoàng Đế thấy tia sáng Bắc Cực bèn có thai, rồi sanh ra ông. Hoàng Đế dẹp yên các bộ tộc đối kháng, được tôn làm Cộng Chủ, tức vua Trung Nguyên. Kẻ thù đáng gờm nhất của ông ta là Si Vu, vua của bộ tộc Cửu Lê ở phía Đông. Sau ba năm giao tranh dai dẳng, cuối cùng Hoàng Đế đánh bại được Si Vu tại cánh đồng Trác Lộc (thuộc địa phận Hà Nam), thống nhất Trung Nguyên. Tuy thế, theo các sử gia, thời ấy vẫn chưa thể nào có một chế độ quân chủ trung ương tập quyền như thời Hán sau này, Cộng Chủ chỉ là thủ lãnh tối cao của tù trưởng các bộ tộc. Do đất của bộ tộc Cửu Lê nằm trong lưu vực sông Dương Tử và phía Nam Hoàng Hà, không thuộc địa bàn cai trị của Hoàng Đế, sau khi đánh bại tộc Cửu Lê, vua phải lo tổ chức guồng máy cai trị cũng như khai khẩn tại phía vùng đất mới, phải tốn rất nhiều thời gian và sức lực để giữ yên dân tình, hầu như không thể nào có thời gian rảnh rỗi để trò chuyện dạo chơi tận núi Nga Mi ở phía Tây để gặp Quảng Thành Tử hỏi đạo! Đường vào đất Thục (Tứ Xuyên) còn hiểm trở hơn nữa. Ngay đến thời Hán Cao Tổ, khi bị Sở Bá Vương Hạng Vũ phong cho đất Ba Thục (Tứ Xuyên), đường vào Tứ Xuyên vẫn còn rất hiểm trở đến nỗi khi Trương Lương lập kế nghi binh, cho đốt sạn đạo, Hạng Vũ bèn an tâm ngủ say trên chiến thắng, cho rằng Lưu Bang không còn đường nào khác để thoát ra khỏi Ba Thục được. Tới thời An Lộc Sơn làm phản, vua tôi nhà Đường phải chạy vào Tứ Xuyên, đường vào đất Thục vẫn còn rất hiểm trở đến nỗi thi nhân thời ấy than thở “đường vào đất Thục cheo leo tận trời thăm”.

¹²⁹ Quảng Thành Tử được nhắc đến đầu tiên trong thiên Tại Hựu của Trang Tử. Theo đó, Quảng Thành Tử đang tu tại núi Không Động, Hoàng Đế đến hỏi đạo hai lần. Quảng Thành Tử dạy về thuyết tinh - khí - thần, chú trọng tu dưỡng nội tâm. Có thể đây là một câu chuyện ngụ ngôn do Trang Tử đặt ra nhằm trình bày quan điểm triết học của chính ông vì Trang Tử rất nổi tiếng về những câu chuyện ngụ ngôn, đến nỗi người Hán thường gọi những chuyện bịa đặt nhằm gợi ý riêng là “Trang Tử ngụ ngôn”; nhưng Đạo giáo bèn vịn vào đó, đặt ra rất nhiều thuyết để khẳng định Quảng Thành Tử chính là do Thái Thượng Lão Quân (Lão Tử) hóa thân. Họ còn soạn ra Thái Thượng Lão Quân Khai Thiên Kinh để làm căn cứ chứng minh cho câu chuyện này và tôn xưng Không Động Sơn là Đạo Giáo Đệ Nhất Sơn. Điều đáng nói là thuyết tinh - khí - thần là một thuyết được lập ra rất trễ sau khi Đạo giáo đã phát triển; ngay cả thời Trương Lăng sáng lập Ngũ Đấu Mễ

Thiên Hoàng chân nhân chính là Quảng Thành Tử! Hoàng Đế là người có trách nhiệm với thiên hạ, đâu thể nào sánh với tăng sĩ hay đạo sĩ nhàn tản, tùy ý vân du. Đã đến Không Động hai lần, ắt có sở ngộ. Dầu cho Quảng Thành Tử dời sang sống tại Nga Mi, lẽ nào Hoàng Đế lại tới Nga Mi? Huống chi đường sang đất Thục gian nan, đến nay vẫn còn nghe tiếng than vang dậy. Trong thời Hoàng Đế, chẳng lẽ không khó khăn hơn hiện thời trăm ngàn lần ư? Vì thế biết những điều ghi chép ấy đều là bịa đặt. Dầu cho cực đích xác đi nữa, cũng chẳng liên quan khẩn yếu, bởi những pháp được nói ấy đều là pháp thuộc về Nhân thừa và Thiên thừa trong Phật pháp. Đạo giáo ở Nga Mi đã tuyệt tích từ lâu, sao lại còn lập riêng pháp ấy để đến nỗi đời sau bị phân vân đôi đường, chẳng biết theo ngã nào? Bởi thế đem những chuyện ghi chép ấy bỏ đi gần hết, hồng gương cao Phật nhật thích hợp khắp ba căn, chắc cũng được Thiên Hoàng chân nhân tán thành, chấp thuận.

Quang là một ông tăng tầm thường, sao dám đối xưng là bậc thông gia hòng tu chính bốn bộ Sơn Chí của *tứ đại danh sơn*! Nhưng do ở đậu núi Phổ Đà hơn 30 năm; năm Dân Quốc 11 (1922), Tri sự huyện Định Hải là ông Đào Tại Đông đề xướng tu chính bộ Phổ Đà Sơn Chí, thỉnh bậc túc nho trong vùng là tiên sinh Vương Nhã Tam chủ trì việc ấy. Đối với đạo Nho, có thể xưng tụng ông Vương là bậc bác lãm, nhưng đối với đạo Phật ông ta chưa hề nắm được đường lối. Ông ta tu chính Sơn Chí xong, bậc kỳ túc trong núi sai Quang sửa chữa lại. Gần đây Quang do khắc in các sách trọn chẳng được rảnh rỗi. Đến năm Dân Quốc 19 (1930), yểm quan tại thành Tô Châu, mới in ra sách, thì một đệ tử là Lý Viên Tịnh nhiệt tâm làm chuyện công ích, nói: “Phổ Đà, Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa là tứ đại danh sơn của Trung Quốc, thầy đã sửa đổi bộ Phổ Đà Sơn chí thỏa đáng rồi đem ấn hành, nhưng ba bộ Sơn Chí của Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa cũng chớ nên mặc kệ không quan tâm đến!”

Do vậy đặc biệt cầu thỉnh người trước kia đã soạn Quán Âm Bồ Tát Tích Cảm Ứng Tụng, Lịch Sử Cảm Ứng Thông Kỳ và Phật Học Cứu Kiếp Biên là một đệ tử quy y ở Bành Trạch tỉnh Giang Tây túc cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh soạn cương yếu. Quang chỉ đảm nhiệm việc cắt xén cho thỏa đáng và ấn hành, còn việc giáo chánh đưa về cho

đạo (tiền thân của Đạo giáo), cũng chưa thấy nói đến khái niệm tinh - khí - thần! Nếu Quảng Thành Tử thật sự là Thái Thượng Lão Quân, sao Đạo Đức Kinh không hề nhắc đến tinh - khí - thần? Đến thời Minh, qua sự miêu tả của Hứa Trọng Lâm trong Phong Thần Diễn Nghĩa, Quảng Thành Tử là thủ lãnh của mười hai vị Kim Tiên thuộc phe Xiển Giáo, sống tại Đào Nguyên thuộc Cửu Tiên Sơn, khiến cho bọn đạo sĩ càng thêm sùng bái vị tiên này.

vị hiện đang ở nơi xa lãnh nhiệm vụ trụ trì chùa Thọ Lượng ở Cám Châu là pháp sư Đức Sâm và cư sĩ Trần Vô Ngã. Thanh Lương Chí đã in thành sách vào năm ngoái. Nga Mi Chí chẳng bao lâu nữa cũng sẽ cho ấn hành. Cửu Hoa Chí chắc là trong khoảng từ xuân sang hạ năm sau sẽ in ra được. Bốn bộ Sơn Chí cũ chỉ có Thanh Lương Chí là hay nhất, kể đến là Phổ Đà Chí, Nga Mi Chí lại kém hơn nữa, Cửu Hoa Chí đứng hạng bét. Ấy là vì ba bộ Sơn Chí đều do hạng Nho sĩ chẳng thông hiểu Phật học sửa chữa, mới đến nổi mua rương trả lại ngọc¹³⁰, kính trọng linh hầu, khinh mạn chủ nhân, chỉ dốc sức miêu tả hình thể núi non huyền vọng, chẳng hình dung được chỗ Bồ-tát khởi lòng từ, vận lòng bi cứu khổ ban vui. Chú trọng đến núi, chẳng chú trọng vào Phật, làm việc điên đảo. Tuy có Sơn Chí nhưng chẳng thể làm cho người thấy, kẻ nghe tăng trưởng thiện căn, gieo nhân Bồ-đề. Đây là chỗ ngụ ý sâu xa của bộ Sơn Chí hiện thời, nên tôi trình bày đại lược ý ấy. Nhưng vì chẳng phải là người đích thân trải qua cảnh sắc nơi ấy, nên chẳng thể hỏi han tường tận được, chỉ dựa theo bộ Sơn Chí cũ và các kinh truyện để tra cứu, điều chỉnh. Đối với những bậc danh đức gần đây và những kiến trúc mới đều nhất loạt chẳng ghi thêm vào, để khỏi vướng lỗi sót tên bậc danh đức, bị chê bai “ghi tên một vị để sót cả vạn”. Người sáng mắt hiểu biết ắt sẽ lượng thứ cho!

24. Lời tựa tu chỉnh Cửu Hoa Sơn Chí

(Năm Dân Quốc 26 - 1937)

Chân như Phật tánh, chúng sanh và Phật đồng thể, tại phàm chẳng giảm, nơi thánh không tăng. Dầu tánh đức tuy đồng, tu đức khác biệt, nên đến nỗi chúng sanh và Phật khác xa, khổ vui khác biệt vời vợi. Chư Phật vì thuận tánh tu hành, do đây bỏ vọng về chân, trái trần hợp giác, đoạn sạch phiền hoặc, triệt chứng chân như Phật tánh sẵn có trong chính cái tâm này. Vì thế được yên trụ trong Tịch quang, vĩnh viễn hưởng pháp lạc Niết-bàn thường trụ. Chúng sanh vì nghịch tánh mà tu, do vậy mê chân đuổi theo vọng, trái giác hiệp trần, khởi hoặc tạo nghiệp, hoàn toàn bị mê nơi chân như Phật tánh sẵn có trong chính cái tâm này. Do vậy thường trụ trong Sa-bà, luôn chịu nỗi khổ huyền vọng luân hồi trong sáu nẻo. Do chư Phật thấy chúng sanh về tâm thể thì đồng nhưng tâm tướng lại khác, nên thương xót khôn ngần, chẳng nài khổ nhọc, phát hoằng thệ nguyện độ thoát chúng sanh, bởi coi hết thấy chúng sanh

¹³⁰ Nguyên văn “mãi độc hoàn châu” là một thành ngữ ngụ ý chỉ chú trọng bề ngoài không trọng thực chất.

đều là Phật vậy! Vì thế kinh Phạm Võng nói: “Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh.” Lại nói: “Ông là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành. Thường tin được như vậy thì giới phẩm đã trọn đủ.” Bởi lẽ nếu đã tin chính mình là Phật trong tương lai, chắc chắn sẽ chẳng chịu tùy thuận phạm tình tạo nghiệp sanh tử, chắc chắn lập tức tin nhận lời Phật dạy, tu đạo Bồ-đề.

Có kẻ mê muội cạn, tức căn sâu xa, vừa nghe lời Phật dạy, liền được liễu ngộ, tin nhận phụng hành. Có những kẻ mê muội sâu xa, tức căn nông cạn, vừa nghe lời Phật dạy, liền ngược ngạo sanh lòng phỉ báng, hoặc còn hủy diệt cho hết sạch chẳng còn sót gì, bởi họ coi Phật là chúng sanh vậy. Dùng cái tâm chúng sanh tham sân si của chính mình để suy lường tâm Phật, cho những gì ngài đã nói đều là những lời dối trá nhằm lừa bịp ngu phu ngu phụ tuân phụng giáo pháp của Phật, hoàn toàn chẳng chân thật, chẳng thể tin cậy được. Nếu tin theo sẽ vĩnh viễn đi vào nẻo mê, không cách gì thoát ra được. Đối với loại chúng sanh ấy, tâm chư Phật trọn chẳng có một niệm vứt bỏ, càng sanh lòng xót thương yêu tiếc gấp bội. Như kẻ mắc bệnh cuồng, đánh chửi cha mẹ, cha mẹ chẳng trị tội mà lòng càng thêm thương xót, biết hẳn đã mất bản tâm rồi! Nếu lành bệnh cuồng sẽ tự chẳng mắc lỗi ấy.

Nếu là kẻ mê cực sâu, từ kiếp này sang kiếp khác cũng khó tỉnh ngộ, cho nên chư Phật thệ nguyện “độ thoát chúng sanh đến hết đời vị lai”, những vị Bồ-tát đã chứng pháp thân không vị nào chẳng đều như vậy. Những kẻ do tự tư tự lợi bèn báng Phật nếu biết được nghĩa này há chẳng thẹn đến chết ư? Kẻ mê cạn, tức căn sâu xưa nay chẳng thiếu người. Nay nêu lên những trường hợp đặc sắc nhất, như Thừa tướng Trương Thương Anh đời Tống, cư sĩ Chung Đại Lãng thời Minh.

Thương Anh thoát đầu chẳng biết đến Phật pháp, do đến chơi một ngôi chùa, thấy kinh Phật trang nghiêm thù thắng, giận dữ nói: “Sách của người Hồ lại được trang nghiêm như vậy, sách của bậc thánh nước ta vẫn chưa thể sánh bằng.” Tối đến, cầm bút, rên rỉ, không viết được một bài nào. Phu nhân là Hướng Thị khá tin Phật, thấy vậy bèn hỏi chồng rên rỉ về chuyện gì. Ông đáp: “Ta định viết bài luận chứng mình không có Phật.” Phu nhân nói: “Đã là không có Phật, cần gì phải luận nữa! Mà ông đã từng đọc kinh Phật chưa vậy?” Đáp: “Ta đời nào chịu đọc loại kinh ấy!” Phu nhân nói: “Đã chưa đọc kinh của người ta thì dựa vào ý nghĩa nào để luận định đây!” Ông bèn thôi.

Sau đấy ở chỗ bạn đồng liêu, thấy trên bàn có cuốn kinh Duy-ma-cật bèn ngẫu nhiên mở ra xem, cảm thấy từ lý cao siêu, tuyệt diệu, nhân đấy bèn thỉnh về đọc cho hết. Chưa được quá nửa, bèn sanh lòng hối hận, ngộ đạo lớn lao, phát nguyện hết báo thân này hoằng dương pháp hóa. Đối với Giáo lần Tông thấy đều tâm đắc, soạn cuốn Hộ Pháp Luận cực lực tán dương, luận ấy được đưa vào Đại tạng. Ông ta vào triều làm Thừa tướng đời Tống Huy Tông, lúc ấy hạn hán đã lâu, ngay đêm đó trời liền đổ mưa ngọt lai láng, Huy Tông viết hai chữ to “Thương Lâm” thưởng cho ông. Ấy là lấy ý nghĩa trong thiên Thuyết Mạng của sách Thương Thư: “*Nhược tuế đại hạn, dụng như tác lâm vũ*” (Như gặp năm bị hạn hán to, dùng người như được trận mưa dầm) để khen ngợi vậy.

Chung Đại Lãng¹³¹ người trấn Mộc Độc, Tô Châu, cha mẹ cầu đảo Quán Âm sanh được ông. Thuở nhỏ theo cha mẹ lễ tụng, nhưng đến khi đi học nghe được cái học của đạo Nho bèn lấy việc hoằng dương đạo Nho làm trách nhiệm của chính mình. Do vậy chẳng những không lễ tụng mà còn tự tiện viết văn báng Phật. Về sau đọc bài tựa cuốn Tự Tri Lục của đại sư Liên Trì mới biết hổ thẹn, chẳng còn báng Phật nữa. Đọc kinh Địa Tạng Bồ-tát Bồn Nguyên, ông liền phát tâm học Phật làm cư sĩ, rồi nghiên cứu các sách của Thiên Thai và Thiên tông, mỗi mỗi đều có sở đắc, bèn lễ môn nhân¹³² của đại sư Hám Sơn xin xuất gia, pháp danh là Trí Húc, tự là Ngẫu Ích. Giới hạnh trong sạch như băng tuyết, kiến địa sáng tỏ như nhật nguyệt, nhưng ngài chú trọng một pháp Tịnh độ. Do chúng sanh đời mạt chẳng nương theo Phật lực, quyết khó thể liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Cả đời hoằng pháp, chẳng làm trụ trì, do thường ngụ tại chùa Linh Phong ở núi Bắc Thiên Mục nên người đời sau thường gọi ngài là Linh Phong, chứ thật ra ngài chẳng phải là chủ nhân của Linh Phong.

Như bọn Hàn, Âu báng Phật, chỉ căn cứ theo những hành vi luân thường gần gũi của đạo Nho và lấy lễ nhạc, hình phạt, sự cai trị để luận, trọn chẳng dẫn kinh văn nhà Phật để luận. Do vậy biết những lời chê bai của bọn họ đều là chưa thấy màu

¹³¹ Tổ Ngẫu Ích tên thật là Chung Tế Minh, sau khi đọc cuốn Tự Tri Lục và Trúc Song Tùy Bút của tổ Liên Trì, ngài tự biết trước kia mình đã sai trái, bèn đốt hết những bài văn báng Phật. Năm 20 tuổi, do đọc kinh Địa Tạng Bồn Nguyên bèn phát chí xuất gia, đến năm 23 tuổi, tự phát ra 48 nguyện, tự xưng là Ưu-bà-tắc Đại Lãng. Do vậy đa số sách vở khi viết về giai đoạn trước khi ngài xuất gia đều gọi ngài là cư sĩ Chung Đại Lãng.

¹³² Tổ Trí Húc xin xuất gia với ngài Tuyết Lãnh, đệ tử của đại sư Hám Sơn.

sắc đã bàn luận mù quáng. Họ Hàn (Hàn Dũ) do gặp được thiền sư Đại Điền¹³³, họ Âu (Âu Dương Tu) do gặp được đại sư Minh Giáo¹³⁴ mới hơi biết về Phật, nên chẳng thể hoảng dương như họ Trương, họ Chung được. Nhưng những ông Chu, Trình, Trương, Chu đời Tống là người tiếp nhận được đạo tâm truyền của Khổng Mạnh xét về nguồn gốc đều do học Phật mà được. Ông Chu Mậu Thúc người cực thuần hậu, trọn chẳng báng Phật một chữ. Hai ông Trình, họ Trương và họ Chu¹³⁵ thì ngầm ngầm khâm phục, ngoài mặt chống đối, họ lấy những ý nghĩa sâu thẳm trong kinh Phật để giải thích kinh điển đạo Nho, sợ người đời sau bảo những gì họ nói đều phát

¹³³ Đại Điền Bảo Thông (732-824), người xứ Dĩnh Châu, họ Trần, pháp hiệu Bảo Thông, tự đặt hiệu là hòa thượng Đại Điền. Trong niên hiệu Đại Lịch, sư theo học với ngài Dược Sơn Duy Nghiễm, rồi qua Nam Nhạc tham yết ngài Thạch Đầu Hy Thiên, đại ngộ tông chỉ, được nối pháp Tào Khê. Sư dựng thiền viện Linh Sơn tại dưới rừng Tây U ở Triều Châu, ra vào thường có cộ đi theo, môn nhân hơn ngàn người. Lúc ấy Đường Hiến Tông thờ phụng xá-lợi trong cung, cảm được xá-lợi phóng quang, quần thần dâng biểu chúc mừng, riêng Hàn Dũ lại dâng sớ can vua đừng mê tín đạo Phật, đòi đốt kinh Phật, dẹp chùa, đuổi tăng về làm dân. Vua tức giận, đày Hàn Dũ đi Triều Châu. Tới Triều Châu, nghe danh Đại Điền, Hàn Dũ bèn mời tới, giữ lại hơn mười ngày, định dùng lời lẽ đánh bại sư. Rốt cuộc Hàn Dũ hết sức khâm phục sư, thường lui tới hỏi đạo, tà kiến báng Phật cũng giảm dần. Sư từng tự chép kinh Kim Cang một ngàn năm trăm biến, chép Pháp Hoa, Duy-ma mỗi kinh ba mươi bộ. Trước thuật gồm hai bộ Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh Thích Nghĩa và Kim Cang Kinh Thích Nghĩa. Tháp sư được dựng bên chùa. Cuối đời Đường, giặc giã phá tháp, thấy xương sọ đã tiêu hết, chỉ còn lưỡi vẫn tươi nhuận như khi còn sống, bèn chôn đàng hoàng, gọi là Ế Thiết Trùng (mồ chôn lưỡi). Đến niên hiệu Chí Đạo đời Tống, người trong vùng lại đào lên, chỉ thấy lưỡi vẫn còn, bèn chồng đá dựng tháp, đặt tên là Thiết Kính Tháp (tháp gương lưỡi).

¹³⁴ Đại sư Minh Giáo chính là ngài Khế Tung (1007-1072), một vị cao tăng thuộc tông Vân Môn sống vào đời Tống, quê ở Đàm Tân, Đằng Châu (nay là huyện Đằng tỉnh Quảng Tây), tự Trọng Linh, hiệu Tiềm Tử. Sư xuất gia năm 7 tuổi, 13 tuổi được thể phát, thọ giới, 19 tuổi đi tham học khắp nơi, đầu thường đội tượng Quán Âm, mỗi ngày trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát mười vạn câu. Về sau sư đắc pháp nơi thiền sư Hiểu Tông thuộc tông Tào Động. Sư đọc trọn khắp các kinh điển, sách vở, rất giỏi văn chương, thường nhấn mạnh thuyết “Nho - Phật nhất trí”. Khi Âu Dương Tu cực lực bài xích đạo Phật, dùng những lời lẽ báng Phật để mê hoặc Tống Nhân Tông, sư soạn Phụ Giáo Biên dâng lên vua, vua đọc xong hết sức khâm phục, sai Hàn Kỳ đưa cho Âu Dương Tu coi, họ Âu kinh ngạc, nói: “Không ngờ trong tầng chúng có được người như thế?” Bèn xin Hàn Kỳ cho gặp mặt. Khi gặp sư, Âu Dương Tu cật vấn suốt cả ngày, bị sư hoàn toàn khuất phục, từ đó không báng Phật nữa. Ngoài bộ luận Phụ Giáo Biên nổi tiếng ra, sư còn trước tác những cuốn Truyền Pháp Chánh Tông Định Tổ Đồ, Truyền Pháp Chánh Tông Ký v.v.. Những trước tác của sư được Tống Nhân Tông hết sức ngưỡng mộ, hạ lệnh đưa vào Đại tạng, ban tặng cho sư ca-sa tía và ban hiệu là đại sư Minh Giáo. Sau khi sư thị tịch tại chùa Linh Ấn vào năm Hy Ninh thứ năm (1072), môn nhân thu thập những ngữ lục của sư soạn thành bộ Đàm Tân Văn Tập, 20 quyển.

¹³⁵ Hai ông Trình là anh em Trình Di, Trình Hạo, Trương là Trương Tải, Chu là Chu Hy, đều là những nhà sáng lập ra Lý học. Mậu Thúc là tên tự của Chu Đôn Di, cũng là một nhà Lý học.

xuất từ kinh Phật bèn cực lực báng bổ thật sự, thật lý “nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo” do đức Phật đã nói, cho là Phật bịa chuyện để làm căn cứ gạt gẫm ngu phu, ngu phụ tin thờ giáo pháp của Phật, chứ thật sự không hề có chuyện ấy.

Từ đây trở đi, phàm là nhà Nho đều chẳng dám nói đến nhân quả, sợ bị người khác công kích là dị đoan. Phàm bọn Lý học đều lén lút xem kinh Phật để tự hù, nhưng đều cực lực báng Phật để tự củng cố địa vị, danh tiếng, đến nỗi càng lúc càng đi xuống, cho nên mới diễn ra thảm kịch tai họa liên miên, dân không lẽ sống. Nếu như mọi người đều đề xướng nhân quả sẽ hoàn toàn chẳng đến nỗi cùng cực như thế này. Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân trị thiên hạ, để chư Phật độ chúng sanh. Bỏ nhân quả đi sẽ không thể lập ra cách nào khác được. Nay đời loạn đến cùng cực, mong cõi đời yên ổn, mà nếu vẫn chẳng lấy nhân quả làm gốc thì cái họa mai sau sẽ còn thâm kịch liệt hơn nữa!

Núi Cửu Hoa là đạo tràng ứng hóa của Địa Tạng Bồ-tát. Địa Tạng Bồ-tát trong vô lượng kiếp trước đã chứng pháp thân từ lâu, đã thành Phật đạo, nhưng chẳng ở địa vị Phật. Do phát nguyện “độ hết chúng sanh mới chứng Bồ-đề, địa ngục chưa trống thề chẳng thành Phật”, tâm xót thương chúng sanh chịu nỗi khổ sanh tử sâu đậm, thiết tha không cách nào diễn tả được! Vì thế khi đức Phật vì mẹ thuyết pháp trên cung trời Đao-lợi, mười phương thế giới chư Phật Bồ-tát, thiên long bát bộ đều đến dự hội, dầu dùng Phật nhãn vẫn chẳng thể tính biết được. Những vị Phật Bồ-tát ấy đều do ngài Địa Tạng giáo hóa nên mới đắc đạo quả, nhưng ngài Địa Tạng vẫn hiện thân dưới hình thức Thanh văn. Ngoài việc hiện đủ mọi loại thân để thuyết pháp trong mười phương thế giới ra, ngài lại thường trụ trong chốn u minh khổ sở tội bậc để cứu độ. Mười phương chư Phật Bồ-tát không vị nào chẳng tán thán tâm lòng sâu thẳm “hưng lòng từ, vận lòng bi” của ngài. Đại sư Ngẫu Ích vừa đọc kinh Địa Tạng Bồ-tát Bản Nguyện liền phát tâm đại Bồ-đề, do đức Địa Tạng là thầy của chư Phật, là mẹ của các Bồ-tát vẫn còn miệt mài chuyên chú độ bọn ta, nếu bọn ta chẳng coi “ta và người cùng thoát sanh tử” là chí hướng, sự nghiệp thì cô phụ từ ân cũng lớn lắm thay!

Bồ-tát thị hiện giảng sanh tại nước Tân-la vào đời Đường (Trước thời Đường Cao Tông, vốn có ba nước Cao-câu-ly, Tân-la, Bách-tế riêng biệt. Đường Cao Tông diệt Cao-câu-ly, đất đai của Bách-tế đều gộp vào nước Tân-la, hợp thành một nước. Thời Ngũ Đại, Vương Kiến kế thừa nước Tân-la, đặt quốc hiệu là Cao-ly. Từ đầu

đời Minh đến nay, đặt tên nước là Triều Tiên. Người ta thường cho Tân-la chính là Tiêm-la¹³⁶, thật lầm vậ), dòng dõi nhà vua, họ Kim, tên Kiêu Giác, đến năm Vĩnh Huy thứ tư (653) đời Đường Cao Tông, sư đến núi Cửu Hoa, sự khổ hạnh tu tập của ngài trong cõi đời không ai hơn được. Thức giả coi ngài là Địa Tạng thị hiện, xin coi chi tiết trong Sơn Chí, ở đây không cần phải viết nhiều. Nhưng những kẻ câu nệ hẹp hòi, chẳng biết hành trạng phân thân ứng hóa trong cõi nước nhiều như số vi trần của Bồ-tát, thường nói vị Địa Tạng này chẳng phải là Địa Tạng trong kinh Địa Tạng Bồ-tát Bản Nguyên. Nếu vậy thì cũng có thể nói hòa thượng Bồ Đại chẳng phải là Dương Lai Hạ Sanh Di-lặc Bồ-tát hay sao? Núi này kể từ khi được Bồ-tát kiến lập đạo tràng trở đi, sau nhiều năm tháng sâu xa, bao lượt đổi thay, đến nỗi sách vở thất truyền. Đến thời Gia Tĩnh nhà Minh mới biên tập Sơn Chí. Từ thời Vạn Lịch, Sùng Trinh nhà Minh cho đến Khang Hy, Càn Long, Quang Tự nhà Thanh, trải qua sáu lần biên soạn Sơn Chí đều do triều đình chủ trì, do Nho sĩ biên tập. Đối với lòng hoằng từ đại bi của Bồ-tát, ý nghĩa tinh diệu của pháp môn đều chưa nêu tỏ được,

¹³⁶ Tân-la (Silla) là một trong ba vương quốc cổ thuộc lãnh thổ Đại Hàn hiện thời, còn Tiêm-la là gọi tắt từ chữ Tiêm-la-hộc (tức tên gọi gộp chung của hai vương quốc Siam và Lwo), một vương quốc cổ tại Thái Lan. Trong ba nước cổ của Đại Hàn, Cao-câu-ly (Koguryo) lớn nhất, tồn tại từ năm 37 trước Công Nguyên cho đến năm 668. Địa phận nước này bao gồm vùng Đông Bắc Trung Hoa (gần trọn vùng Mãn Châu hiện thời) và $\frac{3}{4}$ bán đảo Triều Tiên (Joseon). Quốc gia này do Đông Minh Thánh Thái Vương Cao Chu-mông (Jumong) sáng lập. Bách-tế (Baekje) khá nhỏ, nằm ở vùng Tây Nam của bán đảo Triều Tiên, tồn tại từ năm 18 trước Công Nguyên đến năm 660 thì bị Tân-la liên minh với nhà Đường thôn tính tiêu diệt. Theo truyền thuyết, Bách-tế được sáng lập bởi Ôn-tộ (Onjo), con thứ của Chu-mông, sau khi bị anh dòng đích là Lư-ly vương (Yuri) đàn áp phải trốn khỏi Cao-câu-ly. Ôn-tộ đặt quốc đô tại thành Úy-lễ (Wiryesong, nay thuộc phụ cận Seoul). Tân-la (57 trước Công Nguyên đến 935) nhỏ nhất, nằm ở Đông Nam Hàn quốc hiện thời. Theo truyền thuyết, vua sáng lập Tân-la là Hách-cư-thế (Hyeokgeose) vốn là thần nhân từ trên trời cưỡi bạch mã xuống nhân gian, đóng đô tại Kim Thành (Geumseong, nay là Khánh Sơn - Gyongsan), xưng quốc hiệu là Từ-la-phạt (Seora-beol). Vào thời kỳ đầu, ba bộ tộc lớn là họ Phác (Pak), họ Tích (Seok) và họ Kim tranh giành quyền cai trị Từ-la-phạt. Đến năm 356, Nại-hốt vương (Naemul) họ Kim giành được uy quyền tuyệt đối, trở thành hoàng gia vĩnh viễn của Từ-la-phạt. Như vậy, ngài Kim Kiêu Giác là hậu duệ của Nại-hốt vương. Đến năm 503, mới chánh thức đổi tên vương quốc Từ-la-phạt thành Tân-la. Khi nhà Đường diệt Bách-tế và Cao-câu-ly, Tân-la thừa cơ chiếm trọn bán đảo Triều Tiên, trở thành một vương quốc hùng mạnh. Đến năm 780, khi Huệ-cung vương (Hyeongong) chết, trong triều đình xảy ra chuyện tranh giành ngôi vua, vương quốc Tân-la lâm vào cảnh quân phiệt cát cứ. Cho đến năm 901, Tân-la bị chia thành ba mảnh nhỏ: Tân-la, Hậu Bách-tế và Hậu Cao-câu-ly. Sử gọi là Hậu Tam Quốc thời đại. Về sau Vương-kiến (Wang Geon) xứ Hậu Cao-câu-ly đánh bại hoàng tộc ba nước, thống nhất sơn hà, đổi tên nước thành Cao-ly (Goryeo).

nên chẳng khác gì những sơn kinh thủy chí tầm thường, thật đã mất đi ý nghĩa của một đạo tràng vì nước cầu an, vì dân chúc phúc nơi danh sơn, nhưng cũng không có câu chữ nào hủy báng Phật pháp. Bộ Sơn Chí thời Quang Tự, khi Chu Sơn Môn tu chỉnh đã đưa thêm vào rất nhiều lời văn hủy báng hòng phô trương tri kiến cao minh của chính mình, buộc tăng chúng bỏ tiền, nhưng bản thảo vẫn giữ tại công đường nơi huyện lỵ, không cho phép khắc in, tôi chẳng biết ý ông ta như thế nào!

Do ông Lý Viên Tịnh xin tu chỉnh, tôi bèn cậy cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh xem xét, hiệu đính, nhờ thầy Đức Sâm biên tập. Sách đã hoàn thành (hết thầy nhân duyên thành tựu, trong lời bạt của thầy Đức Sâm nơi quyển cuối đã nêu căn kẽ, ở đây không nhắc lại nữa). Do vậy trình bày đại lược lòng đại từ bi sâu xa của Bồ-tát hòng người thấy kẻ nghe ai nấy đều sanh chánh tín, ngõ hầu cậy vào từ lực của Bồ-tát thoát khỏi nỗi khổ huyễn vọng, được sự vui rốt ráo. Nhân đó bèn tán rằng:

*Đại sĩ thệ nguyện bất khả trắc,
Vận bi châu biến trần sát quốc,
Chúng sanh tận hậu thệ phương hưu,
Địa ngục không thời nguyện thí tức,
Thọ hóa đa thành vô thượng đạo,
Tự thân do thị Thanh văn tích,
Chỉ duyên sanh Phật tánh duy nhất,
Dục linh đồng hoạch Cứu cánh tức.*

(Đại sĩ thệ nguyện há thể lường,
Lòng bi trọn khắp cõi vô ương,
Chúng sanh độ hết mới xong thệ,
Địa ngục trống rồi nguyện mới thôi.
Giáo hóa nhiều người thành Phật đạo,
Tự thân vẫn hiện tướng Thanh văn,
Chúng sanh và Phật tánh vốn một,
Cùng muốn ta người chứng Pháp Vương.)

25. Lời tựa cho cuốn Nhật Tụng Kinh Chú Tuyển Lục

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Phật pháp không gì lớn lao chẳng bao trùm, không điều nhỏ nhặt nào chẳng được nêu lên, chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo. Bậc Đăng địa Bồ-tát¹³⁷ vẫn chưa thể thấu hiểu triệt để đến tận nguồn tận đáy được, huống là phàm phu sát đất đầy dẫy hoặc nghiệp ư? Nhưng rút lấy những ý nghĩa trọng yếu trong giáo pháp nhà Phật thì chỉ là mong sao chúng sanh hiểu rõ tự tâm, chứng Phật tánh triệt để. Muốn hiểu rõ tự tâm để chứng Phật tánh, ắt phải dùng giới để trói buộc cái thân, dùng định để dứt vọng, dùng tuệ để đoạn hoặc ngộ hầu có thể tự thoát khỏi sanh tử huyễn vọng, chứng Niết-bàn chân thường. Về thứ tự tu trì thì nên lấy việc mở mang tri kiến của chính mình để dẫn đường, dùng tín - nguyện - niệm Phật làm chánh hạnh, lấy vạn thiện trang nghiêm làm trợ tu. Vì thế sách này xếp kinh Kim Cang lên đầu, rồi đến Tâm Kinh, phẩm Quán Thế Âm Phổ Môn, chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông, kinh A-di-đà, chú Vãng Sanh, Niệm Phật Khởi Chỉ Nghi (nghi thức niệm Phật), Phát Nguyện Văn, và các chú Đại Bi, Chuẩn Đề, hoặc kiêm trì các thứ, hoặc chuyên trì một thứ đều nhằm để giúp cho sự tu trì tịnh nghiệp ngộ hầu triệt ngộ “ngũ uẩn vốn là không, các pháp chẳng có tướng”, hành khắp muôn hạnh nhưng chẳng thấy tướng năng hành, chuyên chí niệm Phật mà hiểu rõ “tâm làm, tâm là”.

Tu được như thế sẽ nhanh chóng ra khỏi đường mê, lên thẳng bờ giác. Ấy là vì chúng sanh đời mạt chướng sâu tuệ cạn, nếu chẳng cậy vào Phật lực thì thật khó thể giải thoát, bởi một pháp niệm Phật chính là pháp môn vô thượng thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh; so với hết thảy những pháp cậy vào tự lực để đoạn hoặc chứng chân hòng liễu sanh tử thì khác biệt một trời một vực. Lại muốn cho sơ cơ hành nhân biết sâu xa nguyên do của các pháp môn, hai chúng tại gia trong cuộc sống hằng ngày và trong luân thường có thể dung thông cả chân lẫn tục, trọn hết cả Phật lẫn Nho, nên bèn in kèm theo Cẩm Ứng Thiên, Âm Chát Vãn, Giác Thế Kinh và những khai thị về tu trì Tịnh độ để làm quy củ, chuẩn mực hòng cải ác hướng thiện, hướng lành tránh dữ, siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, ngộ hầu ngay trong đời này liền vượt ra ngoài tam giới lục đạo, vào thẳng chín phẩm sen bảy báu. Nguyện những người tu đều cùng ra sức chú ý.

26. Lời tựa sách Tịnh Độ Thiên

¹³⁷ Đăng địa Bồ-tát: Hàng Bồ-tát từ Sơ địa trở lên.

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Pháp môn Tịnh độ thích hợp khắp ba căn, đối với người tại gia lại càng khẩn yếu, vì người tại gia ai nấy đều có công việc, chẳng dễ gì tham cứu những pháp như Thiền, Giáo v.v. được. Chỉ có pháp niệm Phật này là khế lý khế cơ nhất. Thật thà cảm cú niệm Phật, niệm đến lúc nghiệp tận tình không thì “bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra”, Như Lai tạng diệu chân như tánh thủy đều tỏ lộ trọn vẹn sát sao, đến khi lâm chung chắc chắn lên thượng phẩm. Nếu như căn cơ kém hèn chưa thể nghiệp tận tình không, nhưng do lòng thành tin tưởng chân thật, nguyện thiết tha, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, ắt sẽ có thể cảm ứng đạo giao với Phật, đích thân được Phật tiếp dẫn, liền được mang nghiệp vãng sanh. Tịnh độ màu nhiệm chính là ở chỗ này đây!

Nếu chẳng biết nghĩa này, dẫu tham thiền đạt được cốt tủy, khán giáo minh tâm, hễ còn mảy may hoặc nghiệp chưa hết sạch thì vẫn luân hồi sanh tử y như cũ, chẳng thể thoát lìa được. Hãy chớ nên tự ý lại, để đến nỗi bị hàng ngu phu ngu phụ do niệm Phật cầu sanh Tây Phương được mang nghiệp vãng sanh phải thương xót. Than ôi, kẻ ngu đại tâm thường tốt bậc phần nhiều đạt được lợi ích thật sự, còn người đại thông minh chẳng mong chi sát cánh kê vai! Phần đông là vì ý mình thông minh, tuy có Phật lực vẫn chẳng chịu nương cậy, rốt cuộc phải luân chuyển số kiếp dài lâu, trọn chẳng có thuở thoát ra, chẳng đáng buồn ư? Từ xưa bậc cổ đức vốn sẵn mang lòng bi của Phật đề xướng Tịnh độ, bao nhiêu trước thuật nhiều khôn kể xiết, nhưng phần lớn viết bằng thể loại văn ngôn, chẳng thuận tiện cho hạng bình dân.

Cư sĩ Lý Viên Tịnh vốn dựa theo bốn kinh Tịnh độ và ý tứ từ những trước thuật của cổ đức, dùng lối văn nói (bạch thoại) để xiển dương Tịnh tông. Tuy nội dung sách được chia thành mười môn, lời văn gần đến một vạn chữ, nhưng mỗi chữ mỗi nghĩa đều xuất phát từ kinh Phật hay lời tỏ, trọn chẳng tự lập ý kiến để tự khoe khoang đến nỗi mắc lỗi “làm người, hoại pháp”. Do thấy sách này có ích cho kẻ sơ cơ, Phật Học Thư Cục đặc biệt xếp nó vào loại tiểu tụng thư để sách được lưu truyền rộng rãi. Nay lại in riêng theo lối chữ Tam Hiệu Đại Tự để những người lớn tuổi mục lục suy yếu chẳng bị khó đọc. Lại cậy Quang viết lời tựa dẫn giải hòng khơi gợi chánh tín. Những nghĩa trọng yếu khác trong sách đã tự có đủ, không cần phải rườm lời. Phải biết pháp môn Tịnh độ là biện pháp để hết thảy các pháp đổ về, nếu ai tin được như thế thì người ấy liền có thể cao đăng chín phẩm ngay trong đời này, tương

lai chắc chắn viên mãn tam giác¹³⁸. Có kẻ cho lời ấy nói quá lớn, tôi thưa: “Tôi lỗi này tôi đâu dám gánh vác, đã có Bồ sư Thích-ca Mâu-ni Phật và A-di-đà Phật gánh chịu rồi!”

27. Lời tựa cho bản in gộp chung hai sách **Tĩnh Độ Văn Biện và Công Quả Cách**

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Cổ nhân nói: “*Tử sanh diệc đại hỷ, khả bất bi tai!*” (Chết - sống cũng lớn thay, chẳng đáng buồn ư?) Biết chết sống đáng buồn, hãy nên cầu lấy pháp có thể liễu được sanh tử thì chuyện đáng buồn sẽ biến thành đáng vui. Nếu chẳng cầu pháp liễu sanh tử, sanh lòng bi cảm suông, có ích chi đâu? Đại trượng phu sống trong thế gian, không chuyện nào chẳng tính toán sẵn, nhưng chỉ có mỗi một chuyện sanh tử đa số đều ngược ngạo bỏ mặc không hỏi tới, mãi cho đến khi báo hết mạng tận phải theo nghiệp chịu báo, chẳng biết một niệm tâm thức này sẽ lại đi thọ sanh trong đường nào! Cõi trời người là quán trọ, tam đồ là quê nhà, mỗi lần thọ báo trong tam đồ là trăm ngàn kiếp, trọn chẳng có dịp nào lại được sanh trong cõi trời người. Do vậy nói rằng: “Đương nhiên không thể nào không miệt mài cầu tìm pháp liễu sanh tử!” Phải biết, pháp môn vô lượng, nhưng đều phải dùng tự lực để đoạn hoặc chứng chân thì mới có phần liễu sanh tử, nên chúng sanh đời mạt hơi khó thể được lợi ích thật sự ngay trong đời này. Chỉ có tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thật là bậc nhất, do cậy vào Phật từ lực nên dầu là kẻ chưa đoạn được hoặc nghiệp vẫn có thể thoát khỏi cõi Sa-bà này, lên cõi Cực Lạc kia. Pháp môn Tịnh độ quả thật là một sự nương tựa lớn lao cho hạng không có sức đoạn hoặc như lũ chúng ta.

Vì thế, cư sĩ Chu Tiếp Thần chỉ sợ người đời quen thói chấp thường, chẳng chịu tu tập đến nỗi tự làm, do vậy đem những thứ nghi tình chính mình từng ôm ấp trước kia, mỗi mỗi đều mổ xẻ rạch rời để hướng dẫn hết thầy mọi người cùng hàng. Lại còn đính kèm những thiên sách khuyên hiếu răn dâm để làm những hướng dẫn hồng nghiêm ngặt vâng giữ điều thiện tốt bậc, răn dè điều ác tốt bậc, ngõ hầu nền tảng vững vàng, tiến tu không bị vướng mắc. Lại sợ bị sai sót trong luân thường và xử sự

¹³⁸ Tam giác có thể hiểu theo hai cách:

1. Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.
2. Bồ giác (tâm thanh tịnh sẵn có trong tự tánh), thi giác (sự giác ngộ có được do bồ giác huân tập và do tu tập) và cứu cánh giác (bồ giác lần thi giác đạt đến cùng cực, hợp nhất).

hằng ngày nên đem Công Quá Cách in kèm vào phần sau. Trộm nghĩ: Công Quá Cách này chính là nhiệm vụ trọng yếu để cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, hể tận hết tâm lực thực hiện thì lo chi chẳng đạt đến địa vị thánh hiền. Phàm những ai có chí mong thành thánh thành hiền, xin chớ vì pháp này vụn vặt rồi xem thường thì tốt đẹp lắm thay!

Thêm nữa, Công Quá Cách viết theo thể văn xuôi, chẳng thuận tiện tụng thuộc. Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn thật sự là cội nguồn của Công Quá Cách, vì thể cung kính chép vào đầu sách để mong sao sáng chiều tụng đọc, chiếu rọi lẫn nhau, ngõ hầu ba nghiệp thanh tịnh, một dạ thuần thành, chuyên dốc, hòng đấng sanh ra ta khỏi thẹn, hành vi trở thành mẫu mực cho cõi đời. Do vậy thể pháp lẫn Phật pháp một bề cùng tu, thành tựu chính mình, thành tựu người khác, trọn chẳng sai biệt. Trước là kế thừa bậc thánh đời trước, sau là mở mang nếp học cho người sau, tán trợ quyền sanh trưởng, giáo hóa của trời đất, giúp cho đất nước yên lành, đều do những lời lẽ tầm thường, hành vi tầm thường ấy mà đạt được. Nếu bỏ đi những điều này chẳng thực hành, cầu lấy pháp huyền diệu nào khác, dẫu cho sở đắc lớn lao vẫn chỉ có thể lợi lạc cho hạng căn tánh nào đó mà thôi, hướng chỉ là kẻ chuyên chuộng bàn suông mà hòng được lợi ích ư?

28. Lời tựa cho bộ Giác Hậu Biên

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Không tử nói: “*Tánh tương cận dã, tập tương viễn dã*” (Tánh thì gần giống như nhau, nhưng do rèn luyện mà thành khác xa nhau). Tánh chính là bản thể của giác, tập chính là công dụng của giác. Tánh thì phàm - thánh, chúng sanh - Phật trọn chẳng khác nhau, nên nói “tương cận”, cũng giống như nói “*nhân đồng thử tâm, tâm đồng thử lý*” (con người có cùng một cái tâm này, tâm có cùng một lý này). “Tập” thì có thuận tánh, nghịch tánh sai khác. Thuận theo tánh thì suy tư, nẩy sanh ý niệm, xử sự đều tự có thể nén giận, khắc chế được ham muốn, dứt lòng tà, giữ lòng thành. Cho đến khi nhân dục hết sạch, thiên lý thông suốt, sẽ khôi phục trọn vẹn giác tánh nơi bản thể, cho đến trở thành hiền thành thánh, vượt ra ngoài điều mong đợi lúc ban đầu. Người như thế gọi là *giác giả*. Người đã giác ngộ trước (tiên giác) đem điều chính mình đã giác để giác ngộ kẻ chưa giác, khiến cho họ đều cùng được giác, khiến cho những kẻ chưa giác sau đây mỗi mỗi đều giống như bậc tiên giác vậy.

Đại pháp để kế thừa đời trước, mở mang cho đời sau, tham dự quyền sanh thành giáo hóa của trời đất, duy trì thiên hạ hậu thế ấy cũng chính là nguyên do vì sao con người cùng với trời đất được xưng là tam tài vậy. Vì thế Y Doãn nói: “*Dur thiên dân chi tiên giác giả dã, dur tương dĩ tư đạo giác tư dân dã, phi dur giác chi nhi thù dã*” (Ta là người giác ngộ trước hết thấy nhân dân, ta phải đem cái đạo ấy để giác ngộ cho những người dân ấy. Chẳng phải là ta giác ngộ họ thì còn ai vào đây nữa?). Ông ta đã coi hết thấy nhân dân như thánh hiền, nhân dân nghe được lời lẽ ấy, ai chịu tự hạn cuộc trong phạm ngu hèn, chẳng thể không sốt sắng tu trì để tiến thẳng vào địa vị thánh hiền ư? Tiếc cho đời sau chưa được bậc tiên giác chỉ dạy, thường mê chân, đuổi theo vọng, trái giác, xuôi trần, rong ruổi trong thanh, sắc, của cải, lợi lộc, đến nỗi đạo đức nhân nghĩa đều bị bỏ lửng hết. Tuy cùng sẵn có giác tánh ấy, nhưng vì trái nghịch nên không những chẳng thể là hiền thánh, mà trái lại còn đọa xuống phạm ngu tối, tầm thường, thành phường bạo loạn, há chẳng đáng buồn quá đời ư?

Kinh Thư dạy: “*Duy thánh vãng niệm tác cuồng, duy cuồng khắc niệm tác thánh*” (Thánh mất niệm thành cuồng, cuồng khắc chế được ý niệm bèn thành thánh), nên chẳng thể không miệt mài tìm tòi đạo hậu giác (giác ngộ cho người chưa giác)! Cư sĩ Chánh Định Vương Khắc Am là một vị ẩn sĩ vào đời Thanh xưa kia, do cỗi đời đang trong thuở mạt, khó thể thân cận thánh hiền, không thể do đâu mà bắt chước theo khuôn phép được, hạng người bình thường lại chẳng thể lãnh hội những lời lẽ trong sáu kinh, Luận Ngữ, Mạnh Tử. Do vậy bèn chọn lọc những lời dạy trong Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn, Công Quả Cách... và những lời lẽ tốt lành về hiếu thảo cha mẹ, kính trọng bậc trưởng thượng, giữ thân xử thế, sửa lỗi hướng thiện từ những trước tác của những bậc hiền triết xưa nay, biên soạn thành một tập sách, tổng cộng gồm 14 môn. Đầu tiên là Minh Tông (nêu rõ tông chỉ), sao lục ba thứ cảm ứng để làm tổng cương (cương lãnh tổng quát), mỗi môn sau đó đều nhằm nêu tỏ ý nghĩa “những khuôn phép nên tuân theo, những điều nên răn dè” thuộc về ba thứ cảm ứng ấy.

Nếu người đời sau đọc được cuốn sách này sẽ giống như gỡ cái lưới lên, mọi mắt lưới đều căng ra, gốc đã lập đạo bèn sanh, phạm mỗi lời nói, mỗi hành động không gì chẳng theo đúng khuôn khổ. Giống như vàng lỏng đổ vào cái khuôn tốt đẹp, lẽ đương nhiên phải trở thành món vật đáng hoàng; như giống lúa tốt được đắm mưa ngọt, chắc chắn mùa màng bội thu. Thiện quả thế gian đã đạt được thì ai chịu vạch đất tự hạn chế, chẳng chịu chăm chú tu trì pháp môn Tịnh độ để mong chứng

trọn vẹn giác tánh ấy, để trở thành vô thượng đại giác trong thể gian lẫn xuất thể gian u? Em ông ta là Lôi Hạ tính lưu truyền sách này, đưa cho tôi xem, do vậy bèn quyền mộ tiền bạc ấn loát để lưu truyền rộng rãi. Người có duyên gặp được hãy nên đọc kỹ nghĩ sâu, đừng để luống qua thì may mắn lắm thay!

29. Lời tựa sách Học Phật Thiển Thuyết

(Năm Dân Quốc 13 - 1924)

Phật pháp rộng sâu như biển cả, chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu tận nguồn đáy. Chín pháp giới kia dù thánh phàm, lợi độn khác nhau, ai nấy đều tùy theo khả năng của chính mình để tu tập hòng chứng nhập. Ví như tu-la, hương tượng¹³⁹ và muối mòng uống nước biển cả, mỗi loài uống no bụng rồi đi. Nếu muốn một hơi hút cạn hết, trừ phi là kẻ có dung lượng bằng biển cả mới làm được. Nếu không, chỉ có thể đích thân nếm vị nước biển, chưa dễ gì thấu tận nguồn đáy được! Nhưng Phật pháp chính là pháp sẵn có trong tâm của hết thảy chúng sanh, ngoài cái tâm của chúng sanh ra thì trọn chẳng có pháp nào thêm vào được, vì bản thể của tâm hết thảy chúng sanh và tâm Phật chẳng hai. Nhưng do mê muội chưa ngộ, bèn khởi hoặc tạo nghiệp, theo nghiệp chịu khổ, đến nỗi trí tuệ đức tướng sẵn có nơi cái tâm ấy bị phiền não, ác nghiệp che lấp giống như mây phủ kín mặt trăng, chẳng thấy được tướng sáng. Tuy chẳng thấy được tướng sáng, nhưng tướng sáng của mặt trăng vẫn tự thường chẳng biến đổi, trọn chẳng bị giảm suy. Do vậy đức Như Lai khởi lòng từ vô duyên, vận lòng bi đồng thể, tùy thuận cơ nghi thuyết pháp. Tuy tùy theo căn cơ đặt ra Đại, Tiểu, Quyền, Thật, Thiên, Viên, Đốn, Tiệm, đủ mọi thứ sai khác, nhưng bản ý của đức Phật không lúc nào chẳng nhằm làm cho hết thảy chúng sanh đều trái trần hiệp giác, bỏ mê về với ngộ, thoát khỏi sanh tử huyễn vọng, thành tựu Phật đạo vốn sẵn có mới thôi.

Do chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng chưa dễ gì tiêu trừ, nên Phật đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh độ tín nguyện niệm Phật để hết thảy dù phàm hay thánh, dù ngu hay trí đều cùng nương vào hoàng thệ nguyện lực của đức Di-đà vãng sanh Tây

¹³⁹ Hương tượng (gandha-hastin) là một loài voi lớn thân có mùi thơm nồng gắt thường tỏa mùi rất hăng trong thời kỳ nó động dục. Theo luận Đại Tỳ-bà-sa, quyển 30 chép: “Trong thời kỳ ấy, hương tượng rất mạnh, tánh chất cực hung bạo, khó thể chế ngự, sức của nó mạnh bằng mười con voi thường.” Vì loài voi này rất mạnh có thể vượt sông dễ dàng, nên kinh thường dùng hình ảnh “hương tượng độ hà” (voi thơm vượt sông) để chỉ bậc đại căn đại lực có thể dùng mãnh thoát dòng sanh tử.

Phương hòng khôi phục tâm tánh sẵn có, thành vô thượng Bồ-đề dễ dàng. Từ khi Phật pháp được truyền vào Chấn Đán (Trung Hoa), hơn 1.800 năm qua, phàm là bậc vua thánh, tôi hiền, vĩ nhân, danh sĩ, không ai chẳng tuân phụng lời Phật dạy dỗ mà hộ trì, lưu truyền, bởi lẽ Phật pháp tuy thuộc pháp xuất thế, nhưng tất cả đạo xử thế trong cõi đời đều được bao gồm chẳng sót. Phàm những gì Phật pháp đã nói về cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, đều chẳng khác gì với những điều thánh nhân thế gian đã nói. Thánh nhân thế gian chỉ dạy dỗ con người trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, còn đức Phật dạy rõ báo ứng thiện ác của việc trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận và không trọn hết tình nghĩa, không trọn hết bổn phận. Trọn hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận thì chỉ có thể dạy bậc thượng trí; còn nếu là kẻ bầm tánh ương bướng, kém cỏi, nếu không giả vờ làm, ắt sẽ chống trái. Nếu biết báo ứng thiện ác thì muốn làm lành ắt sẽ gắng sức, muốn làm ác ắt chẳng dám làm. Đối với những pháp nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo do đức Như Lai đã nói, kẻ sâu sắc sẽ thấy là sâu sắc, kẻ nông cạn sẽ thấy là nông cạn. Dùng những pháp ấy để tu tâm sẽ có thể đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử. Dùng những pháp ấy để giữ yên cõi đời sẽ thắng được tàn bạo, bỏ được giết chóc, bỏ sự bạc ác trở thành thuần lương. Gần đây thế đạo nhân tâm suy hãm đã đến cực điểm, đua nhau đề xướng cách thức mới, vứt bỏ đường lối cũ. Ngay như cả mối quan hệ cha con, vợ chồng họ còn muốn đập đổ, hướng chỉ những mối quan hệ nhỏ hơn ư?

Vì thế thiên tai nhân họa liên tục giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Những người có tâm lo cho thế đạo muốn cứu vãn, đều khuyên khắp mọi người nghiên cứu Phật học, kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, đừng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành, từ một truyền mười, từ mười truyền trăm, cho đến ngàn, đến vạn, không ai chẳng ngả theo chiều gió mong sao thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui. Đây quả thật là pháp luân căn bản để dứt đời loạn, vãn hồi vận nguy, uốn nắn thế đạo lòng người vậy. Đang trong thời này, nếu chẳng dùng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi để dạy dỗ, dù thánh hiền đều cùng xuất hiện trong cõi đời cũng chẳng biết phải làm như thế nào. Nếu chẳng lấy tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để tu, dầu là kẻ thiên tư cao thượng cũng khó lòng đoạn hoặc chứng chân, liễu sanh thoát tử.

Cư sĩ Vương Bác Khiêm tức căn sâu dày, tâm cứu đời tha thiết, lại còn là chủ bút một tờ báo, nắm máu chốt thao túng ngôn luận, muốn khiến cho mọi người cùng

hàng đều cùng học Phật. Do kinh luận, trước thuật Phật giáo văn sâu nghĩa thâm, dẫu là văn nhân sẵn đủ trí tuệ nghiên cứu lâu ngày vẫn khó thể hiểu được mấu chốt để bước vào chỗ sâu thâm, huống hồ ngu phu ngu phụ ư? Do vậy ông ta đem những lý chính mình đã thấy soạn thành Học Phật Thiên Thuyết (những lời bàn nông cạn về sự học Phật) gồm 20 thiên, nhất loạt dùng những chữ nghĩa thông tục, nhưng những lời lẽ ấy vốn đều xuất phát từ kinh luận của Phật, tổ, chẳng qua mượn lối văn đơn sơ, rõ ràng để trình bày, mong sao người nhả kẻ tục cùng xem, trí hay ngu đều thấu hiểu vậy. Do Quang hình tích tuy khác, nhưng chí đạo vốn đồng, ông Bác Khiêm đã trông lòng hỏi xuống¹⁴⁰, đem bản thảo gửi cho xem, làm lạc cựa Quang giám định, sửa chữa để tiện lưu truyền. Do vậy bèn đọc kỹ càng, khôn ngăn hoan hỷ, bày tỏ nỗi lòng ngu độn để tỏ sự đồng ý. Nguyên khắp những người đọc đều sanh lòng tin, bao nhiêu lợi ích sẽ tự chứng biết.

30. Lời tựa lưu thông cho bản in gộp chung hai sách Phật Tổ Tâm Đăng và Thiên Tịnh Song Úc

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Tâm đăng của Phật - tổ thường luôn sáng ngời, lý tốt cùng Thiên - Tịnh tràn ngập pháp giới, ai nấy đều sẵn có, cần chi phải tán dương? Do vì kẻ chưa hiểu rõ mà phải ghi chú tỉ mỉ bên dưới! Kinh Phạm Võng dạy: “Hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh.” Lại nói: “Người là Phật sẽ thành, ta là Phật đã thành.” Trong kinh Pháp Hoa, Thường Bất Khinh Bồ-tát trông thấy tứ chúng đều lễ bái thưa: “Tôi chẳng dám khinh quý ngài, quý ngài đều sẽ thành Phật.” Trong hội Hoa Nghiêm, khi đức Như Lai thành Đẳng chánh giác, than rằng: “Lạ thay, hết thầy chúng sanh đều có đủ trí tuệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc. Nếu lìa vọng tưởng thì nhất thiết trí, tự nhiên trí sẽ được hiện tiền.” Do vậy biết chúng sanh về bản thể là Phật, nhưng vì mê muội nên chưa ngộ, hoặc ngộ nhưng chưa chứng, nên chẳng thể tránh khỏi vẫn là chúng sanh.

Pháp khiến cho họ được ngộ, không chi hơn tham Thiên, tức tham cứu điều thường được gọi là “thấy được bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra”, nhằm dạy con người hướng về lúc trước khi dấy lên ý niệm để đích thân thấy được chủ

¹⁴⁰ Nguyên văn là “hạ vấn”: Một cách nói khiêm tốn, ngụ ý chính mình ngu hèn, tối tăm, ý kiến không ra gì, hiểu biết thua xa người ta, nhưng người ta vẫn khoan dung, rộng lòng hỏi đến.

nhân ông. Nếu có thể thấy triệt để thì gọi là ngộ; nhưng phiền não chưa đoạn thì vẫn chẳng thể thoát khỏi luân hồi y như cũ! Nếu có thể đoạn hết sạch phiền hoặc thể gian thì mới vượt khỏi được ba cõi. Do vậy biết rằng chúng là chuyện lớn lao, chẳng dễ dàng gì. Vì thế chẳng thể không nương vào tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để mong cậy vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Suy nghĩ chín chắn nghĩa này, sẽ biết Như Lai đặc biệt mở ra một môn Tịnh độ chẳng phải chỉ để tiếp dẫn riêng hạng hành nhân tầm thường, mà thật ra còn nhằm bảo vệ những người đã có ngộ chứng trong Tông, trong Giáo nhưng chưa đạt đến mức “phàm tình lẫn thánh kiến đều bất khả đắc”.

Phiền hoặc hết sạch đương nhiên sẽ giải thoát. Người đã ngộ đã chứng nhưng chưa đạt đến mức cùng cực, nếu không có pháp môn Tịnh độ che chở, nhiếp trì thì những hành nhân ấy lại phải thọ sanh, kẻ bị chìm đắm thì nhiều mà kẻ tấn tu thật ít. Cảm ân đức của Phật khiến con người khôn ngoan ngẹn ngào ứa lệ! Đại sư Liễu Nhiên tức căn sâu dày, từ lúc mới xuất gia bèn dốc chí nơi Tông thừa, nhọc nhằn tận lực tham cứu, lãnh hội được chỗ chỉ quy. Do những bài kệ của Thất Phật¹⁴¹ và 33 vị tổ¹⁴² của Tây Trúc, Đông Chấn (Trung Hoa) văn sâu nghĩa thấm, thật khó thể lãnh hội, sư bèn chú thích rõ ràng, thêm vào một vài câu chữ khiến ý nghĩa càng được sáng tỏ, bèn đặt tên là Phật Tổ Tâm Đăng.

Tiếp đó, sư vân du các phương, nghiên cứu cùng tột kinh luận, mới biết pháp môn Tịnh độ quả thật là biện pháp rất sâu để chur Phật, chur tổ tự lợi, lợi người rất ráo, hết thấy các pháp, không pháp nào chẳng lưu xuất từ pháp này, không pháp nào chẳng quy hoàn pháp này. Do vậy sanh lòng tin chân thật, tận lực tu trì để mong

¹⁴¹ Thất Phật là Tỳ-bà-thi Phật, Thi-khí Phật, Tỳ-xá-phù Phật, Câu-lưu-tôn Phật, Câu-na-hàm Mâu-ni Phật, Ca-diếp Phật và Thích-ca Mâu-ni Phật. Sáu vị trước đều là những vị Phật tại thế giới Sa-bà trong quá khứ. Những bài kệ truyền pháp của các vị Phật này được chép trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục.

¹⁴² 33 vị tổ là những tổ sư nhà Thiền, theo truyền thống Thiền tông Trung Hoa gồm 28 vị tổ Ấn Độ và 6 vị tổ Trung Hoa (tổ Đạt-ma được kể là tổ 28 của Thiền tông Ấn Độ, đồng thời là sơ tổ Thiền tông Trung Hoa) gồm: 1) Ma-ha-ca-diếp 2) A-nan 3) Thương-na-hòa-tu 4) Ưu-ba-cúc-đa 5) Đề-đa-ca 6) Di-già-ca 7) Bà-tu-mật 8) Phật-đà-nan-đề 9) Phục-đà-mật-đa 10) Tôn-giả Hiếp (vị này do chưa bao giờ đặt lưng nằm xuống giường nên có tên như vậy) 11) Phú-na-dạ-xa 12) Mã Minh Bồ-tát 13) Ca-tỳ-ma-la 14) Long Thọ Bồ-tát 15) Ca-na-đề-bà 16) La-hầu-la-đa 17) Tăng-già-nan-đề 18) Già-da-xá-đa 19) Cưu-ma-la-đa 20) Xà-dạ-đa 21) Bà-tu-bàn-đậu 22) Ma-noa-la 23) Hạc-lặc-na 24) Sư Tử 25) Bà-xá-tư-đa 26) Bất-như-mật-đa 27) Bát-nhã-đa-la 28) Bồ-đề-đạt-ma 29) Huệ Khả 30) Tăng Xán 31) Đạo Tín 32) Hoàng Nhẫn 33) Huệ Năng.

được vãng sanh ngay trong đời này hòng thỏa ý nguyện ban đầu, lúc nhàn hạ bèn nêu tỏ những lý cốt yếu của Thiền và Tịnh, lời lẽ đích xác thiết thực, khiến người khác tỉnh ngộ sâu xa, đặt tên Thiền Tịnh Song Úc (Thiền và Tịnh cùng ra công gắng sức).

Tuy đề xưng Thiền tông, nhưng thật ra chú trọng Tịnh độ ngộ hầu người đã ngộ chứng lẫn kẻ chưa ngộ chứng đều cùng được liễu thoát ngay trong đời này. Bạn của sư là đại sư Đức Sâm muốn ấn hành lưu truyền, cậy tôi thẩm định và thuật những ý nghĩa cốt yếu, do vậy bèn tóm những ý nghĩa quan trọng để giải bày. Điều đáng tiếc là văn tự lẫn ý nghĩa của hai cuốn sách ấy hơi sâu, kẻ sơ cơ thông thường chưa thể vừa đọc đã hiểu rõ được ngay, nhưng sách tiếp dẫn kẻ sơ cơ rất nhiều, nên điều này vẫn chưa phải là điều đáng ân hận vậy. Tuy thế, sách này cũng có thể khiến cho kẻ tham thiền nhưng chưa ngộ chứng sẽ có được đạo để hoàn tất ngay trong đời này, có ích cho kẻ tu thiền lớn lắm. Nguyện những ai thấy nghe đều cùng sanh lòng tin tưởng.

31. Lời tựa cho tác phẩm Chánh Học Khải Mông Tam Tự Tụng Tề Chú

(Bài tụng vờ lòng cho trẻ bằng thể loại ba chữ nhằm hướng dẫn về cái học chánh đáng với lời chú giải của ông Tề Dụng Tu)

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Con người cùng một cái tâm này, tâm cùng một lý này, chúng sanh và Phật chẳng hai, thánh phàm như một. Thánh nhân đạo Nho đạo Thích là những bậc đã thấu hiểu “tâm của chúng ta giống hệt như nhau” trước hết, thương xót chúng sanh vì mê hoặc nên chưa ngộ được lý ấy, chưa thụ dụng được. Do vậy, mỗi vị đều lưu lại ngôn giáo để dẫn dắt, khơi gợi, mong sao ai nấy đều đích thân chứng được lý đó. Lại còn dùng tiên giác để giác kẻ hậu giác. Nhưng đạo Nho chú trọng cách xử thế nên chú trọng giảng về luân thường, đối với lý tốt bụng về tâm tánh bất quá chỉ trình bày đại lược đầu môi mà thôi. Nếu có thể nghiên cứu Phật học đến tột cùng, hẳn có sở ngộ, lãnh hội thì ngay trong luân thường xử sự hằng ngày sẽ không một điều nào chẳng thấm đẫm nhất chân, đâu đâu cũng gặp nguồn. Vì thế xưa nay những vị lập đại công, dựng đại nghiệp, lòng tình trung chói lòa nhật nguyệt, hạo khí lấp trời đất, phần nhiều là do học Phật đắc lực mà ra. Đó gọi là “chẳng biết đến Phật pháp sẽ không thể nào biết đạo Nho được”. Chẳng biết đến cái hay của pháp xuất thế sẽ không có cách nào xử thế trọn vẹn được.

Đạo Thích đặt nặng xuất thế, vì vậy toàn bộ luân thường thế gian và lễ tốt bụng về tâm tánh mỗi mỗi đều nêu tỏ đến triệt để, tùy theo căn cơ mà lập giáo, đối bệnh phát thuốc, ngõ hầu hết thấy chúng sanh ai nấy tùy theo cơ nghi đều được lợi ích thật sự. Do đấy, gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành, mỗi mỗi đều dạy về nhân đời trước, quả hiện tại, nhân hiện tại, quả đời sau, khiến cho con người có muốn làm ác cũng chẳng dám, không muốn làm điều thiện cũng không thể được. Nếu ai nấy đều biết nghĩa này, há luân thường chẳng được chỉnh đốn, thiên hạ thái bình ư? Phật pháp dạy về Nhân thừa, Thiên thừa mà hiệu quả còn được như thế ấy, nếu lại xét đến lợi ích của Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật thừa, há còn có thể suy lường được ư?

Điều đáng tiếc là Tống Nho hẹp lượng, do học Phật pháp, họ hiểu được tâm pháp của thánh nhân, nhưng muốn suy tôn Nho giáo bèn ngược ngạo bài bác Phật pháp. Thật ra về căn bản, họ bài bác là vì muốn cho con người thành ý chánh tâm, trọn hết tình nghĩa, bỏn phận; nhưng nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo chính là thật lý, thật sự trong thiên hạ xưa nay. Nếu con người biết điều này, há có dám trái tâm nghịch lý để chuốc lấy tội lệ đến nỗi tương lai bị đọa vào chỗ chẳng vừa ý, ắt sẽ tự nhiên chánh tâm, thành ý, trọn hết tình nghĩa, bỏn phận. Tống Nho nói: “Phật dùng nhân quả báo ứng, luân hồi sanh tử để dụ dỗ, mê hoặc kẻ ngu tục, chẳng biết con người do bầm thụ khí trời đất mà sanh, đến khi đã chết rồi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán. Dẫu có hình phạt, lấy gì để thi thố đây?” Họ làm lạc tướng chết đi là diệt mất vĩnh viễn, trở thành đại tà kiến. Từ một truyền ra nhiều, di hại cho đời sau, rất trái nghịch đạo “*nguyên thủy phản chung, cố tri sanh tử chi thuyết*¹⁴³” (truy xét đến tận nguồn gốc ban đầu cho nên hiểu được lời nói về sanh tử) và ý nghĩa “*tinh khí vi vật, du hồn vi biến, cố tri quỷ thần chi tình trạng*¹⁴⁴” (tinh khí là vật, du hồn

¹⁴³ “Nguyên thủy phản chung”: Phản là suy ngược lại, tìm đến tận cội nguồn. Pháp sư Nguyệt Khê giảng: “Nguyên thủy phản chung là truy ngược lại cái nguồn để biết sanh ra từ đâu, quay ngược lại xem xét chỗ kết thúc để biết vì sao chết.” Giáo sư Cái Kiến Dân lại giảng “nguyên thủy phản chung” là truy xét đến tận nguồn gốc sự vật từ ban đầu cho đến kết thúc. Tổng hợp hai cách giải thích này thì “nguyên thủy phản chung” là cách suy luận dựa trên tình trạng nguyên sơ của sự vật và tình trạng lúc chung cục của chúng để quy nạp lại mà phán đoán, nhận định.

¹⁴⁴ Theo chương Nội Nghiệp trong sách Quán Tử thì “tinh khí” phải hiểu là “hồn thần”. Trịnh Huyền giảng câu “tinh khí vi vật, du hồn vi biến” như sau: “Tinh khí là thần, du hồn là quỷ.” Tức là: Quỷ thần là hình thái do tinh khí biến hóa ra. Sách Lễ Ký cũng giảng: “Thể phách tụ xuống đất thành quỷ, bốc lên không thành thần. Những thứ này có tri giác, hưởng thụ nhân gian cúng tế.” Hàn Khang Bạch đời Tấn còn đi xa hơn, chú giải rằng: “Khí tụ lại hiển hiện thành vật chất là thần,

biến đổi, từ đó biết được tình trạng của quỷ thần) của thánh nhân. Do vậy, phường gian tà dám làm ác, vì hễ chết đi sẽ vĩnh viễn diệt mất, Nghiêu hay Kiệt đều chết sạch cả, sao còn khư khư giữ chừng mực, chịu đựng ràng buộc, đến nỗi uống công nhọc nhằn cả đời, sao không buông lung tình ý, mặc lòng thích gì cứ làm để hưởng hạnh phúc tự do tự tại ư? Do đây, thiên không có gì để khuyên, ác chẳng có gì để phạt, đây kia bắt chước nhau đến nỗi trở thành hiện tượng phé bỏ kinh điển, phé bỏ luân thường. Trong ý bọn họ (tức bọn Tống Nho), cứ sợ đề xướng nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi, con người đa số sẽ theo về đạo Phật, nên mới đặc biệt xướng ra chuyện bài xích để ngăn chặn hòng con người không cách nào tiến nhập đạo Phật được, ngõ hầu Nho giáo hưng thịnh, vĩnh viễn không bị suy sụp. Nào biết là ngược lại khiến cho đạo thánh nhân do vậy bị diệt mất, chẳng đáng buồn ư?

Cư sĩ Giang Dịch Viên¹⁴⁵ ở Vụ Nguyên xưa đã trồng cội đức, phẩm đức cao cả, học vấn ưu tú, thoát đầu chuyên đề cao Trình - Chu, chẳng biết Phật là người như

phân tán, ẩn kín thì gọi là hồn.” Trang Tử, Liệt Tử đều cho rằng tinh khí phải hiểu là hình hài thể chất (do đó về sau Đạo gia chủ trương con người gồm ba phần là tinh - khí - thần), còn du hồn (linh hồn lảng đãng vô định) chính là tinh thần. Nói cách khác, đạo Nho, đạo Lão thừa nhận con người gồm hai phần là tinh thần và vật chất, vật chất (tức thể xác) có biến đổi, hư hoại, nhưng tinh thần còn tồn tại. Thế mà Tống Nho lại chủ trương con người chết đi, thể xác đã diệt mất, thần hồn cũng phiêu tán, không còn đời sau nữa.

¹⁴⁵ Giang Dịch Viên (1876-1942), tên thật là Giang Khiêm, hiệu Dương Phục, người huyện Vụ Nguyên, tỉnh An Huy, vốn thuộc dòng danh sĩ (ông là hậu duệ của học giả Giang Thận Tu). Dịch Viên nổi tiếng thông minh từ nhỏ, năm 13 tuổi đã biết làm thơ văn, đậu được danh hiệu *Bác sĩ đệ tử viên* trong khóa thi Đồng Tử năm 17 tuổi. Năm Quang Tự 28 (1902), bỏ thi cử theo lẽ lối cũ, Trương Quý Trực ở Nam Thông bèn mở trường Sư Phạm, mời Dịch Viên cộng tác, giữ chức hiệu trưởng. Ông cực lực áp dụng thuyết “tri hành hợp nhất” của Vương Dương Minh vào đường lối giáo dục trong nhà trường. Vào đời Tuyên Thống, khi bộ Học lập ra phân cục thống nhất Quốc Ngữ, do biết Dịch Viên tinh thông về ngôn ngữ học đã cung thỉnh ông làm Cục trưởng. Ông đã nghiên cứu đưa ra đề nghị rất có giá trị về cách dùng phù hiệu để ghi âm tiếng Hán. Ông từng đảm nhiệm các chức vụ hội trưởng hội giáo dục tỉnh An Huy, nghị viên hội đồng tỉnh An Huy v.v.. Năm Dân Quốc thứ ba (1914), ông được cử làm trưởng ty giáo dục tỉnh An Huy, rồi được đưa về làm hiệu trưởng trường Cao Đẳng Sư Phạm Nam Kinh, lần lượt giữ nhiều địa vị danh giá trong giới giáo dục. Năm Dân Quốc thứ bảy (1918), trong khi dưỡng bệnh, ông đã đọc bản Kinh Vô Lượng Thọ do Bành Thiệu Thăng biên tập và luận Khởi Tín, sanh lòng tin sâu xa, quy mạng Di-đà, nhất tâm niệm Phật, không thuốc thang mà bệnh tự lành. Do vậy, năm Dân Quốc thứ tám (1919), ông từ bỏ mọi chức vụ, chuyên tâm học Phật, giao du mật thiết với các vị đại lão đương thời như Đế Nhân, Ấn Quang v.v. nghiên cứu rộng khắp kinh tạng. Ông sáng lập Phật Quang Xã ở làng Giang Loan thuộc huyện Vụ Nguyên để đề xướng Tịnh tông. Năm Dân Quốc 12 (1923), ông Giang đến Thượng Hải, gặp được pháp sư Hoằng Nhất và cư sĩ Vu Tịch Âm đang họp nhau

thế nào, về sau do đã từng trải sâu xa, tri kiến câu nệ dần dần tiêu tan, thử đọc kinh Phật mới biết giống như lên non Thái, nhìn khắp bốn phương, tâm thần thông suốt, vui sướng không chỉ ví được, mới biết tiên Nho do tri kiến môn đình khiến cho hậu thế chẳng được hưởng lợi ích nơi pháp, đau tiếc khôn cầm. Vì thế ân cư ở quê nhà, noi theo tu trì, người trong cả làng đều được ông giáo hóa. Lại mong khơi gợi, dẫn dắt cho thế hệ tương lai, mong sao họ được hưởng lợi ích thật sự. Do vậy bèn soạn bài tụng mỗi câu gồm ba chữ, lược thuật ý chỉ lớn lao vì sao Nho, Phật lập giáo giác ngộ cõi đời và những nét chánh về hành trạng của chư tử¹⁴⁶ trong lịch sử, ngõ hầu người học chẳng bị lầm lạc bởi những lời lẽ mang tính chất môn đình của người xưa, để đều cùng trọn hết luân thường học Nho, tận hết tánh học Phật, lo toan cõi đời hay xuất thế đều gộp thành một việc. Sáng tỏ minh đức để ở yên nơi chí thiện, không trụ vào đâu mà sanh tâm, chẳng chấp một pháp nào, tu trọn các điều lành, vĩnh viễn là khỏi bốn tướng, phô trọn vạn đức, chúng pháp sẵn có trong tâm ta, kế tục đạo Như Lai đã đắc, xa là thỏa thích bồn hoài của tiên thánh, gần là bù đắp cho lỗi lầm của Tống Nho. Công đức ấy thật chẳng cạn cợt!

Môn hạ của ông ta là Tề Dụng Tu lại chú giải bài tụng ấy để người đọc vừa xem liền hiểu rõ. Cư sĩ Lý Viên Tịnh đặc biệt cho ấn hành, cây tôi viết lời tựa, ngõ hầu lưu truyền rộng rãi. Do vậy chẳng nài kém cỏi, trình bày đại lược. Nguyên những vị phụ huynh và những người mang chức trách giáo dục hãy bảo con em cùng đọc tụng sách này thì sẽ biết dù Nho hay Thích đều trọn chẳng phải là hai đạo, lo toan cõi đời hay xuất thế vốn là một pháp. Nhân quả tỏ thì tâm tánh tự ngộ, luân thường rành mạch, thiên hạ thái bình, lẽ tất nhiên là như thế ấy. Người sáng mắt chớ nghĩ lời tôi là viễn vông vậy!

32. Lời tựa cho tác phẩm Chánh Học Khải Mông Tam Tự Tụng Du Chú

ở đó cùng nhau soạn bài văn Công Đức In Kinh Tạo Tượng. Ngài Hoàng Nhất khuyên Dịch Viên nên đọc bộ Linh Phong Tông Luận. Đọc xong, Dịch Viên vô cùng ngưỡng mộ tổ Ngẫu Ích nên đã đề xướng sáng lập Linh Phong Học Xã với mục đích nghiên cứu Nho giáo lẫn Phật giáo. Tiếc rằng ông ta quá say mê cầu cơ nên về sau này đã có nhiều luận thuyết khiên cưỡng, thậm chí pha tạp những tà thuyết của cầu cơ vào trong các tác phẩm của mình cũng như nghiên cứu Phật pháp chưa chuyên tinh, thường ỷ vào trí thông minh để tự diễn giải Phật pháp theo ý riêng. Vì thế, tuy trước tác khá nhiều, các tác phẩm diễn giảng Phật pháp của ông không được những vị tôn túc thời ấy coi trọng.

¹⁴⁶ Các vị triết gia của cổ Trung Hoa, sống vào thời Xuân Thu Chiến Quốc như Mạnh tử, Tuân tử, Cáo tử, Liệt tử v.v..

(Năm Dân Quốc 27 - 1938. Khi soạn hai bài tựa này, vẫn chưa biết nhóm cư sĩ Giang đã chìm đắm quá sâu vào chuyện ‘mâm cát bút gỗ’ (cầu cơ))

Lòng người suy hãm, chánh đạo khó nghe lắm thay! Con người tánh vốn lành, sẵn có minh đức, nhưng vì không có người chỉ dạy nên tối tăm chẳng biết. Nhưng có kẻ được chỉ dạy càng thêm mê muội, đến nỗi suốt cả đời chẳng được nghe chánh đạo. Vì thế Không tử nói: “*Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ!*” (Sáng nghe đạo, tối chết cũng được), đủ thấy cõi đời kẻ sống uổng chết phí nhiều lắm thay! Ấy là vì đạo ở gần lại cầu nơi xa, sự tuy dễ mà cầu nơi khó. Kẻ giảng giải đạo học toan làm sáng tỏ đạo của thánh nhân, lại ngược ngạo làm cho tâm thánh nhân bị tối tăm che lấp là vì chẳng khởi sự từ cội rễ, cứ dốc sức nơi nhánh ngọn, lại còn tưởng cội rễ là nhánh ngọn, tưởng nhánh ngọn là cội rễ. Tuy muốn thành ý chánh tâm, nhưng chẳng chú trọng trừ sạch món vật tư dục trong tâm thì cái tâm này đã bị món vật tư dục che lấp, nên tri kiến đều lấy tư dục trong tâm làm chuẩn mực. Như kẻ yêu vợ thương con, dù vợ con tội tệt đến đâu đi nữa vẫn cứ cảm thấy là tốt, trọn chẳng biết là tội tệt. Do tâm chìm đắm trong tình yêu thì sẽ không có chánh tri chánh kiến. Nếu trừ sạch được tư dục yêu thương thì vợ con tốt hay xấu sẽ như gương hiện bóng, tốt xấu thấy ngay lập tức.

Tư dục đã không có thì chân tri sẽ tự hiện, ý chẳng mong thành mà tự thành, tâm chẳng mong chánh mà tự chánh, thân chẳng mong tu mà tự tu. Tri chính là minh đức, “cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân” chính là công phu để làm sáng tỏ minh đức vậy. Đầy đủ năm điều này thì minh đức sẽ sáng tỏ, sau đây sẽ chú trọng tề gia, trị quốc cho đến thân dân¹⁴⁷ để ở yên nơi chí thiện vậy. Sự lý nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo trong kinh Thi, kinh Thư, kinh Dịch cũng như Sử Ký, Hán Thư đều đã có ghi, chẳng qua chưa thể nói tường tận nguyên do đây thôi! Có những chuyện ấy thì kẻ căn cơ hạng trung hạ biết “làm lành sẽ được điều lành giáng xuống, làm điều chẳng lành, tai ương sẽ giáng xuống”. Đã có những điều mong mỏi, hâm mộ, có những điều sợ hãi như vậy thì chẳng muốn “thành ý chánh tâm, mong mỏi thiện báo” cũng không thể được, vì sợ ác báo mà chẳng dám làm chuyện ác. Nay có kẻ cho rằng “sự lý nhân quả luân hồi ấy chính là do đức Phật bịa ra để gạt gẫm ngu phu

¹⁴⁷ Theo Tứ Thư Bạch Thoại Giải Thích, chữ thân trong “thân dân” đúng ra phải đọc là *tân*, vì thời cổ không phân biệt giữa chữ thân và tân. Theo sách ấy, “thân dân” là làm cho dân chúng ngày một đổi mới, tiến bộ không ngừng.

ngu phụ tuân phụng giáo pháp của ngài, chứ thật ra chẳng có chuyện ấy”. Lại còn cho rằng: “Con người chết đi thần hồn diệt mất, còn ai để chịu hình phạt và thác sanh? Hễ chết sẽ vĩnh viễn diệt mất, Nghiêu lẫn Kiệt đều chết sạch.” Do vậy thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, đến nỗi ủa nhau phế kinh điển, phế luân thường, thực hành biến con người thành loài thú, chẳng đáng buồn ư?

Cư sĩ Dịch Viên thoát đầu chẳng biết Phật, cũng chẳng khỏi “người ta nói sao mình bảo vậy”. Đến khi xem kinh Phật, mới biết trước kia sai lầm, bèn ngâm tu tại gia, người trong cả một làng đều được ông giáo hóa. Do muốn tạo sự hướng dẫn sáng suốt cho thiên hạ đời sau, bèn soạn bài tụng theo lối ba chữ để nêu rõ vì sao Phật là Phật; Không, Lão và Phật tuy giống nhau nhưng chẳng giống nhau, Phật và Không, Lão tuy khác nhau nhưng chẳng khác nhau. Do con người chưa xem kinh Phật thì không những chẳng biết Phật mà cũng chẳng biết Nho. Đã xem kinh Phật, mới thật sự biết Nho. Vừa xuất thế vừa lo toan cõi đời, vừa tiêu cực vừa tích cực. Tâm pháp nhà Nho, nhà Phật một mực thông suốt. Lại còn trình bày đại lược những điểm quan trọng trong lịch sử đạo học, ngõ hầu mở toang rào giậu, cùng trở về đại đồng. Môn nhân là Tề Dụng Tu đã đặc biệt soạn “tiên chú” (lời chú giải đại lược) để người đọc đều hiểu. Đến năm Dân Quốc 20 (1931), ấn hành lưu truyền trong đời, Quang từng viết lời tựa.

Nay môn nhân là Du Hữu Duy do thấy bản chú giải của ông Tề quá đại lược, kẻ chưa đọc kinh Phật và các sách vở Nho giáo sẽ khó thể thấu triệt, do vậy bèn viện dẫn kinh luận để diễn giải thông suốt, lợi ích không thể kể xiết. Nếu chịu nghiên cứu, ắt mong thâm nhập, từ đây tuân theo lời Không - Mạnh dạy để duy trì thể đạo, tu pháp của Như Lai để triệt chứng tự tâm, ắt sẽ tuân giữ lòng dè dặt kinh sợ tu trì “ba điều phản tỉnh”¹⁴⁸, vâng lãnh “bốn điều đừng”¹⁴⁹, để chẳng thẹn vì phải ẩn giấu những điều nhỏ nhặt, ngũ uẩn rỗng rang, chẳng lập mây trần, tịnh sáu căn, lìa trọn

¹⁴⁸ Ba điều phản tỉnh: Trong Luận Ngữ, Tăng tử đã nói: “*Ngô nhật tam tỉnh, hồ ngô thân vi nhân mưu nhi bất trung hồ? Dĩ bằng hữu giao nhi bất tín hồ? Truyền bất tập hồ?*” Sách Tứ Thư Bạch Thoại Giải Thích giảng nghĩa câu này như sau: “Ta hằng ngày ba lần phản tỉnh: Mưu tính công việc cho người khác, bản thân ta có tận hết sức hay không? Chơi với bạn có giữ được chữ tín hay không? Thầy dạy dỗ có thực hiện, tập luyện được hay không?”

¹⁴⁹ Trong Luận Ngữ, Nhan Hồi hỏi về cách thực hiện lòng nhân, Không tử dạy: “*Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động*” (Điều phi lễ đừng nhìn, chuyện phi lễ đừng nghe, lời phi lễ đừng nói, chuyện phi lễ đừng làm). Câu nói này thường được biết đến với thành ngữ “*Nhan Hồi tứ vật*” (bốn điều đừng của Nhan Hồi).

các tướng, đạt thẳng đến chỗ trở về chỗ “không có gì để đạt được” thì mới đắc Bồ-đề viên mãn, làm bậc trượng phu điều ngự, làm đạo sư cho trời người, đều do lấy những điều này làm nền tảng vậy!

33. Lời tựa cho bộ Tấn Liên Tông Sơ Tổ Lô Sơn Huệ Viễn Pháp Sư Văn Sao

(Năm Dân Quốc 24 - 1935)

Đại pháp của Như Lai bao trùm pháp giới, bao quát có - không, chỉ dạy chân tâm sẵn có, tỏ rõ diệu dụng tùy duyên. Tâm thể ấy chúng sanh và Phật giống hệt nhau, phạm thánh chẳng hai, chân thường bất biến, tịch chiếu viên dung. Do Phật chứng rốt ráo nên được ngũ uẩn đều là không, vượt khỏi các khổ, chẳng lập mây trần, phô bày trọn vẹn vạn đức. Do chúng sanh triệt để mê nên đến nỗi mê chân đuổi theo vọng, trái giác hiệp trần, luân hồi sanh tử, trọn không có lúc thoát ra. Do vậy, đức Như Lai tùy theo căn cơ của chúng sanh nói đủ mọi pháp khiến cho ai nấy đều theo đường về nhà, đích thân thấy được cha mẹ vốn có. Lặn chèo áo tìm được hạt châu, liền được của báu vô tận nhà mình sẵn có. Bậc thượng căn cố nhiên được giải thoát, nhưng hàng trung hạ vẫn trong luân hồi, nên đặc biệt mở ra pháp môn Tịnh độ “vượt ngang ra khỏi tam giới”, khiến cho khắp các hạng trung hạ nối gót bậc thượng căn, lợi ích ấy không thể nào diễn tả được! Nghĩa này tuy phát xuất từ hội Phương Đẳng, nhưng thật ra đạo ấy bắt nguồn từ hội Hoa Nghiêm, chỉ vì phạm phu, tiểu thánh chẳng thể dự hội Hoa Nghiêm nên không có cách chi vãng nhận được. Trước khi kinh Hoa Nghiêm được truyền đến Trung Quốc, pháp môn Tịnh độ thường bị coi là đạo phương tiện hay Tiểu thừa. Sau khi phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện đã được dịch ra rồi, mới biết đây là lời giảng chân thật về pháp thành Phật.

Viễn công ở Lô Sơn xưa đã vãng lời Phật phó chúc, thừa nguyện tái lai. Chưa được thấy kinh Niết-bàn đã soạn luận Pháp Tánh Thường Trụ; chưa xem kinh Hoa Nghiêm đã xiển dương tông chỉ hướng dẫn về Cực Lạc, lập pháp ngầm hợp với các kinh, đạo thích hợp khắp ba căn, thông trên thấu dưới, thỏa thích bồn hoai xuất thế của đức Như Lai, giải quyết trọn vẹn đại sự sanh tử của hàm thức. Nếu chẳng phải là bậc đại quyền thị hiện¹⁵⁰, làm sao có thể dự đoán như vậy được? Vì thế pháp sư

¹⁵⁰ Đại quyền: Có thể hiểu theo hai cách:

1. Phật, Bồ-tát vì cứu vớt chúng sanh nên hiện ra đủ mọi thân hình sai khác, thậm chí thị hiện những hạnh ngũ nghịch thập ác để hóa độ chúng sanh. Như phu nhân Vi-đề-hy và vua A-xà-thế đều là những bậc đại quyền thị hiện.

La-thập nói: “Kinh dạy: Trong đời mạt sau này, phương Đông sẽ có vị Bồ-tát hộ pháp. Gắng lên nhân giả, hãy khéo hoằng dương chuyện này.” Tăng chúng Tây Vực đều nói đất Hán có bậc Khai sĩ¹⁵¹ Đại thừa, liền hướng về phương Đông cúi lạy, dâng lòng lên rằng Lô Sơn. Tung tích thần lý chẳng thể lường được!

Xét ra Viễn công, vào năm Giáp Thân tức năm Thái Nguyên thứ chín (384) đòi Hiếu Vũ Đế nhà Đông Tấn mới đến Lô Sơn, trụ tại chùa Tây Lâm của đồng môn là pháp sư Huệ Vĩnh. Sau này do người đến học đông đảo, Tây Lâm chật hẹp không chứa hết nổi, nên lại dựng chùa Đông Lâm. Lúc mới lo liệu, sơn thần hiển linh, gõ rường tự đưa đến, Thứ sử¹⁵² Hoàn Y bèn đứng ra xây cất, đặt tên cho điện ấy là Thần Vận để biểu thị sự linh dị. Do vậy bậc cao hiền tăng tục lũ lượt tìm đến. Đến ngày 28 tháng 7 năm Canh Dần (390), tức năm Thái Nguyên mười lăm, sư cùng tăng tục 123 người kết xã niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Những người ấy lúc lâm chung đều ứng hiện tướng lành, đều được vãng sanh. Ấy là vì mọi người đều có trí tuệ siêu quần bạt tụy, lại được Viễn công chỉ dạy và được sức dìu mài, gọt giũa của các bạn nên đạt được lợi ích ấy. Đây chính là những người kết xã đầu tiên.

Nếu xét theo cả một đời Viễn công, trong hơn 30 năm, những người được hưởng sự pháp hóa tu trì tịnh nghiệp, đắc tam-muội lên liên bang kể sao cho xiết! Xét từ năm Giáp Thân tức năm Thái Nguyên thứ chín (384), Viễn công đến Lô Sơn, về Tây vào ngày mùng 6 tháng 8 năm Bính Thìn, tức năm Nghĩa Hy 12 (416), suốt 32 năm không ra khỏi núi, chẳng dần mình vào cõi tục. Những trước thuật hoằng dương pháp hóa, hộ trì Phật giáo của ngài được chép đầy đủ trong Lô Sơn Tập. Trái bao

2. Riêng chỉ Đại Quyền Tu Lý Bồ-tát, còn gọi tắt là Đại Quyền Bồ-tát, là thần hộ pháp cho Thiên tông Trung Hoa tại các vùng duyên hải thuộc tỉnh Chiết Giang, thường được coi là vị Bồ-tát bảo hộ cho những người đi biển.

Ở đây, chữ đại quyền được dùng theo nghĩa thứ nhất.

¹⁵¹ Khai sĩ là một cách dịch khác của chữ Bồ-tát. Khai có nghĩa là mở thấu hiểu thông đạt, chỉ dạy chánh đạo, dẫn dắt chúng sanh. Sách Thích Thị Yếu Lâm, quyển thượng, viết: “Trong kinh thường gọi Bồ-tát là Khai sĩ, thời Phù Kiên nhà Tiền Tần thường phong tặng danh hiệu Khai sĩ cho những vị tăng có đức hạnh, thông suốt giáo lý.”

¹⁵² Thứ sử là một chức quan được đặt ra từ đời Hán, tùy theo mỗi thời đại có nhiệm vụ quyền hạn khác nhau. Thời Hán chia toàn quốc thành mười ba châu, mỗi châu có một quan Thứ sử. Chức vụ Thứ sử khi ấy tương đương với chức *Ngự sử trung thừa* đời Tần, đóng vai trò giám sát quan lại tại mỗi châu. Đến thời Ngụy - Tấn, chức Thứ sử là quan cai trị đứng đầu một châu. Đến đời Tống, Thứ sử quyền lực rất nhỏ, chỉ còn chuyên đảm nhiệm việc truyền chuyển các quan võ trong một châu.

cuộc biển dâu, thất lạc gần hết. May là trong những bộ Hoàng Minh Tập, Quảng Hoàng Minh Tập đều có sao lục khiến cho dấu thơm của cổ đức được truyền mãi mãi trong cõi đời.

Thái sử¹⁵³ Sa Kiện Am ở Như Cao đến tuổi già dốc lòng tin tưởng Phật pháp, chuyên tu tịnh nghiệp, xem rộng khắp các sách, phàm những trước thuật Viễn công và những bài truyện, tán, ký, tụng v.v. do người đời sau soạn ra đều sao lục đầy đủ, tập hợp thành sách đặt tựa đề là Huệ Viễn Pháp Sư Văn Sao, phân thành hai bộ Chánh Biên và Phụ Biên. Môn nhân là Hạng Trí Nguyên lại còn sao lục bổ sung, ủy thác Quang giáo chánh và ấn hành. Trộm nghĩ: Viễn công là sơ tổ Liên tông, sách ấy được lưu truyền rộng rãi thì người đọc sẽ có dấy lòng tu trì, nhưng do tài lực không đủ, trước hết bèn in một vạn bản để xướng suất, sau này sẽ có người kế tiếp liên tục in thì làm sao biết được con số. Người học đời sau do cuốn sách này đều biết cội nguồn của pháp môn Tịnh độ, ắt đều gặp việc nhân chẳng chịu nhường, nổi gót bậc tiên giác, cùng thoát khỏi ngũ trược, cùng lên chín phẩm sen. Vì thế trước lúc sắp chữ, bèn lược thuật lai lịch. Còn như đạo đức, công nghiệp, văn chương, sự cảm thông của Viễn công đã được chép đủ trong Chánh Biên và Phụ Biên của [Huệ Viễn Pháp Sư] Văn Sao, ở đây không cần rườm rà tường thuật nữa.

Cõi đời truyền tụng Viễn công và 18 vị cao hiền, 123 người kết xã. Trong số 18 vị ấy, Viễn công đứng đầu, 15 người kia đa số là những vị kết xã đầu tiên. Nếu ngài Phật-đà-bạt-đà-la vào năm Nghĩa Hy thứ 2 (406) đời Tấn An Đế mới dự vào liên xã, tức là năm thứ 17 sau khi Lô Sơn kết xã. Ngài Phật-đà-da-xá dự vào liên xã trong năm Nghĩa Hy thứ 10 (414) thì đây là năm thứ 25 sau khi Lô Sơn kết xã. Trong Bảo Vương Luận, pháp sư Phi Tích có nói Viễn công nhận lãnh phép niệm Phật tam-muội từ ngài Phật-đà-bạt-đà-la xong bèn cùng những vị cao hiền tăng tục kết xã niệm Phật. Đây chính là đề cao những vị tăng Tây Trúc, nhưng chưa khảo cứu tường tận thời gian ngài Phật-đà-bạt-đà-la dự vào liên xã vậy.

¹⁵³ Thái sử là một chức quan đã có từ thời nhà Thương, đứng đầu cơ quan Thái sử liệu, tức cơ quan chuyên trách khảo thảo văn thư, chiếu chỉ, sách vở, thiên văn, lịch pháp, nghi thức tế lễ cho triều đình. Tư Mã Thiên từng đảm nhiệm chức vụ này nên những lời bàn của ông được ghi trong bộ Sử Ký đều mở đầu bằng từ ngữ “*Thái sử công viết*” (ông Thái Sử nói). Nhưng chức quan này ngày càng bị giảm vai trò quan trọng, đến đời Tấn trở đi chỉ đảm nhiệm việc tính toán lịch pháp. Đời Minh - Thanh, Thái sử là một tên gọi khác của chức quan Hàn lâm biên tu, vì Hàn lâm viện đảm nhiệm việc biên soạn sử sách.

34. Lời tựa bộ Vệ Sinh Tập

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Giữa khoảng trời đất hoàn toàn là một khối nguyên khí thái hòa, vì thế mưa gió đúng thời, lúa thóc chín rộ, các loài động thực vật đều được sanh trưởng. Nếu con người thấu hiểu, hành theo điều này cố nhiên chẳng thẹn đứng chung với trời đất thành ba ngôi, xưng là tam tài. Từ đây sẽ tự bảo vệ, bảo vệ kẻ khác, cốt sao hết thảy hàm thức đều được sống yên ổn, cùng vui lẽ thiên chân. Đây chẳng phải là “kế thừa đời trước, mở mang đời sau, dùng tiên giác để giác hậu giác, bù đắp cho chỗ thiếu sót của trời đất, giúp cho quyền sanh thành, dưỡng dục của trời đất” đó ư? Nhưng người đời do tham vui sướng bụng miệng, bắt lấy các loài vật bơi dưới nước, chạy trên đất, bay trên không để giết ăn, cốt sao thỏa thích bụng miệng mình, bảo vệ cái sanh mạng của ta, như vậy thì muốn cầu giữ gìn mạng sống lại đâm ra gặt phải kết quả trái ngược. Do sát sanh nên gây ảnh hưởng lớn lao đến thiên hòa, cảm lấy lệ khí (khí hung dữ, độc hại), đến nỗi những thiên tai như lụt lội, hạn hán, ôn dịch, sâu rầy v.v.. Do kết quả của sát nghiệp, phát sanh những nhân họa (tai họa do con người gây ra) như đôi bên chiến tranh.

Xét đến nguyên do của những tai họa ấy, nói chung là do trong đời trước hay đời này đã sát sanh ăn thịt mà ra. Tai họa do ăn thịt cực kỳ khốc liệt, không chỉ gây hại cho đời này mà còn gây lụy đến nhiều kiếp. Phàm những ai muốn tự bảo vệ cuộc sống của chính mình, không thể nào không bảo vệ cuộc sống của khắp hết thảy các loài dưới nước, trên hư không, trên mặt đất vậy thay! Ăn thịt để bảo vệ mạng sống là chuyện lạ lùng quá sức! Do thói quen, cứ coi đó là thường. Như người châu Phi giết người làm tiệc, người xứ ấy cứ điềm nhiên chẳng lấy gì làm lạ cả. Nghĩ lại thuở xưa thánh nhân ngự trên ngôi, kinh Thư đã chép: “*Điều thú ngư miết hàm nhược*” (Chim, thú, cá, ba ba đều sống yên vui), “nhược” nghĩa là thuận, “hàm nhược” nghĩa là đều thuận theo thiên tánh của nó, chẳng mắc nỗi khổ giết hại và sợ hãi kinh hoàng chạy trốn. Đây quả thật là nói đến hoài bão: “*Cần vi đại phụ, Khôn vi đại mẫu, dân ngô đồng bào, vật ngô dữ dã*” (Cần là đại phụ, Khôn là đại mẫu, dân là người ruột thịt với ta, loài vật giống như ta vậy). Được như thế thì chẳng xứng là một vị bảo vệ cuộc sống lớn lao ư? Tiếc rằng những chuyên viên vệ sinh học¹⁵⁴ hiện thời cứ hại

¹⁵⁴ Vệ sinh theo nghĩa gốc là bảo vệ tánh mạng, giữ cho thân thể khỏe mạnh. Khái niệm này được Đạo gia diễn dịch như những phương pháp tập luyện hít thở (đạo dẫn), uống các thứ thuốc, không

sanh mạng kẻ khác để bảo vệ cuộc sống của chính mình, rốt cuộc đời này, đời sau khổ báo vô cùng. Dê và người lần lượt xoay vần, mạnh yếu lần lượt thay đổi vai trò đến tận đời vị lai cũng khó thể kết thúc được. Do vậy, những bậc bảo vệ sanh mạng lớn lao xưa nay đều đề xướng yêu thương loài vật, thực hành lòng từ, kiêng giết, phóng sanh, trì trai, ăn chay, tín nguyện niệm Phật, quả thật là nghĩa cử bảo vệ sanh mạng rốt ráo, viên mãn đến tột bậc vậy.

Cư sĩ Hoa Ngộ Thê dốc lòng tin tưởng Phật pháp, tu trì tịnh nghiệp, muốn vẫn hồi thế đạo nhân tâm, đặc biệt tập hợp những ngôn luận của các bậc danh nhân xưa nay và đủ mọi chuyện quả báo do sát sanh hay phóng sanh, đặt tên là Vệ Sinh Tập, mong sao người đời muốn bảo vệ sanh mạng của chính mình thì trước hết hãy bảo vệ mạng sống của những sanh vật bơi dưới nước, sống trên mặt đất, bay trên không kia. Tự bảo vệ sanh mạng như vậy thì chẳng phải chỉ trong một đời này mà còn khiến cho đời đời kiếp kiếp phạm sanh vào nơi đâu đều được tốt lành, không có các tai họa. Nếu lại niệm Phật, đem công đức bảo vệ sanh mạng này hồi hướng vãng sanh thì sẽ có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, đoạn hết sạch phiền hoặc, đắc đại vô úy, bảo vệ sanh mạng cho khắp hết thảy những chúng sanh cô đơn, lênh đênh không nơi nương tựa trong sáu nẻo. Đây gọi là ý nghĩa nhỏ nhiệm của việc bảo vệ sanh mạng vậy.

Cư sĩ Quách Hàm Trai do thấy mấy lúc gần đây sát nghiệp ngút ngàn, trọn chẳng ngơi dứt, liền muốn lưu truyền tập sách này, ngõ hầu người đọc đều cùng phát tâm bảo vệ sanh mạng hòng dứt sát kiếp, uốn nắn phong hóa, cây tôi giáo dục. Do vậy tôi sửa đổi đôi chút thứ tự, danh xưng, số quyển. Lại đăng kèm vào theo mấy đoạn phê phán của tiền nhân dưới mỗi đoạn văn, đăng kèm theo Khuyên Hiếu Ca và Bát Phán Ca¹⁵⁵ của người đời Đường vào sau sách, ngõ hầu ai nấy đều coi trọng bảo vệ

nhỏ nước miếng v.v. để được trường thọ, không bệnh tật. Về sau, vệ sinh được hiểu theo nghĩa rộng là những phương pháp giữ gìn sức khỏe, kể cả những phương pháp dinh dưỡng và thậm chí Bộ Y tế cũng được gọi là Bộ Vệ sinh. Ở đây, tôi nói đến quan điểm dinh dưỡng của Tây Phương “phải ăn thịt động vật cơ thể mới khỏe mạnh được”. Xin lưu ý chữ vệ sinh ở đây không có nghĩa hẹp như chữ “vệ sinh” (hygiene) trong tiếng Việt.

¹⁵⁵ Bát Phán Ca là một bài ca đã có từ thời Đường, không rõ ai là tác giả, gồm tám khổ thơ, có nội dung khuyên cảnh tỉnh người đời về lòng hiếu, lòng nhân, xin trích dẫn một hai đoạn: “Con thơ mắng chửi ta, lòng ta sao hớn hở, cha mẹ quả mắng ta, sao ta chẳng cam lòng, một đằng thì hoan hỷ, một đằng lại bức mình, đối cha, đối con cái, sao lại khác xa nhau? Gặp lúc cha mẹ giận, xin anh hãy nhủ lòng, coi hệt như con thơ.”

sinh mạng, đều vâng giữ lòng hiếu để mở rộng lòng nhân đức hầu báo ân cha mẹ; nhưng hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật, đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong tương lai, ắt sẽ mở rộng lòng hiếu kính để mong rớt rảo tự bảo vệ sanh mạng, bảo vệ sanh mạng kẻ khác vậy.

35. Lời tựa cho bộ Chánh Tín Lục của cư sĩ La Lương Phong

Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật. Vì thế đức Phật coi hết thấy chúng sanh đều là Phật, thương họ trái giác hiệp trần, luân hồi sáu nẻo, trái kiếp số nhiều như mây trần không cách gì thoát lìa được. Do vậy tùy theo căn cơ lập giáo, đối bệnh cho thuốc, đủ mọi phương tiện chỉ dạy, mong sao họ sẽ trái trần hiệp giác, bỏ vọng về với chân, tiêu trừ hoặc nghiệp vốn chẳng có, chứng trọn vẹn Phật tánh sẵn có mới thôi. Chúng sanh thấy Phật đều là chúng sanh cho nên nghe lời Phật, nhìn hành vi của Phật, chẳng thể tin nhận ngay, có kẻ cho là huyền vọng chẳng thật, chỉ nhằm gạt gẫm kẻ ngu tục. Có kẻ cho rằng đạo Phật phé bỏ luân lý, làm hại chánh đạo. Có kẻ cho rằng càng gần lý, càng gây loạn lớn lao cho lẽ chân. Nhưng đức Phật chẳng vì những điều ấy mà vứt bỏ họ, chỉ đợi khi thời tiết nhân duyên chín muồi sẽ ra tay độ thoát.

Có lắm kẻ vì thoát đầu chẳng hay biết nên lầm lẫn bài xích, tiếp đến do hiểu biết sâu xa bèn tận lực tu, sau đây do chân tu nên ngộ chứng. Do vậy liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, rộng để lại ngôn giáo nhằm khơi gợi người sau. Do họ đã biết rõ đức Phật lập pháp bao gồm trọn vẹn hết thấy các thiện pháp thế gian và xuất thế gian, không những chẳng trái pháp thế gian mà còn hữu ích lớn lao cho pháp thế gian. Luận về mặt tu trì thì chẳng bỏ sót điều thiện mảy may nào, nhưng nhất tâm vô trụ. Bàn đến đế lý, chẳng lập mây trần nhưng vạn đức đều tỏ lộ trọn vẹn. Vì thế, những người có tri kiến lỗi lạc, có chí đặc biệt quy hướng, không một ai chẳng dốc lòng sùng phụng để mong tự lập lập người, tự lợi lợi tha.

Cũng có kẻ ăn trộm những nghĩa trọng yếu trong kinh Phật để hoằng dương đạo Nho, lại ngược ngạo ra sức bài bác Phật pháp hết sức dữ dội hòng ngăn chặn người trong thiên hạ đời sau đừng bước vào Phật pháp. Bỏn ý của họ chẳng qua là do tri kiến môn tường nặng nề, sợ chẳng ra sức ngăn lấp thì mọi người đua nhau theo Phật, cửa Nho do đó sẽ bị lạnh lẽo, điêu tàn! Họ chẳng biết bậc thượng căn thật sự quyết chẳng bị ngăn chặn, nhưng kẻ trung hạ do họ bài xích nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi sẽ cho đó là những điều đức Phật dùng làm căn cứ để gạt gẫm kẻ ngu tục.

Đối với những pháp đức Phật dạy như sửa lỗi hướng thiện và liễu sanh thoát tử v.v. họ chê bai là tự tư tự lợi, hề có điều gì để làm lành thì đấy chính là ác, ắt sẽ mong sao không làm gì mới là làm lành, trái nghịch ý chỉ “đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình, giảm bớt lỗi, bậc hạ thì học, bậc thượng thì thấu đạt” của thánh hiền quá lớn, cũng như trái nghịch đạo “hướng theo thì lành, trái nghịch thì xấu, xuôi theo thì tốt lành, trái nghịch thì hung hiểm” của kinh Dịch, kinh Thư, vận dụng suông thuật “trọn hết tình nghĩa, trọn hết bốn phận, thành ý, chánh tâm” nhằm yên đời và tạo ra phong tục tốt đẹp. Đối với căn bản khiến cho con người không thể nào không trọn hết tình nghĩa, trọn hết bốn phận, thành ý, chánh tâm lại hoàn toàn vứt bỏ, đem chuyện thuộc về khả năng của thánh nhân giao cho phàm phu thực hành; cho nên đến nỗi thiện không có gì để khuyến, ác chẳng có gì để phạt. Đến khi gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, đủ mọi vỡ tuồng xấu ác như phế bỏ kinh điển, phế bỏ luân thường đều được diễn ra. Cái gốc họa quả thật là do cái tâm trộm cướp bài xích nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi và quan niệm “có làm gì để làm lành thì đó chính là ác” và “tự lợi lợi tha, liễu sanh thoát tử” là tự tư tự lợi mà ra. Do vậy người có tâm lo cho thế đạo liền xúm nhau nghĩ cách cứu vãn.

Khéo sao tôi được tặng cuốn Chánh Tín Lục do cư sĩ La Lương Phong biên soạn. Đọc xong, nổi canh cánh bên lòng được cởi gỡ! Cư sĩ thừa nguyện tái lai, dùng tầm mắt thông suốt lớn lao vô ngại, đối với những chuyện thế tục nghi ngờ như thiên đường, địa ngục, con người và súc vật luân hồi, thân trước, thân sau v.v., mỗi mỗi đều dựa theo kinh, dẫn chứng từ sử để chứng minh những chuyện đó. Đạo học uyên nguyên, những lời bàn luận tột cùng của các bậc danh nhân và các lỗi tu trì, cũng như pháp cây vào Phật từ lực để vượt ngang ra khỏi tam giới thấy đều chỉ bày tường tận duyên do khiến cho con người biết được cửa nẻo, có chỗ dựa nương, cốt sao kẻ câu nệ hẹp hòi thấy được vàng mặt trời, khiến cho những kẻ cô đơn, lênh đênh trở về quê nhà vốn có, tạo lợi ích không thể nào diễn tả được. Tôi bèn giáo chánh câu chữ, tính in ra trước hết một vạn cuốn để đề xướng. Sau đấy mặc lòng những nhà từ thiện bao lượt tái bản ngõ hầu lưu truyền khắp toàn quốc. Bạn tôi là đại sư Thê Phạm nguyện bỏ tiền ấn loát, cư sĩ Quách Phụ Đình ở Triều Châu muốn khắc mộc bản cho tinh tường, cây tôi giáo duyệt bản in gốc và viết lời tựa ngõ hầu được lưu truyền rộng rãi.

Đủ thấy con người có cùng một cái tâm này, tâm cùng một lý này, người có tâm ưa điều lành ai mà chẳng giống như ta! Trong cùng một lúc vừa được sắp chữ vừa

được khắc in, đúng là một chuyện may mắn lớn lao trong hiện thời. Nguyên những ai thấy nghe, do những điều ông Lương Phong đã nói sẽ tin sâu xa vào lời Phật, dùng ngũ giới thập thiện, lục độ vạn hạnh tùy phần tùy sức tu trong luân thường hằng ngày, lúc sống sẽ dự vào địa vị thánh hiền, mất đi sẽ lên cõi Cực Lạc, ngõ hầu chẳng phụ chân như Phật tánh sẵn có và lòng đại từ phổ độ của Như Lai, cũng như một phen ông Lương Phong khổ tâm đề xướng, hướng dẫn vậy!

36. Lời tựa nêu tỏ ý nghĩa ẩn kín của sách Khuyển Thế Bạch Thoại Văn

(Năm Dân Quốc 19 - 1930)

Thế đạo nhân tâm ngày nay đã suy hãm đến cùng cực lắm thay, những người mang tâm lo lắng cho đời bày đủ mọi cách để duy trì. Nếu không, đạo làm người gần như diệt mất, thật đáng sợ thay! Tuy nhiên, muốn văn hồi thế đạo nhân tâm hãy nên giải quyết từ căn bản thì dùng sức ít mà được hiệu quả lớn lao. Người có tri kiến chân chánh đích xác ắt sẽ ulla nhau vãng theo như gió lửa cỏ rạp. Thầy thuốc trị bệnh có bệnh đăng gốc, có bệnh đăng ngọn, xét coi bệnh tình gấp rút hay hòa hoãn để trị liệu, chẳng thể chấp vào một phía để luận định. Nay chứng bệnh nơi thế đạo nhân tâm đã sâu lắm rồi, nếu chỉ dựa trên mặt sự đề khuyên dụ, tuy cũng đạt được hiệu quả biến đổi phong tục, nhưng cố nhiên chẳng thể đạt hiệu quả bằng cách đốc sức nơi căn bản được. Nói đến chuyện đốc sức nơi căn bản chính là đề xướng giáo dục trong gia đình, đề xướng nhân quả báo ứng, sao cho hết thảy mọi người ai nấy biết đạo làm người, ai nấy trọn hết bốn phận của chính mình, cha từ, con hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành. Nếu ai nấy đều được như vậy thì cửa nhà hưng thịnh, con cháu hiền thiện. Lại phải biết thường nghiêm giữ những lời về “phước thiện, họa dâm, thiện ác, tai ương, may mắn” để tự tu, lại còn dùng những điều ấy dạy người trong nhà thì người nhà sẽ dự vào địa vị thánh hiền tốt đẹp mà chẳng tự biết.

Vì thế Không tử nói: “*Thiên hạ chi bốn tại quốc, quốc chi bốn tại gia, gia chi bốn tại thân*” (Gốc của thiên hạ là đất nước, gốc của đất nước là nhà, gốc của nhà là thân). Lời này đâu phải nói riêng với người mang tước vị, mà thất phu thất phụ đều cùng mang trách nhiệm này. Cổ nhân đã nói: “*Thiên hạ bất trị, thất phu hữu trách*” (Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm). Bởi lẽ nhân tài trong thiên hạ đều từ gia đình mà ra, gia đình khéo dạy, con cái tự nhiên đều hiền thiện; gia đình không khéo dạy, đứa con nào có thiên tư sẽ quen thói cuồng vọng, đứa không có thiên tư

sẽ quen nét bướng bỉnh, hung ác. Hai loại ấy đều là sâu mọt cho quốc gia xã hội! Do vậy biết giáo dục gia đình chính là căn bản để trị quốc, bình thiên hạ, còn nhân quả báo ứng là đạo trọng yếu để phụ trợ cho giáo dục gia đình. Từ đứa bé con cho đến kẻ bạc đầu, từ chính bản thân cho đến xã hội, từ làm người cho đến thành thánh hiền, từ tu thân cho đến bình thiên hạ đều phải nương theo những điều ấy để được thành tựu, thật đúng là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lần xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh, thành thủy thành chung vậy, là đại pháp để cùng trị cả gốc lẫn ngọn, phạm lẫn thánh đều phải tuân theo.

Những nhà Nho đời sau chẳng biết đến ý nghĩa này, xằng bậy bài bác, đến nỗi thành ra thái độ xấu xa không kiêng dè ngày nay. Nguyên những ai có chí giác thế yên dân văn hồi kiếp vận hãy dốc sức nơi đây thì chẳng mấy chốc sẽ được thỏa nguyện vậy. Cư sĩ Hoàng Hàm Chi lòng tha thiết vì người khác, dùng thẻ văn bạch thoại viết ra hơn 20 loại, không loại nào chẳng phanh gan phơi mật, đi vào từng chi tiết sát sao. Người có thiên lương xem đến ắt sẽ rửa lòng gột ý, sửa lỗi hướng lành, hòng khôi phục chân tâm vốn có thì thật là hạnh phúc lớn lao không chỉ hơn được nữa.

37. Lời tựa tái bản hai thiên sách Đạt Sanh và Phước Ấu

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Kẻ khéo trị bệnh sẽ trị từ lúc bệnh chưa phát, sẽ được lợi ích sâu xa mà chẳng tốn kém, vì thế nói: “*Chí trị vu vị loạn, bảo bang vu vị nguy*” (Đạt đến yên ổn khi chưa loạn, bảo vệ đất nước khi chưa nguy). Như vậy là đã không có cái gọi là bệnh thì đâu cần phải trị nữa? Tuy nhiên người làm được như vậy có mấy ai? Con người sống trong thế gian chỉ có sống và chết là quan trọng nhất. Nếu chẳng hiểu thấu đạo ấy thì khi sanh nở rất có thể mẹ lẫn con cùng chết. Dầu cho chẳng chết, chắc cũng oan uổng chịu đủ mọi thống khổ, trong khi chết chắc vạn phần may lại được sống, thật đáng thương xót quá! Cư sĩ Cức Trai đặc biệt soạn ra Đạt Sanh Thiên để chỉ rõ sản nạn trong thế gian, phần nhiều do tưởng lầm những cơn đau bụng quặn lên¹⁵⁶ là

¹⁵⁶ Nguyên văn là “thí thông”: Theo Trung Y Từ Điển và Dụng Sanh Tập (của Trương Diệu Tôn), thí thông là một chứng bệnh đau bụng quặn lên nơi sản phụ thường vào tháng thứ tám hoặc đầu tháng thứ chín, hoặc đau liên tiếp vài ba trận, hoặc cách quãng. Nguyên nhân vẫn chưa rõ vì sao, nhưng dễ khiến cho sản phụ tưởng lầm là sắp sanh đến nơi.

vì sắp sanh, đến nỗi sanh ra đủ mọi hiểm nạn như sanh ngang, sanh ngược v.v.. Đây là một điều quan hệ lớn lao khi sanh nở.

Lại nói: “Dưỡng thai bằng cách tuyệt dục, đây là ý nghĩa bậc nhất”, vì thế tâm pháp đầu tiên để dưỡng thai là phải kiêng ăn nằm. Thiên sách ấy ghi: “Hễ vợ có thai rồi thì phải hết sức kiêng ăn nằm. Đó là lý do vì sao người xưa hễ có thai bèn ở phòng khác, chẳng ngủ chung với nhau nữa vì sợ dấy lên dục niệm. Nói chung, trước khi thai được ba tháng mà phạm chuyện cấm kỵ ấy thì do dục niệm dấy lên, tử cung lại bị mở ra, rất dễ bị nguy cơ chảy máu, động thai. Sau khi thai đã được ba tháng mà phạm lỗi ấy thì bọc thai sẽ dày, khó sanh. Phải biết lửa dục làm tổn thương thai đến nỗi những chất như bản lã động. Hơn nữa, những đứa nhỏ thân có chất như màu trắng, đậu mùa, ghẻ chốc khó chữa lành được đều là vì cha mẹ chẳng cẩn thận.” Đây chính là điều có quan hệ lớn lao lúc mới thọ thai vậy.

Nếu biết mối quan hệ giữa chuyện thọ thai và sanh nở thì hễ sanh nở chẳng bị các nguy cơ sảy thai hay khó sanh, mà con cái sanh ra đều có thể chất mũm mĩm, tánh tình dịu dàng, hiền lành, đã ít bị lên sởi, lên đậu v.v. lại mạnh khỏe sống lâu. Nếu con người sẵn biết những nghĩa này thì thân tâm ắt sẽ yên vui, con cháu hiền thiện, gia tộc tiếng tăm rạng rỡ, hữu ích cho xã hội. Đây gọi là “trị bệnh phải trị từ lúc chưa có bệnh”, mà cũng bao gồm những lợi ích thù thắng như “đạt đến yên ổn từ lúc chưa loạn, bảo vệ đất nước khi chưa nguy ngập”. Vì thế nói rằng cuốn sách này cũng quan trọng lắm!

Ông Trương Thiện Trung ở Duy Dương do mẹ là phu nhân họ Lưu qua đời lúc tuổi còn rất bé, chưa thể phụng dưỡng ngọt bùi trong thuở sanh tiền, muốn vì báo đáp mẹ sẽ khiến cho hết thảy những người làm mẹ, những kẻ làm con đều được hưởng thụ lợi ích yên vui, trường thọ, bèn phát tâm ấn hành bốn vạn cuốn sách này để tặng hết thảy những ai hữu duyên, khiến cho họ đều biết cách trị bệnh từ lúc chưa bệnh và cách trị khi đang bị bệnh, ngõ hầu chẳng đến nỗi bị đau khổ trong khi sanh nở và mang nỗi lo sanh con nhưng chẳng nuôi lớn được.

Hơn nữa từ xưa đến nay, những đứa mắc chứng kinh phong lâu ngày, mười đứa hết chín bị chết rất nguy hiểm, nhưng y theo thiên sách Phước Ấu do tiên sinh Trang Nhất Quý biên soạn để trị thì mười đứa sống được cả mười, quả thật là cuốn sách quan trọng nhất về bệnh tật trẻ nhỏ, nên cũng in kèm vào cuối sách để được lưu

truyền rộng rãi. Nhân đây bèn cho đánh máy thành bốn bản để những người sau này muốn tạo phước lợi cho người khác sẽ ấn loát thuận tiện.

Hơn nữa, cái nhân gần của tai biến khi sanh nở đã được trình bày như trên rồi, nếu bàn về cái nhân xa thì phần nhiều do sát nghiệp trong đời trước hay đời này chiêu cảm. Nếu con gái từ lúc thơ ấu thường niệm thánh hiệu Nam-mô A-di-đà Phật và Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát sẽ tự tiêu trừ được sát nghiệp trong đời trước và đời này. Hễ sát nghiệp tiêu thì sanh nở sẽ chẳng bị oán gia gây chướng ngại chẳng sanh được. Đây cũng là một cách trị sẵn trước khi chưa bệnh. Hoặc nếu có kẻ chưa được nghe Phật pháp, nhưng tới lúc sanh nở, nếu chẳng sanh được ngay, hãy nên dạy sản phụ và những kẻ thân thuộc chăm sóc bên cạnh đều dùng tâm chí thành niệm Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát thì tất cả những oán gia đời trước gây chướng ngại khiến cho sản phụ chẳng thể sanh vừa được nghe danh hiệu Bồ-tát sẽ do oai đức, thần lực của Bồ-tát mà liền tránh xa, chẳng dám khuấy rối nữa. Có kẻ nói đang sanh nở lỡ lỡ bất tịnh, niệm danh hiệu Bồ-tát chắc sẽ mắc tội khinh nhờn. Đây chính là đem tình kiến phàm phu để làm lạc suy lường tâm hạnh của Bồ-tát. Chẳng biết đây là lúc liên quan đến tánh mạng, chẳng thể đem lúc bình thường trọn chẳng bị bệnh khổ để bàn luận. Ví như con cái té vào nước lửa, gọi cha mẹ cầu cứu, cha mẹ nghe được liền đến cứu ngay, trọn chẳng vì đứa con áo mũ không tề chỉnh, thân thể chẳng sạch sẽ mà chẳng chịu cứu giúp.

Một đệ tử của tôi mấy năm trước ở Tứ Xuyên đến nhà một người bạn, nghe người vợ bạn kêu gào rất thương tâm, nhân đó hỏi thăm duyên cớ. Người bạn đáp: “Vợ đã hai ngày không sanh con ra được, sợ chẳng giữ được tánh mạng.” Ông ta nói: “Hãy gấp bảo sản phụ niệm thánh hiệu Quán Thế Âm, còn ông ở ngoài giếng trời¹⁵⁷, đốt hương quỳ niệm, đảm bảo sẽ sanh ngay.” Người ấy liền nói với vợ, lại còn tự niệm. Chẳng mấy chốc liền sanh ra đứa nhỏ mà người vợ vẫn chưa hay. Đến khi nghe con khóc mới biết đã sanh rồi. Người vợ kể: “Khi trước lúc sắp sanh, thấy một người dùng vải chèn kín phần dưới thân thể nên sanh không được. Đến khi niệm thánh hiệu Quán Thế Âm thấy vải bị tuột ra, nên sanh rồi mà vẫn không biết, nghe con khóc mới biết là con đã sanh.”

¹⁵⁷ Giếng trời (thiên tỉnh - courtyard) là khoảng sân trống, bốn phía là nhà xây bọc kín. Mục đích của thiên tỉnh trong những khu cao ốc là vừa để làm sân chung, vừa để giúp khí trời được lưu thông, tạo sự thoáng mát cho toàn bộ khu cao ốc.

Cổ nhân nói: “*Tử sanh diệc đại hỹ, khả bất bi tai!*” (Chết - sống cũng lớn lao thay, chẳng đáng buồn ư?) Pháp môn Tịnh độ đặc biệt lập ra cho lúc chết và sau khi chết đi thân hồn sẽ siêu sanh Tịnh độ. Sách này lập ra cho khi sắp sanh và những cách bảo vệ, che chở sau khi đã sanh. Nguyên khắp những bậc nhân từ, quân tử lần lượt lưu truyền ngõ hầu nhà nào cũng có một bản, cùng nhau dốc sức vun bồi đức, tiết dục thì những điều đã được nói trong sách này sẽ đều chẳng cần đến nữa, và ý niệm của tiền nhân lưu thông, và ông Thiện Trung in tặng, cũng như ý Bất Huệ trình bày hai mối quan hệ mới trọn chẳng còn tiếc nuối nữa!

38. Lời tựa cho sách tường trình hoạt động cứu trợ lũ lụt của hội Cứu Trợ Từ Thiện tỉnh Giang Tô

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Cần là đại phụ, Khôn là đại mẫu, dân là ruột thịt của ta, loài vật giống hệt như ta. Vì thế ông Vũ, ông Tác¹⁵⁸ thấy thiên hạ đói kém như chính mình bị đói kém, Y Doãn thấy một người chẳng được hưởng ân trạch khác nào chính mình xô đẩy người ấy xuống ngòi rãnh vậy. Phật xem hết thấy chúng sanh dường như con một, nói đủ mọi pháp để độ thoát. Người đời sau tuy chẳng có quyền như ông Vũ, ông Tác, Y Doãn, chẳng có đạo như đức Phật, vẫn chẳng ngại gì tùy sức mình thực hiện hầu trọn hết tâm lòng vậy! Vì thế, ông Tào Tung Kiều nhiều năm chuyên đảm nhiệm nghĩa cử cứu giúp, chu cấp dân nghèo tại địa phương. Lại còn trù tính cứu trợ cho Thiểm Tây hơn mười vạn đồng. Trước kia cha ông ta từng làm Phiên đài tại đất Dự (tỉnh Hà Nam), nặng lòng yêu dân. Nay ông Tào lại mở rộng lòng thương dân ấy sang đất

¹⁵⁸ Vua Đại Vũ họ Tự, tên Văn Mạng, thuộc thị tộc Hạ Hậu, cháu của Chuyên Húc, là con ông Côn. Thời vua Thuần, lũ lụt lớn, ông Côn trị thủy thất bại, bị phạt tội chết. Ông Vũ kế nhiệm, trị thủy thành công nên được vua Thuần truyền ngôi, lập ra nhà Hạ.

Ông Tác còn gọi là Chu Hậu Tác, tên thật là Khí, con Đế Khốc (thuộc dòng dõi Hoàng Đế). Mẹ là bà Khương Nguyên ra đồng thấy một dấu chân rất lớn, ướm thử, bèn hoài thai, sanh ra ông. Đến khi sanh ra, cho là bất tường, bèn đem vứt ngoài ngõ, nhưng trâu ngựa đi qua đều đi vòng, tránh giẫm vào đứa bé. Lần lượt đem vứt vào rừng, vào suối, nhưng đều vô sự. Khương Nguyên thấy lạ bèn đem về nuôi. Do bị vứt đi, ông được đặt tên là Khí. Khí từ nhỏ đã thích trồng trọt, trồng mè, trồng bắp rất xanh tốt, khéo cày bừa, chọn đất, dân chúng học theo. Đế Nghiêu phong cho ở đất Thai, với danh xưng là Chu Hậu Tác (Tác là tên một loại lúa ngon), và ban cho quốc tính là Cơ.

Thiêm, càng chẳng nài nhọc nhằn, vì trăm vạn sinh linh vùng Giang Bắc trù tính kế sách an ổn. Có thể nói là người có đức trong cõi đời, không ai hơn được!

Ông Viên Hiếu Cốc người huyện Đan Đồ, ông nội cũng từng làm Thái sử, vốn làm quan ở đất Tô nhiều năm, giữ lễ công chánh, tuân thủ pháp tắc, có cảm tình sâu đậm với người địa phương, bèn đến kiêu ngự¹⁵⁹ nơi thành Tô Châu, thông dong tu tịnh nghiệp. Giữa thu, vùng Giang Bắc bị thủy tai thật là từ trước đến nay chưa hề có. Vào ngày 28 tháng 8, hội Từ Thiện Cứu Trợ Lũ Lụt tỉnh Giang Tô cấp tốc gọi điện cho hai ông Tào và Viên hãy đi cứu trợ trước, đừng chần chờ. Họ liền khởi hành đến đất Dương, trước hết hội họp quan viên, thân sĩ, rồi lập cơ sở cứu trợ. Tiếp đó mới chia nhau điều tra tình hình lũ lụt các nơi, rồi gửi thư hay gọi điện thoại cho những nhà từ thiện ở Tô Châu và các nơi kêu gọi đóng góp, vì những người dân bị nạn mà van xin, lần lượt được số tiền khoảng mười lăm vạn. Áo đơn, áo kép, áo bông, giày, vớ v.v. mới hay cũ tổng cộng hơn mười vạn bộ, mền bông hơn một ngàn cái. Nồi niêu, thuốc men số lượng thật nhiều. Khoản đóng góp của những nơi khác được bốn phần mười, khoản tiền và quần áo, đồ đạc đóng góp lớn nhất đều do Tô Châu quyên tặng.

Một là vì hai ông Tào và Viên được người địa phương kính tin; hai là vì Tô Châu là chỗ hai đức Phật Duy-vệ¹⁶⁰ và Ca-diếp từng ở, cũng như do phong cách, sự cai trị tốt lành của Lục Nguyên Phương¹⁶¹ đời Đường, Phạm Văn Chánh¹⁶² đời Tống vẫn còn giữ lại. Vì thế nhân dân phần nhiều đều từ thiện, nhân ái, coi người khác như chính mình, nên mới đóng góp một khoản lớn lao như thế. Đối với mỗi một biện pháp tiến hành đều thuật rõ tình hình, tổng cộng mười bảy điều, đọc đến liền biết rõ. Những khoản chi tiêu được nêu trong điều thứ tư, chủ yếu là cứu trợ dân chúng bị thiên tai tại các địa phương. Điều thứ bảy là những chuyện phải gấp rút tiến hành. Điều thứ tám là bảo vệ trâu cày. Điều thứ chín những việc phải sử dụng nhiều nhân

¹⁵⁹ Không phải quê quán tại nơi đó mà dọn đến sinh sống, lập nghiệp tại đó thì gọi là “kiêu ngự”.

¹⁶⁰ Phật Duy-vệ: Theo kinh Thất Phật Phụ Mẫu Tánh Tự, Phật Duy-vệ chính là cách phiên âm khác của chữ Tỳ-bà-thi (Vipashin), tức là vị Phật đầu tiên trong quá khứ thất Phật.

¹⁶¹ Lục Nguyên Phương là một vị đại thần sống vào thời Võ Tắc Thiên đời Đường, làm quan đến chức Loạn đài Thị lang, kiêm Đồng bình chương sự, nổi tiếng là người trung thực, công bình, liêm chánh, hề đã hứa thì dù chết vẫn giữ lời.

¹⁶² Văn Chánh là thụy hiệu của Phạm Trọng Yêm, ông từng làm đến chức Tham tri chánh sự (Phó Tể tướng) kiêm Khu Mật Phó Sứ, đời Tống Nhân Tông, nổi tiếng nhân từ. Lúc sinh thời, vợ chồng con cái sống đạm bạc, bao nhiêu tiền của dùng hết vào việc chu cấp cơm áo cho người nghèo khổ, giúp đỡ con cháu nghèo hèn đi học.

công như tu bồ đề điều, cầu cúng. Điều thứ mười là cho vay hay cấp thóc giống. Điều thứ mười một là nuôi nấng trẻ bị thiên tai. Điều thứ mười hai là trừ tính lập ra những địa điểm phát cháo. Điều thứ mười ba là phân phát quà cứu trợ giúp dân nghèo ổn định cuộc sống. Điều thứ mười bốn là duy trì cơ sở phước lợi. Điều thứ mười lăm là duy trì những văn phòng giúp đỡ tiền bạc, củi, gạo v.v.. Những duyên do, biện pháp đều được chép tường tận trong cuốn sách này.

Nhưng điều thứ mười bảy là phát chẩn vào mùa đông: Do ngày dài quá, sẽ cần đến một khoản tiền rất lớn, vẫn mong những nhà đại từ thiện mọi giới nghĩ thương nỗi khổ của người dân bị thiên tai, lại quyên tặng những khoản tiền lớn để cứu dân mắc phải thiên tai, làm nhẹ vận nước, để cầu quyền thuộc cõi trời đến giúp tránh khỏi sát kiếp, sẽ thấy Phật trời che chở như mây nhóm, tốt lành may mắn ủa nhau kéo đến, giàu, thọ, yên ổn hiện đời được hưởng ngũ phước như Cơ Tử đã luận, hiền lương, tước lộc, hậu duệ nhận lãnh trăm điều tốt lành như Y Doãn đã dạy. Kinh dạy: “Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả”, sợ nhân sẽ chẳng gây nhân ác, nào có quả ác? Sợ quả thì nhân ác đã chín, khó tránh quả ác! Dầu sanh lòng sợ hãi, trọn chẳng ích gì. Sao bằng sửa lỗi hướng thiện để tiêu nghiệp cũ, gieo phước cho tương lai, để làm biện pháp căn bản rốt ráo hồng tránh khỏi ác quả ư?

Hơn nữa bồ thí có ba loại:

- Một là thí tài, tức là dùng tiền tài và quần áo, thức ăn, chỗ ở để chu cấp hay giúp đỡ người bản cùng, khốn khổ.

- Hai là thí pháp, đối với người chẳng biết thiện ác, tà chánh và nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo và pháp môn thiết yếu để liễu sanh thoát tử bèn dùng phương tiện khéo léo tuyên nói, hoặc ẩn tống, lưu thông những sách ghi chép những câu nói khéo lý khéo cơ của chư Phật Bồ-tát, tổ sư, thiện tri thức, ngõ hầu người thấy nghe sanh lòng chánh tín, dần dần thâm nhập cho đến khi liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh. Đó đều gọi là thí pháp.

- Ba là thí vô úy: Hết thấy chúng sanh ham sống sợ chết, khuyên khắp những người cùng hàng kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, và hễ ai có điều sợ hãi thì hoặc là dứt tai họa ấy, hoặc bày tỏ lòng quan tâm. Đây chính là thí vô úy nhỏ nhoi. Hết thấy chúng sanh rất cuộc khó tránh khỏi cái chết, chết rồi lại sanh, sanh rồi lại chết, bao kiếp vĩnh viễn ôm nỗi lo sợ ấy, dạy cho họ tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương dần dần tấn tu, cho đến khi thành Phật đạo. Đây gọi là thí đại vô úy.

Trong ba thứ bổ thí này, thí tài chỉ thuộc đời này, hai thứ sau tồn tại mãi đến đời vị lai. Phàm những ai muốn lợi người để trọn thành phước tuệ của chính mình, hãy nên tùy theo sức mình để thực hành thì nhân dân may mắn, nước nhà may mắn lắm thay!

39. Lời tựa cho sách Con Đường Đạt Đến Quang Minh

(Năm Dân Quốc 17 - 1928)

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lần xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Hiện nay thế đạo loạn lạc quả thật là từ ngàn xưa chưa hề nghe thấy, xét đến nguồn gốc đều do cái tâm tự tư tự lợi uơng thành. Vì hễ ôm lòng tự tư tự lợi sẽ mắc tình giành nhau làm chuyện tổn người lợi mình, thương thiên hại lý, coi rẻ đạo “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ” chẳng đoái hoài. Do vậy thế đạo nhân tâm ngày càng thêm tăm tối, không cách nào đạt đến chỗ chánh đại quang minh. Nếu như biết “họa phước không cửa, chỉ do con người tự chuốc lấy”, thiện báo ác báo như bóng theo hình, lợi người chính là lợi mình, hại người còn quá hại mình, giết cha người ta thì người ta cũng giết cha mình, giết anh người ta thì người ta cũng sẽ giết anh mình. Khéo thờ cha mẹ ắt con ta có hiếu, khéo thờ anh ắt con ta hòa thuận. Như giọt nước rơi nơi mái hiên, giọt sau tiếp nối giọt trước.

Xem đó, hiếu thuận cha mẹ, kính trọng anh, yêu người lợi vật đều là nền phước về sau cho chính mình; tổn người lợi mình, thương thiên hại lý đều là gốc họa về sau cho chính mình. Người dẫu chí ngu chắc chắn chẳng sung sướng vì mắc tai gặp họa, theo dữ tránh lành! Nhưng xét đến hành vi thì lại hoàn toàn trái nghịch, vì sao thế? Do chưa gặp được người hiểu rõ lý giảng giải tường tận sự lý nhân quả báo ứng cho kẻ đó. Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm! Thất phu sao có thể làm cho thiên hạ yên ổn được? Nếu người trong thiên hạ đều cùng biết nhân hiệu quả, thì cái tâm tham sân si chẳng đến nỗi lầy lúng, nghiệp giết trộm dâm chẳng dám làm càn. Yêu người lợi vật, biết vui theo mạng trời, tâm địa đã chánh đại quang minh thì tương lai đi đến đâu, không chỗ nào chẳng phải là chỗ quang minh.

Cư sĩ Lý Viên Tịnh thương cõi đời suy hãm, đặc biệt viết sách Con Đường Đạt Đến Quang Minh. Điểm quan trọng là đề xướng nhân quả báo ứng. Ông Chu An Sĩ nói: “*Nhân nhân tri nhân quả, đại trị chi đạo dã. Nhân nhân bất tri nhân quả, đại loạn chi đạo dã*” (Ai nấy đều biết nhân quả thì là đạo để bình trị lớn lao vậy. Ai cũng

chẳng biết nhân quả, đây là đường lối dẫn đến đại loạn vậy). Do vậy biết nhân quả báo ứng quả thật là đạo trọng yếu từ đầu đến cuối để giữ thân, tiếp vật, yên đời, hiền dân, mong thành thánh, thành hiền, làm Phật, làm tổ vậy. Mong sao những người đọc đều triệt để gột sạch cái tâm tự tư tự lợi, để tự sáng tỏ mình đức thì thiên hạ may mắn lắm thay!

40. Lời tựa cho bộ Dương Tiêu Sơn Tiên Sinh Ngôn Hạnh Lục

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Con người bẩm thụ chánh khí của thiên địa mà sanh ra, thường phỏng theo đức cao dày, che chở của trời đất để giúp cho sự sanh thành, trưởng dưỡng, kế tục đời trước, mở mang đời sau, ngõ hầu chẳng thẹn đứng cùng trời đất thành ba ngôi, xưng tên là tam tài. “Trung, hiếu, tiết, nghĩa” chính là giềng mối chánh yếu của đạo làm người, nếu không có những điều này thì con người khác gì cầm thú? Dầu vào thời dân chủ, cũng chẳng thể nào không dạy trung nghĩa, bởi “trung” chẳng phải chỉ có nghĩa là trung với vua. Vì thế, Tăng tử dùng “trung thứ” (trung thành, rộng lượng) để tỏ rõ đạo của Phu tử, thường phản tỉnh “hằng ngày vì người khác mưu toan công việc, bản thân có hết lòng trung hay không”. Vì thế biết một chữ trung có ý nghĩa xuyên suốt vạn hạnh, thờ vua chỉ là một khía cạnh mà thôi!

Trộm nghĩ: Trung có nghĩa là “tận hết tấm lòng của chính mình, chân thành, không dối trá”. Nếu con người giữ tấm lòng trung, ắt sẽ có hiếu với cha mẹ, kính anh, hòa thuận với họ hàng, bạn bè tin cậy, xót thương kẻ cô cút, giúp đỡ người góa bụa, nhân từ với mọi người, yêu thương loài vật, chẳng làm các điều ác, vâng giữ những điều lành, vì sao vậy? Do trung nên chẳng dối, do chẳng dối nên trọn hết bốn phận. Do trọn hết bốn phận nên đối với những chuyện thuộc về bốn phận của chính mình đều chăm chú thực hiện, quyết chẳng mắc lỗi đối phó vờ vĩnh cho xong chuyện, chẳng tận hết lòng, hết sức mình. Trong đời gần đây, tuy đã lật đổ đế chế nhưng mọi sự đều phải nói đến trung thì mới chẳng đến nỗi “ta dối gạt, người mắc lừa”, luông tuông, không chuẩn mực vậy. Đặc thế bèn hòa nhau phò tá, sa cơ kéo nhau bỏ đi, hoặc còn đâm ra công kích, chà đạp lẫn nhau, trọn chẳng ngưng dứt. Đây đều là vì chẳng màng đến trung nghĩa mà ra. Trung nghĩa chẳng màng tới thì quan hệ cha con, vợ chồng đều coi như mây lông! Coi nhẹ lâu ngày, những quan hệ ấy sẽ trở thành gông cùm. Mang những gông cùm ấy chẳng được tự do, chẳng thể nào không diễn ra những vở tuồng tội tề giết cha giết mẹ, nghịch trời trái lý, hồng mặc tình tùy ý,

chẳng bị câu thúc gì. Than ôi, chẳng nói đến trung nghĩa, họa hại tới mức cùng cực như thế đó, há chẳng đau đớn tuôn lệ, thở dài sườn sượt ư?

Cư sĩ Trầm Di Sanh muốn đẩy lùi ngọn sóng cuồng, tính ẩn hành những chuyện tận trung báo quốc, tận tụy hành hiếu để, di huấn để lại cho con cháu của tiên sinh Dương Tiêu Sơn¹⁶³ hòng lưu truyền rộng rãi để mong sao ai nấy có hiếu với cha mẹ, kính trọng anh, hòa thuận với họ hàng, bạn bè tin cậy, thương kẻ cô cút, giúp người góa bụa, nhân từ với người khác, yêu thương loài vật, lòng thành sắt son vì nước, nhiệt tâm cứu đời, mỗi mỗi đều phỏng theo tiên sinh Tiêu Sơn để thực hiện, cốt sao trọn hết chức phận của chính mình, chẳng ôm lòng chần chừ, lười nhác, hư giả chút nào. Như vậy thì lòng người đã chuyển, nhân họa tự mất. Một khi nhân họa đã mất, lòng trời tự thuận; đương nhiên sẽ mưa nắng đúng thời, vật mạnh dân khỏe, thiên hạ thái bình, nhân dân yên vui!

Độc hai tờ sớ xin dẹp chợ bán ngựa, giết tặc thần, có thể nói là tiên sinh chỉ biết vì nước, chẳng màng đến thân. Đang trong lúc tặc thần chuyên quyền, bậc chánh nhân quân tử hể hơi kinh chống bèn mắc họa ngay, tiên sinh vẫn dám dâng sớ, xin bãi chức, xin giết, nếu không phải là hạo khí ngập trời đất, lòng tinh trung lòa nhật nguyệt, há được như thế ư? Tuy vì thế mà mất mạng, nhưng người trăm ngàn năm sau thấy đều kính ngưỡng. So ra những kẻ địa vị chót vót một thời, nhưng chẳng tạo lập công nghiệp gì làm sao bằng được? Huống chi lúc sắp bị hành hình, tiên sinh soạn ra Niên Phổ và những bài văn khuyên vợ, răn con, đúng là tâm như gương sáng, chiếu rọi tử mị, nếu chẳng phải là người hàm dưỡng thuần túy, gác chuyện sống chết ra ngoài thì làm sao được như vậy?

¹⁶³ Dương Kế Thịnh (1516-1555), tự Trọng Phương, hiệu Tiêu Sơn, người Dung Thành, tỉnh Hà Bắc, làm quan nhà Minh nhằm thời Gia Tĩnh. Ông tánh tình thẳng thắn, cương nghị, không xu nịnh, làm quan đến chức Thị lang Bộ binh. Khi quân Thát-đát (Tartar) xâm nhập biên giới cướp phá, Hàm Ninh Hầu Cừu Loan dâng sớ xin triều đình mở chợ buôn bán ngựa với bọn Thát-đát để xoa dịu quân cướp. Kế Thịnh dâng sớ đàn hặc, nhưng gian thần Nghiêm Tung bênh vực Cừu Loan, sàm tấu với vua, nên Kế Thịnh bị giáng chức làm Địch đạo điển sử. Sau đó ông lại dâng sớ đàn hặc, xin vua tru diệt gian thần Nghiêm Tung, chỉ đích danh Nghiêm Tung phạm năm tội gian, mười đại tội. Nghiêm Tung bèn giả mạo thánh chỉ, tống giam Kế Thịnh vào ngục, phạt đánh một trăm trượng, cắt đứt gân cốt, bêu xác ngoài chợ. Lúc sắp chết, ông ung dung đọc thơ: *“Hạo khí hoàn thái hư, đan tâm chiếu thiên cổ”* (khí thiêng trả lại hư không, tấm lòng son sắt chiếu ngời ngàn năm). Mười hai năm sau, khi Minh Mục Tông lên ngôi, ông mới được minh oan, được phong thụy hiệu là Trung Mẫn.

Nay để thuận tiện cho những người bình thường nên xếp bài răn dạy con lên đầu, kế đến là lời khuyên vợ, tiếp đó là Niên Phổ, rồi đến hai bài sớ. Tiếp đó là tiểu truyện của tiên sinh, sao cho vừa mở sách ra liền được lợi ích thật sự, chẳng đến nỗi do văn chương dài dòng, chẳng liên quan thiết thực đến phận mình bèn ngán đọc. Lòng trung của Tiêu Sơn chẳng phải chỉ là thờ vua, đọc kỹ lưỡng Niên Phổ của ông thì thờ cha mẹ, kính anh, đãi người tiếp vật, không một chuyện nào chẳng bắt nguồn từ lòng trung. Phải biết tám sự “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si”, tám pháp “cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” đều phải lấy trung làm giềng mối. Do trung nên tận tâm thực hiện sao cho trọn vẹn hết khả năng mới thôi. Do vậy nên nói, đạo trung xuyên suốt muôn hạnh, lòng trung tăng thêm sự thành tựu cho muôn sự. Bất luận chuyện mình hay chuyện người, không có lòng trung quyết khó thể thành tựu lớn lao được! Xưa nay những vị lập đại công, tạo đại nghiệp, cùng lý tận tánh, mong thành thánh thành hiền, ai không lấy lòng trung làm gốc? Vì nếu chẳng dốc sức nơi lòng trung thì sẽ ngã theo biếng nhác, chần chừ, vì chính mình còn chưa thể được, huống là vì xã hội, nước nhà ư? Người thời nay chẳng những không màng đến thực hiện lòng trung mà ngay cả hiếu và tiết nghĩa cũng chẳng chú ý. Tôi thường muốn khuyên chỉ, nhưng chẳng cách nào phát khởi được!

Khéo sao cư sĩ Bành Mạnh Am đưa truyện người con gái có hiếu ở Hồ Nam cho đọc. Cô con gái có hiếu ấy chỉ biết có mẹ, người con gái tiết hạnh chỉ biết đến nghĩa, sự sống chết của chính mình chẳng thêm màng đến nữa. Tuy đã thể hiện gương táng thân vì mẹ, vì nghĩa, nhưng chẳng thể dùng gương ấy để răn dạy người tầm thường được, tuy vậy lòng thành tận hiếu, tận nghĩa, ngay đến cả thiên địa, quỷ thần cũng bị cảm động, huống chi những người sẵn cùng một cái tâm ấy ư? Những kẻ chẳng nghĩ đến ân dưỡng dục, tùy ý tự do luyến ái, thấy nghe những chuyện này há chẳng thẹn muốn chết, do đó bèn đau đầu sửa đổi lỗi trước, dốc lòng tu đức sau ư? Điều này liên quan đến thể đạo nhân tâm cũng lớn lắm. Hơn nữa, tiết tháo như Tần Chiêu¹⁶⁴, ngay trong khi ấy mà giữ được lòng chẳng loạn lại càng sâu sắc gấp trăm

¹⁶⁴ Theo sách Thọ Khang Bảo Giám, câu chuyện này như sau: Tần Chiêu là người đời Nguyên, quê ở Dương Châu, đến năm 20 tuổi lên kinh sư, lúc lên thuyền, bạn của ông ta là Đặng X... đem rượu tiễn chân. Hai người đang chén chú, chén anh, chợt một cô gái xinh đẹp bước tới. Họ Đặng bảo cô ta chào Tần Chiêu, rồi nói: “Cô gái này do tôi mua cho vị đại nhân nọ ở bộ kia làm thiếp, nhân tiện nhờ anh dẫn theo lên kinh.” Tần Chiêu ba bốn lần chối từ, họ Đặng nghiêm mặt bảo: “Sao anh cố chấp thế? Nếu anh không kiềm chế được, cô gái này liền thuộc về anh, chẳng qua chỉ có hai ngàn năm trăm đồng thôi mà.” Tần Chiêu bất đắc dĩ phải nhận lấy, đem theo. Khí trời đã

lần. Do giữ cho một lúc chẳng loạn thì dễ, nhưng nhiều ngày chẳng loạn thì khó lắm. Huống chi ông Đặng X... đã nói: “Nếu chẳng thể kiềm chế được thì cô gái ấy sẽ thuộc về anh” đó ư? Thêm nữa, thiếu niên nam nữ trong mấy chục hôm, ngày cùng ăn, đêm cùng ngủ mà có thể trọn chẳng có chuyện nam nữ tình dục, chẳng xáo trộn thiên lý, chẳng phải là kẻ trọn chẳng có nhân dục mà làm được ư? Tôi đem chuyện này ghi thêm vào An Sĩ Toàn Thư và Thọ Khang Bảo Giám, hai cuốn sách ấy đã in hơn hai mươi vạn cuốn, nay lại ghi kèm câu chuyện trên đây vào cuốn sách này, hợp thành truyện trung hiếu tiết nghĩa để làm nhát kim đâm xuống đỉnh đầu những gã phế trừ luân lý, ngõ hầu căn bệnh đã lậm vào tạng phủ được mau lành, khôi phục chuyện giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, không làm các điều ác, vâng giữ những điều lành. Gia huấn của Lục Phóng Ông chú trọng nơi kiệm ước, trung hậu, khoan dung, phân dạy về tang chế quả thật là món thuốc màu nhiệm để trị chứng bạc bẽo của thế tục, nên cũng in kèm vào sau sách để cùng được phổ biến lưu truyền, ắt những vị nhân từ, đầy đủ chánh tri chánh kiến, quan tâm đến thể đạo lòng người sẽ đề xướng lớn lao, khiến cho mọi người trở về với sự thuần chân, chất phác, khôi phục lại cõi đời hưng thịnh bình trị tốt bậc.

41. Lời tựa tái bản bộ Hoàn Cầu Danh Nhân Đức Dục Bảo Giám

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Thiên hạ không hai đạo, thánh phàm chẳng hai tâm. Khắp xưa nay, trong nước, ngoài nước, không đâu chẳng dùng hiếu, lễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ và sự lý nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi để làm căn bản lập thân hành đạo và trị quốc an dân. Ấy là vì những sự lý này đều là những giềng mối thường hằng vốn sẵn có trong tâm tánh của chúng ta, bất luận trí - ngu, hiền - tệ đều sẵn đủ, nhưng có những hành động, cử chỉ phù hợp hay trái nghịch với những điều ấy sai khác là vì “dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ điều ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa” hay vì “mê tâm chạy theo vật, phóng túng tình ý” mà ra. Vì thế kinh Thư có

nóng, muỗi mòng quá nhiều, cô gái khổ sở vì không có màn, Tần Chiêu đành phải cho cô ta nằm chung màn. Thuyền đi mấy chục ngày mới đến kinh đô. Họ Tần dẫn cô ta đến giao cho chủ nhân. Chủ nhân hỏi: “Anh có dẫn theo gia quyến hay không?” Tần Chiêu thưa: “Chỉ có một mình tôi!” Chủ nhân lộ vẻ khó chịu, nghi ngờ, nhưng do có thư giới thiệu của Đặng X... nên miễn cưỡng tiếp nhận. Đến tối, mới biết cô ta vẫn còn trong trắng, cảm thấy rất xấu hổ đã nghĩ oan cho Tần Chiêu, cấp tốc gởi thư cho họ Đặng biết chuyện, rồi đến xin lỗi Chiêu, nói: “Các hạ đúng là bậc quân tử thịnh đức.”

lời giáo huấn: “*Duy thánh võng niệm tác cuồng, duy cuồng khắc niệm tác thánh*” (do thánh mất niệm nên thành cuồng, do cuồng khắc chế được ý niệm nên thành thánh). Phật dạy đạo “mê thì Phật là chúng sanh, ngộ thì chúng sanh chính là Phật”. Do vậy biết: Thánh hay cuồng, chúng sanh hay Phật chỉ trong khoảng một niệm mê hay ngộ. Do thoát đầu lập tâm sai khác đôi chút, rốt cuộc đến nỗi cách biệt một trời một vực, con người há chẳng nên tự gắng sức để mong thành thánh thành hiền ư?

Trăm nghề hay khéo trong thế gian mỗi nghề đều có quy củ, chuẩn mực. Căn cứ theo quy cách do cổ nhân đã thành lập để tập luyện, đến khi đã nhuần nhuyễn tột bậc rồi thì không chuyện gì chẳng “tùy lòng nghĩ đến, tay liền hoàn thành”. Mong thành thánh thành hiền cũng giống như vậy đó! Nếu lên đại cương thì chỉ có ba điều “làm sáng tỏ minh đức, làm cho dân mỗi ngày một tiến bộ, an trụ nơi chí thiện” mà thôi. Nhưng muốn làm sáng tỏ minh đức thì trước hết phải thực hiện bằng trừ khử vật dục phiền não, thúc đẩy lương tri vốn sẵn có. Có nghĩa là “dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa,” mãi cho đến khi trừ khử, thấu hiểu đến tột cùng rồi thì nhân dục đã hết sạch, thiên lý sẽ tự lưu hành. Đại cương “làm sáng tỏ minh đức” đã đạt được rồi thì những chuyện khác hễ làm bèn được, không chuyện gì chẳng thuận theo lòng nghĩ tay liền thực hiện thành tựu. Nhưng cần phải biết nhiều về ngôn hạnh của người xưa để phụ trợ cho việc duy trì, trưởng dưỡng sự suy xét phản tỉnh.

Cư sĩ Dương Chương Phủ ở Vô Tích tập hợp những lời hay hạnh đẹp của các bậc danh nhân xưa nay trong nước, ngoài nước soạn thành tám quyển. Đầu tiên là luân lý, rồi đến những sự tu tỉnh, lòng từ thiện của quan viên, thân sĩ, thương nhân, khuê các, và những lời hay ý đẹp nên vâng giữ trong gia đình, xã hội, quốc gia của Trung Hoa và phương Tây. Khi ấy sách được in hơn một vạn cuốn, gởi đi khắp các huyện trong toàn quốc, lợi ích quả thật chẳng nông cạn vậy. Từ đấy một nhà đại từ thiện ở Thượng Hải là cư sĩ Vương Nhất Đình cho rằng sách này khá hợp thời cơ, tính in mấy ngàn cuốn để đề xướng, ngõ hầu ai có tâm cứu vãn thế đạo nhân tâm sau này sẽ tiếp tục ấn hành sao cho sách được lưu truyền khắp hoàn cầu, hòng ai nấy biết rõ sự lý “nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi”, sẽ miệt mài hành những mối luân thường “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si”. Như vậy thì nhà nhà hành hiếu đễ, người người giữ vẹn lễ nghĩa, nhân nhượng, dẫu ở trong nhà tôi vẫn như đối trước Phật, trời, hòng lương tri chẳng bị vật dục che lấp. Rốt cuộc minh đức được sáng ngời, lẽ đâu thiên hạ chẳng thái bình, nhân dân chẳng yên vui ư? Do vậy, tôi bèn viết

đại lược để phô rõ ý nghĩa ẩn kín này. Sau đấy, do lại có được những lời hay đẹp về mặt đức dục của các danh nhân hoàn cầu bèn cho in chung vào sách này để hết thấy những ai muốn tự lợi lợi người đều có căn cứ. Do vậy bèn ghi kèm vào đây thêm mấy câu nữa.

42. Lời tựa cho sách Phật Học Cứu Kiếp Biên

(Năm Dân Quốc 21 - 1932)

Đời loạn đến cùng cực, con người hết sức mong mỗi bình trị. Đạo để bình trị vốn thật gần thật dễ, nhưng những kẻ thông minh trong thế gian thường muốn lập dị để mong lần áp cổ nhân. Vì thế họ coi thường những điều gần gũi, dễ dàng, chẳng thèm sử dụng, cứ muốn coi trọng những điều xa xôi, khó khăn để tỏ rõ bản lãnh của chính mình. Rốt cuộc chỉ thành rối ren, đạt hiệu quả trái ngược, nước loạn, dân khốn khổ hết thuốc chữa, chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng sợ ư? Chẳng biết thánh nhân vốn từ thiên lý, luân thường để lập pháp, khiến cho ai nấy đều giữ vẹn bốn phận, tôn trọng luân thường, tận tụy hành hiếu để, nên mới nói: “*Nghiêu Thuấn chi đạo, hiếu để nhi dĩ hỹ*” (đạo của Nghiêu Thuấn chỉ là hiếu để mà thôi); “*lão ngô lão dĩ cập nhân chi lão, ấu ngô ấu dĩ cập nhân chi ấu, trị thiên hạ khả vận chi chương thượng*” (dùng lòng phụng dưỡng, tôn kính người già cả của ta để phụng dưỡng, tôn kính người già cả của kẻ khác, đem lòng thương yêu con thơ của ta để thương yêu con thơ của người khác, thì giữ cho cõi đời bình trị sẽ là chuyện nắm chắc trong tay). Nếu ai nấy đều giữ được tám lòng trung hậu, khoan thứ, cùng thấu hiểu sâu xa “mọi người là ruột thịt của ta, muôn vật cũng giống như ta” thì lễ nghĩa, nhân nhượng sẽ thịnh hành, thẳng hung tàn, bỏ giết chóc, phong tục thuần thiện, thiên hạ thái bình.

Thánh nhân lại lo con người không nghĩ chín chắn tới nơi tới chốn, bèn dùng sự lý nhân quả báo ứng để răn dạy. Vì thế kinh Thư chép: “*Huệ dịch cát, tòng nghịch hung, duy ảnh hưởng*” (Thuận theo đạo thì tốt lành, trái nghịch thì xấu xa, giống như bóng theo hình, như tiếng vọng theo âm thanh vậy)¹⁶⁵. Lại chép: “*Tác thiện giáng chi bách tường, tác bất thiện giáng chi bách ương*” (Làm lành trăm điều lành giáng xuống, làm điều chẳng lành, trăm tai ương giáng xuống). Khổng tử khen ngợi Chu Dịch, vừa mở đầu liền nói: “*Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi*

¹⁶⁵ Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giảng của Khổng An Quốc, trích dẫn bởi Hà Yến và Hình Bình trong cuốn Luận Ngữ Chú Sớ. Câu nói này lấy từ thiên Đại Vũ Mô trong sách Thượng Thư.

gia, *tất hữu dư ương*” (Nhà tích chứa điều thiện, sự vui có thừa. Nhà làm điều chẳng lành, tai ương có thừa). Cơ Tử trần thuật Hồng Phạm, cuối thiên sách mới nói: “*Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực*” (Thuận theo sẽ được năm điều phước, trái nghịch sẽ bị sáu nỗi cực nhọc). Những nhà Nho về sau chẳng biết nhân quả ba đời, gom hết ngũ phước lục cực về sự cai trị của nhà vua. Chẳng những vu báng sự cai trị của vua là bạo ngược, mà còn vu báng cả từ ngữ “phước, cực” nữa. Vì thế khó thể nào giải thích không khập khiễng cho được.

Nay lại dùng lẽ nhân quả rõ ràng để nói thì “*ái nhân giả, nhân hằng ái chi; kính nhân giả, nhân hằng kính chi*” (yêu người, người mãi thương yêu; kính người, người sẽ luôn thường kính ta). Nói ra lời trái tai thì sẽ nghe lời trái tai; cho vay sự trái nghịch thì cũng sẽ nhận lại sự trái nghịch. Giết cha người khác, người ta cũng sẽ giết cha ta; giết anh người ta, người ta cũng sẽ giết anh mình. Phạm những gì đã làm cho người khác thì không chuyện gì bản thân ta sẽ gặp phải lại chẳng giống như vậy. Còn đối với nhân quả tự tu thì nói: “Thánh do mất niệm thành cuồng, cuồng do khắc chế được ý niệm bèn thành thánh.” Thánh hay cuồng chỉ do mất niệm hay khắc chế được ý niệm mà thôi. Như câu nói: “*Cẩu chí ư nhân hỹ, vô ác dã. Năng chí ư nhân, tắc kiến tiên triết ư canh tường, thận độc tri ư khâm ảnh. Bất chí ư nhân tắc nhân dục nhật tứ, thiên lý nhật mãn, tiện dữ cầm thú cơ hy hỹ!*” (Nếu dốc chí vào lòng nhân thì không ác, dốc chí nơi nhân sẽ thấy bậc tiên triết trong canh, nơi tường, cẩn thận dè dặt như sợ cả bóng áo của chính mình sẽ biết được tội lỗi của chính mình. Nếu lòng chẳng hướng về điều nhân thì lòng ham muốn ngày một phóng túng, thiên lý ngày một mất đi, có khác gì cầm thú cho mấy). Mạnh tử nói: “*Tây tử mông bất khiết, tắc nhân giai yếm tỵ nhi quá chi*” (Tây Thi bôi đồ dơ thì mọi người đều bịt mũi, quở trách) (Tây Tử (tức nàng Tây Thi) cực đẹp, nhưng bôi phân khắp mặt thì mọi người đều sợ hôi thối, chẳng những không chịu nhìn mà còn bịt mũi chê trách). “*Tuy hữu ác nhân* (ác ở đây là xấu xa, “ác nhân” là người diện mạo xấu xí), *trai giới mộc dục, tắc khả dĩ sự Thượng Đế*” (Tuy người xấu xí, nhưng trai giới tắm gội sẽ có thể thờ Thượng Đế). Đấy đều là sự lý nhân quả báo ứng vậy! Thánh nhân dạy người, trước hết nói thẳng vào những cách thức nên làm, rồi lại dạy những lẽ lợi hại, được mất do tuân thủ hay chống trái những phương cách ấy. Hai điều này tiến hành song song thì sẽ chẳng thể nào lệch lạc hay phé bỏ được.

Thánh nhân muốn cho con người ai nấy đều tu đức, đều trọn hết phận mình, chỉ sợ có kẻ coi thường nên dùng sự lý nhân quả báo ứng để đôn đốc sao cho họ nghiêm

túc tuân thủ, chẳng trái nghịch vậy. Nhưng nhân quả được thánh nhân nói đến chỉ là nói về bản thân và con cháu mà thôi. Do chẳng nói đến chuyện trước khi sanh ra và sau khi đã mất, nên đối với chuyện quá khứ, vị lai của người ấy dù nhân hay quả đều chẳng nhắc tới. Cơ Tử nói đến ý nghĩa ngũ phước lục cực chính là chỉ rõ cái nhân quá khứ tạo thành cái quả trong hiện đời. Vì thế biết rằng: Do kẻ tầm thường chẳng dễ gì hiểu được nên thánh nhân chẳng nói, chứ không phải là chẳng biết có nhân quả ba đời! Từ khi Phật giáo truyền sang phương Đông, nêu rạn rõ lý “tâm, Phật, chúng sanh, cả ba không sai biệt” và sự “nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi”, nhân dân được hưởng ngậm lợi ích chẳng thể kể xiết. Thử nêu ra một hai điều ắt sẽ biết rõ.

Vào đầu đời Chu, ân trạch của Văn Vương thấm đến cả xương khô, nhưng chưa đầy ba bốn trăm năm thì tục lệ giết người tuần táng đã phổ biến cả thiên hạ. Thiên tử, chư hầu, đại phu, kẻ sĩ đều tùy sức giết người để tuần táng, những kẻ có thể lực mạnh mẽ đều cho rằng càng giết nhiều càng sang. Mục Công là vua hiền của nước Tần còn giết 177 người, ba vị họ Tử Xa đều là hiền thần của nước Tần vẫn chẳng thể vì nước vì dân mà được miễn khỏi cái chết. Trong các nước còn có mấy trăm mấy ngàn người bị tuần táng theo. Từ khi Phật giáo xiển minh sự lý nhân quả ba đời thì tục lệ này mới vĩnh viễn chấm dứt. Nếu không, cũng hiếm người được hưởng hết tuổi thọ rồi mới chết. Lợi ích ấy, nếu chẳng suy nghĩ sâu xa, ai hòng biết được!

Tổng Nho trộm lấy nghĩa lý sâu thẳm về tâm tánh trong kinh Phật để hoằng dương, xiển phát đạo Nho, quá sợ người đời sau học Phật sẽ khiến cho môn đình Nho giáo bị lạnh lẽo điêu hiu, nên đã học từ nơi người ta lại ngược ngạo bảo người ta chẳng bằng mình, tà vạy bài bác, bảo Phật dùng nhân quả luân hồi để làm căn cứ phỉnh phờ ngu phu ngu phụ tin thờ giáo pháp của ngài. Hơn nữa con người sau khi chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán, đâu có những dụng cụ hành hình trong địa ngục thì sẽ thi thố vào đâu? Nếu đúng như họ nói thì con người sanh ra không từ đâu đến, chết rồi cũng chẳng đi về đâu, Nghiêu lẫn Kiệt đều chết sạch cả rồi, dầu thiện hay ác hễ chết đều là không cả! Do vậy thiện không có gì để khuyến, ác không có gì để phạt, chỉ dạy dỗ tận nghĩa tận phận, thành ý chánh tâm suông, nhưng lại ra sức bài xích phương tiện đôn đốc con người chẳng thể không tận nghĩa tận phận, thành ý chánh tâm. Sai lầm của kẻ sách ấy chẳng thể nói xiết!

Do vậy, nhà Nho đều chẳng dám nói đến nhân quả, cũng chẳng dám dạy con người nỗ lực làm lành, do họ thường cho rằng “hễ có làm gì để làm lành thì đây

chính là ác”, tức là dạy con người tự tư tự lợi vậy. “Không làm gì để làm lành quả thật là làm lành đến cùng cực”, đây chính là chuyện của bậc thánh nhân, sao lại đem chuyện này dạy người bình thường? Nếu dạy điều ấy cho người bình thường thì sẽ ngăn trở người ta làm lành, hướng dẫn người ta làm chuyện chẳng lành. Tuy “thánh nhân không làm gì là làm lành” nhưng thánh nhân cũng thường có chuyện để làm, chứ không phải là hoàn toàn chẳng làm gì hết. Ông Cừ Bá Ngọc¹⁶⁶ tuổi tròn 20 biết 19 năm trước sai trái, đến khi 50 tuổi biết 49 năm trước sai quấy, muốn giảm bớt lỗi nhưng chưa thể được, đây chính là những gì bình sinh ông ta đã thực hiện vậy. Tăng tử hằng ngày dùng ba chuyện để tự phản tỉnh, đến lúc lâm chung mới nói: “*Kinh Thi chép: Chiến chiến cạnh cạnh, như lâm thâm uyên, như lý bạc băng, nhi kim nhi hậu, ngô tri miễn phù*” (Dè dặt kinh sợ, như vào vực sâu, đi trên băng mỏng, từ rày mai sau, ta biết thoát rồi). Đây là từ đầu đến cuối “có làm” vậy.

Nhan Uyên hỏi về lòng nhân, Khổng tử bảo “dùng đánh đồ điều ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa”. Hỏi đến chi tiết, ngài dạy: “*Phi lễ vật thị, phi lễ vật thính, phi lễ vật ngôn, phi lễ vật động*” (Điều phi lễ đừng nhìn, chuyện phi lễ đừng nghe, lời phi lễ đừng nói, chuyện phi lễ đừng làm). Cả hai câu đáp đều là “có làm”, chứ không phải là không làm gì! Khổng tử thấy vua Nghiêu trong canh, thấy vua Thuấn nơi tường, thấy Chu công trong mộng. Tuổi đã bảy mươi vẫn mong trời cho sống thêm vài năm nữa để học kinh Dịch hòng tránh được lỗi lớn, đều là “có làm” sâu xa.

Tổng Nho cất giọng cao xa, muốn tự khoe khoang cao mình, chẳng hề biết đã trái nghịch đạo “khéo léo khuyên dụ dần dần” của thánh nhân. Họ tự làm, gây làm lạc cho người và cả thiên hạ đời sau cũng lớn lắm. Từ sau khi Tổng Nho bài xích nhân quả luân hồi, phạm là người đọc sách đều chẳng dùng những gì được nói trong Ngũ Kinh để luận định, mà cứ coi những thuyết của Tổng Nho như khuôn thước. Nếu có ai biết thì sợ bị mang tiếng “trái nghịch tiên Nho”, hoặc nếu có thành tựu

¹⁶⁶ Cừ Bá Ngọc: Tên thật là Cừ Viện, Bá Ngọc là tên tự, vốn giao du thân thiết với Khổng tử. Ông là người nước Vệ, nổi tiếng là người hiền, giữ lễ, làm đại phu dưới thời Vệ Linh Công, ông thường được coi như học trò của Khổng tử. Một buổi nọ, Vệ Linh Công và phu nhân tên Nam Tử đang ngồi trong cung nghe tiếng xe lăn bánh đến gần cửa cung, đột nhiên tiếng xe im bật. Bà Nam Tử nói: “Người ngồi xe đến đây chắc chắn là Cừ Bá Ngọc!” Vệ Linh Công ngạc nhiên: “Sao bà biết?” Nam Tử trả lời: “Phạm người hiền giữ lễ, đến trước cửa nhà vua ắt phải xuống xe đi bộ vào, đang cưỡi ngựa thấy người hiền phải xuống ngựa chào hỏi.” Cừ Bá Ngọc là một người trong số Thất Thập Nhị Hiền được thờ phối hưởng với Khổng tử ở Văn Miếu.

đáng dự vào Văn Miếu nhưng vì đã dự phần học Phật thì sẽ trở thành tuyệt vọng. Do vậy chẳng dám hé răng! Nhưng kẻ hiểu Phật lý sâu xa, đem những pháp ấy diễn tả rõ ràng ra, nhưng vẫn kèm theo lời lẽ bài bác, chỉ vì muốn có chỗ đặt chân hồng được dự vào Văn Miếu trong mai sau. Vì thế mấy trăm năm qua, phương tiện lớn lao để khuyên lành phạt dữ đã nhất loạt bị bỏ lửng, dù có khuyên hay phạt đều là chuyện thuộc về cành nhánh, chẳng đạt được cội rễ, được lợi ích quá ít. Gần đây do gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, những kẻ ham mới chuộng lạ đối với những chuyện người Âu Tây làm, không gì chẳng bắt chước, biến đổi dữ dội tận gốc cành nhiều gấp mấy lần hơn nữa, đến nỗi đối với những chuyện “vì nước, vì lẽ công” họ bỏ mặc, coi như không nghe thấy, nên mới đề xướng những đường lối phé kinh điển, phé luân thường, phé bỏ lòng hiếu, không hổ thẹn v.v., chẳng nỡ thấy nghe! Cả nước thành cuồng không sao kể xiết!

Nếu hết thấy mọi người đều biết có sự lý nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, dầu dùng cái chết để uy hiếp họ, ép họ phải làm những chuyện như trên đây thì họ sẽ thà chết chứ chẳng dám làm những chuyện đại ác ấy. Do vậy biết cái gốc họa của chuyện diệt Nho giáo, diệt luân lý để mong thực hiện biến con người thành cảm thú, đều từ học thuyết bài xích nhân quả của Tống Nho uơm thành, thật vậy đó! Học thuyết gây làm lạc cho con người, dù nước lũ, mãnh thú, cũng chẳng gây họa khốc liệt như vậy.

Trước kia có người hỏi tôi: “Đời đã loạn tột bậc, nên bình trị như thế nào?” Tôi nói: “Nếu ông biết được nguyên nhân của sự loạn lạc thì sẽ biết được pháp tắc để bình trị.” Ông Chu An Sĩ nói: “Ai nấy đều biết nhân quả, đó là đạo để bình trị lớn lao. Ai nấy đều chẳng biết nhân quả thì đây là con đường dẫn đến đại loạn vậy.” Do nhà Nho kỵ nói đến nhân quả khiến cho thế đạo nhân tâm ngày càng bạc bẽo dần dần, cho đến tận ngày nay rốt cuộc có kẻ dám đề xướng phé kinh điển, phé luân thường v.v.. Nếu thật sự biết nhân quả thì chẳng những miệng không dám thốt ra lời ấy, mà cũng chẳng dám để lọt vào tai. Bởi đây là những tiếng xấu xa, bạc ác, người có tấm lòng lo cho con người chẳng nên nghe. Hễ nghe sẽ khiến cho con người đau lòng buốt óc, không làm sao được. Nay muốn biến loạn lạc thành bình yên mà nếu chẳng cực lực đề xướng giáo dục trong gia đình thì sẽ không thể thực hiện được. Nhưng giáo dục trong gia đình thì điều đầu tiên là lấy “giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành” làm gốc. Lại phải thường bàn về sự lý nhân quả ba đời và luân hồi lục đạo thì những nhân tài xuất hiện trong gia đình đều là bậc hiền thiện. Trong gia đình đã có nhân tài

hiền thiện xuất hiện thì thiếu số chẳng hiền thiện cũng sẽ được un đúc, đều được cảm hóa. Vì thế nói: “*Thiên hạ bất trị, thất phu hữu trách*” (thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm). Đây là lời bàn luận xác định “do cái nhân suy sụp mà đời yên bèn thành loạn, do cái nhân được hưng thịnh mà đời loạn bèn thành yên” vậy. Chẳng nương theo đó mà muốn đất nước được bình trị thì làm sao thực hiện cho được? Đây là điều những người có tâm lo cho thế đạo nhân tâm đều cùng lo nghĩ.

Cư sĩ Phan Đồi Phù thấy được điều này, vào năm trước đã thỉnh cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh biên soạn cuốn Phật Học Cứu Kiếp Biên, dùng tam quy, ngũ giới, thập thiện để sửa lỗi hướng lành, bỏ mê trở về với ngộ, giữ ba nghiệp thân khẩu ý thanh tịnh, tu tam học giới định tuệ để mong trừ khử vọng nghiệp vốn chẳng hề có, khôi phục chân tâm vốn sẵn có. Lại còn dạy người đời tín nguyện niêm Phật, cầu sanh Tây Phương để vĩnh viễn lìa khỏi đời ác ngũ trược, thường hưởng pháp lạc tứ đức. Lại còn lấy mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ-tát để làm chỗ nương về, ngõ hầu nương vào từ lực của Phật Di-đà và nguyện luân của chính mình, tùy loại hiện thân trong mười phương các cõi, dùng đủ mọi phương tiện độ thoát chúng sanh, khiến cho khắp mọi hàm thức đều thành Phật đạo. Hư không có cùng tận, nguyện của ta vô cùng. Đây là công lao cứu vãn kiếp nạn đến cùng cực vậy.

Tục ngữ có câu: “Cứu người phải cứu tới nơi tới chốn”, cứu như vậy có thể nói là triệt để đến cùng cực! Nhưng đối với người chưa biết đến chân lý Phật pháp thì thoát đầu chẳng thể không dùng những sự tích nhân quả nông cạn gần gũi để khơi gợi tín tâm của họ. Đừng vì những chuyện ấy nông cạn gần gũi mà chẳng muốn đọc rồi bỏ qua, thì sẽ tự đạt được diệu đạo thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo dưới hóa độ chúng sanh. Nguyện khắp những người cùng hàng ai nấy đều cùng gắng sức.

43. Lời tựa cho bộ Vụ Bản Tùng Đàm

(Năm Dân Quốc 20 - 1931)

Đời đã loạn tột cùng hết thuốc chữa, xét đến cái gốc họa thì chỉ vì các tiên hiền bên Lý học đã bài xích những sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo do đức Phật đã dạy. Họ nói Phật bịa đặt những chuyện đó để làm căn cứ dụ dỗ, mê hoặc hàng ngu phu ngu phụ; chẳng biết “thuận theo thiên lý thì tốt lành, trái nghịch thì xấu, tích thiện sự vui có thừa, tích bất thiện thì tai ương có thừa”, cũng như “tinh khí là vật,

du hồn biến chuyển” chẳng phải là nhân quả đó sao? Chẳng phải là luân hồi đó ư? Huống chi những chuyện nhân quả luân hồi được ghi chép trong sử sách kể sao cho xiết. Há họ trọn chẳng hề đọc đến hay sao? Chỉ vì tri kiến môn tường quá nặng, muốn tạo đường lối khác biệt nhà Phật để ngăn trở người đời sau, sợ họ đều học theo Phật hết thì Nho giáo sẽ bị lạnh lùng, suy sụp. Bọn họ chỉ lấy “trọn hết tình nghĩa, trọn hết bốn phận, thành ý chánh tâm” làm đạo giáo hóa dân, để biến đổi phong tục thành tốt đẹp. Đối với phương tiện khiến cho dân không thể không trọn hết tình nghĩa, trọn hết bốn phận, thành ý chánh tâm, sửa lỗi hướng thiện, họ chẳng những phế bỏ không bàn tới mà còn bài xích sâu đậm là sai trái, chỉ sợ lỡ ra người ta tin vào nhân quả ba đời và luân hồi lục đạo. Do vậy bậc thượng trí biếng nhác tu trì, kẻ hạ ngu dám làm ác, bởi Nghiêu hay Kiệt đều cùng chết, đều mất sạch cả rồi, cần gì phải chú tâm, dè dặt, không dấy mà tự buộc để tự khổ sở cả một đời ư? Sao chẳng mặc tình buông lung cốt sao đời này được sung sướng, quản chi cái danh suông sau khi đã chết? Đến nỗi thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt. Tới khi gió Âu thổi dần sang phương Đông, biến đổi tận gốc càng thêm tệ hại, rốt cuộc đến nỗi phế kinh điển, phế luân thường v.v. lậm sâu mê hoặc bên trong, biến thành những chuyện tranh thành, tranh đất v.v. làm giặc bên ngoài. Nông nghiệp thì thiên thời lẫn địa lợi đều mất, nhân họa thiên tai cùng xảy tới. Xót thay dân đen, mắc phải sự hung tàn này. Xét đến nguồn gốc của họa loạn chẳng thể nào không quy tội cho học thuyết bài xích “nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo”! Xưa kia khi họ đề xướng thuyết này, chẳng qua chỉ muốn chèn ép Phật giáo để đề cao Nho giáo, chẳng biết do đây con người sẽ phóng túng không kiêng dè, đến nỗi phát sanh những hiện tượng phế kinh điển, phế luân thường, phế bỏ lòng hiếu, vứt bỏ hổ thẹn.

Ôi, tình người như nước, nhân quả như đê, đắp cho chắc còn sợ nước ngập lênh láng, huống hồ là trừ bỏ đê đi, há nước chẳng chảy tràn lan hay sao? Học thuyết làm người, họa đến cùng cực như thế đấy, chẳng đáng buồn ư? Gặp phải thời vận này, người có tâm sao nỡ bỏ mặc được ư? Vì thế, cư sĩ Quách Giới Mai phổ biến lưu thông sách Vụ Bản Tùng Đàm để mong cứu vãn. Sách ấy nêu tỏ từng sự lý giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, cũng như pháp tắc phát tâm Bồ-đề, tự lợi lợi tha, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương v.v.. Nếu có thể hành theo đó thì khi sống ắt sanh vào địa vị thánh hiền, khuất bóng sẽ lên cõi Cực Lạc, ngộ hầu chẳng phụ chân tâm

có thể làm Nghiêu - Thuấn, có thể thành Phật và tiếng thơm cùng sánh với trời đất xung là tam tài vậy!

Những ai muốn mở rộng giềng mối “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si” lớn lao, muốn thành tựu đại sự “cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, muốn chứng đại quả hết sạch phiền hoặc, phước tuệ viên mãn, xin hãy dùng sách này để làm hướng dẫn hồng dẫn dắt người khác bước vào nơi thù thắng và những ai đã vào rồi sẽ tiến sâu thêm thì cuốn sách này sẽ không thể nào diễn tả tường tận sự thành tựu của người ấy cho được. Nguyên người thấy nghe chớ có xem thường thì may mắn lắm thay!

44. Lời tựa duyên khởi cho Phật Giáo Tây Phương Liên Hoa Hội ở Côn Sơn

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Pháp môn Tịnh độ lớn lao không gì ra ngoài được, nhiếp trọn các pháp thuộc chặng đầu, chặng giữa, chặng cuối, thích hợp khắp ba căn thượng trung hạ, thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít mà được hiệu quả nhanh chóng, chắc chắn thoát sanh tử trong đời hiện tại. Chẳng trải qua tăng-kỳ¹⁶⁷ kiếp số mà đích thân chứng được pháp thân, chính là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, quả thật là đạo trọng yếu để thoát khổ trong hết thảy sự tu trì của chúng sanh. Do pháp này cậy vào Phật từ lực, nên lợi ích so với những pháp chuyên cậy vào tự lực sẽ khác biệt vời vợi một trời một vực. Vì vậy kẻ sắp đọa A-tỳ do mười niệm liền được vãng sanh, bậc đã chứng Đăng giác phát ra mười nguyện để hồi hướng Tịnh độ. Do vậy biết, pháp môn này chính là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh.

Bởi đó, từ hội Hoa Nghiêm hướng dẫn về, từ lúc được diễn thuyết tại Kỳ Viên đến nay, vãng thánh tiền hiền người người hướng đến, ngàn kinh muôn luận đâu đâu cũng chỉ về. Huống chi nay thế đạo nhân tâm đã suy hãm đến tột cùng, chánh pháp suy tàn, tà thuyết hoành hành, nếu chẳng dùng những điều lành thế gian như “giữ vey luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều

¹⁶⁷ Tăng-kỳ, gọi đủ là a-tăng-kỳ (asamkhyā), là một trong hai mươi lăm con số lớn nhất của Ấn Độ. Đôi khi còn được phiên âm là a-tăng-già, a-tăng-xí-da, hay a-tăng, có nghĩa là “chẳng thể tính toán được”. Một a-tăng-kỳ là một vạn vạn vạn vạn vạn vạn vạn triệu (tám chữ vạn).

ác, vâng giữ các điều lành” và điều lành xuất thế “tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh” để duy trì thì đạo làm người chắc sẽ gần như biến mất! Do vậy bèn tập hợp những vị tăng tục cùng hàng, lập ra Liên Hoa Thắng Hội cầu sanh Tây Phương này, dùng cái tâm “lập mình lập người, tự lợi lợi tha” để hành đạo “đôn đốc luân thường, tu ròng tịnh nghiệp”, ngõ hầu làm tiêu chuẩn uốn nắn những kẻ xô đổ luân lý, dùng tà thuyết dối dân, để làm hướng dẫn cho kẻ mê muội tâm tánh ở trong đường hiểm không thoát ra được. Những người trong hội nếu có thể tận tụy thật sự thực hành ắt sẽ làm cho những người cùng hàng nhìn theo nhau bắt chước làm lành thì chẳng riêng gì kẻ có tín tâm được gọi Phật ân sâu xa, mà ngay cả kẻ một mực phản đối cũng sẽ phát ra thiện niệm lớn lao. Ấy là vì sẵn có Phật tánh, do gặp được nhân duyên tăng thượng sẽ được hiển hiện ngay lập tức. Những điều khác đã được nói tường tận trong kinh luận Tịnh độ, nguyện những người tham gia hội và thấy nghe đều cùng gắng công.

45. Lời tựa cho Bôi Độ Trai Văn Tập

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Đời loạn đến cùng cực, phàm những người có tâm không ai chẳng ôm lòng lo lắng. Cư sĩ Quách Giới Mai do muốn cứu vãn nên trước kia đã từng soạn bộ Vụ Bản Tùng Đàm, tiếp đó lại chọn lọc từ văn cáo nhiều năm, gạn lọc thành sách. Phàm những gì được trước thuật đều là những sự tích thiện ác, lời hay hạnh đẹp trích từ *kinh, sử, tử, tập*¹⁶⁸, các kinh luận của Phật, tổ và đủ mọi ngôn luận cân nhắc cặn kẽ của người đương thời, chia thành bốn môn: một là hiếu hữu (hiếu thảo, hòa thuận), hai là chánh trị (đường lối cai trị đúng đắn), ba là hoằng pháp, bốn là đức hạnh, đặt tựa đề chung là Bôi Độ Trai Văn Tập.

Vì sao lại dùng Bôi Độ để đặt tên cho Trai¹⁶⁹? Ấy là vì muốn độ người nơi biển cả phiền não ác nghiệp thì phải dùng những lời hay hạnh đẹp của cổ thánh tiên hiền

¹⁶⁸ *Kinh, sử, tử, tập* là cách phân chia sách vở Trung Hoa theo quan điểm của nhóm biên soạn Tứ Khố Toàn Thư. Kinh là những trước tác của thánh hiền như Tứ Thư, Luận Ngữ, sáu kinh Nho gia chẳng hạn. Sử là những trước tác về mặt lịch sử như Tả Truyện, Sử Ký, Hán Thư v.v.. Tử là những trước tác của các triết gia thời Xuân Thu Chiến Quốc như Tuân Tử, Hữu Tử, Cáo Tử, Mặc Dịch, Trang Tử v.v.. Tập là những trước tác của những văn hào các thời.

¹⁶⁹ Trai có nghĩa là trong sạch, chuyên chú vào một chuyện. Người xưa thường dành riêng một gian nhà cách biệt để học hành, nghiên cứu cho yên tĩnh, thanh vắng, nên cũng gọi phòng học là Thư Trai, đôi khi cũng được gọi tắt là Trai. Vì thế, các danh sĩ thường thích đặt tên tự hoặc biệt

và sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo do đức Như Lai đã dạy để làm căn cứ, tùy sự tùy cảnh dùng văn tự của chính mình để tỏ rõ. Đối với những chỗ nào chẳng thể dùng lý luận giảng rõ được bèn dẫn những sự tích xưa nay làm chứng cứ ngõ hầu kẻ cứng cổ phải quay đầu, kẻ tánh tình buông lung phải sửa đổi cái tâm. Nhưng vì đạo đức của chính mình nhỏ bé, mỏng manh, chẳng thể cảm hóa lớn lao, giống như dùng cái chén (bôi) để độ (cứu vớt) người, nên chỉ độ được hữu hạn. Đây chính là danh xưng tự khiêm.

Phải biết: Cái chén này thuộc loại đại nguyện thuyền của Như Lai. Chịu lên cái chén ấy sẽ có thể ngay lập tức lên thẳng thuyền đại nguyện theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương, rộng lớn không bờ bến. Chín pháp giới dù phàm hay thánh đều do thuyền này đến được bờ giác Bồ-đề. Nguyện những ai trong biển khổ phiền não gặp được cái chén này chớ thấy nó nhỏ nhoi mà vứt bỏ. Nếu không, dầu gặp được đại nguyện thuyền ắt cũng chẳng hay biết để rồi bỏ lỡ, tự mình lầm lạc cũng lớn lắm đấy! Tôi thường nói: “Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian và xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh.” Bỏ nhân quả mà bàn về bình trị thì chẳng qua là trị lành đôi chút căn bệnh ngoài da. Nếu là tâm bệnh thì ngược lại, bệnh càng tăng trưởng, chẳng lẽ nào chữa lành bệnh cho được. Những người nói giọng cao xa, cứ bảo “nhân quả báo ứng, sanh tử luân hồi chính là lời bàn luận hư vọng để dối người của đức Phật” chẳng những không biết nhân quả mà còn hoàn toàn u mê nơi chánh lý thế gian. Thánh nhân cùng lý tận tánh, đức Như Lai đoạn hoặc chứng chân, đều chẳng ra ngoài nhân quả. Nếu con người tin sâu nhân quả sẽ tự nhiên ý thành, tâm chánh, thân tu.

Họ dùng thành ý, chánh tâm, tu thân để làm căn cứ khiến cho đời yên dân hiền, mong thành thánh, thành hiền, nhưng cực lực bài xích nhân quả luân hồi, chẳng biết “chỉ có sự lý nhân quả luân hồi là phương tiện làm cho con người thành ý, chánh tâm, tu thân”. Đã không có nhân quả luân hồi thì có mấy ai chịu theo đuổi thành ý, chánh tâm, tu thân? Muốn cho ai nấy đều thành ý, chánh tâm, tu thân, mà trước đó đã bài xích phương tiện khiến cho con người không thể không thành ý, chánh tâm, tu thân, chẳng dám không thành ý, chánh tâm, tu thân! Cái tội đã vu báng bậc thánh đời trước, gây lầm lẫn cho người học đời sau, dù hết sạch trúc cũng khó ghi trọn

hiệu có kèm theo chữ Trai như Nguyễn Trãi có tên tự là Úc Trai, Nguyễn Đình Chiểu có hiệu là Hối Trai.

được! Họ vẫn tự kiêu là “đề cao điều chánh, trừ bỏ lẽ tà, khiến đời yên dân lành”, đến nỗi xuất hiện những cảnh phé kinh điển, phé luân thường, phé hiếu thuận, bỏ hổ thẹn, tàn sát lẫn nhau, dân không lẽ sống v.v. đều là do sự bài xích nhân quả luân hồi ấy uơng thành.

Nếu họ mộng thấy được cái họa ấy, dù có bị hình phạt tan xương nát thân bức bách họ đề xướng bài xích, họ cũng chẳng dám làm. Huống là do chỉ cầu lấy hư danh chẳng liên quan khản yếu mà lại dám làm ư? Thật vậy, chúng sanh ác nghiệp sâu nặng, cảm phải học thuyết này, nghiệp tăng nặng thêm, há chẳng đáng thương quá ư? Nguyên cho hết thấy những người cùng hàng đều cùng ôm lòng tự lợi lợi tha, đừng giữ những tri kiến môn đình đây kia. Do giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành mà đạt đến minh tâm kiến tánh, đoạn hoặc chứng chân và tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, thì bởi cái chén này sẽ lên thẳng đại nguyện thuyền của đức Như Lai, đến được bờ giác kia, lại còn lần lượt độ thoát đến hết đời vị lai, ngộ hầu chẳng uổng cuộc sống này và dịp gặp gỡ này.

46. Lời tựa cho bản in gộp chung Phóng Sanh Sát Sanh Hiện Báo Lục và các bài văn khuyên kiêng giết phóng sanh

(Năm Dân Quốc 18 - 1929)

Phàm những loài có huyết khí đều có tri giác, đã có tri giác ắt tham sống sợ chết, hướng lành lánh dữ. Chim, thú, côn trùng, rận, rệp, không loài nào chẳng như vậy. Nếu coi thường bắt giết thì tuy sức chúng nó chẳng thể chống lại, đành không biết làm sao được, nhưng tâm chúng nó thù hận quả thật chẳng ngôn ngữ văn tự nào có thể hình dung được. Nếu chúng sắp bị giết mà có người mua đem thả khiến cho chúng được sống, tâm chúng nó cảm kích cũng lại chẳng thể hình dung được. Dầu cho chúng nó hiện thời chẳng có sức báo ân báo oán, nhưng cái duyên thiện ác đã kết thì hoặc là trong đời này, hoặc trong tương lai ắt sẽ có sự báo ứng chẳng ngờ được. Dầu chúng nó chẳng thể báo đền ngay lập tức, nhưng thường hành phóng sanh hay thường hành sát sanh thì thiên địa quỷ thần đều thường soi xét để giáng phước hay giáng họa, chớ coi thường, nghĩ chúng nó yếu ớt rồi khinh khi.

Người đời chẳng biết nhân quả, coi sát sanh ăn thịt là lẽ chánh đáng, là điều nên làm, chẳng biết những tai ương thâm trọng như đao binh, giặc cướp, lũ lụt, hạn hán, tật dịch v.v. phần nhiều đều do sát sanh ăn thịt mà ra. Nếu ý niệm từ bi thật sự tinh

thuần, dù ở trong cùng một thời kiếp này nhưng mỗi người mỗi thọ quả báo khác biệt. Xưa kia có một đứa bé được cha dẫn đến quy y, tôi hỏi: “Con có thích ăn thịt hay không?” Nó thưa: “Thích lắm ạ!” Tôi lấy ngón tay nó bỏ vào miệng nó, bảo: “Miếng thịt này ngon lắm, ăn thử xem nào!” Nó cực lực phản đối: “Không ăn được, không ăn được đâu!” Tôi nói: “Thịt của chính mình thì không ăn được, sao lại ăn thịt của những sanh linh khác được? Hiện tại con ăn thịt nó, tương lai nó cũng ăn thịt con. So với việc ăn thịt chính mình càng khổ độc gấp vạn lần.” Do vậy thánh nhân dùng lòng trung hậu, khoan thứ dạy người, những gì chính mình không thích bị làm thì đừng làm cho người khác, không giống như người đời vô tri ỷ mạnh nuốt yếu, quen thói coi đó là chuyện thường, nào biết sát sanh ăn thịt là tội ác, là phi lễ. Thấy người không ăn thịt lại chê là hủ bại, là mê tín! Giả sử người ấy đột nhiên bị biến thành chim, thú, cá, tôm, bị người ta bắt được sắp bị giết, trong tâm liền tự nhủ đây là chuyện đúng lẽ, là chuyện nên làm, hoan hỷ trảm đày miệng bụng người khác hay sao? Hay sẽ nói là tội ác, là phi lễ, ôm lòng hận thù không cởi gỡ được ư? Nếu lúc ấy có người kiêng giết, bảo vệ sanh mạng loài vật, chẳng ăn thịt, khuyên người ta đừng giết, sắp muốn mua đem thả, trong tâm con vật có chê người ấy là viễn vông, hủ bại, là mê tín hay không? Hay là sẽ cảm đức cứu mạng, suốt đời chẳng quên vậy? Nếu kẻ đó đặt mình vào chỗ ấy, suy đi nghĩ lại, tôi e rằng kẻ ấy thà ăn thịt của chính mình chứ chẳng chịu ăn thịt của chúng sanh nữa! Than ôi, ai nấy đều có thể thành Nghiêu - Thuấn, ai cũng đều có thể thành Phật, sao lại trái giác hiệp trần đến mức cùng cực như vậy?

Tiên sinh Giang Thận Tu¹⁷⁰ chính là vị quân tử ẩn dật vào đời Thanh trước kia, học vấn uyên bác, phẩm hạnh thuần chánh, tuy chưa từng nghiên cứu Phật lý đến tột cùng, nhưng tin sâu nhân quả. Vì thế, cụ sao lục những chuyện thấy nghe được về sự báo ứng do sát sanh hay phóng sanh, biên soạn thành sách. Hậu duệ của cụ là Dịch Viên đem ấn hành vào năm Dân Quốc 11 (1922), Quang đã viết lời tựa, nên ở đây không cần phải nói nhiều. Hiện nay sát kiếp ngập tràn, lại thêm lũ lụt, hạn hán, đủ mọi tai họa, dân không lẽ sống, hết cả thuốc chữa. Những người cùng hàng muốn

¹⁷⁰ Giang Vĩnh (1681-1762), tên tự là Thận Tu, người huyện Vụ Nguyên, tỉnh Giang Tây, bác học đa văn, suốt đời không ra làm quan, chỉ lo dạy học, tinh thông rất nhiều học thuật, trước tác rất nhiều, hơn 20 tác phẩm của ông được đưa vào Tứ Khố Toàn Thư. Trước tác nổi tiếng nhất là bộ Hà Lạc Tinh Uẩn, được coi như một tác phẩm chú giải tinh vi nhất về Dịch học, cũng như chứa đựng rất nhiều kiến giải đặc sắc, mới lạ về kinh Dịch.

giải quyết vấn đề từ căn bản, tính ẩn hành rộng rãi bộ Hiện Báo Lục để làm căn cứ văn hồi kiếp vận.

Lại do đối với lý tốt cùng, bộ Hiện Báo Lục chưa nêu tỏ đầy đủ, nên đem những bài văn “kiêng giết, phóng sanh” của Quang trong phần phụ lục của cuốn Vạn Thiện Tiên Tư trước kia in gộp vào cuốn Hiện Báo Lục này. Do vậy sẽ thấy tâm pháp của Nho và Phật chẳng hai, miệt mài cứu vật quả thật là miệt mài cứu người. Cách cứu văn này chính là dốc sức từ nơi căn bản, đừng gièm chê là hoãn gấp, nặng nhẹ không thích đáng! Những bài văn khuyên kiêng giết, phóng sanh của Liên Trì, Từ Vân, Tăng Đoan Phủ¹⁷¹ đều là vàng ròng trải qua trăm lần luyện, là ngọc đẹp không tỳ vết. Đọc những bài văn ấy sẽ khiến cho cái tâm tàn nhẫn của con người nhanh chóng tiêu diệt, ý niệm từ bi tràn trề nảy sanh. Chỉ có một bài sơ kê gọi tu bỏ ao phóng sanh ở Nam Tầm của Quang khó tránh khỏi bị chê bai là đem thau xen lẫn vào vàng, nhưng cạn hết tác lòng ngu thành của tôi, gắng trọn hết thiên chức, khen hay chê cũng chẳng màng!

47. Lời tựa cho bộ Viên Anh Pháp Vựng

(Năm Dân Quốc 22 - 1933)

Tri kiến Như Lai chúng sanh đều cùng sẵn có, nhưng nếu đức Phật chẳng nói thì ai hòng tự biết được? Vì vậy đức Thế Tôn ta thị hiện sanh trong thế gian, thành Đẳng chánh giác, vì khắp chúng sanh chín giới, tùy theo căn cơ tuyên nói diệu pháp sao cho lý lẫn cơ đều khế hợp, giải lẫn hạnh cùng trọn vẹn, ngõ hầu đoạn hoặc chứng chân, khôi phục tâm tánh vốn có mà thôi!

Lại do những nhân duyên như: Chúng sanh độn căn khó mong đoạn chứng được, hễ phải thọ sanh lần nữa, tiến chỉ một, lùi cả vạn; chỉ có bậc thượng sĩ Nhất thừa đích thân chứng được pháp thân, chẳng phải trải qua tăng-kỳ đại kiếp, mau thành Phật đạo v.v. nên Phật đặc biệt mở ra pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, để chín pháp giới thượng thánh hạ phàm đều cùng vãng sanh Tây Phương

¹⁷¹ Theo Cư Sĩ Truyện, Tăng Đoan Phủ tên thật là Tăng Đại Kỳ, người huyện Thái Hòa tỉnh Giang Tây, sống vào cuối đời Minh, dốc lòng tin tưởng Phật pháp, rất có văn tài, soạn bộ sách Thông Dục để xiển dương nhân quả và các nghĩa lý khổ, không, vô thường, giải trừ nghi hoặc của người đời, vận dụng rộng rãi kinh truyện để làm chứng cứ nên rất được người đương thời tán thưởng. Ông còn soạn bài Hộ Sanh Thiên để đề xướng kiêng giết phóng sanh.

ngay trong đời này. Bậc thượng sĩ sẽ viên mãn Bồ-đề, kẻ hạ căn cũng đích thân lên bậc Bất thoái. Ân che chở, vỗ về, nuôi dưỡng ấy dù hết cả kiếp cũng chẳng thể nói trọn. Do vậy biết, một pháp Tịnh độ chính là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Đang thời mạt pháp này, căn cơ con người kém hèn, thọ mạng ngắn ngủi, tri thức hiếm hoi, tà ma ngoại đạo tung hoành, nếu không có pháp này thì làm sao yên được? Vì thế khi Phật pháp được truyền sang Chấn Đán, hai ngàn năm qua, tất cả tri thức ai nấy hoặc chuyên tu hoặc kiêm tu, hoặc hiển tu hoặc ngàm tu pháp này để mong rốt ráo tự lợi lợi tha.

Pháp sư Viên Anh xưa đã sẵn huệ căn, nghiên cứu Giáo quán đã lâu, tuy thị hiện dáng vẻ duy trì Tông môn, nhưng thật ra lòng chuyên chú nơi Tịnh độ. Người căn cơ viên mãn thọ pháp, không pháp nào chẳng viên, tùy lòng người ưa thích mà giảng các kinh. Phật Học Thư Cục tập hợp những trước tác của sư để ấn hành lưu truyền, đặt tên là Viên Anh Pháp Vựng. Đầu sách là A-di-đà Kinh Chú (chú giải kinh A-di-đà) để nêu rõ ý pháp sư chú trọng Tịnh độ. Trộm nghĩ vùng Chiết Giang xưa kia đã có Vân Thê Pháp Vựng, gần đây thì có Đế Nhàn Giảng Lục, Viên Anh Pháp Vựng, đều là người hướng dẫn nơi đường hiểm, là thuyền từ trong biển khổ. Kẻ có duyên gặp được may mắn chi hơn? Quang là một ông tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, ngoài niệm Phật ra thì chẳng biết một chuyện gì, được sư chẳng chê bỏ, sai viết lời tựa dẫn giải, chỉ đành lược thuật những gì được biết cho xong trách nhiệm, nhưng lời văn chẳng ăn nhập gì đến đầu đề, đành mặc cho bậc đại thông gia chỉ trích, chê cười mà thôi!

48. Lời tựa cho viện mồ côi của hội Phật giáo Thượng Hải

Nuôi dạy con người thuở bé là chuyện cấp bách. Ấy là vì lúc mới hiểu biết sẽ hấp thụ sự huân tập dễ dàng, tập tành chuyện lành sẽ là người lành, tập thói ác sẽ thành kẻ ác, huống gì những cô nhi không cha không mẹ, không cơm không áo ư? Những hạng người này không được nuôi dạy thì nếu không chết đói sẽ lưu lạc thành ăn mày, hoặc thành kẻ bậy bạ. Bởi lẽ tài đức thiên phú do nghèo cùng nên chẳng thể bộc lộ, chẳng tiếc lắm ư? Nếu được nuôi dạy thì sẽ như Thích Đạo An đời Tấn, Thích Diệu Phong đời Minh, đạo truyền Phật tâm, trên hoàng dương, dưới hóa độ. Lã Văn

Mục¹⁷², Phạm Văn Chánh đời Tống, dùng đạo cứu giúp cõi đời hoạn nạn, kế thừa người trước, mở mang hậu học, xưa nay vốn chẳng thiếu những người giống như thế. Dầu đứa không có thiên tư cũng sẽ được nuôi thành lương thiện, biết tự chủ, trở thành bậc thuần thành, cẩn thận trong một làng một ấp, tận tụy hành tám đức “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si”, sẽ biến đổi thế đạo nhân tâm mà chẳng hay chẳng biết. Do vậy củng cố nền tảng đất nước, giúp cho sự bình trị, cố nhiên chẳng riêng gì đứa bé cõi cút được hưởng lợi ích ấy.

Nguyện những người nhân từ, những bậc quân tử, hãy đem cái lòng thương yêu trẻ thơ của ta để nhất trí tiến hành giúp đỡ cho chuyện này ngõ hầu an ủi tấm lòng thương trẻ của Khổng tử, cái tâm thương yêu chúng sanh như con một của Phật Thích-ca, vậy thì cái tâm thương yêu trẻ thơ mới được viên mãn, không còn thiếu sót gì, khôn ngăn thơm thảo ngày đêm cầu khẩn vậy!

49. Bài tụng và lời tựa nêu bày ý nghĩa ẩn kín nhân dịp khánh thành công trình xây dựng thêm nhà cửa cho viện mồ côi của hội Phật giáo thành phố Thượng Hải

Tử Dư Thi¹⁷³ từng nói: “*Lão ngô lão dĩ cập nhân chi lão, ấu ngô ấu dĩ cập nhân chi ấu, trị thiên hạ khả vận chi chương thượng*” (Đem lòng phụng dưỡng người già của ta để phụng dưỡng người già của kẻ khác, đem lòng thương yêu đùm bọc trẻ thơ của ta để đùm bọc, thương yêu con thơ người khác thì thiên hạ bình trị là điều nắm

¹⁷² Văn Mục là thụy hiệu của Lã Mông Chánh (944-1011), tự Thánh Công, người xứ Lạc Dương, tỉnh Hà Nam, làm Tể tướng dưới đời Tống Thái Tông và Tống Chân Tông. Ông vốn thuộc dòng dõi quyền quý, cha là Lã Quy Đồ làm quan Thị lang, nghe lời người thiếp gièm xiêm, nhẫn tâm đuổi mẹ con ông ra khỏi nhà. Mẹ phải làm thuê vất vả để kiếm sống, Mông Chánh còn bé đã phải đi đón củi giúp mẹ đắp đổi cuộc sống. Mỗi lần gánh củi đi ngang trường học, Mông Chánh rình nghe học trò đọc sách, không bao lâu đã thông thuộc Tứ Thư, Ngũ Kinh. Mẹ thấy con chăm học, đến van nài với thầy dạy. Thầy giáo thấy Mông Chánh thông minh, hiểu học bèn chu cấp bút mực, tận lực dạy dỗ. Ông tánh tình cương trực, nói thẳng không kiêng dè. Tống Thái Tông từng khoe kinh thành giàu có, ấm no, ông liền vạch thẳng tình trạng cả đồng dân chết đói, chết rét, nhưng các quan giấu giếm không báo lên vua biết, khiến vua giận xám mặt. May mắn cho ông là Tống Thái Tông không phải là hôn quân, nên ông vẫn giữ được tánh mạng. Do cương nghị, đầy tài năng, ông từng kiêm nhiệm nhiều chức vụ trọng yếu như Đồng bình chương sự, Chiêu văn quán Đại học sĩ, Tư không, Thái tử thái sư, tước phong Tường Quốc Công.

¹⁷³ Theo Sử Ký, Tử Dư Thi là tên gọi chung của ba anh em họ nhà Tử Dư, tức Trọng Hành, Yêm Túc, và Châm Hồ. Cũng như ba anh em họ Tử Xa, họ là những vị hiền thần dưới thời Tàn Mục Công. Khi Tàn Mục Công chết, họ là những người bị chôn sống theo vua trong số 177 người bị tuần táng. Không rõ câu nói trên do ai trong số ba người này đã nói.

chắc trong tay). Từ khi cái học chân chánh bị thất truyền, nhà Nho đều lấy bài xích luân hồi làm chí hướng sự nghiệp. Dầu có biết cũng chẳng dám nói ra miệng. Do vậy phụng dưỡng người già, nuôi dạy trẻ thơ của chính mình đều chẳng đạt đến đạo rốt ráo, hướng hồ là với người già, trẻ thơ của người khác ư! “Lão lão” vừa nói đó chính là dùng đạo để cha mẹ được tự yên và dưỡng cái chí của cha mẹ, khuyên dụ cha mẹ hướng về đạo. Nếu không, dù có phụng dưỡng cẩn thận, vẫn chẳng thể khiến cho thân tâm cha mẹ rốt ráo yên vui, đều chẳng được gọi là thật sự “lão ngô lão” vậy.

Hãy để câu ấy lại mà bàn đến chuyện “ấu ấu”, ấu ấu là dùng thân làm gương ngõ hầu nuôi dạy đúng đắn con thơ, mỗi một lời nói, mỗi một hành vi chẳng để vượt khỏi quy củ, sao cho đều là hiền là thiện, có ích cho nước nhà, chẳng gây hại cho xã hội thì mới được. Nếu không, dầu chẳng tiếc tiền của cung cấp học phí, học vắn thành tựu xong, con cái chẳng hề chú trọng đạo nghĩa thì đều chẳng gọi là “ấu ngô ấu” thật sự. Con thơ của ta còn chẳng thể chân thật nuôi dạy như vậy, huống chi đối với những đứa con thơ của người chung quanh hay người đời, làm sao có thể quan tâm đến nơi đến chốn cho được? Gần đây thế đạo hoang tàn loạn lạc, dân không lẽ sống, bao nhiêu cô nhi không cha không mẹ, không áo không cơm sắp bị chết đói. Dầu chẳng chết đói nhưng do không được dạy dỗ, ắt khó thể trở thành người đàng hoàng được. Chẳng thành gã dân ương bướng, ắt sẽ trở thành kẻ hư hỏng!

Các đại thiện sĩ như Quan Quynh Chi v.v. nhiệt tâm làm chuyện công ích, nghĩ đến nỗi khốn khổ của cô nhi, trong năm trước đã lập một cô nhi viện Phật giáo ở nhờ chùa Bảo Liên tại Ấp Bắc. Nay người đông nhà ít, xây cất thêm bao nhiêu gian nữa, nay đã hoàn thành, cho in đặc san Kỷ Niệm, sai Quang lược thuật những nét chánh. Do vậy bèn tụng rằng:

Giúp đỡ cô nhi,
Tài cao chót vót,
Nếu chẳng cứu giúp,
Sống bằng cách nào?
Đã được nuôi dạy,
Chánh khí ắt thành,
Hoặc là công, thương,
Học hành, cày cấy,
Là hiền, là thiện,

Tốt lành, thuần thực,
Chăm giữ đạo nghĩa,
Tuy hèn vẫn vinh,
Huống chi chẳng ít,
Anh tuấn lỗi lạc,
Do vậy biết rằng:
Nuôi dạy cô nhi,
Lợi ích sâu rộng,
Lời ông Tử Dư
Thật đã nghĩ chín,
Chỉ nguyện người nhân,
Cùng sẵn từ bi,
Nhà viện tuy thành,
Nhu cầu vẫn thiếu,
Ai nấy ra tay,
Giúp cho hoàn thành,
Thương con của người,
Con ta ắt nhờ.
Hiền thiện tiếp nối,
Nêu gương cho đời,
Lợi người, tự lợi,
Nhân quả như thế,
Chớ nên chẳng tin,
Lời Phật chẳng dối!

50. Lời tựa cho bộ Đạo Đức Tùng Thư

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lần xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Không tử khen ngợi Chu Dịch, vừa mở đầu liền nói: *“Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương”* (Nhà tích thiện ắt sự vui có thừa. Nhà tích điều chẳng lành, ắt tai ương có thừa). Cơ Tử trần thuật Hồng Phạm, cuối cùng mới nói: *“Hưởng dụng ngũ phúc, oai dụng lục cực”* (Thuận theo sẽ được năm điều phúc, trái nghịch sẽ bị sáu điều cực), đây chính là nghĩa “nhân đời trước, quả đời này” vậy. Nho gia trong cõi đời chẳng biết nhân

quả, quy hết mọi chuyện về sự cai trị của vua. Thế nhưng tánh tình hung bạo, thọ mạng ngắn ngủi, tám thân bệnh tật, nỗi lòng lo sầu, cảnh ngộ nghèo cùng, diện mạo xấu xí, thân thể yếu đuối đều do sự cai trị của vua gây ra hay sao? Vu báng sự cai trị của vua, trái nghịch tâm pháp của thánh nhân quá sức!

Đạo “sửa mình trị người” của thánh nhân lấy “sáng tỏ minh đức” làm gốc, công phu bước đầu của làm sáng tỏ minh đức chính là cách vật. “Vật” chính là nhân dục tham - sân - si - mạn, trừ sạch hết đi thì lương tri sẵn có tự nhiên hiển hiện. Lương tri đã hiển hiện thì chẳng thể nào ý không thành, tâm không chánh, thân không tu! Kẻ học phải học từ đầu nguồn như vậy mới là thật học. Người căn tánh trung hạ chẳng thể trừ khử nhân dục để thành ý, chánh tâm, tu thân thì dùng thật sự, thật lý nhân quả ba đời và luân hồi lục đạo để giảng nói cho họ, ắt họ sẽ gắng sức làm lành, càng cố ý bỏ ác, dùng “bốn điều dừng” của Nhan tử và “ba điều phản tỉnh” của Tăng tử để làm gương báu cho suy nghĩ, khởi niệm, hành xử, sẽ dần dần tự đạt đến chỗ hết sạch nhân dục, đạt được địa vị làm sáng tỏ minh đức. Những nhà Nho đời sau kỳ nói nhân quả luân hồi là đã đánh mất phương tiện thúc bách con người chẳng thể không thành ý, chánh tâm, tu thân. Lại còn đặc biệt cao giọng đề xướng đề tự khoe bản lãnh cao minh, cho “có gì để làm lành thì đấy chính là ác”, con người chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán, đâu bị chém chặt xay giã thì sẽ thực hiện vào đâu? Nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo chính là lời dối trá để phỉnh phờ ngu phu ngu phụ tin phụng giáo pháp nhà Phật. Do những lời lẽ ấy, thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt, đâu có pháp bình trị cõi đời đi nữa cũng đều thuộc ngoài da, trọn chẳng có căn bản.

Vì thế đến khi gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, tất cả những pháp do thánh nhân Trung Quốc lập ra đều bị bỏ đi, học theo văn hóa mới của Thái Tây, biến đổi tận gốc càng thêm dữ dội, những tàn tuồng xấu xa như phé kinh điển, phé luân thường, phé hiếu, không hổ thẹn, tranh thành, giành đất, tàn sát lẫn nhau đều thấy diễn ra, đạo làm người gần như bị diệt mất. Do vậy, người có tâm lo cho thế đạo nhân tâm đua nhau cứu vãn, hoặc đề xướng Phật học, hoặc biên soạn thiện thư, không gì chẳng muốn cho con người đều biết nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo, đổi ác hướng lành, dứt lòng tà, giữ lòng thành, sốt sắng hành tám đức “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si”, luyện tập tám sự “cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” hòng tự sáng tỏ minh đức, ở yên nơi địa vị chí thiện. Tự giác được giác tâm để khôi phục bầu trời sẵn có, sao cho nhân họa dứt, lễ nghĩa

nhân nhượng thịnh hành, thuận lòng trời thì mưa nắng đúng thời. Cõi đời quay lại thuở Đường, Ngu, con người trở lại hiền thiện. Đây chính là thâm tâm cứu thế của các vị hữu tâm ở mọi nơi.

Tiên sinh Trần Kính Y ở Hải Môn bác học đa văn, chú trọng tận tụy hành thực tiễn, hiểu nhân rõ quả, cực lực mong giác thế yên dân, soạn ra bộ Đạo Đức Tùng Thư gồm 15 loại, văn tự lẫn ý nghĩa đều viên thông, sự lý đích xác, quả thật là món thuốc tốt lành cho căn bệnh trầm kha, là người hướng dẫn trong đường mê. Nếu có thể khắc in lưu hành rộng rãi thì lợi ích há thể tính lường được ư? Nguyện những người có tâm lực, khẩu lực, tài lực đều cùng chú ý.

51. Lời tựa nêu duyên khởi in cuốn Khuê Phạm theo lối thạch bản

(Năm Dân Quốc 17 - 1928)

Hai khí âm dương trong trời đất hóa sanh vạn vật, thánh nhân lấy nam nữ “chánh vị” (chánh vị là hành xử đúng theo địa vị, tức là giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận) để lập ra giềng mối. Trời đất rộng lớn, con người chẳng thể nào diễn tả được! Nhưng con người sống giữa trời đất, bảy thước bé tẹo, đứng cùng trời đất thành ba ngôi xung là tam tài, bởi có thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, kế thừa người trước, mở mang cho người sau, tham dự giúp đỡ quyền sanh thành, trưởng dưỡng, chẳng đến nổi uổng công trời đất sanh ra muôn vật. Đây là duyên do con người là “vạn vật chi linh”, chỉ riêng con người được danh xưng cực tôn quý nhất. Nếu chẳng lấy đạo nghĩa làm gốc, chỉ mãi miết ham muốn ăn uống, trai gái, há có khác gì cầm thú đâu? Gần đây thế đạo nhân tâm suy hãm đã đến mức cùng cực, những người dân vô tri bị tà thuyết bên ngoài mê hoặc, đua nhau đề xướng phé kinh điên, phé luân thường, cứ muốn cho con người trong cả cõi đời đều trọn chẳng khác gì cầm thú mới thôi. Mối họa ấy khốc liệt có thể nói là đến mức cùng cực.

Xét đến căn nguyên đều do gia đình thiếu dạy dỗ và chẳng biết nhân quả báo ứng mà ra. Nếu con người từ lúc được sanh ra, hằng ngày được cha mẹ hiền khéo dạy và biết họa phước, tốt xấu khác gì bóng theo hình, tiếng vọng theo âm thanh, chẳng khác gì trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu, dầu dùng oai thế bức hiếp bắt theo tà thuyết ấy, nếu không ắt phải chết, họ vẫn cứ nghĩ “do trọn hết luân thường mà chết cũng là may mắn”, quyết chẳng đến nỗi sợ chết mà cầu thả đi theo. Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm, cái gốc để thiên hạ yên ổn hay loạn lạc chính là

ở chỗ thất phu thất phụ có trọn được hết luân thường, trọn hết bổn phận hay không. Vì thế nói: “Cái gốc của thiên hạ là đất nước, cái gốc của đất nước là gia đình. Cái gốc của gia đình là cái thân.” Cố nhiên đây là thiên chức của hết thầy thất phu thất phụ, chứ không phải chỉ nói đến người có tước vị.

Trong sự dạy dỗ nơi gia đình thì sự dạy dỗ của mẹ là quan trọng nhất, bởi tánh tình của con người phần nhiều tiếp nhận từ mẹ. Lúc còn trong thai thì bẩm thụ khí phận của mẹ, lúc nhỏ quen theo oai nghi của mẹ, nếu mẹ hiền thì chắc chắn chẳng đến nỗi sanh ra con cái không ra gì. Ví như vàng lỏng đúc thành món đồ, nhìn vào khuôn liền biết món đồ ấy sẽ tốt hay hư, nào đợi phải đồ khuôn rồi mới biết hay sao? Nhân tài nước nhà đều từ gia đình. Nếu ai nấy chú trọng vào giáo dục gia đình thì chẳng đầy mấy chục năm hiền nhân sẽ xuất hiện đông đảo. Lòng người đã chuyển, lòng trời sẽ tự thuận, thời tiết hòa thuận, mùa màng sung túc, dân giàu vật mạnh, phong thái đại đồng thuở Đường Ngu ắt sẽ được thấy trong ngày nay. Do vậy, những bậc lo cho đời không ai chẳng đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục gia đình để làm căn cứ văn hồi thể đạo nhân tâm.

Nhưng muốn đề xướng cần phải có trợ giúp, bốn quyển Khuê Phạm do tiên sinh Lã Thúc Giản¹⁷⁴ đời Minh biên tập vào năm Canh Dần tức năm Vạn Lịch 18 (1590) đời Minh được lưu truyền rộng rãi khắp nước, mọi nơi đều khắc bản ấn hành. Gần đây sách bị thất truyền, con người không biết đến. Ông Chu Nghiệp Cần tìm được trong tiệm sách cũ, cầm đưa cho ông Ngụy Mai Tôn coi. Mai Tôn thấy quyển một trích lục những lời hay ý đẹp dạy dỗ nữ giới trích từ Tứ Thư, Ngũ Kinh và các truyện ký. Quyển hai, quyển ba, quyển bốn chép căn kẽ ngôn hạnh của các hiền nữ, vợ hiền và mẹ hiền. Trước mỗi chuyện có hình vẽ, sau mỗi chuyện có lời bình để mắt người vừa chạm vào liền dấy lòng cảm kích, đua nhau bắt chước làm theo; thật đáng để giữ

¹⁷⁴ Lã Khôn (1536-1618), tự Thúc Giản, biệt hiệu Tân Ngô và Tâm Ngô, quê ở Ninh Lăng (nay là huyện Ninh Lăng, tỉnh Hà Nam), đỗ tiến sĩ năm Vạn Lịch thứ hai (1574), làm quan đến chức Tả hữu thị lang Bộ hình. Năm Vạn Lịch 14 (1586), do dâng sớ bày tỏ nỗi lo về sự an nguy trong thiên hạ, bị gian thần sàm tấu, phải cáo bệnh xin về hưu, chuyên lo dạy học. Ông là người cương trực, làm quan rất thanh liêm, không bận tâm đến lễ vinh nhục. Thường nói: “Thân ta vốn không có nghèo giàu, quý hèn, được mất, vinh nhục. Ta chỉ là ta, nên giàu sang, nghèo hèn, được mất, vinh nhục như gió mùa xuân, trăng mùa thu, tự đến tự đi, chẳng hề bận lòng!” (Trích từ thiên Tu Thân trong sách Thân Ngâm Ngữ do ông viết).

yên phương Khôn¹⁷⁵ hòng giúp cho đạo bình trị, phụ trợ sự dạy dỗ trong gia đình, bồi đắp thêm cho oai nghi người mẹ, nên khôn ngăn vui thích, tán thưởng. Lý Kỳ Khanh nghe vậy, do bà vợ ông ta lúc còn sống đã tính lưu truyền những thiện thư hầu giữ yên chốn khuê các, nhưng chưa được toại nguyện, bèn tự đảm nhiệm in 500 bộ để hoàn thành chí nguyện ấy, xin tôi đề tựa. Tôi nghĩ cuốn sách này vừa được in ra, ắt sẽ có đông đảo bậc thực nữ anh liệt hưng khởi tấm lòng mong sao trọn hết phận mình, hoàn thành thiên chức. Trên là noi bước hai bà Phi, ba bà Thái, trong xử sự luân thường hằng ngày, lo liệu, giúp đỡ, un đúc, giáo hóa, dạy dỗ, ngõ hầu chồng lẫn con đều thành hiền thiện hòng cõi đời đạt đến yên ổn tốt bậc. Công đức ấy há thể diễn tả được ư? Do xét đến cội nguồn như thế liền viết thành lời tựa.

52. Lời tựa trình bày duyên khởi của liên xã Tịnh Niệm tại trấn Hợp Hưng, thành phố Phụ Ninh

(Năm Dân Quốc 24 - 1935)

Pháp môn Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, thích hợp khắp ba căn, hoàn toàn thâm nhiếp trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn. Bậc Đẳng giác Bồ-tát sắp thành Phật chẳng thể vượt ra ngoài pháp này được, tội nhân ngũ nghịch thập ác sắp đọa địa ngục cũng có thể dự vào trong ấy. Là con đường tắt để chúng sanh lìa khổ, thỏa thích bản hoài xuất thế của Như Lai. Vì thế pháp này được vãng thánh tiền hiền, người người hướng về, ngàn kinh muôn luận chón chón chỉ quy. Xét từ khi đại giáo truyền sang phương Đông, Viễn công mở liên xã đầu tiên, bậc cao tăng, đại Nho dự hội gồm 123 người. Nếu xét trọn cuộc đời ngài, trong hơn 30 năm những người tham gia liên xã tu tịnh nghiệp được vãng sanh khi báo thân đã tận làm sao đếm xuể? Từ đây trở đi, đời nào cũng có cao nhân hoằng dương truyền bá rộng khắp trong và ngoài nước. Tri thức các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật hoặc chuyên chú ngàm tu, hoặc còn tán dương rõ rệt, đều lấy Tịnh độ làm chỗ quy túc, vì đây là pháp môn tổng trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh.

Gần đây thế đạo nhân tâm đắm chìm đến cùng cực, những vở tuồng xấu ác như phé kinh điển, phé luân thường, phé hiếu, không thẹn, giành đất, tranh thành, tàn sát

¹⁷⁵ Trong Dịch học, phương Khôn tượng trưng cho đất, là quẻ thuần âm nên thường dùng để ví cho nữ giới và đạo làm vợ.

lẫn nhau, mỗi mỗi đều diễn ra, đến nỗi thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống. Người có lòng lo cho thế đạo đua nhau đề xướng Phật học, nêu tỏ nhân quả ba đời, chỉ rõ luân hồi lục đạo, chỉ ra Phật tánh sẵn có, tu tịnh nghiệp niệm Phật để mong đẩy lùi cơn sóng cuồng loạn, khôi phục phong hóa thuần phác, lập Cư sĩ lâm, Tịnh nghiệp xã v.v. ở các nơi để làm phương cách cứu vãn. Nếu không, đạo làm người gần như bị diệt mất!

Cư sĩ Thích Nguyên Lượng ở Hải Môn, ngụ cư¹⁷⁶ ở Phụ Ninh, khai khẩn đất hoang, thương người đời muốn tu tịnh nghiệp nhưng khổ vì không có người biết pháp, rớt cuộc đi theo các thứ ngoại đạo luyện đan vận khí để cầu trường sanh và thành thần tiên Đại La, ăn trộm những câu nói trong kinh Phật để chứng tỏ đạo của chính mình là Phật pháp chân truyền, như kẻ ngu coi mắt cá là chân châu, thật đáng thương xót! Nhưng Phật pháp mênh mông, chẳng tranh với người. Nếu có thể tận lực tu trì chánh pháp thì chắc chắn sẽ có ngày bọn họ nghe biết thanh danh rồi dấy lòng cải tà theo chánh. Phàm những người tham dự liên xã ắt đều phải giữ vey luân thường, trọn hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, dùng tín nguyện chân thành trì danh hiệu Phật, quyết chí cầu sanh thế giới Cực Lạc. Dùng pháp này để tự hành, lại đem giáo hóa người khác để trong là cha mẹ, anh em, vợ con, ngoài là xóm giềng, thân thích, bè bạn đều cùng được gọi ân Phật giáo hóa, đều cùng tu tịnh nghiệp, cùng trong đời này được nương theo Phật từ lực vãng sanh Tây Phương, ngõ hầu chẳng phụ một phen thành tâm dự vào liên xã ngày hôm nay.

Phải biết: Pháp môn niệm Phật lấy ba pháp tín - nguyện - hạnh làm tông, điều quan trọng của niệm Phật là “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”. Muốn “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối” thì bất luận đi đứng nằm ngồi hãy thường niệm Phật hiệu, hoặc niệm ra tiếng, hoặc niệm thầm, đều cần phải lắng nghe tiếng niệm Phật của chính mình. Nếu làm được như thế thì nghiệp tiêu trí rạng, chương tận phước cao, phàm làm bất cứ điều gì đều thuận lợi. Đối với những nghề nghiệp sĩ - nông - công - thương chẳng những hoàn toàn không trở ngại gì mà còn có thể khơi mở tâm linh nơi nghề nghiệp của chính mình, do vì tâm không tán loạn sẽ tự chủ trong công việc. Như đối trước mọi lẽ rối ren, nếu tâm thần ngưng lặng sẽ giải quyết dễ dàng; nếu tâm thần chao động sẽ gặp khó khăn. Do vậy những bậc lập đại công, dựng đại

¹⁷⁶ Nguyên văn là “kỵ cư” (sống gởi), ngụ ý ông Thích Nguyên Lượng không phải là người có quê quán tại Phụ Ninh, chỉ đến sinh sống lập nghiệp tại nơi đó.

ngiệp thuở xưa, công huân trùm bốn biển, ngôn hạnh lưu lại ngàn thu, đều là do học Phật đắc lực mà ra.

53. Lời tựa cho sách Niệm Phật Khẩn Từ

Pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ chính là pháp môn đặc biệt trong cả một đời giáo hóa của đức Như Lai, thích hợp khắp ba căn, bình đẳng nhiếp thọ phàm lẫn thánh. Trên là bậc Đẳng giác Bồ-tát chẳng thể vượt ra ngoài, dưới là tội nhân ngũ nghịch thập ác cũng có thể dự vào trong số ấy. Dạy dỗ không phân biệt, hễ ai sanh chánh tín đều được lợi ích thật sự, hoàn thành ngay trong đời này. Kẻ trốn đủ phiền hoặc vẫn dự vào dòng thánh. Dường như biển cả dung nạp khắp trăm sông, như thái hư chứa khắp muôn hình tượng. Nếu Như Lai chẳng lập ra pháp này thì chúng sanh đời mạt ai có thể đoạn phiền hoặc để liễu sanh tử, thoát ngũ trược, vượt khỏi tam giới? Ấy là vì hết thảy pháp môn đều phải nương vào đạo lực giới định tuệ để đoạn phiền hoặc tham sân si. Nếu đạt đến mức có sức định tuệ sâu, đoạn sạch được phiền hoặc thì mới có phần liễu sanh tử. Nếu chưa thể đoạn sạch phiền hoặc, dầu cho anh có đại trí tuệ, có đại biện tài, có đại thần thông, biết được quá khứ vị lai, muốn đi liền đi, muốn đến liền đến, vẫn chẳng thể liễu thoát được, huống chi những kẻ kém cỏi hơn ư? Cậy vào tự lực để liễu sanh tử sẽ khó lắm, thật khó như lên trời vậy!

Nếu nương theo pháp môn niệm Phật, sanh lòng tin phát nguyện niệm thánh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương, bất luận xuất gia hay tại gia, sĩ nông công thương, già trẻ, trai gái, sang hèn, hiền ngu, chỉ cần nương theo giáo pháp tu trì thì đều có thể nương vào Phật từ lực mang nghiệp vãng sanh. Hễ được vãng sanh thì định tuệ chẳng mong được mà tự được, phiền hoặc chẳng mong đoạn mà tự đoạn. Thân cận Di-đà, thánh chúng, vậy vùng nơi đất vàng, ao báu. Nương theo duyên thù thắng ấy để trợ thành đạo nghiệp, để những người mang nghiệp vãng sanh sẽ lên thẳng địa vị Bất thoái, những vị đã đoạn được hoặc vãng sanh sẽ mau chứng Vô sanh. Đây toàn là cậy vào đại bi nguyện lực của A-di-đà Phật và sức tín nguyện niệm Phật của chính người ấy, cảm ứng đạo giao mà được lợi ích lớn lao ấy; so với kẻ chuyên cậy vào tự lực thì khó dễ khác biệt vời vợi như trời với đất.

Nhưng thường có kẻ ngu cam phận kém hèn, chẳng dám gánh vác. Cũng có kẻ học đạo tự xưng là Đại thừa, nghĩ pháp này chẳng xứng để tu tập. Nếu biết kẻ ngũ nghịch thập ác khi lâm chung tướng địa ngục hiện, được bạn lành dạy niệm Phật, chưa đủ mười tiếng đã được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương thì kẻ cam phận

kém hèn sẽ dấy lòng tu trì. Kinh Hoa Nghiêm là vua cả Tam tạng, trong chỗ quy tông cuối cùng của bộ kinh ấy, Phổ Hiền Bồ-tát dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương, khuyên Thiện Tài và khắp Hoa Tạng hải chúng nhất trí tiến hành cầu sanh Tây Phương để mong viên mãn Phật quả. Sao lại dám coi pháp môn này là Tiểu thừa? Huống chi Thiện Tài đã chứng Đẳng giác, hải hội thánh chúng đều chứng pháp thân, các vị ấy còn cầu sanh, ta là hạng người nào mà nghĩ pháp này chẳng xứng để tu tập? Chẳng những dựng cao tràng kiêu mạn mà còn là hủy báng kinh Hoa Nghiêm. Muốn phô trương hư danh Đại thừa, đích thân tạo cái họa báng pháp cùng cực vậy!

Nếu kẻ ấy một hơi thở ra không hít vào được nữa, cảnh giới thế giới Hoa Tạng chẳng thể nghĩ bàn vốn thường mong mỗi đều biến thành cảnh khổ địa ngục A-tỳ, chịu đựng đầy ắp những hình phạt để đền cái lỗi thuyết pháp trái nghịch kinh điển, tự làm làm người. Đến khi nghiệp báo sắp mãn, mới tỉnh ngộ, liền phát tâm niệm Phật, liền được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Khổ thay! May mắn thay! Nguyên những ai học Đại thừa đều dự ghé vào Hoa Tạng hải hội thì tự lợi lợi người cũng lớn lắm. Phàm những ai tu pháp môn niệm Phật thì phải chú trọng giữ vẹn luân thường, trọn hết bốn phần, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ-đề, khuyên khắp những người cùng hàng cầu sanh Cực Lạc. Nếu làm được như thế thì “vạn người tu, vạn người đến”, quyết chẳng sót một ai!

Ông Trịnh Bá Thuần ở huyện Bảo Sơn tỉnh Vân Nam là bậc học rộng ngâm tu, thoát đầu nghiên cứu kinh Dịch để mong hiểu thấu gốc đạo của Nho giáo, tiếp đó nghiên cứu cặn kẽ nguyên ủy kinh điển luyện đan để mong hiểu được bí quyết chân thật của thuật bảo vệ tánh mạng. Sau đấy lại bỏ đạo luyện đan để tham thiền, biết tự lực chẳng bằng Phật lực, cuối cùng chuyên tu pháp môn niệm Phật, miệt mài lấy việc “mình lẫn người đều cùng sanh Tây Phương” làm chí hướng sự nghiệp, gởi thư xin quy y, liền được pháp danh là Đức Thuần. Ấy là vì pháp môn niệm Phật tuy nhiếp khắp các pháp Thiền, Giáo, Luật, Mật, nhưng tu trì nơi địa vị phàm phu cố nhiên phải lấy thuần nhất không tạp làm gốc. Ông ta còn phát khởi đại tâm mạnh mẽ, muốn lợi lạc khắp những người cùng hàng, do vậy bèn soạn cuốn Niệm Phật Khẩn Từ để mong trí hay ngu đều biết rõ. Lời lẽ tuy nông cạn gần gũi, nhưng lý thật sâu xa, như cái mốc chỉ lối cho người đi đường, như kim chỉ nam cho người đi biển,

nương theo đó mà hành sẽ có thể về đến quê cũ, lên được bờ kia. Do vậy, tôi bèn trình bày duyên do tự lực và Phật lực ngõ hầu những ai thấy nghe đều tu trì vậy.

54. Lời tựa cho tác phẩm Kỷ Văn Đạt Công Bút Ký Trích Yếu (Trích yếu bút ký của ông Kỷ Quân)

Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lần xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh. Nếu chẳng đề xướng nhân quả thì thiện chẳng có gì để khuyến, ác không có gì để phạt. Chỉ có bậc đại hiền mới có thể giữ phận tuân đạo, những kẻ khác ai có thể cam lòng chẳng phóng túng tình ý cho sướng khoái một đời ư? Do đã không có “nhân trước quả sau” thì hễ chết đi sẽ vĩnh viễn diệt mất, Nghiêu hay Kiệt đều chết hết sạch, sao lại không dây tự buộc, khur khur theo lẽ giữ phận để đến nỗi mọi việc đều chẳng được tự tại ư? Trong kinh sử Nho giáo, sự lý nhân quả nhiều không xiết kể! Tiếc rằng những nhà Nho sau này chẳng chịu suy xét sâu xa, thường thấy kinh Phật nói đến nhân quả tường tận, bèn muốn ra vẻ khác biệt với tông chỉ nhà Phật, ngược ngạo bảo những gì đức Phật đã nói đều là hư vọng, chẳng biết là đã trái nghịch thánh đạo, diệt thiên lý, chôn vùi cái gốc bình trị, hưng khởi đầu mối loạn lạc, gây nghi ngờ, làm lạc cho người đời sau, chôn vùi đạo thể, những chuyện ấy đều là do những lời lẽ này tạo ra nền tảng vậy, chẳng đáng buồn ư?

Từ khi có nhà Thanh đến nay, trong số những người bác học đa văn thì tiên sinh Giang Thận Tu là bậc nhất. Tiếp đó là ông Kỷ Văn Đạt¹⁷⁷, rồi đến ông Viên Tử Tài. Họ Giang là bậc quân tử ẩn dật cùng lý tận tánh, tuy chưa nghiên cứu Phật học, nhưng đối với Phật pháp cũng chẳng bài bác, lại còn tin sâu nhân quả báo ứng. Vì thế đối với những quả báo do bảo vệ sanh mạng hay sát sanh, ông đều ghi chép hết để mong khơi gợi thiện niệm, dứt cơ duyên giết chóc. Từ những điều này có thể biết được cách suy nghĩ của ông ta. Viên Tử Tài thoát đầu báng Phật, nhưng từ tuổi trung niên trở đi, do lịch duyệt ngày càng sâu, liền sanh lòng chân tín đối với Phật pháp. Chỉ vì cuồng vọng tự đại, lười nhác, biếng trễ, không chịu thân cận cao nhân, lắng lòng nghiên cứu, tuy những sự tích cảm ứng trong Phật pháp ông ta đều sao chép, nhưng những gì ông ta bàn luận khó thể hợp lý, thích đáng được! Ông Kỷ Văn Đạt từ bé đến già dốc lòng tin tưởng nhân quả, hễ được thấy nghe những sự tích nhân quả nào đều ghi chép hết, trình bày cặn kẽ sáng sủa, văn bút thông suốt. Do ông ta

¹⁷⁷ Văn Đạt là thụy hiệu của Kỷ Quân, tên tự là Kỷ Hiểu Lam. Ông Kỷ là người giữ nhiệm vụ Tổng toàn tu (Tổng biên tập) bộ sách đồ sộ Tứ Khố Toàn Thư thời Càn Long.

hoàn toàn chưa từng nghiên cứu Phật pháp nhưng cứ thường muốn bàn bạc thông suốt lý sâu nên có khi bị mâu thuẫn thật ghê.

Phật nói “thể trí biện thông, khó thể nhập đạo”, ba ông Giang, Kỷ, Viên học rộng mà vẫn chẳng biết “Phật pháp chính là tâm pháp nơi chính mình” để rồi chuyên tình nghiên cứu, hòng đích thân chứng được, chẳng đáng tiếc quá ư? Nếu họ bỏ chút thời gian rảnh rỗi, nghiên cứu đại lược, lẽ đâu chẳng phát tâm đại Bồ-đề, chuyên tình dốc sức, hoằng dương đại pháp để mong ta lẫn người đều cùng thoát khổ luân, đều cùng thành giác đạo, lẽ nào chỉ ghi chép sự tích nhân quả để mở ra một con đường hướng thiện cho người đời mà thôi! Nhưng những sao chép ấy thật sự có lợi ích lớn lao. Vì thế, cư sĩ Trần Đình Châu trích lục một trăm thiên từ bộ Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký¹⁷⁸, tính in ra để phổ biến lưu thông hòng làm tấm gương xét soi cho những kẻ không biết nhân quả trong cõi đời.

Nhân quả giống như bóng theo hình, tiếng vọng đi theo âm thanh, chưa hề có hình mà không có bóng, có âm thanh mà chẳng có tiếng vọng vậy. Vì thế kinh Thu nói: “*Huệ địch cát, tùng nghịch hung, duy ảnh hưởng.*” (Thuận theo đạo lý thì tốt, trái nghịch thì xấu, giống như bóng theo hình, như tiếng vọng đi theo âm thanh vậy). Những kẻ bàn chuyện cao xa, cho nhân quả là hư huyền, khác gì chấp rằng “mẹ quyết chẳng thể sanh được con, con quyết chẳng phải do mẹ sanh ra” ư? Trong đời nếu có kẻ như vậy, ắt bị người ta coi là điên khùng! Rất lạ là nhà Nho đọc sách thánh hiền mà chẳng lấy ngôn luận của thánh hiền làm chuẩn, chẳng lấy sự thật xưa nay làm chuẩn, cứ lấy sự thiên chấp, cái nhìn lầm lạc của chính mình làm chuẩn. Một người xướng, mọi người hòa theo, kẻ mù dẫn lũ đui kéo nhau vào lửa, đến nỗi thế đạo nhân tâm ngày một đi xuống, đến nỗi phé kinh điển, phé luân thường, phé hiếu,

¹⁷⁸ Duyệt Vi Thảo Đường chính là tên gọi một tòa biệt thự của Kỳ Quân tại Bắc Kinh. Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký là một tác phẩm mang tính tổng hợp những chuyện truyền kỳ thời ấy. Ông Kỳ đã biên soạn tác phẩm này từ năm Càn Long 54 (1789) đến năm Gia Khánh thứ 3 (1798). Ngoài những chuyện về nhân quả báo ứng, khuyến thiện trừng ác, còn có những chuyện hồ ly, thần tiên v.v. và cả những chuyện lạ lùng do chính tác giả đích thân chứng kiến. Xuyên qua những câu chuyện ấy, tác giả dĩ dõm đã kích thói hư ngụy giả nhân giả nghĩa của bọn Tống Nho, thói mê tín của người đương thời cũng như kín đáo đã kích pháp luật hà khắc dưới đời Càn Long. Tác phẩm này khá đồ sộ, gồm 24 quyển, có tất cả 1.208 câu chuyện, 40 vạn chữ, và đã được Sun Haichen dịch sang tiếng Anh với nhan đề “*Fantastic Tales by Ji Xiaolan*” (Kỷ Hiểu Lam Kỳ Quái Cổ Sự Tuyển Tập) do nhà xuất bản New World Press ấn hành. Bollati Boringhieri cũng đã dịch bộ sách này sang tiếng Ý với nhan đề “*Note scritte nello studio Yuewei*” và cho ấn hành tại Torino (Turin).

không hổ thẹn, giành đất, tranh thành, tàn sát lẫn nhau mà vẫn nhơn nhơn tự đắc, cho là ta chú trọng quay về đại đạo, chẳng bắt chước bọn hủ bại đời trước cứ luôn luôn câu nệ, trói buộc, khiến cho con người suốt đời chẳng thể tùy ý làm được gì, nay ai nấy đều được tự tại! Từ nay trở đi chúng ta cùng được hưởng hạnh phúc tự do, nghĩ đến điều gì đều làm được cả, cõi đời may sao có bọn ta cải cách, con người may sao được sống cùng thời bọn ta! Tà thuyết như vậy đều do những kẻ bài xích nhân quả uơng thành.

Nếu như lý nhân quả được nhà nhà khuyên dạy, giảng giải, cha mẹ dùng đó để dạy con cái, sư trưởng dùng đó để giáo huấn học trò thì có ai chịu diệt lý, rồi luân thường, hiện đáng vẻ xấu xí trước gương sáng nữa ư? Chỉ vì bậc đại Nho trong cõi đời thường hay bài xích, kẻ tiểu Nho dẫu biết là sai mười mươi đi nữa cũng chỉ đành người ta nói sao ta cũng ừ vậy, để khỏi bị mọi người chõ miệng chê bai khích bác. Nơi trường học đã như vậy thì trong gia đình càng không có lý do gì để bàn đến. Rốt cuộc đến nỗi những kẻ theo tân học hoàn toàn vứt bỏ nhân luân, diệt thiên lý, muốn cho con người hoàn toàn chẳng khác gì cầm thú. Mối họa ấy chẳng quy vào những kẻ bài xích nhân quả thì còn quy vào ai đây? Lành thay lời nói của tiên sinh Chu An Sĩ: “Người người đều biết nhân quả, đây là đạo để thiên hạ đại trị; người người đều chẳng biết nhân quả, đây là con đường khiến thiên hạ đại loạn.” Tôi thường thương cõi đời rối ren, nhưng không sức cứu vãn, do lời thỉnh của cư sĩ Trần bèn trình bày đại lược cội nguồn lợi hại như thế đó.

55. Lời tựa lưu thông sách Lịch Triều Danh Họa Quán Âm Thánh Tượng Kha La Bản Ấn

(Năm Dân Quốc 27 - 1938)

Quán Thế Âm Bồ-tát thành Phật đã lâu trong vô lượng kiếp trước, hiệu là Chánh Pháp Minh, an trụ trong Tịch quang tịnh độ, thường hưởng pháp lạc chân thường, nhưng do bi tâm vô tận, từ thế chẳng cùng, lòng cứu khổ ân cần, niệm độ sanh tha thiết, nên lại chẳng lìa Tịch quang, hiện hình trong chín giới. Trong các cõi Phật nhiều như số vi trần trong mười phương, hiện khắp các sắc thân, tầm thanh cứu khổ; nhưng đối với thế giới Sa-bà, càng thương xót sâu đậm hơn. Có những kẻ nào thiện căn chưa gieo, chưa chín muồi, chưa độ thoát, liền dạy họ gieo, khiến cho chín muồi, khiến cho độ thoát, nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy thuyết pháp. Những thân đã hiện, những pháp ngài đã nói mỗi mỗi tùy thuận cơ nghi, trọn chẳng

nhất định, nhưng hiện tiền được là mọi khổ, tương lai thường hưởng chân lạc thì đều giống hệt. Nhiều năm gần đây, thế đạo nhân tâm càng ngày càng đi xuống, giành đất, tranh thành, tàn sát lẫn nhau, nhân họa đã khóc liệt, thiên tai lại xảy đến, lũ lụt, hạn hán, sâu rầy, ôn dịch cùng lúc giáng xuống. Những tai họa ấy đều do những ác nghiệp của mọi người trong đời trước hoặc đời này chiêu cảm.

Nhưng tâm đã tạo được nghiệp thì tâm sẽ chuyển được nghiệp, đang trong lúc thiên tai nhân họa đồng thời xảy ra này nếu có thể phát tâm chí thành, niệm thánh hiệu “Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát”, thệ nguyện từ nay trở đi giữ veyasana luân thường, trọn hết bốn phần, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì chắc chắn sẽ được ngài rủ lòng từ che chở, gặp dữ hóa lành, trong các hoạn nạn chẳng bị nguy hiểm, ấy là dùng biệt nghiệp niệm thánh hiệu Bồ-tát trong hiện tại để chuyển cộng nghiệp¹⁷⁹ đã tạo trong đời trước hoặc đời này. Vì thế thường được tốt lành. Chư Phật, Bồ-tát coi hết thấy chúng sanh trong lục đạo như con ruột, thường muốn cho họ được là khổ hưởng vui. Hiềm rằng chúng sanh mê muội chẳng sanh lòng tin tưởng, đến nỗi uổng phí từ tâm, chẳng thể được lợi ích. Ví như mặt trời rạng rỡ giữa trời chiếu khắp muôn phương, kẻ đội chậu dù có đứng ngay dưới đó cũng chẳng được chiếu. Lỗi do đội chậu, chứ mặt trời đâu có lỗi!

Gần đây sát kiếp ngập tràn, nhân dân tử vong, lưu lạc tan tác, khổ chẳng nói nổi! Cư sĩ Phí Huệ Mậu ở Nam Thông muốn bày cách cứu vãn từ lâu, nên đặc biệt sưu tầm những thánh tượng Quán Thế Âm do những nhà danh họa thuộc năm triều Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh đã vẽ, được 142 bức, dùng loại giấy Tuyên¹⁸⁰

¹⁷⁹ Biệt nghiệp (āvenika-karma) còn gọi là *bất cộng nghiệp*, là những nghiệp thiện ác do mỗi cá nhân chiêu cảm; còn cộng nghiệp (venika-karma) là những nghiệp do mình lẫn người đều phải gánh chịu. Nói cách khác, cộng nghiệp là những nghiệp chung mà một tập thể, một đoàn thể, một thành phố, một quốc gia, một dân tộc, nói rộng ra là cả thế giới phải gánh chịu, do trong đời trước đã gây tạo những nghiệp giống nhau nên nay sanh cùng một chỗ, gánh chịu những quả báo do nghiệp thiện hay ác đời trước kết thành. Nhưng trong đó, mỗi cá nhân do nghiệp riêng của chính mình mà cảm thụ sắc thân, thọ mạng, tướng mạo, tài sản, tài năng, bệnh tật, tai ương v.v. khác biệt. Đây chính là biệt nghiệp.

¹⁸⁰ Tuyên chỉ (giấy Tuyên) là một loại giấy nổi tiếng chuyên dùng trong hội họa cổ của Trung Quốc. Đây là một sản phẩm đặc thù của huyện Kinh tỉnh An Huy, có những tính chất rất quý như không giòn gãy khi để lâu ngày, giữ được màu sắc không phai, và không dễ bị hoen ố bởi thời tiết. Đến thời Tống, các xứ Huy Châu, Trì Châu, Tuyên Châu v.v. đều chế được loại giấy này. Do trong thời ấy, những vùng này đều thuộc về Tuyên Châu Phủ nên loại giấy này được gọi chung là Tuyên chỉ (giấy Tuyên). Giấy này được chế bằng vỏ cây thanh đàn, pha lẫn với loại cỏ có tên là thủy đạo.

tốt nhất, in theo lối kha-la-bản¹⁸¹ 1.000 bộ, ngõ hầu người thấy nghe đều cùng sanh chánh tín, cùng niệm thánh hiệu, cùng tiêu trừ ác nghiệp trong đời trước và đời này, cùng gieo thiện căn Bồ-đề.

Phải biết: Bồ-tát vô tâm, lấy tâm của chúng sanh làm tâm, Bồ-tát không cảnh, lấy cảnh của chúng sanh làm cảnh, vì thế hễ cảm liền thông, chẳng phải suy nghĩ để ứng. Ấy là vì bản thể của tâm chúng sanh và bản thể của tâm Bồ-tát tương thông khít khao, do chúng sanh trái giác hiệp trần nên thành ra hiện tượng “tuy thông mà chẳng thông”. Nếu chúng sanh một niệm sanh lòng tin, kiên thành trì thánh hiệu, trái trần hiệp giác, bỏ mê về với ngộ, sẽ lại biến thành hiện tượng “chẳng thông mà thông”. Vì thế, hễ gặp phải hiểm nạn cực lớn, vừa niệm liền được cảm ứng. Lại nữa, Bồ-tát hiện thân chẳng chuyên hiện thân hữu tình, ngay như núi, sông, cây cối, cầu, bến, thuyền, bè, lầu, đài, nhà cửa, tường, vách, thôn, xóm cũng đều tùy cơ mà hiện, ắt đều khiến cho kẻ đã lâm vào tuyệt địa lại gặp đường thông, không chỗ trốn tránh lại được nơi che đậy lớn lao. Đủ mọi loại cứu vớt, che chở, khó thể tuyên nói trọn.

Hãy nên đọc Quán Âm Bồ Tát Tụng, Quán Âm Linh Cảm Lục, Quán Âm Từ Lâm Tập sẽ biết được đại lược. Đang trong lúc thiên tai, nhân họa liên tiếp giáng xuống này, nếu chẳng sửa ác tu lành, thường niệm thánh hiệu Quán Âm để được nương cậy thì muốn được yên vui sẽ là chuyện khó khăn nhất trong mọi điều khó. Dầu hoàn toàn chẳng có tai nạn gì, cũng nên thường niệm, ngõ hầu sống sẽ hưởng ngũ phước, dự vào địa vị thánh hiền cao cả, thác sẽ lên chín phẩm, triệt chứng tâm đại giác. Người làm được như thế thì mới an ủi được tâm Bồ-tát cứu khổ. Do Bồ-tát phổ thí vô úy (ban cho khắp tất cả mọi loài sự không sợ hãi) nên chúng sanh được viên mãn Bồ-đề rồi thì tâm đại từ bi thí vô úy của Bồ-tát mới thôi. Kinh Pháp Hoa dạy: “Nếu có chúng sanh nhiều dâm dục, nóng giận, ngu si, thường niệm cung kính

Từ đời Tống - Nguyên trở đi, bột giấy còn được pha thêm các loại gỗ dó, dâu, tre, hay đay để tạo thành các loại giấy Tuyên khác nhau nhằm tạo hiệu quả sống động cao nhất cho tranh vẽ.

¹⁸¹ Kha-la-bản là phiên âm của chữ collotype, là một lối in tranh rất thịnh hành trước khi có kỹ thuật in offset lithography. Cách in này cho ra những bản in đẹp và tinh xảo không kém những bản in được khắc trực tiếp trên bản kim loại. Để in, người ta phải chế tác bản in bằng thủy tinh hay kim loại, phủ lên tấm kính một lớp gelatine để khô, rồi phủ lên một lớp mực bằng chất gelatine có pha muối Chrome. Sau đó đem rửa qua bằng nước lạnh ở nhiệt độ 16°C. Bản in sửa soạn xong, được dùng làm âm bản chụp tranh vẽ muốn in. Sau khi chụp xong, lại đem rửa bằng nước lạnh rồi để khô trong chỗ mát khoảng 24 tiếng đồng hồ. Khi in, giấy in loại tốt và mịn được trải trên bản in nói trên rồi ép cho chất bột màu từ bản in dính vào giấy in. Do vậy, cách in này rất tốn công và mắc tiền, nhưng đẹp và sắc sảo hơn in theo lối thạch bản rất nhiều.

Quán Thế Âm Bồ-tát liền được là dục, là sân, là si.” Nguyên người thấy nghe đều thường niệm!

56. Lời tựa cho bộ Phóng Sanh Trung Tín Lục của chùa Pháp Vân

(Năm Dân Quốc 21 - 1932)

Xem khắp cổ kim, thời bình trị thì ít, thời loạn lạc lại nhiều, dầu cho thịnh trị thì bất quá chỉ được một trăm mấy chục năm mà thôi. Nguyên do vì đâu? Ấy là do cái nghiệp đời trước sát sanh ăn thịt kết thành và do cái tâm tự tư tự lợi trong đời này mà ra. Kết quả của sát nghiệp chỉ có ăn thịt là dữ dội nhất. Cả một đời người chẳng biết ăn thịt mấy trăm ngàn vạn sanh mạng, chỉ mong thỏa thích bụng miệng ta, bất kể nỗi thống khổ của chúng. Tuy là cậy mạnh nuốt yếu mặc sức ta làm, nhưng chất độc oán hận kết lại trong tám thức điên, đời đời kiếp kiếp giết chóc lẫn nhau, chẳng nhỡ bỏ cái gốc ấy thì khó chuyển được sát kiếp. Huống chi kẻ có trí thức nhưng chẳng biết thật sự thật lý “nhân quả ba đời, luân hồi sáu nẻo”, bèn coi chuyện “tự lập lập người, tự đặt, làm cho người khác đặt” là viên vông, sai lầm, chỉ muốn đoạt hết của cải người khác về tay ta. Do vậy tranh thành, giành đất, dầu giết người ngập thành, ngập đồng vẫn chẳng đoái hoài. Ý họ muốn mở rộng cương thổ của ta, tăng lớn thế lực của ta, để con cháu ta hưởng phước vĩnh viễn. Chẳng biết trời đất lấy hiếu sanh làm đức, đã sống trong khoảng trời đất hiếu sanh ghét giết, sao lại khiến cho con cháu hưởng cái phước nghịch trời trái lý đoạt được bởi sự giết người vô lượng ấy? Chính họ khi một hơi thở ra không hít vào được nữa sẽ vĩnh viễnọa trong tam đồ ác đạo, sao lại đáng thương như vậy? Con cháu nếu chẳng phải là những người bị ta chiếm đoạt [tài sản trong đời trước nay] đến sanh vào nhà ta thì sẽ tuyệt diệt đến hết sạch, trọn chẳng sót một ai!

Thanh Lương Sơn Chí chép: Vào đời Tùy, Triệu Lương Tướng ở Đại Châu giàu nứt đổ đổ vách, có hai đứa con, trưởng tên là Mạnh, thứ tên là Doanh. Doanh mạnh mẽ, Mạnh yếu đuối. Lúc sắp mất, Lương Tướng chia tài sản ra làm hai phần, Mạnh được phần hơn. Đến khi Lương Tướng mất rồi, Doanh cướp đoạt sạch, chỉ để lại cho Mạnh một rẻo vườn nhà. Mạnh làm thuê kiếm sống. Sau đó Doanh chết đi làm con của Mạnh tên là Hoàn. Mạnh chết đi đầu thai làm cháu của Doanh tên là Tiên. Hoàn lớn lên làm đầy tớ cho Tiên, lòng hận Doanh cướp đoạt sản nghiệp. Đúng dịp Tiên muốn đi triều bái Ngũ Đài sai Hoàn theo hầu. Vào trong núi, đến chỗ đồng trống không người, Hoàn rút dao nói: “Ông nội mày đoạt gia nghiệp của tao, tao sẽ giết

mày!” Tiên chạy lẹ, Hoàn đuổi theo. Tiên chạy vào một am tranh, một vị lão tăng ngăn họ lại, trao cho mỗi người một chén trà thuốc. Uống xong, như mộng vừa tỉnh, biết rõ chuyện trước kia, cảm thấy hổ thẹn đau xót. Lão tăng nói: “Doanh là tiền thân của Hoàn, cướp đoạt sản nghiệp của người khác chính là tự vứt bỏ sản nghiệp của chính mình. Tiên là Mạnh đầu thai trở lại để hưởng sản nghiệp trước kia. Lời cha vẫn còn đó!” Hai người bèn xuất gia tu đạo tại Ngũ Đài. Hai người này đời trước có thiện căn nên được Bồ-tát điểm hóa, được kết quả như thế đó. Nay người đời coi giết người là vui, quả báo về sau sẽ khó lòng tưởng tượng được!

Năm Dân Quốc 11 (1922), các vị thiện sĩ Phùng Mộng Hoa, Ngụy Mai Tôn, Vương Ấu Nông v.v. do thấy sát kiếp tràn lan, nghĩ cách cứu vãn, bèn tậu đất bên sông Tam Xoa, lập chùa Pháp Vân làm đạo tràng niệm Phật phóng sanh. Đến năm Dân Quốc 12 (1923), đào chín cái ao sâu để phóng sanh theo từng loài. Năm Dân Quốc 13 (1924) liền bắt đầu lo phóng sanh, hoặc chính mình mua về thả, hoặc có thiện sĩ mua đến thả. Tám năm qua, số lượng loài vật do chính hội ấy mua về phóng sanh tính ra tổng cộng là ba trăm sáu mươi, bảy mươi gánh, tiền chi phí tổng cộng là bốn ngàn sáu trăm mấy chục đồng, đều do các thiện sĩ nối tiếp nhau thực hiện. Nay đem số lượng những con vật được thả và khoản tiền chi dụng trong tám năm lập thành báo cáo, ngõ hầu ai nấy đều biết rõ. Suốt chín năm nay, vị thường sống ở nơi ấy chịu đựng nhọc nhằn, chẳng nề gian khổ, chính là hòa thượng Tâm Tịnh. Những người khác tuy cũng tận lực duy trì, nhưng chưa ai chuyên dốc sức vào đây bằng sư Tâm Tịnh.

Xét ra hành động phóng sanh vốn nhằm phát khởi cái tâm kiêng giết ăn chay của những người cùng hàng. Nếu có thể kiêng giết, ăn chay thì sát nghiệp chẳng tạo, sát báo sẽ tự dứt. Đối với những nghiệp đã tạo từ trước thì dùng sự kiệt lực tu thiện, chí thành niệm Phật để tiêu diệt. Phải biết, chùa Pháp Vân phóng sanh quả thật đã đi tiên phong dẫn đường cho hết thảy những người cùng hàng kiêng giết ăn chay vậy. Người có tâm do nghe được chuyện ấy sẽ dấy lòng, cùng sanh tâm từ bi, rộng lòng trắc ẩn, cùng hành đạo nhân từ với người khác, yêu thương loài vật, sẽ thấy lòng người chuyển biến, quyền thuộc trời thường giáng xuống, mưa nắng đúng thời, ngũ cốc sung túc, lễ nghĩa nhân nhượng hưng thịnh, chiến tranh tiêu diệt, trong ngoài hiệp hòa, thiên hạ thái bình. Đây chính là điều các vị như ông Phùng vốn dốc chí qua việc tạo dựng chùa Pháp Vân, đề xướng phóng sanh vậy.

57. Lời tựa cho bài Ca Tụng Kinh Vô Lượng Thọ

(Năm Dân Quốc 25 -1936)

Pháp môn Tịnh độ lớn lao không gì ra ngoài, toàn thể sự chính là lý, toàn thể tu chính là tánh, hạnh cực bình thường, lợi ích cực thù thắng. Ấy là vì dùng quả địa giác làm nhân địa tâm, nên được nhân trùm biển quả, quả tốt nguồn nhân. Hết thấy pháp môn không gì chẳng lưu xuất từ pháp giới này, hết thấy hạnh môn không môn nào chẳng trở về pháp giới này. Thích hợp khắp ba căn, gồm thâu trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn. Đẳng giác Bồ-tát chẳng thể vượt ra ngoài được, tội nhân ngũ nghịch thập ác cũng có thể dự vào trong ấy. Thống nhiếp các tông Luật, Giáo, Thiền, Mật, xuyên suốt các giáo Quyền, Thật, Đốn, Tiệm. Trong cả một đời giáo hóa của đức Phật, riêng một pháp môn này là đặc biệt. Chớ nên dùng giáo nghĩa theo đường lối thông thường để phân định nhân quả tu chứng của pháp này.

Xưa nay có nhiều kẻ thâm nhập kinh tạng, triệt ngộ tự tâm, nhưng chẳng sanh lòng tin tưởng đối với pháp môn này vì chấp chặt vào giáo nghĩa “cây vào tự lực” của đường lối thông thường để luận định nhân quả đặc biệt “cây vào Phật lực” mà nên nổi. Nếu biết nghĩa này thì tâm lòng tin tưởng, tu trì ngay đến cả đức Phật cũng chẳng thể ngăn trở được, vì pháp môn này chính là pháp môn tông trì thành thủy thành chung để mười phương ba đời hết thấy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Bởi thế, pháp này được chín giới cùng quay về, mười phương cùng khen ngợi, ngàn kinh cùng xiển dương, muôn luận đều tuyên nói.

Xét đến chỗ phát khởi pháp này thì quả thật từ cuối hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài tham học khắp các tri thức, đến chỗ Phổ Hiền Bồ-tát được oai thần của đức Phổ Hiền gia bị, sở chứng bằng với Phổ Hiền, ngang với chư Phật, trở thành Đẳng giác Bồ-tát. Phổ Hiền bèn xưng tán công đức Như Lai thù thắng nhiệm mầu, khuyến tấn Thiện Tài và Hoa Tạng hải chúng đều cùng dùng công đức của mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc để mong viên mãn Phật quả. Do Hoa Tạng hải chúng đều là các Pháp thân đại sĩ thuộc 41 địa vị: Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác. Do các vị ấy đi trọn khắp các cõi Phật số nhiều như vi trần, nên thệ nguyện Di-đà, cảnh duyên Cực Lạc, nhân quả vãng sanh, mỗi mỗi đều hiểu rõ, không cần phải nói nữa. Nhưng trong hội Hoa Nghiêm, trọn

chẳng có ai là phàm phu Nhị thừa và Quyền vị Bồ-tát¹⁸², do vậy tuy hoằng dương lớn lao pháp này, nhưng phàm phu, tiểu căn không cách chi vãng nhận được.

Đến hội Phương Đẳng, đức Phật vì khắp hết thấy trời, người, phàm, thánh nói kinh Vô Lượng Thọ, chỉ rõ nhân hạnh quả đức xưa kia của Phật A-di-đà, cảnh duyên Cực Lạc đủ mọi thứ thù thắng, nhiệm mầu, nhân quả, phẩm vị tu chứng của hành nhân. Kinh này chính là chỗ quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm vậy. Tuy được nói trong thời Phương Đẳng, nhưng giáo nghĩa quả thật thuộc thời Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm chỉ hạn cuộc nơi Pháp thân đại sĩ, nhưng kinh này nhiếp trọn khắp thánh phàm trong chín giới. Dẫu dùng thời Hoa Nghiêm để luận thì kinh này vẫn là đặc biệt, huống là các thời khác ư? Nếu đức Như Lai chẳng mở ra pháp này, chúng sanh đời mạt không một ai có thể liễu sanh tử! Do lòng đại từ, đức Phật rất sợ chúng sanh chẳng thuận tiện thọ trì được, bèn lại nói kinh A-di-đà, ngõ hầu họ thường đọc tụng hằng ngày. Lại nói kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật để y báo chánh báo trang nghiêm cõi Tây Phương thường hiện hữu trong tâm mục của các hành nhân.

Ba kinh này tuy kinh văn tuy rộng - lược khác nhau, nhưng lý chẳng hề khác biệt. Người học đời mạt pháp nếu trí lực sung mãn, chẳng ngại gì tu trọn vạn hạnh, hồi hướng vãng sanh. Nếu không, đương nhiên nên chuyên tu tịnh nghiệp, để mong nương vào Phật từ lực vượt ngang ra khỏi tam giới, lên thẳng chín phẩm sen. Kinh Vô Lượng Thọ có rất nhiều bản chú giải cổ, gần như đều bị thất lạc hết, còn sót lại chẳng được mấy! Đại sư Đạo Truyền đọc tụng kinh này, cảm niệm sâu xa ơn Phật, soạn bài tụng để tán dương. Tuy chưa thể nêu tỏ, giải bày trọn vẹn ý nghĩa kinh và tâm Phật, nhưng cũng có thể phụ trợ tín nguyện cho bọn ta là hạng không có sức đoạn hoặc chứng chân, khiến cho hùng tâm kiên quyết vãng sanh được mạnh mẽ. Vì thế cho ấn hành lưu thông vậy.

58. Lời tựa cho bài ký “Địa Tạng Bồ-tát cứu mẹ trong kiếp xưa”

(Năm Dân Quốc 17 - 1928)

¹⁸² Quyền vị Bồ-tát là những vị Bồ-tát chứng ngộ giáo pháp thuộc Quyền Đại thừa. Gọi là Quyền Đại thừa (hay Đại thừa Quyền giáo, hoặc Quyền giáo Đại thừa) vì những giáo pháp ấy do phương tiện quyền xảo (quyền biến, khéo léo) của chư Phật lập ra nhằm tùy thuận căn cơ, hòng khơi gợi, dẫn dắt căn cơ từ Tiểu thừa hướng về Đại thừa, chứ chưa phải là giáo pháp Đại thừa thật sự (Thật Đại thừa), hoặc chưa phải là giáo pháp Nhất thừa tối hậu.

Tâm chúng sanh và tâm Phật chẳng hai, kẻ chẳng thể làm Phật thường làm chúng sanh là vì chính họ không có tuệ lực, chẳng thể giác ngộ, lại không được thiện tri thức chỉ dạy. Do vậy dùng diệu tâm sẵn có Phật tánh để làm căn bản khởi hoặc tạo nghiệp, đến nỗi trái vô lượng kiếp luân hồi lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra, chẳng đáng buồn ư? Vì thế, đức Thế Tôn ta lúc mới thành Chánh giác, lên cung trời Đao-lợi, vì mẹ thuyết pháp, muốn khiến cho hết thảy chúng sanh đều mong báo ân cha mẹ, liền đặc biệt nêu rõ chuyện Địa Tạng Bồ-tát trong kiếp xưa do cứu mẹ nên rộng phát thệ nguyện Bồ-đề làm thuyền bè vượt biển khổ cho chúng sanh đời vị lai. Trọn bộ kinh văn lý sự rõ ràng tường tận, văn từ thoảng đạt rõ rệt. Hai chuyện ngài Địa Tạng cứu mẹ trong ấy càng cho thấy rõ những nghĩa lý “tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Tâm này làm chúng sanh, tâm này là chúng sanh” và “tâm tạo được nghiệp thì tâm chuyển được nghiệp. Tâm chẳng thể chuyển được nghiệp thì nghiệp sẽ trói buộc tâm”. Thật có thể nói là người dẫn đường nơi nẻo hiểm, là đuốc tuệ nơi ngõ tối, là kho báu cho kẻ nghèo thiếu, là thóc gạo trong năm đói kém, khiến cho hết thảy chúng sanh mê muội mau được giác ngộ, hết thảy những đứa con hiếu thuận có được sự thừa. Lợi ích của kinh chẳng thể tuyên nói được!

Từ khi đức Phật nói kinh này xong, phạm tại Tây Thiên, Đông Độ, những người đọc kinh này tâm được hưng khởi kể sao cho xiết! Cư sĩ Phụng Trì xót mình chưa thể hiếu dưỡng với mẹ, truy niệm ân đức, ôm hận suốt đời, nguyện khắp những kẻ làm con trong thế gian tùy thời tùy sự để trọn đạo hiếu, nghĩ đến ân sâu cù lao ắt sẽ làm sao cho cha mẹ ta được rớt ráo yên ổn nơi bảo sở mới thôi! Do vậy dùng tâm chí thành niệm thánh hiệu Phật, kiêm dùng lòng cung kính giữ vẹn luân thường, tận hết thiên chức của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, dùng công đức ấy để giúp cho cha mẹ ta được lợi ích, quyết mong sao cha mẹ còn sống thì nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, phước thọ tăng cao, trí tuệ mở mang, khi khuất núi thì thần thức siêu thăng cõi tịnh, nghiệp trả lại trần lao, chứng Vô sanh nhẫn, lên địa vị Bất thoái. Lại phải biết: Hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ, là chư Phật vị lai, hãy nên dùng tâm đại Bồ-đề tùy thuận cơ nghi vì họ tuyên nói và cứu vớt, ngõ hầu trên khế hợp tâm Phật, dưới phù hợp nguyện của chính mình. Gió từ vừa dấy, sát nghiệp liền tiêu, sẽ thấy lễ nghĩa, nhân nhượng hưng thịnh, can qua dứt bật vĩnh viễn, phong tục tốt đẹp, thiên hạ hòa bình.

59. Lời tựa cho nghi thức niệm tụng của đạo tràng chuyên tu Tịnh độ Linh Nham Sơn Tự

(Năm Dân Quốc 27 - 1938)

Nghe Di-đà thệ nguyện, dạy chúng sanh phương hướng “tâm làm, tâm là” thích hợp khắp chín giới. Pháp môn Tịnh độ là đạo thành thủy thành chung của Như Lai, thỏa thích lớn lao bản hoài của Phật. Phật, tổ xuất thế đều lập pháp thuận theo cơ nghi, kẻ độn căn đời mạt nên chọn lấy pháp vừa khế lý lại vừa khế cơ để chuyên ròng dốc sức, ngõ hầu nương theo Phật từ lực, vượt ngang ra khỏi tam giới, ngay trong một đời này giải quyết xong xuôi đại sự sanh tử chẳng thể dễ dàng giải quyết trong trăm ngàn vạn kiếp. Linh Nham là ngôi chùa cổ được khai sáng từ thời Đông Tấn, trải các đời Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy, Đường, bao lượt được sắc tu¹⁸³. Những vị trụ trì xưa kia phần nhiều chẳng thể tra cứu được, còn những vị trụ trì đời Tống phần lớn là bậc đại lão nhà Thiền, vì thế đạo phong đứng đầu miền Giang - Chiết. Sau đây mãi đến tận đầu đời Thanh vẫn cứ như vậy, [lịch sử truyền thừa của nhà chùa] đã được ghi chép trong sách vở, ở đây không cần phải ghi cặn kẽ.

Gặp loạn Hồng Dương, chùa cháy tan hoang, vị tăng tên Niệm Thành ở trong tháp báu, gặp đúng lúc ông Bành Cương Trực lên chơi núi, chuyện trò hợp ý, bèn tra xét rõ ràng ruộng đất. Nhân đây dựng hơn mười gian điện đường, nhưng vẫn chưa sắp xếp tăng sĩ tu hành nơi đây. Đến đời Tuyên Thống, vị tăng sống ở đây do bị mất y, đánh làm người lui tới. Người dưới núi bèn kéo nhau đến hỏi tội, ông tăng liền bỏ trốn. Tất cả đồ đạc trong chùa đều bị những kẻ kéo đến dọn sạch. Vị hương thân là Nghiêm Lương Xán do thấy danh sơn vô chủ, bèn bảo vị tăng chùa Bảo Tạng là Minh Hú thỉnh thầy vị tăng ấy là hòa thượng Chân Đạt đến tiếp nhận. Hòa thượng Chân Đạt phát nguyện sau này tìm được người thích hợp sẽ giao cho người ấy chuyên tu pháp môn Tịnh độ. Lập ra cách thức chẳng giống với những nơi khác, chuyên nhất niệm Phật, nhất loạt chẳng thực hiện hết thảy Phật sự mang tính cách thù tiếp. Bắt đầu từ năm Dân Quốc 15 (1926), hơn mười năm qua, nghiêm nhiên trở thành một đạo tràng lớn mà chẳng cảm sỗ hóa duyên.

Mỗi ngày tu trì chẳng khác gì đả Phật thất. Khi mở Phật thất chỉ thêm lễ cúng dường Phật, hồi hướng trước bàn linh mà thôi. Bất luận thí chủ thỉnh bao nhiêu vị

¹⁸³ Chùa được triều đình xuống chiếu cấp tiền trùng tu hay cử người đứng trông nom trùng tu thì gọi là “sắc tu”.

tăng tham dự niệm Phật đều là cả chùa cùng niệm, đem số tiền cúng dường của thí chủ với ý định mời bao nhiêu vị tham dự niệm Phật chia đều cho cả chùa. Vì thế chẳng lập danh sách những vị tăng được mời tham dự Phật thất, do không lập danh sách nên không bị ty nạnh “ghi tên người ta mà chẳng ghi tên tôi”. Nếu làm Phật sự thù tiếp các nơi thì chánh khóa (khóa tụng chánh yếu) của chùa ắt bị gián đoạn. Khi Linh Nham đả Phật thất, công khóa chỉ có tăng thêm chứ không giảm. Vì thế tuy công khóa nghiêm ngặt, nhưng mỗi kỳ Phật thất số người đến ghi danh thường là ba bốn chục, chỉ có mấy người bỏ đi mà thôi. Ăn uống giống hệt nhau, không phân biệt chủ, khách, hay người làm công. Chùa này đúng là chùa thập phương:

1. Trụ trì bất luận là Thiên Thai, Hiền Thủ, Lâm Tế, Tào Động, chỉ lấy “giới hạnh tinh nghiêm, tin sâu pháp môn Tịnh độ” làm chuẩn. Chỉ truyền hiền, chẳng truyền pháp¹⁸⁴ để dứt thói tệ pháp quyền riêng tư.

2. Truyền thừa trụ trì luận theo thứ tự, chẳng luận theo thế hệ, để tránh thói tệ bậc cao đức phải ở dưới kẻ đức hạnh tầm thường.

3. Không truyền giới, không giảng kinh, để khỏi bị chèo kéo, dao động, nhiễu loạn chánh niệm. Trong chùa tuy hằng ngày thường giảng, nhưng chẳng thăng tòa và níu kéo người ngoài đến nghe.

4. Chuyên nhất niệm Phật, trừ đả Phật thất ra, nhất loạt không làm hết thầy Phật sự thù tiếp.

5. Bất luận là ai chẳng được thu nhận, thế độ đồ đệ trong chùa.

Trong năm điều hễ trái một điều nào, lập tức ra khỏi chùa. Khóa tụng sớm tối phần lớn giống như công khóa thông thường, nhưng cũng có chỗ khác biệt. Người mới đến nếu không có kinh sách để xem, chắc là sẽ hiểu lầm. Vì thế giám viện là Diệu Chân đại sư tính sắp xếp, ấn hành, cây tôi viết lời tựa. Do vậy tôi lược thuật duyên khởi như vậy đó.

60. Lời tựa cho cuốn Vạn Niên Bạ¹⁸⁵ của Linh Nham Sơn Tự

(Năm Dân Quốc 21 - 1932)

¹⁸⁴ Ý nói: Chỉ truyền ngôi trụ trì theo đức hạnh của người đáng làm trụ trì, chứ không vì người ấy thuộc cùng sơn môn hay là pháp quyền mà truyền ngôi trụ trì.

¹⁸⁵ Vạn Niên Bạ: Sổ ghi tài sản, đồ vật trong một ngôi chùa.

Chùa Linh Nham do thiền sư Bảo Chí¹⁸⁶ đời Lương khai sơn, Trí Tích Bồ-tát¹⁸⁷ trùng hưng, là cuộc đất đạo tràng thù thắng được nhiều đời cao tăng thuộc các tông Thiền, Giáo, Luật trụ trì. Pháp môn Tịnh độ là pháp môn thù thắng vừa tiểu vừa đại, vừa cạn vừa sâu, hết sức bình thường nhưng hết sức đặc biệt lạ lùng: thoát khỏi sanh tử ngay trong một đời này! Cách tu dễ dàng nhất, lợi ích sâu rộng nhất. Nơi cuộc đất tối thắng này, tu pháp môn nhiệm nhất này, nếu không phải nhiều kiếp vun bồi há được gặp gỡ ư? Nhưng muốn tu hạnh thù thắng ắt phải nhờ vào các món vật cần dùng. Vì thế, trên là kinh tượng và các món đồ vật, mỗi mỗi phải sắm sửa đầy đủ thì mới có thể thẳng đường tu tập không trở ngại. Nhưng đạo tràng tồn tại vĩnh viễn muôn đời, người thì mấy chục năm đã đổi thay. Tất cả những thứ có được này, nếu không ghi chép vào sổ, lâu ngày có thể bị mất mát. Hơn nữa, qua bao lần thay đổi, cũng không thể truy xét được nguồn gốc ban đầu.

Do vậy mỗi món đều được ghi lại để phàm những ai sống trong chùa này và làm trụ trì, làm giám viện, thấy những vật này, tâm liền tự suy nghĩ: “Những vật này là những vật cần dùng để giúp chúng ta tu trì pháp môn Tịnh độ ngõ hầu tự lợi lợi tha, để cùng sanh về thế giới Cực Lạc, phải yêu mến như thịt nơi thân mình, giữ gìn như tròng mắt. Chẳng phải là keo tiếc các vật mà chính là kính trọng tấm lòng thành trợ đạo của thí chủ để mong ít cần, bớt dùng, đạo nghiệp sẽ dễ thành tựu. Hết thấy pháp môn nếu chẳng đoạn sạch phiền hoặc sẽ chẳng thể thoát lìa sanh tử, chỉ có pháp Tịnh

¹⁸⁶ Bảo Chí (418-514), thường được gọi là hòa thượng Chí Công, người huyện Kim Thành, xuất gia từ nhỏ, theo học với Tăng Kiệm chùa Đạo Lâm, chuyên tu thiền. Trong niên hiệu Thái Thủy (466-471), sư lên kinh đô, không ở nơi nào cố định, thường làm thơ lời lẽ phảng phất sấm ký, dân chúng đua nhau đến hỏi chuyện họa phúc. Tề Vũ Đế cho là sư dối gạt dân chúng bèn bắt giam, nhưng vẫn thấy sư hằng ngày ngao du ngoài chợ, vào trong ngục khám xét, vẫn thấy sư nằm khểnh trong đó. Vua nghe tin, bèn cho đón vào cúng dường trong hoa viên, cấm không cho ra ngoài, nhưng sư vẫn ngao du các chùa Long Quang, Kế Tân, Hưng Hoàng, Tịnh Danh v.v.. Đến thời Lương Vũ Đế lập quốc, mới giải tỏa lệnh cấm, thường vời sư đến hỏi đạo rất tương đắc. Khi sư thị tịch, Đế phong tặng thụy hiệu Quảng Tế Đại Sư, lần lượt các đời sau truy tặng Đạo Lâm Chân Giác Bồ-tát, Từ Ứng Huệ Cảm Đại Sư, Phổ Tế Thánh Sư Bồ-tát, Nhất Tế Mật Chân Thiền Sư v.v.. Do lời thỉnh của Lương Vũ Đế nhằm cầu siêu giải nạn cho phu nhân Hy Thị, sư đã tập hợp danh tăng soạn ra bộ Từ Bi Đạo Tràng Sám Pháp (thường được gọi là Lương Hoàng Sám).

¹⁸⁷ Trí Tích Bồ-tát nói ở đây là một vị cao tăng Ấn Độ. Theo Linh Nham Ký Lược, sư từ Ấn Độ sang Trung Hoa vào cuối đời Tấn, trùng hưng chùa Linh Nham tại Tô Châu, rất nổi tiếng về tài đức. Theo truyền thuyết có một bà lão nghèo không có gì cúng dường, đem một miếng nhựa cây sơn dâng cho sư, sư vẫn vui vẻ nhận lấy, nhờ đó bà được khai ngộ. Do vậy, sau này vào ngày sinh nhật sư, chùa vẫn cử hành lễ kỷ niệm, gọi là Giác Tất Hội. Cũng theo truyện ký của chùa, đại sư nhiều lần thị hiện hóa độ tăng tục rất đông.

độ này chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, liền có thể dựa vào cảnh giới Phật. Có được đạo tràng tối thắng này, lại tu pháp môn tối thắng này, há chẳng nên càng thêm mến tiếc, giữ gìn, quý trọng những vật cần dùng này ư? Nếu chẳng càng thêm giữ gìn, quý trọng tức là phung phí vật của trời, phụ ân thí chủ. Dầu có tu trì cũng khó được tương ứng cùng Phật, vì sao? Do kẻ ấy chỉ cốt sao mình được yên ổn, thanh thoi, mặc kệ công sức người khác chế tạo, người xua sắp đặt, lo liệu, đủ mọi nỗi khó khăn. Nguyên do sấm sửa những thứ ấy là để cho ta tu đạo hồng liễu sanh tử. Đã coi thường những vật này, chẳng biết mến tiếc, tâm hạnh ấy hoàn toàn chẳng tương ứng với đạo, làm sao cảm được Phật xót thương nhiếp thọ để được thoát ngay khỏi biển khổ sanh tử!” Phàm những người chân thật tu hành ắt phải nhận được những điều người khác chẳng thể nhận, hành được những điều người khác chẳng thể hành, chịu nhọc nhằn thay cho người, thành tựu điều tốt đẹp cho người. Được như thế thì tương ứng với đạo, tương ứng với Phật. Nguyện những người sống trong chùa này ai nấy đều cố gắng.

61. Lời tựa cho Linh Nham Khai Thị Pháp Ngữ

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

Linh Nham chính là cuộc đất thánh đạo tràng trời tạo đất dựng. Ngô Vương Phù Sai thiếu đức, chẳng tuân theo đạo “chánh tâm thành ý, siêng năng việc nước, yêu dân” của các vị tổ là Thái Vương, Thái Bá, Trọng Ung¹⁸⁸, chỉ chuộng dâm lạc, bèn dựng cung Quán Oa¹⁸⁹ nơi này, mắc tội với trời đất và tổ tông cũng lớn lắm. Cung điện xây xong được mấy năm, nước mất, thân chết, chẳng đáng buồn ư? Đến đời Tấn, Tư không Lục Ngoạn¹⁹⁰ xây nhà trên đó, sau nghe Phật pháp, bèn biến nhà

¹⁸⁸ Thái Bá và Trọng Ung là hai người con lớn của Thái Vương. Theo sách Hoài Nam Tử, vì muốn nhường ngôi cho người em út là Quý Lịch, tức cha của Văn Vương, hai người này liền giả vờ đi hái thuốc rồi trốn xuống miền Nam sông Dương Tử, lập ra nước Ngô. Nước Ngô bị Câu Tiễn nước Việt thôn tính và diệt vong dưới thời Phù Sai.

¹⁸⁹ Sau khi Câu Tiễn bị Phù Sai đánh bại nhằm trả thù mối nhục giết cha là Hạp Lư, theo mưu kế của Phạm Lãi, Câu Tiễn đã dâng mỹ nhân Tây Thi cho Phù Sai. Phù Sai bèn xây cung Quán Oa cho nàng Tây Thi ở. Cô Tô Đài cũng thuộc quần thể cung điện này. Khi Câu Tiễn phục quốc, đánh bại Phù Sai, diệt nước Ngô đã cho phóng hỏa đốt trụi cung Quán Oa. Chùa Linh Nham được xây ngay trên nền cũ cung Quán Oa.

¹⁹⁰ Tư không là một chức quan được lập ra từ thời Tây Chu, là một trong ngũ quan (Tư mã, Tư khấu, Tư sĩ, Tư đồ). Chức quan này chuyên trông nom về việc thủy lợi, xây dựng. Từ sau thời Hán trở đi, chức quan này không còn tồn tại, mà được thay thế bằng danh từ Công bộ thượng thư. Lục

thành chùa, đây chính là duyên khởi khai sơn đầu tiên của Linh Nham vậy. Đến đời Lương, ngài Bảo Chí Công cầu xin Vũ Đế, chùa lại được trùng hưng. Trí Tích Bô-tát nhiều lượt hiện thân tượng vẽ¹⁹¹, hiển thị đạo nhiệm mầu, dẫn dắt kẻ tục còn đang mê. Đến đời Đường, em trai Tể tướng Lục Tượng Tiên¹⁹² (người Tô Châu) mắc bệnh ở kinh đô, ngự y bó tay. Một vị tăng xin gặp, nói có thể trị được bệnh, bảo lấy một chén nước sạch, hướng vào đó niệm chú mấy câu, ngậm nước phun ra, lập tức khỏi hẳn bệnh. Dem mọi vật đáp tạ sư đều không nhận, nói: “Tôi tên là Trí Tích. Sau này ông trở về Tô Châu, nên đến núi Linh Nham gặp gỡ tôi.” Về sau người ấy đến núi hỏi thăm, không có ai tên là Trí Tích cả, tâm rất buồn bã, xem khắp các điện đường, thấy hình vẽ trên vách chính là vị tăng đã trị bệnh cho mình. Vì thế đặc biệt dựng điện Trí Tích, chùa lại được trùng hưng. Từ đời Tấn đến đời Đường, danh tánh tất cả trụ trì đều chẳng thể tra cứu được.

Đến đời Tống, phàm những vị trụ trì núi này đều là bậc đại lão luyện trong Tông môn, đạo tràng Linh Nham bèn trở thành đứng đầu Giang Tô; do đất thiêng nên mới có người tài giỏi, do người tài giỏi nên đất mới thiêng. Cuối đời Minh, đầu đời Thanh, chùa lại hưng khởi mạnh mẽ, hai đời vua Thánh Tổ (Khang Hy) và Cao Tông (Càn Long), mấy lần tuần du phương Nam đều nghỉ tại hành cung¹⁹³ trên núi. Trong cơn loạn Hồng Dương, chùa bị đốt cháy gần như hết sạch. Về sau đại sư Niệm Thành trụ trong lòng tháp, nhằm đúng khi ông Bành Cung Bảo Ngọc Lâm đi chơi núi gặp gỡ,

Ngoạn (278-341), còn gọi là Lục Lưu, tự Sĩ Dao, người Ngô Quận (nay là Tô Châu, tỉnh Giang Tô), là một thi nhân nổi tiếng thời Đông Tấn, từng giữ chức Tư không.

¹⁹¹ Ngoài câu chuyện được nhắc đến trong bài tựa này, ngài còn nhiều lượt thị hiện chữa bệnh cho người khác. Những ai hỏi đến trụ xứ, ngài đều bảo đến chùa Linh Nham tìm. Những người được lành bệnh đều nhận ra vị tăng vẽ trên vách chính là người đã chữa bệnh cho họ. Vì thế tổ mới nói “nhiều lượt hiện thân tượng vẽ”.

¹⁹² Lục Tượng Tiên (665-736), người Ngô Huyện, tỉnh Giang Tô, làm Tể tướng đời Đường Duệ Tông. Cha ông từng giữ chức Tể tướng dưới thời Vũ Tắc Thiên. Ông thoát đầu giữ chức Tham quân đất Dương Châu, được thăng lên làm Tể tướng năm Cảnh Vân thứ hai (711). Trước khi ông làm Tể tướng từng giữ chức Trưởng sử thuộc Đô đốc phủ Ích Châu, quan Tư mã phủ ấy là Vi Bảo Trinh xúi giục: “Tôi nghĩ minh công nên dùng hình phạt nghiêm khắc để ra oai, nếu không, sợ rằng những kẻ dưới quyền lười nhác, không biết kiêng sợ!” Tượng Tiên đáp: “Nếu ông bảo cai trị ngay thẳng thì còn được, chứ dùng hình phạt khốc liệt để tạo oai phong, tổn người lợi mình ích gì? Đây là việc làm của kẻ thiếu nhân từ đấy.” Ông đối xử với thuộc hạ rất nhân từ, rộng lượng, thường nói: “Thiên hạ vốn vô sự, chỉ có kẻ tầm thường tự khuấy động lên, khiến cho sự tình càng thêm rối, chỉ cần giữ thái độ trầm tĩnh thì hết thấy sự việc sẽ thành đơn giản ngay.”

¹⁹³ Hành cung: Cung điện dành cho vua ở tại các địa phương.

bền tra xét ruộng đất chuộc lại hơn 600 mẫu, dựng hơn mười gian điện đường, nhà cửa.

Đến năm Tuyên Thống thứ ba (1911), trụ trì là Đạo Minh vốn là quân nhân xuất gia, tánh tình thô bạo, do mất y ca-sa mà đánh đập người tới chùa quá đáng, người dưới núi vùng lên đánh đuổi, Đạo Minh bỏ trốn. Đồ đạc trong chùa đều bị khuân sạch, trở thành một ngôi chùa không ai ở. Đây chính là cơ hội để đạo tràng Linh Nham được phục hưng. Nếu không, giả sử như ông ta tận lực vâng giữ thanh quy, chắc chắn chùa chẳng thể trở thành đạo tràng tịnh nghiệp duy nhất trong cả nước được. Họa phước dựa dẫm lẫn nhau, chỉ do con người khéo dụng tâm hay không mà thôi. Bắt nguồn từ việc thân sĩ vùng Mộc Độc là ông Nghiêm Lương Xán bảo nhà sư chùa Bảo Tạng là Minh Hú thỉnh thầy của vị sư ấy là hòa thượng Chân Đạt tiếp nhận trông nom chùa. Ngài Chân Đạt bèn phái người đến tiếp nhận, lại sai Minh Hú đứng trông nom tạm thời, ý muốn có người thích hợp sẽ biến chùa thành đạo tràng thập phương chuyên tu Tịnh độ. Năm Dân Quốc mười lăm (1926), pháp sư Giới Trần¹⁹⁴ đến đây, bèn giao cho ngài làm trụ trì. Tăng chúng thường trụ lấy 20 người làm hạn, trừ số tiền huê lợi mấy trăm đồng ra, hễ chi tiêu không đủ thì ngài Chân Đạt sẽ bù cho. Chẳng quyên mộ, chẳng làm pháp hội, chẳng truyền pháp, chẳng thu đồ đệ, chẳng giảng kinh, chẳng truyền giới, chẳng làm chuyện kinh sám thù tạc¹⁹⁵, chuyên nhất niệm Phật. Khóa tụng mỗi ngày đều giống như trong khi cử hành Phật thất thông thường. Trụ trì bất luận Thiên Thai, Hiền Thủ, Lâm Tế, Tào Động đều được, chỉ quan tâm đến thứ tự, không quan tâm đến thế hệ truyền thừa¹⁹⁶, chỉ cần là

¹⁹⁴ Pháp sư Giới Trần (1878-1948) là người xứ Hán Xuyên, tỉnh Hồ Bắc, họ Khuru, tự là Dịch Ngô, xuất gia năm 19 tuổi, chuyên tu khổ hạnh, sống trong núi Chung Nam, toàn tâm toàn ý tu thiền. Sau sư chuyên tu niệm Phật. Dưới thời Quang Tự, sư vào núi Kê Túc ở Vân Nam chuyên tu pháp ban-chu niệm Phật. Năm Dân Quốc thứ ba (1914), sư đến mở Đại học Hoa Nghiêm tại Hàng Châu. Về sau sư bế quan tại chùa Phật Thán ở Thường Thục, ngâm tu tịnh nghiệp. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), cùng với các vị Liễu Trần, Từ Châu v.v. lập Đại học Hoa Nghiêm tại chùa Cửu Liên ở Hán Khẩu. Sư từng đảm nhiệm trụ trì chùa Linh Nham một thời gian. Sư thị tịch vào năm Dân Quốc 37 (1948) tại chùa Cùng Trúc ở Côn Minh, thọ 71 tuổi, pháp lạc 53 năm. Trước tác gồm Hoa Nghiêm Nhất Trích, Hoa Nghiêm Thất Xứ Cửu Hội Đồ, Liên Xã Minh Huân, Tịnh Tông Yếu Ngữ v.v..

¹⁹⁵ Tức là không làm các pháp sự cầu an, cầu siêu, giải hạn, đảo bệnh, cầu phước, cúng sao, chúc thọ v.v. như các đạo tràng khác.

¹⁹⁶ Nguyên văn “chỉ luận thứ số, bất luận đại số”: Quan tâm đến thứ tự (tức tuổi tác, mức độ tu chứng, trì giới), chứ không quan tâm đến thế hệ truyền thừa. Tức là tăng chúng trong chùa được xếp bậc theo người tu hành lâu năm, giới hạnh tinh nghiêm, chứ không vì người ấy thuộc thế hệ

người giới hạnh tinh ròng, trì giới nghiêm ngặt, thông hiểu giáo lý, tin sâu Tịnh độ là được. Nếu những mặt khác đều khá, nhưng chẳng chuyên chú Tịnh độ thì quyết chẳng thể mời làm trụ trì.

Từ đây trở đi, người thường trụ ngày càng nhiều, phòng ốc chẳng đủ, trong năm Dân Quốc 21 (1932), trước hết dựng niệm Phật đường, bốn năm năm qua, liên tục xây cất. Nay điện Đại Hùng đã khánh thành, chỉ còn thiếu điện Thiên Vương chưa xây, nhưng cũng chẳng quan trọng chi lắm. Tháng 2 năm Dân Quốc 19 (1930), Quang đến đây, tháng 4 liền bế quan tại chùa Báo Quốc, đã hơn sáu năm rồi. Do già cả, bất tài, toan chết già trong nơi bế quan. Vì các vị trong hội Phật giáo mời mọc, xin Quang trong pháp hội Hộ Quốc Túc Tai¹⁹⁷ mỗi ngày giảng khai thị một lần, tỏ rõ lý “nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo”, đề xướng pháp “tín nguyện niệm Phật, liễu thoát ngay trong đời này” để cứu vãn thế đạo lòng người. Cố sức từ chối chẳng được, bèn vào ngày mùng 6 tháng này ra khỏi chỗ bế quan đến đất Hồ (Thượng Hải), nhằm trọn nghĩa vụ hộ quốc của tôi. Ngày 15 viên mãn, ngày 16 vì họ nói tam quy ngũ giới.

Sáng nay theo đường tắt từ đất Hồ trở về đây, nhưng các vị cư sĩ ở thành Tô Châu¹⁹⁸ đã đến trước rồi. Lên núi, trông thấy điện vũ nguy nga, tăng chúng thanh tịnh, hòa thuận, khôn ngăn hoan hỷ tột bậc. Do được giám viện là đại sư Diệu Chân mời vào pháp đường, vì các vị diễn nói pháp yếu¹⁹⁹ Tịnh độ. Nếu chỉ nói pháp yếu, chẳng nêu lai lịch và các nhân duyên hiện thời thì kẻ ở người tới đều chẳng biết duyên do, chắc sẽ coi đạo tràng này giống hệt như các đạo tràng khác. Đối với người thông suốt rộng lớn thì không gì là chẳng được, nhưng với kẻ ngu độn như Quang,

trước hay sau mà coi trọng. Trong các đạo tràng khác, thứ tự truyền thừa rất được coi trọng. Chẳng hạn, một vị tăng mới xuất gia chưa được bao lâu nhưng vì là đệ tử của một vị ngang vai với thầy của vị trụ trì hay người thuộc thế hệ cao hơn, nên được coi là sư thúc, sư bá, thái sư thúc. Các vị tăng khác dù cao tuổi hơn, giới lập cao hơn nhưng thuộc vai vế thấp hơn, vẫn phải lễ kính vị tăng trẻ tuổi này.

¹⁹⁷ Hộ Quốc Túc Tai: Bảo vệ đất nước, chấm dứt tai nạn. Thông thường pháp hội Hộ Quốc Túc Tai thường bao gồm cầu nguyện cho quốc thái dân an, cầu siêu cho những oan hồn uổng tử. Theo truyền thống, thường tụng kinh Nhân Vương Hộ Quốc, Pháp Hoa và Kim Quang Minh, kết thúc bằng nghi thức Diệm Khẩu hoặc Vô Già Thủy Lục.

¹⁹⁸ Nguyên văn là Tô Thản. Người Hoa khi xưa thường gọi thủ phủ của một địa phương là Thản. Tô Thản là thủ phủ của đất Tô Châu, tức thành Tô Châu.

¹⁹⁹ Pháp yếu: Những chỗ quan trọng, cốt lõi của một pháp môn.

lại muốn thoát khỏi ba cõi ngay trong đời này, lên chín phẩm cõi kia thì chưa biết hướng về đâu. Do vậy trước hết thuật bày duyên khởi vậy.

62. Lời tựa cho Đại tạng kinh bản Tích Sa²⁰⁰ đời Tống được in theo lối ảnh ấn²⁰¹

(Năm Dân Quốc 25 - 1936)

Đại tạng kinh chính là huệ mạng của Như Lai, là mắt cho trời người, là đuốc trí trong đêm dài vô minh, là thuyền từ trong biển khổ sanh tử, là nguồn pháp để bậc tiên giác giác ngộ kẻ hậu giác, là gốc của đạo thế gian lẫn xuất thế gian. Nếu không phải đời trước đã trồng thiện căn, dù trải cả kiếp còn chưa được nghe tới danh tự, huống là được đích thân thừa sự cúng dường, thọ trì đọc tụng, nương theo đó mà tu tập cho đến khi được viên chứng ư? Pháp được nói trong Đại tạng chính là pháp sẵn có trong cái tâm của mười pháp giới, chúng sanh, Phật, phàm, thánh, nơi Phật chẳng tăng, nơi chúng sanh chẳng giảm, Phật do rốt ráo chứng nên thường hưởng pháp lạc thường - lạc - ngã - tịnh. Chúng sanh vì chưa ngộ nên ngược ngạo nương theo sức của diệu tâm này để trái giác hiệp trần, mê chân đuổi theo vọng, khởi tham - sân - si, tạo giết - trộm - dâm, vĩnh viễn ngụp lặn trong tam đồ lục đạo, trọn chẳng có thuở thoát ra. Tam thừa thánh nhân tuy có ngộ chứng, nhưng chưa đạt đến mức rốt ráo, vì thế vẫn chưa thể thụ dụng hoàn toàn. Đức Đại Giác Thế Tôn thương xót, thị hiện

²⁰⁰ Tích Sa Bản hay còn gọi là Tích Sa Tạng, gọi đầy đủ là Tích Sa Diên Thánh Viện Bản, là một trong năm loại bản in Đại tạng kinh thuộc đời Tống (Đại tạng kinh được tập thành và tu chỉnh trong nhiều đời. Hiện thời, bản Càn Long Đại tạng kinh được coi là bản hoàn chỉnh nhất của Đại tạng kinh Trung Hoa, nhưng đa phần các bản in Đại tạng kinh đều căn cứ vào bản đời Tống. Ngay cả Đại Chánh Tân Tu Đại tạng kinh - bản được coi là tiêu chuẩn của Đại tạng kinh Hán truyền hiện thời - cũng chủ yếu dựa vào bản đời Tống). Vào Đoan Bình nguyên niên (1234) đời Tống Lý Tông nhà Nam Tống, có thuyết nói là vào năm Bảo Khánh thứ nhất (1225), Triệu An Quốc, Pháp Âm, Hoằng Đạo v.v. đứng ra quyên mộ, khắc in Đại tạng kinh tại chùa Diên Thánh Viện ở phủ Bình Giang (thuộc Ngô huyện, tỉnh Giang Tô). Diên Thánh Viện về sau đổi tên thành Tích Sa Thiền Viện, nên bản in này được gọi là Tích Sa Tạng hay Tích Sa Bản. Cho mãi đến năm Chí Trị thứ hai (1322) đời Nguyên Anh Tông mới in xong, gồm 1.532 bản kinh, được chia thành 6.362 quyển.

²⁰¹ Ảnh ấn: Không rõ đây là kỹ thuật in như thế nào. Thông thường, chữ ảnh ấn dùng để dịch nghĩa chữ photocopy, nhưng mãi đến năm 1948, máy photocopy mới được sáng chế bởi Haloid Corporation dựa trên phát minh của Chester Carlson. Do vậy, ảnh ấn không thể là kỹ thuật photocopy như hiện thời. Từ điển Từ Hải chỉ giải thích sơ lược: “Ảnh ấn: Phương pháp in bằng cách chụp hình nguyên bản để chế bản in.”

sanh trong thế gian, thành Đẳng chánh giác, tùy cơ lập giáo, đối bệnh cho thuốc, để họ theo đường về nhà, trọn chẳng lập ra khuôn khổ nào khác. Với hàng đại căn (căn cơ Đại thừa) bèn nói thẳng đại pháp Nhất thừa, khiến họ nhanh chóng chứng được Vô sanh, với tiểu căn (căn cơ Tiểu thừa) bèn trước hết dạy nương theo những pháp môn quyền - tiệm để tu trì hòng vun bồi nền tảng bước vào Đại thừa, cuối cùng cho họ được nhận lãnh gia nghiệp, tiếp nối hưng thịnh dòng giống nhà Phật. Lời Phật dạy trong cả một đời được chia thành năm thời:

1. Thời Hoa Nghiêm: Chỉ nói đại pháp viên đốn nằm ngoài các giới²⁰². Trừ, người, Nhị thừa đều chẳng phải là pháp khí của thời này.
2. Thời A-hàm: Nói pháp tứ đế, thập nhị nhân duyên, quyền, tiệm, khiến cho họ vào trong hóa thành²⁰³.
3. Thời Phương Đẳng: Bàn trọn tứ giáo²⁰⁴ thích hợp khắp ba căn.
4. Thời Bát-nhã: Dùng diệu trí bát-nhã để trừ sạch tình kiến²⁰⁵ của phàm lẫn thánh.
5. Thời Pháp Hoa - Niết-bàn: Khai quyền hiển thật, khai tích hiển bản²⁰⁶, thọ ký trọn khắp ba căn để họ cùng được nhận lãnh của báu trong nhà sẵn có. Niết-bàn “phù

²⁰² Giới ở đây là pháp giới. Giáo pháp của kinh Hoa Nghiêm đã vượt ra ngoài mười pháp giới nên gọi là “nằm ngoài các giới”.

²⁰³ Hóa thành: Cái thành được biến hóa ra. Đây là một thí dụ được nói trong phẩm Hóa Thành Dụ của kinh Pháp Hoa: Một người dẫn đường dẫn mọi người đến chỗ có kho báu (bảo sở), đường xa gian nan, nguy hiểm, mọi người ngã lòng, muốn quay về, người dẫn đường bèn dùng thần thông biến hóa ra một cái thành lớn lao, tốt đẹp để mọi người vào đó, nghỉ ngơi, hồi phục sức khỏe rồi mới bảo cho mọi người biết đây chỉ là hóa thành, chỗ có kho báu rất gần, hãy mạnh mẽ lên đường. Cũng vậy, các quả vị thuộc Tiểu thừa giống như hóa thành do Phật phương tiện bày ra để người tu chứng đắc hòng làm cơ sở tấn tu đạo Nhất thừa.

²⁰⁴ Tứ giáo: Bốn loại lớn trong cách phân chia giáo pháp theo tông Thiên Thai, tức Tạng, Thông, Biệt, Viên.

²⁰⁵ Tình là những cảm xúc, ý niệm chấp trước, phân biệt, yêu - ghét, lợi - hại v.v. của chúng sanh, đôi khi còn gọi là “tình thức”. Tình kiến là những sự hiểu biết, nhận định dựa theo những cảm xúc, ý nghĩ, ý niệm phân biệt chấp trước ấy.

²⁰⁶ Khai quyền hiển thật: Chỉ ra những pháp đã lập trước kia là quyền biến, chưa thật sự là Nhất thừa, dạy rõ pháp Nhất thừa “hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều có khả năng thành Phật, không có ba thừa, ba thừa chỉ là giả lập tùy theo căn cơ để cuối cùng dẫn dắt chúng sanh về một Phật thừa”. Khai tích hiển bản: Chỉ rõ đâu là những sự thị hiện, chỉ rõ sự thật nơi quả địa. Chẳng hạn, Phật Thích-ca thị hiện thành tám tướng thành đạo trong cõi Sa-bà, thọ mạng 80 năm, nhằm khích lệ chúng sanh căn cơ hạ liệt tấn tu, hướng về Phật quả, đó là tích. Theo như phẩm Thọ Lượng đã dạy: Đức Thích-ca Mâu-ni Phật đã thành Phật từ rất lâu, thị hiện thành Phật trong các thế giới

luật đàm thường”²⁰⁷, là giáo huấn tối hậu để ba nghiệp thân khẩu ý đều cùng thanh tịnh như Phật, tam học giới định tuệ cùng được viên mãn như Phật.

Tổng hợp những pháp được nói thì có năm tông, tức là Luật, Giáo, Thiên, Mật và Tịnh. Năm tông này tuy tên gọi sai khác, nhưng lý thể là một. Hãy nên chuyên chú vào một môn, nhưng chớ nên sai lệch bỏ phế các môn khác. Như do bốn cửa vào được một thành, như do bốn mùa hợp thành một năm, những tông ấy mang công năng duy trì lẫn nhau, phụ trợ lẫn nhau, nếu chẳng phải là kẻ thấu hiểu sâu xa nguồn pháp sẽ chẳng thể nào biết được. Trong ấy, luật là nền tảng ban đầu để nhập đạo, dù đạt đến viên mãn Bồ-đề vẫn phải nương tựa vào đó. Tịnh là pháp môn phổ độ, dầu cho đã chứng Đăng giác vẫn phải nên hướng lòng về. Chúng sanh đời mạt nếu không do pháp này sẽ chẳng độ được! Bậc trí của các tông hãy gấp nên gìn giữ. Nếu không, tất cả tu trì chỉ trở thành cái nhân lành để thành quả Phật trong đời vị lai, muốn ngay trong đời này hể siêu thoát liền vào thẳng địa vị Như Lai, e rằng chẳng phải dễ dàng đâu! Ngoài các kinh này ra, tất cả các luật Đại Tiểu thừa đều thuộc vào năm thời, do vậy chẳng cần phải nói riêng. Ngoài kinh luật ra còn có các bộ luận do các vị Bồ-tát, tôn giả soạn ra để thích kinh, tông kinh²⁰⁸, nhằm hiển lý, phá hoặc, hàng ma, chế phục ngoại đạo, ngõ hầu sự giáo hóa của đức Phật sẽ nhờ vào đây mà được phổ biến khắp trong và ngoài nước. Đây là Tam tạng kinh - luật - luận từ Phật quốc (Ấn Độ) được dịch ra.

Đến khi đại giáo được truyền sang phương Đông, bậc pháp tượng²⁰⁹ xuất hiện đông đảo, trước thuật của các tông đẹp đẽ khôn kể xiết. Những tác phẩm được đưa

khác, trong mỗi cõi thị hiện dưới danh hiệu khác, thọ mạng khác biệt, dùng những Phật sự khác biệt để thành tựu chúng sanh, đó là bốn.

²⁰⁷ “Phù luật đàm thường”, còn gọi là “phù luật thuyết thường”, là một dụng ngữ của tông Thiên Thai nhằm mô tả giáo thuyết của kinh Niết-bàn. Theo đó, đức Phật thương xót kẻ độn căn đời mạt dễ khởi lên tri kiến đoạn diệt, hủy phá giới pháp, quên mất giáo thừa, cho Như Lai là vô thường, ham thích đọc tụng sách vở, kinh điển của ngoại đạo, nên đánh mất cả giáo pháp lẫn giới luật. Vì thế trong kinh Niết-bàn, đức Phật giảng giải cặn kẽ giới luật để phù trợ giới môn (phù luật), cũng như nói đến lý Phật tánh thường trụ (đàm thường) nhằm phụ trợ giáo thừa.

²⁰⁸ Thích kinh: giải thích tường tận ý nghĩa kinh theo từng câu, từng đoạn. Còn tông kinh là chỉ chú trọng giải thích pháp được giảng dạy, được đề cao bởi bộ kinh đó. Chẳng hạn, Thập Địa Kinh Luận là thích kinh, kinh Vô Lượng Thọ Ưu-ba-đề-xá (Vãng Sanh Luận) là tông kinh.

²⁰⁹ “Tượng” nghĩa là thợ cả, thợ khéo. Ví như thợ khéo chế thành đồ dùng hữu ích, khéo léo, nên bậc tôn đức hoàng dương đạo pháp khiến cho giáo pháp được hoằng truyền mạnh mẽ, chúng sanh được lợi ích vô cùng sẽ được gọi là “pháp tượng” hoặc “tông tượng”.

vào Đại tạng chỉ là một hay mười phần trong trăm ngàn phần mà thôi. Trước đời Đường, để có được kinh sách đều phải sao chép. Thời Ngũ Đại, Phùng Đạo²¹⁰ xướng xuất việc in bằng cách khắc ván. Đến đời Tống, sách Nho, kinh Phật đều in bằng lối khắc ván. Đại tạng kinh bản đời Tống có mười mấy loại, nhưng ni sư Hoằng Đạo²¹¹ thuộc Tích Sa Diên Thánh Viện chặt tay để xướng, khắc thành bản in Đại tạng này có thể nói là bậc trượng phu trong nữ giới, khiến cho mọi người khâm phục, bội phục. Từ đời Tống đến nay, hơn 700 năm, do cõi đời nhiều phen loạn lạc, những kinh đã được in phần nhiều bị mất đi. Hai chùa Ngọa Long và Khai Nguyên ở Thiểm Tây may còn giữ được. Cư sĩ Chu Tử Kiều sang đất Thiểm lo việc phát chẩn trông thấy, bèn cùng với đại cư sĩ đất Hồ (Thượng Hải) thương lượng in lại bằng phương pháp ảnh ấn, nhọc nhằn vất vả khó thể nói trọn được. Nay sắp hoàn thành đợt đầu, sai Quang viết lời tựa. Quang là một ông tăng chẳng hiểu biết gì, chỉ biết cơm cháo, làm sao có thể nêu tỏ sự quan trọng của Đại tạng, đành nhờ vào những gì hằng ngày

²¹⁰ Phùng Đạo (822-954), tự là Khả Đạo, sanh vào năm Trung Hòa thứ hai đời Đường Hy Tông, mất năm Hiền Đức nguyên niên đời Hậu Chu. Ông này làm quan suốt năm triều đại thuộc tám dòng họ khác nhau, trải qua mười ba đời vua, nên những sử gia thời cổ thường gọi ông ta là hạng “thò lò muôn mặt”. Theo Ngũ Đại Hội Yếu, trước đó đã có những kỹ thuật khắc ván để ấn loát lẻ tẻ trong dân gian, chứ đa phần vẫn sử dụng lối chép tay. Những kinh điển quan trọng của Nho gia được các vương triều cho khắc lên đá, gọi là Thạch Kinh, nổi tiếng nhất là Khai Thành Thạch Kinh. Tháng 2 năm Trường Hưng thứ ba (933) đời Hậu Đường, Tể tướng Phùng Đạo dâng sớ kiến nghị triều đình đứng ra triệu tập những Nho sĩ học rộng sao chép lại những bản thạch kinh thật cẩn thận bằng lối chữ khải cho thật dễ đọc, rõ ràng, giáo chính kỹ càng, trước khi tuyển thợ khéo khắc những bản kinh ấy lên gỗ, để in ra với số lượng lớn ban cho các châu huyện. Do ảnh hưởng của việc này, việc ấn loát bằng phương pháp mộc bản được tổ chức quy mô và nề nếp, đồng thời xuất hiện những nhà in chuyên nghiệp, khiến cho sách vở được in với giá rẻ hơn, số lượng nhiều hơn, đồng thời những kinh điển được tiêu chuẩn hóa.

²¹¹ Điều rất lạ lùng là sử sách không ghi chép gì thân thế, hành trạng của ni sư Hoằng Đạo ngoài chuyện ngài chặt tay cúng dường pháp. Một số tài liệu cho biết ni sư Hoằng Đạo, pháp danh là Pháp Trân, pháp tự Hoằng Đạo, do thấy kinh tạng bị thất lạc sai sót, đã không tiếc công sức vận động, quyên mộ khắc in Đại tạng. Vào khoảng năm Bảo Khánh thứ nhất đời Tống Lý Tông, ni sư Hoằng Đạo đã mời tứ chúng đến tuyên nói công đức in kinh để mạng mạch Phật pháp được lưu truyền, rồi đối trước đại chúng tự chặt tay trái để cúng dường khiến tứ chúng hết sức cảm động hết lòng hỗ trợ công việc ấn loát. Tuy vậy, theo Nguyên Nhất Thống Chí, Thuận Thiên Phủ Chí, quyển một, thì Hoằng Đạo và Pháp Trân là hai vị khác nhau, nhưng đều cùng chặt tay để kêu gọi in Đại tạng kinh, bản của Pháp Trân là Kim Tạng (Đại tạng kinh được in dưới đời Kim), còn bản của ni sư Hoằng Đạo là Tích Sa Tạng. Cũng theo sách ấy, ni sư Pháp Trân thọ giới tại chùa Thánh An ở Yên Kinh (Bắc Kinh), chùa này được đổi tên thành Đại Diên Thánh Tự trong niên hiệu Tuyên Thống đời Kim Hy Tông, còn ni sư Hoằng Đạo thì trụ trì chùa Tích Sa, chùa này có tên cũ là Diên Thánh Thiền Viện, nên hai vị này thường bị đồng nhất với nhau.

đã quen nghe, gom góp lẫn lộn lại để viết cho xong trách nhiệm. Điều nghĩa của toàn bộ Đại tạng người đọc sẽ tự biết, dầu chưa thể đọc trọn khắp, nhưng hồi quang phản chiếu nơi các pháp “căn, trần, thức, đại” hiện tiền sẽ đích thân chứng được viên thông, cần chi phải viết tràn lan cho nhiều để gai mắt người nhả ư ?

63. Đề từ và lời tựa cho bộ Gia Ngôn Lục

(Đề từ được viết vào tháng 2 năm Dân Quốc 16 (1927) dành cho bản in bằng loại giấy in báo. Lời tựa được viết vào ngày mồng 8 tháng Chạp năm Dân Quốc 16 khi sách được in thành hai cuốn)

1. Tịnh độ đại pháp môn lớn lao không gì ở ngoài nó được, như trời che khắp, như đất chở trọn. Bậc Đẳng giác sắp thành Phật còn phải cậy nhờ pháp này, kẻ nghịch ác sắp đọa A-tỳ mười niệm lên cõi sen, thích hợp căn cơ khắp chín pháp giới, đều cùng siêng gắng đánh lễ kính vâng, sùng thờ tâm độ sanh của Phật, duy nhất không còn pháp thứ hai nào nữa. Tôi do sức tức nghiệp, từng làm một gã nhất-xiên-đề, bắt chước bọn Âu, Hàn v.v. ngu xuẩn không sao chữa được. May là bị bệnh mấy năm, lúc ấy mới suy nghĩ kỹ càng: Các bậc thánh hiền xưa nay lẽ đâu đều vô tri cả? Bọn họ đều cùng tôn thờ, ta nào dám chê bai? Dầu bậc thánh cũng có chỗ không biết, nhưng bọn họ vẫn đủ sức làm thầy bọn Âu, Hàn! Từ đó quy y Phật, xuống tóc, khoác áo thâm. Tự lượng tức nghiệp sâu xa, Tông, Giáo ta đều chẳng thích hợp, chỉ có cậy vào Phật lực may ra mới thỏa lòng mong, nên chuyên tâm tu tịnh nghiệp hầu được dự vào Liên Trì.

Gần mười mấy năm qua, người khác đều làm hỏi đến, lời đáp cũng giống như thế ấy, chẳng dám vượt phận tí nào. Ông Từ Úy Như ở Hải Diêm cho rằng những lời lẽ ấy thiết thực, gần gũi, đôi ba lượt đem in ở Bắc Kinh, Thượng Hải. Lời lẽ tuy chất phác, nhưng mọi người chẳng chê bai, tìm đọc càng nhiều, có nhiều người sanh chánh tín. Cư sĩ Lý Viên Tịnh tức căn vừa sâu vừa dày, chú thích các kinh luận, xiển minh tâm Như Lai, sau đó vì hao tổn tinh thần, yếu bệnh ngày càng thêm nặng, bèn bỏ nơi rộng lớn chọn lấy chỗ ước lược, lập chí nối gót Đông Lâm²¹². Lại muốn lợi lạc hàng sơ cơ, tạo thành quy củ, châm ngôn tu trì cho họ, nên bèn trích yếu những lời trong bộ Văn Sao, phân thành từng loại để biên tập, cũng như tự bỏ ra tịnh tài in tặng những ai hữu duyên, mong cho hết thấy mọi người đều gắng sức mong thành

²¹² Đông Lâm là ngôi chùa do Sơ tổ Tịnh tông Huệ Viễn sáng lập tại Lô Sơn.

thánh thành hiền, giữ vẹn luân thường, tận hết bốn phận, ai nấy đều hoàn thành tánh thiên (bầu trời chân tánh) của chính mình, vâng làm các điều thiện, tiêu trừ sạch các điều ác, tín nguyện siêng năng niệm Phật, cầu lên được chín phẩm sen, lâm chung Phật đến tiếp dẫn, đều được như trăng in bóng trên sông, ngay lập tức vãng sanh Tây Phương, vĩnh viễn thoát vực sâu sanh tử, thấy Phật ngộ Vô sanh, dần dần đạt đến phước tuệ trọn vẹn.

Do vậy thỉnh tôi viết mấy câu để rộng lưu truyền. Lời quê lọt vào mắt nhĩ, uổng chuốc lấy tiếng cười chê, thương xót. Mặt dày mày dạn dưng tâm lòng ngu thành, mong ai nấy đều xét tỏ tường. Nếu chưa vượt lên được bậc Đẳng giác thì cũng dự vào hàng Hồi hướng vậy.

2. Pháp môn Tịnh độ lý cực cao sâu, sự cực giản dị. Do vậy người thiên tư thông minh, tri kiến cao siêu thường xem Tịnh độ là pháp tu của bọn ngu phu ngu phụ, chẳng chịu tu trì. Nào biết đây là pháp môn rốt ráo thành thủy, thành chung để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo, dưới độ chúng sanh. Họ thấy kẻ ngu phu ngu phụ tu được pháp này bèn coi thường pháp môn, sao chẳng xét trong hội Hoa Nghiêm, bậc đã chứng bằng với Phổ Hiền, bằng với chư Phật, vẫn phải dùng mười đại nguyện vương hồi hướng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc ngõ hầu viên mãn Phật quả? Miệt thị pháp môn Tịnh độ chẳng xứng đáng để tu tức là coi những vị trong hội Hoa Nghiêm thuộc hạng người gì? Hơn nữa, chỗ quy tông cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm có đáng nên tôn trọng hay nên coi thường đây?

Có thái độ như vậy không có gì khác hơn là do chưa xét kỹ nguyên do của từng pháp môn thông thường và đặc biệt, cũng như sự lớn nhỏ, khó dễ giữa tự lực và Phật lực, nên mới đến nỗi như thế. Nếu đã xét kỹ, há chẳng học đời Hoa Nghiêm hải chúng, nhất trí tiến hành cùng cầu vãng sanh ư? Ấn Quang tôi từ lúc búi tóc đọc sách, nhiệm ngay chất độc bài Phật của Hàn, Âu, Trình, Chu, may là không có được cái tài như Hàn, Âu, Trình, Chu. Nếu như có được chút tài như họ ắt sẽ đến nỗi tự mình làm, khiến người làm, thân còn sống mà đã hãm trong địa ngục A-tỳ mất rồi! Từ năm 14, 15 tuổi về sau, bệnh nặng nhiều năm, từ đấy chiêm nghiệm khắp xưa nay, xem kỹ kinh sách, mới hay những thuyết do Hàn, Âu, Trình, Chu lập đó đều là những tri kiến môn đình, tuyệt chẳng đạt đến những sự huyền ảo.

Nhược quan²¹³ được một năm, tôi liền xuất gia làm tăng, chuyên tu tịnh nghiệp. Thề trọn một đời này làm một kẻ tự lo giải thoát²¹⁴, chẳng lập môn đình, rộng thu đồ chúng đến nỗi con cháu đời sau làm cho Phật pháp bại hoại, kéo cả Ấn Quang tôi vào trong địa ngục A-tỳ chịu khổ với chúng. Đến năm Quang Tự 19 (1893), hòa thượng Hóa Văn chùa Pháp Vũ ở Phổ Đà lên kinh đô thỉnh Đại tạng kinh, sai tôi coi sóc việc ấn loát. Xong việc, hòa thượng mời tôi cùng về núi. Biết tôi chẳng thích tham gia tăng sự, ngài cho tôi ở riêng một căn liêu²¹⁵, tùy ý tu trì. Đến nay đã 35 năm rồi. Ở núi lâu ngày, hễ có ai giao cho viết lách gì, tuyệt chẳng dùng đến tên gọi Ấn Quang. Ngay cả những văn tự chính mình cần phải ký tên cũng chỉ tùy tiện viết hai chữ là xong. Vì thế trong 20 năm qua trọn không có người khách nào đến thăm, cũng không có thư từ qua lại làm phiền.

Năm đầu Dân Quốc (1911), cư sĩ Cao Hạc Niên đem mấy thiên văn cáo đăng trên Phật Học Tùng Báo, chẳng dám dùng tên Ấn Quang, mà dùng tên Ấn Quang thường tự xưng là Thường Tàm Quý Tăng (ông tăng thường hổ thẹn). Vì thế ký tên là Thường Tàm. Cư sĩ Từ Úy Như và Chu Mạnh Do lại làm lạc tán thưởng, hỏi dò cả ba bốn năm nhưng chẳng ai hay biết. Sau Mạnh Do lên núi bái yết, xin quy y, đem mấy thiên bản cáo dõ tề gởi cho Úy Như, đưa in ở kinh đô, đặt tên là Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, khiến cho văn từ của tôi gai mắt khắp những vị cao nhĩ nên càng thêm hổ thẹn. Năm Dân Quốc thứ bảy, thứ tám (1918-1919), họ lại lôi ra thêm mấy thiên nữa, soạn thành sách Tục Biên, in chung với cuốn Sơ Biên. Năm Dân Quốc thứ chín (1920), giao cho Thương Hải Thương Vụ Ấn Thư Quán sắp chữ thành hai cuốn để làm bản lưu. Mùa xuân năm Dân Quốc thứ 10 (1921), sách in xong. Quang tôi lại ở Dương Châu, đem bản đã sắp chữ năm Dân Quốc thứ 9 (1920) cho khắc thành một bản, chia ra làm bốn cuốn. Năm Dân Quốc thứ 11 (1922), lại giao cho Thương Vụ Ấn Thư Quán in thành bốn cuốn. Khi ấy các cư sĩ chỉ đảm nhiệm in hai vạn bộ, nhưng đến khi Thương Vụ Ấn Thư Quán in xong, gởi ra bán, số ấy vẫn chẳng đủ.

²¹³ Nhược quan: Thời xưa, con trai đến tuổi 20 sẽ làm lễ búi tóc lên, đội mũ, gọi là lễ nhược quan, tức là chính thức được coi là người trưởng thành.

²¹⁴ Nguyên văn “tự liễu hán”, là một thuật ngữ của Thiên tông chỉ kẻ chỉ lo chuyên tu hòng giải thoát cho chính mình, không quan tâm đến chuyện độ sanh. Tổ tự gọi mình bằng thành ngữ này vì đương thời, rất nhiều vị trong Tông môn coi pháp Tịnh độ là Tiểu thừa, chỉ lo tự độ.

²¹⁵ Phòng ở của chư tăng.

Mùa đông năm Dân Quốc thứ 14 (1925), lại giao cho Trung Hoa Thư Cục in bản Tăng Quảng (bản mở rộng - do thêm vào những bài mới), cũng chia thành bốn cuốn, dày hơn lần in trước một trăm tờ. Mùa hạ năm nay in sách, do phong trào công nhân đấu tranh, giá in rất cao, chỉ in được hai ngàn bản. Bản gốc đã đem cho chế chỉ bản thành bốn bản sao thì nhà in giữ lại hai bản, trả về cho Quang hai bản. Tôi bèn giao cho công ty Ấn Loát Chiết Giang tại Hàng Châu in trước một vạn bản, sau đó sẽ in tiếp, tùy theo nhân duyên.

Cư sĩ Viên Tịnh Lý Vinh Tường trong mấy năm qua chuyên tâm nơi học, đối với luận Khởi Tín, kinh Lăng-nghiêm, kinh Viên Giác đều viết số giải. Quang bảo: “Người thanh niên nên thiết thực dụng công niệm Phật trước đã, đến khi nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận phước dày rồi sẽ lại nêu tỏ ý Phật, tự có thể xiển minh ý Phật tuyên truyền khắp vũ trụ.” Khi ấy ông Lý vẫn chẳng chịu là đúng. Sau này vì dụng tâm quá độ, tinh thần và thân thể mỗi ngày một suy, mới hay lời tôi nói chẳng sai. Ông ta bèn đọc kỹ Văn Sao, hoan hỷ khôn xiết nên trích lục những nghĩa trọng yếu, chia thành từng môn, từng loại, soạn thành một cuốn, cậy Quang viết lời đề từ, tính dùng giấy in báo in một ngàn cuốn để đáp ứng nhu cầu cần đọc ngay của độc giả (do những phần ấy đã được đăng trước trên tờ lâm san của Cư sĩ lâm, nên độc giả nhiều lượt thôi thúc ấn hành). Tháng 5, Quang đến đất Thân (Thượng Hải), ông ta bèn cùng vợ xin quy y. Tháng 8 sách in ra, chẳng lâu sau sách được thỉnh hết. Thư yêu cầu nườm nượp gởi tới, tôi bèn bảo cơ quan quản trị nhà tù tại Tào Hà Kính sắp đặt việc in sách. Cư sĩ Trần Định Châu xin đảm nhiệm việc trình bày, cũng như chịu phí tổn làm bốn bộ chỉ bản. Ông ta lại chịu tiền in hai ngàn bản. Cùng một lúc đảm nhiệm ấn loát, gần đến hai vạn. Đối với những bản chỉ bản thì dự tính để lại một bản ở cơ quan quản trị nhà tù hầu đáp ứng cho việc tái bản lưu thông sách tại Thượng Hải, một bản gởi về cho cư sĩ Viên Tịnh giữ, để chính ông ta và các vị thiện sĩ sử dụng. Một bản gởi sang Tuyên Giảng Đường tại Cáp Nhĩ Tân để những vị có tín tâm nơi vùng Quan Ngoại²¹⁶ dễ thỉnh đọc. Một bản gởi sang Thương Hội ở Tân Gia Ba thuộc Nam Dương để Hoa kiều ở các đảo đều cùng được đọc tụng.

Với xuất xứ của mỗi câu được sao lục trong bản này, thuộc quyển nào, trang nào, ông Lý đều ghi kỹ để người đọc có thể đối chiếu với toàn văn trong Văn Sao. Do chỉ

²¹⁶ Do Cáp Nhĩ Tân (Harbin) nằm trên đất Mãn Châu cũ, tức là ở ngoài cửa ải Sơn Hải Quan (cửa ải chính để vào Trung Nguyên) nên gọi là Quan Ngoại.

chép lấy những nghĩa trọng yếu trong các bài văn, xếp thành một loại, nên thường có những đoạn trích lời văn, ý nghĩa khá giống nhau, nhưng tôi chẳng lược bớt đi, ngõ hầu người đọc hưởng lợi ích được khuyên đi khuyên lại nhiều lần sẽ đoạn ngay được lòng nghi, phát sanh lòng tin. Xuất xứ từ quyển nào, trang số mấy đều dựa theo cách đánh số trong bản Tăng Quảng Văn Sao. Lấy bản Tăng Quảng Văn Sao làm bản lưu thông vĩnh viễn, những thứ khác (tức những bản in có trước bản Tăng Quảng) thì về lâu về dài sẽ không phải tiến hành in lại nữa.

Lại vì Văn Sao văn từ sâu rộng, rườm rà, có lẽ kẻ sơ cơ khó lòng phân biệt, hiểu được đâu là pháp môn dễ hiểu nhưng hợp cơ nghi, muốn cho họ trước hết thấy được cửa ngõ, từ đây sẽ thiết thực tấn tu, tự đạt đến chỗ cùng cực, khỏi phải đến nỗi nhìn biển cả than dài, hoặc đến nỗi đành lòng lui sụt. Nhân đây chép cả mục lục cuốn Văn Sao Tuyên Độc vào sau lời tựa cuốn Gia Ngôn Lục để người chưa từng nghiên cứu Phật học có cái nương tựa để tiến bước vào đạo. Tâm lợi người ấy có thể nói là chu đáo hết mức, không còn gì hơn được nữa! Do vậy tôi trình bày duyên do như thế để mong người đọc đều cùng được biết.

Nguyện người thấy người nghe đừng cho lời tôi nói đều là tầm thường, kém cỏi rồi bỏ qua, cứ cầu lấy những điều cao thâm huyền diệu. Đạo của Nghiêu - Thuấn chỉ là hiếu để mà thôi, đạo của Như Lai chỉ là giới định tuệ mà thôi! Thực hành được việc tầm thường, kém cỏi đến cùng cực thì lý cao thâm huyền diệu há còn phải cầu đâu khác nữa ư? Nếu không thì chỉ cao thâm huyền diệu nơi đầu môi chót lưỡi, khi sanh tử xảy đến chẳng dùng được mảy may. Xin độc giả hãy lưu tâm!

64. Lời tựa cho cuốn Thích Môn Pháp Giới Lục

(Năm Dân Quốc 26 - 1937)

Đức Như Lai chẳng xuất hiện, cõi đại thiên giống như đêm dài. Phật nhật đã chiếu khắp, các pháp đều rạng rỡ. Chẳng riêng gì tam thừa thánh nhân mau lên được bờ giác, mà còn khiến cho hàm thức²¹⁷ trong sáu đường đều dần dần thoát vòng khổ.

²¹⁷ Hàm thức (sattva), còn được dịch là hữu tình, chúng sanh, hàm linh, hàm sanh, hàm loại, hàm tình, hay bảm thức. Do hết thấy chúng sanh đều có tâm thức, tức có những chúng sanh có cảm giác, có nhận biết, nên gọi là hàm thức. Xin lưu ý, chữ chúng sanh hiểu theo nghĩa rộng bao gồm chúng sanh hữu tình (tức các sinh vật) và chúng sanh vô tình (những khoáng vật, đồ vật). Từ sau thời ngài Huyền Trang, danh từ sattva được dịch là hữu tình hay hàm thức, chứ không dịch là chúng sanh, vì theo Câu Xá Luận Bảo Sơn: “Những gì do các duyên hòa hợp mà sanh thì được gọi

Phật dùng một âm diễn thuyết pháp, chúng sanh tùy theo mỗi loại đều hiểu. Ví như một trận mưa nhuần thấm trọn khắp, cây cỏ mỗi loài tự sum suê; một vàng trắng hiện bóng khắp nơi, nơi sông biển tùy mỗi người thấy khác. Chỉ rõ Phật tánh sẵn có, chúng sanh và Phật vốn đồng. Dạy rõ do tu trì thuận hay nghịch Phật tánh mà phàm - thánh thật khác biệt. Chia ra nói thành năm thừa, để mong chúng sanh theo đường về nhà. Chẳng lập một pháp ngõ hầu hiểu gốc mà biết ngọn. Ngũ tánh²¹⁸, tam thừa cùng về một đạo; tứ đế, lục độ chẳng ngoài một tâm. Hết thấy pháp Thiên, Viên, Đôn, Tiệm, pháp pháp dung nhiếp, hết thấy hạnh Đại, Tiểu, Quyền, Thật, hạnh hạnh viên thông. Đây chính là quy củ lớn lao nuôi dạy hàng ngàn căn cơ của đức Như Lai, là nghĩa lý lớn lao trong giáo pháp suốt cả một đời đức Phật.

Xét từ lúc đạo Phật được hưng khởi vào đời Chiêu Vương nhà Chu²¹⁹, đạo truyền khắp cõi Tây Càn (Ấn Độ), đến đời Hán Minh Đế, pháp được truyền sang Đông Chấn (Trung Hoa). Thoạt đầu chỉ được hoằng truyền nơi đất Bắc, đến đời Ngô mới bắt đầu truyền xuống phương Nam. Từ đời Tấn trở đi, đạo được truyền khắp trong nước, ngoài nước: Cao-ly, Nhật Bản, Tiêm-la (Thái Lan), Diêm-điện đều cùng được gọi pháp hóa của Phật trong thời ấy. Ngài La-thập ở Quan Trung²²⁰, Viễn công tại

là chúng sanh.” Do vậy, hữu tình hay vô tình (phi tình) đều do các duyên hòa hợp mà thành nên đều được gọi là chúng sanh. Nhưng trong các bản luận hay sớ giải vẫn quen dùng chữ chúng sanh để chỉ hết thấy những loài sanh vật.

²¹⁸ Ngũ tánh là một khái niệm phân chia căn tánh theo tông Hoa Nghiêm, dựa trên căn tánh thành Phật của chúng sanh mà chia thành năm loại:

1. Bất định tánh bán thành Phật, tức căn tánh bất định, nếu gặp được pháp Nhị thừa sẽ tu tập pháp Nhị thừa, nếu gặp pháp Bồ-tát sẽ tu tập pháp Bồ-tát, khả năng thành Phật tùy theo căn duyên nên gọi là “bán”.

2. Vô chủng tánh bất thành Phật: Chỉ hạng người không có thiện căn, chánh tín, bài bác nhân quả, chẳng chịu nhận lãnh sự hóa độ, cam phận chìm đắm trong sanh tử, chẳng cầu giải thoát.

3. Thanh văn tánh bất thành Phật: Những người mang căn tánh Thanh văn, chỉ tu tập pháp tứ đế, chứng chân không Niết-bàn, tham đắm không tịch, kinh sợ sanh tử, chẳng muốn độ sanh, tấn tu Phật đạo.

4. Duyên giác tánh thành Phật: Những người mang căn tánh Duyên giác, chỉ quán thập nhị nhân duyên, chứng chân không Niết-bàn, cố chấp thiên không, chẳng cầu Phật đạo.

5. Bồ-tát tánh toàn thành Phật: Bồ-tát có thể tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, bi trí song vận, rộng tạo các nhân, chứng quả Bồ-đề.

²¹⁹ Theo quan điểm cổ truyền của Phật môn Trung Hoa, đức Phật giáng sanh nhằm thời Chu Chiêu Vương (995-977 trước Công Nguyên).

²²⁰ Lãnh thổ nhà Diêu Tần nằm trong địa phận tỉnh Thiểm Tây, do vùng này nằm lọt giữa các cửa ải Hàm Cốc, Tán Quan, Vũ Quan và Hào Quan nên thường gọi là Quan Trung.

Lô Sơn, công huân hoàng pháp không ai to lớn bằng. Do vậy pháp được truyền đến các nước, đều được bình đẳng hưởng ơn Phật. Từ đây trở đi, đến thời Đại Đường, kinh luận pháp môn thấy đều trọn vẹn. Tính chung những tông lớn thì có năm tông là Luật, Giáo, Thiên, Mật, Tịnh. Cố nhiên tri thức các tông đều thông suốt các pháp, nhưng để hoàng dương thì hoặc kiêm, hoặc chuyên, chỉ mong sao khế cơ, nên không nhất định. Đa số là bậc đã chứng thánh quả, thừa nguyện thị hiện, hoàng dương Phật pháp, lợi ích chúng sanh. Khi sống được vua quan khâm phục, kính ngưỡng, dân chúng tôn sùng; mất đi, trời người buồn khóc, cảm thú kêu ai oán. Làm bậc thầy mô phạm cho cõi đời khi ấy, làm cầu bến cho đời sau. Đạo đức lợi ích nói chẳng thể cùng!

Rặng Côn Luân tuy sanh ngọc, vẫn có đá tảng; rừng chiên-đàn phần nhiều thom ngát, vẫn sanh cỏ thối. Đó là vì chư tăng hoặc thừa nguyện thị hiện bệnh hạnh²²¹, hoặc do mê tâm nên phạm thanh quy. Dấu tích của những lợi ích bị mất mát và những khổ báo chiêu cảm đều đáng để khơi gợi thiện tâm cho người đời sau, răn dạy đời mai phải gắng chí, vĩnh viễn là gương soi về sự trái đạo nghịch pháp trong pháp môn. Vì thế, chưa chắc những gương phạm giới ấy đã là trái nghịch sự giáo hóa của Phật, mà là nhằm khiến cho con người y giáo phụng hành vậy.

Cư sĩ Quách Hàm Trai ở Hồ Nam xem rộng rãi các sách vở, tiện tay sao lục những chuyện đáng để làm gương, đáng để răn dè được bao nhiêu đó chuyện, đặt tên là Thích Môn Pháp Giới Lục, với chí nguyện mong mỗi lợi lạc mọi người. Nhưng do tuổi đã già suy, tinh thần chẳng đủ, chưa thể sắp xếp trước sau theo từng triều đại được, thật chưa được thỏa đáng lắm, nhưng sách khiến cho người đọc bắt chước theo, đề phòng, răn dè thì nào có trở ngại gì! Phần phụ lục cuối sách là một số đoạn giáo huấn thiết yếu trích lục từ Vân Thê Pháp Vựng. Phần trước là những hạnh đẹp đáng noi theo, phần này chính là những lời tốt lành. Miệng thường tụng, tâm thường nghĩ những lời hay hạnh đẹp của cổ đức sẽ giống như người nhiễm hương, thân tự có mùi

²²¹ “Bệnh hạnh” là một trong năm hạnh của Bồ-tát, được nói đến trong kinh Đại Bát Niết-bàn. Theo đó, Bồ-tát vận dụng lòng vô duyên đại từ, vận tâm bình đẳng, nhằm cứu bạt những chúng sanh đang khổ sở phiền não mà thị hiện các hạnh gây tạo tội nghiệp lớn lao. Chữ bệnh ở đây chỉ cho những tội nghiệp, vì tội nghiệp chính là bệnh nơi thân - khẩu - ý. Chẳng hạn như ngài Ưu-đà-di thị hiện phạm nhiều hạnh bất tịnh để Phật có cơ duyên chế giới, cũng như ngài Đề-bà-đạt-đa thị hiện phá hòa hợp tăng, thị hiện phạm đại tội ngũ nghịch, thị hiện đọa địa ngục A-tỳ để cảnh tỉnh người đời sau về quả báo ngũ nghịch, hoặc như Hàn Sơn, Thập Đắc, Tế Diên thị hiện điên khùng, không giữ thanh quy đều nhằm hóa độ chúng sanh.

thom, dù kẻ ấy ương bướng, kém cỏi đến đâu cũng trở thành bậc “tri hành hợp nhất”²²², hướng là những bậc đại chí một bề mong thành thánh thành hiền, học Phật, học tổ, lợi ích ấy làm sao lường được? Nguyên tứ chúng học Phật thấy người hiền mong được bằng, thấy kẻ chẳng hiền trong lòng tự phản tỉnh thì pháp môn may mắn lắm, thế giới may mắn thay!

²²² “Tri hành hợp nhất” là học thuyết của Vương Dương Minh (tức Vương Thủ Nhân 1472-1558). Ông chủ trương cái học, cái biết phải đi đôi với việc làm, kiến thức phải phù hợp với hành động, biến những điều đã học thành hành động thực tiễn, chứ không phải chỉ để nói suông, lòe đời.